

TỦ SÁCH VĂN HỌC NGÀ - XÔ VIỆT

T. AITMATOV

MỘT NGÀY
DÀI HƠN THẾ KỶ

NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ
TP. HỒ CHÍ MINH

T. AITMATOV

MỘT NGÀY DÀI HƠN THẾ KỶ



TIỂU THUYẾT

(Giải thưởng Quốc Gia Liên Xô)

Người dịch:

LÊ KHÁNH TRƯỜNG - NGUYỄN ĐỨC DƯƠNG

NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ TP HỒ CHÍ MINH

Chịu trách nhiệm xuất bản:

ĐINH QUANG NHÃ

Biên tập:

MINH HIỀN

Sửa bản in:

AN HÀ

Bìa:

THÁI TUẤN HOÀNG

& XUÂN THỦY



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

$\frac{N}{VN-99}$ 15/243-99.

In 1.000 cuốn, khổ 10,5x17,5 cm.

Tại Xí nghiệp in FAHASA.

Giấy chấp nhận đăng ký kế hoạch xuất bản
76/459 CXB cấp ngày 10/6/1999.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 7/1999

LỜI GIỚI THIỆU

Chingiz Ajtmatov, tác giả tiểu thuyết **MỘT NGÀY DÀI HƠN THẾ KỶ** (I dolshe veka dlitsja den, 1980) là nhà văn Kirgiz, Anh hùng lao động Liên Xô, giải thưởng Lenin Văn học, 1963, giải thưởng Quốc gia Liên Xô các năm 1969, 1977, 1983... Viện sĩ Viện Hàn lâm Khoa học - Nghệ thuật châu Âu, Paris, 1983.

Chingiz Ajtmatov sinh năm 1928, trong một gia đình viên chức, tại vùng thung lũng Talax, làng Sêkerơ, huyện Kirop, nước Cộng Hòa Xô Viết Kirgiz, thuộc miền Trung Á Liên Xô.

Ngay khi còn là sinh viên trường Đại học Nông nghiệp Kirgiz, ông đã bắt đầu say mê hoạt động văn học.

Năm 1956-1958, Chingiz Ajtmatov theo học khoa văn - Viện Văn học M. Gorki - Mockva. Xong chuyển hẳn sang hoạt động báo chí và văn học.

Cùng năm 1958, nhân "Tuần Văn học - Nghệ thuật Kirgiz", tổ chức tại Frunze; hai tuyển tập

truyện ngắn bằng tiếng Nga và tiếng Kirgiz của ông đã được xuất bản.

Ngay từ những tác phẩm đầu tay này, Chingiz Ajtmatov đã chứng tỏ trưởng thành về các mặt tư tưởng, nghệ thuật và tài năng của mình; khẳng định được chỗ đứng vững chắc trên văn đàn trong nước và thế giới.

Truyện Giamilia, 1958; ca ngợi sự dũng cảm của một cô gái Kirgiz dám sống, dám yêu, dám chống lại những phong tục tập quán cổ hủ, lỗi thời, được đông đảo độc giả đồng tình và chú ý.

Tập Núi Đồi và Thảo Nguyên, 1961, giải thưởng Lenin, gồm 3 truyện vừa: Người thầy đầu tiên, Cây phong non trùn khăn đỏ, Mắt lạc đà, ca ngợi tinh ưu việt của cuộc sống mới, quan hệ mới giữa người với người, và giữa người với thiên nhiên.

Sau tập truyện trên, mỗi tác phẩm mới của ông ra đời là một sự kiện mới trong đời sống văn học Liên Xô.

Truyện vừa: Cánh Đồng Mẹ, 1963; Vĩnh Biệt Gun-xa-rul 1966 - giải thưởng Quốc gia Nga, 1969; kịch bản phim Con Tàu Trắng, 1969, chuyển thể từ truyện vừa cùng tên, viết năm 1970 - giải thưởng Quốc gia Liên Xô 1977, Sếu Đầu Mùa, 1975; Con chó khoang chạy ven bờ biển, 1977 và, Một ngày dài hơn thế kỷ, 1980 - giải thưởng Quốc gia Liên Xô, 1983.

Hầu hết tác phẩm của Chingiz Ajtmatov đều viết về dân tộc Kirgiz, mang tính thời đại sâu

sắc và nêu được những vấn đề về lịch sử, triết học, đạo đức và vũ trụ v.v... trong khoảng một phần tư thế kỷ trở lại đây.

Chingiz Ajtmatov viết bằng tiếng mẹ đẻ và tiếng Nga. Văn phong giản dị, tế nhị nhưng hàm súc, cô đọng, giàu chất trữ tình và chất suy tưởng. Bằng thực chất lao động nhà văn của mình, ông đã có nhiều đóng góp lớn trong việc phát triển và làm giàu tiếng Nga văn học.

Ông được công nhận là một cây bút văn xuôi xuất sắc của nền văn học Xô Viết, ảnh hưởng tốt đến các nhà văn khác, nhất là lớp cầm bút trẻ.

Hầu như mỗi tác phẩm của ông đều gây nên những cuộc tranh luận lớn trong sinh hoạt văn học Liên Xô, nhưng tựu trung đều khẳng định sức khám phá, sáng tạo của một nghệ sĩ lớn khi khái quát hiện thực xã hội cũng như phong cách và thủ pháp nghệ thuật.

Ông đã kết hợp tài tình tính dân tộc và tính hiện đại trong khi vận dụng nhuần nhuyễn truyền thuyết và huyền thoại trong dân gian lẫn khoa học viễn tưởng vào tác phẩm của mình.

Nhiều tác phẩm của ông đã được dựng thành phim: Giamilia, Mắt lạc đà, Người thầy đầu tiên, Cánh đồng mẹ, Quả táo đỏ, Con tàu trắng...

MỘT NGÀY DÀI HƠN THẾ KỶ là tiểu thuyết quan trọng của Chingiz Ajtmatov. Ngay từ lúc mới ra đời đã không ngừng được dư luận rộng rãi trong và ngoài nước đặc biệt theo dõi.

Ở nước ta, đây là lần đầu tiên, tác phẩm độc đáo này do Nhà xuất bản TRẺ tổ chức dịch và giới thiệu tương đối đầy đủ với bạn đọc từ lâu vẫn mong đợi và dành cho tác giả quen thuộc này nhiều cảm tình đặc biệt.

MỘT NGÀY DÀI HƠN THẾ KỶ là đỉnh cao của khuynh hướng triển khai triết lý đối với cuộc sống, thông qua số phận một con người ^(*). Triết lý của tác phẩm nảy sinh từ những suy tưởng sâu sắc về những chủ đề lớn: lao động, nhân đạo, vũ trụ, lịch sử v.v...

Đó là những bi kịch về thời đại, những nỗi đau nhân tình muôn thuở của con người khi lâm vào cảnh ngang trái, gian truân, phải đấu tranh để sinh tồn. Đó là số phận của Edigej - một công nhân đường sắt già - suốt đời lặn lội mưu sinh, cuối cùng, gia đình trụ lại ở một ga xép giữa thảo nguyên úa vàng heo hút, thuộc miền Đất Giữa.

Để bảo đảm giao thông cho con đường huyết mạch của Tổ quốc, bất kể ngày đêm, bão tuyết, họ phải lao động chân tay đơn giản, liên tục, năm này qua năm nọ, không thể khác được, với một tinh thần cần mẫn, nghiêm túc, tự giác tự nguyện. Nghĩa vụ lao động đã trở thành một nhu cầu nội tại, gắn liền với sự tồn tại của đất nước và bản thân. "Người lao động - theo tác giả - chính là chỗ dựa, là cái trụ của Trái Đất".

(*) Theo Hoàng Ngọc Hiến, "Văn học Xô Viết hiện nay".

Đó là chủ nghĩa nhân đạo được thể hiện ở tình thương yêu, đùm bọc của Edigej và các công nhân Boranly - Bão Tuyết đối với Abutalip - một người lao động chân chính - gặp cảnh gian truân.

Đó là tình cảm gắn bó với quá khứ dân tộc, thể hiện qua sự gìn giữ trân trọng những truyền thống tốt đẹp, bảo vệ kỷ ức, tàng trữ những giá trị lâu bền của con người.

Khi nhắc lại truyền thuyết về loài chim Donenbaj, về tên nô lệ mankur u mê nghe lời chủ, bắn chết chính mẹ đẻ của mình, qua đó tác giả phê phán mạnh mẽ loại "mankur hiện đại" quyền cao tước trọng; học hàm, học vị và kiến thức đầy đủ, nhưng bên trong trống rỗng như người không tim, hoàn toàn mất gốc truyền thống gia đình và dân tộc.

Đề tài vũ trụ được triển khai bằng một thủ pháp nghệ thuật kỳ ảo, nhằm gây hiệu quả lạ hóa, làm nổi bật những vấn đề tư tưởng có ý nghĩa rất thực tại: nhân loại phải có tầm nhìn xa trong việc bảo vệ môi trường sống trên Trái Đất. Và, phải đặt Trái Đất trong tồn tại vũ trụ, mới khách quan nhận ra những âm mưu gây chiến trên Trái Đất trở nên vô cùng phi lý, phi nhân, nhỏ nhen và tầm thường.

Với trình độ xã hội và kỹ thuật mà nhân loại ngày nay đạt tới, những vấn đề lớn của hành tinh chúng ta không thể nào giải quyết riêng rẽ

mà, nhất thiết phải có sự hợp lực thống nhất của mọi nước, mọi lực lượng trên thế giới.

Trong MỘT NGÀY DÀI HƠN THẾ KỶ, qua sự kết hợp giữa tuyến tường thuật cuộc đời những công nhân ở ga xếp bão tuyết với tuyến miêu tả những cảnh tượng từ sân bay vũ trụ Sarozek và những biến cố về sự liên hệ giữa Trái Đất và hành tinh Ngục Rừng, đã tạo ra một sự so sánh đầy ý nghĩa: vấn đề bảo vệ ký ức, những truyền thống tốt đẹp của quá khứ mà những công nhân đường sắt ở Boranly- Bão Tuyết quan tâm, mang ý nghĩa sống còn, có tầm nhân loại, chẳng kém việc chinh phục vũ trụ, đi tìm những nền văn minh khác ngoài Trái Đất của các nhà bác học và các nhà du hành vũ trụ.

Càng đọc MỘT NGÀY DÀI HƠN THẾ KỶ, chúng ta càng thấm nhuần tính nhân hậu của chủ nghĩa nhân đạo Cộng Sản: "Những tác phẩm nghệ thuật xuất sắc trong thời gian gần đây cho thấy rằng văn học đã cảm nhận được nhu cầu của xã hội phải chuyển sang một trình độ mới về chất... Nó đã lần ra được những điểm nhức nhối của cuộc sống chúng ta, những chiều hướng bất lợi trong các lĩnh vực xã hội, tinh thần. Những vấn đề xã hội - đạo đức gay gắt nhất mà xã hội hiện nay đang chú ý đã được đặt ra trong một loạt tiểu thuyết"... (*)

(*) Báo cáo của G.Mác-cốp, tại Đại hội Nhà văn Liên Xô lần thứ VIII.

Chúng ta rất vui mừng và không ngạc nhiên khi biết rằng, ngày 28-6-1986, trong Đại hội Nhà văn Liên Xô lần thứ VIII, Chingiz Ajtmatov đã được đề cử vào Ban Thường vụ gồm 9 người, và ông có tên ở vị trí đầu tiên trong danh sách ấy.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

LỜI TÁC GIẢ

Ai cũng biết cần mẫn là một trong những thước đo tất yếu phẩm chất con người.

Với ý nghĩa đó, Edigej Zhangelдин: hay Edigej-Bảo Tuyết, như những người quen biết bác vẫn gọi, quả thực là một người lao động chân chính. Bác là một trong những người làm chỗ dựa của đất, như ta quen nói. Theo tôi nghĩ, bác gắn bó với thời đại mình tới mức mật thiết nhất và thực chất bác là người con của thời đại mình.

Chính vì lẽ đó, điều quan trọng đối với tôi khi xử lý những vấn đề đặt ra trong cuốn tiểu thuyết này là nhìn thế giới thông qua số phận của Edigej - một công nhân đường sắt từng chiến đấu ngoài mặt trận. Và tôi đã cố gắng làm tốt việc ấy ở mức độ vừa với sức tôi. Hình tượng Edigej-Bảo Tuyết - đó là thái độ của tôi đối với nguyên tắc cốt lõi của chủ nghĩa hiện thực xã hội,

mà đối tượng nghiên cứu chủ yếu của nó đã và vẫn là người lao động.

Tuy nhiên, tôi không hề tuyệt đối hóa bản thân khái niệm "người lao động", chỉ vì người lao động là "con người giản dị, tự nhiên", đang cặm cuì cày ruộng hay chăn nuôi. Qua xung đột giữa cái muôn thuở với cái hữu hạn trong cuộc sống, người lao động đáng được chú ý và quan trọng tới mức nào là tùy theo nhân cách họ ra sao, gánh nặng tinh thần họ lớn tới mức nào, thời đại họ đang sống được thể hiện tập trung ở họ đến đâu. Vì thế, tôi cố đặt Edigej-Bảo Tuyết vào trọng tâm trật tự thế giới hiện thời, vào trung tâm những vấn đề đang khiến tôi xúc động.

Edigej-Bảo Tuyết không chỉ là người lao động bẩm sinh hoặc do tính chất nghề nghiệp. Bác là người có tâm hồn cần mẫn. Người có tâm hồn cần mẫn sẽ đặt cho mình những câu hỏi mà những người khác cho rằng đã có sẵn lời giải đáp, và do vậy, những người kia làm việc một cách uể oải, - ngay cả khi họ làm điều tốt, - và họ chỉ sống theo kiểu tiêu dùng.

Còn những người có tâm hồn cần mẫn dường như được liên kết bởi một thứ tình thân ái nào đó - họ luôn luôn có khả năng tự thể hiện không giống người khác, họ có

thể thấu hiểu, và nếu chưa hiểu thấu, thì họ lắng vào suy ngẫm. Thời đại ta cung cấp cho họ những chất liệu để họ suy ngẫm nhiều hơn bao giờ hết. Mạch ký ức của loài người đã giăng từ trái đất vào vũ trụ.

Có lẽ mâu thuẫn bi đát nhất của giai đoạn cuối thế kỷ XX là thiên tài của loài người thì vô tận, mà khả năng biến nó thành hiện thực lại quá mong manh, chỉ vì những trở ngại chính trị, tư tưởng và chủng tộc do chủ nghĩa đế quốc đẻ ra.

Trong điều kiện ngày nay, khi không chỉ xuất hiện các khả năng kỹ thuật để bay vào vũ trụ một cách ổn định, mà các nhu cầu kinh tế và sinh thái học của loài người còn buộc ta phải thực hiện khả năng ấy, thì việc thổi bùng sự chia rẽ giữa các dân tộc, tiêu phí tiềm lực vật chất và năng lượng tinh thần cho cuộc chạy đua vũ trang là tội ác quái đản nhất trong số các tội ác chống lại con người.

Chỉ có giải tỏa sự căng thẳng trên thế giới mới có thể được coi là đường lối chính trị tiến bộ hiện nay. Trên đời này không còn nhiệm vụ nào quan trọng hơn.

Nếu loài người không học được cách sống hòa bình, họ sẽ bị hủy diệt. Không khí nghi ngờ, phòng bị, đối nghịch nhau

là một trong những nguy cơ tai hại nhất, đe dọa cuộc sống thanh bình và hạnh phúc của loài người.

Người ta có thể chịu đựng lẫn nhau, nhưng họ không thể suy nghĩ hết như nhau nếu họ vẫn còn là con người, vẫn duy trì các phẩm chất người của mình. Ý muốn làm mất bản sắc cá nhân của con người từ xưa đến nay vốn dĩ là mưu đồ của các vương triều, của bọn đế quốc và bá quyền.

Kẻ nào quên quá khứ, ắt buộc phải xác định lại chỗ đứng của mình trên thế giới, kẻ nào bỏ mất kinh nghiệm lịch sử dân tộc mình và của các dân tộc khác, sẽ bị loại ra khỏi bước phát triển lịch sử và chỉ có khả năng sống với ngày hôm nay.

Chỉ cần nhắc qua cuộc "Cách mạng văn hóa" ở Trung Quốc, sự thao túng ý thức dân tộc, đẩy phép biện chứng phức tạp của cuộc sống xuống mức độ vài câu trích dẫn từ cái gọi là "sách đỏ của Mao", chỉ cần nhắc đến vận mệnh của một dân tộc vốn có truyền thống lâu đời trên cái nền chính sách bá quyền hiện nay của giới lãnh đạo Trung Quốc, sẽ thấy ngay sự tương hợp giữa các hiện tượng ấy. Nghe ra có vẻ rất viễn tưởng. Quả vậy, thần thoại của người cổ đại, chủ nghĩa hiện thực kỳ ảo của Gogol, của Bulgakov hay của Markes, khoa

học viễn tưởng... tuy hết sức khác nhau song tất cả đều có sức thuyết phục, chính vì chúng gắn liền với hiện thực. Yếu tố viễn tưởng phóng to một vài phương diện nào đó của hiện thực, rồi sau khi công bố "luật chơi", sẽ giới thiệu các phương diện ấy theo kiểu khái quát triết lý, cố vạch rõ tiềm năng phát triển của những điểm đã chọn lọc từ hiện thực.

Yếu tố viễn tưởng - đó là phép ẩn dụ cho phép nhìn cuộc sống dưới góc độ mới mẻ, bất ngờ. Trong thời đại ta, các ẩn dụ đã trở nên đặc biệt cần thiết chẳng những vì các thành tựu khoa học kỹ thuật thâm nhập vào lãnh vực viễn tưởng trước đây, mà chủ yếu là vì thế giới ta đang sống thật dị thường, một thế giới bị xâu xé bởi các mâu thuẫn kinh tế, chính trị, tư tưởng, chủng loại.

Bởi lẽ đó, tôi muốn các ẩn dụ Sazozek trong cuốn tiểu thuyết của tôi một lần nữa nhắc nhở người lao động về trách nhiệm của họ trước vận mệnh của trái đất chúng ta...

*Đây cuốn sách này thay cho thể xác ta
Và từ ngữ này thay cho tâm hồn ta.*

GRIGOR NAAEKATSI

Thán thư (thế kỷ X)

1.

Phải thật kiên nhẫn trong khi tìm
mồi ở những nương rãnh khô cạn
và lở lói. Một con cáo đói lần theo
dấu chân lằng nhằng, để lần đến mức chóng mặt
của loài chuột đất, lúc thì hấp tấp cào bới hang
chuột, lúc thì náu mình chờ một con chuột nhỏ
đang nép đầu đó nhảy ra chỗ trống, để có thể
vồ lấy nó ngay tức khắc. Từ xa, con cáo chậm
rãi và kiên nhẫn tiến lại gần tuyến đường sắt,
về phía dải đất sẫm màu nổi lên cao cao, thẳng
tắp giữa thảo nguyên.

Bãi đất ấy vừa quyến rũ, vừa đe dọa con
cáo nhỏ. Trên đó, những đoàn tàu sầm sầm lao
đi, khi về hướng này, khi về hướng kia, để lại
phía sau bụi xỉ và mùi khói khét lẹt bị gió tạt
là là trên mặt đất. Cả khu vực lân cận rung
chuyển nặng nề mỗi khi có chuyến tàu lao qua.

Gần tối, con cáo nằm xuống cạnh cột điện thoại, dưới đáy khe, trong một bụi cây chút chút khô và dày. Nó cuộn mình thành một khối màu hung hung cạnh những thân cây chút chút màu đỏ sẫm ken sát nhau, và kiên nhẫn chờ đêm xuống. Hai tai nó dựng lên lắng nghe tiếng gió rì rì thổi nhẹ qua lớp cỏ chết khô cứng quèo. Dây cột điện thoại cũng rên rĩ tẻ nhạt. Song con cáo không sợ tiếng rên ấy, vì dây cột chỉ đứng cố định một chỗ, không hề truy đuổi nó.

Nhưng tiếng sầm sập của những đoàn tàu mỗi lần lao qua đều làm cho nó run lên, căng thẳng và thu mình lại gọn hơn nữa. Tám thân nhỏ nhoi và hai dây xương sườn yếu ớt của nó cảm nhận cái sức mạnh ghê gớm, tưởng chừng long trời lở đất kia, song nó vẫn cố nén sợ hãi và ghê tởm các mùi lạ, để nằm dưới lòng rãnh chờ khi đêm xuống, con đường sẽ trở nên yên tĩnh hơn.

Họa hoằn lắm, nó mới mò đến kiếm ăn ở đây, chỉ trong những trường hợp hoàn toàn đói mồi...

Khi không có đoàn tàu nào chạy qua, thảo nguyên đột nhiên trở nên im ắng như sau vụ đất lở, và những lúc im lặng tuyệt đối ấy, con cáo nhỏ lại nắm bắt trong không khí một thứ âm thanh cao tần khó hiểu và đáng ngờ nào đó thoang thoảng phía trên thảo nguyên đang đập choạng tối, một thứ âm thanh chẳng của giống

vật nào cả. Có thể đó là trò chơi của các dòng quynh lưu, mà cũng có thể là dấu hiệu sắp thay đổi thời tiết. Bằng bản năng, con cáo nhỏ cảm nhận điều ấy và nó cay đắng nằm bẹp dí tại chỗ. Nó muốn tru lên thành tiếng, muốn rên ư ử vì lò mờ linh cảm một tai họa chung nào đó. Nhưng cái đói vẫn lấn át ngay cả dấu hiệu cảnh báo ấy của tự nhiên.

Vừa liếm láp các đệm thịt ở gót chân đã hơi chai đi vì chạy nhiều, con cáo vừa khẽ rên ư ử.

Trước đây, khi sắp chuyển sang thu, trời cứ tối là lạnh giá. Đêm thì rét, đất phủ một lớp sương trắng như muối và dễ tan. Vậy là sắp bước vào cái mùa buồn tẻ đối với loài thú sống ở thảo nguyên. Những con mồi vốn đã hiếm hoi ở vùng này vào mùa hè, lập tức biến mất, con thì chạy tới miền ấm áp, con chui vào hang, con thì tới vùng cát tránh mùa đông. Bây giờ thắng hoặc mới gặp một chú cáo lủi thủi kiếm mồi trên thảo nguyên, tựa hồ cả loài cáo đã tới ngày tuyệt giống. Bầy cáo con năm trước nay đã lớn và tỏa đi khắp phía, nhưng chưa đến mùa đông là thời kỳ bầy cáo từ khắp nơi tụ về một chỗ, làm cái việc duy trì nòi giống, những con đực cắn xé nhau để giành con cái với sức mạnh mà thiên nhiên phú cho chúng...

Màn đêm vừa buông xuống, con cáo liền rời khỏi rãnh. Nó đóng tai nghe, đoạn mon men tiến lại nền đường xe lửa và vọt qua vọt lại hai bên

mép đường không gây một tiếng động. Ở đây, nó tìm kiếm những thức ăn thừa mà hành khách quăng xuống qua cửa sổ toa tàu. Nó phải chạy khá lâu dọc hai bên đường tàu, hít ngửi đủ thứ đồ vật có mùi khó chịu, cho đến khi vớ được một món gì tạm tạm. Suốt dọc đường tàu, rải rác các mẩu giấy và mảnh báo bị vò nhàu, các loại vỏ chai vỡ, các mẩu thuốc lá, các vỏ đồ hộp méo mó và đủ thứ rác rưởi khác. Khó ngửi nhất là cái mùi phả ra từ miệng những chai bia vỡ, tưởng ngất đi được. Sau hai lần choáng váng cả đầu óc, con cáo không dám hít ngửi cái thứ không khí nồng nặc mùi rượu nữa. Nó xì mũi, nhảy tránh ra chỗ khác.

Vậy mà tai ác thay, nó vẫn chưa gặp được cái nó cần, sau bao nhiêu công phu chờ đợi và nén sự sợ hãi trong lòng. Song với hy vọng may ra kiếm được thứ gì ăn đỡ đói, nó vẫn kiên nhẫn chạy dọc đường tàu và thỉnh thoảng băng ngang từ bên này sang bên kia.

Nhưng đột nhiên đang chạy nó sững lại, hơi giơ một chân trước lên như bị bất ngờ. Dưới ánh mờ của vầng trăng nhàn nhạt ở trên cao, con cáo đứng giữa hai đường ray như một bóng ma câm lặng. Tiếng rì rầm xa xa khiến nó cảnh giác vẫn chưa mất đi. Hiện thời nghe còn quá xa. Con cáo cong đuôi, lưỡng lự đôi chân, chuẩn bị rời khỏi đường tàu. Nhưng nó bỗng dừng vội và sục sạo vệ đường. Nó linh cảm sắp được một

món, mặc dù tiếng sắt thép va chạm đáng sợ và tiếng đập xình xịch của hàng trăm bánh xe từ xa cứ mỗi lúc một gần thêm. Con cáo chỉ do dự một giây nữa, rồi nó cuống quýt vọt đi, loạng choạng như một cánh bướm. Vừa lúc ấy, từ khúc đường quanh, những ánh đèn xa và gần của đoàn tàu, những tia đèn pha cực mạnh chột bùng sáng, rọi trắng lóa toàn bộ địa phận phía trước, lột trần không chút thương tiếc cái vẻ cần cỗi, đói khát của thảo nguyên. Rồi đoàn tàu sầm sầm lao trên đường ray. Không khí đầy mùi khói bụi khét lẹt. Gió thổi ào ào.

Con cáo cắm cổ chạy thối lui, chốc chốc ngoảnh lại và dấn mình xuống đất vì sợ hãi. Con quái vật mang ánh đèn di động kia đã lao qua, nhưng tiếng sắt thép loảng xoảng và tiếng bánh xe xình xịch phải một hồi lâu mới ngớt. Con cáo lại co cẳng, vất chân lên cổ mà chạy...

Sau đó nó dừng nghỉ để thở và nó lại muốn quay về chỗ đường tàu, nơi có thể kiếm được chút gì đỡ đói. Nhưng phía trước lại thấy thấp thoáng ánh đèn trên đường tàu, tiếp đến lại một chuyến tàu hàng dài lê thê, do hai chiếc đầu máy cùng kéo.

Con cáo bèn quyết định vòng tránh khu vực này, để rồi mò ra đường tàu ở đoạn nào không có các chuyến tàu chạy qua...

Những chuyến tàu ở vùng này chạy từ Đông sang Tây và từ Tây sang Đông...

Trải rộng hai bên đường tàu ở vùng này là những hoang mạc mênh mông - miền Sarozek và các thảo nguyên úa vàng thuộc miền Đất Giữa.

Ở vùng này, mọi khoảng cách bất kỳ đều được đem so với con đường sắt, như so với kinh tuyến Greenwich.

Những chuyến tàu vẫn chạy từ Đông sang Tây và từ Tây sang Đông...



Nửa đêm khuya khoắt, có một người kiên trì lặn lội tìm đến gặp Edigej ở chỗ chòi bẻ ghi. Đầu tiên, người ấy đi ngay trên đường tà-vệ; sau đó khi xuất hiện đoàn tàu hàng chạy ngược lại đang lao xuống dốc, người ấy né xuống vệ đường, vừa đi vừa dùng hai tay che gió và bụi thổi thốc ra từ dưới gầm tàu như một con lốc (đây là một đoàn tàu đặc biệt, luôn luôn bật đèn xanh trên đường chạy, khi qua đây, nó sẽ rẽ sang một nhánh riêng vào vùng cấm của khu vực Sarozek I. Tại đó, có đơn vị phục vụ giao thông riêng dẫn dắt đoàn tàu tới sân bay vũ trụ. Nói tóm lại, là vì thế mà cả đoàn tàu được phủ vải bạt và có bộ đội bảo vệ trên mỗi sàn toa). Edigej đoán ngay rằng đó là vợ bác đang vội vã đến gặp bác, và sự vội vã ấy hẳn phải

có lý do nghiêm trọng. Nhưng vì nhiệm vụ công tác, bác không được quyền rời vị trí bẻ ghi, khi chuyến tàu cuối cùng có người phụ trách đứng ở cửa toa mở ngỏ chưa chạy qua. Bác và người ấy phải dùng đèn xách tay đánh tín hiệu cho nhau, rằng mọi chuyện trên đường đều ổn thỏa; và chỉ khi đó, Edigej - tai còn bị ù vì tiếng âm âm vừa rồi - mới quay sang hỏi vợ:

- Mẹ nó đến có việc gì?

Người vợ lo lắng nhìn chồng và mấp máy môi. Edigej không nghe rõ, nhưng bác hiểu - ấy là bác nghĩ như vậy.

- Mẹ nó hãy vào đây tránh gió đã - Bác kéo vợ vào trong chòi.

Nhưng trước khi nghe rõ từ miệng vợ điều chính bác đã đoán biết, thì lúc này, không hiểu sao bác lại sững sốt về chuyện hoàn toàn khác. Tuy từ trước bác cũng đã nhận ra dấu hiệu của tuổi tác, nhưng lần này, thấy vợ thở hỗn hà hỗn hển do phải đi vội; tiếng thở cứ khò khè trong lồng ngực và hai bả vai gầy nhô lên theo mỗi nhịp thở, bác bỗng có cảm giác ấm ức thay cho vợ. Ánh điện sáng rực trong chiếc chòi bẻ ghi nhỏ bé, sơn màu trắng tuyền, chột soi rõ mồn một những nếp nhăn mà bác chưa hề nhìn thấy trên hai gò má đã bắt đầu sạm của Ukubala (trước kia Ukubala là một cô gái chắc nịch, da hơi ngăm pha màu lúa tiểu mạch, có đôi mắt

đen sáng long lanh), rồi cả cái miệng khuyết mấy chiếc răng kia một lần nữa chúng tỏ rằng dù một phụ nữ đã hết thời xuân sắc cũng hoàn toàn không nên để khuyết răng như vậy (lẽ ra từ lâu, đã phải đưa vợ đi lắp những chiếc răng kim loại. Bây giờ hết thấy mọi người, từ già chí trẻ, đều lắp răng giả như thế cả). Thêm vào đó là những món tóc bạc trắng từ dưới vành khăn xoa xuống mặt, khiến trái tim bác nhói đau. "Ôi mình ơi, mình già mất rồi", - Edigej ngẫm thương vợ với cảm giác gòn gợn như chính bác có lỗi một phần. Bởi vậy, bác càng nặng lòng biết ơn vợ về mọi điều, về tất cả những gì hai vợ chồng từng trải qua sau nhiều năm chung sống. Và đặc biệt về việc vợ bác, giữa đêm hôm khuya khoắt, đã chạy dọc đường tàu tới điểm xa nhất của cái ga xép này để báo cho chồng biết tin Kazangap mất. Bởi lẽ Ukubala biết rõ, tin này rất hệ trọng đối với Edigej. Lão Kazangap bất hạnh - một ông già cô đơn - vừa qua đời trong ngôi nhà đắp bằng đất trống trải. Ukubala hiểu rằng trên đời này chỉ có một mình Edigej xúc động lo lắng đến cái chết của ông già Kazangap đã bị mọi người bỏ rơi; tuy rằng chồng bà chẳng phải họ hàng thân thích gì với người quá cố.

- Mẹ nó hãy ngồi nghỉ chút đã - Edigej nói, khi hai người đã vào trong chòi.

- Ông cũng ngồi nghỉ đi - Ukubala bảo chồng.

Hai người ngồi xuống:

- Có chuyện gì vậy?
- Bác Kazangap chết rồi.
- Hồi nào?

- Vừa rồi, tôi chạy sang nhà bác ấy xem bác ấy cần giúp cái gì không. Tôi bước vào nhà, đèn vẫn sáng, và bác ấy vẫn nằm trên giường, riêng chòm râu không hiểu sao lại cong ngược lên. Tôi lại gần và gọi: Bác Kazangap, bác Kazangap ơi, bác có muốn uống trà nóng để tôi pha cho nhé! Nhưng bác ấy đã đi rồi. Giọng bà nghen ngào, nước mắt lăn xuống hai gò má gây hơi ửng đỏ vì lạnh, và bà nấc lên khe khẽ - Một con người tốt biết chừng nào! Thế mà lúc chết hóa ra chả có ai vuốt mắt cho - Ukubala vừa khóc vừa nói - Đâu ngờ một người như thế phải chết như một con... - Bà định bảo như một con chó hoang, nhưng bà ngừng lại, khỏi cần nói thêm cũng đã rõ rồi.

Edigej-Bảo Tuyết, như mọi người vùng này vẫn gọi, ngồi nghe vợ nói, vẻ mặt đăm đăm, hai bàn tay gân guốc như rễ cây nặng nề đặt trên đầu gối. Chiếc mũ lưỡi trai của công nhân đường sắt đã sờn và thấm dầu mỡ che ánh đèn rọi vào mắt bác. Bác đã phục vụ ở cái ga xép Boranly-Bảo Tuyết này lâu lắm, hồi mới từ mặt trận trở về. Giờ đây bác đang nghĩ gì?

- Mình phải làm gì đây? - Ukubala hỏi.

Edigej ngẩng đầu, nhìn vợ với nụ cười chua chát.

- Còn làm sao nữa! Ta sẽ mai táng bác ấy!
- Bác nhồm dậy như đã quyết định dứt khoát -
Thế này nhé, mẹ nó hãy quay về nhà gấp. Và nghe tôi dặn này...

- Tôi nghe ông đây.

- Hãy đánh thức Ospan dậy. Đừng bảo trưởng ga nói, điều đó không quan trọng. Trước cái chết, tất cả đều như nhau thôi. Mẹ nó hãy bảo cậu ta rằng ông lão Kazangap đã chết. Ông lão đã làm việc bốn mươi năm liên tục ở nơi này. Có lẽ khi Kazangap bắt đầu ở đây thì Ospan còn chưa ra đời, và hồi ấy dù có thuê tiền cũng chẳng ai chịu mang một con chó tới đây nuôi. Trong thời gian Kazangap làm việc, số đoàn tàu chạy qua còn nhiều hơn cả số sợi tóc trên đầu... Mẹ nó cứ nói như thế. Để cậu ta suy nghĩ. Và nghe tôi dặn này...

- Tôi nghe ông đây.

- Mẹ nó hãy đánh thức mọi người dậy. Hãy gõ tất cả các cửa sổ. Nào đông đúc gì cho cam, tổng cộng chỉ có tám nhà, đếm được trên đầu ngón tay... Hãy gọi tất cả dậy. Đêm nay không ai được ngủ, khi có một người như thế qua đời. Hãy gọi tất cả dậy.

- Nhỡ họ tức giận trách móc mình thì sao?

- Việc của ta là báo tin cho mọi người biết, còn họ muốn chửi bới, trách móc gì mặc kệ họ. Cứ bảo là tôi ra lệnh đánh thức. Phải có lương tâm chứ. Hưộm đã!

- Còn việc gì nữa?

- Trước hết mẹ nó chạy tới phòng trực ga. Hôm nay Shajmerden ngồi điều vận, hãy báo cho anh ta biết và bảo anh ta thử nghĩ xem nên làm gì. May ra có thể tìm được người thay tôi lần này. Nếu tìm được, báo cho tôi biết. Mẹ nó hiểu chưa, cứ bảo anh ta thế nhé!

- Tôi sẽ nói với anh ta! - Ukubala đáp, rồi như chợt nhớ ra điều chủ yếu nhất đã quên biến đi mất, bà nhắc: - Thế còn đám con cái của bác Kazangap? Phải điện ngay cho chúng nó biết trước tiên chứ, đăng này lại... Bố chết kia mà...

Edigej cau mày khó chịu khi nghe câu nói ấy. Bác chẳng buồn đáp:

- Con cái dù có thế nào thì vẫn là con cái - Ukubala nói tiếp, giọng như phân trần, vì biết rằng Edigej không thích nhắc chuyện ấy.

- Tôi biết chứ - Bác phẩy tay - Đâu phải tôi không hiểu gì! Đúng thôi, không thể vắng mặt chúng được; tuy rằng nếu để tôi quyết, thì chả đời nào tôi cho lũ đó lại gần!

- Ông ơi, đó không phải là việc của ta. Hãy để chúng nó về và tự chôn cất bố chúng. Kéo sau lại lời ra tiếng vào đủ chuyện...

- Làm như tôi ngăn cản không bằng! Thì cứ để chúng nó đến.

- Nhỡ con trai bác ấy trên thành phố không về kịp?

- Kịp thôi, nếu nó muốn. Hôm kia lên ga chính, tôi đã đánh điện cho nó, báo tin cha nó ốm nặng, khó qua khỏi. Nói thế là đủ! Nó vẫn tự coi mình là đứa thông minh, nó phải hiểu chứ...

- Nếu vậy thì ổn rồi - Bà vợ vừa lòng với lý lẽ của chồng và như vẫn đang nghĩ đến điều khiến bà lo ngại, bà nói tiếp - Giá nó đem cả vợ về thì tốt, dầu sao cũng là bố chồng qua đời, chứ đâu phải người dưng...

- Việc đó thì kê vợ chồng nó quyết định. Download Sách Hay | Đọc Sách Online Khỏi cần gọi ý, chúng nó đâu còn là trẻ con.

- Đương nhiên, đương nhiên rồi - Bà Ukubala đành chấp thuận, dù vẫn còn nghi ngại.

Hai người cùng im lặng.

- Thôi, mẹ nó đừng chần chừ nữa, đi đi.

Nhưng bà vợ lại còn điều muốn nói:

- Còn con gái bác ấy, con bé Ajzada khôn khổ, sống với thằng chồng nghiện ngập và lữ con ở trên ga chính, nó cũng phải về làm tang bố chứ?

Edigej bất giác mỉm cười, vỗ vai vợ:

- Bây giờ mẹ nó bắt đầu lo hộ hết thầy mọi người. Từ đây đến chỗ Ajzada chẳng bao xa, sáng

mai sẽ cho người lên báo tin. Tất nhiên nó sẽ về kịp. Mẹ nó nên hiểu rằng cả con Ajzada lẫn thằng Shabitzhan, nhất là cái thằng con bất hiếu ấy, chẳng làm được trò gì đâu. Rồi mẹ nó xem, chúng nó sẽ về thôi, né tránh sao được, nhưng chúng cũng chỉ đứng nhìn như khách lạ, còn làm ma cho bác Kazangap vẫn là việc của chúng ta, vậy đó... Thôi, mẹ nó hãy đi làm những gì tôi đã dặn.

Ukubala đã bước đi, song còn chân chừ dừng lại, rồi mới bước tiếp. Lúc ấy Edigej gọi với theo:

- Nhớ đến chỗ phòng trực gặp Shajmerden trước đã, để anh ta cử người đến thay tôi, sau đó tôi sẽ làm bù. Ai lại để người quá cố nằm một mình tro tro trong căn nhà trống... Mẹ nó cứ bảo thế nhé...

Và bà vợ gặt đầu, bước vội. Lúc ấy trên bảng điều khiển, đèn tín hiệu màu đỏ nhấp nháy, kêu ề ề - một đoàn tàu mới đang chạy về ga Boranly-Bảo Tuyết. Theo lệnh của trực ga, phải dồn nó vào tuyến đường dự phòng, để thông đường cho một đoàn tàu chạy ngược chiều cũng đang sắp vào ga. Một sự dồn tàu thông thường. Trong khi các đoàn tàu chạy qua theo đường của chúng, Edigej thỉnh thoảng lại ngó về phía Ukubala đang đi xa dần bên vệ đường như thể bác còn quên nói điều gì với vợ. Dĩ nhiên còn có điều cần nói, trước khi mai táng thiếu gì việc phải lo, không thể nhớ ngay tất cả, nhưng bác nhìn

theo vợ chẳng phải vì lý do ấy. Đơn giản là vì chính lúc này bác mới để ý thấy vợ bác già đi, lưng còng xuống rõ rệt trong màn khói màu vàng của ánh đèn đường.

Bác nghĩ: Vậy là cái già đã ngồi chễm chệ trên vai. Thành ông lão bà lão mất rồi! Và tuy rằng trời phú cho bác sức khỏe tốt, bác còn dẻo dai lắm, nhưng dầu sao cũng đã bước sang tuổi sáu mươi mốt rồi. "Độ hai ba năm nữa người ta sẽ mời mình về hưu thôi" - Edigej tự nhủ không hề có ý giấu cợt. Song bác biết rằng bác chưa về hưu sớm như vậy, cũng không dễ dàng tìm được người thay chân bác ở vùng này. Bác vừa làm thợ bẻ ghi, vừa làm công nhân sửa chữa, bẻ ghi thì thỉnh thoảng thôi, khi nào có ai bệnh hoặc nghỉ phép. Mấy ai muốn đến vùng đất hẻo lánh, xa xôi và khô cằn này để nhận thêm vài đồng lương? Cứ thử tìm ra một người như vậy trong số thanh niên bây giờ mà xem.

Để sống ở các ga thuộc miền Sarozek, phải có tinh thần, nếu không sẽ gục ngã. Thảo nguyên mênh mông, con người thì bé bỏng. Thảo nguyên hờ hững, anh khổ sở hay vui sướng, nó cũng mặc kệ anh; anh hãy tiếp nhận nó như nó đang có. Trong khi đó con người lại quan tâm đến mọi thứ trên đời; những gì xảy ra, xảy ra như thế nào và họ buồn bã, khổ sở cảm thấy rằng, giá ở một nơi khác, bên cạnh những người khác, có lẽ mình sẽ sung sướng hơn, còn ở đây chỉ có sự

trở trâu của số phận... Và vì lẽ đó, người ấy đánh mất bản thân mình trước thảo nguyên khắc nghiệt và vĩ đại; người ấy mất hết tinh thần, như cái ắc quy trong chiếc mô tô ba bánh của Shajmerden mất điện. Shajmerden cứ khư khư giữ gìn cái xe, anh ta chẳng đi và cũng không cho ai mượn. Vậy là chiếc xe cứ đứng chết dí một chỗ, lúc cần thì không nổ được máy, chẳng chạy được vài bước. Con người ở miền Sarozek cũng thế: nếu không tha thiết với công việc, không bám rễ vào thảo nguyên thì không sống nổi, và khó lòng ở yên một chỗ. Những hành khách từ trên các toa tàu ngó xuống, phải giơ hai tay ôm đầu: - Trời ơi, sao người ta có thể sinh sống ở đây được nhỉ? Bốn phía chỉ thấy thảo nguyên và lạc đà! Vậy mà người ta vẫn cứ sống, nếu ai có đủ kiên nhẫn. Ba năm, nhiều lắm chỉ bốn năm, rồi cũng đến bỏ đi nơi khác...

Ở ga Boranly-Bảo Tuyết chỉ có hai người bám rễ suốt đời là Kazangap và bác - Edigej-Bảo Tuyết. Bao nhiêu vị khác đến rồi đi! Về phần bác chưa dám nói, chứ ông già Kazangap thì đã làm việc ở đây bốn mươi năm, không phải vì ông già ấy kém cỏi so với những vị khác. Dù có đem đổi Kazangap lấy mười người, Edigej cũng chẳng chịu... Giờ thì Kazangap không còn nữa, ông già chết rồi...

Các chuyến tàu vẫn chạy, chuyển sang phía đông, chuyển về phía tây. Đường tàu ở Boranly-Bảo

Tuyết có nhiều lúc vắng lặng. Và mọi vật xung quanh lập tức hiện ra rõ rệt - những ngôi sao trên bầu trời đêm đêm hình như nhấp nháy sáng hơn, và gió như thổi mạnh hơn bên vệ đường, trên lớp đá sỏi trải giữa hai thanh ray đang khẽ ngân nga.

Edigej không bước vào trong chòi. Bác đứng tựa vào cây cột, suy nghĩ. Đẳng xa trước mặt, bên kia đường sắt, là hình bóng mờ mờ của bầy lạc đà đang nhai cỏ trên cánh đồng. Chúng đứng lặng dưới trăng, chờ đêm trôi qua. Và trong số đó, Edigej nhận rõ con lạc đà hai bướu, đầu to của bác; con lạc đà thuộc loại khỏe nhất, đi nhanh nhất miền Sarozek này và nó giống chủ của mình, nó cũng được gọi là Karanar-Bảo Tuyết, Edigej kiêu hãnh vì Karanar. Nó là một con vật có sức khỏe hiếm thấy, tuy điều khiến nó không đơn giản, bởi vì Karanar là con đực mà hồi trước Edigej lại không thiện.

Edigej tự nhủ là sáng mai cần lừa con Karanar về nhà sớm để thắng yên. Bác sẽ cùng nó đi đưa ma. Đầu óc bác còn lo nghĩ nhiều chuyện khác nhau...

Ở khu ga, mọi người vẫn đang ngủ yên. Đầu ga đằng kia, có mấy gian nhà nhỏ là nơi làm việc, thêm sáu ngôi nhà giống nhau lợp phibô xi măng do ngành đường sắt xây dựng, với ngôi nhà của Edigej; do chính bác dựng nên. Và cái nhà bằng đất của ông lão Kazangap quá cổ, rồi

các kiểu bếp lò làm ngay ngoài sân, các hàng rào bằng sậy che gió cho đàn gia súc, cùng nhiều thứ lặt vặt khác. Giữa khu vực ấy có một cái cối xay gió vạn năng, vừa làm quay cái bơm điện và khi cần có thể bơm nước bằng tay, xuất hiện ở đây được mấy năm nay. Đó là toàn bộ khu ga Boranly-Bảo Tuyết.

Khu ga nằm ven tuyến đường sắt vĩ đại, giữa thảo nguyên Sarozek mênh mông. Một khâu nối nhỏ bé trong hệ thống chằng chịt như mạch máu các ga chính ga phụ, các đầu mối giao thông, các đô thị... Toàn bộ khu ga đứng chờ vơ, hứng mọi thứ gió trên đời, nhất là gió mùa đông, khi những trận bão tuyết miền Sarozek thổi lồng lộn, vun tuyết ngập đến cửa sổ các ngôi nhà và dồn thành đụn lớn trên đường tàu... Bởi thế, ga xép này mang tên Boranly-Bảo Tuyết, và tấm biển treo ở cửa ga được viết bằng hai thứ tiếng: Boranly - tiếng Kazak và Bảo Tuyết - tiếng Nga...

Edigej còn nhớ, hồi chưa có các loại máy cào tuyết hoạt động, với những thiết bị bắn tuyết văng tung tóe, với những lưỡi dao gạt tuyết sang hai bên, vân vân, khi phải xử lý các đụn tuyết trên đường tàu, có thể nói, bác và Kazangap từng phải đánh vật một mất một còn với chúng. Tưởng như việc đó mới gần đây thôi. Năm năm mươi, năm năm mốt, mùa đông rét mới khiếp chứ. Đâu chỉ ngoài mặt trận mới sử dụng sinh mệnh cho những việc làm một lần, như lao lên

tấn công hay một mình ném lựu đạn vào gầm xe tăng!... Ở đây, những việc như thế xảy ra luôn. Tuy không ai giết anh. Nhưng anh tự giết mình. Đã bao nhiêu đồng tuyết phải dọn bằng tay, cào bằng mê, hoặc tống vào bao tải vác lên trên đồi; chẳng hạn ở cây số thứ bảy, nơi đường tàu xuyên qua một quả đồi bị xẻ ngang. Và mỗi lần như thế lại tưởng chừng đó là trận sống mái cuối cùng với bão tuyết, đành phải nhắm mắt nộp mạng cho thần chết, miễn sao khỏi phải nghe tiếng còi tàu giục giã, đòi thông đường giữa thảo nguyên!

Nhưng hồi ấy những đồng tuyết rồi cũng tan, các tàu lại lao qua, năm tháng lại trôi đi... Ngày nay chẳng mấy ai nghĩ đến điều đó. Chuyện quá khứ mà. Những tay cán bộ bảo đảm giao thông ngày nay cười xe đến đây, rồi những đội kiểm tra - sửa chữa ồn ào, tất cả bọn họ không tin, không hiểu, không thể tưởng tượng, rằng một nhóm người chỉ có xẻng thôi lại đủ sức dọn tuyết thông đường giữa thảo nguyên Sarozek! Thần kỳ! Có vị còn cười nhạo: tội gì chuốc lấy những cục hình ấy, tại sao lại tự chôn mình như thế! Chúng tôi ấy à, chúng tôi mặc xác! Sao các anh không vút mẹ nó đấy, sao các anh không tìm nơi khác, đến một công trường lớn, ít ra cũng có những điều kiện tối thiểu mà làm việc! Làm bao nhiêu công sẽ được trả bấy nhiêu lương. Có việc gấp rút thì hò nhau làm ngoài giờ... "Các ông già

lắm cảm ối, các ông ngu dại thì chết cũng đáng đời!..."

Khi gặp những vị "khôn ngoan" kiểu đó, Kazangap không thèm để ý đến họ, dường như điều ấy chẳng can hệ gì tới mình, bác chỉ cười khẩy, tựa hồ tự thâm biết những gì lớn lao mà bọn kia không thể hiểu nổi. Riêng Edigej không nhìn được, lắm lúc nóng mặt, cãi nhau những trận ra trò với họ, song chỉ chuốc thêm bực mình.

Edigej và Kazangap thường trò chuyện với nhau về cái mà đám thợ kiểm tra - sửa chữa ngày nay vẫn chế nhạo, mỗi khi họ đến đây trên những toa xe chuyên dùng. Hai bác còn nói nhiều chuyện khác vào những năm mà bọn thợ khôn ngoan kia hẳn mới là lũ trẻ ở trường. Thời ấy, hai bác còn phải vất vả lo đến sinh hoạt hàng ngày nữa chứ. Từ bấy đến nay đã lâu quá rồi, từ năm bốn mươi lăm kia, nhất là sau khi ông già Kazangap về hưu, và cuộc sống của bác ấy không xuôi chèo mát mái: bác lên thành phố ở với thằng con trai, ba tháng sau đã bỏ về đây. Đạo đó hai bác đã luận bàn đủ thứ chuyện trên đời. Kazangap quả là một người thông thái. Có những điều đáng nhớ... Và bỗng nhiên Edigej vô cùng cay đắng khi hiểu ra rằng từ nay bác chỉ có thể nhớ lại mà thôi...

Edigej vội bước vào chòi khi nghe tiếng micrô của máy đàm thoại nội bộ kêu lạo xạo. Trong

cái máy ngó ngẩn ấy có tiếng lọc ọc một lát, sau đó mới vang lên giọng nói:

- Bác Edigej, alô, bác Edigej - giọng trực ga Shajmerden ề ề - Bác nghe rõ không? Trả lời đi!

- Tôi nghe đây! Nghe rõ!

- Bác có nghe rõ không?

- Nghe rõ, nghe rõ!

- Rõ như thế nào?

- Như từ thế giới bên kia!

- Tại sao lại như từ thế giới bên kia?

- Chả tại sao cả!

- À ra vậy... Nghĩa là tại ông lão Kazangap ở bên ấy!

- Ở bên ấy làm sao?

- Nghĩa là ông lão đã sang thế giới bên kia

- Shajmerden cố tìm lối nói thích hợp - Nói thế nào nhỉ? Nghĩa là ông lão đã đi hết chặng đường vinh quang của mình.

- Ừ - Edigej đáp gọn lỏn.

"Đồ khốn kiếp, - bác nghĩ, - người ta chết mà nó cũng chẳng biết cách nói cho nó giản dị".

Shajmerden ngừng một phút. Micro càng lạo xạo, let xet, để lộ tiếng thở rõ hơn. Sau đó Shajmerden lè nhè:

- Này Edigej, yêu cầu bác đừng có làm tôi rối trí. Nếu ông lão chết thì chết chứ sao... Bây giờ chỗ tôi chẳng có ai hết. Tại sao bác lại phải

ngồi bên người chết mới được? Ngồi như thế có làm cho ông lão sống lại được đâu kia chứ?

- Còn tôi thì tôi cho rằng cậu chẳng hiểu cái gì hết! - Edigej nổi giận - Đừng làm rối trí nghĩa là thế nào? Cậu mới về đây hơn một năm, còn tôi với bác Kazangap đã làm việc với nhau ba chục năm. Cậu nghĩ xem. Một người trong số chúng ta qua đời, không ai được bỏ mặc người quá cố nằm chỏng chơ một mình trong ngôi nhà trống vắng như thế.

- Làm sao ông lão ấy biết mình nằm một mình hay có người ngồi bên?

- Nhưng chúng ta biết!

- Thôi được, bác đừng có làm âm ỉ lên nữa!

- Đây là tôi giải thích cho cậu nghe.

- Vậy bác muốn gì? Ở chỗ tôi chẳng còn ai cả. Bác có về chỗ ông lão thì cũng chả làm được việc gì sất, giữa lúc đêm hôm khuya khoắt thế này.

- Tôi sẽ cầu nguyện cho người quá cố. Đọc bài cầu nguyện ấy mà.

- Cầu nguyện? Bác, Edigej-Bảo Tuyết mà lại cầu nguyện?

-Ừ, tôi. Tôi biết bài cầu nguyện.

- Hay chữa, sáu chục năm sống dưới chính quyền Xô-viết rồi.

- Cậu im đi, chính quyền Xô-viết thì dính dáng gì đến chuyện này! Người ta đã cầu cho vong linh người chết từ thời xưa thời xưa. Con người qua đời, chứ đâu phải con vật!

- Thôi được, bác cứ cầu nguyện, nhưng đừng có làm ầm lên nữa. Tôi sẽ cho người đi gọi Edilbaj - Cò Hương, nếu ông ta đồng ý thì sẽ đến thay cho bác... Còn bây giờ thì chuẩn bị đi, đoàn tàu số 117 sắp tới ga, bác hãy đưa nó sang đường dự phòng...

Shajmerden tắt máy đàm thoại nội bộ. Edigej vội ra chỗ bẻ ghi, và trong khi làm phận sự, bác cứ nghĩ: không biết Edilbaj có đồng ý đến thay mình chẳng. Và bác thêm hy vọng - dầu sao người ta vẫn có lương tâm - khi bác nhìn thấy cửa sổ của mấy ngôi nhà bùng sáng. Bầy chó sủa ầm ĩ. Nghĩa là vợ bác đang đi đánh thức dân Boranly dậy.

Trong lúc ấy, đoàn tàu số 117 đã chạy vào đường dự phòng. Từ đầu ga đằng kia tiến lại một đoàn tàu chở dầu - toàn là những xitec. Hai đoàn tàu gặp nhau, một chạy về phía đông, một sang phía tây.

Đã hai giờ sáng. Các ngôi sao trên trời đua nhau lấp lánh, mỗi ngôi một vẻ lung linh riêng. Và mặt trăng trên bầu trời Sarozek bắt đầu chiếu rõ hơn, dường như được tiếp thêm một sức mạnh nào đấy. Còn bên dưới, trên thảo nguyên

Sarozek mênh mông tím tấp, chỉ thấy hình bóng bầy lạc đà, trong đó nổi lên Karanar-Bảo Tuyết cao lớn và những đường viền mờ nhạt của các gò đồng ở gần. Ngoài ra, mọi vật đều chìm vào bóng đêm vô tận. Gió không chịu ngủ, cứ thổi ù ù.

Edigej hết vào lại ra khỏi chòi, ngóng trông Edilbaj có xuất hiện trên đường tàu hay không. Bỗng bác thấy một con thú nhỏ ở vệ đường. Đây là con cáo nọ. Cặp mắt nó ánh lên màu xanh nhấp nháy. Nó ủ rũ đứng dưới chân cột điện báo, không định tiến lại gần hay bỏ chạy.

- Mày làm gì ở đây hả! Edigej giơ một ngón tay đe nó. - Liệu hồn! Tao thì tóm cổ! - Và bác giậm chân một cái.

Con cáo nhảy lùi vài bước và ngồi xuống, quay nghiêng về phía bác. Nó nhìn chăm chú và đau khổ, bác có cảm tưởng nó không chớp mắt, cứ trân trân nhìn bác hoặc nhìn vật gì đó ở cạnh bác. Cái gì đã lôi cuốn nó, tại sao nó lại xuất hiện ở đây? Nó bị thu hút bởi ánh đèn điện, hay là nó đến đây vì quá đói? Edigej thấy cử chỉ của nó rất lạ. Và tại sao mình không choảng cho nó một cục đá, khi con mèo tự dẫn xác tới nhỉ! Edigej đưa chân tìm một hòn đá to hơn. Bác ngắm và vung tay định ném, nhưng lại thôi. Hòn đá rơi xuống chân. Thậm chí bác toát mồ hôi. Quái lạ thật! Đầu óc con người sao mà nghĩ lảm chuyện! Đang định ném chết con cáo,

đột nhiên lại nhớ có ai đó đã kể, - hình như một thằng cha thợ sửa chữa, hoặc một tay phóng viên nhiếp ảnh đã cùng bác trò chuyện về chúa trời, hay là một gã nào đó. À mà không phải, chính cái thằng Shabitzhan, đã kể, thằng khốn kiếp ấy lúc nào cũng kể những chuyện thần kỳ, lạ lùng, chỉ để thắng người khác. Thằng Shabitzhan, con của Kazangap, đã kể về việc chuyển chỗ ở của các linh hồn sau khi chết.

Thật là một đứa bẻm mép, vô tích sự. Thoạt nhìn, nó không đến nỗi nào. Nó biết tất cả mọi chuyện, nó nghe cũng đủ thứ chuyện. Nó đã được dạy dỗ ở các trường nội trú, các trường đại học, nhưng lại không nên người. Nó thích khoe khoang, nhậu nhẹt, chuốc rượu thì chả ai bằng, chẳng làm nên việc gì. Tóm lại, một cái thùng rỗng; trái ngược hẳn với Kazangap, mặc dù nó có bằng nọ bằng kia. Không, con không giống bố, thằng con hư hỏng. Nhưng mặc kệ, nó đã thế, còn biết làm sao bây giờ.

Có lần, nó kể bên Ấn Độ, người ta tin vào một giáo lý, cho rằng khi một người chết đi, thì linh hồn người đó nhập vào một sinh vật nào đấy, một sinh vật bất kỳ, có thể là một con kiến. Rằng mỗi người, từ kiếp trước đã từng là một con chim, một con thú, thậm chí một loài sâu bọ nào đó. Vì thế, giết bất cứ con vật nào, dù là một con rắn thường hay rắn độc cũng là có

tội; nếu gặp nó trên đường, ta phải cúi chào và nhường đường cho nó.

Đời thật lắm chuyện kỳ lạ. Ai biết chuyện đó có thực tới mức nào. Thế gian mệnh mông, con người biết sao hết được mọi thứ. Vì thế, lúc định ném đá giết con cáo, Edigej chợt nghĩ: nhờ linh hồn Kazangap bấy giờ đã nhập vào nó thì sao? Rất có thể, sau khi nhập vào con cáo, Kazangap đã tới chỗ người bạn tốt nhất của mình; bởi vì sau khi bác ấy chết, ngôi nhà bằng đất của bác trở nên trống trải, hiu quạnh, đầy buồn thảm... "Mình lắm cảm mất rồi! - Edigej trách thầm và xấu hổ - sao lại nghĩ vớ vẩn như thế nhỉ? Mình lú lẫn rồi chẳng?".

Bởi vậy, khi tiến từ từ về phía con cáo, Edigej nói với nó như thể nó hiểu được tiếng người:

- Đi đi, đây không phải là chỗ của mày! Hãy ra thảo nguyên. Nghe rõ chưa? Đừng đi về phía khu ga, ở đấy có lũ chó. Mày hãy ra với thảo nguyên của mày.

Con cáo quay người bỏ đi. Nó ngoảnh lại hai lần, rồi biến mất trong bóng đêm.

Lại một đoàn tàu nữa chạy vào ga. Đoàn tàu lịch kịch giảm dần tốc độ, quện theo một đám bụi mù trên các nóc toa. Khi nó dừng hẳn, từ trên đầu máy vẫn đang hoạt động, người tài xế ló ra:

- Ấy, Edigej-Bảo Tuyết, asalam aleikum!

- Alekim - asalam!

Edigej nghiêng đầu để nhìn rõ hơn người kia là ai. Trên tuyến đường này tất cả mọi người đều biết nhau. Thì ra người tài xế là một thanh niên. Edigej nhờ anh ta, khi tàu đến ga Kumbel, - một ga lớn, nơi Ajzada đang ở, - báo cho cô ấy biết bố cô ấy chết. Anh tài xế sẵn sàng làm giúp điều ấy vì kính trọng hương hồn bác Kazangap, hơn nữa tại Kumbel sẽ thay tổ lái, thậm chí anh ta còn hứa trên chuyến quay trở lại, sẽ cho cả gia đình Ajzada đi nhờ về đây, nếu chị ấy chuẩn bị kịp.

Một người đáng tin cậy. Edigej cảm thấy nhẹ nhõm hơn. Thế là xong được một việc.

Vài phút sau đoàn tàu chuyển bánh, và khi từ biệt anh tài xế, Edigej thấy một người gầy gò đang men theo vệ đường dọc đoàn tàu đang tăng dần tốc độ, đi về phía bắc. Edigej nhận ra đó là Edilbaj.

*

Trong lúc Edigej bàn giao công việc, nói vài lời với Edilbaj - Cò Hương về chuyện vừa xảy ra, cả hai đều thở vắn than dài nhớ đến Kazangap. Tại ga Boranly-Bảo Tuyết đã có hai đoàn tàu chạy qua, theo hai hướng khác nhau. Và khi đã xong việc, trên đường về nhà, Edigej mới sực nhớ đã quên không nhắc vợ, nói đúng hơn là hỏi ý

kiến vợ, về chuyện bằng cách nào báo tin cho hai đứa con gái và hai chàng rể của mình về cái chết của ông lão Kazangap. Hai cô con gái của Edigej lấy chồng ở một vùng gần thành phố Kyzyl-Orda. Cô lớn sống ở một nông trường quốc doanh trồng lúa, chồng làm thợ lái máy kéo. Cô thứ hai lúc đầu sống ở ga ngoại ô Kazalinsko; sau đó cùng gia đình chuyển đến nông trường quốc doanh với cô chị, chồng làm lái xe. Và mặc dù Kazangap không phải người thân thích với chúng nó, song nhất thiết chúng nó phải về dự lễ tang. Edigej cho rằng đối với chúng nó, Kazangap còn thân thiết hơn bất cứ người bà con ruột thịt nào khác. Hai đứa chúng nó đã ra đời bên cạnh Kazangap ở ga Boranly-Bảo Tuyết. Chúng đã lớn lên ở đây, đã học ở trường phổ thông; và thi vào trường nội trú tại khu ga Kumbel, thì chính Edigej hoặc Kazangap đã nhiều lần đưa đón chúng. Nhớ dạo hai đứa còn nhỏ, bác đã dùng lạc đà chở chúng về nghỉ hè hoặc trở lại khi tựu trường. Bố ngồi giữa, con em đằng trước, con chị đằng sau. Từ Boranly-Bảo Tuyết đến Kumbel, con Karanar rảo bước mất ba giờ, mùa đông thì lâu hơn một chút. Nếu Edigej bận, Kazangap sẽ đưa đón chúng. Ông coi chúng như con đẻ. Edigej quyết định sớm mai sẽ đánh điện cho các con để chúng liệu thu xếp. Về hay không còn tùy, nhưng ít ra chúng phải biết rằng bác Kazangap đã qua đời...

Sau đó vừa đi bác vừa nghĩ, rằng sáng mai, việc đầu tiên là đem con Karanar ngoài bãi chăn về, sẽ rất cần đến nó. Trên đời này, chết không đơn giản, mà chôn cất một người cho xứng đáng cũng chẳng dễ gì... Bao giờ cũng thiếu sót cái này, cái nọ, cái gì cũng phải tìm kiếm vội vội vàng vàng, kể từ tấm vải liệm cho đến món củi để đun làm bữa cúng.

Đúng lúc ấy, có một cái gì đó vờ ra trên không trung, giống như ở ngoài mặt trận, vọng lại tiếng âm âm của sóng nổ cực mạnh, và mặt đất dưới chân rung chuyển. Đằng trước, rất xa trong thảo nguyên, về phía sân bay vũ trụ Sarozek, Edigej nhìn thấy một khối lửa lớn dần, từ dưới đất lao vút lên trời. Bác cũng sững sờ trước cảnh một quả tên lửa bay vào vũ trụ. Cảnh này bác chưa từng thấy bao giờ. Cũng như mọi người dân Sarozek, bác biết rằng ở cách đây chừng bốn năm chục cây số có sân bay vũ trụ Sarozek - 1, rằng có một nhánh đường sắt riêng chạy từ ga Togrek - Tam tới sân bay ấy. Người ta còn kể rằng ở đằng ấy, giữa thảo nguyên, đã mọc lên một thành phố lớn với những cửa hàng đồ sộ. Bác đã nghe đài, nghe kể, đọc báo, không biết bao nhiêu chuyện về các nhà du hành vũ trụ, về các chuyến bay vũ trụ. Ở các buổi ca nhạc nghiệp dư trên tỉnh, trẻ em sung sướng nhất trên đời, bởi vì các chú phi hành gia đã đi vào vũ trụ từ quê hương của chúng. Nhưng vì tất

cả những thứ nằm trong khu vực sân bay vũ trụ bị coi là vùng cấm, nên Edigej tuy sống rất gần đây, cũng mới chỉ được nghe, được biết thế thôi. Đêm nay, lần đầu tiên bác chứng kiến tận mắt tên lửa vũ trụ lao vút lên trời, như một khối lửa sôi sùng sục, rọi sáng lóa cả một vùng. Edigej chột rùng mình - lẽ nào lại có người ngồi trong khối lửa ấy? Một hay hai người? Và tại sao bác sống thường xuyên ở đây, mà chưa bao giờ bác nhìn thấy thời điểm tàu vũ trụ cất cánh, trong khi người ta đã bay bao nhiêu chuyến rồi! Có lẽ những lần trước, họ cất cánh vào ban ngày. Dưới ánh mặt trời, ở khoảng cách xa như thế, vị tất đã nhìn thấy rõ. Còn lần này, tại sao lại phóng đi vào ban đêm? Vì vội vã, hay theo kế hoạch định trước? Có lẽ nó khởi hành từ trái đất ban đêm, nhưng lên trên đó lập tức là ban ngày chẳng? Shabitzhan từng kể, tựa hồ chính nó đã lên trên ấy, rằng ở trong vũ trụ cứ mỗi nửa giờ, ngày đêm lại thay thế nhau. Phải hỏi kỹ thằng Shabitzhan mới được. Nó biết hết mọi điều. Nó chỉ thích làm nhân vật quan trọng. Gì thì gì chứ nó cũng làm việc ở trên tỉnh. Chỉ mong nó đừng có bịa thêm. Để làm quái gì kia chứ? Anh là ai thì hãy cứ tự đúng là mình. "Cháu đã gặp ông này, ông nọ, có ông to lắm, đã từng bàn bạc với nhau bao nhiêu điều". Thế nhưng Edilbaj - Cò Hương sau lần lên tỉnh gặp Shabitzhan lại kể khác. Anh ta bảo chỉ thấy

thằng Shabitzhan chạy nháo nhào từ bàn máy điện thoại tới cửa phòng làm việc chỗ khách ngồi đợi, chỉ thấy nó luôn miệng: "Tôi nghe đây, thưa đồng chí Alzhapar Kakharmanovich! Xin tuân lệnh đồng chí Alzhapar Kakharmanovich! Dạ có ngay, thưa đồng chí Alzhapar Kakharmanovich". Còn cái ông nhà Alzhapar kia thì chỉ ngồi trong phòng làm việc và luôn tay ấn những cái nút gì đó. Bởi vậy, Edilbaj chẳng kịp nói chuyện ra đầu ra đũa với Shabitzhan... Đấy, Edilbaj kể, cái thằng đồng hương của chúng ta hóa ra là như thế đấy. Mặc xác nó muốn trở nên thế nào cũng được... Chỉ thương bác Kazangap. Bác ấy vốn hết lòng chăm lo cho thằng con trai. Cho đến tận đời không hề nói gì xấu về nó. Thậm chí bác ấy đã ra thành phố ở với vợ chồng nó; chính vợ chồng nó đã nài nỉ mời bác ấy lên tỉnh và chở bác ấy đi. Vậy mà kết cục là... Nhưng thôi, đó lại là chuyện khác...

Edigej đi trong đêm với những ý nghĩ như thế sau khi bác nhìn theo con tàu vũ trụ cho đến lúc nó mất hút. Khi khối lửa nhỏ dần, chìm vào bầu trời đêm, biến thành một điểm khói trắng, bác mới lắc đầu đi tiếp, lòng tràn ngập những cảm giác lạ lùng, trái ngược nhau. Bác khâm phục cảnh tượng vừa rồi, song đồng thời cũng hiểu rằng đó là công việc xa lạ đối với mình, một việc làm cho người ta kinh ngạc và hoảng sợ. Lúc ấy bác chợt nhớ đến con cáo nhỏ

đã mon men tới gần đường tàu. Nó sẽ kinh hoàng biết chừng nào, khi con rồng lửa khủng khiếp kia vút qua thảo nguyên trống trải. Chắc nó chẳng biết nấu mình vào đâu...

Nhưng ngay bác, Edigej-Bảo Tuyết, người chúng kiến quả tên lửa được phóng lên vũ trụ vào ban đêm, cũng đâu biết, và cũng không được quyền biết rằng đó là chuyến bay cấp cứu, hỏa tốc của một con tàu vũ trụ có người lái, đã cất cánh mà không có nghi thức long trọng, không có các phóng viên tham dự, đã cất cánh vì một sự kiện đặc biệt xảy ra trên trạm vũ trụ "Paritet-Song Đôi" hoạt động hơn một năm rưỡi nay, theo chương trình hợp tác Xô-Mỹ, mang tên "Tramplin". Làm sao Edigej biết được tất cả những chuyện đó? Bác cũng không ngờ rằng sự kiện ấy sẽ liên quan đến cả bác, đến cuộc sống của bác, và chẳng phải chỉ vì mối liên hệ mật thiết giữa một người với cả loài người trong ý nghĩa phổ quát của nó mà đó là mối quan hệ hết sức cụ thể và trực tiếp. Bác lại càng không biết và không thể ngờ rằng chỉ ít giây sau, khi con tàu kia cất cánh khỏi sân bay vũ trụ Sarozek, thì ở phía bên kia hành tinh, từ sân bay vũ trụ Neveda của Mỹ cũng đã bay lên một con tàu có nhiệm vụ hệt như thế, cũng bay lên trạm "Paritet", cũng tới quỹ đạo "Tramplin", có điều là theo chiều quay ngược lại.

Hai con tàu được cấp tốc phóng lên vũ trụ theo mệnh lệnh phát đi từ tàu sân bay nghiên cứu khoa học "Convention" ("Thỏa thuận"). Đó là trạm nổi trên đại dương của Trung tâm liên hợp Xô-Mỹ, điều khiển chương trình "Demiurge" ("Đấng sáng thế").

Tại sân bay "Convention" đậu tại khu vực thường trú của nó trên Thái Bình Dương, phía nam quần đảo Aleut, ở tọa độ cách Vladivostok và San Francisco một khoảng cách bằng nhau. Trung tâm liên hợp điều khiển chương trình - gọi tắt là Trung tâm điều khiển - lúc này đang căng thẳng theo dõi đường bay của cả hai con tàu lên quỹ đạo "Tramplin".

Tam thời mọi chuyện diễn biến tốt đẹp. Sẽ phải lắp ghép hai con tàu với tổ hợp "Paritet". Một nhiệm vụ cực kỳ phức tạp, việc lắp ghép phải diễn ra không theo kiểu lần lượt - hết con tàu thứ nhất mới đến con tàu thứ hai - mà đồng thời với một khoảng thời gian, từ cả hai phía khác nhau của trạm.

"Paritet" không hề trả lời các tín hiệu của Trung tâm điều khiển, phát đi từ tàu "Convention" suốt hơn 12 giờ qua; cũng không đáp lại tín hiệu của hai con tàu đang tiến lại lắp ghép với nó... Còn phải biết rõ điều gì đã xảy ra với tổ lái "Paritet".

2.

Những chuyến tàu ở vùng này chạy từ Đông sang Tây và từ Tây sang Đông...

Trải rộng hai bên đường tàu ở vùng này là những hoang mạc mênh mông - miền Sarozek và các thảo nguyên úa vàng thuộc miền Đất Giữa.

Ở vùng này, mọi khoảng cách bất kỳ đều được đem so với con đường sắt, như so với kinh tuyến Greenwich.

Những chuyến tàu vẫn chạy từ Đông sang Tây và từ Tây sang Đông...

Từ ga Boranly-Bảo Tuyết đến nghĩa địa Ana-Bejit của bộ tộc Najman ít ra phải xa đường sắt đến 30 kilômét, đấy là theo đường thẳng và với cách ước lượng của người dân vùng Sarozek. Nếu không đi liền để khỏi bị lạc giữa thảo nguyên, thì nên đi dọc theo tuyến đường sắt, nhưng khi đó quãng đường đến nghĩa địa sẽ xa hơn: Sẽ phải đi vòng đến tận khúc quanh thung lũng Kybyksai, rồi quẹo về phía nghĩa địa Ana-Bejit. Không còn lối thoát nào khác. Thế là

ngắn nhất cũng mất ba chục versta (*) đường đi và ngắn ấy đường về.

Nhưng ngoài Edigej ra, thì chẳng một ai trong số dân Boranly hiện nay biết đường đi tới đó; tuy họ cũng nghe nói đến nghĩa địa Bejit lâu đời, qua nhiều câu chuyện nửa như cổ tích, nửa như truyền thuyết. Nhiều năm nay, đây là trường hợp đầu tiên ở Boranly-Bảo Tuyết, một cái ga xép có tám nóc nhà, mới có người chết phải đem chôn cất. Cách đây mấy năm, khi một cháu gái bị chết vì bệnh suyễn, cha mẹ cháu đã đem thi hài cháu về chôn cất ở tỉnh Ural quê họ. Còn vợ Kazangap - bà lão Bukej - thì yên nghỉ tại nghĩa trang cạnh ga Kumbel: bà lão mất ở bệnh viện trên ấy, cách đây mấy năm và người ta đã quyết định mai táng tại đó. Dưa bà lão về Boranly-Bảo Tuyết là vô nghĩa. Kumbel là ga lớn nhất ở miền Sarozek; hơn nữa, ở đây có cô con gái Ajzada và thằng con rể tuy nghiện ngập hu đốn, nhưng dầu sao cũng là thân thích ruột rà. Chúng nó sẽ trông nom phần mộ. Và chẳng, hồi ấy bác Kazangap còn sống, bác ấy tự quyết định nên làm thế nào.

Còn bây giờ người ngoài phải nghĩ cách làm.

Tuy nhiên Edigej cương quyết giữ ý kiến của mình. Bác bảo bọn trẻ:

(*) Versta: Dặm. Đơn vị đo lường cũ ở Nga, bằng 0,06 km (NXB).

- Các anh các chị hãy vứt bỏ cái lối nói thiếu hào hiệp ấy đi. Chúng ta sẽ mai táng một người như bác Kazangap ở Ana-Bejit, nơi tổ tiên yên nghỉ, theo đúng lời dặn của người quá cố. Đừng nói nữa, hãy bắt tay vào việc chuẩn bị đi. Đường xa đấy. Sáng mai ta sẽ khởi hành sớm...

Tất cả đều hiểu Edigej có quyền quyết định. Và họ đồng ý. Kể ra Shabitzhan có thử phản đối. Cậu ta kịp về ngay hôm sau trên một chuyến tàu hàng - tàu khách không dừng ở ga này. Và cái việc cậu ta về đây, tuy chưa nhận được tin bố sống hay chết, chỉ riêng điều đó đã khiến Edigej cảm động, thậm chí vui sướng. Và có những phút hai chú cháu đã ôm nhau khóc vì nỗi đau khổ chung. Sau đó, Edigej tự ngạc nhiên về mình. Trong lúc áp đầu Shabitzhan vào ngực, bác đã không kiềm chế được, vừa nói vừa nức nở: "Con đã về, tốt lắm, con đã về là tốt lắm!" - cứ như thể thằng Shabitzhan về có thể làm cho Kazangap sống lại không bằng. Và tại sao Edigej lại khóc lóc, chính bác cũng chẳng hiểu nữa. Hai chú cháu ôm nhau khóc hồi lâu ngoài sân, trước cửa ngôi nhà bằng đất tro troi của Kazangap. Nhớ đạo Shabitzhan lớn lên trước mắt bác, thằng bé được bố nó yêu quý hết mực, được đưa vào học trường nội trú Kumbel, dành riêng cho con em cán bộ đường sắt, nhớ những khi rỗi rãi họ đã đáp tàu hoặc cưỡi lạc đà lên thăm nó xem nó sống ở ký túc xá thế nào, có làm méch

lòng ai chẳng, có vi phạm kỷ luật hay không, học hành ra sao, thầy cô giáo nhận xét gì về nó... Những khi đón nó về nhà chơi, đã bao lần bác dùng áo lông bọc kín, chở nó lên lạc đà, vượt qua bão tuyết hoặc giá rét, chỉ cốt nó kịp giờ học.

Ôi, những tháng ngày không bao giờ trở lại nữa! Tất cả đã trôi qua như một giấc mơ. Bây giờ trước mặt bác là một người lớn, chỉ còn hơi giống thằng Shabitzhan hồi bé - mắt ốc nhồi, hay cười. Bây giờ nó mang kính, đội mũ rộng vành, đeo chiếc cà vạt nhàu. Nó làm việc ở trên tỉnh và rất muốn làm ra vẻ một cán bộ quan trọng. Nhưng cuộc sống này điên đảo lắm, không dễ gì leo lên chức này chức nọ, như chính nó nhiều lần đã phân nân, nếu không có người mạnh thế nâng đỡ, nếu không quen biết rộng, hoặc có họ hàng làm lớn. Nó chỉ là con trai của một bác công nhân Kazangap nào đấy ở cái ga xếp Boranly-Bảo Tuyết nào đấy. Khốn khổ chưa! Nhưng bây giờ thì bố nó cũng không còn nữa, một ông bố vô tích sự nhưng giá còn sống vẫn tốt hơn nghìn lần một ông bố về vang đã chết...

Sau đó, nước mắt cũng cạn. Họ chuyển sang trò chuyện, bàn bạc công việc. Lúc ấy mới vỡ lẽ rằng cậu con trai yêu quý - cậu con trai cái gì cũng biết ấy - về đây không phải để làm lễ mai táng mà chỉ là để chôn bố cho sớm, rồi cuốn gói thật nhanh. Nó bắt đầu phát ra những ý kiến

như thế này: làm quái gì phải cất công đưa đến tận nghĩa địa Ana-Bejit xa xôi, quanh đây rộng mênh mông, cả một vùng thảo nguyên hiu quạnh chạy dài đến cùng trời cuối đất. Có thể đào một cái hố ở gần đâu đây, trên một cái gò nào đấy, cạnh đường xe lửa. Cứ để cho ông lão bẻ ghi nằm đó mà nghe tiếng xe lửa chạy trên đường ray, nơi ông đã làm việc cả đời. Thậm chí nó còn nhắc đến một câu tục ngữ xa xưa: "Sinh dữ tử lành, chôn nhanh hết nợ". Dây dưa mà làm gì, bàn bạc mà làm chi, chôn ở đâu mà chả thế, những việc như thế này kết thúc càng sớm càng hay.

Nó lập luận theo kiểu đó, còn bản thân nó như muốn biện bạch rằng bao nhiêu việc quan trọng và cần kíp đang chờ nó ở cơ quan, mà thời gian thì quá ít, ai chả biết thủ trưởng đâu có quan tâm đến chuyện nghĩa địa ở xa hay gần, đã ra lệnh cho nó phải có mặt ở cơ quan vào ngày này giờ nọ. Thủ trưởng là thủ trưởng, thành phố là thành phố...

Edigej tự rửa thềm mình là một lão già ngu ngốc. Bác xấu hổ và tiếc rằng đã khóc nức lên cảm động khi thấy thằng Shabitzhan xuất hiện, tuy thật sự nó là con trai ông già Kazangap. Edigej đứng dậy, lúc ấy có năm người đang ngồi trên đồng tà vẹt cũ kê sát tường làm ghế, và bác phải nén lăm mồi khói nặng lời trước mặt

mọi người vào một ngày như thế này. Vì nghĩ đến Kazangap, bác chỉ nói:

- Dĩ nhiên quanh đây thì thiếu gì chỗ, muốn bao nhiêu chẳng có. Nhưng tại sao người ta lại không chôn cất người thân của mình theo kiểu bẹ dậu chôn đấy? Phải có lý do chứ! Chả lẽ họ tiếc đất? - Bác ngừng lời và mấy người Boranly im lặng nghe bác - Các vị hãy quyết định lấy, hãy suy nghĩ thêm, còn tôi đi xem công việc đến đâu rồi.

Đoạn bác bước ra với vẻ mặt sa sầm, khó chịu, như muốn tránh xa tội lỗi. Lông mày bác nhíu lại ở gốc mũi. Tính bác vốn nóng nảy, thẳng thừng - người ta đã gọi bác là Bảo Tuyết còn vì biệt hiệu ấy rất hợp với tính nết bác. Vừa rồi, nếu chỉ có riêng bác với Shabitzhan, chắc bác đã đập vào mặt nó - cái mặt trơ trẽn - tất cả những lời nó đáng phải nghe. Cho nó nhớ đời! Nhưng bác chẳng muốn về hòa với đám đàn bà. Cánh phụ nữ đang xì xào tức giận, họ bảo thằng con trai về làm tang cho cha mà như đi chơi. Hai tay đút túi quần. Ít ra cũng mang về lấy một gói trà, chưa nói gì các khoản khác. Rồi vợ nó, một đứa con dâu thành thị, lẽ ra phải tỏ thái độ tôn trọng bố chồng, phải về đây khóc lấy vài tiếng chứ. Chẳng còn biết xấu hổ là gì. Đồ vô lương tâm. Hồi ông lão còn sống và dư dật - có hai con lạc đà cho sữa, gần hai chục con cừu cái với bấy cừu con - thì nó bố bố con con. Nó

mò về luôn, đồ ngon đồ ngọt ông lão bán sạch các thứ đó, rồi lên thành phố ở với vợ chồng nó. Có số tiền ấy, chúng nó mua sắm đồ gỗ và xe hơi, xong xuôi, chúng nó coi bố là đồ thừa. Bây giờ bố chồng chết, nó không thèm lo mặt về. Cánh phụ nữ định làm âm lên, nhưng Edigej không cho phép. Này các bà - bác nói - đừng có mở miệng nói năng lung tung vào dịp này. Đây không phải là việc của chúng ta, hãy để chúng nó tự khu xử lấy...

Bác bước ra chỗ chuồng lạc đà. Ở đó, con Karanar-Bảo Tuyết được lừa từ bãi chăn về, đang bị buộc mũi, chốc chốc lại kêu lên bực bội. Nếu không kể hai lần con Karanar cùng bảy lạc đà kéo nhau ra uống nước tại chỗ giếng bơm, thì hầu như cả tuần, suốt ngày đêm, nó được thả rông hoàn toàn. Nó cảm chịu ở trong chuồng, con vật quái ác, và bây giờ nó đang tỏ rõ sự bất mãn - giận dữ ngoác to cái mồm lồm chồm những răng, thỉnh thoảng lại rống lên, ra cái điều ta bị trói chân trói cẳng, trong khi lẽ ra nó phải biết điều một chút.

Edigej bước lại bên nó với tâm trạng bực tức sau khi nói chuyện với Shabitzhan, mặc dù bác đã biết trước là cái thằng ấy vốn dĩ như vậy. Cứ như thể Shabitzhan về dự đám tang bố có nghĩa là nó ban ơn cho mọi người ở đây. Đối với nó, đây là cái gánh nặng cần được vứt bỏ thật nhanh chóng. Edigej chẳng muốn phí lời với

nó nữa, bởi lẽ đằng nào bác cũng phải tự lo liệu mọi việc, và đã có xóm giềng hỗ trợ. Tất cả những ai không bận công tác đều giúp bác chuẩn bị lễ mai táng và bữa cúng ngày mai. Phụ nữ đi mượn bát đĩa, cọ rửa các ấm xamôva, nhào bột, và đã bắt đầu nướng bánh; nam giới thì gánh nước, cưa các thanh tà-vẹt gỗ phế thải làm củi đun, - ở giữa thảo nguyên trần trụi này, chất đốt bao giờ cũng hiếm như nước. Chỉ riêng Shabitzhan lằng xằng, làm mất thời giờ của mọi người, luôn miệng ba hoa đủ chuyện, nào vị nọ vị kia giữ chức vụ gì trên tỉnh, ai được thăng, ai bị cách chức. Còn chuyện vợ nó không về làm ma bố chồng chẳng hề làm nó lúng túng chút nào: Thật là lạ! Vợ tôi nó nói - bạn tham gia một hội nghị gì đấy, các bà ạ, tại hội nghị ấy sẽ có mặt các vị khách ngoại quốc cơ. Về khoản tại sao các con của nó không về, thì nó lờ đi. Các con của nó còn bận phần đầu học giỏi, đi học đều đặn để được nhận bằng tốt nghiệp loại xuất sắc, thuận lợi cho việc thi đại học. Edigej giận dữ nghĩ thầm: "Chúng nó là cái loại người gì vậy! Đối với chúng nó, mọi việc trên đời đều hệ trọng, trừ cái chết!". Và điều đó khiến bác thấy bất nhẫn: "Nếu cái chết đối với chúng chẳng là gì cả, thì hóa ra cuộc sống cũng không có giá trị nào hết. Vậy thì chúng sống để làm gì và sống như thế nào?".

Edigej thầm mắng con Karanar:

- Đồ cá sấu, làm gì mà mày cứ nhặng xị lên thế? Sao mày cứ ngẩng lên trời mà rống, tựa hồ ông trời trên kia có thể nghe thấy tiếng mày không bằng? - Edigej gọi con lạc đà của mình là đồ cá sấu chỉ trong những trường hợp hãn hữu, khi bác hoàn toàn mất kềm chế. Biệt hiệu ấy là do những người thợ làm đường đặt cho con Karanar-Bảo Tuyết vì cái mồm lồm chồm răng và tính nết đáo đẽ của nó - Mày cứ rống nữa đi, đồ cá sấu, rồi tao sẽ bẻ sạch răng của mày cho mà xem!

Đến lúc thắng yên lên mình lạc đà, Edigej thấy ngưỡi ngoài con giân. Bác ngắm con vật. Karanar-Bảo Tuyết vốn khỏe và đẹp. Tuy Edigej khá cao, song cũng không thể với tay tới đầu nó. Edigej khéo léo nín cổ con lạc đà xuống, gõ gõ ngón roi vào hai đầu gối đầy vết chai của nó, nghiêm giọng bắt nó quỳ xuống. Tuy vùng vắng, con lạc đà vẫn tuân lệnh chủ, và cuối cùng, sau khi thu chân lại, nó tì ngực xuống đất nằm im để chủ làm việc.

Thắng yên lên mình lạc đà một cách thực sự - đó là một việc vất vả như xây một ngôi nhà vậy. Phải khéo léo, tốn nhiều công sức, nhất là đối với một con lạc đà khổng lồ như con Karanar.

Không phải bỗng dưng người ta đặt cho nó cái biệt danh Karanar, nghĩa là Quỷ Đen. Cái đầu đen xù xì, bộ râu rậm màu đen kéo lên tận

bòm, toàn bộ phần dưới cổ lông đen tuyền, mọc dày và dài như một cái bòm xuống tận đầu gối - thứ trang sức chủ yếu của con đực - hai cái bướu căng phồng nổi cao như hai cái tháp trên lưng. Thêm vào đó là cái chót đuôi đen sậm. Toàn bộ phần còn lại - phần trên của chiếc cổ, bộ ức, hai bên sườn, bốn chân, bụng - thì ngược lại, tuyền một màu hạt dẻ sáng. Con Karanar-Bảo Tuyết đẹp và nổi tiếng chính nhờ vóc dáng và bộ lông của nó. Và thời sung sức nhất của nó là vào lúc nó ở tuổi hai mươi.

Lạc đà sống rất lâu. Có lẽ vì thế mà năm tuổi chúng mới đẻ con và cách hai năm mới đẻ một lần. Thời gian mang thai cũng lâu hơn mọi giống vật khác - những mười hai tháng. Lạc đà con được săn sóc cẩn thận trong một năm rưỡi đầu, để khỏi bị đau ốm, tránh gió máy thảo nguyên, sau đó nó lớn lên từng ngày và chẳng còn sợ giá rét, nóng bức hay tình trạng khát nước nào nữa...

Edigej rất thạo việc chăm sóc lạc đà - con Karanar-Bảo Tuyết luôn luôn khỏe mạnh. Dấu hiệu đầu tiên của sức khỏe là hai cái bướu đen của nó cứ thô lỗ như hai khối gang. Hồi Kazangap tặng bác chú lạc đà Karanar đang còn bú mẹ, bé xíu và lông mượt như tơ hết một chú vịt con, Edigej mới đến lập nghiệp ở ga Boranly-Bảo Tuyết này, sau khi từ mặt trận trở về được vài năm. Hồi ấy Edigej còn trẻ lắm. Đâu ngờ bác lại sống

ở đây cho đến lúc bạc đầu. Đôi khi xem lại các bức ảnh cũ, chính bác không tin mắt mình nữa. Thay đổi ghê quá - già sọm hẳn đi. Thậm chí lông mày cũng đã bạc trắng. Nét mặt dĩ nhiên cũng khác. Riêng thể xác không nặng nề như thường thấy ở tuổi này. Hàng ria mép trở thành bộ râu lúc nào chẳng biết nữa. Bây giờ hình như nhất thiết phải có râu, nếu không, khác gì ở trường. Có thể nói cả một câu chuyện dài đã trôi qua từ ngày ấy.

Giờ đây, khi thắng yên con Karanar đang nằm dưới đất, đe nẹt nó lúc bằng giọng nói, lúc bằng cách vung tay, trông khi con lạc đà thỉnh thoảng gầm gừ húc hặc như một con sư tử, cái đầu xù xì trên chiếc cổ dài ngoẵng cứ quay qua quay lại, Edigej mới nhớ lại những chuyện xảy ra ngày xưa và lấy làm buồn lòng...

Bác loay hoay rất lâu, cứ sửa đi sửa lại mãi cái dây cương. Lần này, trước khi thắng yên, bác đã phủ lên mình con Karanar tấm chăn đẹp nhất, dệt từ ngày xưa, có tua dài nhiều màu và các họa tiết trang trí như một tấm thảm. Bác không còn nhớ lần cuối cùng, bác tô điểm cho con Karanar bộ yên hiếm có, được Ukubala gìn giữ cẩn thận như thế này là hồi nào. Bây giờ mới lại đúng dịp...

Thắng xong yên cương, Edigej bắt Karanar đứng dậy và lấy làm hài lòng. Thậm chí bác kiêu hãnh về việc mình vừa làm. Karanar trông

thật đường bệ, uy nghi với bộ yên cương trang trí giữa hai cái bướu. Không, phải để cho bọn trẻ, đặc biệt là thằng Shabitzhan chiêm ngưỡng, phải để chúng hiểu rằng chôn cất một người đã sống xứng đáng không phải là một thứ gánh nặng phiền phức, mà là một sự kiện tuy đau khổ nhưng vĩ đại và do đó, phải theo đúng nghi lễ. Có người được cử nhạc, phủ cờ, có người được bắn súng vĩnh biệt, có người được rước nhiều vòng hoa đến đặt trên mộ...

Còn bác, Edigej-Bảo Tuyết, ngày mai, từ sáng sẽ chỉ huy đám tang, sẽ cưỡi trên lưng con Karanar được trang điểm đẹp nhất, đưa linh cữu Kazangap tới nơi an nghỉ cuối cùng ở Ana-Bejit... Và suốt dọc đường bác sẽ nghĩ đến Kazangap, khi vượt thảo nguyên Sarozek vĩ đại và tro trụi. Và sẽ vừa suy nghĩ vừa trao Kazangap cho lòng đất nơi nghĩa địa của bộ tộc như lời dặn của người quá cố. Đúng, Kazangap đã dặn như vậy. Đường dù xa hay gần, nhưng không ai có thể ngăn cản bác thực hiện lời trời tru của Kazangap, kể cả con trai của ông cụ.

Hãy để tất cả mọi người thấy rằng, dù chuyện gì xảy ra, nhưng Karanar của bác cũng sẵn sàng - đã được thắng yên cương đẹp đẽ - để gánh vác phận sự nói trên.

Hãy để mọi người nhìn thấy. Edigej cầm cương dắt con lạc đà ra khỏi chuồng, đi một vòng qua tất cả các nhà rồi buộc nó cạnh ngôi nhà

bằng đất của ông già Kazangap. Hãy để mọi người nhìn thấy. Bác, Edigej-Bảo Tuyết, không thể không giữ lời hứa của mình. Có điều là bác không cần phải phí công chứng minh điều đó. Trong lúc bác thắng yên cương. Edilbaj - Cò Hương đã gọi Shabitzhan ra một chỗ vắng:

- Ta ra đằng kia nói chuyện một chút.

Hai người trao đổi không lâu. Edilbaj không thuyết phục, mà đốp chát thẳng thừng:

- Thế này, cậu Shabitzhan ạ, cậu hãy cảm ơn thượng đế rằng trên đời còn có Edigej-Bảo Tuyết, bạn của cha cậu. Và cậu chớ cản trở chúng tôi mai táng ông già một cách tử tế. Nếu cậu vội, chúng tôi sẽ không giữ chân cậu. Tôi sẽ ném thêm vài cục đất thay phần của cậu!

- Đó là cha tôi, tôi biết chứ... - Shabitzhan vừa mở miệng, nhưng Edilbaj cắt ngang:

- Cha cậu thật đấy, nhưng cậu không đáng làm con.

- Ông nói gì vậy, - Shabitzhan phản đối - Thôi được, ta sẽ không cãi nhau vào dịp này. Thì cứ đem chôn ở Ana-Bejit, đâu chả được, chẳng qua là tôi thấy nó hơi xa...

Câu chuyện của họ chấm dứt ở đó. Và khi Edigej đã dắt con Karanar đi một vòng, trở về nói với mọi người: "Xin các vị đừng nói những lời thiếu hào hiệp nữa. Một người như thế chúng

ta sẽ mai táng ở Ana-Bejit..." - thì không ai phản đối, tất cả im lặng tán thành.

Từ sáng đến tối mịt hôm ấy, tất cả đều quây quần trên sân, trước ngôi nhà người quá cố. May là thời tiết rất đẹp. Sau cái nóng ban ngày, trời trở nên mát lạnh, cái mát sắp sang thu ở vùng Sarozek. Bầu không khí vĩ đại, tĩnh mịch, lặng gió, trùm khắp buổi hoàng hôn. Chiều tối, người ta đã xả thịt xong một con cừu to cho bữa cúng ngày mai. Lúc này họ ngồi uống trà bên các ấm xamôva bốc hơi nghi ngút và nói đủ thứ chuyện... Hầu hết các món ăn đã được chuẩn bị xong, chỉ còn đợi sáng mai khởi hành đi Ana-Bejit. Buổi tối trôi qua êm ả đúng như khi có một vị cao niên qua đời. downloadsachmienphi.com

Vẫn như [mọi ngày](https://downloadsachmienphi.com), những chuyến tàu vẫn gặp nhau và tránh nhau ở ga Boranly-Bảo Tuyết, vẫn chạy từ đông sang tây và từ tây sang đông...

Suốt buổi tối hôm ấy, mọi việc dường như bình thường, nếu không xảy ra một chuyện buồn lòng. Ấy là khi vợ chồng Ajzada đón nhờ chuyến tàu hàng về chịu tang bố. Ajzada vừa xuất hiện đã khóc âm lên, thế là cánh phụ nữ vây quanh chị ta cũng khóc theo. Nhất là bà Ukubala khóc thật thảm thiết. Bà rất thương Ajzada. Hai cô cháu cứ ôm nhau nức nở. Edigej cố an ủi Ajzada: Thôi cháu ơi, biết làm thế nào bây giờ, ta có chết theo người quá cố được đâu, đành phải chấp nhận số mệnh vậy. Nhưng Ajzada vẫn chưa nguôi.

Sự đời thường như vậy - cái chết của ông bố là cái có để chị ta than khóc, bày tỏ nỗi lòng chất chứa lâu nay trước mặt mọi người. Ajzada gọi bố, vừa khóc lớn vừa cay đắng than thân trách phận. Quần áo rách thếch, mắt sưng húp, Ajzada cứ vật vã khóc than; nào số phận hẩm hiu, chẳng ai thông cảm và chỉ bảo cho chị ta, nào là chị ta khổ từ lúc trẻ, vợ phải thẳng chồng là một con sâu rượu, con cái thì suốt ngày lê la trên khu ga không ai trông nom dạy bảo, cho nên hóa thành hư đốn, không chừng nay mai sẽ trở thành những tên ăn cướp trên tàu; thẳng con lớn lại tập tành rượu chè, công an đã tới nhắc nhở, cảnh cáo, cứ điều này thì chẳng mấy chốc sẽ phải ra tòa. Nhưng chị ta có thể làm gì được, khi một nách những sáu con! Thằng bố chúng nó thì bỏ mặc tất cả. Đúng là bỏ mặc tất cả, anh ta cứ ngồi cúi đầu, mặt buồn xo, dáng dờ dẩn, lặng lẽ rít những điếu thuốc khét lẹt. Dầu sao anh cũng đã về chịu tang bố vợ. Đối với anh, đây không phải lần đầu. Anh biết: mẹ đàn bà làm âm i một lát rồi sẽ mệt... Nhưng vừa lúc ấy cậu em vợ - Shabitzhan - xen vào. Thế là bắt đầu rắc rối. Shabitzhan lên lớp bà chị: Đời thuở nhà ai lại làm như thế, chị về đây mai táng cha hay bôi nhọ bản thân mình? Phải chăng một người con gái Kazak xưa nay vẫn khóc ông bố đáng kính của mình như vậy? Chẳng phải lời than khóc vĩ đại của những người phụ nữ Kazak

đã trở thành các bài ca, các huyền thoại cho con cháu hằng mấy trăm năm đó sao? Còn kiểu khóc của chị chỉ làm cho mọi người khóc theo suốt suốt, chứ có làm cho người chết sống lại được đâu. Ngày trước, phụ nữ người ta khóc ra khóc, để ca tụng người chết và mọi ưu điểm của người đó. Còn chị? Ở đây chị cứ than vãn rên rỉ, như thể chị quá ư khổ sở ở trên đời không bằng!

Xem chừng Ajzada không chờ nghe những lời nói đó. Cho nên chị ta gào lên to hơn, giận dữ hơn. À, mày ra cái vẻ thông thái, giỏi giang gì chứ? Trước hết, mày hãy dạy con vợ mày! Mày hãy đem những lời hoa mỹ ấy đến giảng giải cho con vợ mày đã! Tại sao nó không về đây mà tỏ ra những lời than khóc vĩ đại cho chúng tao nghe! Sao nó không về nhà làm ma bố chồng, để bù lại phần nào việc chúng mày - đồ quỷ cái và đồ liếm gót tí tiện - đã cướp sạch tài sản của bố! Chồng tao tuy nghiện ngập thật đấy, nhưng anh ấy đã về đây, còn con vợ khôn ngoan thông thái của mày thì đâu?

Shabitzhan bèn quát lớn với ông anh rể để anh ta bắt vợ câm miệng. Vậy là anh ta đột nhiên nổi xung, lao tới bóp cổ Shabitzhan...

Bà con vất vả lắm mới can được hai anh em nhà ấy. Tất cả đều thấy khó chịu và xấu hổ. Edigej rất ngao ngán. Bác đã biết tư cách của chúng, nhưng không ngờ tới mức này. Bác nghiêm nghị cảnh cáo: Nếu các anh không tôn

trọng nhau thì ít ra cũng đừng làm nhục hương hồn người bố; nếu không, tôi sẽ nhất quyết không cho phép các anh ở đây thêm một phút nào nữa...

Vậy là trước khi mai táng đã xảy ra câu chuyện không hay như vậy. Edigej râu cả ruột. Cặp lông mày nhú lại trên gốc mũi, bác lại bị ám ảnh bởi câu hỏi - tại sao chúng nó, con của Kazangap, lại đổ đốn ra như thế, tại sao chúng nó lại đến nông nổi ấy? Lẽ nào bác và Kazangap đã mơ ước như vậy hồi chở chúng nó đến trường nội trú Kumbel, dưới trời oi nồng hay tuyết giá, để chúng học hành nên người, để chúng khỏi bị chết cồng ở một cái ga xép nào đó giữa vùng Sarozek, để về sau chúng không phải nguyên rủa số phận và trách cứ bố mẹ đã không lo lắng cho chúng? Thế nhưng kết cục ngược lại hoàn toàn. Và tại sao, cái gì đã cản trở chúng trở thành những người có lương tâm.

Thế là Edilbal - Cò Hương lại gỡ bí giùm bác vào buổi tối hôm ấy. Edilbaj tỏ ra khá nhạy bén. Bác ta hiểu rất rõ Edigej: Con của người chết xưa nay bao giờ cũng là nhân vật chủ yếu trong dịp tang lễ. Sự đời là thế. Và không thể đẩy chúng ra, đuổi chúng đi, dù chúng tro trên, vô tích sự đến mức nào. Để xoa dịu cái trò cãi lộn đáng xấu hổ giữa hai chị em vừa rồi, Edilbaj mời tất cả nam giới tới nhà mình. Tại sao chúng ta lại cứ ngồi ngoài sân đếm sao trên trời - bác ta nói - mời bà con sang nhà tôi uống trà đã nào...

Ở nhà Edilbaj, Edigej như rơi vào một thế giới khác. Trước kia bác vẫn thường ghé sang đây chơi và lần nào bác cũng hài lòng, vui mừng cho gia đình Edilbaj. Hôm nay bác càng muốn ở đây lâu hơn. Nhu cầu đó xuất phát từ chỗ bác cần phải phục hồi những sức lực đã mất.

Edilbaj cũng là công nhân đường sắt như những người khác, lương chẳng hơn ai, sống cũng như tất cả mọi người, trong một nửa ngôi nhà lắp ghép có hai phòng và ngăn bếp; nhưng ở đây chan hòa một không khí khác hẳn - mọi thứ đều sạch sẽ, ngăn nắp, ấm cúng. Cũng là món nước trà như ở các nhà khác, nhưng trong những cái cốc ở nhà Edilbaj, Edigej tưởng như là mật ong trong suốt. Vợ Edilbaj vừa đẹp người, vừa đảm đang, các con thì ngoan ngoãn... Họ sẽ sống ở Sarozek một thời gian nữa, rồi đi nơi khác, Edigej nghĩ thầm như vậy. Sẽ rất tiếc, nếu họ rời khỏi nơi đây...

Bỏ dép ở ngoài thêm, Edigej bước vào nhà, ngồi xếp chân bằng tròn, và lần đầu tiên trong ngày hôm nay, bác cảm thấy vừa mệt vừa đói. Tựa lưng vào vách gỗ, bác im lặng. Những người khách còn lại, quây quanh chiếc bàn tròn nhỏ nhỏ và thấp gần sát đất, trò chuyện khe khẽ với nhau...

Câu chuyện thật sự, lạ lùng, diễn ra sau đó. Edigej đã quên con tàu vũ trụ vừa được phóng đi hồi đêm. Bây giờ những người am hiểu đang

nói những điều khiến bác phải suy nghĩ. Chẳng phải bác phát hiện ra điều gì mới lạ đối với mình, mà là bác ngạc nhiên trước những lập luận của mọi người và vốn hiểu biết quá ít ỏi của mình về vấn đề đó. Song bác không tự trách mình - tất cả những chuyến bay vũ trụ ấy, những chuyến bay khiến mọi người chú ý ấy, đối với bác quá xa vời gần như là thần diệu. Bởi vậy, thái độ của bác là tôn kính pha lẫn đề phòng, như thể đứng trước một sức mạnh vô hình, tốt nhất là bác chỉ được quyền biết thế thôi. Tuy nhiên, cảnh tượng con tàu cất cánh bay lên vũ trụ đã khiến bác sửng sốt. Những người ngồi kia đang bàn luận chính về sự kiện ấy.

Đầu tiên họ ngồi uống subat - một thứ nước chất từ sữa lạc đà. Món subat ngon tuyệt, mát lạnh, nhiều bọt, hơi say. Cánh thợ sữa đường qua đây rất ưa món này, thường nốc căng bụng và gọi nó là bia Sarozek. Thêm vào món nhắm nóng sốt, ở nhà Edilbaj còn có rượu vốtca. Mọi bữa thì Edigej-Bảo Tuyết sẵn sàng nhập cuộc, nhưng lần này bác từ chối và bằng thái độ đó, muốn tỏ cho những người khác hiểu rằng bác khuyên họ đừng chè chén, vì ngày mai sẽ phải đi xa vất vả. Bác lo lắng khi thấy mọi người, nhất là Shabitzhan lại uống vốtca pha lẫn subat. Subat pha với vốtca hợp lắm, y như hai con ngựa hay được thắng chung một xe, uống vào người cứ lâng lâng. Nhưng hôm nay điều đó bất lợi.

Chẳng lẽ ra lệnh cho mọi người đừng uống? Họ phải biết giữ chừng mức chứ. Kể cũng yên tâm, vì chồng của Ajzada chưa động đến vốtca. Bọn nhậu vó được vốtca thì phải biết, song anh ta chỉ uống subat. Chắc anh ta hiểu rằng làm một thằng say bí tỉ trong ngày đưa tang bố vợ là điều quá đáng. Nhưng liệu anh ta tự kiểm chế được bao lâu? Chỉ có trời biết.

Họ cứ ngồi như thế, nói đủ thứ chuyện. Bỗng Edilbaj vừa rót subat mời khách - tay bác ta dài ghê gớm, mỗi bận duỗi ra, gập vào cứ như cái gàu máy xúc - vừa chìa chiếc cốc cho Edigej ở phía bên kia bàn vừa nói:

- Bác Edigej này, đêm qua lúc tôi trực thay cho bác, bác vừa đi một quãng, tôi thấy có cái gì chuyển động rung rung trên trời, khiến người tôi chao đảo. Nhìn lên, tôi thấy một chiếc tên lửa vừa được phóng lên từ sân bay vũ trụ! To quá! To ghê gớm! Bác nhìn thấy chứ?

- Tất nhiên! Tôi há hốc cả miệng ra! Ghê thật! Khối lửa cháy bùng bùng và cứ thế lao lên mỗi lúc một cao, cao mãi! Khiếp quá! Tôi đã sống ở đây bao năm, chưa từng gặp cảnh đó.

- Thì tôi cũng mới được tận mắt chứng kiến lần đầu - Edilbaj thú nhận.

- Nếu chú mới thấy lần đầu, thì bọn tôi làm sao thấy được - Shabitzhan pha trò một chút để giễu vóc dáng của Edilbaj.

Edilbaj - Cò Hương chỉ cười khẩy:

- Tôi là cái thớ gì. Tôi nhìn và không tin ở mắt mình nữa - cả một khối lửa kêu ù ù trên cao! Tôi nghĩ: chắc lại có người bay vào vũ trụ. Chúc thượng lộ bình an nhé! Còn mình phải xoay núp bắt sóng cái đài bán dẫn thật nhanh - bao giờ tôi cũng mang theo nó bên mình. Tôi nghĩ chắc lúc này người ta đang thông báo trên đài phát thanh. Thường người ta vẫn truyền đi ngay từ sân bay vũ trụ. Và giọng phát thanh viên cũng hồ hởi như đang phát biểu tại cuộc mít tinh vậy. Hồi hộp quá đi mất! Bác Edigej ạ, tôi chỉ muốn biết thật sớm, xem ai bay, tôi được nhìn thấy ai đang bay, nhưng hóa ra không phải như vậy.

- Tại sao? - Shabitzhan ngạc nhiên cướp lời, cặp lông mày dướn lên ra vẻ quan trọng. Anh ta đã chếch choáng say. Mặt đỏ gay, mồ hôi lấm tấm.

- Tôi chả biết. Người ta không báo tin gì hết. Tôi bắt sóng đài "Hải Đăng" và chờ mãi, nhưng người ta chẳng đưa tin gì cả.

- Không thể thế được! Chắc phải có chuyện gì đó! - Shabitzhan nghi ngờ, và anh ta nhấp thêm một ngụm vốtca với subat - Mỗi chuyến bay vào vũ trụ là một sự kiện lớn trên thế giới... Chú hiểu không? Đó là uy tín khoa học và chính trị của chúng ta!

- Tôi chả biết tại sao. Tôi cố nghe hết bản tin cuối cùng, thậm chí cả mục điểm báo...

- Hừm! Shabitzhan lắc đầu - Giá tôi ở trên tỉnh, cơ quan của tôi, tất nhiên đã biết! Tiếc thật! Có lẽ đã có chuyện gì chẳng?

- Ai mà biết đã có chuyện gì hay không, riêng tôi thật lấy làm tiếc - Edilbaj - Cờ Hương thật thà nói - Đối với tôi, con tàu ấy như chở người phi công vũ trụ của riêng tôi. Nó đã cất cánh trước mặt tôi. Tôi nghĩ, không chừng phi công là một chàng trai ở vùng ta cũng nên! Thế thì sướng lắm. Rồi sẽ được gặp anh ấy ở đâu đó, tha hồ vui...

Shabitzhan vội ngắt lời bác ta, hăng lên vì một ước đoán nào đó:

- Á à, tôi hiểu rồi! ~~Đấy là một con tàu không~~ có người lái. Một chuyến bay thí nghiệm thôi.

- Nghĩa là thế nào? - Edilbaj liếc sang hỏi.

- Theo phương án thí nghiệm. Chú hiểu không, nghĩa là bay thử. Con tàu không người lái bay lên ghép nối với con tàu khác hoặc đi vào quỹ đạo, và hiện nay chưa biết kết quả ra sao. Nếu đạt kết quả mỹ mãn, người ta sẽ đưa tin trên đài phát thanh và báo chí. Nếu thất bại, có thể sẽ không đưa tin. Biết nhiều quá để làm gì?

Edilbaj thất vọng gãi gãi trán:

- Thế mà tôi cứ ngỡ trong đó có người đấy.

Tất cả im lặng và hơi buồn trước lời giải thích của Shabitzhan, và có lẽ câu chuyện đã chấm dứt ở đó, nếu như chính Edigej không vô tình gợi ra một ý mới:

- Các *gighit* (*) oi, như vậy, theo chỗ tôi hiểu, thì đó là một tên lửa không có người lái phải không? Thế ai điều khiển nó bay lên vũ trụ?

- Còn ai nữa? - Shabitzhan vung hai tay ngạc nhiên và đắc thắng nhìn Edigej dốt nát - Chú oi, ở trên ấy mọi việc đều do radio điều khiển. Theo mệnh lệnh phát ra từ Trung tâm điều khiển dưới Trái Đất. Chú hiểu chưa? Thậm chí dù trên con tàu có phi công vũ trụ đi nữa, tên lửa vẫn bay theo sự hướng dẫn của radio. Còn phi công muốn tự quyết định điều gì thì phải xin phép. Koketai (**) thân mến oi, chuyện đó phức tạp vô cùng, không giống như việc cười con Karanar đâu...

- À ra thế, vậy cậu kể đi - Edigej buột miệng nói.

Edigej-Bảo Tuyết chưa biết nguyên lý điều khiển bằng radio như thế nào. Theo quan niệm của bác radio nghĩa là những từ ngữ, những âm thanh được truyền đi trên không trung từ những khoảng cách xa. Nhưng làm sao có thể điều khiển

(*) *Gighit*: Người cuối ngựa giỏi ở vùng núi Kapkaz.

(**) *Koketai*: Lối xưng hô thân mật, tỏ ra mình là bề trên của người được tiếp chuyện.

một vật theo kiểu đó nhỉ? Nếu bên trong vật ấy có người, thì đã đành, người ấy sẽ thực hiện các chỉ thị: hãy làm thế này, thế nọ. Edigej muốn hỏi kỹ tất cả những chuyện đó, nhưng bác nghĩ rằng chẳng nên hỏi nữa. Trong thâm tâm, không hiểu sao bác hơi khó chịu, nên im lặng. Thằng Shabitzhan nói năng ra vẻ bề trên quá. Ra cái điều các bác các chú chả hiểu gì ráo, lại dám coi tôi là đứa vô tích sự, lão anh rể nghiện ngập còn định bóp chết tôi, trong khi tôi hiểu biết hơn tất cả các vị ở đây. "Thầy kệ mày - Edigej nghĩ bụng - chúng tao đã dạy mày cả đời là cốt cho mày hiểu biết. Ít ra mày phải biết được cái gì đó nhiều hơn chúng tao, những người ít học chứ". Rồi Edigej còn nghĩ thêm: "Nếu một kẻ như nó mà cầm quyền, thì chắc nó sẽ lần lượt hết thảy mọi người, sẽ bắt cấp dưới phải làm ra vẻ am tường đủ chuyện, không chịu nổi những ai kém cỏi. Bây giờ nó mới chỉ làm chân chạy giấy mà đã muốn mọi người, dù là bà con ở xứ Sarozek hẻo lánh này phải trọng nể nó..."

Còn Shabitzhan thì quả có đặt cho mình mục đích lẫn át, làm cho bà con Boranly phải sùng sốt, qua đó đề cao giá trị của anh ta sau vụ cãi lộn nhục nhã vừa rồi với chị gái và anh rể, anh ta luôn miệng huyền thuyên để đánh lạc hướng. Anh ta liền kể những chuyện thần kỳ khó tin, những thành tựu khoa học lạ lùng, chốc chốc lại nhắp một ngụm vótca với subat. Thứ chất cay

ấy làm cho anh ta mỗi lúc một hăng thêm và bắt đầu bịa ra những chuyện mà bà con Boranly chất phác chẳng hiểu đầu vào đầu nữa.

- Các chú nghĩ mà xem - Shabitzhan đảo cặp mắt kính lấp lánh nhìn khắp mọi người ngồi quanh - chúng ta, nếu am hiểu, chúng ta là những người sung sướng nhất trong lịch sử nhân loại. Như chú Edigej kia, bây giờ chú là người cao tuổi nhất ở đây. Chú biết ngày trước và hiện nay khác nhau thế nào. Ý cháu muốn nói là trước đây người ta tin vào thượng đế. Thời cổ đại Hy Lạp các vị thần hình như sống trên núi Oлимп. Nhưng thần thánh quái gì họ?! Một bọn ngu dốt thì có. Họ đã làm được gì nào? Họ không liên kết được với nhau, không thay đổi nổi lối sống của loài người, và họ cũng chẳng nghĩ đến chuyện thay đổi. Chẳng có thần linh quái nào hết. Toàn là thần thoại, cổ tích thôi. Còn các vị thần thời nay, họ đang sống ngay bên cạnh chúng ta, ở ngay vùng này, tại sân bay vũ trụ Sarozek. Và đó là niềm tự hào của chúng ta trước toàn thế giới. Không ai trong số chúng ta nhìn thấy họ, biết mặt họ, và cũng không nên cho phép bất cứ người dân quái nào cũng được gặp họ mà bắt tay hỏi thăm sức khỏe. Nhưng họ là những vị thần thực sự! Chú Edigej vừa kinh ngạc về chuyện họ điều khiển con tàu vũ trụ bằng radio. Đó là việc vặt, đã qua giai đoạn ấy rồi! Giai đoạn máy móc hoạt động theo chương trình. Sắp

sang thời kỳ sẽ điều khiển con người bằng radio, như đã từng điều khiển máy móc tự động kia. Điều khiển con người nhé, các chú hiểu chưa, hết thấy, từ già chí trẻ. Đã có các dữ kiện khoa học. Khoa học đã đạt tới đỉnh cao ấy, xuất phát từ những lợi ích cao cả.

- Huộm đã, huộm đã, lợi ích cao cả là cái quái gì - Edilbaj ngắt lời anh ta. - Cậu thử nói xem nào, tôi nghe chưa ra. Theo cậu, mọi người chúng ta đều phải đeo kè kè bên mình một cái máy thu, giống như chiếc đài bán dẫn để nghe lệnh? Ai cũng vậy, chỗ nào cũng vậy ư?

- Chú mày mới ngớ ngẩn chú! Ai bảo thế? Loại máy thu ấy chỉ là trò vật vãnh, là đồ chơi của con nít! Chẳng ai phải đeo kè kè cái gì bên mình hết! Cứ ở trường mà đi cũng được. Đã có những sóng vô tuyến vô hình - người ta gọi là các dòng điện sinh học - thường xuyên tác động đến chú, đến ý thức của chú. Lúc ấy chú định né tránh vào đâu được nào?

- Ghê gớm đến thế à?

- Chứ sao! Người ta sẽ phải làm mọi việc theo chương trình phát đi từ trung tâm. Chú cứ tưởng chú sống và hành động theo ý muốn của chú, nhưng thực ra là theo chỉ thị của cấp trên. Và tất cả phải theo một trình tự nghiêm ngặt. Nếu muốn chú hát - phát tín hiệu - thế là chú hát. Nếu thích chú nhảy múa - tín hiệu - thế

là chú nhảy múa. Nếu cần chú làm việc - thế là chú làm việc, mà làm ra làm nhé! Trộm cắp, lưu manh, tội ác - tất cả sẽ bị lãng quên, chỉ còn đọc thấy trong những cuốn sách cũ thôi. Bởi vì tất cả mọi thứ sẽ đều được dự kiến trong hành vi của con người - mọi hành động, mọi ý nghĩ, mọi nguyện vọng. Chẳng hạn hiện nay trên thế giới có sự bùng nổ dân số, nghĩa là người ta đẻ ra nhiều quá, chả biết nuôi bằng cái gì. Phải làm sao đây? Phải giảm tỷ lệ sinh đẻ. Các vị sẽ chỉ nằm với vợ khi nào có tín hiệu ra lệnh, xuất phát từ lợi ích của xã hội.

- Lợi ích cao cả chứ? Edilbaj - Cò Hương hỏi thêm với chút ác ý.

- Đúng thế, lợi ích của nhà nước trên hết.

- Nếu bỏ qua ~~các thứ lợi ích~~ ấy, tôi cứ muốn ngủ với vợ thì sao?

- Chú Edilbaj thân mến ơi, không xong đâu. Chú sẽ không nảy ra ý muốn như vậy. Dù có chìa ra cho chú một giai nhân tuyệt sắc, chú cũng chả buồn ngó ngang. Bởi vì người ta đã phát dòng điện sinh học mang dấu âm rồi. Thành thử vụ đó sẽ đâu vào đấy. Chú cứ tin tôi đi. Hoặc lấy việc quân sự làm ví dụ. Tất cả sẽ theo tín hiệu. Cần nhảy vào lửa sẽ có vị nhảy vào lửa, cần nhảy dù sẽ có người nhảy dù ngay tắp lự, cần ôm mìn nguyên tử lao vào gầm xe tăng, xin mời, có anh lao liền. Các vị sẽ hỏi tôi tại

sao? Tại vì đã phát dòng điện sinh học dũng cảm - thế là người ta chả còn biết sợ là gì. Thế đó!

- Ái chà, phía ra phía! Dốc đến thế là cùng! Người ta dạy cậu những gì trong ngân ấy năm?
- Edilbaj ngạc nhiên thật sự.

Những người ngồi quanh cười, cựa quậy, lắc đầu, ý nói anh chàng ba hoa chích chèo quá mức, song họ vẫn tiếp tục nghe - nó kể những chuyện tuy vớ vẩn, nhưng thú vị, chưa nghe bao giờ, ai cũng hiểu rằng Shabitzhan đã say mèm, ngăn cản nó làm gì, mặc cho nó tán. Đó đây có người đã nghe nó kể vài điều, thật giả đến đâu chẳng cần suy xét cho mệt óc.

Edigej bỗng hoảng sợ thật sự - không phải tự dung cái thằng bẻm mép khua môi như thế, hẳn nó đã đọc hay nghe lỏm ở đâu đó những chuyện kia, bởi cái gì nó cũng biết qua quýt, chẳng hiểu điều gì đến nơi đến chốn. Sự đời sẽ ra sao, nếu quả thực có những kẻ, hơn nữa lại là những vị học giả tiếng tăm, khao khát điều khiến mọi người hết như họ là những vị thần?...

Còn Shabitzhan vẫn cứ ba hoa không dứt. Cặp mắt, dưới hai tròng kính đồ mồ hôi, giãn rộng như mắt mèo trong bóng tối, anh ta vẫn cứ luôn miệng nhấp vodka và subat. Lúc này anh ta đang vung tay kể về cái Tam giác Quỷ nào đấy trên đại dương, nơi những chiếc tàu biển

biệt tích một cách bí hiểm và những chiếc phi cơ bay qua vùng đó rơi tòm vào đâu không rõ.

- Ở trên tỉnh có một anh cố tìm cách đi công tác ra nước ngoài. Anh ta năn nỉ mãi và thế là được đi. Những vị khác bị gạt ra, và anh ta bay qua đại dương, định tới Uruguay hoặc Paraguay gì đó. Nhưng khi phi cơ bay đúng phía trên Tam giác Quỷ thì nó biến mất. Anh ta mất tăm, thế là rồi đời! Còn những người bạn đã nhường chuyến đi cho anh ta, những người bị anh ta gạt ra, thì nhờ vậy mà vẫn được sống đàng hoàng trên đất nước mình và khỏe nhơn nhơn! Nào hãy cạn chén, mừng sức khỏe của chúng ta!

"Lại thế nữa! Edigej chán nản nghĩ thầm - Nó sắp nhắc đến đề tài quen miệng của nó đấy. Tai họa! Hễ cứ rượu vào là như xe không phanh".

- Xin hãy cạn chén mừng sức khỏe của chúng ta! - Shabitzhan nhìn mọi người bằng cặp mắt đờ đẫn, mờ đục, nhưng vẫn cố tạo ra vẻ mặt quan trọng, đầy ý nghĩa - Sức khỏe của chúng ta là tài sản lớn nhất của đất nước. Sức khỏe của chúng ta là báu vật của quốc gia. Thế đấy! Chúng ta đâu phải là những kẻ bình thường, chúng ta là những nhân vật quốc gia! Và tôi còn muốn nói rằng...

Edigej-Bảo Tuyết đứng phắt dậy, không chờ Shabitzhan nói nốt lời chúc rượu, bác bước ra

ngoài. Vấp phải vật gì đó kêu loảng xoảng ngoài thêm, có lẽ là chiếc xô, bác xô chân vào đôi dép đã lạnh ngắt vì sương đêm, rồi đi về nhà, lòng đầy tức giận. "Ôi, bác Kazangap tội nghiệp! - bác cắn râu, khẽ rên rỉ vì giận dữ. Chết cũng chả được yên, khổ thân bác! Thằng con bác cứ ngồi nốc rượu như khi dự liên hoan, bất chấp tất cả! Nó nghĩ ra cái lời chúc rượu quý quái về sức khỏe của đất nước ấy, để lần nào cũng nhái đi nhái lại mãi. Lạy trời ngày mai mọi nghi lễ đều hoàn tất, chúng tôi sẽ mai táng bác, làm bữa cúng xong, nó sẽ không được phép lai vãng tới đây nữa, chúng tôi sẽ được giải thoát khỏi nó, vì ở nơi này chẳng ai cần nó và nó cũng chẳng cần đến ai".

Hóa ra mọi người đã ngồi chơi khá lâu ở nhà Edilbaj - Cò Hương. Đã quá nửa đêm. Edigej hít đầy lồng ngực không khí lạnh giá của thảo nguyên Sarozek về đêm. Điều này thời tiết ngày mai sẽ sáng sủa và khô ráo, hơi nóng như mọi khi. Bao giờ cũng vậy. Ban ngày trời nóng, đêm thì lạnh cóng. Vì thế mà bốn phía thảo nguyên quanh đây đều khô cằn, cây cỏ khó bề thích nghi. Ban ngày chúng hướng về phía mặt trời, xòe lá, khát nước, còn đêm thì co lại rét mướt. Những cây khỏe mới sống nổi. Thường là loại cây gai, ngải cứu, chủ yếu bám rễ vào các rãnh, có thể cắt chúng làm cỏ khô. Nhà địa chất học Elizarov, một người bạn lâu năm của Edigej-Bao

Tuyết vẫn kể, rằng ngày xưa có người đã vẽ một bức tranh về vùng này, rằng có thời nơi đây cỏ mọc um tùm, khí hậu khác hẳn. Những đàn súc vật lang thang khắp thảo nguyên. Thời kỳ ấy chắc qua lâu rồi, có lẽ từ trước khi lũ rợ Choang Choang dữ tợn tràn đến vùng này. Lũ rợ ấy nay chẳng còn dấu vết. Nếu không, làm sao vùng này chỉ có ngàn ấy người. Chẳng phải bỗng dưng vô có Elizarov bảo rằng Sarozek là cuốn sách bị quên lãng về lịch sử thảo nguyên... Ông cho rằng lịch sử nghĩa địa Ana-Bejit cũng không phải là chuyện ngẫu nhiên. Một số người chỉ công nhận những gì được viết trên giấy mới là lịch sử. Nhưng cái thời chưa có sách ấy thì không được tính đến hay sao?

Khi lắng nghe tiếng xe lửa chạy qua ga, theo một sự liên tưởng lạ lùng nào đó thường đưa Edigej về với các con bão vùng biển Aral, nơi bác đã sinh ra và lớn lên. Chính Kazangap cũng là dân Kazak vùng Aral. Vì thế mà hai người đã thân nhau ở ga này và thường nhắc nhở đến vùng biển quê hương. Trước khi Kazangap mất không lâu, hồi mùa xuân, hai người đã cùng về thăm Aral. Hóa ra hai ông già đi một chuyến đổi già. Nhưng không đi thì hơn. Đi chỉ thêm nặng lòng. Biển đang cạn dần, bị thu hẹp ghê gớm. Họ phải đi xe hàng chục cây số qua những nơi trước là đáy biển, nay toàn đất sét, mới tới được mép nước. Tại đó, Kazangap đã nói: "Trước

là biển Aral, nay chỉ thấy toàn đất. Nước biển còn cạn khô, nói chi đến cuộc đời người". Hôm ấy ông già còn bảo: "Chú hãy chôn tôi ở nghĩa địa Ana-Bejit, chú Edigej ạ. Tôi gặp biển lần này là lần cuối cùng đây!".

Edigej-Bảo Tuyết dùng tay áo quạt nước mắt, ho vài tiếng cho cổ khỏi nghẹn, rồi bước vào ngôi nhà đất của Kazangap, nơi Ajzada, Ukubala và cánh phụ nữ đang lo nốt công việc tang gia. Những phụ nữ Boranly khi người này, lúc người khác, ghé tới đây chia buồn hoặc giúp một tay nếu cần.

Edigej dùng chân cạnh một gốc cây cong queo được chôn xuống đất, nơi buộc con Karanar-Bảo Tuyết đã thắng bộ yên cương, gọn đẹp tươm tất. Dưới ánh trăng, con lạc đà trông cao lớn, uy nghi như một con voi, không dùng được, Edigej khẽ vỗ vào sườn nó:

- Mày khỏe lắm!

Đến ngưỡng cửa, không hiểu sao Edigej chợt nhớ lúc con cáo chạy tới sát đường xe lửa. Không dám, bác từ bỏ ý định ném đá giết nó, rồi sau đó, trên đường về nhà, bác đã nhìn thấy một con tàu lửa cất cánh từ sân bay vũ trụ, bay vút lên không gian đen ngòm...

3.

Vào giờ ấy, trên Thái Bình Dương,
ở vĩ độ bắc, đã hơn bảy giờ sáng.

Mặt trời chói chang tỏa ánh nắng
tràn trề xuống mặt biển yên tĩnh bao la nhấp
nhánh. Ngoài trời, nước, quanh đây không còn
cái gì khác. Song chính ở đây, trên tàu sân bay
"Convention" trong khuôn viên của nó, đang diễn
ra một tấn kịch thế giới chưa một người nào bên
ngoài hay biết. Tấn kịch này bắt đầu từ một sự
kiện chưa từng có trong lịch sử chinh phục vũ
trụ, vừa xảy ra trên trạm quỹ đạo Xô-Mỹ "Paritet".

Tàu sân bay "Convention" - Tổng hành dinh
khoa học chiến lược của Trung tâm điều khiển
chương trình hợp tác nghiên cứu vũ trụ
"Demiurge", đã lập tức cắt đứt mọi quan hệ với
thế giới bên ngoài vì sự kiện trên, không hề thay
đổi địa điểm thường trú của mình ở phía nam
quần đảo Aleut, trên Thái Bình Dương; ngược
lại, nó còn xác định tọa độ chính xác hơn bằng
khoảng cách trên không như nhau so với
Vladivostok và San Fransisco.

Trên con tàu khoa học này cũng đã có một
vài thay đổi. Theo lệnh của hai vị Tổng chủ
nhiệm chương trình, một của Liên Xô, một của
Mỹ, cả hai chuyên viên điều khiển khối liên lạc

vũ trụ - một của Mỹ, một của Liên Xô, sau khi nhận được tin tức về việc đột xuất trên trạm "Paritet" đã tạm thời bị cách ly nghiêm ngặt để tin tức khỏi lọt ra ngoài...

Tất cả cán bộ nhân viên trên tàu "Convention" bị đặt vào tình trạng báo động cao độ, mặc dù tàu này không hề có chức năng quân sự, càng không được trang bị bất cứ thứ vũ khí gì và hưởng quyền bất khả xâm phạm theo một nghị quyết riêng của Liên Hợp Quốc. Đó là chiếc tàu sân bay phi quân sự độc nhất trên thế giới.

Khoảng mười một giờ trưa, sẽ có hai tiểu ban đặc trách của hai nước đáp máy bay đến tàu "Convention" đang ở ngoài khơi Thái Bình Dương, phía nam quần đảo Aleut, với khoảng cách như nhau giữa Vladivostok và San Fransisco. Sự lựa chọn tọa độ này không phải ngẫu nhiên. Hơn bao giờ hết, lần này thể hiện rõ ràng quan điểm nhìn xa trông rộng và thận trọng của các tác giả chương trình "Demiurge", bởi lẽ ngay cả vị trí của con tàu, nơi thực thi kế hoạch nghiên cứu vũ trụ do hai bên cùng soạn thảo, đã nói lên nguyên tắc hoàn toàn bình đẳng, tuyệt đối ngang quyền trong sự hợp tác khoa học - kỹ thuật quốc tế độc đáo này.

Tàu sân bay "Convention" với toàn bộ trang thiết bị và năng lượng dự trữ là đồng sở hữu của cả hai phía, là con tàu hợp tác mà hai nước chung cổ phần. Nó có liên lạc vô tuyến điện thoại

- truyền hình trực tiếp và đồng thời với hai sân bay vũ trụ Nevada và Sarozek. Trên tàu có tám máy bay phản lực, mỗi bên bốn chiếc, làm nhiệm vụ giao thông vận chuyển thường xuyên trong các quan hệ hàng ngày với lục địa. Trên tàu, song song có hai thuyền trưởng - một của Liên Xô, một của Mỹ: thuyền trưởng song đôi 1-2 và thuyền trưởng song đôi 2-1; mỗi vị, vào giờ trực của mình, sẽ là thuyền trưởng chính. Toàn bộ thủy thủ đoàn trên tàu đều có biên chế song đôi tương ứng: trợ lý, hoa tiêu, thợ máy, thợ điện, thủy thủ và chiêu đãi viên...

Đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật của Trung tâm điều khiển trên tàu "Convention" cũng được xây dựng theo cơ cấu như thế. Bắt đầu từ hai vị Tổng chủ nhiệm chương trình của mỗi bên - Tổng chủ nhiệm song đôi 1-2 và 2-1, tất cả các cán bộ khoa học và chuyên môn cấp dưới cũng đều song đôi, đại diện bình đẳng cho cả hai bên. Chính vì thế mà trạm vũ trụ nằm trên quỹ đạo "Tramplin" cũng được gọi là trạm "Paritet" (*) để nói lên thực chất các quan hệ dưới mặt đất.

Dĩ nhiên, trước tất cả những cái đó, đã từng diễn ra một công tác chuẩn bị lớn lao và đa dạng của các cơ quan khoa học, ngoại giao và hành chính ở cả hai nước. Phải tốn nhiều năm,

(*) Nghĩa tiếng nga: Sự đồng đều, nguyên tắc bình đẳng (NXB)

sau vô số cuộc gặp gỡ và thảo luận, hai bên mới đi tới chỗ nhất trí phối hợp mọi vấn đề chung và riêng của chương trình "Demiurge".

Chương trình "Demiurge" đặt ra nhiệm vụ cực kỳ to lớn của những vấn đề vũ trụ học trong thế kỷ này - đó là nghiên cứu hành tinh X, nhằm sử dụng các nguồn khoáng sản của nó đang ẩn tàng một nguồn năng lượng ngoài sức tưởng tượng của Trái Đất. Một trăm tấn chất liệu của hành tinh X, nằm gần như lộ thiên trên bề mặt hành tinh ấy; nếu được xử lý thỏa đáng sẽ giải phóng một số năng lượng dưới dạng điện năng và nhiệt năng, đủ dùng cho cả châu Âu suốt một năm. Vật chất trên hành tinh X đã xuất hiện trong những điều kiện đặc biệt của dải Thiên Hà do tác động tiến hóa lâu dài qua nhiều tỉ năm, đã tích lũy thành một nguồn năng lượng lớn lao như vậy. Đó là kết quả xét nghiệm một số chất liệu do các thiết bị vũ trụ đã lấy từ bề mặt hành tinh X đem về nhiều lần. Đó cũng là kết luận của một vài đoàn thám hiểm đã nhiều lần hạ cánh xuống hành tinh đỏ rực ấy, trong Thái Dương hệ chúng ta.

Yếu tố quyết định để người ta ủng hộ dự án khai thác hành tinh X là, hơn bất cứ hành tinh nào khác mà khoa học biết tới, kể cả Mặt Trăng và Sao Kim, ở đây có nước tự do tràn trề giữa lòng hành tinh mà bề ngoài tưởng như toàn sa mạc đỏ. Các mũi khoan đã xác nhận rằng

trên hành tinh X hiển nhiên có nước. Theo tính toán của các nhà khoa học, bên dưới bề mặt hành tinh X có thể có một lớp nước dày tới mấy kilomet được lưu giữ cố định bởi những tầng nham thạch nằm sâu bên dưới.

Chính sự tồn tại của khối nước lớn ngần ấy trên hành tinh X đã bảo đảm tính hiện thực của chương trình "Demiurge". Nước ở đây không chỉ là nguồn độ ẩm, mà còn là chất khởi đầu để tổng hợp những chất khác, cần thiết cho việc duy trì sự sống và hoạt động bình thường của cơ thể con người. Trước hết là tổng hợp không khí để thở. Ngoài ra, từ góc độ sản xuất, nước còn đóng vai trò chủ yếu trong công nghệ sơ tuyển chất liệu của hành tinh X, trước khi chuyển về Trái Đất.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Người ta còn thảo luận vấn đề nên khai thác năng lượng của hành tinh X ở đâu: trên các trạm quỹ đạo trong vũ trụ, rồi truyền năng lượng xuống Trái Đất theo các quỹ đạo đồng đẳng, hay là ngay trên Trái Đất. Thời gian chẳng gấp gáp lắm.

Một đoàn thám hiểm lớn được hình thành gồm các thợ khoan và chuyên viên thủy văn để làm việc dài ngày trên hành tinh X lắp đặt thiết bị tự động và thường xuyên hút nước từ lòng hành tinh X vào hệ thống đường ống dẫn nước. Trạm quỹ đạo "Paritet", nói theo thuật ngữ của các vận động viên leo núi, là trạm dừng chân

chủ yếu, trên đường tới hành tinh X. Trên trạm "Paritet" đã có những thiết bị cần thiết cho những tàu "con thoi" sẽ đi đi về về làm nhiệm vụ chuyên chở giữa sao X và trạm "Paritet". Với thời gian, khi đã lắp đặt xong các khối, trạm "Paritet" có thể chứa được hơn một trăm người với đầy đủ tiện nghi, kể cả việc thường xuyên thưởng thức các chương trình ti vi phát từ Trái Đất.

Trên cái xí nghiệp vũ trụ bề thế này, việc khai thác và phân tích nước của hành tinh X sẽ là công đoạn sản xuất đầu tiên do con người tiến hành ở bên ngoài Trái Đất.

Và ngày ấy đang tới gần. Mọi việc đều diễn ra theo chiều hướng đó.

Tại hai sân bay vũ trụ Nevada và Sarozek, đang hoàn tất công việc chuẩn bị cuối cùng cho chiến dịch kỹ thuật thủy văn trên sao X. Trạm "Paritet" trên quỹ đạo "Tramplin" đã sẵn sàng đón và gửi đến sao X tốp "Thợ khai hoang" vũ trụ đầu tiên.

Loài người thực sự đang đứng bên ngưỡng cửa của nền văn minh bên ngoài trái đất.

Đúng vào thời điểm ấy, trước khi cử tốp chuyên viên thủy văn đầu tiên lên sao X, hai phi công vũ trụ song đôi, làm việc dài ngày trên quỹ đạo "Tramplin", trong con tàu "Paritet", đột nhiên biến mất...

Đột nhiên họ ngừng trả lời mọi tín hiệu liên lạc vào những buổi quy định lẫn bất thường. Ấn tượng thật là nặng nề! Ngoài những bộ cảm ứng thường xuyên ghi nhận vị trí của trạm, ngoài kênh điều chỉnh sự di chuyển của trạm, tất cả các hệ thống liên lạc vô tuyến - truyền hình đều ngừng hoạt động.

Thời gian trôi qua. "Paritet" không đáp lại bất kỳ tiếng gọi nào từ mặt đất phát lên. Nỗi lo ngại trên tàu "Convention" tăng dần. Đủ mọi dự đoán, và giả thuyết được đưa ra. Hai phi công vũ trụ song đôi trên ấy làm sao rồi? Vì lẽ gì họ im lặng? Họ đau ốm, hay bị ngộ độc thức ăn? Và nói chung, liệu họ còn sống hay đã chết?

Cuối cùng đã sử dụng đến phương tiện cuối cùng là phát đi tín hiệu vận hành hệ thống báo động cứu hỏa trên trạm. Cũng không có bất kỳ phản ứng nào đáp lại hành động đáng sợ đó.

Chương trình "Demiurge" bị đe dọa nghiêm trọng. Và lúc ấy Trung tâm điều khiển tàu "Convention" đã sử dụng đến khả năng cuối cùng của mình để làm sáng tỏ tình hình. Hai con tàu vũ trụ với hai phi công được cấp tốc phóng lên từ hai sân bay vũ trụ Nevada và Sarozek để lắp ghép với trạm "Paritet".

Khi sự lắp ghép đồng thời đã hoàn tất - riêng việc này đã cực kỳ khó khăn - thì tin tức đầu tiên do hai phi công kiểm tra lọt vào trạm

"Paritet" truyền về, khiến mọi người sửng sốt: sau khi đã xem xét mọi khoang tàu, mọi phòng thí nghiệm, kiểm tra đến từng góc ngách, họ báo về rằng không tìm thấy hai nhà du hành song đôi ở trên trạm...

Không một ai ngờ tới điều này. Không bộ óc tưởng tượng nào đủ sức hình dung chuyện gì đã xảy ra, hai con người đã từng làm việc hơn ba tháng trên trạm quỹ đạo và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao, nay đột nhiên biến mất. Họ không thể bốc thành hơi! Họ cũng không thể bước ra khoảng không vũ trụ!

Buổi khảo sát trạm "Paritet" diễn ra với sự liên lạc vô tuyến - truyền hình trực tiếp với "Convention", với sự tham gia trực tiếp của cả hai vị Tổng chủ nhiệm song đôi. Vô số màn ảnh của Trung tâm điều khiển cho thấy rõ hai phi công kiểm tra đang nói với nhau, đang bơi trong trạng thái phi trọng lượng để xem xét mọi ngăn trên trạm quỹ đạo như thế nào. Họ đã soát xét trạm từng bước một và liên tục báo cáo về Trái Đất. Mọi lời trao đổi đều được ghi lại trên băng từ:

"Paritet". Trung tâm vẫn theo dõi đấy chứ? Trên trạm không có ai hết. Chúng tôi không phát hiện được ai cả.

"Convention". Trên trạm có dấu vết đồ vỡ, hư hại của vật gì không?

"Paritet". Không. Tất cả vẫn ở nguyên vị trí của chúng, tất cả vẫn dẫu vào đây.

"Convention". Các anh có thấy vết máu không?

"Paritet". Hoàn toàn không.

"Convention". Các đồ dùng cá nhân của hai phi công song đôi nằm ở đâu và trong tình trạng thế nào?

"Paritet". Hình như tất cả vẫn ở chỗ của nó.

"Convention". Hãy xét kỹ xem.

"Paritet". Có cảm tưởng rằng họ mới có mặt ở đây thôi. Sách vở, đồng hồ, máy quay đĩa và mọi đồ dùng khác đều còn nguyên tại chỗ.

"Convention". Tốt. Có ghi chép gì trên tường hay trên giấy không?

"Paritet". Chưa nhìn thấy. À, đây rồi! Sổ trực để mở và có nhiều dòng ghi chép. Để sổ trực khỏi bay trong trạng thái phi trọng lượng, nó được kẹp chặt lại và để mở cho người bước vào dễ nhìn thấy...

"Convention". Các anh hãy đọc xem ở đó viết gì!

"Paritet". Vâng. Đây là hai cột chữ đứng sòng đôi, một bằng tiếng Anh, một bằng tiếng Nga...

"Convention". Đọc đi, sao các anh cứ chần chừ thế!

"Paritet". Tiêu đề - "Thông điệp gửi Trái Đất". Trong dấu ngoặc đơn có lời giải thích.

"Convention". Stop. Đừng đọc vội. Buổi liên lạc tạm ngừng. Các anh hãy chờ, một lát nữa chúng tôi sẽ gọi các anh. Cứ chuẩn bị sẵn sàng nhé!

"Paritet". Ôkê!

Đến đây cuộc đối thoại giữa trạm quỹ đạo và Trung tâm điều khiển tạm ngừng. Sau khi trao đổi ý kiến, hai vị Tổng chủ nhiệm chương trình "Demiurge" đề nghị tất cả mọi người, trừ hai chuyên viên trực song đôi, rời khỏi khối liên lạc vũ trụ. Chỉ sau đó buổi liên lạc hai phía mới được tiếp tục. Sau đây là toàn văn bức thư hai phi công vũ trụ song đôi để lại trên quỹ đạo "Tramplin":
downloadsachmienphi.com

"Thưa các đồng nghiệp kính mến, vì chúng tôi sắp rời trạm quỹ đạo "Paritet" ít lâu, mà cũng có thể rất lâu, trong hoàn cảnh rất dị thường, mọi việc sẽ phụ thuộc vào hàng loạt yếu tố có liên quan tới việc làm chưa từng bao giờ có của chúng tôi, cho nên chúng tôi cho rằng mình có nghĩa vụ bắt buộc là phải tường trình động cơ hành động của chúng tôi.

Chúng tôi nhận thức rõ ràng hành động của chúng tôi hiển nhiên không những bất ngờ, mà còn rõ ràng là trái phép, nếu xét từ yêu cầu kỷ luật sơ đẳng. Song một sự kiện đặc biệt mà chúng tôi gặp phải khi ở trên trạm quỹ đạo trong vũ trụ, một sự kiện vượt quá sức tưởng tượng

của loài người, cho phép chúng tôi trông đợi ít ra vào sự cảm thông...

Trước đây ít lâu chúng tôi có bắt được, - trong hằng hà sa số những xung vô tuyến, phát từ không gian vũ trụ và một phần đáng kể từ tầng điện ly của trái đất vốn tràn ngập tiếng ồn và nhiễu, - một tín hiệu vô tuyến trên một dải tần số hẹp. Tín hiệu ấy vì là rất hẹp nên rất dễ bắt, cứ thường xuyên tự báo tin về nó theo thời gian và thời khoảng định kỳ. Lúc đầu chúng tôi không chú ý lắm. Nhưng nó cứ dai dẳng, kiên trì báo tin, luôn luôn phát đi từ một điểm xác định của Vũ Trụ, và định hướng chính xác, về phía trạm quỹ đạo của chúng tôi. Bây giờ chúng tôi đã biết rằng các sóng vô tuyến được định hướng nhân tạo ấy đã được tung vào không trung từ rất lâu, trước khi chúng tôi lên trực trên trạm quỹ đạo này - Tốp chúng tôi là tốp trực thứ ba. Bởi vì "Paritet" đã hoạt động trên quỹ đạo "Tramplin" giữa vũ trụ xa xôi được hơn một năm rưỡi. Khó giải thích tại sao, chắc hẳn hoàn toàn do tình cờ, chúng tôi lại là những người đầu tiên quan tâm đến tín hiệu ấy. Dẫu sao chúng tôi cũng bắt đầu quan sát, ghi nhận, nghiên cứu bản chất của hiện tượng đó và dần dần, với niềm tin ngày càng chắc chắn, chúng tôi đã đi tới kết luận về nguồn gốc nhân tạo của tín hiệu đó!

Nhưng không phải chúng tôi dễ dàng quen ngay với ý nghĩ ấy. Sự nghi ngờ luôn luôn ám ảnh chúng tôi. Làm sao chúng tôi có thể khẳng định sự tồn tại của một nền văn minh ngoài trái đất nếu chỉ dựa trên sự kiện một tín hiệu vô tuyến mà chúng tôi cho đó là tín hiệu nhân tạo phát đi từ vũ trụ sâu thẳm thẳm? Chúng tôi lưỡng lự, bởi vì mọi cố gắng trước đây của khoa học muốn thực hiện một nhiệm vụ tối thiểu nhằm phát hiện một dấu hiệu nào đó dù nhỏ nhất của sự sống, dưới dạng đơn giản nhất, ngay cả ở các hành tinh đồng giới hạn, đều vô hiệu như ta đã biết. Việc tìm kiếm trí tuệ ở bên ngoài Trái Đất quá ít hy vọng, nếu không bị coi là hoang tưởng, bởi lẽ, với mỗi bước tiến mới trong công cuộc nghiên cứu khoảng không vũ trụ thì khả năng ấy, dù trên bình diện lý luận, càng trở nên ít hơn, nếu không nói là bằng zêrô. Chúng tôi không định tranh cãi với tư tưởng đã được khẳng định về tính chất độc nhất vô nhị của sự sống như một hiện tượng sinh học chỉ tồn tại duy nhất trên hành tinh Trái Đất. Chúng tôi cho rằng mình không nhất thiết phải chia sẻ những sự nghi ngờ của mình, bởi vì trong chương trình công tác của chúng tôi trên trạm quỹ đạo không hề có nhiệm vụ quan sát đó. Thật tình chúng tôi không muốn, ngoài mọi lẽ ra, lâm vào tình thế của nhà du hành vũ trụ nọ đã một lần hoa mắt nhìn thấy con bò trên cánh đồng và đàn

cừu gặm cỏ ven sông. Từ đây anh ta bị mọi người tặng cho biệt hiệu "Nhà du bò".

Giờ đây chúng tôi đã trải qua một bước nhảy vọt, một bước ngoặt, một sự cải biến ý thức trong quan niệm về cấu tạo thế giới và đột nhiên phát hiện, rằng mình đã bắt đầu tư duy bằng những phạm trù hoàn toàn khác so với trước đó. Nhận thức hoàn toàn mới về cấu tạo của vũ trụ, việc phát hiện không gian có sự sống mới, sự tồn tại của một khu vực năng lượng trí tuệ cực mạnh... đã đưa chúng tôi tới kết luận rằng chưa nên báo tin cho Trái Đất biết phát hiện này. Chúng tôi đã quyết định như vậy vì lợi ích của chính xã hội hiện đại.

Bây giờ xin trình bày thực chất vấn đề.

Một bữa, vì tò mò, chúng tôi đã quyết định phát tín hiệu vô tuyến trả lời, cùng trong dải băng tần với tín hiệu nọ, hướng nó về cái điểm của Vũ trụ, nơi từ đó thường xuyên có các xung vô tuyến bí ẩn truyền đến chúng tôi. Điều thần kỳ đã xảy ra! Tín hiệu của chúng tôi được tiếp nhận tức thời! Nó được bắt và được hiểu. Đáp lại, trên dải tần số tiếp nhận của chúng tôi liền thêm một tín hiệu, rồi thêm một tín hiệu nữa bên cạnh tín hiệu cũ. Có thể gọi đó là bè Trio chào mừng, đó là ba tín hiệu vô tuyến đồng thời từ Vũ Trụ, suốt mấy giờ được truyền đi như hành khúc thắng lợi, đem theo cái tin hân hoan về những sinh vật có trí tuệ ở bên ngoài hệ

Thiên Hà của chúng ta, những sinh vật có năng lực cao nhất, tiếp xúc với những sinh vật giống mình, tại các khoảng cách siêu xa. Đó là cuộc cách mạng trong quan niệm của chúng tôi về sinh học vũ trụ, trong nhận thức về cấu tạo của thời gian, không gian, khoảng cách... Chẳng lẽ chúng ta đơn độc trên thế gian, không phải là độc nhất vô nhị giữa vũ trụ bao la vô tận, chẳng lẽ kinh nghiệm của con người trên Trái Đất không phải là sự hiện hữu tinh thần duy nhất trong Vũ Trụ?...

Để kiểm tra tính hiện thực của việc phát hiện nền văn minh bên ngoài Trái Đất, chúng tôi đã phát đi tín hiệu vô tuyến bằng công thức về khối lượng của địa cầu, về những gì là khởi nguyên và đang là nền tảng của sự sống chúng ta. Chúng tôi nhận được giải mã - đến lượt mình - họ đã phát đi công thức về khối lượng hành tinh của họ. Qua công thức ấy chúng tôi rút ra kết luận, rằng hành tinh kia tương đối lớn và có sức hút đáng kể.

Đôi bên đã trao đổi những kiến thức đầu tiên về các quy luật vật lý, và lần đầu tiên chúng tôi đã tiếp xúc với những sinh vật có trí tuệ ở bên ngoài Trái Đất theo cách đó.

Các sinh vật ấy tỏ ra là những người đối thoại tích cực với nghĩa cử cố và làm gần lại các quan hệ liên lạc với chúng tôi. Nhờ cố gắng của họ, sự tiếp xúc giữa đôi bên nhanh chóng

mang thêm nội dung ngày càng mới mẻ. Chẳng bao lâu, chúng tôi được biết rằng họ có những thiết bị bay ngang với vận tốc ánh sáng. Tất cả những điều chúng tôi biết được là nhờ khả năng trao đổi ý kiến, lúc đầu bằng các công thức toán học và hóa học, sau đó họ tỏ cho chúng tôi hiểu rằng họ còn biết nói thành lời. Thì ra, đã nhiều năm, kể từ khi con người vượt qua sức hút của Trái Đất đi vào vũ trụ và hoạt động khá ổn định trên đó, các sinh vật của hành tinh kia đã nghiên cứu các ngôn ngữ của chúng ta bằng thiết bị nghe vũ trụ cực mạnh. Do bắt được sóng liên lạc vô tuyến có hệ thống giữa vũ trụ và Trái Đất, họ đã khôn ngoan giải mã - thông qua so sánh và phân tích - mà hiểu được ý nghĩa các từ ngữ và câu nói của chúng ta. Tự chúng tôi tin như vậy, khi họ thử đối thoại với chúng tôi bằng tiếng Anh và tiếng Nga. Lại thêm một phát hiện chưa từng có, đầy sùng sốt...

Bây giờ xin đề cập đến điều chủ yếu. Chúng tôi đã đánh bạo quyết định tới thăm hành tinh nọ, mà tên gọi của nó tạm giải mã là Ngực Rừng. Các sinh vật Ngực Rừng mời chúng tôi. Đó là sáng kiến của họ. Và chúng tôi đã quyết định sau khi suy xét kỹ lưỡng. Họ giải thích với chúng tôi rằng thiết bị bay của họ, với vận tốc ánh sáng, sẽ bay tới trạm quỹ đạo của chúng ta, sau hai mươi sáu, hai mươi bảy giờ. Bất cứ lúc nào chúng tôi muốn, họ cam kết sẽ đưa chúng

tôi trở lại trạm cũng bằng ngần ấy thời gian. Về chuyện lắp ghép, họ giải thích rằng không có gì đáng ngại bởi vì thiết bị bay của họ có khả năng ráp kín vào bất kỳ vật nào, với hình dạng và cấu tạo tùy ý. Chắc đó phải là một đặc tính nào đó của việc lắp ráp điện tử. Chúng tôi quyết định tốt nhất là thiết bị bay của họ sẽ tiếp cận cửa bước ra vũ trụ của trạm, để chúng tôi có thể chuyển từ trạm sang thiết bị của họ. Cũng bằng con đường ấy, chúng tôi dự kiến sẽ trở về trạm, tất nhiên, nếu chuyến tham quan Ngục Rừng hoàn tất mỹ mãn.

Vậy chúng tôi để lại trong trạm "Paritet" bức thông điệp này, hoặc gọi nó là tờ giải trình, là thư ngỏ, là lời kêu gọi cũng được. Thực chất không phải ở đó... Chúng tôi khá tỉnh táo để hiểu mình đi đâu và tự gánh lấy trách nhiệm nặng nề như thế nào... Chúng tôi nhận thức rằng số phận đã dành cho chính chúng tôi cái khả năng có một không hai được phục vụ nhân loại, một sự phục vụ mà chúng tôi cho là cao quý hơn hết thảy...

Dẫu vậy, điều khổ tâm nhất đối với chúng tôi là phải nén đi ý thức nghĩa vụ, tinh thần kỷ luật, sự gắn bó, và cuối cùng... nén đi tình cảm đã được bồi đắp trong mỗi chúng ta, bởi các truyền thống lâu đời, bởi các quy tắc, tiêu chuẩn đạo đức xã hội. Chúng tôi rời trạm "Paritet" mà không báo tin cho hai vị chỉ huy Trung tâm điều

khiến và nói chung, tất cả mọi người Trái Đất, không phối hợp các mục đích và nhiệm vụ của mình với bất cứ ai dưới bất kỳ hình thức nào, không phải chúng tôi coi thường quy tắc đời sống xã hội Trái Đất. Đối với chúng tôi, đó từng là đề tài phải suy nghĩ nặng nề nhất. Chúng tôi buộc phải hành động như vậy, bởi vì có thể dễ dàng hình dung những tâm trạng, mâu thuẫn, ý muốn nào sẽ xuất hiện tràn lan ngay khi các thế lực bắt đầu hành sự, những thế lực thậm chí coi việc thắng thêm một trái khúc côn cầu là thắng lợi chính trị và là điểm ưu việt của hệ thống nhà nước của mình. Than ôi, chúng tôi biết quá rõ thực tế ở Trái Đất chúng ta! Ai có thể đoán chắc, rằng khả năng tiếp xúc với nền văn minh bên ngoài Trái Đất sẽ không trở thành một cái cớ nữa để gây chiến tranh thế giới tàn sát con người?

Ở Trái Đất rất khó hoặc gần như không thể né tránh cuộc đấu tranh chính trị. Nhưng khi ở lâu - nhiều ngày và nhiều tuần - trong vũ trụ xa xôi, nơi từ đó nhìn về Trái Đất chỉ thấy nó chẳng lớn hơn một cái bánh xe ô tô, chúng tôi đau đớn và giận dữ bất lực nghĩ rằng cuộc khủng hoảng năng lượng hiện nay đang đẩy xã hội tới chỗ tuyệt vọng, điên cuồng, khiến vài nước nào đó muốn sử dụng bom nguyên tử - thực ra chỉ là một vấn đề kỹ thuật lớn mà thôi, ví thử các

nước ấy có thể thỏa thuận với nhau, rằng điều quan trọng hơn...

Vì lo ngại gây xáo động, làm phức tạp thêm tình hình vốn chứa đầy nguy cơ của Trái Đất, chúng tôi mạnh dạn nhận lãnh một trách nhiệm chưa từng có là nhân danh toàn bộ loài người mà tiếp xúc với những sinh vật có trí tuệ ở bên ngoài Trái Đất, phù hợp với các xác tín và lương tâm của mình. Chúng tôi hy vọng và tự tin rằng mình sẽ hoàn thành sứ mệnh tự nguyện một cách xứng đáng...

Và xin nói điểm cuối cùng. Trong các suy nghĩ, nghi ngại và phân vân của mình, chúng tôi đã lo lắng không ít về việc làm sao không gây thiệt hại cho chương trình "Demiurge" - một sự khởi đầu vĩ đại trong lịch sử địa chất vũ trụ của loài người trải qua nhiều năm đau khổ vì nghi ngờ, hết tầng lại giảm sự hợp tác lẫn nhau. Tuy nhiên, lý trí đã thắng - và chúng tôi tự nguyện phục vụ sự nghiệp chung tùy theo sức lực và khả năng của mình. Nhưng sau khi đối sách mọi lẽ, và không muốn thử thách chương trình "Demiurge" do những lo ngại trên, chúng tôi đã chọn phương án của mình - chúng tôi chỉ tạm thời rời trạm "Paritet", để khi trở về sẽ báo cáo với loài người về kết quả tham quan hành tinh Ngục Rừng. Nếu chúng tôi mất tích vĩnh viễn, hoặc nếu ban chỉ huy thấy chúng tôi không còn xứng đáng tiếp tục làm việc trên trạm

"Paritet" nữa, thì việc thay thế chúng tôi sẽ không đến nỗi phức tạp, bao giờ cũng sẽ tìm được những người làm việc không kém gì chúng tôi.

Chúng tôi đi vào chốn chưa ai biết tới. Điều dẫn chúng tôi tới đó là khát vọng hiểu biết và mơ ước ngàn đời của con người muốn phát hiện những sinh vật có trí tuệ giống mình ở các thế giới khác, để trí tuệ được liên kết với trí tuệ. Song chưa ai biết kinh nghiệm của nền văn minh ngoài Trái Đất tiềm ẩn thiện chí hay ác ý đến với loài người. Chúng tôi sẽ cố gắng khách quan trong cách đánh giá. Nếu cảm thấy phát hiện của mình có thể chứa đựng một chút gì đe dọa, phá hoại Trái Đất, chúng tôi xin thề sẽ ứng xử thích hợp để không gây bất kỳ tai họa nào cho hành tinh của chúng ta.

Thêm một điểm cuối cùng nữa. Chúng tôi sắp từ biệt trạm. Qua cửa sổ, chúng tôi nhìn thấy một phía của Trái Đất rạng rỡ như một viên ngọc lung linh giữa biển không gian đen thẳm. Trái Đất đẹp tuyệt vời bởi màu xanh hiếm thấy và trông yếu ớt, mong manh như mái đầu trẻ thơ. Từ đây, chúng tôi cảm thấy mọi người đang sống trên đời, hết thấy họ đều là anh chị em của chúng tôi, và chúng tôi không dám tưởng tượng rằng mình có thể sống thiếu họ, tuy chúng tôi biết rằng ở dưới Trái Đất lại hoàn toàn chưa phải như vậy...

Chúng tôi sắp từ giã địa cầu. Vài giờ nữa chúng tôi sẽ rời khỏi quỹ đạo "Tramplin", và khi đó sẽ không thể nhìn thấy Trái Đất nữa. Các sinh vật Ngực Rừng đang trên đường tới đón chúng tôi, họ đã gần đến quỹ đạo của chúng ta. Chỉ ít phút nữa thôi. Chúng tôi đang chờ.

Cuối cùng chúng tôi xin gửi lại thư cho gia đình chúng tôi. Tha thiết đề nghị tất cả những ai có quan hệ tới việc này hãy chuyển giúp thư của chúng tôi tới đúng địa chỉ.

Tái bút: Chỉ dẫn những ai sẽ lên thế chỗ chúng tôi trên trạm "Paritet". Trong sổ trực, chúng tôi có ghi rõ kênh thu - phát và tần số những sóng vô tuyến mà nhờ đó chúng tôi đã tiếp xúc với các sinh vật Ngực Rừng. Nếu cần, chúng tôi sẽ liên lạc và truyền tin về theo kênh đó. Theo chỗ chúng tôi đã xác định được từ các buổi trao đổi vô tuyến với hành tinh Ngực Rừng, thì cách liên lạc thuận tiện và duy nhất là hệ thống của trạm tự động. Bởi vì các tín hiệu vô tuyến mà Vũ Trụ phát thẳng về phía Trái Đất không thể tới được bề mặt Trái Đất, vì chuồng ngai sùng sững là tầng điện ly dày đặc trong khí quyển bao quanh Trái Đất.

Xin ngừng bút ở đây. Vĩnh biệt. Chúng tôi đã tới lúc ra đi.

Toàn văn thông điệp này được viết bằng hai thứ tiếng Anh và Nga.

PHI CÔNG VŨ TRỤ SONG ĐÔI 1-2 PHI CÔNG VŨ TRỤ SONG ĐÔI 2-1

Trạm quỹ đạo "Paritet"

Đợt trực ban thứ ba.

Ngày thứ 94"

Đúng thời hạn quy định, vào lúc mười một giờ theo giờ Viễn Đông, hai chiếc máy bay phản lực chở hai tiểu ban có thẩm quyền đặc biệt, một của Mỹ, một của Liên Xô, đã lần lượt hạ cánh xuống tàu sân bay "Convention".

Các ủy viên của hai tiểu ban được đón tiếp đúng theo nghi thức. Họ lập tức được thông báo rằng họ sẽ dùng bữa trưa trong nửa giờ, liền sau đó sẽ phải có mặt tại phòng sĩ quan để dự phiên họp kín do tình hình đặc biệt trên trạm quỹ đạo "Paritet".

Nhưng phiên họp vừa khai mạc thì đột ngột bị gián đoạn. Hai phi công vũ trụ - kiểm tra đang ở trên trạm "Paritet", vừa truyền về Trung tâm điều khiển ở tàu "Convention" bản tin đầu tiên mà họ nhận được của hai phi công vũ trụ song đôi 1-2 và 2-1 từ hệ Thiên Hà láng giềng, hành tinh Ngục Rừng.

4.

Những chuyến tàu ở vùng này chạy từ Đông sang Tây và từ Tây sang Đông...

Trải rộng hai bên đường tàu ở vùng này là những hoang mạc mênh mông - miền Sarozek và các thảo nguyên úa vàng thuộc miền Đất Giữa.

Ở vùng này, mọi khoảng cách bất kỳ đều được đem so với con đường sắt, như so với kinh tuyến Greenwich...

Những chuyến tàu vẫn chạy từ Đông sang Tây và từ Tây sang Đông...

Nói gì thì nói, đường đến nghĩa địa Ana-Bejit của bộ tộc Najman dầu sao cũng xa, tới ba mươi versta, phải luôn luôn dùng mắt lấy các bụi gai làm mốc để nắn đường đi cho thẳng.

Hôm nay Edigej-Bảo Tuyết dậy sớm. Vả lại bác cũng có ngủ nghề gì đâu. Gần sáng mới thiếp đi một chút. Còn trước đó, bác bận chuẩn bị khâm liệm cho Kazangap. Thông thường người ta làm việc ấy vào ngày chôn cất, không lâu trước lúc khiêng quan tài ra, giữa khi tất cả đang cầu nguyện. Đằng này mọi việc phải hoàn

tất trong đêm, để sáng ra có thể lên đường ngay không chậm trễ. Bác tự làm lấy tất cả, nếu không kể việc Edilbaj - Cò Hương bung nước ấm tới để lau rửa. Edilbaj hơi ngần ngại, đứng cách xa người chết. Tất nhiên bác ta thấy sờ sợ. Edigej làm như vô tình bảo:

- Chú Edilbaj nhìn cho kỹ nhé. Có lúc trong đời sẽ cần đến. Con người đã sinh ra thì sẽ có lúc phải chôn cất thôi.

- Vâng, tôi hiểu - Edilbaj rụt rè trả lời.

- Đúng thế. Giả dụ ngày mai tôi chết. Chẳng lẽ không tìm được ai biết khâm liệm ư? Các chú cứ hất đại xác tôi xuống một cái hố nào chẳng?

- Sao lại thế a! Edilbaj lúng túng soi đèn cho Edigej và cố mon men đến cạnh tử thi. - Vâng bác thì ở đây chần lăm. Vậy xin bác hãy sống đã. Còn cái hố cứ để nó chờ.

Việc khâm liệm chiếm gần một giờ rưỡi. Edigej rất hài lòng. Bác lau rửa người quá cố chu đáo, đặt hai tay hai chân cho thẳng rồi quần đai đúng thể thức, không hề tiếc vải. Vừa làm bác vừa chỉ dẫn cho Edilbaj. Xong xuôi, bác sửa sang lại bản thân mình cho tử tế. Bác cạo râu, sửa ria. Bộ ria của bác cũng dày rậm như lông mày và đã lăm tẩm sợi bạc. Edigej không quên đeo các huy chương chiến sĩ, các huân chương và huy hiệu thi đua của mình lên ngực, chuẩn bị cho ngày mai.

Đêm đã qua. Và Edigej-Bảo Tuyết ngạc nhiên với chính mình - tại sao bác lại làm tất cả những việc đó một cách đơn giản và bình tĩnh như vậy! Nếu trước đây có ai bảo bác phải làm cái việc đáng buồn ấy, chắc bác chẳng tin. Như vậy là định mệnh đã an bài, rằng người chôn cất Kazangap sẽ phải là bác. Cái số nó thế.

Đúng vậy. Ai có thể ngờ chuyện này hồi hai người gặp nhau lần đầu tiên ở ga Kumbel. Sau khi bị chấn thương, vào cuối năm bốn mươi tư, Edigej được giải ngũ. Nhìn bề ngoài, dường như tất cả vẫn đều vào đó - tay chân còn nguyên vẹn, cái đầu vẫn ở trên vai, có điều đúng là nó không phải của mình nữa. Hai tai cứ ù ù như có gió thổi. Đi vài bước đã chông chênh, mắt mũi tối sầm, buồn nôn, mồ hôi vã ra như tắm. Thỉnh thoảng cái lưỡi bất tuân thượng lệnh, vất vả lắm mới nói được một tiếng. Edigej đã bị chấn thương thực sự bởi sóng nổ của một viên đạn trái phá Đức. Nó không giết chết anh, nhưng sống thế này thì phỏng có ích gì. Đạo ấy Edigej vô cùng chán nản. Trẻ trung, trông bề ngoài khỏe mạnh, nhưng nếu trở về quê hương - vùng biển Aral - thì anh sẽ làm gì, có ích gì đâu? May thay gặp được ông bác sĩ giỏi! Ông ấy thậm chí không điều trị cho anh, mà chỉ khám, chỉ nghe, chỉ kiểm tra. Bây giờ Edigej còn nhớ đây là một người đàn ông tóc hung, vạm vỡ, mặc blu

trắng, đôi mắt trắng, mắt sáng, mũi to. Ông vui vẻ vỗ vai anh, cười:

- Người anh em thấy đó, chiến tranh sắp chấm dứt rồi, nếu không thì tôi sẽ trả anh về đơn vị cũ để anh đánh đấm vài trận nữa. Nhưng thôi, thiếu anh, chúng ta cũng sẽ có cách đi tới chiến thắng. Có điều là anh đừng lo lắng gì cả, chỉ một năm nữa hoặc có thể sớm hơn, mọi việc sẽ đâu vào đấy, anh sẽ khỏe như vâm. Tôi nói thật đấy, sau này anh sẽ nhớ lại lời tôi nói hôm nay. Còn bây giờ thì anh thu xếp về quê đi. Và chớ có buồn. Những người như anh phải sống đến trăm tuổi cơ...

Ông bác sĩ ấy hóa ra nói thật. Sự việc đúng như vậy. Tuy rằng nói sau một năm thì dễ quá. Chứ khi rời quân y viện, với chiếc áo va rơi nhàu nát, chiếc túi vải sau lưng và một cây nạng để phòng bất trắc, anh bước ra đường phố mà cứ như lọt vào rừng rậm. Đầu váng, chân run, mắt mũi xây xẩm. Tại các nhà ga và trên các chuyến tàu hỏa, cảnh tượng hỗn loạn, người đông như kiến, mạnh ai nấy lo, chen lấn xô đẩy nhau. Dẫu sao anh cũng lần về tới nhà. Sau một tháng trời vật vã, đêm ấy đoàn tàu dừng bánh ở ga Aralsk. Người ta đặt cho đoàn tàu "Tuyệt vời" ấy biệt hiệu "tàu năm lẻ bảy vui tính", mong sao đừng bao giờ có ai phải đáp những chuyến tàu như thế...

Nhưng hồi ấy được đi tàu đã phúc. Edigej dò dẫm trong bóng tối, bò xuống khỏi toa như tụt từ một quả núi xuống. Chung quanh tối đen như mực, chỉ le lói vài ánh đèn nhà ga. Trời gió mạnh. Vậy là gió đã đón anh, thứ gió quê hương, gió biển Aral của anh! Hơi biển phả vào mặt. Hồi ấy ga đặt sát biển, sóng vỗ ù oạp ngay dưới chân đường tàu. Chứ bây giờ có ống nhòm cũng chả thấy biển đằng xa...

Anh nín thở - từ đồng cỏ đưa đến thoang thoảng mùi ngải cứu, hơi hương mùa xuân sắp về với vùng ven biển Aral. Quê hương thân thiết đây rồi!

Edigej thông thuộc nhà ga và cái thị trấn cạnh ga, nằm trên bờ biển với những con đường nhỏ quanh co. Bùn lếp nhếp dính vào đôi ủng. Anh tới nhà người quen định ngủ nhờ để sáng mai về làng chài Zhangeldi của mình nằm cách ga khá xa. Anh không để ý rằng con đường đưa anh ra rìa thị trấn ăn sát bờ biển từ lúc nào. Không nén được, anh lần ra tận mép nước. Trong bóng đêm, chỉ đoán được biển qua những vệt sáng mờ mờ, qua các ngọn sóng trôi lên rì rào rồi lại hắt xuống tức thì. Trăng gần sáng đã nhạt lấm, chỉ là một điểm trắng cô đơn nấp sau đám mây trên cao.

Thế là anh gặp lại biển.

- Chào Aral - Edigej thì thầm.

Anh ngồi ghé xuống một mỏm đá, châm thuốc, mặc dù các bác sĩ khuyên anh tuyệt đối không nên hút thuốc. Sau đó ít lâu anh mới bỏ hẳn thói quen tệ hại ấy. Chứ hôm ấy anh rất xúc động - khói thuốc thì nghĩa lý gì, trong khi chưa rõ sẽ tiếp tục sống ra sao đây. Muốn đi biển hai tay phải rắn chắc, vùng thắt lưng phải khỏe, và chủ yếu là cái đầu phải cứng để khỏi bị say sóng. Trước khi ra trận, anh là dân chài, còn bây giờ thì sao? Tàn phé chẳng ra tàn phé, nhưng nói chung là đồ vô tích sự. Mà trước hết là cái đầu không hợp với nghề đi biển nữa rồi, điều này đã rõ ràng rành rành.

Edigej định đứng dậy, không biết từ đâu trên bờ có một con chó trắng xuất hiện. Nó chạy chậm chậm dọc mép nước. Thỉnh thoảng dừng lại, ngửi ngửi cát ướt một cách chăm chú. Edigej vẫy nó. Nó tin cậy tiến đến gần và đứng lại bên cạnh, đuôi ve vẩy. Edigej vỗ nhẹ vào cái cổ đầy lông của nó.

- Mày ở đâu chạy đến vậy? Tên mày là gì? Arstan? Zholbars? Boribasars? (*) À, tao hiểu rồi, mày đi kiếm cá ven bờ. Khá, khá lắm! Nhưng không phải ngày nào biển cũng ném cá chết lên bờ đâu. Làm sao đây! Phải chạy mãi, nên mày mới ốm thế này. Còn tao, tao đi về quê đây. Từ xứ Kenigsberg cơ đấy. Chỉ cách thành phố ấy

(*) Sư tử? Cọp? Chó săn sói?

vài kilomet nữa thì tao bị đạn trái phá quật ngã, may mà sống sót. Bây giờ tao đang lo nghĩ sẽ làm việc gì. Sao mày nhìn tao ghê thế? Tao chả có gì cho mày đâu. Toàn huân chương với huy chương thôi. Chiến tranh, chỗ nào cũng đói, anh bạn ạ. Thương tật... À mà hơm đã, tao có miếng đường, định đem về làm quà cho con trai tao đây, con trai tao nó biết chạy rồi, chắc thế...

Edigej vội cởi chiếc túi vải, trong đó có một nhúm đường phen bọc bằng giấy báo, một tấm khăn cho vợ, mua ở một nhà ga, hai cục xà bông, mua của dân phe phẩy. Trong túi vải còn có một bộ đồ lót của lính, thắt lưng, mũ calô, một chiếc áo va roi dự trữ và một cái quần - đó là toàn bộ hành trang.

Con chó liếm đường trên bàn tay anh, nó nhai rau rầu, ve vẩy đuôi và nhìn anh bằng ánh mắt trung thành, chăm chú, tin cậy, tươi tỉnh.

-Thôi, tạm biệt nhé!

Edigej đứng dậy, đi dọc bờ biển. Anh quyết định không phiền người quen ở ga nữa. Trời sắp sáng rồi, nên đi luôn về làng mình thôi.

Mãi trưa hôm ấy Edigej mới về tới Zhangeldi bằng con đường lần theo bờ biển. Trước kia anh vượt khoảng cách ấy chỉ mất hai giờ. Đến nhà, anh bị ngay một đòn choáng váng - thì ra thằng con trai bé bỏng của anh đã chết từ lâu. Khi Edigej nhập ngũ, thằng bé mới được sáu tháng.

Cái số nó chỉ sống được mười một tháng. Nó bị lên sởi và không chịu nổi cái nóng bên trong, đã là đời. Gia đình không muốn viết thư cho bố nó biết. Gửi đi đâu và viết làm gì kia chứ? Ngoài mặt trận thiếu tin đó cũng có khối chuyện đau lòng rồi. Nếu còn sống trở về, biết chuyện, sẽ đau khổ ít lâu rồi qua đi, bà con họ hàng lập luận như thế và khuyên Ukubala đừng báo tin cho chồng. Anh chị còn trẻ, họ nói, hết chiến tranh, tha hồ mà đẻ. "Một cành bị gãy, chưa phải là tai họa, cái chính là thân cây phải nguyên vẹn". Ngoài ra, mọi người cũng nghĩ, tuy không nói ra, nhưng ai cũng hiểu ngầm: ví dụ, lỡ ra anh ấy có bề nào, chiến tranh là chiến tranh, tên rơi đạn lạc, thì vào giây phút cuối cùng từ giã cõi đời, hãy để anh ấy hy vọng rằng còn đứa con trai ở nhà, dòng họ đâu đến nỗi tuyệt tự...

Ukubala tự hành hạ mình về mọi chuyện. Chị nức nở ôm chặt người chồng vừa trở về. Chị đã chờ đợi ngày hôm nay với bao hy vọng và đau đớn như một người có lỗi. Chị vừa kể vừa khóc suốt suốt, khiến các bà già phải cản ngăn. Thằng bé bị bệnh sởi rất nặng, căn bệnh ấy nguy hiểm vô cùng, lẽ ra phải dùng chăn ấm nhồi bông lạc đà quấn chặt thằng bé, đặt trong buồng tối, thường xuyên cho uống nước lạnh và kê nó, nếu trời tha cho, nó chịu được các cơn sốt nóng thì sẽ sống. Đằng này Ukubala không chịu nghe lời các bà già trong làng. Chị hỏi mượn

hàng xóm một chiếc xe ngựa và chở con đến nhà bác sĩ ở tận dưới ga. Nhưng đến được Aralsk trên chiếc xe ngựa quá xóc thì muộn rồi. Thằng bé đã chết dọc đường. Chị bác sĩ nhieć móc người mẹ trẻ hết lời. Chị ta bảo lẽ ra Ukubala phải làm theo lời khuyên của các bà lão...

Đấy, những tin như thế chờ sẵn Edigej ở nhà, khi anh bước qua ngưỡng cửa. Anh hóa đá, anh rầu rĩ vì đau khổ từ giờ phút ấy. Trước kia anh không bao giờ ngờ mình sẽ thương nhớ đứa con trai đầu lòng, mà anh chưa hề ẵm bế thực sự tới mức sâu xa như vậy. Do đó anh lại càng đau đớn về sự mất mát. Không bao giờ anh có thể quên được nụ cười của đứa bé chưa có răng, một nụ cười tin cậy, tươi tắn, hể nhớ đến lòng anh như thất lại.

Tất cả bắt đầu từ đây, Edigej thấy chán làng quê. Hồi trước ở đây, trên khu gò đất sát ven biển này có năm chục hộ chuyên làm nghề đánh cá ngoài biển Aral. Mọi người sống trong hợp tác xã. Bây giờ chỉ còn mười ngôi nhà làm bằng đất, đứng dưới bờ dốc. Nam giới không còn một ai - chiến tranh đã quét sạch họ, cả người già lẫn trẻ con. Một số đã bỏ đi làm ăn ở các nông trang hoặc trại chăn nuôi nơi khác, để khỏi chết đói. Hợp tác xã tan vỡ. Chẳng còn ai đi biển.

Ukubala cũng đã có thể bỏ về quê mình, chị vốn sinh ra ở các bộ tộc miền thảo nguyên. Người

nhà của chị đã đến đây rủ chị về chốn cũ. Họ bảo, thời buổi khó khăn này, chị cứ trở lại quê cũ chờ đợi, nếu Edigej sống sót trở về, sẽ không ai dám giữ chân chị, chị cứ việc quay lại làng chài Zhangeldi. Nhưng Ukubala cự tuyệt - Tôi sẽ chờ chồng. Tôi đã mất đứa con. Nếu nhà tôi sống sót trở về, ít ra phải để anh ấy còn thấy người vợ của mình. Ở đây tôi không chỉ có một mình, còn người già, trẻ nhỏ, tôi sẽ giúp đỡ họ, cùng họ chịu đựng đến cùng.

Chị đã hành động đúng. Riêng Edigej từ ngày đầu tiên đã bảo rằng bây giờ anh không thể ở lại đây, ngay cạnh biển, mà lại không làm việc gì. Về điểm này, anh cũng đúng. Những người thân của Ukubala đến thăm Edigej nhân dịp anh trở về, đã mời vợ chồng anh tới vùng quê họ. Anh chị hãy tới sống ít lâu với chúng tôi, bên các đàn cừu ở vùng thảo nguyên - họ nói - Khi nào khỏe hẳn anh sẽ làm một việc gì đấy, chăn cừu chẳng hạn... Edigej cảm ơn, nhưng không đồng ý. Anh hiểu rằng mình sẽ là gánh nặng cho họ. Ở chơi vài ngày thì chẳng sao. Nhưng sau đó, nếu anh không làm việc được thì ai còn cần đến anh?

Thế rồi mùa xuân năm ấy hai vợ chồng ra đi. Họ còn trẻ, hiện thời chưa có gì níu chân họ. Thời gian đầu, họ ngủ ở các nhà ga khác nhau. Nhưng công việc thích hợp thì vẫn chưa tìm được. Chỗ ăn ngủ lại càng gay go. Gặp đâu sống đấy,

tình cờ kiếm được việc gì trên tuyến đường sắt thì làm việc đó. Đạo ấy Ukubala đã giúp anh đắc lực - chị trẻ, khỏe, giành phần lớn công việc để làm. Edigej trông bề ngoài là một người đàn ông khỏe mạnh, xin nhận khoán công việc bốc dỡ hàng hóa, anh nhận việc là chính, còn làm thì Ukubala gánh vác cả.

Cứ thế, một hôm - đã là giữa mùa xuân, họ tới một cái ga đầu mối - ga Kumbel. Họ giở than. Các toa chở than được dồn vào đường dự phòng tới sát sân sau của đề-pô. Ở đấy người ta hất than xuống đất để giải phóng nhanh sà-lơ toa. Sau đó, dùng xẻng xúc than, và Ukubala lại như một con ngựa thồ, tận lực đẩy chiếc xe nặng nề quá sức phụ nữ, chạy lên đồng than cao. Trời mỗi ngày một nóng, cái nóng hòa với bụi than bay mù khiến Edigej choáng váng, xây xẩm. Anh cảm thấy sức lực mình giảm dần. Chỉ muốn gục ngay xuống bãi than và không bao giờ đứng dậy nữa. Nhưng anh cay đắng hơn cả khi nhìn người vợ phải thay mình làm việc giữa đám bụi than đen ngòm. Từ đầu đến chân chị chìm trong bụi than, chỉ còn thấy đôi lòng trắng con mắt và hàm răng. Cả người chị đầm đìa mồ hôi. Mồ hôi chảy thành từng dòng đen xuống cổ, xuống ngực, trên lưng. Giá anh khỏe mạnh như ngày xưa, đời nào anh để vợ phải chịu cảnh này! Anh sẽ tự tay xúc hàng chục toa than đáng nguyên rửa

kia, chỉ cốt sao khỏi chúng kiến nổi cực khổ của vợ.

Khi hai vợ chồng rời cái làng tiêu điều, xơ xác của mình ra đi, họ hy vọng rằng Edigej, một thương binh, sẽ tìm được việc làm thích hợp, song điều họ không tính đến là số người như anh đầy nhan nhản, khắp nơi. Và tất cả bọn họ đều buộc phải thích nghi trở lại với cuộc sống. Edigej còn đủ chân tay là may lắm. Bao nhiêu người què chân, cụt tay, chống nạng khắp khiêng, lang bạt trên các tuyến đường sắt. Những đêm dài, khi đã thu xếp được một chỗ nằm ở một góc nhà ga chật chội, hôi hám, đông nghịt nào đấy trong lúc chờ trời sáng, Ukubala vẫn thầm cảm ơn thượng đế về chuyện chồng chị chưa bị chiến tranh làm cho tàn phế tới mức đáng sợ và bế tắc hoàn toàn. Bởi vì những gì chị thấy ở các nhà ga đã khiến chị rùng mình, đau khổ. Những người què cụt, những thân hình ốm yếu, khoác trên người loại áo ca-pốt tả tơi hoặc đủ thứ giẻ rách, ngồi trên xe đẩy, người cụt cả hai chân, hoặc chống nạng hoặc lê lết trên hai tay, những người bơ vơ không nhà không cửa cứ lang bạt trên các chuyến tàu và nhà ga, chen chúc ở các nhà ăn công cộng, rên rỉ và than khóc thảm thiết... Cái gì chờ họ ở phía trước, cái gì bù đắp lại cái không thể bù đắp? Và chỉ vì tai họa ấy đã không giáng xuống đầu chị, chỉ vì chồng chị đã trở về, tuy có bị chấn thương nhưng không

tàn phế. Ukubala sẵn sàng làm tất cả những việc nặng nhọc nhất trên đời. Chị không than vãn, không bó tay, không để lộ sự mệt mỏi ngay cả những lúc tưởng chừng sức chịu đựng đã dốc cạn.

Nhưng Edigej không vì thế mà thấy nhẹ nhõm hơn. Phải quyết một việc gì đây, trước khi xác định vững chắc hơn vị trí của mình trong cuộc sống. Không thể lang thang phiêu bạt suốt đời. Một ý nghĩ bắt đầu luôn luôn ám ảnh: hay là cứ liều một phen, định cư ở một thành phố nào đó, biết đâu chẳng gặp may? Chỉ mong sức khỏe được phục hồi, chỉ mong vượt qua cái tình trạng chán thương đáng nguyên rủa này. Lúc ấy mới có thể phấn đấu, mới có thể bảo vệ mình... Mọi chuyện, dĩ nhiên, có thể thay đổi ở thành phố, cũng có khi sẽ thích nghi dần dần và sẽ thành dân đô thị như nhiều người khác, nhưng số phận hóa ra lại được quyết định theo chiều hướng khác...

Cái độ vợ chồng anh đang xúc than khổ cực ở ga Kumbel, thì bỗng một hôm cạnh bãi than xuất hiện một người Kazak cười lạc đà. Chắc hẳn người ấy từ phía thảo nguyên tới đây lo công chuyện gì đó. Ít ra cũng là ấn tượng ban đầu. Người ấy thả con lạc đà gặm cỏ trên bãi trống bên cạnh, còn mình thì lo ngại nhìn quanh, rồi bước tới chỗ Edigej với cái bao tải cắp nách.

- Người anh em ơi - anh ta gọi - làm ơn trông hộ con lạc đà một lát, để bọn trẻ khỏi trêu chọc nó nhé. Bọn trẻ có thói quen xấu là hay trêu chọc và đánh lạc đà. Nhiều khi chỉ để chơi vui. Mình chỉ đi đằng này một lát thôi.

- Anh cứ đi đi, tôi trông giùm cho - Edigej hứa, tay vẫn xúc than, cái khăn lau mồ hôi vắt vai đã đen nhem.

Mồ hôi trên mặt chảy ròng ròng! Edigej vừa xúc than lên xe cút kít vừa thỉnh thoảng để mắt về phía con lạc đà, canh chừng bọn trẻ khu ga nghịch ngợm quá đáng. Có lần anh thấy chúng trêu tức con vật tới mức nó hậm hực gầm lên, phun nước bọt, phì phì đuổi theo bọn trẻ. Chính điều đó khiến chúng thích thú, và như bấy thợ săn thời nguyên thủy, chúng cứ reo hò vây quanh con lạc đà mà ném đá hoặc quật gậy vào mình nó. Con vật đáng thương đến là khổ mãi tới lúc chủ nó xuất hiện...

Và lần này, không hiểu từ đâu cả một bọn trẻ rách rưới rủ nhau kéo tới đá bóng. Chúng bắt đầu sút bóng thật mạnh về phía con lạc đà, cứ nhằm hai bên sườn mà thi nhau sút, xem đứa nào khỏe hơn, khéo hơn. Đứa nào sút trúng thì khoái trá như thể vừa làm bàn. Con lạc đà luống cuống né tránh...

- Này các cháu ra chỗ khác chơi đi, đừng làm thế! - Edigej vung cái xẻng dọa chúng. - Nếu không đừng trách!

Bọn trẻ rút lui vì cho rằng anh là chủ của con lạc đà, hoặc vì sợ cái bề ngoài góm ghiếc của anh thợ xúc than, lỡ anh ta lại say rượu nữa thì khôn. Chúng không biết rằng lẽ ra chúng có thể tiếp tục trò chơi tai ác ấy đến chán chê. Edigej chỉ giờ xẻng dọa thế thôi, chứ thực tình anh không còn hơi sức nào xua đuổi bầy trẻ được nữa. Mỗi xẻng than đổ vào xe cút kít đòi hỏi ở anh bao nhiêu nỗ lực. Chưa bao giờ anh nghĩ rằng làm một kẻ bệnh hoạn lại nhục nhã ê chề đến thế. Đầu óc lúc nào cũng quay cuồng. Mồ hôi tuôn ra như tắm. Edigej kiệt sức dần, đã thế lại khó thở vì bụi than, ngực cứ tức anh ách như bị đóng đai. Lắm lúc Ukubala đảm nhận phần lớn công việc để anh được ngồi nghỉ một lát, chỉ vừa xúc than, vừa đẩy xe cút kít. Song Edigej không nỡ nhìn vợ làm quần quật, anh lại đứng dậy, lão đảo bắt tay vào việc...

Người nhờ anh trông dùm con lạc đà, chẳng mấy chốc đã trở lại với bao tải hàng trên lưng. Sau khi xếp hàng lên mình lạc đà và chuẩn bị lên đường, anh ta mới bước lại chỗ Edigej nói vài câu chia tay. Nhưng câu chuyện đôi bên không dứt được ngay. Người ấy chính là Kazangap, hiện công tác ở ga Boranly-Bảo Tuyết...

Hóa ra họ là đồng hương. Kazangap kể rằng anh ta cũng sinh trưởng ở một làng ven biển Aral. Điều đó khiến hai người trở nên gần gũi.

Bấy giờ không ai trong số họ nghĩ rằng cuộc gặp gỡ này sẽ quyết định toàn bộ đường đời về sau của Edigej và Ukubala. Đơn giản là Kazangap đã thuyết phục vợ chồng anh đến sống và làm việc ở ga Boranly-Bảo Tuyết. Có những người gây được thiện cảm ngay từ lần gặp gỡ đầu tiên. Ở Kazangap không có gì đặc biệt; ngược lại, chính sự giản dị chứng tỏ anh là một người thông thái nhờ sự từng trải đắng cay. Nhìn bề ngoài Kazangap là một người Kazak hết sức bình thường với bộ quần áo bạc màu, sờn rách. Chiếc quần may bằng da dê rất tiện cho việc cưỡi lạc đà. Nhưng anh biết giá trị của các vật dụng - cái mũ lưỡi trai của công nhân đường sắt tương đối mới được dành cho những dịp đi xa, trang điểm cho cái đầu hơi to của anh, và đôi ủng da đã đi nhiều năm, được vá vúi ở nhiều chỗ và được lau chùi cẩn thận. Có thể nhận ra anh là một người lao động cần mẫn ở vùng thảo nguyên, qua khuôn mặt sạm nắng gió và đôi tay gân guốc, rắn rỏi. Đôi vai lực lưỡng bị còng vì lao động quá sớm làm cho cái cổ có vẻ ngẩng ra như cổ vịt, tuy vóc dáng anh thuộc loại tầm thước. Cặp mắt anh thật kỳ lạ - chăm chú thấu hiểu, mọi lẽ tươi cười, mỗi khi nheo lại như tỏa ra tia sáng từ các nếp nhăn bên khóe mắt.

Hồi ấy Kazangap đã ngót bốn mươi. Có thể anh còn ít tuổi hơn, nhưng ria ngắn và bộ râu màu hung làm cho nét mặt anh thêm khắc khổ và từng trãi. Song cái khiến người ta tin cậy anh, trước hết là lời lẽ hợp tình hợp lý của anh. Ukubala lập tức kính trọng Kazangap. Anh bảo, nếu cơ thể đã bị chấn thương thì không nên làm hại sức khỏe thêm nữa. - Mình thấy ngay rằng cậu làm việc này là quá sức cậu Edigej ạ. Cậu chưa hồi phục hoàn toàn đâu. Hiện giờ cậu cần ở một nơi thoáng khí, phải được uống sữa tươi đầy đủ. Chẳng hạn, ở ga của mình đang rất cần công nhân sửa đường. Đồng chí trưởng ga mới về, hể gặp mình lại bảo: cậu là thổ công ở đây, cậu hãy mời những người thích hợp tới làm việc cho ga mình. Nhưng đào đâu ra những người như thế cơ chứ? Tất cả đang ở ngoài mặt trận. Còn những người đã hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu, thì cũng khối việc làm ở nơi khác rồi. Dĩ nhiên, sống ở chỗ bọn mình chả sung sướng gì. Đây là một nơi rất khó khăn. Xung quanh là hoang mạc nước nổi hết sức thiếu thốn. Mỗi tuần người ta chỉ chở đến một xitec nước mà lắm khi cũng chả nhớ chở đến nữa. Lúc đó đành phải tìm những giếng nước rất xa giữa thảo nguyên, lấy nước vào bao da đem về. Sáng đi tối mới về đến nhà. Nhưng dẫu sao - Kazangap nói - Ở đây có khổ cũng còn hơn cứ lang bạt thế này mãi. Sẽ có chỗ che đầu, có việc làm thường xuyên,

bọn mình sẽ hướng dẫn những việc cần thiết, lại có thể làm kinh tế phụ gia đình. Nếu muốn thì làm thôi. Có vợ chồng bên nhau hai cô chú thừa sức kiếm đủ ăn. Ở đây sức khỏe sẽ chóng phục hồi, khi nào chán thì xin đổi đi nơi khác tốt hơn...

Edigej suy nghĩ một lát rồi đồng ý. Và ngay hôm ấy vợ chồng anh theo Kazangap đến ga Boranly-Bảo Tuyết. Việc thu xếp hành lý chẳng lâu la gì so với thời bấy giờ. Có lâu chỉ là suy nghĩ để quyết định thử đi tìm vận may thôi. Sau này mới biết cái số vợ chồng anh nó thế.

Suốt đời Edigej vẫn nhớ chặng đường từ Kumbel vượt qua thảo nguyên tới ga Boranly-Bảo Tuyết. Đầu tiên họ đi dọc đường tàu, nhưng dần dần tiến xuống vùng đất trũng cách xa đường tàu. Kazangap giải thích rằng họ sẽ đi tắt được mười cây số, bởi vì đường sắt ở đây phải vòng tránh một vùng xưa kia vốn là đáy hồ nước mặn nay đã cạn khô. Ngày nay từ dưới lòng hồ, muối và bùn thỉnh thoảng vẫn trôi lên. Cứ xuân sang, vùng đất mặn này lại thức dậy, nhão nhoẹt bùn, khó đi lại, đến mùa hè có một lớp muối trắng phủ bên trên, đất cứng lại như đá cho đến mùa xuân năm sau. Về chuyện nơi đây xưa vốn là một cái hồ nước mặn rộng mênh mông, thì Kazangap kể theo lời một nhà địa chất học tên là Elizarov mà sau đó Edigej-Bảo Tuyết đã kết làm bạn thân. Một người thông minh.

Còn Edigej, lúc ấy chưa phải Edigej-Bảo Tuyết, mới chỉ là một người Kázak quê vùng biển Aral, một thương binh chưa ổn định cuộc sống, tình cờ gặp được Kazangap đã tin Kazangap, cùng vợ đến ga Boranly-Bảo Tuyết tìm nơi sinh sống và làm việc, không ngờ rằng mình sẽ ở lại đó suốt đời.

Không gian mênh mông, bao la của miền thảo nguyên chỉ nảy mầm xanh vào mùa xuân làm cho Edigej choáng ngợp. Xung quanh biển Aral cũng có nhiều đồng cỏ, chẳng hạn như cao nguyên Ustiur, nhưng miền đất rộng lớn nhường này thì anh mới thấy lần đầu. Và sau này, Edigej hiểu rằng chỉ người nào có khả năng làm cho tinh thần của mình tương xứng với sự kỳ vĩ của thảo nguyên hoang vu, mới có thể ở lại đối mặt với sự cam lạng của nó. Phải, vùng đất hoang cần cỗi mênh mông thật, nhưng tư tưởng sống động của con người đủ sức bao quát tất cả. Elizarov quả là thông minh, anh ấy biết giải thích rõ những điều đang còn lơ mờ trong tiềm thức.

Ai biết Edigej và Ukubala sẽ nghĩ gì khi dẫn sâu vào miền đất hoang vu, nếu không có Kazangap tự tin dắt con lạc đà đi trước dẫn đường. Edigej cười trên lưng lạc đà bên cạnh. Dĩ nhiên, người được cưới phải là Ukubala. Nhưng Kazangap và nhất là Ukubala cố thuyết phục, gần như bắt buộc Edigej đừng đi bộ: "Tôi với cô

ấy khỏe mạnh, còn chú cần giữ sức, chớ tranh cãi nữa mà chậm trễ, đường còn dài...". Con lạc đà chưa thật cứng cáp để chở nặng, nên hai người đi bộ bên cạnh người cưỡi. Bây giờ con Karanar của Edigej đủ sức chở cả ba người và chỉ đi khoảng gần bốn tiếng là về đến nhà. Còn hôm đó họ về đến ga Boranly-Bảo Tuyết thì đêm đã khuya.

Dọc đường, Kazangap kể về sinh hoạt ở đây, kể chuyện mình đã tới Sarozek làm việc như thế nào. Thì ra anh chưa nhiều tuổi mấy, mới hơn ba mươi lăm. Quê vùng biển Aral. Làng Beshagach của anh cách làng Zhangeldi ba mươi cây số đường ven biển. Và mặc dù Kazangap rời quê hương đã nhiều năm, chưa bao giờ anh về thăm quê cũ. Điều đó có nguyên nhân của nó. Cha anh đã bị đi đày trong thời kỳ thủ tiêu bọn kulăk như thủ tiêu một giai cấp, và đã chết trên đường trở về khi được minh oan - thì ra ông không hề bóc lột ai và người ta đã đối xử không đúng, nói chính xác hơn là đối xử sai lầm, với những người trung nông như ông. Ông được trả lại tự do, nhưng đã muộn. Gia đình, các anh chị em của Kazangap đã phiêu bạt mỗi người một nơi, cốt sao rời khỏi quê hương chẳng bao giờ ló mặt trở về nữa. Đạo đó Kazangap còn trẻ lắm. Những phần tử cốt cán cứ ép buộc anh phải ra nói trước cuộc họp lên án ông bố, rằng anh tán thành đường lối, rằng cha anh bị kết tội là đúng

lắm, rằng anh từ bỏ người cha như vậy, và rằng những kẻ thù giai cấp, đại loại như bố anh không có chỗ đứng trên mặt đất và nhất thiết phải chết, dù ở bất cứ đâu.

Kazangap đành bỏ đi thật xa để tránh khỏi nhục nhã đó. Anh đã làm việc sáu năm trời ở Betpak - Dal - Thảo Nguyên Đới Khát - gần Samarkan. Vùng đất hoang vu ấy bấy giờ bắt đầu được khai khẩn thành các nông trường trồng bông. Cần rất nhiều lao động. Mọi người sống trong các lán trại. Kazangap đã làm thợ đào đất, lái máy trục tời, làm đội trưởng, được bằng khen về thành tích lao động xuất sắc. Anh cũng đã lấy vợ ở đó. Hồi ấy người từ khắp nơi đổ về Thảo Nguyên Đới Khát để tìm miếng ăn. Một người con gái tên là Bukej từ vùng Khiva đã theo gia đình người anh tới đây tìm việc làm. Số phận run rủi hai bên gặp nhau. Cuối nhau xong, hai vợ chồng quyết định trở về quê Kazangap, ở vùng biển Aral. Nhưng họ suy tính chưa rõ ràng. Họ đáp xe lửa đi rất lâu, chuyển từ tàu nọ sang tàu kia, và khi chuyển tàu ở ga Kumbel, thì tình cờ Kazangap gặp mấy người đồng hương. Qua câu chuyện họ nói, anh hiểu rằng mình không nên trở về quê để làm gì. Hóa ra cầm quyền ở làng vẫn là những phần tử cốt cán nọ. Nếu vậy, Kazangap phải bỏ ý định trở về. Chẳng phải vì anh sợ cái gì, trong túi anh có bằng khen của nước cộng hòa Uzbekistan hằn hoi. Anh không

muốn thấy mặt những kẻ đã xúi bẩy anh làm những điều ngu xuẩn. Hiện thời bọn họ vẫn chưa bị xử phạt, sau một việc xấu đã làm, họ vẫn cứ nhón nhơ như không!

Kazangap không muốn nhớ lại chuyện cũ và anh không hiểu rằng, ngoài anh ra, người ta đã quên chuyện đó từ lâu. Sau rất nhiều năm sống ở Boranly, chỉ có hai lần anh nhắc người ta rằng đối với anh không có điều gì bị quên lãng. Một lần đưa con trai làm anh giận, lần thứ hai là do Edigej nói đùa không khéo.

Một hôm Shabitzhan về chơi. Tất cả ngồi uống trà nghe kể chuyện trên thành phố. Trong câu chuyện, Shabitzhan vừa cười vừa nói rằng những người Kazak và người Kirgij bỏ chạy sang tỉnh Thẩm Dương hồi tập thể hóa, nay mới trở về. Ở bên ấy, Trung Quốc đã kìm kẹp họ trong các công xã - người ta bị cấm ăn cơm ở nhà, già trẻ lớn bé đều phải cầm bát xếp hàng ăn chung ba lần mỗi ngày, ở bếp tập thể. Dân Trung Quốc đã đối xử với họ tới mức họ phải vút bỏ toàn bộ tài sản để chạy trốn. Họ rập đầu van xin được về quê cũ.

- Hay lắm sao mà mày cười? - Kazangap sa sầm mặt, môi bác run run vì tức giận. Điều này hiếm khi xảy ra với bác, có thể nói hầu như không bao giờ bác nặng lời với đứa con trai mà bác vẫn yêu quý, vẫn dạy dỗ, vẫn chăm chút cho nó đủ thứ với hy vọng nó sẽ thành người

giỏi giang. - Tại sao mày giấu cọt chuyện đó? - Bác lạnh lùng nói thêm và thấy máu nóng bốc lên đầu mỗi lúc một mạnh. - Đây là tai họa của con người.

- Thế con phải nói thế nào kia? Là nhĩ! - Shabitzhan cãi. - Có sao con nói vậy.

Ông bố không trả lời, gạt chén trà sang một bên. Thái độ im lặng của ông trở nên căng thẳng.

- Và nhìn chung thì bức tức với ai kia chứ? - Shabitzhan nhún vai nói. - Con chưa hiểu. Xin nhắc lại lần nữa - bức tức với ai? Giận đối với thời gian thì nó là cái không thể nắm bắt được. Giận đối với chính quyền thì ta không có quyền.

- Mày nên biết việc của tao là những gì hợp với sức tao. Việc của người khác, tao không chõ mũi vào. Nhưng mày, Shabitzhan, mày nên nhớ, tao nghĩ mày đã đủ trí thông minh, vậy mày hãy nhớ lấy. Không thể giận ông trời - nếu ông ấy đã sai thần chết tới, tức là sống như thế đủ rồi, đã có sinh ắt có tử, - còn về mọi điều khác trên trái đất ta đều có và phải có trách nhiệm! - Kazangap đứng dậy, không nhìn một ai, giận dữ bỏ ra khỏi nhà...

Còn lần thứ hai, bấy giờ đã nhiều năm trôi qua sau ngày gặp nhau ở Kumbel, khi Edigej đã bám rễ chắc chắn ở Boranly-Bão Tuyết, vợ chồng Edigej đã sinh mấy đứa con và chúng khôn lớn

cả; một buổi chiều xuân, lúc lửa cừ vào chuồng. Edigej nhìn bấy cừ đông đúc, nói đùa:

- Bác Kazangap ơi, tôi với bác giàu to rồi, khéo không người ta quy tội chúng mình là bọn Culăk!

Kazangap ném đi cái nhìn gay gắt về phía Edigej, và bộ ria của bác ta thậm chí rung rung.

- Chú chó có nhắc lại chuyện ấy nữa đấy!

- O hay, tôi nói đùa thôi mà, bác không hiểu ư?

- Người ta không đùa như vậy!

- Ôi dào. Chuyện đã qua từ đời nào đời nao mà bác vẫn...

- Chính thế đấy. Người ta cướp tài sản của chú - chú không chết, chú vẫn sống. Nhưng uất hận trong lòng thì không bao giờ xóa được...

Nhưng cái hôm ba người đi từ Kumbel tới Boranly-Bảo Tuyết thì chuyện ấy không hề được nhắc đến. Và chưa ai biết việc vợ chồng Edigej tới ga Boranly-Bảo Tuyết sẽ như thế nào, liệu trụ vững ở đó lâu hay chóng, liệu có sống được hay sẽ phải bỏ đi nơi khác. Họ chỉ nói những chuyện sinh hoạt hàng ngày, và Edigej có hỏi tại sao Kazangap lại không ra trận, vì bệnh tật gì chăng?

- Không, rất may là tôi khỏe như vâm - Kazangap đáp - chả bệnh tật gì hết, và nếu tôi

có ra trận đánh đấm, chắc cũng không kém người khác. Đầu đuôi câu chuyện thế này...

Sau khi Kazangap bỏ ý định về quê cũ, làng Beshagach, vợ chồng anh cứ loay hoay ở Kumbel chưa biết đi đâu. Quay trở lại Thảo nguyên Đói Khát thì đường đất quá xa, và mình đã từ già nơi ấy rồi. May có ông trưởng ga, một người tốt bụng, để ý thấy họ là dân tử tế, mới hỏi họ từ đâu tới và định làm gì, rồi gửi hai vợ chồng Kazangap lên một chuyến tàu hàng đến ga Boranly-Bảo Tuyết. Ở đây, ông trưởng ga nói, đang cần những người như hai cô cậu. Ông viết thư giới thiệu với trưởng ga Boranly. Và ông đã không lầm. Dù hoàn cảnh ở Boranly gay go đến mấy, gay go hơn cả ở Thảo nguyên Đói Khát, dù sống ở Boranly thật đáng sợ, vợ chồng Kazangap vẫn quen dần, thích nghi hẳn và bắt đầu ăn nên làm ra. Tuy còn nghèo, nhưng mình làm chủ cuộc đời mình. Cả hai đều là công nhân sửa đường theo biên chế, nhưng họ phải làm tất cả mọi việc cần thiết của một nhà ga. Cuộc sống gia đình của Kazangap với người vợ trẻ của anh đã bắt đầu như vậy, tại ga xép Boranly-Bảo Tuyết hiu quạnh. Thực tình trong những năm ấy, đã hai lần họ định chuyển đi nơi khác gần ga chính hoặc thành phố hơn, sau khi dành dụm được một số tiền, nhưng chiến tranh bùng nổ, nên lại thôi.

Rồi những chuyến tàu bắt đầu nối đuôi nhau chạy qua ga Boranly-Bảo Tuyết, chở bộ đội sang phía tây, chở người sơ tán sang phía đông, chở bánh mì sang phía tây, chở thương binh sang phía đông. Ngay ở một cái ga xép hẻo lánh như Boranly-Bảo Tuyết cũng có thể thấy rõ cuộc sống biến chuyển đột ngột đến mức nào...

Các đầu máy xe lửa cứ theo nhau kéo còi xin đường, ở phía ngược chiều cũng ngân ấy tiếng còi xe lửa... Các thanh tà vẹt không chịu nổi tình trạng quá tải, bị biến dạng vì các toa tàu quá tải. Vừa kịp thay đoạn đường này thì đã phải gấp rút sửa chữa ở đoạn khác.

Công việc cứ dồn dập, dồn dập, không hiểu người ta lấy đâu ra sức lực để lao động bất tận như thế. Các chuyến tàu cứ nối đuôi nhau suốt ngày đêm lao ra mặt trận, tuần này kế tuần khác, tháng này sang tháng kia, năm này tiếp năm nọ. Và, tất cả đều lao về phía tây, nơi hai thế giới đang quật nhau một mất một còn...

Ít lâu sau cũng tới lượt Kazangap. Anh được gọi ra trận. Giấy gọi gửi từ Kumbel. Trưởng ga Boranly ôm đầu rên rỉ - người ta lấy của ông một công nhân ưu tú nhất, người như anh ở đây không có đến con số hai. Nhưng ông ta có thể làm gì được, ai chịu nghe ông ta giải thích rằng khả năng thông đường của ga Boranly là rất hệ trọng... Các đầu máy kéo còi giục giã... Người ta sẽ cười vào mũi, nếu ông bảo rằng cần phải có

ngay một đường tránh nữa. Lúc này ai còn bụng dạ nào lo việc ấy - Kẻ thù đã tràn tới ngoại ô Mátxcova rồi...

Bấy giờ đã bước vào mùa đông đầu tiên của chiến tranh, một mùa đông đến sớm, vội vã, u ám, rét mướt. Tối hôm trước, tuyết rơi. Cả đêm, vẫn rơi, lúc đầu còn nhẹ, sau ào ào từng bông lớn. Và một màu trắng tinh khiết trùm kín cả vùng thảo nguyên khô cằn, mênh mông im ắng. Rồi những đợt gió thảo nguyên bắt đầu nổi. Thoạt tiên còn rụt rè, thử sức, sau đó quay cuồng, rú rít, lồng lên như ngựa chùng. Và khi ấy, điều gì sẽ xảy ra với con đường xe lửa như một sợi chỉ vắt ngang thảo nguyên úa vàng mênh mông thuộc miền Đất Giữa? Cái mạch máu ấy vẫn chảy - các đoàn tàu vẫn liên tục chạy về hai phía...

Sáng hôm sau Kazangap lên đường ra trận. Anh đi một mình, không có ai tiễn chân. Lúc hai vợ chồng ra khỏi nhà, Bukej dừng lại, nói rằng chị bị nhức đầu chóng mặt vì tuyết. Kazangap liền đỡ lấy đứa con nhỏ đang được ủ ấm trên tay vợ. (Dạo đó, Ajzada đã ra đời). Hai vợ chồng bước đi, có thể là lần cuối cùng anh để lại dấu chân trên tuyết, bên cạnh vợ. Nhưng không phải vợ anh tiễn anh, mà là anh đưa vợ anh ra tới chòi bẻ ghi, trước khi nhảy lên chuyến tàu hàng chạy về phía Kumbel. Từ nay Bukej làm thợ bẻ ghi thay chồng. Hai người chia tay nhau ở đấy.

Tất cả những điều cần nói đã được nói trong nước mắt hồi đêm. Đầu tàu đã tới bên cạnh họ. Người lái tàu nhấn còi giục Kazangap lên tàu. Và khi Kazangap vừa leo lên, đầu máy liền kéo một hồi còi dài, tăng dần tốc độ, hơi nghiêng bánh xe chạy qua đường ghi nơi Bukej vừa bẻ ghi cho nó. Bukej đứng đó, đầu bịt khăn, dây thắt lưng ngang bụng, chân đi đôi ủng của chồng, một tay cầm cò, tay kia ẵm con. Hai vợ chồng vẫy tay lần cuối cùng. Khuôn mặt, ánh mắt, bàn tay, cột tín hiệu lướt qua...

Đoàn tàu lao âm âm giữa thảo nguyên phủ tuyết trắng xóa, im lìm như đang thiêm thiếp ngủ trong mơ. Gió tràn vào buồng lái, đem theo mùi tuyết thảo nguyên trong lành, tinh khiết, át mùi xỉ than khen khét trong buồng đốt... Kazangap cố giữ lâu trong phổi cái hơi hương mùa đông của thảo nguyên ấy và hiểu rằng từ nay mảnh đất này đã trở nên thân thiết với anh...

Những người mới nhập ngũ tập trung ở Kumbel. Họ đứng thành hàng để điểm danh và nghe chỉ định toa tàu phải lên. Lúc ấy xảy ra một chuyện lạ. Khi Kazangap cùng với tốp của mình bắt đầu lên tàu, thì một cán bộ huyện vội đuổi theo anh.

- Asanbaev Kazangap! Ai là Kazangap hãy ra khỏi hàng! Đi theo tôi!

- Có tôi, Asanbaev Kazangap!

- Giấy tờ!... Đúng là Kazangap. Theo tôi.

Và hai người quay trở vào ga, tới địa điểm tập trung, người ấy nói:

- Kazangap này, anh hãy về nhà đi. Về nhà, anh hiểu chưa?

- Hiểu rồi - Kazangap trả lời, tuy chưa hiểu gì cả.

- Nếu vậy thì đi đi, đừng lẩn quẩn ở đây nữa. Anh được tự do.

Kazangap đứng giữa đám đông ồn ào toàn những người ra đi và những người đưa tiễn, lòng vô cùng bối rối. Thoạt tiên anh mừng vì được ra về, nhưng sau đó anh chợt nóng bừng cả người bởi một ước đoán thoáng qua trong óc. Thì ra là vậy! Thế rồi anh len qua đám đông về phía cửa phòng tập trung.

- Đi đâu mà chen dũ vậy? - Những người cũng đang muốn vào phòng đó gặp đồng chí phụ trách, la to ra ý trách.

- Tôi có việc hỏa tốc! Tàu sắp chuyển bánh rồi, có việc rất gấp! - Rồi anh chen tiếp.

Trong căn phòng mờ mịt khói thuốc, đằng sau chiếc bàn la liệt máy điện thoại và các thứ giấy tờ, giữa vòng người vây quanh, đồng chí phụ trách ngẩng lên lúc Kazangap nhào vô:

- Anh hỏi chuyện gì?

- Tôi không đồng ý.

- Không đồng ý cái gì?

- Cha tôi đã được minh oan. Cha tôi không phải là Culăk! Các đồng chí hãy kiểm tra toàn bộ hồ sơ ở chỗ các đồng chí! Cha tôi đã được minh oan là trung nông.

- Huộm đã, huộm đã! Anh cần gì nào?

- Các đồng chí không cho tôi ra trận vì lý do ấy là không đúng.

- Nay anh đừng có nói năng vớ vẩn. Culăk hay trung nông thì bây giờ còn ai xét chuyện đó nữa! Anh từ đâu tới? Anh là ai?

- Tôi là Kazangap, từ ga Boranly-Bảo Tuyết tới.

Đồng chí phụ trách ngõ vào danh sách.

- Sao không nói luôn như thế, lại cứ làm rối lên. Culăk, bần nông, trung nông! Anh được miễn. Người ta gọi nhầm. Đã có lệnh của chính đồng chí Stalin - không được gọi nhập ngũ công nhân đường sắt. Tất cả ở vị trí cũ. Thôi, anh đừng cản trở công việc ở đây nữa. Hãy về ga của anh làm việc đi!...

Hoàng hôn ập xuống khi ba người về gần đến Boranly-Bảo Tuyết. Lúc này họ lại men theo đường xe lửa, đã nghe văng vẳng tiếng còi tàu và đã có thể nhìn thấy các toa. Từ xa, trông chúng như một thứ đồ chơi. Mặt trời lặn dần. Những tia sáng cuối cùng rải đều trên các gò

đồng, rồi không gian tím thẫm như ôm lấy mặt đất ẩm ướt đã mang hơi hương của mùa xuân.

- Kia, Boranly của chúng ta kia kia! - Kazangap chỉ tay, ngoảnh nhìn Edigej ngồi trên lưng lạc đà và Ukubala đang rảo bước bên cạnh. - Gần đến nơi rồi, lạy trời. Hai bạn sẽ tha hồ nghỉ ngơi.

Phía trước, nơi đường xe lửa hơi cong, trên vùng đất bằng phẳng có mấy ngôi nhà nhỏ, còn trên đoạn đường tránh có một đoàn tàu đang chờ tín hiệu thông xe. Xa hơn nữa, ở hai bên đường tàu trải ra mệnh mông, hút tầm mắt là cảnh thảo nguyên tro trụi và câm lặng...

Edigej lặng người đi - chính anh cũng là dân vùng thảo nguyên, đã quen nhìn không gian bao la ven biển, song không ngờ nơi đây rộng đến thế. Tránh cái vùng biển xanh luôn luôn thay lòng đổi dạ, nơi anh đã sinh trưởng, lại gặp cái biển chết này! Rồi cuộc sống ở đây sẽ ra sao không biết?!

Ukubala đưa tay nắm bàn chân của Edigej và cứ để nguyên như thế đi mấy bước. Anh hiểu ý vợ muốn nói: "Không lo anh ạ, chủ yếu là sức khỏe trở lại với anh. Rồi sống thế nào hãy hay..."

Vậy là họ đang đến gần nơi mà sau này mới biết là họ sẽ sống toàn bộ cuộc đời còn lại.

Lát sau, mặt trời lặn, và khi trong đêm tối, trên bầu trời thảo nguyên đã hiện rõ chi chít các vì sao, họ tới Boranly-Bảo Tuyết.

Vợ chồng Edigej ở nhờ nhà Kazangap mấy hôm. Sau đó họ được phân phối một phòng ở đây nhà gỗ dành cho công nhân đường sắt, và cuộc sống của họ ở nơi mới bắt đầu từ đây.

Trong hoàn cảnh đây rẫy khó khăn và quá ít dân cư - một điều đặc biệt nặng nề đối với Edigej vào thời gian đầu - có hai yếu tố rất thuận lợi cho anh là không khí và sữa lạc đà. Không khí ở đây cực kỳ trong lành, thật khó tìm được nơi nào trên thế giới còn trinh trắng đến thế, về chuyên sữa, Kazangap thu xếp tặng Edigej một trong hai con lạc đà cái để vắt sữa. Kazangap nói:

- Vợ chồng mình đã bàn với nhau, cậu hãy mang con Belogolova - con Bạch - về nuôi mà lấy sữa. Con này còn trẻ, nhiều sữa, mới đẻ một lần. Vợ chồng cậu hãy tự săn sóc và sử dụng nó. Chỉ lưu ý đừng để núm vú nó bị bẩn. Nó là của vợ chồng cậu, vợ chồng mình đã quyết định như vậy. Mình chia sẻ với cậu trong bước đầu khó khăn. Nếu cậu biết cách chăm chút thì sẽ có cả một đàn quanh mình. Còn đột nhiên cậu muốn đi nơi khác, thì bán nó đi cũng được tiền đấy.

Cách đây hai tuần con Bạch mới đẻ một chú lạc đà con, đầu đen, hai bướu đen nhỏ xíu. Cặp mắt chú to, lồi, ướt, dịu dàng và tò mò, thơ ngây đến mức cảm động. Thỉnh thoảng chú tập chạy, tập nhảy căng lên, quẩn quít bên mẹ trông thật nhộn. Khi bị nhốt trong chuồng, chú gọi mẹ bằng giọng ảo não gần như giọng người. Ai có thể ngờ đó sẽ là Karanar-Bảo Tuyết góm ghê sau này, một chàng lạc đà cao, to, nổi danh khắp vùng! Nhiều sự kiện trong đời Edigej-Bảo Tuyết sẽ có liên quan tới nó. Mọi lúc rồi rãi nó đều ở bên anh. Từ hồi ở Aral, anh đã quen săn sóc lạc đà, bây giờ điều đó thật đặc dụng. Đến mùa đông con Karanar đã lớn trông thấy, nó được chủ may cho một tấm chăn phủ ấm áp, che kín bụng, trông nó rất ngộ - chỉ có đầu, cổ, bốn chân và hai cái bướu lộ ra ngoài. Suốt mùa đông và đầu mùa xuân nó cứ đóng bộ như thế tung tăng suốt ngày đêm ngoài thảo nguyên.

Mùa đông năm đó Edigej cảm thấy sức lực đã dần dần bình phục. Thậm chí anh không để ý mình hết bị chóng mặt từ hồi nào. Tiếng ù ù trong tai cũng biến dần, khi làm việc mồ hôi không vã ra nhiều nữa. Giữa mùa đông, khi tuyết rơi dày xuống đường tàu, anh đã có thể đi dọn tuyết không thua một ai. Sau đây anh khỏe hẳn, vì tuổi trẻ, và anh vốn cường tráng từ nhỏ. Lời dự đoán của ông bác sĩ tóc hung đã thành hiện thực.

Những lúc rối rang, Edigej thường ôm cổ chú lạc đà con, vuốt ve và đùa với nó:

- Tao với mày như hai anh em sinh đôi cùng bú chung một bầu sữa. Sữa mẹ Bạch đã thổi mày lớn lên và chữa cho tao khỏi chấn thương. Lay trời cho tao khỏi bệnh hần. Chỉ khác nhau ở chỗ mày thì mút vú mẹ, còn tao vắt ra làm món nước subat thôi.

Nhiều năm sau, khi con Karanar-Bảo Tuyết đã nổi danh khắp vùng thảo nguyên, chiến tranh bấy giờ đã bị lãng quên, các con Edigej đã đi học, ở Boranly đã có giếng bơm nước riêng và Edigej đã dựng một ngôi nhà lợp tôn. Tóm lại, khi cuộc sống đã ổn định, bình thường thì xảy ra một chuyện mãi sau này Edigej vẫn còn nhớ.

Một tốp phóng viên nhiếp ảnh, theo lời tự giới thiệu, đã kéo tới thăm Edigej. Dĩ nhiên đây là việc hiếm có, nếu không phải là trường hợp duy nhất trong lịch sử Boranly-Bảo Tuyết. Ba tay phóng viên nhiếp ảnh nhanh nhẹn, mau mồm mau miệng, sẵn sàng hứa hẹn đủ điều. - Chúng tôi về đây chụp ảnh Karanar-Bảo Tuyết và chủ nhân của nó để đăng lên tất cả các tờ báo và tạp chí - Con Karanar không thích sự ồn ào nhốn nháo ở xung quanh, nó cứ bực tức nhe răng, kêu ề ề và nghển đầu thật cao đòi người ta để cho nó được yên. Ba tay phóng viên đành luôn miệng nhờ Edigej vỗ về nó, bắt nó quay bên nọ bên kia cho hợp kiểu ảnh. Còn Edigej,

đến lượt mình, lần nào cũng gọi bảy trẻ, các chị em phụ nữ và cả Kazangap cùng đứng chụp ảnh chung, để không chỉ có một mình bác trên ảnh, như thế tốt hơn. Tốp phóng viên bằng lòng, cứ bấm máy lia lịa. Pô đẹp nhất là lúc tất cả bọn trẻ đều thượng trên lưng con Karanar-Bảo Tuyết, hai đứa ôm cổ nó, nằm đứa trên lưng, còn Edigej ngồi ở giữa, ý nói, đã thấy con lạc đà chở khỏe chưa! Không khí thật là vui nhộn! Nhưng sau đó tốp phóng viên thú thực rằng họ cần chụp riêng con lạc đà. Thì cứ chụp riêng, có sao đâu!

Thế là các phóng viên bắt đầu chụp ảnh Karanar-Bảo Tuyết, họ ngắm hai bên sườn, đằng trước, đằng sau đủ kiểu, rồi với sự giúp đỡ của Edigej và Kazangap, họ đo chiều cao, đo vòng ngực, đo bắp chân, đo chiều dài và vừa ghi chép vừa thán phục:

- Một con giống tuyệt diệu! Gien của nó ra gien! Một chủng cổ điển! Ước nỡ ời là nỡ! Ngoại hình quá đẹp!

Dĩ nhiên Edigej rất vừa lòng khi nghe những tiếng trầm trồ đó, nhưng bác đành phải hỏi ý nghĩa của những chữ khó hiểu như chữ "gien" chẳng hạn.

- Chủng cổ điển là gì?

- Là giống lạc đà hai bướu có từ thời cổ xưa. Tên khoa học gọi như vậy. Một con vật thuần chủng. Quý như kim cương.

- Thế các anh đo đạc để làm gì?
- Để làm tư liệu khoa học bác á.

Về chuyện đăng lên tất cả các loại báo chí thì tốp phóng viên dĩ nhiên ba hoa như thế cho thêm phần long trọng thôi, nhưng nửa năm sau họ có gửi về một quyển sách giáo khoa viết cho sinh viên các khoa kỹ thuật chăn nuôi lạc đà, ngoài bìa in ảnh con Karanar-Bảo Tuyết thuần chủng. Còn ảnh thì họ gửi cho cả một xấp, trong đó có cả ảnh màu. Chỉ cần nhìn ảnh cũng có thể biết đây là thời kỳ sung sướng, vui vẻ. Những nỗi cực nhọc của thời kỳ hậu chiến đã lùi dần, trẻ con giữ được vẻ thơ ngây, người lớn khỏe mạnh, người già còn có niềm vui.

Hôm ấy, nhân dịp có khách, Edigej đã ngả một con cừu làm bữa tiệc to mời tất cả bà con Boranly. Subat, vốtka, đồ nhắm, thứ gì cũng nhiều. Hội ấy thỉnh thoảng vẫn có một toa hàng lưu động dừng ở ga, bán đủ thứ, hễ có tiền mua gì cũng được. Về thực phẩm thì nào cua hộp, trứng cá màu đen, màu đỏ, các loại cá, rượu cô nhắc, giò chả, kẹo bánh. Và rất lạ là khi tất cả có sẵn, người ta lại không mua mấy. Trữ thêm làm gì nhỉ? Ngày nay, loại cửa hàng lưu động trên đường như thế biến mất cả rồi...

Bữa ấy mọi người tiệc tùng vui vẻ, thậm chí uống mừng cho cả con Karanar. Khi vào chuyện mới hay rằng khách biết con Karanar là nhờ

Elizarov. Elizarov có kể cho tốp phóng viên rằng ở vùng này, ông có người bạn thân là Edigej-Bảo Tuyết, chủ của một con lạc đà đẹp nhất thế gian - Con Karanar-Bảo Tuyết! Elizarov, chà Elizarov? Một người tuyệt diệu, am hiểu vùng đất này, một nhà bác học... Mỗi dịp Elizarov tới Boranly-Bảo Tuyết, họ lại cùng ngồi với Kazangap và cả ba cứ trò chuyện thâu đêm.

Bữa ấy chủ đã kể cho khách nghe - khi thì Kazangap, lúc thì Edigej, vừa kể vừa bổ sung cho nhau - truyền thuyết về tổ tiên của loài lạc đà vùng này, về con lạc đà đầu trắng nổi danh - Akmai - và bà chủ không kém phần nổi danh của nó là Ana Najman đang yên nghỉ tại nghĩa địa Ana-Bejit. Nói giống của Karanar-Bảo Tuyết là thế đó! Dân Boranly hy vọng có thể một tờ báo nào đấy sẽ đăng câu chuyện cổ đấy. Khách chăm chú nghe, nhưng cho rằng chắc đó là một truyền thuyết của địa phương, được kể từ đời này sang đời khác thôi. Thế nhưng Elizarov từng có ý kiến khác hẳn. Elizarov đã cho rằng truyền thuyết về con Akmai hoàn toàn có thể phản ánh những gì từng xảy ra trong thực tế lịch sử ngày xưa, đấy là nói theo lời ông. Elizarov rất thích nghe những chuyện như vậy, và chính ông cũng thuộc không ít chuyện cổ tích cùng truyền thuyết của miền thảo nguyên...

Chiều tối khách ra về, Edigej hài lòng và tự hào. Vì thế bác đã nói một câu thiếu suy

nghĩ, tại bác uống hơi nhiều. Nhưng điều đã nói thì trót buột miệng mất rồi.

- Bác Kazangap ơi, bác thú thực đi, bác có tiếc là đã tặng tôi con Karanar hồi nó còn bé xíu không?

Kazangap nhếch mép cười nhìn Edigej. Một câu hỏi bất ngờ. Sau một phút im lặng, Kazangap trả lời:

- Tất cả chúng ta đều là người, dĩ nhiên. Nhưng chú biết không, ông cha ta thường nói: Man iexi cudaican (*). Đây là việc của trời. Tiền định mà. Con Karanar phải thuộc về chú, và chính chú phải là chủ của nó. Nếu giả dụ nó rơi vào tay người khác, thì không biết nó sẽ ra sao và có thể chẳng sống oanh liệt được đến bây giờ. Có khi đã sa xuống vực. Nó phải thuộc về chú. Trước kia tôi cũng đã từng nuôi lạc đà, và có những con không kém cỏi gì. Cũng do con Bạch đẻ ra. Thế nhưng con Karanar là con duy nhất được như bây giờ... Lạy trời để nó phục vụ chú đủ trăm năm. Chú đừng nên nghĩ là tôi tiếc.

- Xin lỗi bác, bác tha lỗi cho tôi - Edigej ngượng ngùng nói, và ân hận là đã thở ra câu hỏi vừa rồi.

Các cụ già kể rằng mẹ của con Akmai đẻ được bảy con: bốn cái, ba đực. Và từ đấy, mọi con cái sinh ra đều trắng đầu, mọi con đực,

(*) Chủ con vật do trời định.

ngược lại, đều đen dầu. Vì thế, con Karanar mới có màu như vậy. Mẹ dầu trắng đẻ ra con dầu đen. Đây là dấu hiệu thứ nhất chứng tỏ nó thuộc giống Akmai. Và từ ngày ấy đến nay, không biết đã bao lâu, hai trăm, ba trăm, năm trăm năm hay lâu hơn, giống lạc đà Akmai không hề tuyệt tự. Song thỉnh thoảng mới xuất hiện một con trứ danh như Karanar-Bảo Tuyết. Vậy là Edigej gặp may. Con Karanar sinh ra để đem lại may mắn cho Edigej...

Đến giai đoạn cần phải thiện, hoặc dùng dây xích buộc chân, bởi vì nó bắt đầu gây náo động dữ dội, không cho mọi người lại gần, cứ bỏ chạy dẫu không rõ hằng mấy ngày đêm liền. Kazangap bảo thẳng Edigej:

- Đây là việc của chú. Muốn sống yên lành thì thiện nó đi. Còn muốn vinh quang thì đừng động đến nó. Nhưng có điều gì xảy ra chú hãy gánh lấy toàn bộ trách nhiệm. Nếu chú còn đủ sức lực và kiên nhẫn thì cứ để thế ít lâu, nó làm loạn vài ba năm rồi sẽ vâng lời chú thôi.

Edigej đã không động chạm tới con Karanar-Bảo Tuyết. Không, bác không dám, không nở thiện nó. Nhưng có những lúc bác phải đổ máu mắt vì nó...

5.

Những chuyến tàu ở vùng này chạy từ Đông sang Tây và từ Tây sang Đông...

Trải rộng hai bên đường tàu ở vùng này là những hoang mạc mênh mông - miền Sarozek và các thảo nguyên úa vàng thuộc miền Đất Giữa.

Ở vùng này, mọi khoảng cách bất kỳ đều được đem so với con đường sắt, như so với kinh tuyến Greenwich.

Những chuyến tàu vẫn chạy từ Đông sang Tây và từ Tây sang Đông...

Sáng sớm mọi việc đã xong xuôi. Thi hài Kazangap được liệm bằng vải len và được che mặt, đặt trong một cái rờ moọc máy kéo, bên dưới lót mặt cưa, vỏ bào và một lớp cỏ khô sạch sẽ. Phải khởi hành sớm để bốn, năm giờ chiều có thể về kịp đến nhà. Đi ba chục kilomet, đường về cũng ngắn ấy, lại còn việc mai táng ở nghĩa địa, thành thử bữa cúng phải lui lại khoảng sáu giờ chiều. Tất cả đã sẵn sàng. Edigej cầm cương con lạc đà đã đóng yên, luôn miệng thúc giục mọi người. Tuy cả đêm qua không ngủ, sáng nay

trông bác vẫn nhanh nhẹn, chăm chú, tuy hơi hốc hác. Edigej đã cạo râu tử tế và mặc bộ quần áo đẹp nhất - chiếc quần galiphe bằng vải nhung hơi rộng, thắt cà vạt màu đen bên ngoài sơ mi trắng, đầu đội mũ công nhân đường sắt, chân đi đôi ủng lót nỉ, ngực đeo tất cả các huân chương, huy chương chiến sĩ và cả các huy hiệu lao động xuất sắc. Tất cả những trang phục ấy đều hợp với bác và khiến bác thêm vẻ trịnh trọng. Có lẽ, trong ngày mai táng Kazangap, Edigej phải có bề ngoài như vậy.

Già trẻ trai gái ở Boranly đều tới đưa ma. Mọi người tập trung cạnh chiếc rờ moọc, chờ phút khởi hành. Edigej-Bảo Tuyết nói:

- Bây giờ chúng tôi đến Ana-Bejit nghĩa địa cổ được kính trọng nhất vùng Sarozek này. Bác Kazangap xứng đáng được như vậy. Chính bác ấy đã dẫn mai táng bác ở đó - Edigej nghĩ xem nên nói gì nữa, đoạn tiếp: - Như vậy là số nước và muối ấn định cho cuộc đời bác ấy đã cạn. Con người ấy đã làm việc ở ga này gần bốn mươi năm. Có thể nói là suốt cả đời. Hồi bác ấy bắt đầu làm ở đây, ngay đến một trạm bơm nước cũng chưa có. Người ta phải dùng xitơc chở nước đến hàng tuần. Bây giờ chưa có các máy dọn tuyết và các máy thiết bị khác như hiện nay. Thậm chí, một cái máy kéo mà hôm nay chúng ta dùng để chở thi hài bác ấy, cũng không có nốt. Dầu vậy, những chuyến tàu vẫn chạy và

đường vẫn luôn luôn thông suốt. Bác ấy đã tận tụy phục vụ suốt đời ở ga Boranly-Bảo Tuyết này. Bác ấy là một người tốt. Bà con ai cũng biết như vậy. Còn bây giờ chúng tôi đi đây. Không đủ phương tiện và cũng không cần tất cả mọi người phải đi đưa. Và lại chúng ta cũng không được bỏ mặc công việc của nhà ga. Chúng tôi sẽ đi sáu người. Và đến đây sẽ lo liệu chu đáo mọi việc. Bà con hãy chờ chúng tôi về và sẵn sàng có mặt dự bữa cúng chiều nay. Tôi xin thay mặt con trai và con gái của bác ấy - kia họ đứng kia - kính mời bà con tới dự.

Tuy Edigej không dự kiến, nhưng sự việc lại diễn ra như một đám tang nhỏ. Rồi họ lên đường. Bà con đi theo sau xe một quãng rồi dừng lại. Người đi còn nghe văng vẳng tiếng khóc của Ajzada và Ukubala....

Khi tiếng khóc đã lắng hẳn và sáu người đi mỗi lúc một xa đường tàu, mỗi lúc một sâu vào thảo nguyên, Edigej-Bảo Tuyết mới thở dài nhẹ nhõm. Bây giờ chỉ còn có riêng họ, và bác biết cần phải làm những gì.

Mặt trời đã mọc, hào phóng tỏa ánh nắng xuống vùng thảo nguyên Sarozek. Trời vẫn trong mát. Cả một vùng mênh mông chỉ thấy hai con diều hâu bay lượn trên cao và thỉnh thoảng vài con sơn ca từ dưới bụi cỏ vụt bay lên, miệng kêu chíp chíp. "Chúng nó sắp tụ họp thành đàn và nó bay về phương nam ấm áp rồi" - Edigej

hình dung cảnh tuyết rơi và bầy chim bay giữa bức màn tuyết ấy. Và không hiểu sao bác lại chợt nhớ đến con cáo ở bên đường tàu đêm rồi. Thậm chí bác còn nhìn trộm xung quanh, xem có vết chân cáo hay không. Rồi bác nghĩ đến quả tên lửa đêm ấy cất cánh từ thảo nguyên bay lên vũ trụ...

Edigej-Bảo Tuyết cười con Karanar đi trước dẫn đường. Con Karanar sải từng bước dài, rộng, đều nhịp. Người am hiểu sẽ thấy nó có bước đi thật đẹp. Chiếc đầu kiêu hãnh vươn lên trên chiếc cổ cong cong, cứ như bơi trong sóng mà vẫn bất động, còn bốn cái chân dài và gân guốc cứ chém đều đều không mỏi vào không khí. Edigej ngồi giữa hai cái bướu, rất chắc chắn, thoải mái và tự tin. Bác hài lòng vì con Karanar không đòi phải thúc giục, vẫn nhận biết dễ dàng và tinh tế các mệnh lệnh của chủ. Các tấm huân chương, huy chương trên ngực Edigej khê kêu lanh canh theo nhịp bước và lấp lánh dưới ánh mặt trời.

Theo sau bác là chiếc máy kéo "Belarus" có rờ moọc, Shabitzhan ngồi trong ca-bin, cạnh anh thợ lái máy trẻ tuổi Kalibek. Đêm qua Shabitzhan đã uống đầy rượu và huyền thuyên đủ chuyện, bây giờ anh ta ngồi im lặng, ủ rũ, ngật ngưỡng từ bên này sang bên kia. Edigej cứ ngại cặp kính của anh ta có thể bị rơi vỡ. Chồng Ajzada ngồi trên rờ moọc, cạnh thi hài bố vợ, vẻ buồn rầu.

Anh ta nheo mắt nhìn trời, thỉnh thoảng ngó xung quanh. Con sâu rượu ấy lần này tỏ ra đứng đắn. Không uống một hớp rượu nào. Anh ta cố gắng góp sức vào mọi việc và khi đưa thi hài người quá cố ra xe, đã ghé vai khiêng. Edigej bảo anh ta cùng cười lên lạc đà với mình, anh ta từ chối và nói: "Dạ, chú cứ để cháu ở bên ông nhạc cháu, đưa đến nơi an nghỉ cuối cùng". Câu ấy khiến cả Edigej lẫn bà con Boranly vừa lòng. Khi xe khởi hành, chính anh ta khóc to và nhiều hơn tất cả mọi người, hai tay cứ vuốt vuốt tấm nỉ bọc thi hài bố vợ. Edigej hi vọng: "Biết đâu hẩn tỉnh ngộ và chừa rượu thì thật là may cho mẹ con con Ajzada!"

Đi cuối đám tang nhỏ và la giữa thảo nguyên hoang vu ấy là chiếc máy xúc bánh hơi "Belarus". Ngồi trên ca bin có Edilbaj và Zhumagali. Người lái là Zhumagali, một thanh niên làn da đen, vẫn điều khiển chiếc máy ấy làm việc trên các cung đường khác nhau. Anh ta xuất hiện ở Boranly-Bảo Tuyết cách đây không lâu, và khó nói trước là anh ta sẽ trụ được tại ga này bao lâu nữa. Edilbaj ngồi bên cạnh, cao hơn hẩn một cái đầu. Suốt dọc đường họ trò chuyện rất sôi nổi.

Phải ghi nhận thiện chí của trưởng ga là Ospan. Chính anh đã dành cho đám tang toàn bộ số xe hiện có ở ga. Anh trưởng ga trẻ tuổi đã lập luận đúng - nếu đi xa như vậy, rồi lại

phải đào huyết bằng xẻng, thì chắc khó kịp trở về vào chiều tối, bởi lẽ huyết phải đào rất sâu và khoét thêm hàm ếch theo tục lệ của người Hồi giáo.

Khi trưởng ga khuyên nên dùng máy xúc đất đào huyết, Edigej-Bảo Tuyết hơi lo ngại. Bác không bao giờ nghĩ rằng ai đó lại tính chuyện đào huyết không phải bằng xẻng, mà bằng máy xúc đất. Ngồi nói chuyện với Ospan, bác nhận trán suy nghĩ rất lung. Nhưng Ospan đã tìm ra lối thoát và thuyết phục được bác:

-Bác ơi, tôi nói thật đấy. Nếu bác ngại ngừng, thì đầu tiên bác cứ dùng xẻng, nhưng đào ít nhất thôi. Sau đó để máy xúc làm việc, loáng cái là xong. Đất thảo nguyên rắn như đá, bác biết rồi đấy. Dùng máy đào tới độ sâu cần thiết, rồi bác lại dùng xẻng mà sửa nốt cho đẹp. Vừa tiết kiệm thời gian, vừa theo đúng mọi thể thức...

Giờ đây, càng đi sâu vào thảo nguyên hoang vu, Edigej càng thấy lời khuyên của Ospan là hợp lý. Thậm chí bác ngạc nhiên sao chính mình không nghĩ ra điều đó. Đúng, khi tới nghĩa địa, bác sẽ làm như vậy. Sẽ chọn một chỗ thuận tiện để đặt thi hài người quá cố quay đầu về phía dòng Kaba vĩnh cửu, sẽ dùng xẻng đào trước một chút, sau đó dùng máy xúc đào đủ sâu, rồi lại dùng xẻng khoét hàm ếch và sửa sang đáy huyết. Như thế sẽ nhanh và đúng hơn.

Khi ngoảnh nhìn lại cái ga nhỏ đã khuất hẳn sau lưng, Edigej kinh ngạc: mãi bây giờ bác mới nhìn thấy con chó hung Zholbars đang nghiêm trang chạy bên hông. Ờ hay, nó bám theo từ lúc nào nhỉ. Lúc lên đường, có thấy bóng dáng nó đâu. Biết nó giở trò ma lanh này, hẳn bác đã xích nó lại rồi. Con ranh khôn ngoan sớm! Hề thấy Edigej cuời con Karanar đi đâu xa, nó liền chọn cơ hội bám gót theo chủ. Thì đấy, lần này có khác gì nó chui từ dưới đất lên không chứ! Thôi kệ nó, Edigej quyết định. Đuổi nó về thì đã muộn, mà cũng chẳng đáng tốn thời gian vì một con chó. Cứ để nó chạy. Và tựa hồ đoán biết ý nghĩ của chủ, con Zholbars vượt qua chiếc máy kéo, tiến lên ngang hàng với Karanar. Edigej giờ roi dọa nó, nhưng nó lờ đi, ra cái ý dọa nạt bây giờ muộn rồi. Vả lại, cho nó tham gia việc này thì có gì là xấu kia chứ. Ngực nở, cổ to và xù lông, tai cụp và cặp mắt thông minh, bình tĩnh, con Zholbars có cái vẻ đẹp riêng của nó.

Những ý nghĩ khác nhau cứ hiện ra trong óc Edigej trên đường đi Ana-Bejit. Nhìn mặt trời mọc cao dần, ước tính thời gian, bác vẫn luôn luôn hồi tưởng chuyện ngày xưa. Nhớ hồi bác và Kazangap còn trẻ khỏe, còn là công nhân thường trực chủ yếu của ga Boranly-Bảo Tuyết, những người khác không trụ được lâu ở Boranly-Bảo Tuyết, họ tới rồi lại xin chuyển đi. Bác và Kazangap không có thời gian nghỉ, bởi vì muốn

hay không, khi cần vẫn cứ phải làm toàn bộ công việc của nhà ga. Bây giờ nhắc lại chuyện đó không tiện - bọn trẻ chúng cười: đúng là hai ông già lắm cảm, tự chôn vùi cuộc đời mình. Để làm gì kia chứ? Ừ, mà thật ra là vì cái gì nhỉ? Nghĩa là hai bác đã làm vì một mục đích hẳn hoi.

Một lần hai bác phải dọn tuyết khỏi mặt đường suốt hai ngày đêm không ngơi tay. Đêm xuống đầu máy xe lửa phải bật đèn pha để chiếu sáng chỗ làm việc. Tuyết vẫn cứ rơi đều, và gió quay cuồng. Dọn được phía này, phía kia tuyết đã lại vun lên lấp đường ray. Nói là trời rét căm căm cũng chưa đúng: mặt mũi, tay chân tím tái, sung lên. Chui vào đầu máy sưởi ấm phút cho đỡ lạnh, rồi lại nhảy xuống đường xúc tuyết. Ngay cái đầu máy cũng đã bị phủ tuyết ngập cả bánh xe. Trong số công nhân mới đến, ngày hôm ấy đã có ba người bỏ đi. Họ nguyên rủa thậm tệ cuộc sống - Chúng tôi không phải là tù khổ sai, ngay có ngồi tù cũng còn được ngủ - Và sáng hôm sau, khi tàu chuyển bánh, họ đứng trên toa huýt sáo, nói chỗ xuống:

- Vĩnh biệt các cha gốc! Cứ ở lại cắn răng mà chịu đựng nhé!

Bác và Kazangap đã ẩu đả nhau hôm ấy, nhưng không phải vì bị ba tay kia nhieć là đồ gốc. Sự thể thế này. Đêm xuống, không tài nào làm việc nổi nữa. Tuyết rơi dày, gió rú rít tứ

phía và cứ bám lấy người nhằng nhằng như chó dữ. Chẳng biết đường nào mà tránh. Đầu máy xe lửa rọi đèn pha, nhưng mọi vật chỉ lơ mờ như trong sương mù. Lúc ba tay kia đã bỏ đi, Edigej và Kazangap vẫn tiếp tục ở lại xúc tuyết vào bao, chất lên lưng hai con lạc đà để chúng chở ra xa đường ray. Nhưng hai con vật khổ sở cũng hết chịu nổi cái rét và thứ gió lồng lộn khủng khiếp. Tuyết hai bên vệ đường ngập tới ngực. Kazangap cầm mỗi lạc đà kéo chúng đi, còn Edigej cùng roi giục chúng phía sau. Họ vật lộn như thế đến nửa đêm. Hai con lạc đà cuối cùng gục xuống tuyết, có giết chúng cũng chịu, hết dây nổi. Làm thế nào bây giờ? Phải bỏ việc, chờ thời tiết dịu lại vậy. Hai người đứng cạnh đầu máy để tránh gió.

- Đủ rồi bác Kazangap ạ, ta leo lên đầu máy chờ xem trời đất thế nào đã - Edigej vừa nói vừa đập đập hai cái bao tay cứng quèo vào nhau.

- Trời đất này chưa dịu đi đâu. Dù sao công việc của ta vẫn là dọn đường. Phải dùng xẻng vậy, chúng ta không có quyền bó tay.

- Chúng mình không phải là người ư?

- Nếu không phải là người, mà là chó sói và các giống vật khác, thì đã chui vào hang cả rồi.

- À, đồ khốn kiếp! - Edigej nổi đóa - Anh cứ việc làm hùng hục để mà chết ở đây! - Và Edigej đẩy mạnh vào gò má Kazangap.

Thế là hai bên túm lấy nhau vật lộn, làm rách cả môi nhau. May mà anh thợ đốt lò kịp nhảy lại can ra đúng lúc.

Đó, Kazangap là người như thế đó. Bây giờ kiểm đầu ra những người như vậy. Bác đang chờ người cuối cùng đến nghĩa địa để mai táng đây. Đặt xuống huyết, nói lời chia tay, thế rồi - amen!

Nghĩ vậy, Edigej-Bảo Tuyết thăm nhắc lại những câu kinh mà bác chỉ còn nhớ mang máng, để xác định trong trí óc trình tự những ý tưởng hướng tới thượng đế cao siêu và vô hình mới có khả năng dung hòa trong ý thức con người sự đối chọi giữa khởi đầu và kết thúc, giữa cuộc sống và cái chết. Hẳn vì thế mà người ta soạn ra những câu kinh. Bởi vì không thể kêu thấu tới thượng đế để hỏi, chẳng hạn tại sao ông lại sắp đặt cho người ta sinh ra rồi chết đi? Từ thuở có thế gian này, người ta sống là để quy thuận, dù không đồng ý. Và những câu kinh ấy không hề thay đổi từ đời xưa, chúng được đọc lên để an ủi con người. Những lời cầu nguyện ấy được gọt dũa qua hàng ngàn năm, là những lời cuối cùng mà người sống phải nói trước người chết. Nghi thức nó thế.

Edigej còn nghĩ như vậy. Dù trên đời có hay hoàn toàn không có thượng đế, song phần lớn người ta đều nhớ đến ông trời, đến thượng đế, khi thật cần thiết, thật khó khăn. Hẳn vì lẽ đó mà người ta bảo rằng người không theo đạo sẽ chưa nhớ đến thượng đế, chừng nào đầu họ chưa bị đau. Chẳng biết có phải thế không, nhưng đầu sao cũng nên biết các câu kinh, các lời cầu nguyện.

Nhìn mấy người trẻ tuổi cùng đi chuyến này, Edigej thật sự lấy làm buồn và tiếc rằng không ai trong số họ biết lời cầu nguyện nào cả! Vậy họ sẽ chôn cất nhau ra sao? Họ sẽ dùng những lời nào thâu tóm sự khởi đầu và sự kết thúc của tồn tại, để tiễn con người vào cõi hư vô? "Vĩnh biệt, đồng chí, chúng tôi sẽ nhớ?". Hay là một câu vớ vẩn nào nữa?

Một lần Edigej-Bảo Tuyết dự một đám tang ở trên tỉnh. Bác ngạc nhiên vô cùng: ngoài nghĩa địa mà chẳng khác gì trong một cuộc họp: đứng trước quan tài người quá cố, các diễn giả cứ cầm giấy đọc rất hùng hồn và cứ nói mỗi một chuyện giống nhau, nào người kia đã làm việc gì, đã từng giữ những chức vụ gì và giữ như thế nào, đã phục vụ ai và phục vụ như thế nào. Sau đó nhạc nổi lên và người ta phủ hoa đầy mộ. Chẳng một ai nói lời nào về cái chết, tựa hồ trước đó chưa có ai chết và sẽ không có ai phải chết. Những kẻ bất hạnh, họ đòi đòi bất tử! Vậy là

họ tuyên bố bất chấp sự thật hiển nhiên: "Người ấy đã đi vào bất tử!"...

Edigej biết rõ địa thế. Hơn nữa, từ trên lưng con Karanar-Bảo Tuyết, bác nhìn thấy một khoảng khá xa phía trước. Bác cố gắng nhắm hướng Ana-Bejit cho thật thẳng, chỉ đi vòng khi nào hai chiếc máy kéo cần tránh hố rãnh mà thôi.

Và tất cả vẫn diễn ra theo dự tính không nhanh, không chậm, song họ đã đi được một phần ba đường... Con Karanar-Bảo Tuyết chạy nước kiệu đều đều, cảm nhận tinh tế các mệnh lệnh của chủ. Xìch xìch đằng sau là chiếc máy kéo rờ moọc, và đằng sau máy kéo là máy xúc bánh hơi "Belarus".

Tuy nhiên, những tình thế ngoài dự kiến đang chờ họ ở phía trước. Nghe ra rất lạ lùng, song những tình thế ấy có mối quan hệ bên trong với các sự kiện diễn ra tại sân bay vũ trụ Sarozek...

Vào giờ đó, tàu sân bay "Convention" đang ở tọa độ của nó tại một vùng trên Thái Bình Dương, phía nam quần đảo Aleut, cách Vladivostok và San Fransisco một khoảng hoàn toàn bằng nhau theo đường chim bay.

Thời tiết trên đại dương không thay đổi. Suốt buổi sáng, mặt trời cứ tỏa ánh nắng chan hòa trên mặt nước mênh mông lấp lánh. Ở đường

chân trời không có dấu hiệu gì chứng tỏ thời tiết sẽ thay đổi.

Còn ở ngay trên tàu thì mọi bộ phận đều đang ở trong tình trạng căng thẳng, sẵn sàng hoạt động cao nhất, kể cả khu máy bay đậu và bộ phận an ninh nội bộ, mặc dù bốn phía quanh tàu không có bất kỳ nguyên nhân cụ thể nào của tình hình đó. Các nguyên nhân nằm ở bên ngoài vũ trụ.

Những thông báo của hai phi công vũ trụ song đôi từ hành tinh Ngực Rừng qua quỹ đạo "Tramplin" chuyển về tàu sân bay "Convention" đã làm cho hai vị đồng chỉ huy Trung tâm điều khiển và các ủy viên hai tiểu ban đặc nhiệm hoàn toàn lúng túng. Lúng túng đến nỗi cả hai bên quyết định trước hết phải họp riêng để bàn bạc tình hình xảy ra, căn cứ vào lợi ích và lập trường của chính mình, rồi sau đó mới họp chung.

Thế giới vẫn chưa hay biết về sự phát hiện có một không hai trong lịch sử loài người - sự tồn tại của nền văn minh bên ngoài trái đất, trên hành tinh Ngực Rừng. Ngay đến chính phủ của hai bên nhận được thông báo tuyệt mật về sự kiện ấy cũng chưa biết thêm tin tức về diễn biến tiếp theo ra sao. Người ta đang chờ quan điểm thống nhất của hai tiểu ban có thẩm quyền. Toàn bộ con tàu sân bay được đặt vào chế độ nghiêm ngặt - không một ai được quyền rời bỏ vị trí. Không một ai được vi phạm bất cứ lý do gì

để rời bỏ con tàu và không một con tàu nào khác có thể tiếp cận "Convention" trong bán kính năm chục kilomet. Những phi cơ bay qua khu vực này phải thay đổi đường bay, cách xa tàu "Convention" ít nhất ba trăm kilomet.

Vậy là phiên họp chung của hai bên đã bị gián đoạn, và mỗi tiểu ban cùng với vị chủ nhiệm chương trình "Demiurge" của mình đang thảo luận báo cáo của hai phi công vũ trụ song đôi 1-2 và 2-1 được truyền về từ hành tinh Ngục Rừng:

"Hãy lắng nghe, hãy lắng nghe!"

Chúng tôi đang thực hiện buổi truyền tin liên Thiên hà cho Trái Đất!

Không thể giải thích tất cả những gì không có tên gọi ở Trái Đất. Tuy nhiên vẫn có nhiều điểm chung.

Họ là những sinh vật giống con người, họ cũng là người như chúng ta! Hoan hô sự tiến hóa của thế gian! Cả ở đây, sự tiến hóa cũng đã tạo nên mô hình hominid theo nguyên lý phổ quát! Đó là những kiểu hominid khác hành tinh tuyệt diệu. Da ngăm ngăm, tóc xanh, mắt tím và xanh lá cây, lông mi dài, trắng!

Chúng tôi đã nhìn thấy họ trong những bộ quần áo vũ trụ hoàn toàn trong suốt, khi họ kê sát trạm quỹ đạo của chúng ta. Từ mũi tàu vũ trụ, họ mỉm cười mời hai chúng tôi sang với họ.

Và chúng tôi đã bước từ nền văn minh này sang nền văn minh khác.

Thiết bị bay của họ tách khỏi trạm, và với tốc độ ánh sáng, tốc độ mà bên trong con tàu thực sự không hề cảm thấy. Chúng tôi đã vượt dòng thời gian, chuyển động vào Vũ Trụ. Điều đầu tiên khiến chúng tôi chú ý và nhẹ nhõm bất ngờ là không có trạng thái mất trọng lượng. Đạt được như vậy bằng cách nào, hiện chúng tôi vẫn chưa thể giải thích nổi. Họ đã phát âm câu đầu tiên "Tĩnh cầu chúng tôi đã tới" pha lẫn tiếng Anh và tiếng Nga. Và khi ấy chúng tôi hiểu rằng nếu có óc tinh tế một chút, chúng tôi đã có thể trao đổi ý nghĩ với nhau. Các sinh vật tóc xanh ấy cao chừng hai mét, họ có năm người, bốn nam, một nữ. Nữ khác nam không phải qua chiều cao, mà qua bề ngoài thuần túy của phụ nữ và qua nước da trắng hơn. Tất cả năm cư dân Ngực Rừng tóc xanh đều ngăm ngăm như người A Rập phía bắc trái đất ta. Từ phút đầu, chúng tôi đã cảm thấy tin cậy họ.

Ba người trong số họ điều khiển thiết bị bay, còn người đàn ông thứ tư và chị phụ nữ thì thông thạo tiếng nói của Trái Đất, hệ thống hóa các từ ngữ tiếng Anh và tiếng Nga, soạn ra cuốn từ vựng Trái Đất. Đến lúc gặp chúng tôi, họ đã nắm vững hơn hai ngàn từ và thuật ngữ. Nhờ vốn từ ngữ ấy, sự tiếp xúc giữa đôi bên đã bắt đầu. Dĩ nhiên, họ nói chuyện riêng

với nhau bằng thứ ngôn ngữ mà chúng tôi hoàn toàn không hiểu, nhưng nghe giông giống tiếng Tây Ban Nha.

Sau khi rời trạm "Paritet" mười một giờ bay, chúng tôi đã vượt ra ngoài giới hạn hệ Mặt Trời.

Bước chuyển từ thái dương hệ của chúng ta sang một hệ khác đã diễn ra lặng lẽ, không có điều gì đặc biệt. Vật chất của Vũ Trụ ở mọi nơi đều như nhau. Nhưng trên đường bay, phía trước thấy ánh hồng sáng lên dần dần (chắc do vị trí và khoảng cách giữa các thiên thể vào giờ phút đó như vậy). Ánh hồng ấy cứ lớn dần, trải rộng ở đằng xa thành một không gian ánh sáng vô tận. Lúc đó chúng tôi đã vượt ngang qua mấy hành tinh nửa sáng nửa tối. Vô số mặt trời và mặt trăng đã luot qua trong khoảng không bao la.

Chúng tôi như được đưa từ đêm sang ngày. Và tất nhiên chúng tôi bay vào một vùng ánh sáng menh mông tinh khiết, tỏa ra từ một vầng Thái Dương khổng lồ tại một bầu trời xưa nay chưa từng thấy.

- Chúng ta đang ở trong Thiên Hà của chúng tôi! Chủ Nhân của chúng tôi đang tỏa sáng đây!
- chị phụ nữ tuyên bố - Sắp tới Ngực Rừng của chúng tôi rồi.

Quả vậy, trên độ cao thăm thẳm của không gian vũ trụ mới, chúng tôi đã nhìn thấy một

Mặt Trời Mới - một thiên thể mà chị kia gọi là Chủ Nhân. Chủ Nhân có độ sáng và kích thước lớn hơn Mặt Trời của chúng ta. Tiềm thể nói thêm rằng chính vì thế mà một ngày đêm trên hành tinh Ngục Rừng kéo dài hai mươi tám giờ. Từ trên cao nhìn xuống, hành tinh Ngục Rừng giống Trái Đất chúng ta, cũng có các đám mây không khí bao quanh. Nhưng khi đến gần, cách bề mặt của nó khoảng năm, sáu ngàn mét - chúng tôi ngắm cảnh - chúng tôi thấy hiện ra một cảnh tượng tuyệt đẹp: núi non, gò đồi đều phủ một màu xanh mượt mà, xen giữa chúng là các sông hồ, biển cả, còn ở một số vùng, chủ yếu ở hai cực, là những hoang mạc rộng lớn không có sức sống, chỉ thấy bão cát. Nhưng gây ấn tượng mạnh nhất với chúng tôi là các đô thị và thị trấn. Những công trình thiết kế ấy nổi bật giữa cảnh quan Ngục Rừng, chúng tỏ mức độ đô thị hóa rất cao. Ngay đến Manhattan (*) cũng không thể nào sánh được với nghệ thuật xây dựng đô thị của các sinh vật Ngục Rừng.

Bản thân các sinh vật Ngục Rừng theo ý chúng tôi, là một hiện tượng độc đáo trong số những sinh vật có lý trí trong Vũ Trụ. Thời gian thai nghén của họ là mười một tháng. Tuổi thọ

(*) Manhattan - Trung tâm kinh doanh của thành phố New York (Mỹ), quận này rộng 35 km², dân số 1,5 triệu người (năm 1977), có nhiều tòa nhà chọc trời và nhiều cơ sở công nghiệp nhẹ. (N.D)

rất cao, dù vậy họ tự coi vấn đề chính yếu của xã hội và ý nghĩa tồn tại là việc kéo dài tuổi thọ. Họ sống trung bình một trăm ba mươi đến một trăm năm mươi tuổi, có người sống đến hai trăm tuổi. Dân cư của hành tinh tới hơn mười tỉ người.

Lúc này chúng tôi không thể trình bày một cách tương đối hệ thống tất cả những gì liên quan đến lối sống của những sinh vật tóc xanh và các thành tựu nền văn minh của họ. Bởi vậy, chúng tôi xin thông báo những gì khiến chúng tôi ngạc nhiên hơn cả ở hành tinh này.

Họ biết cách khai thác năng lượng của mặt trời, hay nói đúng hơn, của Chủ Nhân, biến nó thành nhiệt năng và điện năng với hệ số sử dụng cao hơn các phương thức kỹ thuật thủy lực của chúng ta. Và điều rất quan trọng là họ tổng hợp năng lượng từ độ chênh lệch giữa nhiệt độ ban ngày và ban đêm của không khí.

Họ biết cách điều khiển khí hậu. Khi chúng tôi bay vòng quanh hành tinh, thiết bị bay của chúng tôi đã dùng bức xạ phá tan các đám mây và sương mù ngay tức khắc ở nơi chúng tích tụ. Chúng tôi được biết rằng họ có thể tác động đến sự chuyển dịch của các khối không khí và các dòng hải lưu. Bằng cách đó, họ điều tiết độ ẩm và chế độ nhiệt trên bề mặt hành tinh; hơn thế nữa, họ còn biết điều khiển lực hấp dẫn trong các chuyến bay liên hành tinh.

Tuy nhiên trước mắt chúng tôi là một vấn đề, mà theo chỗ chúng tôi biết, chúng ta vẫn chưa vấp phải bao giờ ở Trái Đất. Họ không bị hạn hán, bởi vì họ có khả năng điều khiển khí hậu. Hiện thời họ chưa biết thế nào là thiếu thực phẩm. Đây là họ có số dân đông gấp hơn hai lần dân số Trái Đất. Nhưng một phần đáng kể của hành tinh đang dần dần mất sức sống. Mọi sinh vật ở đó đều bị chết dần chết mòn. Hiện tượng này gọi là sự lụi tàn từ bên trong. Trong lúc bay vòng quanh hành tinh, chúng tôi nhìn thấy những trận bão bụi ở phần đông nam của Ngục Rừng. Do những phản ứng nào đó trong lòng hành tinh - có thể điều đó giống như các quá trình núi lửa của chúng ta, nhưng có lẽ đây là một hình thức phun xuất tia chậm rãi nào đó, - mà lớp đất trên bề mặt bị phá hủy biến dạng, mất dần các chất dinh dưỡng. Ở phần đông nam Ngục Rừng, rộng bằng Sahara, sa mạc mỗi năm cứ lấn dần vào không gian sống của cư dân tóc xanh. Đối với họ, đó là tai họa lớn nhất. Họ chưa biết cách điều khiển những quá trình diễn ra trong lòng hành tinh. Họ đã ném những lực lượng ưu tú và rất nhiều phương tiện khoa học, vật chất vào cuộc đấu tranh chống hiện tượng lụi tàn đáng sợ này. Trong hệ sao của họ không có Mặt Trăng, nhưng họ biết Mặt Trăng của chúng ta và đã ghé thăm nó. Họ ước đoán rằng Mặt Trăng của chúng ta có lẽ đã trải

qua tình trạng tương tự. Khi biết chuyện đó, chúng tôi chột nhĩ và hơi lo - từ Mặt Trăng tới Trái Đất chẳng xa xôi gì cho cam. Chúng ta đã sẵn sàng đón nhận tình trạng ấy chưa? Và những hậu quả bên trong lẫn bên ngoài rồi sẽ ra sao? Liệu mọi người có biết nghĩ rằng họ đã đánh mất nhiều thứ trong sự phát triển trí tuệ của mình chỉ vì những mâu thuẫn muôn thuở ở Trái Đất?

Hiện nay trong các giới khoa học của Ngục Rừng đang diễn ra cuộc tranh luận rộng rãi - nên tăng cường nỗ lực khám phá bí mật của sự lụi tàn trong lòng hành tinh và tìm cách ngăn chặn thảm họa tiềm ẩn ấy, hay là nên tìm sẵn trong Vũ Trụ một hành tinh mới, đáp ứng nhu cầu sống còn của họ, để sau này tiến hành di dân đồng loạt tới đó, mang theo và hồi phục nền văn minh Ngục Rừng. Hiện thời chưa rõ họ đang nhắm đi đâu, tới hành tinh nào. Ít ra, họ vẫn còn có thể sống ở Ngục Rừng hàng triệu năm nữa, nhưng kỳ lạ thay, ngay từ bây giờ họ đã nghĩ đến tương lai xa xôi và say sưa hoạt động như thể vấn đề trên có liên quan trực tiếp đến cư dân thời nay. Chẳng lẽ không một kẻ nào nảy ra cái ý nghĩ khốn nạn: "Sau này muốn ra sao thì ra, sống chết mặc bây"?! Chúng tôi cảm thấy xấu hổ vì chính mình đã nghĩ đại loại như thế, khi được biết rằng một phần đáng kể tổng thu nhập của cả Ngục Rừng được bỏ vào chương

trình ngăn chặn sự tàn lụi trong lòng hành tinh. Họ cố dựng chướng ngại vật trải dài hàng vạn kilomet - men theo giới hạn của sa mạc đang lấn dần - bằng cách khoan những lỗ khoan siêu sâu, phun vào lòng hành tinh những chất trung hòa có tác dụng lâu dài mà họ cho rằng sẽ phát huy tác động cần thiết tới các phản ứng dưới đó.

Tất nhiên họ cũng có và phải có các vấn đề tồn tại xã hội, những cái đã bao đời làm cho trí tuệ phải trăn trở, phải lao tâm khổ tứ, - những vấn đề luân lý, đạo đức, lý trí... Hiển nhiên là sự chung sống của hơn mười tỉ người diễn ra không đơn giản, dù họ đã đạt tới mức phồn vinh bao nhiêu chăng nữa. Nhưng điều lạ nhất là họ không biết đến khái niệm nhà nước, không biết thế nào là vũ khí, không biết đến chiến tranh, có các nhà nước, có tiền tệ và mọi phạm trù quan hệ xã hội đồng hành với chúng? Nếu phải giải thích thực chất những cuộc chiến tranh liên miên ở Trái Đất chúng ta, không biết họ sẽ thấy đó là trò vô nghĩa hoặc là một phương thức dã man để giải quyết vấn đề hay chăng?

Toàn bộ cuộc sống của họ được tổ chức trên những nền tảng hoàn toàn khác, mà chúng tôi chưa hiểu rõ hoặc không thể hiểu nổi, vì lối tư duy khuôn mẫu ở Trái Đất chúng ta.

Họ đã đạt tới mức độ ý thức tập thể toàn hành tinh, một ý thức kiên quyết loại trừ chiến

tranh như một phương thức đấu tranh, thành thử chúng tôi phải cho rằng nền văn minh Ngục Rừng là hình thái tiên tiến nhất trong giới hạn không gian có thể tưởng tượng được của Vũ Trụ. Có lẽ họ đã vươn tới một trình độ phát triển khoa học, khi mà việc nhân đạo hóa thời gian và không gian trở thành ý nghĩa hoạt động sống chủ yếu của các sinh vật có lý trí và, do đó là sự tiến hóa kế tiếp của thế gian trong giai đoạn mới, cao nhất, vô tận.

Chúng tôi không định so sánh những cái không thể so sánh được với nhau. Với thời gian, trên Trái Đất chúng ta, con người cũng sẽ tiến đến trình độ cao như thế, và ngay bây giờ chúng ta cũng đã có cái để tự hào, song dẫu sao chúng tôi vẫn bị ám ảnh bởi một ý nghĩ nặng nề: điều gì sẽ xảy ra, nếu Trái Đất phạm sai lầm bi thảm, cho rằng hình như lịch sử loài người là lịch sử các cuộc chiến tranh? Sự thế sẽ ra sao, nếu con đường phát triển ấy ngay từ đầu đã là sai lầm và bế tắc? Điều đó sẽ dẫn chúng ta tới đâu? Và nếu thế, liệu loài người có kịp dưng cảm thừa nhận sai lầm và tránh được ngày tận thế? Được số phận run rủi cho mình là những người đầu tiên chúng kiến đời sống xã hội bên ngoài Trái Đất, chúng tôi cảm thấy những tình cảm phức tạp - vừa lo sợ cho tương lai của con người Trái Đất, vừa hy vọng; bởi lẽ trên thế gian hiện đã có một tấm gương về sự chung sống vĩ

đại, một sự chung sống luôn luôn tiến lên, ở bên ngoài những hình thức mâu thuẫn phải giải quyết bằng chiến tranh...

Các sinh vật Ngục Rừng biết về sự tồn tại của Trái Đất từ đời xa xưa trong lịch sử của họ. Họ tha thiết được tiếp xúc với người Trái Đất không phải chỉ vì sự tò mò, mà theo họ, trước hết là vì thắng lợi của hiện tượng trí tuệ, vì sự trao đổi kinh nghiệm giữa hai nền văn minh, vì kỷ nguyên mới trong sự phát triển tư tưởng và tinh thần của những sinh vật có trí tuệ trong Vũ Trụ.

Về tất cả chuyện đó, họ nhìn xa trông rộng hơn ta rất nhiều. Họ chú ý tới người Trái Đất còn là vì họ cho rằng việc liên kết nỗ lực chung của hai nhánh trí tuệ trong thế gian là con đường cơ bản bảo đảm sự tồn tại vĩnh viễn của sự sống trong tự nhiên, ngụ ý rằng mọi năng lực bất kỳ đều nhất thiết bị phân hủy mà mọi hành tinh đều không thoát cảnh hủy diệt trong tương lai... Họ quan tâm đến "ngày tận thế" trước hàng tỉ năm và ngay bây giờ họ đã soạn thảo một dự án tổ chức nơi sinh sống mới cho mọi sinh vật trong Vũ Trụ...

Có những thiết bị bay với tốc độ ánh sáng, họ đủ khả năng ngay bây giờ đến thăm Trái Đất chúng tôi. Nhưng họ không muốn làm việc đó khi chính người Trái Đất chưa đồng ý. Họ không muốn thâm nhập Trái Đất như những vị khách

không mời mà đến. Họ tỏ cho biết rằng từ lâu họ đã tìm cách làm quen. Từ khi các trạm vũ trụ của chúng ta biến thành những tổ hợp hoạt động dài hạn trên quỹ đạo, họ hiểu rằng thời gian gấp gáp đang tới gần. Họ đã chuẩn bị kỹ càng, chờ cơ hội thuận tiện. Cơ hội ấy đã rơi vào tay chúng tôi bởi vì chúng tôi có mặt ở môi trường trung gian - ở trên trạm quỹ đạo...

Việc chúng tôi tới thăm hành tinh của họ, rất dễ hiểu, đã thành một sự kiện thời sự nóng hổi. Nhân dịp này, họ đã đưa vào hoạt động một hệ thống tiếp xúc toàn cầu từ xa, chỉ sử dụng vào những dịp lễ hội lớn nhất. Trong không khí sáng tỏ xung quanh chúng tôi, chúng tôi thấy hiển hiện ngay trước mắt những khuôn mặt và những vật dụng cách xa hàng ngàn, hàng vạn kilomet, mà đôi bên đều có thể trao đổi với nhau - nhìn thấy mặt nhau, mỉm cười, bắt tay nhau, trò chuyện vui vẻ, tưởng chừng trong một cuộc tiếp xúc trực tiếp. Các sinh vật Ngực Rừng mới đẹp làm sao, và họ cũng rất khác nhau, thậm chí màu tóc cũng xanh với những sắc thái khác nhau, còn các cụ già thì hóa ra cũng bạc đầu y như người già ở Trái Đất. Họ cũng khác nhau về các chủng tộc.

Về tất cả những điều đó và nhiều điều khác không kém phần ngạc nhiên, chúng tôi sẽ kể khi trở về trạm "Paritet" hoặc trở về Trái Đất. Còn bây giờ xin đề cập điều chủ yếu nhất. Người

Ngực Rừng đề nghị chúng tôi chuyển qua hệ thông tin "Paritet" nguyện vọng của họ được đến thăm Trái Đất khi nào chúng ta thấy thuận tiện. Trước đó, họ đề nghị phối hợp chương trình, bố trí một trạm trung gian liên hành tinh, trạm này đầu tiên sẽ là nơi tổ chức các cuộc gặp gỡ sơ bộ, sau trở thành địa điểm thường trực trên con đường đôi bên qua lại thăm nhau. Chúng tôi đã hứa sẽ báo tin cho đồng loại của mình biết các đề nghị ấy. Tuy nhiên về mặt này, có một điều khiến chúng tôi lo ngại.

Liệu chúng ta, loài người ở Trái Đất, đã sẵn sàng có những cuộc gặp gỡ liên hành tinh như thế chưa, liệu chúng ta đã đủ trưởng thành, với tư cách là các sinh vật có trí tuệ, để gặp họ chưa? Với những sự bất đồng và mâu thuẫn hiện nay của chúng ta, liệu chúng ta có khả năng thống nhất quan điểm, tự cho phép mình thay mặt toàn bộ loài người, thay mặt cả Trái Đất để gặp họ hay chưa? Chúng tôi kính mong các vị chuyển giao quyền giải quyết vấn đề này cho Liên Hiệp Quốc để tránh một sự cạnh tranh mới về vai trò đại diện. Chúng tôi đề nghị ở đây không nên lạm dụng quyền phủ quyết, và có lẽ lần này nên bãi bỏ quyền đó như một ngoại lệ. Chúng tôi rất đau lòng nghĩ đến những chuyện đó khi ở ngoài vũ trụ xa xăm này, nhưng là cư dân của Trái Đất, chúng tôi hiểu khá rõ tính nết của những con người sống ở hành tinh chúng ta.

Cuối cùng, một lần nữa xin nói về bản thân hành động của chúng tôi. Chúng tôi nhận thức việc chúng tôi biến mất khỏi trạm quỹ đạo đã gây ra tình trạng hoang mang và dẫn tới những biện pháp khẩn cấp như thế nào. Chúng tôi rất tiếc rằng mình đã gây nên bao sự lo lắng. Song đây là trường hợp độc nhất trong thực tiễn thế giới, khi chúng tôi không thể và không có quyền khước từ, vì sự nghiệp vĩ đại nhất của đời mình. Vốn là những người theo đúng những quy định nghiêm ngặt, chúng tôi có nghĩa vụ phải làm trái quy định chỉ vì mục đích nói trên.

Hãy cứ để lương tâm chúng tôi tự phán xét và chúng tôi sẽ gánh chịu hình phạt thích đáng. Nhưng tạm thời xin các vị hãy quên đi điều đó. Xin hãy tạm bỏ qua! Chúng tôi đã truyền tín hiệu từ Vũ Trụ về. Chúng tôi thông báo cho các vị từ một hệ sao xưa nay chưa hề biết đến - từ thiên thể Chủ Nhân. Những cư dân tóc xanh ở Ngục Rừng là những sinh vật sáng tạo nên một nền văn minh hiện đại cao cả nhất. Sự tiếp xúc với họ có thể tạo nên sự thay đổi toàn cầu trong toàn bộ cuộc sống của chúng ta, trong vận mệnh của cả loài người. Liệu chúng ta có dám chấp nhận như vậy, trong khi vẫn tôn trọng lợi ích trước hết của Trái Đất?...

Các cư dân hành tinh Ngục Rừng không hề đe dọa gì chúng tôi. Ít ra thì đó cũng là cảm giác của chúng tôi. Nhưng, nếu học tập kinh

nghiệm của họ, chúng ta sẽ có thể tạo nên một cuộc cách mạng, bắt đầu từ cách khai thác năng lượng thế giới vật chất xung quanh, cho đến cách chung sống không cần vũ khí, bạo lực và chiến tranh. Điều sau cùng các vị nghe có vẻ chướng tai, nhưng chúng tôi xin trình trọng khẳng định rằng, cuộc sống của các sinh vật có trí tuệ ở hành tinh Ngục Rừng được tổ chức đúng theo cách đó, họ đã vươn tới chính sự hoàn thiện này tại một không gian sinh địa hạt như ở Trái Đất. Với một kiểu tư duy vũ trụ văn minh cao, họ sẵn sàng tiếp xúc công khai với những người anh em cùng có trí tuệ như mình, với loài người Trái Đất, thông qua những hình thức đáp ứng nhu cầu và tư thế của cả hai bên.

Tuy rất say sưa và sùng sốt trước việc phát hiện nền văn minh ngoài Trái Đất, song chúng tôi chỉ mong trở về sớm để kể cho mọi người tất cả những gì chúng tôi đã chứng kiến khi ở hệ Thiên hà này, tại một hành tinh của hệ thiên thể Chủ Nhân.

Chúng tôi dự định sau đây hai mươi tám giờ, nghĩa là đúng một ngày đêm, sau buổi truyền tin này, sẽ lên đường trở về trạm "Paritet". Khi về đến nơi, chúng tôi lại xin hoàn toàn phục tùng sự chỉ huy của Trung tâm điều khiển.

Xin phép tạm biệt. Trước khi bay trở lại Thái Dương hệ, chúng tôi sẽ báo tin thời gian về tới trạm "Paritet".

Đến đây chúng tôi chấm dứt bản tin đầu tiên từ hành tinh Ngực Rừng. Hẹn sớm gặp lại. Tha thiết đề nghị các vị báo tin cho gia đình chúng tôi để họ khỏi lo lắng...

PHI CÔNG VŨ TRỤ SONG ĐÔI 1-2 PHI CÔNG VŨ TRỤ SONG ĐÔI 2-1"

Phiên họp riêng rẽ của hai tiểu ban có thẩm quyền đặc biệt, trên tàu sân bay "Convention", để thẩm xét sự cố đặc biệt trên trạm quỹ đạo "Paritet", đã kết thúc ở chỗ cả hai tiểu ban với đủ mọi ủy viên, đều bay về hỏi ý kiến cấp cao hơn. Một phi cơ cất cánh từ tàu sân bay về hướng San Francisco; chiếc thứ hai cất cánh sau đó vài phút, về hướng ngược lại - Vladivostok.

Còn tàu "Convention" vẫn đậu tại vị trí cũ, ở khu vực thường trú của nó, trên Thái Bình Dương, phía nam quần đảo Aleut... Một chế độ nghiêm ngặt được thiết lập trên tàu... Mỗi người đều lo phận sự của mình, mọi người đều cảnh giác... Và tất cả đều giữ vẻ im lặng...

Những chuyến tàu ở vùng này chạy từ Đông sang Tây và từ Tây sang Đông.

Trải rộng hai bên đường tàu ở vùng này là những hoang mạc mênh mông - miền Sarozek và các thảo nguyên úa vàng thuộc miền Đất Giữa...

Đã đi được một phần ba quãng đường tới nghĩa địa Ana-Bejit. Mặt trời lúc đầu lên cao rất nhanh, bây giờ tựa hồ đứng sững lại một điểm phía trên thảo nguyên cỏ gai. Nghĩa là ngày đã thành ngày thật sự. Trời bắt đầu nóng cái nóng ban ngày.

Edigej-Bảo Tuyết lúc xem đồng hồ, lúc nhìn trời, lúc nhìn thảo nguyên trống trải phía trước, cho rằng mọi việc hiện thời vẫn diễn ra bình thường. Bác vẫn cười lạc đà dẫn đường, máy kéo rờ-mooc vẫn chạy phía sau, tiếp đến chiếc máy xúc "Belarus" bánh lốp, còn con chó hung Zholbars vẫn chạy bên cạnh.

"Thì ra đầu óc con người không thể ngừng suy nghĩ một giây. Ngó ngán thật - muốn hay không muốn, ý nghĩ này vẫn cứ dề ra ý nghĩ nọ, và sự việc cứ thế tiếp diễn mãi tới khi anh chết!". Edigej rút ra kết luận buồn cười đó khi bác nhận thấy dọc đường lúc nào mình cũng nghĩ đến một chuyện gì đấy. Các ý nghĩ cứ nối tiếp nhau như các làn sóng biển. Hồi bé bác đã đứng quan sát hàng giờ cảnh mặt biển Aral những lúc trời nổi gió, cuộn lên những con sóng trắng, dồn từ xa tới như những cái bờm dựng ngược, đợt này kế tiếp đợt kia. Trong sự vận động ấy diễn ra đồng thời cả sự sinh ra, sự mất đi, rồi lại sinh ra và tàn lụi xương thịt của biển. Và hồi ấy cậu bé Edigej muốn biến thành chim hải

âu bay lượn trên sóng, trên bọt nước lóng lánh để nhìn xuống sức mạnh vĩ đại của nước.

Thảo nguyên sắp sang thu với vẻ trống trải buồn bã, hoang vu, tiếng giậm chân đều đều của con lạc đà gọi ra trong lòng Edigej những suy tưởng dọc đường, và bác cứ để mặc các suy tưởng ấy dâng lên. May mà đường còn dài và chưa có gì ngăn cản bước đi của họ. Như mọi bữa đi xa, con Karanar càng đi càng hăng, và mùi mồ hôi khỏe mạnh của nó bắt đầu tỏa ra, nhất là từ bòm và cổ. Edigej hài lòng cười thầm: "À, à, nghĩa là mày toát mồ hôi hột! Bỏ hơi tai rồi à! Con quý! Mày là con vật gớm ghiếc lắm kia mà! Mày tẻ, tẻ quá!"

Edigej nghĩ lan man cả những chuyện cũ, những công việc và sự kiện hồi Karanar còn trẻ khỏe, và trong chuỗi ký ức chợt trở dậy, một cách không đúng lúc, nổi cay đắng xa xưa. Và lời cầu nguyện cũng không giúp bác xua nó đi. Bác lăm bắm cầu nguyện mấy lần, để xua đuổi, để dẹp nỗi đau ấy xuống. Nhưng lòng bác không nguôi. Edigej-Bảo Tuyết bực bội, chốc chốc lại quật roi vào hai bên sườn con lạc đà đang cố gắng sải bước thật đều, bác kéo cái mũ sụp xuống trán và không buồn ngoảnh nhìn hai chiếc xe đằng sau nữa. Cứ mặc họ theo sau, đừng có tụt hậu, họ, cái bọn trẻ xanh ròn ấy, họ biết quái gì đến chuyện cũ, một câu chuyện mà ngay với vợ bác, bác cũng chẳng hé răng; nhưng bác

lại được nghe cách lập luận sáng suốt và thẳng thắn, - như trong tất cả mọi chuyện, - của Kazangap. Chỉ riêng Kazangap mới có khả năng lập luận như thế, chứ không thì Edigej đã bỏ cái ga Boranly-Bảo Tuyết này mà đi từ lâu rồi...

Năm ấy, năm năm mươi mốt, vào mùa đông, có một gia đình chuyển đến ga này. Hai vợ chồng và hai đứa con trai. Thằng lớn, Daul, lên năm; còn thằng bé, Ermek, ba tuổi. Bố của chúng, Abutalip Kuttybaev, cùng tuổi với Edigej. Trước chiến tranh, Abutalip đã dạy học một năm ở trường làng; mùa hè năm bốn mươi mốt, anh được gọi ra trận ngay trong đợt đầu tiên. Anh cưới Zaripa dâu vào cuối chiến tranh hoặc ngay sau khi chiến tranh kết thúc gì đó. Trước khi chuyển đến đây, Zaripa cũng làm giáo viên tiểu học. Số phận dồn đẩy họ tới Boranly-Bảo Tuyết, giữa miền thảo nguyên cỏ gai này.

Việc họ đến vùng đất hoang vu xa xôi này không phải từ một cuộc sống êm đẹp thì ai cũng thấy rõ ngay. Abutalip và Zaripa hoàn toàn có thể công tác tốt ở những nơi khác. Nhưng rõ ràng hoàn cảnh đã khiến họ không còn lối thoát nào hơn. Thoạt đầu, bà con ở Boranly tưởng rằng vợ chồng Abutalip sẽ không trụ được, không chịu đựng lâu ở nơi này, đến lại bỏ đi chỗ khác. Những người thua kém họ về năng lực còn bỏ đi nữa là họ. Cả Edigej lẫn Kazangap cũng nghĩ như vậy. Tuy nhiên, mọi người lập tức có thái

độ tôn trọng đối với gia đình Abutalip. Vợ chồng họ là những người đứng đắn, có văn hóa. Họ nghèo. Cả hai vợ chồng đều làm việc như tất cả mọi người. Cũng vác tà-vẹt, cũng dọn tuyết khỏi đường tàu. Nói chung, họ làm tất cả những công việc của người công nhân đường sắt. Và phải nói rằng gia đình họ rất tốt, hòa thuận, tuy gặp nhiều bất hạnh, vì một lẽ là Abutalip trước đây có bị bọn Đức cầm tù. Hồi ấy, những chuyện lạ của thời chiến dường như đã không còn được chú ý. Đối với những quân nhân bị địch bắt làm tù binh, người ta đã không còn coi họ như bọn phản bội hay kẻ thù nữa. Về phần bà con ở Boranly, thì họ chẳng bận tâm nghĩ ngợi làm gì. Ừ thì người ta bị địch bắt đã sao, chiến tranh đã kết thúc thắng lợi, thiếu gì chuyện đau khổ người ta từng chịu đựng trong cuộc thế chiến khủng khiếp ấy. Vậy mà nay nhiều người vẫn phải lang bạt khắp nơi như những kẻ có tội. Bóng ma chiến tranh vẫn cứ bám theo gót chân họ... Vì lẽ đó, bà con ở Boranly không hề lục vấn những người mới đến về vụ nọ; người ta đã đau đón khổ sở quá nhiều, còn đâu độc tâm hồn họ làm gì!

Dần dà hóa ra Edigej thân thiết với Abutalip lúc nào không rõ. Abutalip là một người thông minh. Điều lôi cuốn Edigej là trong hoàn cảnh đầy tai họa, Abutalip vẫn tỏ ra cứng cỏi, không hề oán trách số phận. Vợ anh, Zaripa, hẳn cũng rõ như vậy. Trong thâm tâm, họ chấp nhận sự

trùng phạt như một tất yếu, họ tìm ý nghĩa cuộc sống qua sự nhạy cảm và gắn bó nhau một cách lạ thường. Về sau Edigej mới hiểu, họ đã sống, đã tự vệ bằng cách đó, họ che chở cho nhau trước cơn gió hung hãn của thời đại. Đặc biệt là Abutalip.

Anh không thể sống rời gia đình mình dù chỉ một ngày. Hai đứa con trai đối với anh là tất cả. Mọi phút rỗi rãi anh đều dành cho con. Anh dạy chữ, anh sáng tác những câu chuyện cổ tích, những câu đố, anh nghĩ ra các trò chơi cho chúng. Hồi đầu, khi hai vợ chồng đi làm, họ để con ở lại trong dãy lán. Nhưng Ukubala không thể thản nhiên nhìn cảnh đó, chị liền đưa chúng về nhà mình. Nhà vợ chồng Edigej ấm áp hơn, tiện nghi sinh hoạt đến thời kỳ ấy cũng đã khá hơn nhiều so với hoàn cảnh của người mới dọn tới. Điều nói trên đã khiến hai gia đình thân nhau. Bởi hồi đó hai đứa con gái của Edigej cũng đang cùng lứa tuổi với hai đứa con trai của Abutalip.

Một hôm đi làm về, Abutalip ghé vào đón con và đề nghị:

- Anh Edigej này, nhân tiện để tôi dạy hai cháu của anh luôn thể. Lâu nay tôi dạy bọn trẻ không phải là vì không có việc làm. Các cháu đã thân nhau, cùng chơi đùa với nhau. Ban ngày chúng ở bên nhà anh, buổi tối hãy để chúng sang bên tôi. Cuộc sống ở nơi hẻo lánh này có

nhiều thiếu thốn, vì thế càng cần hướng dẫn chúng. Một đứa bé ngày nay phải biết không ít hơn một thanh niên trước đây. Nếu không sẽ khó lòng trở thành người có học vấn, anh ạ!

Mãi sau đó, khi tai họa xảy ra, Edigej mới hiểu hết ý nghĩa những cố gắng ấy của Abutalip. Ở địa vị Abutalip, đó là điều duy nhất anh có thể lo liệu cho các con. Biết được cái gì, anh vội truyền thụ cho con càng nhiều càng tốt, anh muốn bằng cách đó khắc họa bản thân mình trong trí nhớ các con, tiếp tục sống trong các con. Buổi tối, sau khi đi làm về, hai vợ chồng anh tổ chức một cái gì giống như một trường học - nhà trẻ cho con mình và con của Edigej. Bọn trẻ học đánh vần, học vẽ, chơi đùa, thi xem đứa nào giỏi hơn, nghe kể chuyện, đọc sách, thậm chí cùng nhau học hát. Những việc ấy thú vị đến mức chính Edigej cũng bắt đầu ghé sang xem chúng học hành và chơi đùa như thế nào. Cả Ukubala thỉnh thoảng cũng chạy qua, làm như có công chuyện gì, song thực tình chỉ để ngó hai đứa con gái ra sao? Edigej-Bảo Tuyết rất vui lòng. Những người có học vấn, những nhà giáo họ tốt như thế đó! Thật sung sướng nhìn cái cảnh họ khéo léo hướng dẫn bọn trẻ, họ biết làm trẻ con trong khi vẫn là người lớn. Tối tối, Edigej cố gắng không cản trở họ, mà chỉ ngồi yên ở một góc. Còn khi mới bước sang nhà

Abutalip, bao giờ Edigej cũng bỏ mũ, nói từ ngoài cửa:

- Xin chào! Cậu học trò thứ năm của vườn trẻ đã có mặt đây ạ!

Và bọn trẻ cũng quen với sự có mặt của Edigej. Hai đứa con gái của Edigej sung sướng lắm. Trước mắt bố, chúng nó càng cố gắng thêm. Vợ chồng Edigej thay phiên nhau nhóm lò để buổi tối bọn trẻ được sưởi ấm ở dãy lán gỗ.

Một gia đình như thế đã sống ở ga Boranly-Bảo Tuyết. Nhưng lạ thay, những người tốt như vậy thường không gặp may.

Tai họa của Abutalip Kuttybaev là ở chỗ anh không những bị bọn Đức cầm tù, mà còn - chẳng biết là may hay rủi - cùng một nhóm tù binh trốn thoát khỏi trại tập trung ở Nam Bavaria, rồi tham gia chiến đấu trong hàng ngũ du kích Nam Tư từ năm bốn mươi ba cho tới ngày kết thúc chiến tranh. Tại đó anh đã bị thương và đã được chạy chữa. Anh được thưởng các huân chương chiến đấu của Nam Tư. Các tờ báo của du kích có viết bài về anh và đăng ảnh của anh. Điều đó đã giúp anh rất nhiều, khi người ta bắt đầu xét hồ sơ của anh tại tiểu ban kiểm tra - thanh lọc người trở về Tổ quốc năm bốn mươi lăm. Có bốn người sống sót trong số mười hai người chạy trốn khỏi trại tập trung. Cả bốn người đều gặp may với cái nghĩa là tiểu ban kiểm tra

của Liên Xô đã trực tiếp đến chiến khu của quân giải phóng Nam Tư, và các cán bộ chỉ huy của Nam Tư đã cấp giấy nhận xét về các thành tích chiến đấu và phẩm chất đạo đức của những chiến sĩ Xô Viết trong thời gian tham gia hàng ngũ du kích Nam Tư chống phát xít.

Nói chung, sau gần hai tháng trải qua vô số lần kiểm tra, hạch hỏi, đối chất, chờ đợi, hi vọng và thất vọng, Abutalip Kuttybaev đã trở về xứ sở Kazastan của mình mà không bị mất quyền công dân; song cũng không được hưởng mọi ưu tiên dành cho quân nhân giải ngũ bình thường. Abutalip không hề tự ái. Vốn là giáo viên địa lý trước chiến tranh, anh lại trở về công tác cũ của mình. Và tại một trường huyện, anh đã gặp cô giáo trẻ Zaripa. Thường có những trường hợp hạnh phúc cho cả đôi bên như thế. Tuy hiếm, nhưng vẫn gặp trong đời.

Những năm chiến thắng đầu tiên đã lắng dần. Tiếp sau khúc khải hoàn hoan hỉ, không gian bắt đầu lác đác những bông tuyết "chiến tranh lạnh". Rồi tuyết rơi dày. Và những sợi lò xo ý thức hậu chiến bị dồn nén đó đây chỉ chực bùng lên...

Trong một giờ địa lý, một sợi lò xo như thế đã bật ra. Sớm hay muộn, việc đó cần phải xảy ra, không phải với anh thì cũng với người như anh.

Khi kể cho các em học sinh lớp tám về khu vực châu Âu của thế giới, Abutalip Kuttybaev vui miệng nhắc lại chuyện ngày trước, anh và các đồng chí của mình bị dẫn từ trại tập trung đến chân dãy Alpes ở miền Nam Bavaria để khai thác đá, và họ đã khôn khéo tước vũ khí của bọn lính áp giải rồi trốn thoát, tìm đến với du kích Nam Tư. Anh đã đi qua nửa châu Âu trong thời kỳ chiến tranh, từng ở bên bờ biển Adriatique và Địa Trung Hải, biết khá rõ phong cảnh tự nhiên và đời sống của nhân dân địa phương, những điều không thể miêu tả cặn kẽ trong sách giáo khoa. Thấy giáo cho rằng, kể như vậy tức là làm phong phú môn học bằng những quan sát sống động của người đã từng tai nghe mắt thấy.

Cây thước kẻ trong tay anh di động trên tấm bản đồ châu Âu ba màu, xanh dương, xanh lá cây và nâu - treo trên bảng; lần theo các vùng cao nguyên, đồng bằng, các dòng sông, thỉnh thoảng dừng lại ở những vùng mà ngày nay, đêm đêm anh vẫn nằm mơ thấy diễn ra từng trận đánh, từ mùa hè sang mùa đông. Và, có lẽ cây thước cũng đã chạm tới một điểm nhỏ li ti khó phân biệt, nơi máu anh đã đổ, khi một khẩu tiểu liên của địch bất ngờ xả cả một tràng ở bên sườn, và anh lăn thong thả nhiều vòng trên một sườn dốc, máu nhuộm đỏ các bụi cỏ và đất đá - dòng máu đỏ thấm ấy có thể thấm đẫm tấm bản đồ châu Âu này. Và trong giây lát anh

tuông như dòng máu đỏ thắm ấy đang loang trên bản đồ, mắt anh hoa lên, tối sầm lại, núi đồi nghiêng ngửa đổ ụp, còn anh thì hét gọi người bạn Ba Lan đã cùng chạy trốn trong mùa hè trước với anh khỏi công trường đá Bavaria: "Cứu mình với, Kazimir! Kazimir!". Nhưng Kazimir không hề nghe thấy tiếng kêu của anh, bởi vì thực ra anh chẳng phát ra được một tiếng nào, và anh chỉ tỉnh lại ở bệnh viện của đội du kích sau khi được tiếp máu.

Abutalip Kuttybaev lấy làm ngạc nhiên rằng sau tất cả những gì đã trải qua, mình lại có thể nói một cách khô khan, xa lạ về những gì có liên quan tới môn địa lý phổ thông sơ đẳng.

Bỗng từ đây bàn trên cùng, một cánh tay giơ lên ngắt lời anh:

- Thưa thầy, vậy là thầy đã bị địch bắt?

Một cặp mắt lạnh lùng nhìn thẳng vào mặt anh. Mắt chú bé hơi vênh lên, nó đứng nghiêm, và suốt đời Abutalip không hiểu sao cứ nhớ mãi cái hàm răng sít lại quái dị của nó - hàm răng dưới lại chìa ra, che gần hết hàm răng trên.

- Phải, nhưng sao kia?

- Tại sao thầy không tự sát?

- Tại sao lại phải tự giết mình? Lúc ấy thầy cũng đã bị thương nặng rồi.

- Tại vì không được phép để địch bắt làm tù binh, đã có lệnh như vậy!

- Lệnh của ai?

- Của cấp trên.

- Nhờ đâu em biết như vậy?

- Em biết hết. Chỗ em có những người từ Alma-Ata, từ trận Moskva về chơi. Nghĩa là thầy đã không thi hành mệnh lệnh của cấp trên, phải không?

- Thế cha em có ở ngoài mặt trận hay chưa?

- Chưa, cha em lo việc gọi người ra trận.

- Nếu thế thì thầy khó giải thích với em.

Thầy chỉ có thể nói, rằng lúc ấy thầy không có lối thoát nào khác.

- Dầu sao thầy vẫn phải thi hành mệnh lệnh chứ!

- Tại sao cậu cứ bám lấy chuyện đó? - một học sinh khác đứng dậy. - Thầy giáo của chúng mình đã cùng chiến đấu bên cạnh những người du kích Nam Tư. Cậu còn đòi gì nữa?

- Dầu sao thầy vẫn phải thi hành mệnh lệnh! - cậu kia khẳng khái cãi.

Thế là cả lớp nhao nhao lên, không khí im lặng như tờ liền bị phá vỡ: "Phải thi hành!", "Không phải thi hành!", "Thầy có thể!", "Không thể!", "Thầy đúng!", "Không đúng!". Thầy giáo dậm mạnh xuống bàn:

- Thôi ngay! Đang giờ địa lý kia mà! Tôi đã chiến đấu như thế nào và điều gì xảy ra với tôi,

thì có người được biết và nơi cần biết. Còn bây giờ chúng ta hãy trở lại nghiên cứu bản đồ!

Và thế là lại không em nào trong lớp nhìn thấy cái điểm nhỏ li ti khó phân biệt trên bản đồ, nơi một loạt đạn tiểu liên bất ngờ lại xảy ra, còn người thầy giáo cầm thước kẻ đứng bên bảng đen thì chậm chạp lặn xuống sườn dốc, máu nhuộm đỏ cả tấm bản đồ châu Âu ba màu, xanh dương, xanh lá cây và nâu...

Mấy ngày sau Abutalip bị gọi lên phòng giáo dục huyện. Tại đó, người ta không giải thích một lời, chỉ bảo anh làm đơn xin thôi việc theo nguyện vọng riêng của anh: một chiến sĩ đã bị địch bắt làm tù binh không có tư cách giáo dục thế hệ trẻ.

Abutalip Kuttybaev cùng vợ là Zaripa và cậu con trai đầu lòng Daul đành phải chuyển sang huyện khác, xa hẳn nơi cũ. Hai vợ chồng cùng dạy ở một trường làng. Tưởng như đã yên ổn, có chỗ ở hẳn hoi, Zaripa là một cô giáo trẻ giàu năng lực, được cử làm hiệu phó. Nhưng đúng lúc đó bùng ra sự kiện năm bốn mươi tám có liên quan đến Nam Tư. Từ đó người ta nhìn Abutalip Kuttybaev không chỉ như một kẻ từng bị địch bắt làm tù binh, mà còn là một nhân vật đáng ngờ, vì đã ở Nam Tư mấy năm. Và mặc dù anh đã chứng minh, rằng anh chỉ cùng các đồng chí Nam Tư hoạt động du kích chống phát xít, song người ta không thêm chú ý đến điểm đó. Mọi

người đều hiểu và thông cảm đôi chút với anh, nhưng không ai dám nhận trách nhiệm gì theo nghĩa bảo lãnh cho anh. Anh lại bị gọi lên phòng giáo dục huyện, và lại lặp lại cái vụ anh phải làm đơn xin thôi việc...

Thêm nhiều lần chuyển hết chỗ nọ sang chỗ kia, đến cuối năm năm mươi một, giữa mùa đông giá rét, gia đình Abutalip Kuttybaev tới ga Boranly-Bảo Tuyết nằm giữa miền thảo nguyên cỏ gai hoang vu...

Mùa hè năm năm mươi hai trời nóng hơn hẳn mọi năm. Đất khô quắt lại, bị nung nóng đến độ cả những con thằn lằn ở vùng này cũng chẳng biết rúc vào đâu; chúng không sợ người, cứ chạy thẳng vào cửa, miệng há rộng, cổ họng đưa lên đưa xuống giần giật - chỉ cốt sao tránh nắng. Bầy diều hâu phải bay tít lên cao tìm chỗ mát, cao đến nỗi không tài nào nhìn thấy chúng bằng mắt thường, thỉnh thoảng mới vắng nghe tiếng kêu thất thanh đơn độc của chúng, tiếp đó là sự vắng lặng khá lâu trên không trung đầy hơi nóng chập chờn.

Nhưng công tác vẫn là công tác. Các chuyến tàu vẫn chạy từ Đông sang Tây và từ Tây sang Đông. Bao nhiêu chuyến tàu đã tránh nhau ở ga Boranly-Bảo Tuyết. Không cái nóng nào có thể ảnh hưởng đến việc vận chuyển trên đường tàu quốc gia vĩ đại.

Và mọi việc vẫn diễn ra theo thứ tự của nó. Làm việc trên đường tàu phải đi bao tay, nếu không khó có thể sờ tay vào đá, nhất là vào sắt thép. Mặt trời cứ như lò lửa ở trên đầu. Nước vẫn được chở bằng xitec đến như mọi khi, và lúc tới ga Boranly thì gần như thành nước sôi. Vai áo mặc vài ngày đã rách vì khô giòn. Những đợt rét ghê gớm nhất vào mùa đông có lẽ còn dễ chịu hơn cái nóng khủng khiếp này. Đạo đó Edigej-Bảo Tuyết đã cố động viên Abutalip:

- Không phải mùa hè nào ở đây cũng nóng thế này đâu. Năm nay thật quá lắm - Edigej biện bạch như thể chính mình có lỗi. - Độ mười lăm, hai chục ngày nữa là cùng, trời sẽ hết nóng. Nóng thế này thì khổ thật. Mọi năm, ở đây cứ đến cuối hè là thời tiết thay đổi hẳn. Suốt mùa thu trời dịu mát, sức vật lên cân. Tôi cam đoan rằng năm nay cũng có dấu hiệu thời tiết sẽ biến chuyển như vậy. Anh cố chịu đựng ít hôm nữa, mùa thu sẽ đẹp.

- Nghĩa là anh bảo đảm chứ? - Abutalip cười thông cảm.

- Có thể nói gần như vậy.

- Cám ơn anh. Bây giờ tôi như đang ngồi trong nhà tắm hơi. Nhưng tôi lo không phải cho bản thân mình. Tôi với Zaripa chịu đựng được. Đã từng chịu những cái ghê gớm hơn. Chỉ thương bọn trẻ. Tôi không nỡ nhìn các cháu...

Bọn trẻ ở Boranly quả thực khổ sở, mệt mỏi, hốc hác vì nóng nực và khó thở mà chẳng biết giấu chúng vào đâu. Không một ngọn cây, không một dòng suối, là những thứ rất cần cho thế giới trẻ thơ. Mùa xuân, khi cỏ gai hồi sinh và thảo nguyên xanh lại được ít lâu thì bọn trẻ sung sướng lắm. Chúng đá bóng, chơi trốn tìm, chạy ra thảo nguyên đuổi chuột. Nghe vắng vắng tiếng cười nói của chúng ngoài xa mà mát cả lòng.

Mùa hè hủy hoại tất cả. Những đứa trẻ hiếu động nhất cũng dờ dẩn vì cái nóng thiêu đốt. Bọn trẻ nấp vào bóng râm các tường nhà để tránh nắng, chỉ khi có chuyến tàu chạy qua chúng mới ló đầu ra. Trò chơi của chúng là đếm xem có bao nhiêu chuyến tàu chạy về hướng này, hướng kia, bao nhiêu toa hành khách, bao nhiêu toa chở hàng. Khi những chuyến tàu khách chạy chậm lại lúc qua ga, bọn trẻ tưởng tàu sẽ dừng lại, chúng bèn chạy ủa ra, dùng hai bàn tay nhỏ xíu che nắng, có lẽ chúng hy vọng ngây thơ rằng sẽ được rời khỏi cái lò lửa này, và thật đau lòng phải thấy cảnh các em ghen tị, buồn bã nhìn theo những toa tàu đang chạy xa dần. Hành khách trên tàu mở toang mọi cửa sổ, cửa ra vào, cũng muốn phát điên lên vì nóng bức, hôi hám và ruồi muỗi, nhưng dẫu sao họ vẫn còn có niềm tin rằng chỉ một hai hôm nữa sẽ tới vùng có sông ngòi và rừng cây mát mẻ.

Mùa hè ấy, tất cả mọi người, mọi ông bố bà mẹ đều lo cho con cái, nhưng cái giá mà Abutalip phải trả cho nỗi lo ấy như thế nào thì, ngoài Zaripa ra, có lẽ chỉ một mình Edigej hiểu. Lần đầu tiên Edigej đã nói chuyện với Zaripa về điều đó. Câu chuyện ấy cũng hé mở thêm đôi điều trong số phận của hai vợ chồng Abutalip.

Hôm đó họ làm cái việc bồi thêm đá sỏi cho nền đường. Họ nhét sỏi đá vào bên dưới tà-vẹt và đường ray để giữ chắc nền đường đang bị trôi lở dần vì độ rung. Phải làm việc ấy xen vào những lúc không có tàu chạy qua. Một công việc rề rà và rất chóng mặt dưới trời nắng gắt. Gần trưa, Abutalip nhặt chiếc bi-đông rỗng và bảo anh đi lấy nước nóng ở xitec đặt bên đường cụt, nhân tiện ngó xem bọn trẻ ra sao.

Anh bước trên các thanh tà-vẹt rất nhanh, mặc dù nóng rất bàn chân. Anh vội đến chỗ các con, chứ đâu có để ý đến bản thân mình. Cái áo may-ô cũ màu cháo lòng để lộ đôi vai gầy trơ xương, đầu đội mũ rom, chiếc quần dài rộng thùng thình trên tấm thân gầy gò, dưới chân là đôi giày công nhân thùng không có dây buộc. Anh lết bệt bước trên các thanh tà-vẹt, chẳng để ý đến bất cứ cái gì. Khi một đoàn tàu xuất hiện phía sau lưng, anh cũng chẳng buồn ngoảnh lại.

- Ê, Abutalip, xuống vệt đường đi chứ! Anh làm sao thế, điếc hả?! - Edigej gọi to.

Nhưng Abutalip không nghe thấy. Mỗi khi đầu máy kéo còi, anh mới lách xuống vệ đường, song cũng chẳng thèm nhìn đoàn tàu băng qua bên cạnh. Và cũng không thấy người lái tàu gio nắm dầm đe dọa.

Hồi ở ngoài mặt trận, rồi bị bắt làm tù binh, anh không bị bạc tóc, dĩ nhiên vì hồi ấy anh trẻ hơn - lúc ra trận mới mười chín tuổi, là thiếu úy - Thế mà mùa hè này tóc anh đã lốm đốm sợi bạc. Những sợi tóc bạc ở miền Sarozek. Hơn nữa tóc lại bạc không đều, cứ lấm tấm từng vệt, nhất là ở hai bên thái dương. Tóc anh vẫn dày và mềm. Dao trước anh là một chàng trai khá đẹp, có dáng lăm Trán rộng, mũi chim ưng, hầu hơi lộ, cái miệng cương nghị, đôi mắt hơi dài, tầm vóc cân đối. Zaripa thỉnh thoảng vẫn buồn bã nói đùa: "Anh Abu xui thật, lẽ ra phải sắm vai Othello trên sân khấu mới đúng". Abutalip cười khẩy: "Khi đó anh sẽ bóp cổ em như một thằng ngốc, em muốn thế ư".

Phản ứng chậm chạp của Abutalip khi có chuyến tàu sau lưng đã khiến Edigej lo ngại thật sự. Anh bảo Zaripa, giọng như có ý trách móc:

- Chị nên nói với anh ấy đừng làm thế. Thợ lái tàu sẽ không chịu trách nhiệm. Không được đi bộ trên đường tàu chạy. Và vấn đề cũng chẳng phải ở đó. Liệu lính như vậy ích gì?

Zaripa thở dài nặng nề, lấy tay áo lau mồ hôi trên khuôn mặt đỏ gay và sạm nắng:

- Tôi sợ cho nhà tôi quá.

- Chị bảo sao?

- Tôi sợ, anh Edigej ạ. Chẳng giấu gì anh. Nhà tôi vẫn tự hành hạ mình vì tôi và các con. Tại cái hồi tôi lấy chồng, tôi đã không nghe lời khuyên của gia đình. Ông anh tôi bực quá, quát lớn: "Mày sẽ ân hận suốt đời, con ngốc! Mày không phải đi lấy chồng, mà đi hứng lấy tai họa, rồi con mày và cả cháu chắt của mày nữa cũng sẽ bất hạnh thôi. Còn thằng người yêu của mày nếu nó biết suy nghĩ, thì nó không được lấy vợ, mà phải thắt cổ tự tử mới đúng. Đây là lối thoát hay nhất cho nó!". Nhưng chúng tôi đã hành động theo ý mình. Hai đứa hy vọng, nếu chiến tranh đã kết thúc thì người ta còn thanh toán kẻ sống người chết làm gì nữa? Chúng tôi đưa nhau đi sống thật xa hai gia đình, gia đình tôi và gia đình anh ấy. Vậy mà lần cuối cùng ông anh tôi còn viết thư, anh thử tưởng tượng, anh tôi tuyên bố rằng đã cảnh cáo tôi từ trước, đã phản đối cuộc hôn nhân của chúng tôi. Ông ấy từ tôi và lại càng không có quan hệ gì với một phần tử đã từng ở mấy năm bên Nam Tư như Abutalip Kuttybaev. Sau đó, tai họa càng dồn dập. Chúng tôi chui vào đâu cũng bị hắt hủi, xa lánh. Bây giờ chúng tôi trôi dạt tới đây là cùng đường rồi đó.

Zaripa ngừng lời, mím môi đẩy đá sỏi vào dưới tà-vet. Phía trước lại xuất hiện một đoàn tàu. Hai người rời mặt đường, mang theo xẻng và dụng cụ khiêng đá.

Edigej cảm thấy cần phải giúp đỡ khi bạn mình đang lâm vào tình cảnh như vậy. Nhưng anh không thể thay đổi được điều gì, tai họa ấy nằm ngoài phạm vi vùng này.

- Chúng tôi đã sống ở đây nhiều năm. Rồi hai anh chị cũng sẽ quen dần. Phải sống thôi - Edigej nhấn mạnh và nhìn Zaripa nghĩ thầm: "Ừ, kiếm miếng ăn ở đây khó thật. Mùa đông năm ngoái chị ấy đến đây, da dẻ trắng trẻo, bây giờ sạm đen như đất! - Edigej tiếc cái sắc đẹp của Zaripa bị tàn lụi đi trông thấy. - Mái tóc trước đẹp thế, nay thì cháy nắng. Đôi môi nứt nẻ, ứa máu. Chị ấy khổ quá, vì chưa quen với cuộc sống gian nan này. Nhưng chị ấy cố chịu đựng, không lùi bước. Lùi đi đâu bây giờ, một nách hai đứa con. Cứng cỏi thật...!"

Trong lúc ấy đoàn tàu sầm sầm lao qua, phả hơi nóng đang ngưng đọng ra tứ phía như một loạt đạn tiểu liên quật sần sật rất mật. Họ lại cầm dụng cụ leo lên mặt đường, tiếp tục làm việc.

Edigej thử tìm cách an ủi Zaripa:

- Chị Zaripa ạ, ở đây tất nhiên các cháu sẽ khổ, điều đó tôi không phủ nhận. Chính tôi khi

nhìn hai đứa con tôi, tôi cũng xót xa trong lòng. Nhưng trời đâu cứ nóng như rang mãi thế này. Rồi sẽ mát. Hơn nữa, nghĩ cho cùng, thì hai anh chị ở đây không đơn độc, có bà con xung quanh, ít nhất thì còn có chúng tôi. Chả lẽ cuộc đời đã vậy, mình cứ buồn bực thất vọng cho thêm khổ ư?

- Thì tôi cũng đã bảo nhà tôi như thế. Tôi vẫn cố gắng không để lỡ miệng nói một lời vô ý. Tôi hiểu anh ấy chứ!

- Chị làm thế là đúng. Tôi định bụng khuyên chị từ lâu. Hôm nay mới có dịp. Song chị biết rõ cả rồi. Nhân tiện  thì tôi nói thế thôi, xin chị bỏ quá cho.

- Tất nhiên nhiều lúc hết chịu nổi. Thương cái thân mình, thương nhà tôi, nhất là thương các cháu. Mặc dù anh ấy chẳng có lỗi gì, anh ấy vẫn cứ mặc cảm mình có lỗi là đã đưa vợ con tới đây. Và không thể thay đổi gì được hết. Khỏi phải nói, ở vùng quê chúng tôi là vùng Alalay nhiều núi đồi, sông suối, cuộc sống và khí hậu hoàn toàn khác. Giá mùa hè có thể gửi bọn trẻ về đấy. Nhưng gửi cho ai? Bố mẹ tôi mất sớm. Các anh chị em và bà con họ hàng thì... Cũng khó trách móc họ, họ dây với mình chả lợi lộc gì. Trước kia họ đã né tránh chúng tôi, bây giờ thì tuyệt giao. Họ rước con chúng tôi về làm gì? Vì thế vợ chồng tôi đau khổ, sợ cả đời sẽ phải lẩn quẩn ở đây, tuy chúng tôi

không nói ra điều ấy. Nhưng tôi thấy nhà tôi trần trổ dữ lắm... Cái gì chờ đợi chúng tôi ở phía trước, chỉ có trời biết...

Hai người im lặng nặng nề. Và sau đó không trở lại chuyện ấy nữa. Họ làm việc, rồi mất đường lúc có tàu chạy qua, rồi lại cặm cuì làm. Biết an ủi, giúp đỡ vợ chồng Abutalip trong cơn hoạn nạn bằng cách nào đây? Edigej trầm nghĩ: "Không thể đi ăn xin, dĩ nhiên. Hai vợ chồng họ còn làm việc được. Không ai ép buộc họ, nhưng thoát khỏi đây thì chưa thấy có cách nào. Cả mai kia một nợ".

Edigej ngạc nhiên với chính mình: tại sao anh lại buồn bực và đau khổ về hoàn cảnh gia đình họ, tựa hồ chuyện của họ liên quan đến chính anh? Họ thân thích gì với anh? Anh có thể tự nhủ: đây không phải là việc của anh, anh không đủ tài giải quyết. Vả anh là cái thá gì mà phán xét những chuyện không thuộc thẩm quyền của anh kia chứ? Những người lao động bình thường như anh thiếu gì trên đời; anh tức giận, anh phẫn nộ, anh tự vấn lương tâm về lẽ công bằng và bất công trong đời thì phỏng có ích gì? Hẳn là ở trên kia, nơi xuất phát mọi chuyện, người ta biết hàng nghìn lần hơn anh, người ta sáng suốt hơn anh ở xứ thảo nguyên hoang vu này. Việc đâu của anh mà lo? Ấy thế nhưng anh không thể yên tâm. Và chẳng rõ tại sao, anh lo cho Zaripa nhiều hơn. Anh ngạc nhiên

và khâm phục lòng chung thủy, sức chịu đựng và tinh thần dũng cảm của chị. Chị giống như con chim mẹ cố xòe cánh che tổ chống lại gió bão. Người khác hẳn đã khóc lóc, thuận theo ý muốn của gia đình mà không lấy Abutalip. Còn Zaripa đã cùng chồng chịu đựng, trả giá cho cái quá khứ của chiến tranh. Và chính điều đó khiến Edigej lo hơn cả, bởi riêng anh không biết và không thể có cách gì bảo vệ các con của chị và chồng chị... Sau này có những phút anh cay đắng nuối tiếc, rằng số phận đã đẩy gia đình Zaripa đến sống ở ga Boranly-Bảo Tuyết. Tại sao anh lại xúc động như vậy? Giá anh không biết, không gặp chuyện đó, có phải là anh vẫn sống bình thản như trước không.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

6.

Buổi chiều trên Thái Bình Dương, ở phía nam quần đảo Aleut; sóng bắt đầu lớn dần. Gió đông nam nổi lên từ vùng đất thấp châu Mỹ, mạnh dần và mỗi lúc một định hướng rõ rệt. Nước bắt đầu rùng rùng chuyển động ngoài khơi thoáng dăng, nặng nề vật vã, tung bọt trắng xóa, dồn dập tạo nên hết lớp sóng này đến lớp sóng khác. Đó là dấu hiệu báo trước nếu không có bão thì biển cũng sẽ động lâu.

Đối với tàu sân bay "Convention", thứ sóng này giữa đại dương không có gì nguy hiểm. Nếu là lần khác, hẳn nó không tính đến chuyện thay đổi tọa độ của mình. Nhưng vì nó sắp sửa nhận cho hạ cánh hai chiếc máy bay chở hai tiểu ban đặc biệt đi xin ý kiến cấp thượng đỉnh đang vội quay trở về đây, cho nên nó bèn quay mũi ngược hướng gió để giảm sức đập của sóng bên mạn tàu. Mọi việc diễn ra bình thường. Lúc đầu, chiếc máy bay từ San Francisco hạ cánh, tiếp đến, chiếc máy bay từ Vladivostok.

Hai tiểu ban quay trở lại với đầy đủ thành viên, tất cả đều dăm dăm, im lặng. Mười lăm phút sau họ đã ngồi quanh bàn bắt đầu phiên họp kín. Rồi năm phút sau đó, bức điện mật mã hỏa tốc sau đây được truyền lên trạm quỹ đạo "Paritet", để gửi tới Thiên Hà Chủ Nhân cho hai phi công vũ trụ song đôi 1-2 và 2-1: "Gửi hai phi công vũ trụ - kiểm tra 1-2 và 2-1 ở trạm quỹ đạo "Paritet". Hãy báo cho hai phi công vũ trụ song đôi 1-2 và 2-1 đang ở bên ngoài Thái Dương hệ không được có bất cứ hành động gì. Họ phải ở tại chỗ, chờ chỉ thị đặc biệt của Trung tâm điều khiển".

Sau đó, không bỏ lỡ một phút, hai tiểu ban có thẩm quyền đặc biệt bắt đầu trình bày các lập trường và đề nghị của mỗi bên về cách giải quyết cuộc khủng hoảng vũ trụ...

Tàu sân bay "Convention" đầu ngược gió giữa các lớp sóng đuổi nhau bất tận trên Thái Bình Dương. Không một ai trên thế giới biết rằng, lúc ấy trên boong tàu, số phận của cả hành tinh đang được quyết định...

Những chuyến tàu ở vùng này chạy từ Đông sang Tây và từ Tây sang Đông...

Trải rộng hai bên đường tàu ở vùng này là những hoang mạc mênh mông - miền Sarozek và các thảo nguyên úa vàng thuộc miền Đất Giữa.

Ở vùng này, mọi khoảng cách bất kỳ đều được đem so với con đường sắt, như so với kinh tuyến Greenwich.

Những chuyến tàu vẫn chạy từ Đông sang Tây và từ Tây sang Đông...

Còn hai giờ đi đường nữa thì đến nghĩa địa Ana-Bejit. Đám tang vẫn di chuyển trên thảo nguyên cỏ gai. Edigej-Bảo Tuyết cười lạc đà đi trước dẫn đường. Con Karanar vẫn rải từng bước dài không chút mỏi mệt, tiếp đến chiếc máy kéo có rờ moọc đặt thi hài Kazangap, và kiên nhẫn ngồi bên cạnh là chồng của Ajzada, sau cùng là chiếc máy xúc "Belarus". Con chó hung Zholbars ngực nở vẫn nghiêm túc và tự tin chạy bên hông,

khi vọt lên trước, khi lùi xuống phía sau, khi dừng lại đôi chút vì một lý do hệ trọng nào đó.

Mặt trời lên gần đỉnh đầu, tỏa ánh nắng gay gắt. Ba phần tư quãng đường đã lùi lại phía sau, vậy mà thảo nguyên cứ mỗi lúc lại trải rộng trước mắt những khoảng đất trống mới, chạy tuốt đến tận chân trời. Đồng cỏ mênh mông bát ngát. Đã có thời kỳ đất này bị bọn Choang Choang đến xâm lấn và chiếm cứ. Từng sống ở miền này còn có các bộ tộc du mục khác, và họ thường gây chiến tranh với nhau để giành giật các bãi chăn, các giếng nước. Khi bộ tộc này chiến thắng, khi thì bộ tộc khác. Nhưng cả bộ tộc chiến thắng lẫn bộ tộc thất bại đều ở lại vùng cũ, có điều là phạm vi lãnh thổ hoặc bị thu hẹp, hoặc được mở rộng hơn. Elizarov bảo rằng miền thảo nguyên cỏ gai với tư cách là không gian sinh sống, xứng đáng được tranh giành như thế. Thời xưa, vào mùa xuân và mùa thu, miền này có nhiều mưa hơn bây giờ. Cỏ thừa đủ cho những đàn súc vật lớn và nhỏ. Thời đó có nhiều thương nhân đã qua đây buôn bán. Nhưng sau đó hình như khí hậu thay đổi đột ngột - mưa ngừng rơi, các giếng nước cạn khô, cỏ tươi lụi dần. Thế là các bộ tộc, bộ lạc lần lượt bỏ đi nơi khác, bọn Choang Choang cũng chuồn hẳn. Chúng kéo tới miền Edil, là tên gọi vùng Volga ngày ấy, rồi mất hút ở đó. Không ai biết chúng từ đâu tới, và cũng không ai biết

chúng biến đi đâu. Nghe đâu chúng đã gặp hiểm họa khi tụ tập nhau vượt sông Volga (hồi xưa gọi là Edil), mặt sông đóng băng đột nhiên vỡ toác ra và tất cả bọn chúng cùng đàn súc vật đều chìm nghỉm...

Những người gốc Sarozek - dân tộc Nomand Kazak - từ thời xưa không hề rời bỏ quê hương mình, họ vẫn trụ lại ở những chỗ có thể đào giếng mới để lấy nước. Nhưng thời kỳ sôi nổi nhất đối với miền Sarozek trùng với những năm sau chiến tranh. Những chiếc ô tô chở nước đã xuất hiện. Mỗi chiếc xe như thế, nếu người lái thông thuộc địa hình, có thể phục vụ ba bốn bãi chăn theo mùa. Các đơn vị thuê bãi chăn súc vật ở miền này - các nông trang và nông trường thuộc tỉnh bạn - đã tính chuyện xây dựng những cơ sở thường trực ở đây để chăn nuôi theo mùa. Họ đo đạc, ước tính xem nên xây dựng những gì và tốn kém bao nhiêu. Và rất may là họ không vội vã. Quanh nghĩa địa Ana-Bejit đã xuất hiện một cách lặng lẽ, khó nhận ra, một thành phố không tên - Tạm gọi là Hộp Thư. Người ta quen nói là tôi đi Hộp Thư, tôi đã ghé qua Hộp Thư... Hộp Thư lớn dần, các công trình mọc lên và người lạ không được phép vào. Một con đường rải nhựa nối một đầu thành phố với sân bay vũ trụ, đầu kia với ga xe lửa. Vùng Sarozek bắt đầu có dân cư công nghiệp từ đấy. Ở phía kia, toàn bộ quá khứ chỉ còn lại nghĩa địa Ana-Bejit

nằm trên hai cái gò song sinh nối tiếp nhau, như hai cái bướu lạc đà - gò Egis và gò Tiube - nơi mai táng danh dự nhất miền Sarozek này. Ngày xưa, đôi khi dân cư các vùng xa cũng đưa thi hài người thân đến chôn cất tại đây. Ở xa đến, họ phải ngủ qua đêm dọc đường, giữa thảo nguyên. Nhưng họ có quyền tự hào đã dành cho cha ông mình một vinh dự đặc biệt. Nơi đây chôn cất những người đáng kính và nổi tiếng nhất trong nhân dân, những người sống lâu, biết rộng, tên tuổi rạng rỡ nhờ lời nói và việc làm. Elizarov là người biết mọi chuyện, đã gọi nơi này là đền Panthéon Sarozek.

Đám tang lạ lùng do lạc đà, máy kéo và có con chó hung hộ tống, đi từ ga xe lửa Boranly-Bảo Tuyết, hôm nay cũng đang nhắm hướng Ana-Bejit tiến tới.

Nghĩa địa Ana-Bejit có lịch sử của nó. Truyền thuyết kể rằng bọn rợ Choang Choang chiếm cứ miền Sarozek ngày xưa đã đối xử vô cùng dã man với tù binh. Nếu chúng bán họ làm nô lệ cho miền khác, thì trường hợp đó được coi là kết cục may mắn cho người bị bắt, vì sớm hay muộn người bị bán làm nô lệ cũng có thể trốn về quê cũ. Số phận khủng khiếp chờ đợi những ai bị bọn Choang Choang giữ lại làm nô lệ cho chúng. Chúng thủ tiêu trí nhớ của người nô lệ bằng một cục hình là chụp da lạc đà lên đầu nạn nhân. Thông thường số phận này rơi vào những

chàng trai bị bắt trong lúc chiến đấu. Thoạt tiên chúng cạo trọc đầu họ, gọt nhẵn thín đến chân từng sợi tóc. Tiếp đó, những tên đồ tể giàu kinh nghiệm cắt tiết một con lạc đà khỏe mạnh. Chúng lột lấy bộ da. Trước hết, lấy chỗ da cổ dày và dai nhất, cắt thành từng khoanh và chụp ngay khoanh da còn nóng hôi hổi ấy lên cái đầu cạo trọc của người bị bắt, trên đó đã bôi sẵn một lớp hồ bám dính ngay tức khắc. Trông y hệt một chiếc mũ bơi hiện đại. Thủ tục ấy gọi là chụp da đầu. Người nào trải qua thủ tục đó thì hoặc sẽ hấp hối vì không chịu nổi cực hình, hoặc sẽ suốt đời mất trí nhớ, biến thành *mankur* - một nô lệ không nhớ gì đến quá khứ của mình nữa. Khoanh da cổ của một con lạc đà đủ để bịt lên năm, sáu cái đầu người. Sau khi chụp da đầu, mỗi tù binh sẽ bị tròng vào cổ một cái gông bằng gỗ để họ không thể chạm đầu xuống đất. Tiếp đó họ bị điệu ra xa chỗ có người ở, để những tiếng kêu xé ruột của họ không vẳng đến tai mọi người. Họ bị quăng ngoài đồng trống, ngay dưới trời nắng, chân tay bị trói chặt, không được ăn uống gì hết. Cực hình ấy hành hạ họ mấy ngày đêm liền. Bọn Choang Choang bố trí lực lượng canh gác ở một số chỗ để phòng trường hợp những người cùng bộ lạc với đám tù binh tìm cách cứu họ thoát chết. Để phòng thế thôi, chứ rất hiếm khi có khả năng giải thoát tù binh, bởi vì giữa đồng cỏ trống trải, mọi sự đi lại đều

lồ lộ trước mắt. Và nếu sau đó có biết tin rằng ai đã bị bọn Choang Choang biến thành *mankur*, thì ngay những người thân thiết nhất cũng không muốn cứu thoát hoặc chuộc lại anh ta nữa, bởi vì bấy giờ anh ta chỉ là một thứ hình nộm khoác lột người. Chỉ riêng có một bà mẹ người Najman, tương truyền tên là Ana-Najman, quyết không chấp nhận số phận nói trên của đứa con trai. Truyền thuyết vùng Sarozek có kể lại chuyện này. Và từ đó nghĩa địa mang tên Ana-Bejit, nghĩa là Lòng Mẹ.

Những người bị ném ra giữa đồng chịu cực hình phần lớn sẽ chết nắng. Trong số năm, sáu *mankur*, chỉ một, hai còn sống sót. Họ chết gục không phải vì đói và thậm chí không phải vì nóng, mà vì những cơn đau ghê gớm, khủng khiếp do khoanh da lạc đà chụp lên đầu khô dần và co ép lại. Dưới ánh nắng thiêu đốt, khoanh da ấy cứ tàn nhẫn co vào, thít chặt cái đầu trọc của người nô lệ như một chiếc đai sắt. Bước sang ngày thứ hai, những sợi tóc bị cạo của nạn nhân đã bắt đầu mọc. Những sợi tóc cứng và thẳng của dân châu Á đôi khi xuyên qua lớp da lạc đà bịt ngoài, còn phần lớn không tìm được lối thoát, bèn cong lại và chui ngược vào da đầu, gây thêm đau đớn. Hình phạt cuối cùng đi liền với tình trạng mất lý trí. Mãi sang ngày thứ năm, bọn Choang Choang mới tới xem có tù binh nào sống sót. Nếu chúng thấy dù chỉ một người

trong số nạn nhân sống sót thì chúng coi đã đạt mục đích. Chúng cho người ấy uống nước, cời trói và hồi phục dần dần sức lực cho anh ta. Anh ta đã trở thành một gã nô lệ - *mankur* mất hết trí nhớ và do đó rất có giá trị - giá trị bằng mười nô lệ khỏe mạnh. Thậm chí có cái lệ như sau: trong các cuộc chém giết giữa các bộ lạc, nếu giết chết một gã nô lệ - *mankur*, thì phải bồi thường gấp ba so với khi giết một người của bộ lạc.

Gã *mankur* không biết mình là ai, thuộc bộ lạc nào, không biết tên mình là gì, không nhớ thời niên thiếu, không nhớ cha mẹ - tóm lại, gã *mankur* không nhận thức được rằng mình là một con người. Bị mất ý thức "cái tôi", gã *mankur* có một loạt ưu điểm về phương diện kinh tế. Y là một thứ lao động không biết nói và do vậy tuyệt đối phục tùng chủ, tuyệt đối không nguy hiểm. Y không bao giờ nghĩ đến chuyện bỏ trốn. Đối với chủ nô, điều đáng sợ hơn là sự nổi loạn của nô lệ. Mỗi người nô lệ là một người nổi loạn tiềm ẩn. *Mankur* là ngoại lệ duy nhất - y hoàn toàn xa lạ với các dự phòng nổi loạn hoặc bất phục tùng. Y không biết đến ước vọng đó. Bởi vậy khỏi cần canh giữ y, càng không ngại gì những ý định thâm kín của y. Giống như loài chó, gã *mankur* chỉ công nhận chủ của mình. Y không giao tiếp với những người khác. Mọi ý nghĩ của y chỉ tập trung ở việc làm sao no bụng.

Y không hề lo những cái khác. Song đã giao việc gì y đều làm đến nơi đến chốn, làm một cách mù quáng, cần mẫn. *Mankur* thường bị giao làm những việc bẩn thỉu nhất, vất vả nhất, hoặc tẻ nhạt, buồn chán nhất, những việc đòi hỏi sự kiên nhẫn tốt độ. Chỉ *mankur* mới có thể chịu đựng một mình cảnh hoang vắng rợn người giữa đồng cỏ, không rời bầy lạc đà mà y chăn thả một bước. Ở bãi chăn xa, một gã *mankur* có thể thay thế bằng mấy chục người. Mà chỉ cần cấp thức ăn cho gã, gã sẽ làm việc liên tục suốt mùa đông sang mùa hè, không một lời phàn nàn kêu ca. Đối với y, lệnh của chủ là trên hết. Còn bản thân y, ngoài thức ăn và manh áo che thân cho khỏi chết cóng giữa thảo nguyên, y không đòi hỏi thứ gì hết...

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Chặt đầu tù binh hoặc hành hạ sau đó để họ kinh sợ còn dễ hơn cái việc làm cho con người mất hẳn trí nhớ, không còn trí tuệ, nhổ bật tận gốc những gì đồng hành với con người cho đến hơi thở cuối cùng, những gì là vốn liếng duy nhất người ấy mang theo xuống mồ mà không ai hay biết. Bọn Choang Choang du mục cũng đã hiểu được bản chất thâm kín ấy của con người, khi chúng tìm tòi thứ hình phạt dã man nhất từ trong lịch sử đen tối của chúng. Chúng đã tìm ra cách cướp đi của người nô lệ trí nhớ sống động của họ, qua đó gây tổn thất nặng nề nhất, trong số mọi tổn thất mà người ta có thể

và không thể nghĩ ra, cho bản tính con người. Không phải ngẫu nhiên mà khi than khóc đứa con trai bị biến thành *mankur*, bà Ana-Najman đã thốt lên trong cơn đau khổ tuyệt vọng:

"Khi chúng hủy hoại trí nhớ của con, khi chúng siết chặt đầu con, con yêu của mẹ, như dùng kim sắt bóp vỡ hạt dẻ, để cho khoanh da lạc đà quắt lại thít quanh đầu con, khi cái đai sắt vô hình siết đầu con tới mức đôi mắt con lồi ra ngoài tròng, khi trên đồng lửa không có khói giữa đồng, con bị cơn khát cháy họng hành hạ mà không có một giọt nước trên trời rơi xuống thấm môi con, liệu con có thấy vàng thái dương vẫn ban tặng sức sống cho mọi người kia trở nên đáng căm ghét nhất, là thiên thể đen tối nhất trong số mọi thiên thể trên thế gian này chăng?

Khi con bị cơn đau xâu xé, tiếng kêu thét vang vọng giữa đồng không mông quạnh, khi con quằn quại lạc giọng ngày đêm kêu trời, khi con uổng công chờ trời kia cứu giúp, khi thể xác quằn quại đau đón nhầy nhụa những phân và nước tiểu vãi ra trong cơn co giật, khi con lịm dần giữa mùi hôi thối, mất cả lý trí, bị ruồi nhặng ăn thịt, liệu con có gắng chút sức tàn mà nguyên rửa thượng đế đã tạo ra hết thảy chúng sinh trong cái thế gian bị chính người ruồng bỏ hay không?

Khi bóng tối bao phủ cái lý trí đã bị cực hình tước bỏ vĩnh viễn, khi trí nhớ của con bị bạo lực hủy hoại đã mất hết sợi dây liên hệ với quá khứ, khi trong cơn giãy giụa điên cuồng con đã quên đi ánh mắt người mẹ, tiếng suối róc rách dưới chân núi, nơi con vẫn chơi đùa vào những ngày hè, khi con quên biến tên mình và tên cha mình, khi khuôn mặt những người mà con từng lớn lên bên họ đã mờ đi và tên cô gái đáng yêu từng mỉm cười bên con cũng bị quên biến, liệu con, trong lúc rơi xuống vực thẳm quên lãng, con có nguyên rủa người mẹ của mình bằng những lời đáng sợ nhất vì người ấy đã thai nghén con trong bụng và sinh ra con để con phải chịu cảnh này?"

Câu chuyện trên thuộc về thời kỳ bọn Choang Choang sau khi bị xua đuổi khỏi ranh giới phía Nam của châu Á du mục, đã tràn lên phương Bắc. Và khi đã chiếm cứ lâu dài miền Sarozek, chúng tiến hành những cuộc chiến tranh liên miên nhằm mở rộng đất đai và bắt thêm nô lệ. Thời gian đầu, nhờ lối tấn công bất ngờ vào những vùng kế cận, chúng đã bắt được nhiều người, trong đó có cả phụ nữ và trẻ em. Chúng biến họ thành nô lệ. Nhưng sự chống trả bọn xâm lấn ngày càng lớn dần. Những cuộc đụng độ ác liệt lần lượt nổ ra. Bọn Choang Choang không định rời bỏ Sarozek, mà ngược lại, chúng cố bám trụ tại miền đồng cỏ bao la rất thuận

lợi cho việc chăn nuôi này. Các bộ lạc địa phương không cam chịu cảnh mất mát và họ coi việc đánh đuổi bọn xâm lược, dù sớm hay muộn, là quyền hạn và nghĩa vụ của mình. Những trận đánh lớn và nhỏ đạt thắng lợi mỗi lần, một gòn già hơn. Tuy nhiên, giữa các cuộc chiến ấy cũng có những ngày thanh bình.

Vào một trong những ngày thanh bình ấy, những nhà buôn chở hàng tới vùng đất của bộ tộc Najman. Trong lúc ngồi uống trà có kể chuyện, rằng họ đã vượt miền Sarozek mà không gặp trở ngại đáng kể nào từ phía bọn Choang Choang. Giữa thảo nguyên họ gặp một chàng trẻ tuổi chăn một đàn lạc đà lớn. Họ muốn nói chuyện với anh ta, nhưng hóa ra anh ta là *mankur*. Nhìn bề ngoài khỏe mạnh, không ai ngờ anh ta lại từng bị cực hình như thế. Có lẽ trước đây anh ta cũng mau mồm mau miệng và sáng dạ cũng chẳng thua kém ai, anh ta còn trẻ lắm, râu mới lún phún, mặt mũi trông dễ coi, thế nhưng về khoản nói năng thì lại... ngược ngịu như thể mới sinh ra đời ngày hôm qua, anh ta chẳng nhớ, chẳng biết tên mình, tên cha, tên mẹ là gì, không hiểu bọn Choang Choang đã làm gì mình, gốc gác quê hương ở đâu cũng chẳng biết nốt. Hỏi gì cũng câm lặng, chỉ trả lời hai tiếng "có", "không", tay lúc nào cũng khư khư giữ rịt cái mũ đội chặt trên đầu. Tuy cười sự tật nguyền của người khác là có tội, nhưng mọi người không

nhìn được. Khi kể đến đây, họ cười cái việc thì ra, có những gã *mankur* bị da lạc đà mọc ăn vào cả da đầu. Đối với một gã *mankur* như thế, không cực hình nào khủng khiếp bằng việc dọa lột mũ của gã. Gã sẽ lồng lên như ngựa bất kham, quyết không cho ai chạm tới đầu gã. Những gã bị như vậy không bao giờ bỏ mũ ra, ngay cả khi nằm ngủ... Tuy nhiên, các vị khách kể tiếp, - tuy ngớ ngẩn thật đấy, nhưng gã *mankur* ấy, làm việc rất chu đáo - gã chăm chăm canh giữ đàn lạc đà suốt thời gian đoàn nhà buôn chưa đi xa. Một nhà buôn lúc chia tay có thử trêu gã *mankur*:

- Đường chúng tôi đi còn dài lắm. Cậu có muốn chuyển lời thăm hỏi tới ai, cho cô gái ở phương nào hay không? Cậu cứ nói, đừng ngại. Cậu nghe rõ chứ? Có lẽ cậu muốn chuyển một chiếc khăn tặng ai chăng?

Gã *mankur* im lặng hồi lâu nhìn nhà buôn kia, đoạn thốt ra:

- Hằng đêm tôi nhìn mặt trăng, và nó nhìn tôi. Nhưng đôi bên không nghe thấy tiếng của nhau... Trên ấy có người ngồi chơi...

Trong số người nghe câu chuyện của tốp nhà buôn, có một phụ nữ luôn tay rót trà mời khách. Đây là bà Ana-Najman. Bà đã đi vào truyền thuyết vùng Sarozek dưới cái tên đó.

Ana-Najman không biểu lộ thái độ trước mặt khách. Chẳng ai nhận thấy cái tin ấy đột nhiên khiến sắc mặt bà thay đổi hẳn đi như thế nào. Bà rất muốn hỏi kỹ các nhà buôn về gã *mankur* trẻ tuổi nọ, nhưng bà kinh sợ chính điểm đó - bà sợ biết nhiều hơn những gì họ kể. Và bà đã im lặng, nén chặt trong lòng nỗi lo canh cánh đang muốn trỗi dậy... Lúc ấy câu chuyện chuyển sang đề tài khác, chẳng ai còn lưu tâm đến gã *mankur* bất hạnh. Thiếu gì chuyện lạ trên cõi đời này. Riêng bà Ana-Najman cố khắc phục con sợ hãi đang xâm chiếm lòng bà, cố giữ cho tay khỏi run lẩy bẩy, tựa hồ bà phải dẫn lòng bóp chết con chim bị thương đang muốn cất tiếng kêu thảm thiết, bà kéo sụp chiếc khăn tang màu đen xuống che ~~bớt mặt~~ - chiếc khăn bà chít từ lâu trên mái tóc chớm bạc của mình.

Hôm sau đoàn thương khách lên đường đi tiếp. Trong cái đêm thao thức ấy, Ana-Najman hiểu rằng sẽ không bao giờ yên lòng khi chưa tìm được giữa thảo nguyên gã *mankur* nọ và chưa quả quyết rằng đó không phải là con trai bà. Cái ý nghĩ nặng nề, đáng sợ ấy lại làm nổi dậy trong trái tim người mẹ nỗi nghi ngờ vẫn lẫn khuất lâu nay trong linh cảm lờ mờ về việc con trai bà đã chết trận... Và dĩ nhiên, thà phải chôn nó hai lần còn đỡ khổ hơn là cứ luôn luôn trăn trở, kinh sợ, nghi ngờ như thế này.

Con trai bà đã bị giết trong một trận chiến đấu với bọn Choang Choang ở phía Sarozek. Chồng bà hy sinh trước đó một năm. Ông là một người nổi tiếng oanh liệt của bộ tộc Najman. Sau đó, con trai bà lần đầu ra trận để trả thù cho cha. Đã có lệ không được bỏ xác đồng đội ngoài bãi chiến trường. Các chiến hữu phải mang xác con bà về. Nhưng hóa ra họ không thể làm nổi việc đó. Trong trận đánh ác liệt đó, nhiều người nhìn thấy lúc xông tới sát kẻ thù, con trai bà đã ngã sấp xuống bờm ngựa, và con ngựa hoảng hốt trước âm thanh trận đánh, đã phóng vọt đi. Lúc ấy, con bà rớt khỏi yên, nhưng một chân còn vướng chặt vào bàn đạp nên cứ treo lơ lửng bên hông ngựa, còn con ngựa thấy vậy càng kinh hoảng thêm, đã mang theo thi thể của chủ phóng như điên ra thảo nguyên. Tai hại thay, nó lại lao về phía căn cứ của kẻ thù. Mặc dù trận đánh xáp lá cà đang lúc hăng máu nhất, mọi người đều phải chiến đấu, song hai chiến sĩ đã phải tách ra đuổi theo cho kịp con ngựa để lấy thi hài đồng đội về. Tuy nhiên, có một tốp địch mai phục dưới một cái khe đã phái mấy tên Choang Choang phi ngựa chặn đường. Một trong hai chiến sĩ Najman bị giết bằng cung tên ngay trên mình ngựa, còn người thứ hai bị thương nặng, phải quay ngựa trở lại và vừa về kịp với đồng đội thì ngã lăn xuống đất bất tỉnh. Trường hợp ấy đã giúp đội quân Najman phát hiện kịp

thời bọn Choang Choang mai phục dưới khe để đánh vào sườn họ vào giờ phút quyết định nhất. Đội quân Najman vội rút lui để tổ chức lại lực lượng rồi tiếp tục xông lên. Và dĩ nhiên không một ai còn bụng dạ nào để ý đến chuyện gì xảy ra với người chiến binh trẻ, con trai bà Ana-Najman... Anh chiến sĩ bị thương, người đã kịp phóng về với đồng đội, sau đó kể rằng họ đuổi theo con ngựa được một quãng thì mất hút, không rõ nó chạy theo hướng nào...

Suốt mấy ngày liền đội quân Najman đã đi tìm xác con bà. Nhưng họ không thể phát hiện cả anh chiến sĩ tử trận lẫn con ngựa, cả vũ khí của anh lẫn bất kỳ dấu tích nào khác. Không một ai nghi ngờ việc anh đã chết. Dù chỉ bị thương, thì sau mấy ngày vừa rồi anh cũng sẽ chết giữa thảo nguyên vì khát và vì mất máu. Mọi người khóc than một hồi, cầu nguyện cho người chiến binh trẻ bị chết mất xác ngoài thảo nguyên hoang vắng. Thật là vết nhục cho hết thảy mọi người. Chị em phụ nữ ở khu lều trại của bà Ana-Najman vừa khóc vừa trách móc chồng con và anh em mình.

- Qua sẽ rửa xác cậu ấy, chó sói sẽ xâu xé thi hài cậu ấy thành nhiều mảnh. Để xảy ra chuyện đó mà các người còn vỗ ngực ta là đàn ông nữa ư!...

Từ đó bắt đầu những ngày dài lê thê đối với bà Ana-Najman. Bà hiểu rằng trong chiến

trận phải có người ngã xuống, nhưng cứ nghĩ đến con trai bà bị chết mất xác ngoài thảo nguyên, không được chôn cất tử tế, bà lại đau đớn khôn nguôi. Những ý nghĩ nặng nề, triền miên hành hạ bà. Và chẳng biết thổ lộ với ai cho vơi nỗi đau khổ, cũng chẳng có ai để than vãn, ngoài chính ông trời...

Để ngăn mình nghĩ đến chuyện đó, bà phải chính mắt nhìn thấy con trai bà đã chết. Lúc ấy thì còn ai tranh cãi với số phận được nữa? Điều khiến bà phân vân nhất là con ngựa của con trai bà biến mất hút. Ngựa không bị thương, ngựa chỉ kinh sợ bỏ chạy. Như mọi con, ngựa có đàn, sớm muộn gì nó cũng phải trở về chốn cũ, đem theo người chủ bị mắc chân ở bàn đạp. Và khi đó, dù đáng sợ đến mấy chăng nữa, bà cũng sẽ thét lên, gục đầu rên rỉ trên thi thể còn sót lại của đứa con, bà sẽ cào cấu mặt mũi mình, sỉ vả bản thân sao cho ông trời trên kia cũng phải xấu hổ, nếu ông ta hiểu nổi những lời bóng gió. Nhưng rồi lòng bà sẽ thanh thản và bà sẽ chuẩn bị tiếp nhận cái chết với lý trí lạnh lùng, bà chờ nó đến bất cứ giờ nào, không cần bám lấy cuộc sống trần thế dù chỉ trong ý nghĩ. Nhưng xác con bà không hề tìm thấy, và con ngựa cũng chẳng trở về. Nỗi ngờ vực cứ hành hạ bà mẹ, mặc dù bà con xung quanh đã bắt đầu quên dần chuyện nọ, bởi lẽ sự mất mát đều phai pha và bà quên lãng với thời gian... Chỉ riêng bà mẹ là

không thể yên lòng và lãng quên. Các ý nghĩ của bà cứ xoay quanh một chuyện ấy. Con ngựa nó ra sao, yên cương và vũ khí đâu, căn cứ vào mấy điều ấy có thể gián tiếp xác định điều gì đã xảy ra với con trai bà. Bởi vì có thể bọn Choang Choang bắt được con ngựa đầu đó ngoài thảo nguyên khi nó đã kiệt sức. Thêm một con ngựa với đủ bộ yên cương cũng là một chiến lợi phẩm. Nếu vậy, bọn địch sẽ xử con trai bà bị kéo lê theo bàn đạp như thế nào? Chúng sẽ chôn hay vứt cho quạ rỉa, sói tha? Còn nếu nó sống, nó còn sống nhờ một phép màu nào đó? Chúng sẽ đánh con bà đến chết và bằng cách ấy chấm dứt mọi nỗi đau đớn của nó hay là chúng ném nó ra đồng cỏ, hay là?... Lỡ chúng?...

Sự nghi ngờ triền miên không dứt. Khi các thương khách vui miệng kể chuyện về gã *mankur* trẻ tuổi mà họ gặp ngoài thảo nguyên, họ đâu ngờ đã khoét sâu vào trái tim đau thương của bà Ana-Najman. Lòng bà tê tái vì một linh cảm bất thường. Và cái ý nghĩ rằng gã *mankur* ấy rất có thể là đứa con mất tích cứ mỗi lúc một choán thêm tâm trí bà. Người mẹ hiểu rằng mình không tài nào yên tâm khi chưa tìm ra, nhìn thấy gã *mankur* nọ và tin rằng gã không phải là con trai mình.

Ở vùng chân núi, nửa là đồng cỏ này, nơi bộ tộc Najman đóng trại mùa hè, có mấy dòng suối chảy qua. Suốt đêm bà Ana-Najman lắng

nghe tiếng suối chảy róc rách. Cái tiếng nước suối róc rách, ít hòa điệu với tâm trạng bồn chồn của bà ấy nói gì với bà? Bà muốn yên lòng. Bà muốn nghe cho đã tiếng nước chảy mạnh, trước khi lên đường ra thảo nguyên Sarozek hoang vu. Bà mẹ biết rằng lặn lội một mình ra đó là liều lĩnh và nguy hiểm, nhưng bà không muốn nói cho ai biết dự định của mình. Sẽ chẳng ai hiểu nổi. Ngay những người gần gũi nhất cũng sẽ không tán thành dự định của bà. Sao lại đi tìm một đứa con đã bị giết từ lâu? Và nếu như do một sự tình cờ nào đó nó còn sống và bị biến thành *mankur*, thì việc tìm kiếm nó, tan nát cõi lòng vì nó lại càng là điều vô nghĩa, vô ích, bởi lẽ *mankur* chỉ là cái vỏ ngoài, cái lột của con người trước đó mà thôi...

Đêm ấy, trước khi lên đường, bà mẹ ra khỏi khu lều trại mấy lần. Bà căng mắt, lắng tai, cố tập trung tư tưởng để suy nghĩ. Vầng trăng khuya lơ lửng trên bầu trời không một gợn mây, tỏa ánh sáng trắng đều nhàn nhạt màu sữa. Vô số căn lều trắng nằm rải rác dưới chân đồi, trông như một đàn chim lớn đậu lại, ngủ đêm ở đây; trên bờ mấy dòng suối rì rào. Cạnh khu lều trại, ở các dãy chuồng cừu và xa hơn, trên bãi cỏ, nơi đàn ngựa đang nhả nhạ gặm cỏ, vắng vắng tiếng chó sủa và giọng nói lao xao của nhiều người. Nhưng gây xúc động hơn cả đối với bà Ana-Najman là tiếng hát của các cô gái cạnh

dây chuồng cừu gần đó. Chính bà có thời đã hát những bài ca ban đêm như vậy... Từ hồi bà về đây làm dâu, mùa hè nào, bộ tộc bà cũng đến đóng trại ở vùng này. Cả cuộc đời bà đã trôi qua ở đây: từ thời gia đình bà còn đông vui, đã dựng ở đây một lúc bốn căn lều, một làm bếp, một làm phòng khách và hai làm buồng ngủ - và sau đó, khi bị bọn Choang Choang tấn công, bà chỉ còn độc một mình...

Giờ đây bà vừa rời khỏi căn lều cô đơn của mình. Bà đã chuẩn bị lên đường từ lúc tối. Bà mang theo thức ăn và nước uống, cố đem nhiều nước. Bà đựng nước trong hai chiếc bao da, phòng trường hợp chưa tìm ra giếng nước giữa thảo nguyên... Từ tối qua, con lạc đà cái Akmai đã được buộc gần căn lều. Nó là niềm hy vọng, là bạn đường của bà. Liệu bà có dám lần ra giữa thảo nguyên hoang vắng, nếu không trông cậy ở sức lực và bước đi nhanh nhẹn của con Akmai! Năm nay con Akmai đang giai đoạn nghỉ sau hai lần đẻ và đang sung sức cho các cuộc đi dài. Hơi gầy, hai cặp chân dài và chắc, đệm chân nảy nảy, chưa bị chai cứng vì tuổi già hoặc vì phải chở nặng quá sức, với hai cái bướu vững chãi, cái đầu cân đối trên cái cổ gân guốc đẹp đẽ, hai lỗ mũi thanh thanh, linh động như hai cánh bướm, hít đầy không khí trong lúc chạy, con Akmai có giá trị lớn bằng cả một đàn. Người ta sẵn sàng đánh đổi hàng chục lạc đà con để

lấy con lạc đà cái đi giới, bước nhanh này làm giống. Đây là của báu cuối cùng, giá trị như vàng trong tay bà Ana-Najman, là ký ức cuối cùng về sự giàu có trước đây của bà. Mọi thứ khác đều đã dội nón ra đi dễ dàng. Nào trả các khoản nợ, nào làm ma chồng con dịp bốn mươi ngày và cúng giỗ hàng năm... Cách đây ít lâu, vì quá đau khổ, bà đã bỏ hết số tiền dành dụm được làm một bữa giỗ đưa con trai, thật to, mời tất cả bà con thuộc bộ tộc Najman trong vùng tới dự.

Rạng sáng, bà Ana-Najman ra khỏi căn lều, sẵn sàng lên đường. Bà đứng ở cửa, đưa mắt nhìn từ biệt khu lều trại còn đang say ngủ. Ana-Najman vẫn còn giữ được vẻ đẹp và sự cân đối ngày trước. Bà thắt một cái dây lưng đúng như khi lên đường đi xa, đi ủng, mặc quần *sharova* rộng ống, áo *kamzol* không có tay choàng bên ngoài áo dài, cuối cùng là chiếc áo khoác quàng vai. Bà chít một chiếc khăn vuông trắng, thắt nút sau gáy. Đêm qua bà đã quyết định như vậy trong khi nghỉ ngơi - nếu còn hy vọng đưa con sống sót, thì không nên chít khăn tang màu đen. Còn nếu hết hi vọng, thì có thừa thời gian để chít lại tấm khăn đen muôn thuở. Ánh bình minh còn chưa tỏ, tạm giấu những sợi tóc bạc và những nếp nhăn đau khổ hằn sâu trên khuôn mặt người mẹ. Cặp mắt bà bỗng nhoe ướ, bà thở dài náo ruột. Bà đâu ngờ sẽ phải

chịu đựng cảnh này. Nhưng rồi bà lấy lại tinh thần. Bà thì thầm câu đầu tiên trong bài nguyện: "Ashvadan lia illa hil-alla" (không có thượng đế ngoài thượng đế), rồi quả quyết tiến lại chỗ con lạc đà, bắt nó quỳ xuống. Con Akmai húc hặc một chút cho ra vẻ, miệng khê hí vài tiếng, rồi thông thả quỳ xuống. Bà Ana-Najman vắt ngay cái túi qua yên, leo lên lưng, thúc khê vào sườn nó, và Akmai đứng dậy, đưa bà chủ lên cao hẳn khỏi mặt đất. Bây giờ con Akmai đã hiểu rằng nó phải đi xa...

Không ai trong bản biết chuyến đi của bà Ana-Najman, trừ cô em họ gái ngủ giúp việc trong nhà chốc chốc lại ngáp dài, không ai tiễn chân bà vào gió này. Tối qua bà bảo cô em họ rằng bà sẽ đi thăm mấy người bạn gái thời trẻ, và nếu tiện dò giang, thì bà sẽ cùng với họ hành hương đến vùng đất Kinchak để cúng thánh Iassavi...

Bà đi sớm để khỏi bị ai cản vắn. Sau khi rời bản một quãng xa, bà rẽ về hướng Sarozek - về phía thảo nguyên hoang vắng im lìm, xa tít tắp đằng trước mắt...

Những chuyến tàu ở vùng này chạy từ Đông sang Tây và từ Tây sang Đông...

Trải rộng hai bên đường tàu ở vùng này là những hoang mạc mênh mông -

miền Sarozek và các thảo nguyên úa vàng thuộc miền Đất Giữa.

Ở vùng này, mọi khoảng cách bất kỳ đều được đem so với con đường sắt, như so với kinh tuyến Greenwich.

Những chuyến tàu vẫn chạy từ Đông sang Tây và từ Tây sang Đông...

Từ tàu sân bay "Convention" lại thêm một bức điện mật mã gửi cho hai phi công vũ trụ - kiểm tra trên trạm quỹ đạo "Paritet". Trong bức điện ấy, vẫn với giọng cảnh báo kiên quyết như cũ, người ta yêu cầu không liên lạc vô tuyến với hai phi công vũ trụ song đôi 1-2 và 2-1 để thảo luận gì về thời gian và khả năng họ trở về trạm quỹ đạo, đồng thời hãy chờ chỉ thị của Trung tâm điều khiển.

Biển động chưa đến lúc mạnh nhất. Tàu sân bay hơi chòng chành trên sóng. Nước Thái Bình Dương vỗ oàm oạp vào mũi con tàu khổng lồ... Mặt trời vẫn chói chang trên mặt biển bao la đang nổi sóng và ngấu bọt trắng xóa. Gió vẫn thổi đều đều từng luồng.

Mọi bộ phận trên tàu sân bay "Convention", kể cả khu đậu máy bay và hai nhóm an ninh quốc gia, đều ở trong tình trạng cảnh giác, tuyệt đối sẵn sàng...

Đã mấy ngày nay con Akmai màu trắng chạy nước kiệu lúc thúc trên các đồng cỏ thảo nguyên Sarozek bao la, vậy mà chủ nó vẫn cứ thúc giục nó đi loanh quanh mãi. Chỉ khi đêm xuống, chủ nó mới dừng lại nghỉ cạnh một giếng nước hiếm hoi, để sáng hôm sau lại đi tìm đàn lạc đà lớn đang được chần thả đâu đó giữa chập chùng thảo nguyên. Tại đây, chính tại miền Đất Giữa này, gần mạch đất đứt trũng đầy cát đỏ chạy dài nhiều cây số - gọi là mạch Malakum dychap - đoàn thương khách đã gặp gã *mankur* chần lạc đà mà bây giờ bà Ana-Najman đang tìm kiếm. Đã hai ngày nay loanh quanh bên mạch Malakum dychap, sợ chạm trán bọn Choang Choang, nhưng mặc dù căng mắt ra tìm kiếm, bà chỉ thấy bốn phía đồng cỏ mênh mông với nhiều ảo ảnh. Có lúc bị ảo ảnh đánh lừa, bà tưởng mình đang đi theo một con đường lớn ngoằn ngoèo dẫn tới một thành phố nhấp nhô các đền thờ Hồi Giáo có tường thành bao quanh. Có lẽ con bà đang ở đó, giữa chợ mua bán nô lệ? Nếu vậy, bà có thể bảo nó leo lên lưng Akmai, ngồi sau bà, đổ ai còn đuổi kịp... Đi giữa hoang mạc quá nặng nề nên bà mới hoa mắt tưởng tượng ra như vậy...

Tất nhiên, tìm được một người giữa vùng Sarozek là việc khó, con người lọt thỏm giữa nơi này như một hạt cát, nhưng nếu cạnh người ấy có một đàn lạc đà đang gặm cỏ trên một khoảng rộng, thì sớm hay muộn cũng sẽ nhìn thấy một,

hai con vật, rồi thấy những con khác trong đàn, và người chăn lừa chúng. Bà Ana-Najman hy vọng như thế.

Song hiện thời bà chưa phát hiện được gì. Và bà bắt đầu sợ, liệu người ta đã lừa đàn súc vật đi nơi khác, hoặc tệ hơn nữa, bọn Choang Choang đã lừa cả đàn lạc đà đi Khiva hoặc Bukhara bán rồi chẳng? Liệu bấy giờ người chăn lạc đà có trở về, từ những vùng xa xôi ngẩn ấy chẳng?... Khi bà rời bản ra đi vì buồn bã và ngờ vực, bà chỉ mơ ước mỗi một điều - chỉ cần trông thấy đứa con trai còn sống, dù nó có là *mankur* hay là gì cũng được, dù nó không còn trí nhớ và có ngờ ngẩn đến mấy chẳng nữa, miễn đúng là con bà, miễn là nó còn sống, sống rõ ràng... Thế là đủ! Nhưng càng đi sâu vào thảo nguyên Sarozek, càng tới gần khu vực mà đoàn thương khách vừa gặp chàng trai chăn lạc đà khi họ đi ngang qua đó, bà càng sợ phải nhìn thấy đứa con đã bị biến thành *mankur*, một nỗi lo sợ hãi hùng và nặng nề. Thế là bà liền cầu nguyện Chúa Trời để người ấy không phải là nó, đứa con trai của bà, - mà là một kẻ bất hạnh khác, và bà sẵn sàng chấp nhận hoàn toàn, rằng con trai bà không thể nào còn sống. Bà đi chuyển này chỉ để trông thấy gã *mankur* và tin chắc rằng bà đã nghi ngờ vô ích, rồi bà sẽ trở về bản, sẽ thôi giằng vật trần trở và sẽ sống nốt những ngày cuối đời dù có ra sao cũng được...

Nhưng sau đấy bà lại buồn thương, lại muốn tìm thấy giữa thảo nguyên chính đứa con trai của mình chứ không phải ai khác, dù điều đó có ý nghĩa gì chẳng nữa...

Đang trong tâm trạng trái ngược như vậy, vừa leo qua một gò đất thoải thoải, bà chợt nhìn thấy một đàn lạc đà đông hàng trăm con đang ung dung gặm cỏ trên một thung lũng khá rộng. Những con lạc đà màu nâu béo mập đang nhả nha bứt các ngọn cỏ gai và các bụi cây nhỏ. Bà Ana-Najman thúc con Akmai bước thật nhanh và thoát tiên bà choáng ngợp vì mừng rỡ, rằng cuối cùng bà đã tìm thấy đàn súc vật. Sau đó bà hoảng sợ, rùng mình, lo rằng bà sắp thấy mặt đứa con trai đã bị biến thành *mankur*. Đoạn bà lại vui mừng và chẳng còn hiểu mình làm sao nữa.

Đây, đàn lạc đà đây rồi, nhưng người chăn chúng thì đâu? Anh ta phải ở ngay đâu đấy thôi. Và bà đã trông thấy bóng người ở mép thung lũng bên kia. Từ xa, không thể nhìn rõ người ấy thế nào. Người ấy chống một cây gậy dài, cầm cương dắt một con lạc đà chở theo hành lý. Từ dưới vành mũ kéo sụp xuống trán, người ấy thản nhiên nhìn bà tới gần.

Và khi Ana-Najman tới gần người ấy, khi bà nhận ra con trai mình, bà không nhớ mình đã tuột xuống khỏi lưng lạc đà như thế nào. Bà tưởng đâu mình ngã lẫn xuống đất!

- Con ơi! Con yêu của mẹ ơi! Con ở đây mà mẹ cứ đi tìm loanh quanh mãi! - Bà gọi và chạy bổ qua mấy bụi cây ngăn cách hai người. - Ta là mẹ của con đây!

Và bà lập tức hiểu ra tất cả. Bà nấc lên, hai chân giẫm đành dạch xuống đất, lòng dạ cay đắng, hãi hùng, môi run run mếu máo, bà cố dừng lại mà vẫn không trấn tĩnh nổi. Để khỏi ngã, bà níu chặt lấy vai đứa con trai hờ hững, bà cứ thế khóc ròng vì nỗi đau khổ bị dồn nén từ lâu nay được dịp bùng ra, vùi dập bà. Vừa khóc, bà vừa nhìn qua hai dòng nước mắt, qua những sợi tóc bạc uớt dính vào nhau, qua những ngón tay đang run rẩy xoa xoa bụi đường trên mặt, gặp những nét quen thuộc của đứa con và cố nắm bắt cái nhìn của nó, vẫn còn hy vọng nó sẽ nhận ra bà, bởi vì đơn giản biết mấy cái việc nhận ra người mẹ của mình.

Nhưng sự xuất hiện của bà không gây bất cứ tác động gì tới đứa con trai, tựa hồ bà vẫn luôn luôn có mặt ở đây và ngày nào cũng tới gặp nó trên thảo nguyên. Thậm chí nó chẳng buồn hỏi bà là ai và tại sao bà khóc. Có lúc nó đã gỡ tay bà đang bấu vai nó và bỏ đi, dắt theo con lạc đà chở mấy thứ đồ dùng, đến tận cuối đàn súc vật, để xem mấy chú lạc đà con có nghịch ngợm chạy nhón quá xa hay không.

Bà Ana-Najman đứng lại, ngồi bệt xuống đất, ôm mặt khóc nức nở. Bà cứ ngồi như thế đầu

cúi gục. Sau đó bà ráng sức đứng dậy, bước đến chỗ con, cố giữ vẻ bình tĩnh. Đứa con trai *mankur* coi như không có chuyện gì xảy ra, cứ hờ hững nhìn bà từ dưới chiếc mũ úp chặt trên đầu, và một cái gì tựa tựa nét cười yếu ớt thoáng qua bộ mặt thô thô, đen nhem vì nắng gió của nó. Nhưng cặp mắt của nó vẫn hoàn toàn thờ ơ với hết thảy mọi thứ trên đời.

- Hãy ngồi xuống đây, mẹ con mình nói vài câu chuyện đi con - Bà Ana-Najman thở dài nặng nhọc.

Hai mẹ con ngồi xuống đất.

- Con có nhận ra mẹ không? - Bà mẹ hỏi.

Gã *mankur* lắc đầu.

- Thế tên con là gì?

- Mankur - gã đáp.

- Đây là tên con bây giờ. Còn tên con ngày trước con có nhớ không? Con hãy nhớ lại tên thật của con xem nào.

Gã *mankur* lặng thinh. Bà mẹ thấy nó cố nhớ, do căng thẳng, ở góc mũi nó lấm tấm mồ hôi, cặp mắt nó như có sương mù bao phủ. Nhưng chắc là trước mặt nó hiện ra một bức tường kiên cố mà nó không tài nào vượt nổi.

- Thế tên cha con là gì? Con là ai, quê ở đâu? Ít nhất con cũng biết con đã sinh ra ở đâu chứ?

Không, nó không nhớ gì, không biết gì.

- Chúng nó đã làm gì con tôi thế này! - Bà mẹ thì thầm và đôi môi bà lại run run ngoài ý muốn. Nghẹn ngào vì giận dữ và đau khổ, bà mẹ lại khóc rung rức, cố nén cũng không được. Nỗi khổ của người mẹ không hề làm cho gã *mankur* xúc động.

- Có thể cướp đất, có thể cướp tài sản, có thể cướp cả sinh mạng, - bà mẹ nói - nhưng kẻ nào đã nghĩ ra, kẻ nào đang tâm cướp đi trí nhớ của con người? Hỡi thượng đế, nếu người có thật, sao người nỡ dạy loài người làm cái trò độc ác đến thế? Không có cái trò đó, trên đời này đã ít cái ác quá sao?

Rồi bà nhìn đứa con trai - *mankur* mà tuân ra những lời than trách về mặt trời, về thượng đế, về bản thân, những lời nổi tiếng mà mãi đến thời nay, mỗi khi nhắc tới truyền thuyết Sarozek, những người thông hiểu vẫn còn nhớ định ninh:

Men botasy olgen boz maia, ()*
Tulybyn kelip iskegen...

Và lúc ấy, từ lòng bà bật ra những lời nguyên rủa, những tiếng than vãn não lòng âm vang giữa thảo nguyên im lìm, bao la...

(*) Mẹ là con lạc đà mẹ xấu số, Tôi hít mùi da của con lạc đà con đã bị nhồi rom. (Chú thích trong nguyên bản)

Nhưng không có gì làm cho đứa con trai - *mankur* xúc động.

Thế là bà Ana-Najman quyết định sẽ không hỏi han, mà chỉ gợi nhớ để giúp con trẻ nhận ra mình.

- Tên con là Zholaman. Con nghe rõ chưa? Con là Zholaman. Còn tên cha con là Donenbaj. Lẽ nào con không nhớ cha con? Bởi từ nhỏ cha con đã dạy con cách bắn cung. Còn ta là mẹ của con. Con là con trai của ta. Con là người của bộ tộc Najman, con hiểu chưa? Con là dân Najman...

Tất cả những điều bà nói, gã *mankur* nghe một cách hoàn toàn thờ ơ, tưởng như đó chỉ là những lời băng qua. Có lẽ tiếng dế kêu trong cỏ gã cũng nghe với thái độ hết như thế.

Khi đó, bà Ana-Najman bèn hỏi con:

- Chuyện gì đã xảy ra trước khi con tới đây?
- Không có chuyện gì - nó đáp.
- Lúc ấy là đêm hay ngày?
- Không là gì cả - nó đáp.
- Con muốn được trò chuyện với ai?

- Với mặt trăng. Nhưng tôi và mặt trăng không nghe thấy tiếng nhau. Trên ấy có người đang ngồi.

- Thế con còn muốn gì nữa?
- Muốn có đuôi tóc trên đầu như ông chủ.

- Con hãy để mẹ xem, chúng đã làm gì cái đầu của con nào - Bà Ana-Najman giờ tay ra.

Gã *mankur* liền quay phắt đi, lùi lại, dùng một tay giữ chặt chiếc mũ và không nhìn bà mẹ nữa. Bà hiểu rằng không bao giờ nên nhắc đến cái đầu của nó.

Lúc ấy đằng xa xuất hiện một bóng người cười lạc đà tiến về phía hai mẹ con.

- Ai thế con? - Bà Ana-Najman hỏi.

- Họ mang thức ăn cho tôi - đứa con trả lời.

Bà mẹ giật mình. Phải trốn cho mau, khi tên Choang Choang xuất hiện không đúng lúc kia chưa nhìn thấy bà. Bà bắt con Akmai quỳ xuống để leo lên yên.

- Con đừng nói gì với nó nhé. Mẹ sẽ trở lại ngay - bà Ana-Najman dặn.

Đứa con không trả lời. Mọi chuyện đối với nó đều vô nghĩa.

Bà Ana-Najman hiểu rằng bà đã phạm sai lầm khi cười lạc đà chạy trốn qua đàn súc vật đang gặm cỏ. Nhưng đã muộn. Tên Choang Choang đang đi về phía này, dĩ nhiên có thể nhìn thấy bà cười trên lưng con lạc đà trắng. Lẽ ra bà phải đi bộ, lẩn trốn giữa đàn súc vật đang gặm cỏ.

Sau khi tránh xa thung lũng, bà Ana-Najman quẹo xuống một cái rãnh sâu, hai bên mép rãnh mọc đầy ngải cứu. Tới đây, bà vội bắt con Akmai

nằm xuống đáy rãnh. Còn bà thì ngھnh đầu lên quan sát. Đúng là tên Choang Choang đã nhìn thấy bà. Một lát sau, tên này hiện ra, thúc lặc đà bước nhanh. Hấn đeo chiếc mác và dắt ống tên sau lưng. Rõ ràng hấn có vẻ lo lắng, ngơ ngác nhìn quanh - người cười lặc đà trắng mà hấn thấy từ xa đã biến đâu mất rồi? Hấn chưa biết nên đuổi theo hướng nào. Hấn thúc lặc đà tiến về phía này, rồi lại quay sang phía kia. Và lần cuối cùng, hấn đi qua rất gần cái rãnh. May mà bà Ana-Najman nghĩ ra cách chụp tấm khăn vào mồm con Akmai, phòng trường hợp đột nhiên nó kêu lên. Ẩn mình trong bụi ngải cứu ở mép rãnh, bà Ana-Najman nhìn tên Choang Choang khá rõ. Hấn cười một con lặc đà lông dày, mắt lơ lảo ngó quanh, bộ mặt hum húp, căng thẳng, đầu đội chiếc mũ đen trông như một cái thuyền con có hai mũi, mũi trước cong lên, sau gáy lủng lẳng một bím tóc đuôi sam đen. Hấn nhồm người trên bàn đạp, tay lăm lăm chiếc mác, hấn ngó quanh, lắc đầu, cặp mắt long lên. Đây là một trong những tên giặc đã chiếm đất Sarozek, đã bắt không ít người làm nô lệ và đã gây bao tai họa cho gia đình bà. Nhưng một phụ nữ tay không như bà phỏng có thể làm được gì chống lại tên lính Choang Choang hung hấn kia? Bà thầm nghĩ, không biết cuộc sống nào, những sự kiện gì đã đẩy bọn giặc kia

tới hành động man rợ là tiêu hủy trí nhớ của người nô lệ...

Sau khi tìm kiếm loang quanh một lát, tên Choang Choang trở lại chỗ đàn lạc đà.

Trời sắp tối. Mặt trời đã lặn, nhưng ráng chiều còn vương vấn khá lâu trên thảo nguyên. Tiếp đó bóng tối ập xuống. Đêm càng về khuya càng tĩnh mịch.

Đêm ấy, giữa thảo nguyên, bà Ana-Najman ngồi thui thủi một mình, không mấy xa chỗ đứa con trai - *mankur* bất hạnh của bà. Bà không dám quay lại chỗ nó. Tên lính Choang Choang rất có thể ngủ đêm ở đó.

Và bà quyết định không để đứa con phải sống nô lệ, bà sẽ thử tìm cách đem nó đi theo mình. Dù nó là *mankur*, dù nó ngờ ngẩn không hiểu gì hết, nhưng miễn sao nó ở nhà nó, giữa những người bà con của nó, thì vẫn hơn là nó làm nô lệ chăm sóc súc vật cho bọn Choang Choang giữa thảo nguyên hoang vu này. Tấm lòng người mẹ đã nhắc bà như vậy. Bà không thể chấp nhận cái mà những người khác chấp nhận. Bà không nỡ bỏ mặc giọt máu của bà sống kiếp nô lệ. Biết đâu ở chốn cũ, trí khôn sẽ trở lại với nó, biết đâu đột nhiên nó sẽ nhớ lại thời thơ ấu cũng nên...

Sáng hôm sau bà Ana-Najman lại cưới con Akmai đi vòng vèo rất lâu mới tới gần đàn lạc

đà - sau một đêm, đàn súc vật đã di chuyển khá xa. Khi phát hiện ra đàn lạc đà, bà căng mắt nhìn thật kỹ xem tên Choang Choang có còn ở đó hay không. Chỉ khi đã tin chắc không còn ai khác, bà mới gọi tên con:

- Zholaman, Zholaman ơi! Chào con!

Đứa con ngoảnh lại, bà mẹ reo lên vui sướng. Nhưng, bà hiểu ngay rằng, nó nghe có tiếng nói thì quay lại đó thôi.

Bà Ana-Najman lại thử gọi cái trí nhớ đã bị cướp mất của đứa con:

- Con ơi, tên con là gì, hãy nhớ lại tên mình đi con! - Bà van vỉ và thuyết phục nó. - Cha con là Donenbaj, lẽ nào con không nhớ? Còn tên con là Zholaman (*), chứ không phải là Mankur. Bố mẹ đặt tên con như thế vì con đã ra đời trong một chuyến du mục của bộ tộc Najman. Và khi con ra đời, mọi người đã dừng chân nghỉ tạm ba ngày để ăn mừng cho con.

Mặc dù những lời lẽ ấy không gây bất cứ ấn tượng gì với đứa con - *mankur*, bà mẹ vẫn tiếp tục kể, với hy vọng may ra có điều gì chợt lóe lên trong ý thức đã tê liệt của nó. Nhưng bà đang gõ vào một cánh cửa khóa kín. Tuy nhiên, bà vẫn nhắc đi nhắc lại:

(*) Zholaman là tên gộp từ hai chữ: "zhol" - con đường, "aman" - mạnh khỏe. Zholaman có nghĩa là: Hãy lên đường, mạnh giỏi!

- Con hãy nhớ lại tên con đi! Tên cha con là Donenbaj.

Sau đó, bà lấy thức ăn mang theo cho nó ăn uống và bắt đầu hát cho nó nghe những bài hát ru.

Nó có vẻ thích thú các bài hát ấy. Nó thích nghe hát, và một nét gì sống động, ấm áp xuất hiện trên bộ mặt lầm lì, đen nhẻm của nó. Thấy vậy, bà mẹ bèn rủ nó từ bỏ nơi này, từ bỏ bọn Choang Choang, đi theo bà về chốn cũ thân thương. Gã *mankur* không thể tưởng tượng làm sao có thể leo lên lạc đà bỏ đi - còn đàn súc vật kia ai chăn? Không, ông chủ đã bảo phải luôn luôn ở bên đàn súc vật. Chủ đã ra lệnh như vậy. Cho nên nó sẽ không bỏ đàn đi bất cứ đâu...

Không biết đến lần thứ mấy bà Ana-Najman lại gõ vào cánh cửa khóa kín của cái trí nhớ đã bị tiêu hủy:

- Nhớ lại đi con, tên con là gì? Tên cha con là Donenbaj ấy mà!

Bà mẹ cứ kiên trì gợi nhớ một cách vô ích như thế nên không để ý bao nhiêu thời gian đã trôi qua. Bà chỉ giật mình khi thấy gần chỗ đàn súc vật lại xuất hiện một tên Choang Choang cười lạc đà. Lần này khoảng cách gần hơn và hấn thúc lạc đà đi thật vội vã. Bà Ana-Najman lập tức cười con Akmai lánh đi. Nhưng từ phía

khác lại có một tên Choang Choang nữa cười lạc đà chắn ngang. Bà Ana-Najman vội thúc con Akmai vượt qua giữa hai tên đó. Con Akmai nhanh chân đã đưa bà kịp thời vượt lên trước. Hai tên Choang Choang rượt theo sau, miệng thét, tay hươ giáo mác. Nhưng chúng nhanh sao bằng con Akmai. Khoảng cách đôi bên mỗi lúc một xa. Con Akmai thở dồn, đi nhanh như gió, đưa bà chủ thoát khỏi sự đuổi bắt của cái chết.

Song bà không biết rằng hai tên Choang Choang đã quay trở lại trút cơn giận dữ xuống đầu con trai bà. Chúng đánh đập gã *mankur* tàn nhẫn. Nhưng có đánh mấy cũng chẳng moi được gì. Nó chỉ trả lời:

- Bà ta bảo bà ta là mẹ tôi.

- Mẹ ta đêch phải mẹ con gì với mày! Mày không có mẹ! Mày có biết mẹ ta tới đây làm gì không? Mày biết không? Mẹ ta muốn lột mũ của mày và muốn gọt đầu mày đó! - Hai tên Choang Choang dọa gã *mankur* bất hạnh.

Nghe vậy, gã *mankur* thất sắc, bộ mặt đen đúa của gã tái xám hẳn đi. Gã co vai rụt cổ, chụp giữ chiếc mũ và nhìn quanh lăm lét như một con thú.

- Mày khỏi phải sợ! Đây, cầm lấy! - Tên Choang Choang lớn tuổi đặt vào tay gã cây cung và mấy mũi tên.

- Nhắm bắn xem nào! - tên Choang Choang nhỏ tuổi hơn dùng cây mác giờ chiếc mũ lên cao. Mũi tên xuyên qua mũ - Thấy chưa! hấn ngạc nhiên - Trí nhớ vẫn còn được lưu giữ trong tay nó!

Như một con chim hốt hoảng bay khỏi tổ, bà Ana-Najman cứ quanh quẩn ở vùng lân cận. Bà chẳng biết làm thế nào, chờ đợi cái gì. Chẳng rõ bây giờ bọn Choang Choang có lừa đàn súc vật và đưa con trai - *mankur* của bà đến một chỗ khác, gần căn cứ của chúng hay là chúng đang rình bắt bà? Trong lúc phỏng đoán mọi chuyện, bà cứ đi vòng vèo ở những chỗ kín đáo để quan sát, và bà vui mừng khi thấy hai tên Choang Choang đã rời khỏi đàn súc vật. Chúng sánh vai nhau bỏ đi không hề ngoảnh lại. Bà Ana-Najman nhìn theo chúng rất lâu, đợi cho chúng khuất hẳn phía xa, bà mới trở lại chỗ con. Bây giờ, dầu thế nào chăng nữa bà cũng muốn đem nó đi theo. Dù có ra sao, đó cũng không phải là lỗi của nó, một khi kẻ thù đã làm cho nó thành một kẻ hoàn toàn ngớ ngẩn, nhưng mẹ nó sẽ không bỏ mặc nó sống mãi kiếp nô lệ. Và hãy để cho bộ tộc Najman thấy lũ rợ Choang Choang hành hạ tù binh như thế nào, làm mất lý trí của họ ra sao, để bộ tộc phần nô mà cầm lấy vũ khí. Vấn đề không phải là chuyện tranh giành đất đai. Đất đai đủ cho hết thảy mọi người.

Nhưng cái ác của bọn Choang Choang thì dù bộ tộc lảng giềng hay xa lạ cũng không chịu nổi...

Bà Ana-Najman trở lại chỗ con với những ý nghĩ đó, và bà cứ mãi mê nghĩ cách thuyết phục nó bỏ trốn ngay đêm nay với bà.

Trời đã nhá nhem. Thêm một đêm nữa trong chuỗi dài bất tận những ngày đêm đã và sẽ qua, đang trùm bóng tối xuống thảo nguyên Sarozek mênh mông, xuống mọi đồng cỏ và thung lũng. Con lạc đà trắng Akmai nhẹ nhàng chở bà chủ của nó về phía đàn súc vật đông đúc. Ánh hoàng hôn làm cho thân hình bà chủ nổi bật giữa hai cái bướu của nó. Bà Ana-Najman chăm chú và cảnh giác, trông nhợt nhạt và nghiêm nghị. Những sợi tóc bạc, những nếp nhăn, những ý nghĩ trong đầu và trong mắt hết như bóng tối nhập nhoạng trên thảo nguyên Sarozek, nỗi đau không nguôi... Đây, bà đã tới bên đàn lạc đà. Bà bắt đầu đi giữa những con vật đang gặm cỏ, bà nhìn quanh, nhưng chưa thấy đứa con trai đâu cả. Con lạc đà đứng yên cương chờ đồ dùng không hiểu sao lại đang ung dung gặm cỏ, kéo lê dây cương dưới đất - Con trai bà đâu nhỉ? Nó làm sao rồi?

- Zholaman ơi! Zholaman của mẹ ơi, con ở đâu? - bà Ana-Najman gọi.

Không một ai xuất hiện hoặc trả lời.

- Zholaman! Con ở đâu? Mẹ đây, mẹ của con đây mà? Con ở đâu?

Bà lo ngại ngó quanh, không thấy rằng con trai bà, gã *mankur*, đang nấp sau một con lạc đà, nó đã quỳ xuống và kéo căng dây cung, nhắm mũi tên về phía bà. Ánh hoàng hôn cản trở nó, và nó đang chờ giây phút thuận tiện mới bắn.

- Zholaman, con của mẹ ơi! - Bà Ana-Najman gọi, chỉ sợ con mình bị làm sao rồi. Bà quay người trên yên. - Đứng bắn! - bà chỉ kịp kêu lên thế và định thúc cho con Akmai quay đầu lại, mũi tên đã bay vèo tới, xuyên vào sườn bên trái.

Đây là một đòn hiểm. Bà Ana-Najman nghiêng người từ từ ngã xuống, tay còn bầu vú cổ con Akmai. Bỗng chiếc khăn trắng từ đầu bà bay lên, hóa thành một con chim và con chim ấy kêu to: "Hãy nhớ lại đi! Tên mi là gì? Cha mi là Donenbaj! Donenbaj! Donenbaj!"

Người ta bảo, từ đó đêm đêm có con chim Donenbaj bay lượn trên thảo nguyên Sarozek. Hễ thấy bóng người, chim Donenbaj lại sà xuống gần mà kêu: "Hãy nhớ lại đi! Mi thuộc bộ tộc nào? Tên mi là gì? Tên mi là gì? Cha mi là Donenbaj! Donenbaj! Donenbaj!..."

Chỗ chôn bà Ana-Najman giữa thảo nguyên Sarozek từ đó được gọi là nghĩa địa Ana-Bejit - nghĩa là Lòng Mẹ...

Con lạc đà trắng Akmai để lại nhiều con cháu. Những con cái do nó đẻ ra cũng màu trắng như nó, cũng nổi tiếng khắp vùng; những con

đúng vào đợt nắng nóng, không hiểu tại sao dòng sông ấy cứ hạ thấp dần và thu hẹp lại, cho đến lúc chạm dãy Himalaya. Dãy Himalaya nghe nó ở đâu xa lắm, nhưng so với kích thước quả địa cầu thì nó ở rất gần đây. Dòng sông không khí kia vấp phải dãy Himalaya thì dội trở lại, bởi vì miền Sarozek giống như biển lớn, là một khoảng không rộng mở, chẳng có chướng ngại nào. Cho nên dòng sông kia chở hơi mát từ dãy Himalaya tới...

Dù vì lẽ gì chẳng nữa, thời tiết cuối hè, đầu thu năm ấy cũng quả là đẹp. Mùa ở Sarozek là hiện tượng hiếm hoi. Mỗi trận mưa được người ta nhớ rất lâu. Những trận mưa ấy thì Edigej-Bao Tuyết nhớ suốt đời. Thoạt tiên mây đen ùn ùn kéo tới, thậm chí thấy không bình thường khi cái màu xanh thẫm thẫm của bầu trời Sarozek nóng bỏng đột nhiên biến đâu mất. Đất bốc hơi ngùn ngụt, không khí oi nồng đến ngạt thở. Hôm ấy Edigej làm thợ móc toa. Trên khúc đường cắt của ga, còn ba toa sàn đậu lại sau khi được cào hết sỏi và dỡ một đợt tà-vet bằng gỗ thông xuống. Hàng đã được dỡ xong. Bao giờ người ta cũng yêu cầu làm gấp, nhưng sau đó mới thấy rằng chẳng cần gấp đến như vậy. Sau khi dỡ hết hàng, mấy toa sàn còn đứng ở đường cắt cả một ngày. Thế mà hết thấy mọi người đang có mặt trên tuyến đường sắt - Kazangap, Abutalip, Zaripa, Ukubala, Bukej đều bị điều tới làm cái việc gấp ấy. Mà hồi đó mọi việc đều phải làm bằng

tay cả. Lại giữa lúc trời nóng như thiêu, thì người ta kéo những toa xe ấy tới! Nhưng việc đã cần gấp thì phải làm thôi. Ukubala xây xẩm mặt mày, nôn mửa cả ra. Chị không chịu nổi mùi nhựa tỏa ra từ những thanh tà-vet nóng. Đành đưa chị về nhà. Sau đó phải cho chị em phụ nữ về hết, bởi vì ở nhà bọn trẻ con sắp phát điên vì nóng. Chỉ còn mấy người đàn ông ở lại ráng sức làm cho xong.

Hôm sau, lúc sắp mưa thì đoàn tàu chở hàng hôm qua quay về Kumbel. Họ đòi móc toa thật gấp. Edigej ghen thờ vì trời oi bức khủng khiếp. Thà có nắng còn hơn trời râm mà oi nồng thế này. Đã vậy, tay lái tàu, lại cứ luôn mồm giục giã. Cứ thử xuống đây cúi gập người mà móc toa xem nào. Thế là Edigej nằng lờ với tay lái tàu. Và anh ta cũng trả miếng đến nơi đến chốn. Ngồi cạnh lò than trên đầu máy, anh ta cũng chẳng sợ gì. Cả hai người đều nổi khùng vì nóng. Nhưng rồi chuyến tàu hàng ấy cũng kéo ba cái toa sàn kia chạy đi.

Đúng lúc đó mưa ập xuống rào rào. Trời như bị thủng. Mưa trút xối xả để bù cho bao nhiêu ngày không mưa. Đất rừng mình, loáng một cái đã lênh láng nước và sủi đầy bọt. Và mưa cứ xối ào ào, ào ào như điên, nước mưa mát lạnh, đúng là mang cái mát từ những núi tuyết trên dãy Himalaya... Chà sức mạnh của Himalaya mới ghê chứ! Edigej chạy về nhà. Để

làm gì, anh cũng không biết nữa. Tự nhiên thế thôi. Bởi vì khi gặp mưa, bao giờ người ta cũng chạy về nhà hoặc nấp dưới một mái nhà nào đấy. Do thói quen. Tại sao lại lẩn tránh một cơn mưa như thế này nhỉ? Edigej hiểu ra và dừng lại, khi thấy cả gia đình Abutalip - hai vợ chồng, hai đứa con - đang cầm tay nhau nhảy múa dưới trời mưa, cạnh căn lán của họ. Và điều đó khiến Edigej sửng sốt. Không phải vì họ mừng rỡ, tươi tỉnh trong cơn mưa. Mà vì lúc sắp mưa, hai vợ chồng Abutalip vội vã sải từng bước dài qua các con đường ray từ nơi làm việc về nhà. Bây giờ Edigej đã hiểu. Vợ chồng họ muốn cả gia đình ở bên nhau dưới trời mưa. Edigej thì không nghĩ được ra như vậy. Cả gia đình họ đang tắm trong mưa, họ nhảy múa và làm ồn lên như bầy thiên nga trên biển Aral! Y như ngày hội của họ, lộc trời dành cho họ. Họ đã thầm nhớ, mong ước thấy mưa ở vùng Sarozek này bao ngày rồi. Và Edigej cảm thấy vừa vui, vừa buồn, vừa tức cười, vừa ái ngại trước cảnh cả gia đình họ nắm chặt tay nhau vào giờ phút tươi sáng ở nhà ga Boranly-Bảo Tuyết.

- Edigej! Lại đây với chúng tôi! - Abutalip gọi to qua nước mưa và vẫy vẫy tay như đang bơi.

- Bác Edigej ơi! - Hai đứa trẻ cũng gọi và mừng rỡ chạy về phía anh.

Bé Ermek mới hơn hai tuổi một chút, được Edigej yêu nhất, nó chạy tới chỗ anh, hai tay giang rộng, miệng há to, sắc súa nước mưa. Đôi mắt nó tràn ngập một niềm vui khó tả, táo bạo và tinh nghịch, Edigej bế thốc nó lên, xoay tròn mấy vòng. Rồi không biết làm gì tiếp. Anh hoàn toàn không định tham gia vào trò vui của gia đình Abutalip. Vừa lúc ấy, từ đằng sau nhà, hai đứa con gái của Edigej - Saule và Sharapat - vừa reo hò vừa chạy ra. Chúng nó chạy tới vì nghe tiếng reo vui của gia đình Abutalip. Chúng cũng mừng rỡ. "Bố ơi, chạy thi nào!" - Chúng giục anh. Thế là Edigej hết lưỡng lự. Bây giờ bảy người đã cùng nhau đùa nghịch âm ỉ dưới trời mưa như trút.

Edigej không buông tay bé Ermek vì sợ nó ngã xuống vũng nước. Abutalip thì kiệu đứa con gái út của Edigej - bé Sharapat trên lưng. Người lớn cứ thế bày trò vui chạy nhảy cho bọn trẻ. Bé Ermek nhún nhảy trên tay Edigej, la hét thật to, và lúc bị sắc nước nó lại chúi cái miệng ướm sừng vào cổ Edigej mà cọ cọ. Cảnh ấy thật cảm động, mấy lần Edigej bắt gặp ánh mắt tươi sáng, hàm ơn của vợ chồng Abutalip nhìn anh - họ hài lòng thấy thằng bé quăn quít bác Edigej. Nhưng ba cha con Edigej cũng rất vui được tham gia trò tắm mưa do gia đình Abutalip khởi xướng. Và bất giác, Edigej để ý thấy Zaripa thật xinh đẹp. Nước mưa làm cho mái tóc đen của chị chảy

xoa xuống mặt, trải dài đến tận gót chân, nước cứ chảy rờn rờn trên tấm thân rắn rỏi, trẻ trung của chị, làm nổi bật cái cổ, hai cánh tay, bắp đùi và mắt cá chân. Còn cặp mắt thì long lanh vui sướng, tinh nghịch. Hàm răng trắng lộ ra trong nụ cười tươi thắm.

Đối với miền Sarozek, mưa chỉ là hiện tượng nhất thời. Tuyết còn thấm dần dần xuống lòng đất. Chứ mưa thì dù to mấy cũng chỉ như giọt thủy ngân trên lòng bàn tay, sẽ chạy xuống các khe rãnh nứt nẻ hết ráo. Mưa ào ào được một lát, xong coi như không có gì.

Nhưng lần này, chỉ vài phút sau khi mưa, nước đã chảy thành những dòng suối cuộn cuộn, sủi bọt. Thế là ba con Boranly đổ cả ra mà chạy nhảy trên những dòng suối ấy, họ mang thùng, chậu, máng thả trên mặt nước. Mấy đứa trẻ lớn một chút, như Daul và Saule, thậm chí ngồi vào trong chậu mà bơi. Những đứa trẻ bé hơn đòi theo, thế là đành phải đặt cả chúng nó vào máng cho trôi đi...

Mưa vẫn rơi. Mọi người say sưa với trò bơi trong chậu, họ trôi tới sát chân đường tàu, gần đầu ga. Lúc ấy có một chuyến tàu khách chạy qua Boranly-Bảo Tuyết. Hành khách nhòai đến nửa người ra ngoài các cửa sổ và cửa toa mở rộng mà nhìn những người dân lập dị bất hạnh của hoang mạc. Họ kêu lên câu gì đó, hình như là: "Khéo không chết đuối đấy!", rồi họ huýt sáo,

cười đùa vui vẻ. Chắc trông bà con Boranly tức cười, lạ lùng lắm thì phải. Đoàn tàu chạy qua trong mưa, chở đi những hành khách có lẽ một hai hôm nữa sẽ kể lại cảnh họ vừa chứng kiến để làm trò vui cho người khác.

Edigej sẽ không nghĩ gì cả, nếu anh không cảm thấy hình như Zaripa khóc. Khi nước mưa đang chảy ràn rụa trên mặt, khó mà nói rằng người ấy có khóc hay không. Song đúng là Zaripa khóc thật. Chị giả vờ cười, chị quá vui, nhưng thật ra thì chị khóc, chị nén tiếng nức nở, dùng tiếng cười, tiếng kêu át tiếng khóc. Abutalip lo lắng nắm lấy tay vợ:



- Em làm sao thế? Em thấy khó thở à? Về nhà vậy!

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

- Không, em bị nấc đấy thôi - Zaripa trả lời.

Và họ lại chơi đùa với bọn trẻ, vội vã tận hưởng món quà - trận mưa tình cờ. Edigej chợt thấy se lòng. Anh đoán chắc vợ chồng họ khổ tâm lắm khi nhận chân được rằng có một cuộc sống khác đã quay lưng về phía họ, một cuộc sống mà ở đó mưa không phải là sự kiện đáng kể, người ta được tắm, được bơi trong thứ nước trong sạch, một cuộc sống có những điều kiện khác, những cách vui chơi khác, những mối quan tâm khác về con cái... Và để vợ chồng Abutalip khỏi lúng túng - dĩ nhiên họ bày trò vui này

chỉ là vì các con - Edigej tiếp tục ủng hộ trò vui của họ...

Cả người lớn lẫn trẻ con đã vui đùa chán chê, mà mưa vẫn chưa tạnh. Ai nấy chạy về nhà mình. Edigej thông cảm nhìn theo cái cảnh gia đình Abutalip giăng tay nhau chạy về nhà. Tất cả đều ướt như chuột lột. Chỉ mong có được dù chỉ một ngày sung sướng, ở miền Sarozek.

Edigej xuất hiện ở ngưỡng cửa, một tay bế đứa con gái nhỏ, tay kia dắt đứa lớn. Ukubala sợ hãi giơ hai tay khi thấy ba bố con như vậy.

- Ôi, bố con anh làm gì thế? Thật chẳng giống ai.

- Mẹ nó đừng sợ - Edigej vừa bảo vợ vừa cười to - Khi lạc đà bố say rượu, nó thích đùa giỡn với đám lạc đà con của nó.

- Tôi thấy cũng giống thế đấy - Ukubala cười trách móc. Thôi, vào thay quần áo đi, trông cứ như gà rù ấy.

Mưa đã tạnh hẳn, nhưng vẫn còn lác đác ở đâu đó trên thảo nguyên Sarozek đến tận sáng hôm sau, vì suốt đêm vẫn nghe ì ầm tiếng sấm xa xa. Máy lần Edigej thức giấc vì tiếng sấm. Và anh ngạc nhiên. Ở vùng biển Aral lắm hôm có giông, sấm chớp ầm ầm ngay trên đầu mà anh vẫn ngủ say. À mà tại vì ở đó luôn có mưa giông chứ sao. Mỗi lần tỉnh giấc, qua hàng mi

khép hờ, Edigej lại thấy các cửa sổ loe lóe ánh chớp bùng lên ở đâu đó ngoài thảo nguyên.

Đêm ấy Edigej-Bảo Tuyết lại mơ thấy mình nằm dưới làn đạn ngoài mặt trận. Nhưng các viên đạn trái phá rơi xuống lặng lẽ. Không nghe tiếng nổ, chỉ thấy đất đá tung lên cao, sững lại, rồi từ từ rơi xuống từng khối đen đen. Một trong những vụ nổ như thế tung anh lên cao, và anh rơi xuống rất lâu, rơi xuống một khoảng trống khủng khiếp trong lúc trái tim ngừng đập. Sau đó anh xông lên tấn công, số chiến sĩ mặc áo ca-pốt xám lao lên tấn công đông vô kể, nhưng không nhìn rõ mặt họ, tựa hồ những cái áo ca-pốt reo to "Ura!", thì trước mặt Edigej hiện ra Zaripa, người ướt sũng nước mưa, miệng mỉm cười. Giác mơ lạ thật, Zaripa mặc áo váy vải xita, tóc xõa dài nước mưa ròng ròng trên mặt, chị cứ cười cười hoài. Edigej không có thời giờ để dừng lại. Anh nhớ rằng anh đang phải tấn công. "Tại sao chị lại cười, chị Zaripa? Đó là điềm chẳng lành" - Edigej nói. "Tôi có cười đâu, tôi khóc, tôi khóc đấy" - chị trả lời và tiếp tục cười dưới những dòng nước mưa...

Hôm sau anh đã định kể lại giấc mơ ấy cho vợ chồng Abutalip nghe. Nhưng suy đi nghĩ lại, anh thấy giấc mơ ấy không lành. Chả nên làm cho người ta lo lắng thêm nữa...

Sau trận mưa vĩ đại ấy, chợt nắng nóng ở vùng Sarozek dịu hẳn xuống, hay nói như

Kazangap, trò hồi lộ của mùa hè đã chấm dứt. Vẫn còn những ngày oi bức, nhưng đã dễ chịu hơn. Rồi tiếp đến thời kỳ mát mẻ cuối hè, trước thu, tại miền này. Trẻ em ở Boranly cũng được giải thoát khỏi cái nóng mệt bã người. Chúng như hồi sinh, lại cười nói bi bô. Vừa vặn lúc đó người ta chở dưa hấu và dưa bở của vùng Kyzyl-Ordin tới Kumbel để phân phối cho các ga. Họ bảo nếu ga Boranly muốn mua dưa, thì họ sẽ gửi cho phần dưa tiêu chuẩn của ga Boranly, hoặc ga Boranly cử người tự đến mà nhận. Edigej nắm lấy cơ hội đó. Anh thuyết phục trưởng ga, rằng mình nên tự đi nhận thì hơn là để người ta gửi đến, mình sẽ không được quyền lựa chọn những trái dưa "tử tế". Trưởng ga đồng ý. Được, trưởng ga nói, đồng chí hãy cùng Abutalip đi mà chọn. Edigej chỉ chờ có vậy. Anh muốn đưa vợ chồng Abutalip cùng bọn trẻ đi khỏi Boranly-Bảo Tuyết dù chỉ một ngày. Và chính gia đình anh cũng nên đổi gió tí chút. Thế là sáng sớm hôm sau toàn bộ lớn bé của cả hai gia đình đáp chuyến tàu lên Kumbel. Họ ăn mặc thật đẹp. Bọn trẻ tưởng như chúng đang đi tới một xứ sở kỳ lạ. Suốt dọc đường chúng cứ luôn miệng hỏi: Ở trên ấy có cây cối không ạ? Có. Thế cỏ ở đấy có xanh không ạ? Có xanh. Thậm chí có cả hoa. Còn nhà cửa ở đó có to không và xe cộ có chạy ngoài đường không ạ? Thế dưa hấu và dưa bở ở đó muốn ăn bao nhiêu tùy thích chứ ạ? Thế

trên ấy có kem không ạ? Thế ở đó có biển không ạ?

Gió tạt vào toa tàu hàng, ủa thành luồng mát mẽ đều đều qua cửa toa hé mở. Có một tấm ván che chắn, phòng trường hợp bất trắc, lỡ bọn trẻ sa sẩy chân tay, mặc dù Edigej và Abutalip đã ngồi trên hai cái hòm gỗ ở ngay cửa toa. Họ trò chuyện đủ thứ và trả lời các câu hỏi của bọn trẻ. Edigej-Bảo Tuyết hài lòng về việc hai gia đình cùng đi với nhau, thời tiết tốt, bọn trẻ vui thích, nhưng Edigej mừng hơn cả không phải cho bọn trẻ, mà cho vợ chồng Abutalip. Về mặt họ rạng rỡ. Họ được giải thoát một thời gian khỏi tâm trạng luôn luôn lo lắng và u uất. Edigej nghĩ thầm: có lẽ Abutalip sẽ được phép sống ở miền Sarozek tùy theo khả năng mà anh ấy có. Ước sao đúng như vậy.

Thật mát cả lòng khi nhìn Zaripa và Ukubala chuyện trò, tâm sự với nhau về các thứ sinh hoạt thường ngày. Trông họ hạnh phúc lắm. Phải như vậy mới đúng, bởi lẽ con người đâu có cần gì nhiều... Edigej ước mong gia đình Abutalip quên đi mọi điều phiền muộn, để họ có thể bám rễ chắc chắn và thích nghi hoàn toàn với cuộc sống ở Boranly, nếu như không còn cách lựa chọn nào khác. Edigej cũng lấy làm hài lòng vì có Abutalip ngồi sóng vai bên cạnh, như thế Abutalip biết rằng có thể trông cậy ở Edigej và hai người có thể hiểu nhau mà không cần thốt

ra lời, không cần động chạm đến những chuyện đau lòng chẳng đáng gọi ra đây. Edigej đánh giá cao trí thông minh; tính nết điềm đạm của Abutalip, nhất là tình cảm gắn bó của Abutalip với gia đình - chính vì gia đình mà Abutalip đã sống, đã không chịu đầu hàng, đã tìm ra sức lực cho mình. Lắng nghe các ý kiến của Abutalip, Edigej đi tới kết luận rằng điều tốt đẹp nhất mà một người có thể làm cho những người khác, ấy là nuôi dạy các con mình thành những người xứng đáng. Và không phải dựa vào sự giúp đỡ của ai khác, mà là tự mình dành trọn tâm sức vào việc ấy; hết ngày này sang ngày kia, tuần tự từng bước một, và nếu có thể thì nên ở bên các con càng lâu càng tốt.

Thì đây, cái gã Shabitzhan đã được dạy dỗ đủ mọi nơi, từ bé đã học ở các trường nội trú, lớn lên thì ở các trường đại học và các lớp bồi dưỡng khác nhau. Đáng thương thay cho bác Kazangap dành dụm được chút gì đều chu cấp cho đứa con trai, để nó được ở trên thành phố, để nó - cái thằng Shabitzhan của bác ấy, - khỏi phải sống khổ sở hơn những người khác. Nhưng kết quả thì sao? Chuyện gì nó cũng biết, nhưng nó đúng là vô tích sự, không hơn không kém.

Hôm ấy, trên đường đi lên ga Kumbel mua dưa, Edigej nghĩ rằng nếu không còn lối thoát tốt hơn, thì Abutalip Kuttybaev nên ở hẳn lại Boranly-Bảo Tuyết. Lo chăn nuôi thu xếp kinh

tế gia đình, và dạy dỗ hai đứa con giữa vùng Sarozek này được bao lâu thì tùy. Tuy anh không dạy khôn cho Abutalip nhưng anh hiểu qua buổi trò chuyện, rằng Abutalip cũng đã ngã sang ý định đó. Abutalip đã hỏi cách để dành khoai tây như thế nào, mua giày ấm cho vợ và hai con ở đâu, còn bản thân anh ấy bảo là chỉ đi ủng cũng xong. Abutalip còn hỏi kỹ về việc trên ga Kumbel có thư viện không và hiện người ta có cho các ga xếp mượn về đọc hay không.

Chiều hôm đó, họ đi nhờ chuyến tàu hàng trở về, đem kèm số dưa hấu và dưa bở mua theo phiếu phân phối cho ga Boranly. Lúc này bọn trẻ đã mệt, nhưng rất thỏa mãn. Chúng đã được thấy cảnh vật ở Kumbel, đã mua đủ thứ đồ chơi, được ăn kem và vài thứ quà, bánh khác. Kể ra cũng có một chuyện trục trặc nhỏ ở hiệu cắt tóc. Người lớn quyết định cắt tóc cho bọn trẻ. Khi đến lượt Ermek, thằng bé gào khóc đến nỗi chẳng ai bảo được nó. Mọi người đều dỗ dành, nhưng nó vẫn sợ, cứ giãy giụa khóc lóc gọi bố. Lúc ấy Abutalip vừa chạy sang cửa hàng bên cạnh. Zaripa không biết làm cách nào, mặt chị cứ lúc đỏ lúc tái vì xấu hổ. Chị luôn miệng thanh minh rằng từ bé đến giờ cháu chưa bị cắt tóc lần nào, vì mọi người tiếc bộ tóc xoắn rất đẹp của nó. Quả có thể thật, mái tóc của bé Ermek vừa dày vừa mềm, vừa xoắn, giống tóc mẹ. Và nói chung, thằng bé giống mẹ: mỗi lần

Zaripa gội đầu và xõa tóc ra hong, trông đến là đẹp mắt.

Ukubala đành bảo thợ cắt một chút tóc của Saule để làm gương: đấy, thấy chưa, nó là con gái mà chả biết sợ nhé! Hình như việc đó có đôi chút tác dụng, nhưng lúc bác thợ vừa cầm lấy cái tông-đơ máy, thì Ermek lại hét ầm lên và vùng ra. Đúng lúc ấy, Abutalip xuất hiện ngoài cửa, Ermek chạy tới bên bố. Abutalip bế con lên, áp chặt vào người và hiểu rằng không nên hành hạ thằng bé.

- Xin lỗi bác - anh nói với bác thợ. - Để lần khác vậy. Cha con tôi sẽ chuẩn bị tinh thần cái đã... Tạm thời chưa cắt cũng được. Chả vội gì lắm... Để lần khác vậy, bác ạ...

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

*

Trong lúc hai tiểu ban có thẩm quyền đặc biệt họp phiên bất thường trên tàu sân bay "Convention", theo sự đồng ý của cả hai bên, lại thêm một bức điện mật mã nữa được gửi lên trạm quỹ đạo "Paritet", để chuyển tới hai phi công vũ trụ song đôi 1-2 và 2-1 hiện có mặt tại hành tinh Ngực Rừng. Lệnh cho họ tuyệt đối không được phép có bất cứ hành động gì, phải ở tại chỗ chờ chỉ thị đặc biệt của Trung tâm điều khiển.

Phiên họp vẫn tiếp tục diễn ra trong phòng kín như cũ. Tàu sân bay "Convention" vẫn đậu như cũ ở tọa độ của nó trên Thái Bình Dương, phía nam quần đảo Aleut, cách San Francisco và Vladivostok một khoảng đúng bằng nhau, tính theo đường chim bay.

Vẫn như cũ, không một ai trên thế giới biết rằng đã xảy ra một sự kiện cực kỳ trọng đại giữa các Thiên Hà - tại hệ thống của thiên thể Chủ Nhân đã phát hiện một hành tinh có nền văn minh mà các sinh vật có trí tuệ ở đó đề nghị được tiếp xúc với người Trái Đất.

Tại phiên họp bất thường, hai bên đã bàn cãi mọi cái hay cái dở của vấn đề vô cùng bất ngờ và bất thường này. Trên bàn, trước mặt mỗi thành viên của hai tiểu ban, ngoài đủ thứ tài liệu tham khảo, đều có cặp hồ sơ ghi toàn văn bức thư của hai phi công vũ trụ song đôi 1-2 và 2-1. Từng chi tiết, từng chữ của văn bản đều được nghiên cứu. Mọi chi tiết dẫn chứng về cách tổ chức cuộc sống trí tuệ tại hành tinh Ngực Rừng đều được xem xét trước hết trên quan điểm những hậu quả có thể xảy ra, mức độ dung hòa hay trái ngược với kinh nghiệm của nền văn minh Trái Đất và với lợi ích của những nước chủ chốt... Chưa một ai từng vấp phải những vấn đề loại này. Đã thế, lại yêu cầu có quyết định tức thời...

Trên Thái Bình Dương, sóng gió vẫn tương đối mạnh như cũ...

✱

Sau khi gia đình Abutalip trải qua đợt nắng nóng khủng khiếp nhất của mùa hè ở Sarozek, họ không tuyệt vọng thu xếp khăn gói bỏ đi khỏi ga Boranly-Bảo Tuyết để tới bất kỳ nơi nào khác, bà con Boranly hiểu rằng gia đình ấy sẽ ở lại, sẽ bám trụ ở đây: Abutalip Kuttybaev có vẻ vui lên rõ rệt, nói đúng hơn là anh đã hòa nhập hẳn vào công việc ở Boranly. Đúng, dĩ nhiên anh đã quen, đã thích nghi với điều kiện sinh sống ở cái ga xép này. Cũng như bất kỳ ai, anh có quyền nói rằng Boranly là mảnh đất khốn khổ nhất trên đời này, nếu như đến món nước uống và nước dùng cho các nhu cầu sinh hoạt khác cũng phải chở trong xi-téc theo đường xe lửa tới, còn ai muốn uống ngụm nước ngọt, thật sự trong lành, thì sẽ phải đem bao da, cưỡi lạc đà đi tìm giếng nước xa tít tắp giữa thảo nguyên, một điều mà trừ Edigej và Kazangap ra, chẳng ai dám làm.

Đúng, tình hình vẫn cứ như thế vào năm năm mươi hai và kéo dài hết những năm sáu mươi, cho đến khi người ta xây ở Boranly một trạm bơm điện hút nước từ lòng đất lên. Nhưng trước đây, đâu ai dám mơ ước như thế. Mặc dù vậy, Abutalip vẫn không hề nguyên rủa cả cái

ga xép Boranly-Bảo Tuyết lẫn miền đất Sarozek hoang vu này. Tốt xấu ra sao anh cũng chấp nhận. Suy cho cùng, miền đất này chẳng có lỗi gì và chẳng có lỗi với ai hết. Tự con người phải quyết định mình sẽ sống hay không sống ở đây...

Và trên mảnh đất ấy, người ta cố gắng thu xếp cuộc sống cho ổn thỏa hơn. Khi vợ chồng Abutalip hoàn toàn tin rằng chỗ của họ là ở đây, ở ga Boranly-Bảo Tuyết này, rằng họ chẳng còn biết đi nơi nào khác, mà cần bám trụ thật vững, thì công việc gia đình cứ dồn dập tới làm không xuể. Tất nhiên hàng ngày họ phải làm tròn phận sự công tác, nhưng ngoài ra chẳng còn lúc nào rỗi rãi. Abutalip bận rộn, hằng hái chuẩn bị nhà ở cho mùa đông - anh sửa lại bếp lò, lắp thêm cánh thứ hai cho cửa ra vào thật kín và ấm. Những việc ấy anh chưa khéo tay, nhưng có Edigej giúp đỡ, tặng cả dụng cụ lẫn vật liệu, không bỏ mặc anh làm một mình. Hôm đào cái hầm cạnh gian kho, có thêm Kazangap giúp một tay. Ba người đào một cái hầm kích thước vừa phải, dùng các thanh tà-vẹt cũ lát bên trên, lấy rom trộn với đất đắp thành một cái mái thật chắc, để súc vật đi qua khỏi bị sẩy chân. Và dù họ làm bất cứ việc gì, hai đứa con trai của Abutalip cũng cứ quần lấy bên cạnh. Tuy đôi lúc chúng có làm vướng chân, nhưng như thế vui vẻ và dễ thương hơn. Edigej cùng Kazangap bắt đầu nghĩ cách giúp Abutalip làm kinh tế phụ gia

đình, và cũng đã phác họa một số việc. Họ quyết định sang xuân sẽ tặng nhà Abutalip một con lạc đà sữa. Chủ yếu là để anh biết cách vắt sữa. Lạc đà sữa không như bò sữa. Lúc vắt sữa phải đúng. Phải biết chặn dắt nó và cái chính là coi giữ lạc đà mới đẻ, cho nó ngậm vú mẹ đúng lúc và kéo ra đúng lúc. Chăm nom lạc đà mới đẻ rất tốn công. Cũng cần biết chăm nom cho đúng cách...

Nhưng điều khiến cho Edigej-Bảo Tuyết mừng hơn cả là Abutalip chẳng những lo làm ăn, chẳng những thường xuyên cùng vợ dạy chữ và dạy vẽ cho bọn trẻ của cả hai gia đình, mà hơn thế, còn khắc phục hoàn cảnh quá ư gian khổ ở Boranly để tự tu luyện bản thân. Bởi Abutalip là người có học vấn. Đọc sách, ghi chép điều này điều nọ - chính đây là việc quen thuộc của anh ấy. Edigej thậm tự hào mình có một người bạn như vậy. Cho nên anh muốn gần Abutalip. Tình bạn giữa anh và nhà địa chất học Elizarov, chuyên nghiên cứu vùng Sarozek và thường đến vùng này, cũng từng nảy sinh đâu phải ngẫu nhiên. Edigej kính trọng những người có học thức, tinh thông nhiều điều. Abutalip cũng biết nhiều. Chẳng qua anh ấy cố gắng phát biểu ý kiến của mình ít hơn. Nhưng một hôm hai người đã nói chuyện khá kỹ với nhau.

Chiều hôm ấy họ cùng đi làm đường về. Hôm ấy họ dựng các tấm ván ngăn tuyết ở

kilomet số ba, nơi tuyết thường đổ xuống đường tàu. Tuy mùa thu mới thực sự bắt đầu, song đã phải chuẩn bị đối phó từ sớm với mùa đông. Vậy là hai người đang trên đường về nhà. Thời tiết chiều nay sáng đẹp, dễ gọi người ta tâm sự. Vào những buổi chiều như thế này, các vùng phụ cận cứ mờ mờ sương khói trong ánh hoàng hôn, y hệt đáy biển Aral được nhìn từ trên thuyền, giữa lúc trời trong biển lặng.

- Anh Abu này, sao tối nào tôi đi ngang qua bên nhà cũng đều thấy anh cúi đầu bên bậu cửa sổ, cạnh ngọn đèn. Anh viết hay sáng tác cái gì thế? - Edigej hỏi.

Abutalip chuyển chiếc xẻng từ vai này sang vai kia, đáp lời, với thái độ cởi mở:

- Có gì đâu. Bên tôi không có bàn viết. Hễ bọn trẻ tinh nghịch đi ngủ, thì Zaripa đọc sách, còn tôi ghi lại một đôi điều còn nhớ về thời kỳ chiến tranh và chủ yếu là về mấy năm tôi sống ở Nam Tư. Thời gian trôi qua, chuyện cũ phai dần. - Anh ngừng lời một chút - Tôi luôn luôn nghĩ xem tôi có thể làm được gì cho hai đứa con. Nuôi nấng, dạy dỗ các cháu là chuyện dĩ nhiên. Làm được đến đâu, tôi cố đến đấy. Tôi đã nếm trải nhiều tới mức người khác sống hàng trăm năm cũng chưa phải nếm trải đến thế. Vậy mà tôi vẫn sống nhăn ra đây, chắc tại số phận dành cho tôi khả năng đó. Hẳn là để tôi nói lên điều gì đấy, trước hết với các con tôi. Và tôi

phải kể lại với các cháu về cuộc đời của tôi, bởi lẽ tôi đã sinh ra chúng, tôi nghĩ thế. Dĩ nhiên, có chân lý chung cho tất cả mọi người, nhưng còn có cách hiểu riêng của mỗi người. Mà cách hiểu riêng ấy sẽ mất đi theo chúng ta. Khi một người vượt qua lần ranh giới giữa sống và chết trong cuộc thế chiến, nơi anh ta có thể bị giết ít ra hàng trăm lần, mà anh ta vẫn sống sót, thì anh ta được biết rất nhiều điều, cả cái thiện lẫn cái ác, cả sự thật lẫn điều dối trá...

- Hưm đã, tôi chưa hiểu một ý của anh - Edigej ngạc nhiên ngắt lời - Có thể anh nói những điều rất đúng, nhưng hai đứa con anh còn bé tí tẹo, cái tông-đơ còn sợ, thì làm sao chúng nó hiểu nổi?

- Vì thế tôi mới ghi lại. Tôi muốn giữ gìn cho các cháu. Liệu tôi sẽ sống bao lâu nữa, chả ai biết trước. Thì đó, hôm nọ tôi mãi nghĩ, suốt nửa bị tàu cán chết như một thằng khờ. Anh Kazangap đã kịp kéo tôi ra. Sau đó anh ấy chửi tôi một trận, anh ấy bảo: các con cháu hôm nay phải quỳ xuống mà cảm ơn thượng đế.

- Đúng. Tôi đã dặn anh từ lâu. Tôi đã bảo cả chị Zaripa nữa - đến lượt Edigej bực bội và anh lợi dụng dịp này để khỏi phải nói lên nỗi lo lắng của mình một lần nữa. - Tại sao anh cứ đi trên đường ray như thế đầu máy phải nhường lối cho anh là cái quái gì? Đã có quy tắc an toàn giao thông. Anh thông thạo chữ nghĩa, cứ

để người ta phải nhắc nhở bao nhiêu lần nữa? Bây giờ anh đã là công nhân đường sắt, mà cứ đi như đi giữa chợ. Tai nạn như chơi, không đùa đâu.

- Nếu xảy ra tai nạn, thì chính tôi có lỗi - Abutalip buồn bã gật đầu - Nhưng anh hãy nghe tôi nói đã, rồi trách móc sau.

- Thì nhân tiện tôi nói thế thôi, anh kể tiếp đi.

- Xưa kia người ta để lại gia tài cho con cái. Gia tài ấy sẽ dẫn tới chỗ tốt đẹp hay tệ hại, thì còn tùy. Có rất nhiều cuốn sách, chuyện cổ tích kể lại điều đó, bao nhiêu vở kịch viết về cái thời người ta chia chác gia tài và những gì đã xảy ra sau đó với các người thừa kế. Tại sao vậy? Tại vì số gia tài ấy phần lớn có được một cách bất chính, do công sức vất vả của những người khác tạo nên, do lừa đảo mà có. Bởi vậy ngay từ đầu chúng đã chứa đựng tội ác và sự bất công. Còn tôi, tôi tự an ủi mình, rằng chúng ta may thay được thoát khỏi những thứ đó. Gia tài của tôi sẽ không gây hại cho bất cứ ai. Đây sẽ chỉ là tinh thần của tôi, các ghi chép của tôi, bao gồm tất cả những gì tôi đã hiểu và đã nếm trải trong chiến tranh. Tôi không còn thứ gia tài nào khác để lại cho các con. Ở đây, giữa vùng Sarozek hoang vu này, tôi đã đi tới quyết định ấy. Cuộc sống đã luôn luôn dồn ép tôi tới đây, để tôi phai mờ và mất đi, nên tôi sẽ ghi lại cho

con hết thấy những gì tôi suy ngẫm, và đến một lúc nào đó, tôi sẽ tiếp tục tồn tại trong các con tôi. Cái mà tôi không làm được, các con tôi có thể sẽ đạt tới... Bọn trẻ sẽ phải sống gay go hơn chúng ta. Vậy hãy để chúng sớm thông minh, hiểu biết...

Hai người lặng lẽ đi một đoạn, mỗi người theo đuổi ý nghĩ riêng của mình, Edigej lấy làm lạ khi nghe những lời nói trên. Anh ngạc nhiên: té ra con người cũng có thể hiểu thực chất của họ trên trái đất theo kiểu đó. Tuy nhiên, anh quyết định sẽ hỏi cho rõ cái điều đã làm cho anh ngạc nhiên:

- Ai cũng nghĩ, và trên đài vẫn nói, rằng con cái chúng ta sẽ sống sung sướng và thoải mái hơn; còn anh, anh lại cho rằng chúng nó sẽ sống gay go hơn chúng ta. Có phải tại vì sẽ xảy ra chiến tranh nguyên tử chăng?

- Không, không phải chỉ vì như thế. Chiến tranh có thể sẽ không xảy ra, mà nếu có, thì cũng còn lâu. Cũng chả phải chuyện no đói. Đơn giản là bánh xe thời gian quay nhanh dần. Bọn trẻ sẽ phải tự mình nhận thức mọi chuyện, bằng trí thông minh của chúng và một phần còn phải chịu trách nhiệm hộ chúng ta. Và suy nghĩ thì bao giờ cũng vất vả. Bởi thế mà chúng nó sẽ khó khăn hơn chúng ta.

Edigej không hỏi thêm, tại sao Abutalip cho rằng suy nghĩ bao giờ cũng vất vả. Và anh không hỏi thêm là đại, sau này anh cứ ân hận mãi mỗi khi nhớ lại buổi trò chuyện này. Lẽ ra phải hỏi cặn kẽ để hiểu ý nghĩa của câu nói đó.

- Tại sao tôi nói như vậy - như đáp lại sự nghi ngờ của Edigej, Abutalip tiếp: - Đối với trẻ nhỏ, người lớn bao giờ cũng có vẻ thông minh, đầy uy tín. Lớn lên, chúng thấy các bậc thầy của chúng, nghĩa là chúng ta ấy mà, hiểu biết không nhiều và chẳng thông minh gì lắm như chúng tưởng. Cũng có thể chê cười họ được, thậm chí đôi khi chúng còn cảm thấy thương hại cho các ông thầy già. Bánh xe thời gian đang quay mỗi ngày một nhanh hơn. Tuy nhiên, chúng ta vẫn phải tự nói tiếng nói cuối cùng về bản thân mình. Ông cha ta đã thử làm việc đó trong các chuyện cổ tích. Họ muốn chứng minh cho hậu thế biết họ từng là những con người vĩ đại như thế nào. Và chúng ta bây giờ luôn xét về họ theo tinh thần của họ. Vậy nên tôi cũng đang làm cái việc tôi có thể làm cho hai đứa con nhỏ. Chuyện cổ tích của tôi là những năm chiến đấu của tôi. Tôi viết cho con các cuốn vở du kích của tôi. Viết lại tất cả những gì đã xảy ra, những gì tôi đã thấy và đã nếm trải. Các cuốn vở ấy các cháu sẽ dùng khi chúng lớn lên. Nhưng ngoài điều đó ra, tôi cũng còn có một vài dự định nữa. Các cháu sẽ phải sống ở miền Sarozek. Khi chúng

đã lớn, cần để chúng dừng nghĩ rằng chúng sống ở một bãi cát trống rỗng. Tôi đã ghi lại những bài hát cổ của chúng ta, vì sau này cũng chẳng tìm đâu ra những bài hát ấy. Tôi cho rằng bài hát cổ là thông điệp từ quá khứ. Chị Ukubala nhà anh hóa ra rất biết nhiều bài. Chị ấy hứa sẽ nhớ thêm nữa.

- Chứ sao! Gì thì gì chứ nhà tôi vốn sinh trưởng ở vùng Aral! - Edigej kiêu hãnh. - Dân Kazak miền biển Aral hẳn hoi. Hát ở ngoài biển hay lắm. Biển nó hiểu tất. Anh nói gì cũng đều xuất phát từ đáy lòng và đều hòa hợp trên biển.

- Điểm ấy thì anh nói đúng, rất đúng... Hôm vừa rồi đọc lại điều mình viết, vợ chồng tôi cảm động phát khóc. Thời xưa người ta hát hay thật! Mỗi bài hát là cả một câu chuyện. Như thấy có người ẩn hiện. Và ta muốn tâm tình cùng họ. Muốn đau khổ và yêu thương như họ. Người xưa lưu lại những kỷ niệm về họ mới tuyệt làm sao! Tôi đã vận động cả chị Bukej, tôi bảo chị ấy cố nhớ các bài hát vùng Karakalpak quê chị để tôi ghi vào một cuốn vở riêng. Chúng ta sẽ có quyển Karakalpak...

Họ cứ thông thả như thế dọc đường tàu. Một giờ hiếm có. Ánh hoàng hôn của một ngày sắp sang thu đang dần tắt nhẹ nhàng, dễ chịu như một tiếng thở dài. Tưởng chừng không có rừng, không có sông, không có ruộng đồng ở vùng Sarozek, nhưng mặt trời sắp lặn tạo ra ấn tượng

về sự toàn vẹn của thảo nguyên nhờ sự vận động khó bề nắm bắt của ánh sáng và bóng tối trên mặt đất trống trải. Màu xanh mờ mờ xao động của không gian bao la có tác dụng nâng cao tầm tư tưởng, gợi nên ý muốn sống thật lâu và suy nghĩ thật nhiều...

- Anh Edigej này - Abutalip lại nói khi nhớ đến điều mình tạm gác chờ dịp thuận tiện - Tôi đã định hỏi anh từ lâu về con chim Donenbaj. Anh nghĩ sao, có lẽ trong thiên nhiên có loài chim tên là Donenbaj đấy nhỉ. Anh đã gặp loài chim ấy lần nào chưa?

- Đấy là chuyện thần thoại mà.

- Tôi hiểu. Nhưng nhiều khi chuyện thần thoại được thực tế xác nhận là có thật trong đời. Ví dụ có loài chim vàng anh ở vùng Semirechie chúng tôi, cứ suốt ngày hót trong rừng câu hỏi: "Chồng em đâu?". Đấy chỉ là do sự hài thanh tạo nên. Nhưng có một chuyện cổ tích, kể tại sao chim vàng anh nó hót như vậy. Bởi thế tôi mới nghĩ: không biết huyền thoại về chim Donenbaj có sự trùng hợp với thực tế hay không? Rất có thể ở thảo nguyên có một loài chim nào đó hót nghe giống tên người, cho nên nó mới được đưa vào huyền thoại chẳng?

- Tôi chả biết. Tôi chưa hề nghĩ là như vậy

- Edigej nghi ngờ - Tôi đã đi ngang dọc khắp

vùng này, nhưng chưa gặp loài chim ấy lần nào. Nghĩa là không có loài chim đó.

- Có thể lắm - Abutalip đáp, vẻ dăm chiêu.

- Nay, nếu không có loài chim ấy, hóa ra toàn bộ câu chuyện kia là chuyện bịa à? - Edigej lo ngại.

- Không, sao lại bịa. Có nghĩa địa Ana-Bejit tức là ở đây phải có điều gì chứ. Nên không hiểu sao tôi vẫn nghĩ rằng có loài chim ấy. Và tới một lúc nào đó sẽ có người gặp nó. Tôi sẽ viết như vậy cho hai cháu.

- Ừ, viết cho trẻ con thì được thôi - Edigej lưỡng lự thốt thành lời.

Edigej-Bảo Tuyết nhớ rằng hồi trước chỉ có hai người ghi chép huyền thoại Ana-Najman của vùng Sarozek vào giấy. Đầu tiên là Abutalip Kuttybaev ghi lại cho hai đứa con của anh ấy, để khi lớn lên chúng sẽ đọc, đây là vào cuối năm năm mươi hai. Cuốn vở ghi chép đã bị mất. Họ đã phải chịu bao nhiêu đau khổ sau chuyện đó. Còn bụng dạ nào nghĩ đến cuốn vở kia chứ! Mấy năm sau, vào năm năm mươi bảy Elizarov Afanasi Ivanovich cũng có ghi lại. Bây giờ bác Elizarov đã qua đời. Bản thảo của bác ấy đâu, không ai biết, chắc vẫn lẫn trong các thứ giấy tờ của bác ở Alma-Ata... Cả hai người đều ghi chủ yếu qua lời kể của Kazangap. Edigej khi ấy

cũng có mặt nhưng chỉ sắm vai người gọi chuyện và bình phẩm đôi lời mà thôi.

"Năm tháng qua nhanh thật!" - Edigej-Bảo Tuyết nghĩ thầm trong lúc ngồi đung đưa giữa hai cái buồm của con Karanar. Lúc này bác đang chở chính ông già Kazangap tới nghĩa địa Ana-Bejit. Vòng tròn đường như đã khép kín. Người kể chuyện huyền thoại bây giờ sắp sửa an nghỉ vĩnh viễn ở cái nghĩa địa mà mình đã ghi nhớ và lưu truyền cho người khác câu chuyện về nó.

"Chỉ còn lại mình và nghĩa địa Ana-Bejit. Và cả mình cũng sắp đến nằm ở đây. Xin một chỗ cho mình. Sự việc đang dẫn tới đó" - Edigej buồn bã nghĩ thầm dọc đường. Bác vẫn cười lạc đà dẫn đầu đám tang lạ lùng đi sau bác trên chiếc máy kéo có rờ moọc và chiếc máy đào đất bánh hơi nhãn hiệu "Belarus". Con chó hung Zholbars tự tiện bám theo đám tang cứ chạy lúc ở đằng trước, lúc ở đằng sau, đôi khi tách riêng đi đâu một lát chẳng rõ... Cái đuôi của nó được đặt ở tư thế cứng cỏi, trông ra dáng ông chủ, con mắt nó chốc chốc nhìn sang hai bên rất nghiêm trang...

Mặt trời đã lên tới đỉnh đầu. Từ đây tới nghĩa địa Ana-Bejit không còn bao xa...

8.

Dấu sao, thời kỳ cuối năm năm mươi hai, nói đúng hơn, toàn bộ mùa thu và mùa đông - một mùa đông tuy đến muộn nhưng không có bão tuyết, có lẽ vẫn là giai đoạn tươi đẹp nhất đối với một nhóm dân cư ít ỏi hồi ấy ở ga Boranly-Bảo Tuyết. Về sau Edigej thường nhớ tiếc những ngày đó.

Kazangap, vị gia trưởng của số cư dân ở Boranly, một người rất tế nhị, chẳng bao giờ xen vào những việc không phải của mình, lúc ấy còn dồi dào sức lực. Thằng Shabitzhan của bác đã học ở trường nội trú trên ga Kumbel. Gia đình Abutalip tới lúc ấy đã bám rễ chắc chắn tại miền Sarozek. Chuẩn bị cho mùa đông, họ đã lo ấm căn nhà, dự trữ đủ khoai tây, mua giày cho Zaripa và hai đứa trẻ, đích thân Edigej đã dùng con Karanar, lúc ấy bắt đầu bước vào thời kỳ trẻ khỏe, sung sức nhất, chở cả một bao bột lớn từ ga Kumbel về cho họ. Abutalip vẫn làm việc bình thường và toàn bộ thời gian rảnh rỗi vẫn dành cho bọn trẻ, còn đêm đêm anh vẫn ngồi bên ngọn đèn đặt trên bậu cửa sổ, cầm cúi ghi ghi chép chép.

Cũng còn thêm hai, ba gia đình công nhân nhà ga nữa, nhưng rõ ràng họ chỉ sống ở đây

tạm thời. Trưởng ga hồi ấy là Abilov cũng tỏ ra không đến nỗi nào. Không một ai ở Boranly ốm đau. Công tác chạy đều. Trẻ con lớn nhanh. Toàn bộ việc tu sửa và chấn tuyết cho đường tàu trước mùa đông đã được hoàn thành đúng thời hạn.

Thời tiết thật là đẹp đối với miền Sarozek - mùa thu màu nâu sẫm như vỏ bánh mì! Sau đó tiếp đến mùa đông. Có tuyết ngay lập tức. Phong cảnh cũng đẹp, bốn phía trắng xóa một màu. Và giữa cảnh im lặng màu trắng mênh mông ấy, đường tàu vắt qua như một sợi chỉ đen, những chuyến tàu vẫn chạy qua lại trên đó như mọi khi. Và nép mình bên cạnh sự chuyển động ấy, giữa những đống tuyết cao thấp, là ga xép Boranly-Bão Tuyết trông như một cái xóm nhỏ, vốn vốn có mấy ngôi nhà... Hành khách từ trên toa hũng hờ nhìn xuống chột thoáng có cảm giác thương hại những cư dân lẻ loi của nhà ga...

Nhưng cái cảm giác thương hại thoáng qua kia là vô căn cứ. Dân Boranly đang sống một năm tốt đẹp nếu không kể đợt nắng nóng gớm ghiếc dạo hè, nhưng dẫu sao đợt nóng ấy cũng đã lùi lại phía sau. Nhìn chung, cuộc sống ở khắp nơi chuyển dần vào thế ổn định sau chiến tranh. Sắp sang năm mới, người ta lại chờ đợi giảm giá thực phẩm, hàng hóa, và tuy các cửa hàng còn lâu mới dồi dào mặt hàng, song tình hình mỗi năm một khá hơn...

Thông thường, bà con Boranly không mong mọi gì Tết năm mới, không háo hức gì đón giao thừa. Công việc nhà ga được tiến hành thường xuyên, các đoàn tàu vẫn chạy, bất kể giao thừa sẽ đến tại đâu, vào lúc nào trên đường. Hơn nữa, bước sang mùa đông, việc nhà cũng nhiều thêm. Nào đốt bếp lò, nào săn sóc gia súc ngoài bãi chăn và cả khi nhốt trong chuồng. Vất vả suốt ngày, hình như người ta cảm thấy tốt nhất là nên nghỉ ngơi, đi ngủ cho sớm.

Năm tháng cứ thế trôi qua...

Nhưng mấy ngày cuối năm năm mươi hai, ở ga Boranly-Bảo Tuyết đúng là ngày hội thật sự. Sáng kiến tổ chức dĩ nhiên là của gia đình Abutalip. Gần về cuối, Edigej mới tham gia việc chuẩn bị đón Tết. Tất cả bắt đầu từ chuyện vợ chồng Abutalip quyết định đặt cây thông năm mới cho bọn trẻ. Nhưng giữa vùng Sarozek này đào đâu ra một cây thông, tìm trứng loài khủng long hóa thạch còn dễ hơn. Thì đấy, trong khi lang thang thăm dò địa chất, Elivarov chẳng đã phát hiện trứng của loài khủng long từ hàng triệu năm về trước đấy thôi. Các quả trứng ấy đã biến thành đá, mỗi quả to bằng một trái dưa hấu lớn. Người ta đã chở về Viện bảo tàng ở Alma-Ata. Báo chí có viết về chuyện đó.

Giữa lúc rét buốt, Abutalip Kuttybaev phải lên tận Kumbel đề nghị với công đoàn nhà ga nhường cho một trong số năm cây thông mà

người ta gửi đến cho ga lớn, và công đoàn đã đồng ý tặng ga Boranly-Bảo Tuyết. Mọi chuyện bắt đầu từ đó.

Edigej đang đứng cạnh kho, nhận của trưởng ga những đôi bao tay mới để làm việc, thì một chuyến tàu hàng rít nhanh, đỗ lại ở đường số 1, lớp sơn vỏ toa bị tróc nham nhở vì gió thảo nguyên. Đoàn tàu rất dài, kéo toàn những toa bốn trục, có niêm dấu chì dày đặc. Từ cái sàn trống của toa cuối cùng. Abutalip vất vả lê cặp giò cứng ngắc trong đôi ủng lạnh cứng tụt xuống đất. Người nhân viên phụ trách đoàn tàu mặc chiếc áo tulúp to tướng, đôi mũ lông bịt tai, vung vể, loay hoay chuyển từ trên sàn toa xuống cho Abutalip một vật khá cồng kềnh. Ô, cây thông! Edigej đoán ra và hết sức kinh ngạc.

- Ấy! Edigej! Bảo Tuyết! Lại đây giúp người ta với! - Anh nhân viên nọ vừa gọi, vừa cúi nửa thân mình xuống bậc toa.

Edigej vội chạy tới và khi tới nơi, anh lo thay cho Abutalip. Trắng toát đến tận lông mày, tuyết bám đầy người; Abutalip bị rét cồng đến mức không sao động dây được cặp môi. Cả tay cũng vậy. Bên cạnh là cây thông lá nhọn mà vì nó suýt nữa Abutalip bị mất mạng.

- Các anh để người của các anh đi tàu xe thế này thì lạ thật! - anh nhân viên lẩm bẩm khó chịu. - Quần áo phong phanh lại ngồi húng

gió ở cuối toa. Tôi cũng muốn cho anh ta mượn cái áo tulúp, nhưng nếu thế thì tôi sẽ chết rét.

Vừa điều khiển được cặp môi, Abutalip vội xin lỗi:

- Xin lỗi anh nhé! Tôi sẽ sưởi ấm ngay bây giờ. Nhà tôi ở kề đây thôi.

- Tôi đã bảo anh ta, - anh nhân viên nói với Edigej - Tôi mặc áo tulúp, bên trong còn chiếc áo lông chồn, đi giày ấm, đội mũ bịt tai, vậy mà lúc tàu chạy, tôi còn rét thấu ruột thấu gan. Ai lại để anh ta đi như thế!

Edigej ngượng ngịu:

- Cảm ơn anh Trofim, được, để chúng tôi rút kinh nghiệm. Chúc anh lên đường may mắn!

Edigej dựng cây thông lên. Nó lạnh toát, cao ngang đầu người. Anh cảm thấy mùi rừng cây mùa đông tỏa ra từ đám lá nhọn. Tim khẽ nhói lên vì chợt nhớ đến những cánh rừng ngoài mặt trận. Ở đây loại thông lá kim này đầy rẫy, bị xe tăng húc đổ, bị đạn đại bác băm vằm. Lúc ấy ai ngờ có khi mùi thông lại trở nên đắt giá như bây giờ.

- Ta đi thôi - Edigej nói, nhìn Abutalip một cái và vác cây thông lên vai.

Trên khuôn mặt xám ngoách vì giá rét của Abutalip có những giọt nước mắt đóng băng bên má, từ dưới hai hàng lông mày trắng ánh lên đôi mắt vui sướng, sinh động, đặc thắng. Edigej

chợt lo sợ: liệu hai đứa con Abutalip có biết đánh giá đúng tấm lòng người cha hay không? Bởi trong cuộc sống, đầy rẫy những trường hợp trái khoáy. Lẽ ra phải biết ơn, thì con cái lại thờ ơ, thậm chí căm ghét. "Cầu trời đừng bắt anh ấy phải chịu cảnh đó. Anh ấy đã gặp đủ thứ đau khổ rồi" - Edigej nghĩ thầm.

Người trông thấy cây thông trước tiên ở nhà Abutalip là thằng con đầu lòng của anh, thằng Daul. Nó reo lên vui sướng và chui tọt vào nhà. Từ bên trong, Zaripa và Ermek, quần áo phong phanh, chạy bổ ra.

- Ô thông, thông! Xem kia, thông đẹp chưa kìa! - Daul mừng rỡ, cứ nhảy cẫng lên ở xung quanh.

Zaripa cũng vui mừng không kém.

- Thế mà anh vẫn kiếm được cây thông! Tuyệt quá.

Còn bé Ermek thì ra chưa từng thấy cây thông bao giờ. Nó cứ nhìn trân trân cái vật dài dài ở trên vai chú Edigej.

- Mẹ ơi, cây thông đấy à? Nó tốt lắm hả mẹ? Nó sẽ sống ở nhà ta chứ?

- Chị Zaripa ơi - Edigej nói - vì cây thông còn con này, theo cách nói của người Nga, mà chồng chị có thể bị chết cồng đấy. Ta hãy mau chóng đưa anh ấy vào nhà sưởi ấm đi. Trước tiên phải tháo ủng ra ngay.

Đôi ủng cứng quèo. Abutalip nhăn mặt, nghiêng rặng, rên rĩ, khi mọi người hợp lực kéo ủng ra khỏi chân anh. Hai đứa bé cố gắng đặc biệt. Bàn tay nhỏ nhắn của chúng cứ bám núu lúc chỗ này, lúc chỗ khác trên đôi ủng bằng da bò nặng chịch bị giá lạnh đóng cứng như đá theo khuôn chân.

- Các con lặng yên để mẹ tự tháo ủng cho bố nào! - Zaripa gạt chúng ra.

- Đứng. Cứ để các cháu tham gia, chị Zaripa ạ.

Anh hiểu một cách thâm thía, rằng đối với Abutalip đấy sẽ là sự đền đáp cao nhất, là tình thương yêu và sự đồng cảm của các con. Chúng làm như vậy tức là chúng đã thành người, tức là chúng đã biết nghĩ. Trông bé Ermek càng thấy cảm động và buồn cười. Không rõ tại sao bé lại gọi bố là "bá ba". Và không ai sửa cho bé, bởi vì đó là cách biến đổi độc đáo của bé đối với một trong những từ ngữ đầu tiên và vĩnh cửu nơi cửa miệng mọi người.

- Bá ba! Bá ba! - bé Ermek cứ loay hoay cuống quít, đỏ cả mặt vì những nỗ lực vô ích. Mái tóc xoăn của bé xoa ra, cặp mắt long lanh ý muốn làm một việc cực kỳ cần thiết, trông dáng dấp bé nghiêm trang đến nỗi bất giác ta muốn phì cười.

Dĩ nhiên, nên làm sao cho hai đứa trẻ đạt được mục đích của chúng. Edigej nghĩ ra được một cách. Đôi ủng lúc này đã bắt đầu mềm lại

có thể kéo ra mà không làm cho Abutalip quá đau.

- Nào các cháu, hãy ngồi phía sau chú cơ. Ta sẽ như một đoàn tàu, toa này kéo toa kia. Daul, ôm lấy chú đi; còn cháu, Ermek, hãy ôm lấy anh Daul.

Abutalip hiểu ý đồ của Edigej nên gật đầu ủng hộ, anh mỉm cười qua những giọt nước mắt vừa chảy vì gặp hơi nóng.

Edigej ngồi trước mặt Abutalip, hai đứa bé bám đằng sau, và khi đã chuẩn bị xong. Edigej bắt đầu kéo ủng.

- Nào các cháu, kéo mạnh nữa đi, dô ta nào! Chứ một mình chú thì đành chịu. Không đủ sức. Nào Daul, Ermek! Dô ta nào!

Hai đứa bé hì hà hì hục phía sau, cố giúp đỡ Zaripa đứng cổ vũ. Edigej giả vờ khó khăn, cuối cùng khi chiếc ủng thứ nhất đã được tháo ra, hai đứa trẻ reo hò sung sướng. Zaripa vội dùng một mảnh vải len xát xát bàn chân cho chồng, nhưng Edigej ngăn lại:

- Nào các cháu, nào chị Zaripa! Ơ hay, các vị làm gì thế? Ai sẽ tháo chiếc ủng thứ hai đây? Hay là chúng ta cứ để một chân ông bố bị giam trong chiếc ủng cứng. Như thế thoải mái hơn chăng?

Và tất cả cùng cười rộ. Họ cười hồi lâu, cười lăn cười bò. Đặc biệt hai đứa bé và Abutalip.

Sau này Edigej-Bảo Tuyết thường nghĩ về điều đó, nhiều lần cố giải đoán câu đố đáng sợ: ai, ai biết, ai ngờ được rằng có lẽ chính vào giây phút ấy, ở một nơi nào đó rất xa Boranly-Bảo Tuyết, họ tên của Abutalip lại nổi lên trong các thứ giấy tờ hồ sơ, và những người nhận các thứ giấy tờ hồ sơ ấy đã dựa vào đó để quyết định một vấn đề mà không ai ở gia đình này cũng như ở ga xép này ngờ tới.

Tai họa ập đến bất ngờ như tuyết ụp xuống đầu. Tuy rằng, dĩ nhiên, nếu Edigej có kinh nghiệm hơn một chút về những vụ như thế, nếu anh khôn ngoan hơn một chút chẳng hạn, thì dù không đoán trước, cũng có thể lơ mờ nhận ra hoặc thấy lo lo trong lòng.

Thử hỏi có gì đáng lo đâu kia chứ? Bao giờ gần cuối năm cũng có cán bộ thanh tra khu vực về ga này. Theo lịch, cán bộ thanh tra cứ lần lượt đi từ ga này sang ga khác, ở lại mỗi ga một, hai ngày, kiểm tra việc trả lương, việc chi phí vật tư và các khoản chi tiêu khác, lập biên bản kiểm tra cùng với trưởng ga hoặc cùng với một công nhân nào đó, rồi đáp tàu đi luôn. Ở một ga xép đâu có nhiều vụ việc gì cho cam! Không phải một lần Edigej đã ký tên vào các biên bản ấy. Lần này, viên thanh tra sống ba ngày ở Boranly-Bảo Tuyết. Lão ta ngủ ở phòng trực nằm trong ngôi nhà chính của ga, nơi bố trí thiết bị thông tin liên lạc và một căn phòng

nhỏ của trưởng ga gọi là phòng làm việc. Trưởng ga Abilov chạy lằng xằng bung ấm trà sang mời viên thanh tra. Edigej cũng có ngó vào chỗ lão ta. Lão ta ngồi hút thuốc lá, cúi đầu xuống đám giấy tờ. Edigej tưởng đấy là tay cán bộ thanh tra mọi năm vẫn về đây, nhưng không phải. Lão này trông lạ lắm, má đỏ, răng thưa, tóc bạc, đeo kính. Ánh mắt lão ta cười cười rất không bình thường.

Tối hôm ấy anh gặp lão ta khi anh đi làm về. Anh thấy lão đang đi đi lại lại dưới cột đèn, cạnh phòng trực. Lão ta mặc áo thụng, kéo cao cổ áo, đeo kính, trầm ngâm hút thuốc, đôi ủng giẫm lên cát lao xao.

- Chào ông. Làm việc căng quá, ông ra ngoài trời hút thuốc giải lao đây à? - Edigej hỏi giọng thông cảm.

- Ừ, dĩ nhiên - lão ta nhếch mép cười - Căng thật - Và lão ta lại nhếch mép, nửa như cười.

- Dĩ nhiên là căng - Edigej nói cho có chuyện.

- Sáng mai tôi đi - viên thanh tra dặn. - Nếu thấy chuyến tàu số 17, anh hãy báo hiệu cho nó dừng lại một chút để tôi lên tàu. - Lão ta lại nhếch mép cười. Giọng lão ta khàn khàn, thậm chí có vẻ thiếu não. Nhưng cặp mắt nheo nheo, nhìn xoáy vào mặt người khác. - Anh là Edigej Zhangeldin thì phải? - Lão ta hỏi.

- Chính tôi.

- Tôi đoán thế - Viên thanh tra tự tin thở
khỏi thuốc qua hàm răng thưa - Anh đã chiến
đấu ngoài mặt trận. Đến ga này từ năm bốn
mươi tư. Công nhân làm đường gọi anh là Bảo
Tuyết.

- Đúng thế - Edigej thật thà đáp. Anh thú
vị khi thấy lão ta biết nhiều đến thế về anh
nhưng đồng thời cũng ngạc nhiên, không hiểu
lão ta tìm hiểu và ghi nhớ những điều đó bằng
cách nào và để làm gì.

- Tôi nhớ rất giỏi, - viên thanh tra cười cười,
nói như đoán biết ý nghĩ của Edigej - Bởi vì tôi
cũng viết lách như Abutalip bạn anh - lão ta
hắt hàm, thổi một luồng khói thuốc về phía cửa
sổ sáng ánh đèn, nơi mái đầu Abutalip đang cúi
cúi xuống quyển vở ghi chép như mọi tối - Hôm
nay là ngày thứ ba tôi quan sát, hôm nào anh
ta cũng cầm cúi viết. Tôi hiểu. Chính tôi cũng
là dân viết mà. Có điều là tôi làm thơ. Hầu như
hàng tháng tôi đều có bài đăng trên báo của
đoạn đầu máy. Ở đoạn đầu máy có nhóm sáng
tác do tôi lãnh đạo. Tôi đăng thơ cả trên báo
của tỉnh nữa - một bài vào dịp mừng tám tháng
ba, một bài vào dịp mừng một tháng năm vừa
qua.

Hai người im lặng. Edigej đã định cáo từ,
nhưng viên thanh tra lại hỏi:

- Anh ta viết về Nam Tư à?

- Thật tình là tôi chả biết gì - Edigej trả lời - Hình như vậy. Tại vì anh ấy đánh du kích bên ấy mấy năm cơ mà. Anh ấy viết cho con anh ấy đọc.

- Tôi có hỏi kỹ Abilov và biết như thế. Thì ra anh ta đã từng bị bọn Đức bắt làm tù binh. Hình như cũng có làm giáo viên một số năm. Còn bây giờ anh ta quyết định thử tài múa bút, - lão ta cười ề ề - Nhưng việc đó không đơn giản như thoát tưởng. Tôi cũng đang thai nghén một tác phẩm. Tiền tuyến, hậu phương, lao động, đủ cả. Chỉ tội hoàn toàn không có thời gian ngồi viết. Cứ đi công tác liên miên.

- Anh ấy chỉ viết vào ban đêm thôi. Còn ban ngày phải đi làm - Edigej xen vào.

Hai người im lặng. Và Edigej lại không kịp cáo lui.

- Anh ta cứ cầm cúi, cầm cúi viết cầm thấy ngẩng lên - viên thanh tra vẫn cười nửa miệng và nhìn hình bóng Abutalip bên cửa sổ.

- Thì cũng nên làm một việc gì chứ - Edigej trả lời nhận xét của lão ta - Anh ấy có trình độ văn hóa. Quanh đây lại chẳng có ai và chẳng có cái gì. Nên anh ấy mới viết.

- A ha, cũng là một ý hay. Quanh đây chẳng có ai và chẳng có cái gì, viên thanh tra nheo nheo mắt, mừng tượng một điều gì đó, miệng lẩm bẩm - Anh tha hồ tự do, vì xung quanh

chẳng có ai, chẳng có cái gì, cũng là một ý hay...
Anh tha hồ tự do...

Đến đây họ chia tay nhau. Những ngày sau, thỉnh thoảng Edigej chợt nhớ phải kể cho Abutalip biết câu chuyện tình cờ nọ giữa anh với viên thanh tra, nhưng rồi anh lại quên biến đi mất.

Sắp sang mùa đông, công việc rất nhiều. Và cái chính là con Karanar giờ chúng ghê gớm, làm tình làm tội chủ nó đến khổ! Nó bắt đầu động hớn từ hai năm trước. Nhưng bấy giờ ham muốn của nó chưa bộc lộ mãnh liệt như bây giờ, còn có thể vỗ về, dọa nạt, quát tháo nó. Hơn nữa, con đực chủ chốt trong đàn lạc đà ở Boranly - con lạc đà lâu năm của Kazangap - cũng không cho phép con Karanar làm mưa làm gió. Con kia cứ đá, cứ húc, đuổi Karanar khỏi những con cái. Nhưng thảo nguyên rộng lớn. Đuổi đầu này, Karanar mò đến từ đầu khác. Con già kia suốt ngày cứ phải lo xua đuổi Karanar đến kiệt cả sức. Bấy giờ con Karanar vừa trẻ vừa hăng rất cuộc cũng đạt được mục đích của nó.

Nhưng năm nay, khi cái lạnh mùa đông tràn đến, khi tiếng gọi muôn thú của tự nhiên lại thức tỉnh trong máu lạc đà thì con Karanar đã trở thành chúa tể trong bầy lạc đà ở Boranly. Sức lực của nó đã đạt tới mức dồi dào tràn trề, cực độ. Nó dễ dàng dồn con đực của Kazangap xuống một cái khe vắng và húc, đá, giày xéo con kia gần chết - chẳng có ai ở đó mà ngăn xua

chúng. Trong cái quy luật khắc nghiệt ấy, thiên nhiên tỏ ra trước sao sau vậy - bây giờ đến lượt Karanar lưu lại nòi giống cho mình.

Tuy nhiên, vụ ấy đã khiến Kazangap và Edigej lần đầu tiên cãi lộn nhau. Kazangap không chịu nổi cảnh tượng thảm thương - con lạc đà giống của bác bị giày xéo nằm thoi thóp dưới khe. Từ ngoài thảo nguyên trở về, mặt hầm hầm, bác bảo Edigej:

- Tại sao chú lại để cho nó làm như thế hả? Chúng nó là súc vật, nhưng tôi và chú là người kia mà! con Karanar nhà chú có thể giết chết tươi con lạc đà khác. Vậy mà chú lại thả cho nó chạy rong.

- Tôi có thả nó đâu hở bác? Nó tự chạy rong đấy. Bác bảo tôi phải giữ nó bằng cách nào? Bằng dây xích chăng? Thì nó giật tung cả dây xích. Chẳng phải tự nhiên người đời có câu "Sức mạnh không thừa nhận cha nó". Đã đến thời con Karanar rồi.

- Chú lấy thế làm mừng lắm hả. Cứ đợi đấy, rồi còn được mừng. Chú thương, không đóng ngàm vào môi nó, thì chú sẽ phải khóc vì đuổi theo nó đấy. Con vật hung hăng như nó thì cả một đàn cũng chưa thỏa đâu. Nó sẽ đi lùng con cái khắp vùng Sarozek này cho mà coi. Sẽ không có gì ngăn nổi nó. Lúc ấy chú sẽ nhớ đến lời tôi.

Edigej không dám cãi thêm, anh kính trọng Kazangap, và lại nhìn chung bao giờ bác ấy cũng đúng. Anh chỉ áp ứng đầu diu:

- Chính bác đã tặng tôi hồi nó bé tí, bây giờ bác lại mắng tôi. Thôi được, để tôi nghĩ cách trị nó, không cho nó lộng hành nữa.

Nhưng trị một con lạc đà đẹp như con Karanar, nghĩa là dùng một thanh gỗ xỏ qua môi trên của nó, xuyên lên mũi, thành một cái ngàm - thì ai nỡ kia chứ. Và không biết bao lần sau đó quả thật Edigej phải nhớ đến lời Kazangap, cũng bấy nhiêu lần anh diện đầu lên vì nó, thề rằng sẽ quyết trị nó, nhưng rốt cuộc lại thôi. Một bữa anh đã tính thiến nó đi, song lại không dám, không nỡ lòng. Năm tháng cứ trôi đi, mỗi độ mùa đông tới, lại bắt đầu cái cảnh khổ sở vì phải lùng kiếm con Karanar động hơn đến phát cuồng...

Mọi chuyện bắt đầu từ mùa đông đáng nhớ năm ấy. Và trong lúc Edigej tìm cách ngăn trở con Karanar, sửa chuồng chắc chắn để nhốt nó, thì Tết năm mới đã tới. Vừa gặp lúc vợ chồng Abutalip có sáng kiến tổ chức cây thông. Đối với toàn bộ trẻ em ở Boranly, đó là một sự kiện lớn. Ba mẹ con Ukubala đúng là chuyển hẳn sang bên nhà vợ chồng Abutalip. Suốt ngày họ lo chuẩn bị và trang hoàng cho cây thông. Khi đi làm và khi đi làm về, việc đầu tiên của Edigej cũng là ghé vào xem cây thông bên nhà vợ chồng

Abutalip đến đâu rồi. Trông nó mỗi lúc một đẹp hơn, với đủ thứ bằng giấy và đồ chơi tự tạo. Ở đây phải kể đến công lao của Zaripa và Ukubala - hai chị đã cố gắng trở hết tài khéo tay để phục vụ bọn trẻ. Và có lẽ cái chính không phải chuyện cây thông, mà là những hi vọng vào năm mới, là không khí háo hức chờ đợi những thay đổi mau chóng và tốt đẹp nào đó của hết thảy mọi người.

Abutalip chưa bằng lòng ở đây, anh kéo bọn trẻ ra sân và bắt đầu hợp sức đắp một bà già bằng tuyết. Thoạt tiên Edigej tưởng rằng chú cháu họ chỉ bày trò đùa vui với nhau, nhưng sau đó anh phải thán phục sáng kiến ấy. Bà già tuyết cao to như người thật, trông quái dị đến tức cười, với cặp mắt và lông mày đen làm bằng than, cái mũi đỏ và miệng cười toé toét, đầu đội chiếc mũ lông cáo cũ rách của bác Kazangap, đứng ngay trước cửa ga chào đón các đoàn tàu. Một tay bà già tuyết cầm lá cờ xanh của ngành đường sắt - tín hiệu thông đường, - tay kia cầm tấm biển đề: "Chúc mừng năm mới, 1953!" Trông thật là đạt! Bà già tuyết ấy còn đứng trong mấy ngày đầu tháng giêng...

Ngày 31 tháng mười hai năm 1952, suốt từ trưa đến tối, trẻ em Boranly chơi đùa quanh cây thông và ở ngoài sân. Những người lớn không bận trực cũng có mặt tại đó. Buổi sáng, Abutalip kể với Edigej, rằng từ sớm, hai đứa con trai anh

bò sang giường bố, lồm cồm ở bên cạnh anh, còn anh cứ giả bộ ngủ say.

"Dậy thôi, dậy thôi, bá ba ơi!" - Ermek lay lay anh - Ông già Tuyết sắp đến rồi. Ra đón thôi.

- Ừ - tôi đáp. - Bây giờ cha con mình dậy, đánh răng rửa mặt rồi ra đón. Ông già Tuyết đã hứa đến mà.

- Đến bằng chuyến tàu nào ạ? - Thăng lớn hỏi.

- Chuyến nào cũng được - tôi nói - ngay ở ga mình, bất cứ chuyến nào chở ông già Tuyết cũng đều sẽ dừng lại.

- Thế thì phải dậy nhanh nhanh lên!

Vâng, nghĩa là cha con tôi chuẩn bị tử tế đâu ra đó.

- Mẹ thì sao ạ? - Daul hỏi - Mẹ cũng muốn gặp ông già Tuyết chứ bố?

- Dĩ nhiên - tôi đáp - Các con gọi mẹ đi.

Cả nhà chuẩn bị xong xuôi và cùng nhau ra khỏi nhà. Hai đứa trẻ chạy trước về phía phòng trực. Vợ chồng tôi theo sau. Các cháu ngó quanh mãi vẫn chẳng thấy ông già Tuyết đâu.

- "Bá-ba" ơi, ông ta đâu?

Đôi mắt thằng Ermek, anh biết đấy, cứ chớp chớp, chớp chớp.

- Các con đừng sốt ruột - tôi nói - Để bố vào hỏi bác thường trực.

Tôi bước vào phòng. Chiều qua tôi đã giấu ở đó bức thư của ông già Tuyết và một túi quà. Lúc tôi bước ra, hai cháu hỏi:

- Thế nào hở bố?

- Đây - tôi nói - thì ra ông già Tuyết đã gửi lại cho các con lá thư này. Nó đây: "Hai cháu Daul và Ermek yêu quý của ông! Ông tới ga Boranly-Bảo Tuyết lòng danh của hai cháu từ sáng sớm, lúc năm giờ. Lúc ấy các cháu còn ngủ, trời rất lạnh. Vả người ông vẫn lạnh toát, râu ông tết bằng các sợi tuyết mà. Tàu chỉ đỗ lại ở ga có hai phút. Ông chỉ kịp viết mấy dòng và gửi quà lại. Trong túi quà này, ông tặng cho tất cả các cháu ở Boranly mỗi cháu một quả táo và hai hạt dẻ. Các cháu đừng giận nhé, ông còn bận nhiều việc lắm. Ông đi gặp các cháu khác đây. Các cháu ấy cũng đang mong ông. Còn các cháu thì để tết sang năm ông sẽ cố đến vào giờ nào đó, sao cho ông cháu ta được gặp nhau. Bây giờ tạm biệt. Ông già Tuyết của các cháu". Hượm đã, hượm đã, ở đây còn một mảnh giấy nữa. Chữ viết vội vã, rất khó đọc. Chắc lúc ấy tàu đã chuyển bánh. Xong, bố đọc được rồi. "Cháu Daul, cháu đừng đánh con chó nhỏ của cháu nhé. Có lần ông nghe tiếng nó kêu ăng ẳng lúc bị cháu đá vào sườn nó. Nhưng sau đó ông không nghe thấy lần nào nữa. Chắc cháu đã thương nó

hơn. Thế thôi. Tạm biệt". Huộm, huộm đã. Hãy còn. À, bố hiểu rồi: "Tái bút. Bà già Tuyết ở chỗ các cháu rất đạt. Cừ lắm. Ông đã bắt tay chào bà ấy".

Ồ, dĩ nhiên hai đứa mừng lắm. Bức thư của ông già Tuyết đã thuyết phục các cháu ngay lập tức. Không còn giận dỗi gì nữa. Hai đứa liền tranh cãi xem ai được xách túi quà. Mẹ các cháu góp ý:

- Mười bước đầu Daul sẽ xách, vì là anh. Sau đó, Ermek là em sẽ xách tiếp mười bước..."

Edigej cười vui: "Ở địa vị các cháu, chắc tôi cũng tin chứ nói gì trẻ con..."

Nhưng buổi trưa thì chú Edigej là nhân vật nổi tiếng nhất đối với bọn trẻ. Anh tổ chức cho chúng đi xe trượt tuyết. Nhà Kazangap có một cỗ xe trượt tuyết xếp xó từ lâu. Họ thắng con lạc đà của Kazangap vào xe, một con lạc đà đã đầm tính và có dây cương tử tế. Còn con Karanar dĩ nhiên không được tin nhiệm dùng vào việc này. Cả đám leo lên xe. Ổn ào đến là vui. Edigej cầm cương, đóng vai xà ích. Bọn trẻ đeo lấy anh, đứa nào cũng muốn ngồi bên cạnh. Đứa nào cũng luôn miệng: "Phóng nhanh lên! Phóng lẹ lên, chú Edigej!". Vợ chồng Abutalip lúc đi bộ, lúc chạy bên xe, gặp đoạn xuống dốc thì ngồi ghé vào mép xe. Họ đi cách ga chừng hai cây số, tới một

ngọn gò thì quanh trở lại. Con lạc đà đã thở hổn hển. Cần cho nó nghỉ một chút.

Ngày hôm nay thật đẹp. Cả một không gian yên tĩnh màu trắng tinh khiết trùm lên khắp miền thảo nguyên Sarozek mênh mông suốt tận những nơi nằm trong tầm mắt và tầm nghe. Bốn phía trải rộng cảnh thảo nguyên bí ẩn, nhấp nhô gò đồng, dưới bầu trời hừng sáng đang ấm lên một chút vào ban trưa. Làn gió nhẹ khẽ vi vu bên tai. Trên con đường sắt phía trước có một đoàn tàu dài màu đất đỏ, do hai đầu máy màu đen đầu liền vào nhau, cùng kéo; vừa kéo vừa thở ra hai ống khói. Khói lơ lửng tan rất chậm trong không khí, trông như các vòng tròn đang trôi. Gần tới cột tín hiệu, chiếc đầu máy chạy trước phát một hồi còi dài và to. Nó lặp lại hai lần để báo tin về nó. Đây là chuyến tàu suốt, chạy băng băng qua ga, không hề giảm tốc độ, lao vun vút qua hai cột tín hiệu và qua mấy ngôi nhà bé nhỏ nằm náu mình ngay cạnh đường, mặc dù đất đai xung quanh rộng mênh mông. Rồi tất cả trở lại yên tĩnh, vắng lặng không còn sự vận động nào. Chỉ thấy trên các mái nhà phía ga lơ lửng làn khói bếp màu xám. Ai nấy im lặng. Lúc này ngay bọn trẻ thích thú vì chuyến đi cũng lắng dịu. Zaripa buột miệng thì thầm chỉ đủ để chồng nghe thấy:

- Ôi, đẹp và đáng sợ quá!

- Em nói đúng - Abutalip trả lời cũng khe khẽ.

Edigej liếc nhìn vợ chồng họ. Họ đứng đó, trông rất giống nhau. Câu nói tuy nhỏ, nhưng nghe rõ của Zaripa, khiến Edigej buồn, mặc dù đây không phải là điều người ta nói với anh. Anh chợt hiểu Zaripa đang nhìn mấy ngôi nhà nhỏ có khói chòn vòn đằng xa với cảm giác buồn bã và sợ hãi như thế nào. Nhưng Edigej không có cách nào giúp vợ chồng họ, bởi lẽ cái xóm nhỏ nép mình bên đường sắt kia là nơi nương thân duy nhất đối với tất cả mọi người ở đây.

Edigej vút vút rồi giục con lạc đà. Và chiếc xe bắt đầu chạy trở lại ga.

Tối giao thừa, tất cả mọi người ở Boranly đều tập trung ở nhà Edigej - vợ chồng anh đã quyết định như thế từ mấy ngày trước.

- Nếu vợ chồng Abutalip mới đến còn tổ chức cây thông cho tất cả bọn trẻ, thì như thế tức là trời bảo nhà mình nên mời khách tối; vợ chồng mình sẽ chẳng keo kiệt.

Edigej rất mừng trước gợi ý đó. Tuy không phải tất cả mọi người đều có mặt, vì có người phải trực ngoài đường tàu, hoặc trong ga. Các chuyến tàu vẫn chạy, bất kể ngày tết hay ngày thường. Kazangap chỉ có thể dự phần đầu. Chín giờ tối bác đã phải ra chỗ bẻ ghi, ngay Edigej sáu giờ sáng mừng một Tết cũng phải trực rồi.

Ai nấy háo hức, vui vẻ, tuy họ vẫn gặp nhau hàng chục lần trong một ngày; song tối nay, ai cũng ăn diện như thể mình là khách từ phương xa tới. Ukubala chuẩn bị đủ mọi món. Khoản rượu cũng phong phú, đủ cả vốt ca, sâm banh. Ai muốn uống sữa lạc đà mùa đông cũng có; bà Bukej - vợ bác Kazangap - hay lam hay làm, giữa mùa đông vẫn vắt được sữa lạc đà như thường.

Nhưng ngày Tết chỉ là ngày hội thật sự, khi sau vài ly rượu và món nhắm đầu tiên, người ta bắt đầu hát. Đã tới lúc chủ nhà đỡ bận rộn làm món ăn, khách khứa thì bớt mất tự nhiên, có thể thông thả thưởng thức niềm vui hiếm hoi là được trò chuyện thân mật với những người ta gặp hàng ngày và biết rất rõ, nhưng vẫn tìm thấy ở họ cái mới. Bởi vì ngày hội có đặc điểm là làm thay đổi hẳn mọi người. Cũng không ít trường hợp làm thay đổi theo chiều hướng xấu. Nhưng không phải là ở đây, trong số cư dân Boranly. Sống giữa miền Sarozek nào ai dám sinh sự với mọi người... Edigej ngà ngà say. Nhưng trạng thái ấy lại rất hợp với anh. Ukubala nhắc khéo chồng:

- Đừng quên là sáu giờ sáng mai anh đã phải đi làm đấy nhé.

- Rõ, anh hiểu mà - Edigej đáp.

Edigej ngồi bên cạnh, quàng tay qua vai vợ, cất giọng hát, đôi khi không đúng nhịp, nhưng anh hát rất khỏe, thành thử tạo nên không khí rất vui. Anh đang ở trong một trạng thái tinh thần thoải mái, lý trí sáng suốt kết hợp hài hòa với tình cảm sôi nổi. Vừa hát anh vừa đắm đuối nhìn vào mặt từng người, tặng họ nụ cười tươi tắn chân thành và tin rằng ai cũng đang thoải mái như anh. Đạo ấy anh điển trai lắm - anh chàng Edigej-Bảo Tuyết lông mày đen, ria đen, với cặp mắt màu hạt dẻ sáng và hàm răng trắng đều tăm tắp. Dù có óc tưởng tượng phong phú cũng khó mà hình dung anh sẽ ra sao khi về già. Anh đủ khả năng quan tâm đến hết thấy mọi người. Anh vỗ vỗ vai bà Bukej đầy đà, tốt bụng, gọi bà là bà mẹ của ga Boranly, anh đề nghị cạ chén chúc mừng bà và, qua bà, chúc mừng toàn thể bộ tộc Karakalpak đang sinh sống dẫu đó ven bờ sông Amudaria. Anh khuyên bà đừng buồn lòng về chuyện bác Kazangap phải rời bàn tiệc đi trực.

- Tôi chán ông ấy đến mang tai rồi! - Bukej vui vẻ đáp lại.

Tối hôm ấy, Edigej gọi vợ không phải bằng cái tên gọi tắt "Uku", mà bằng cách diễn giải đầy đủ Ukubasy, nghĩa là nàng cú con. Anh tìm được những từ thân ái, hiền hậu để nói với từng người khách. Ở đây anh coi tất cả mọi người như anh chị em ruột thịt, kể cả trưởng ga Abilov

vốn buồn phiền vì cương vị một cán bộ đường sắt thấp kém ở vùng Sarozek, cả cô vợ mang bầu, có nước da xanh xao của anh ta tên là Saken - chị ta sắp phải đi sanh tại nhà hộ sinh ở Kumbel. Edigej thực bụng tin rằng tất cả mọi sự sẽ diễn ra đúng như vậy, rằng xung quanh anh toàn những người thân thiết, và làm sao có thể khác được kia chứ! Giữa lúc hát, chỉ cần lim dim mắt trong chốc lát cũng có thể hình dung ngay vùng thảo nguyên Sarozek mênh mông, hoang vu, phủ đầy tuyết trắng và một nhúm người tụ tập ở nhà anh như trong một gia đình. Nhưng anh mừng hơn cả cho vợ chồng Abutalip. Họ đáng được như thế. Zaripa vừa hát vừa gảy đàn măng-dô-lin, chị chuyển rất nhanh từ làn điệu này sang làn điệu khác. Giọng chị trong và cao. Abutalip hát giọng bụng thật trầm. Giọng hai vợ chồng hòa hợp với nhau đầy tình cảm, nhất là theo làn điệu Tatar, họ hát theo kiểu đối đáp, gọi là kiểu ahna-ksalmak. Mọi người hát đệm theo họ. Họ đã hát không biết một bao nhiêu bài cũ bài mới, càng hát càng hăng say hơn. Nghĩa là khách khứa rất thoải mái. Edigej ngồi đối diện với vợ chồng Abutalip, cứ dăm dăm nhìn họ với tâm trạng xúc động - họ phải luôn luôn như thế này - ví thử không gặp cái số phận cay đắng, cái số phận chẳng để cho họ được sống yên lành. Dạo mùa hè khủng khiếp vừa rồi, trông Zaripa cứ khô héo như một cái cây bị hỏa hoạn

đốt cháy sém, mái tóc chị đỏ quạch, đôi môi nứt nẻ rớm máu và đen sạm; nhưng bây giờ chị đã khác hẳn tới mức khó nhận ra. Với cặp mắt đen long lanh, khuôn mặt cởi mở, tròn trặn kiểu châu Á, trông chị hôm nay thật xinh đẹp. Hai hàng lông mày gọn gàng, luôn xê dịch, bộc lộ rất rõ tâm trạng của chị: nó cùng hát với chị, khi nhún lên, lúc nhú lại, khi giãn rộng như muốn bay theo tiếng hát trầm bổng. Với một cảm xúc đặc biệt nhấn mạnh ý từng lời, Abutalip lặp lại câu hát của vợ, người anh dong đa dong đưa:

*Dấu ấn mối tình đã qua
Hằn in mãi trong ký ức
Như vết đai bên hông ngựa...*

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Các ngón tay của Zaripa thoăn thoắt gảy đàn, bắt tiếng nhạc phải réo rắt và rên rỉ trong nhóm người đang quây quần giữa buổi tối giao thừa. Zaripa bơi trong tiếng hát, và Edigej tưởng chừng chị ở đâu đó xa xa, chị chạy, chị thở nhẹ nhàng, trên mặt tuyết thảo nguyên, mình mặc chiếc áo len đan màu tím, cổ áo màu trắng, với cây đàn măng-đô-lin réo rắt, và bóng tối giãn ra xung quanh. Chị xa dần, rồi mất hút trong sương mù, chỉ còn nghe văng vẳng tiếng đàn, nhưng vì nhớ rằng ở ga Boranly mọi người sẽ khổ sở nếu thiếu chị, cho nên chị bèn quay trở lại và ngồi hát bên bàn...

Sau đó, Abutalip giới thiệu cách nhảy múa ở đội du kích Nam Tư: người ta đặt tay lên vai nhau và đưa chân qua lại theo nhịp như thế nào. Zaripa gảy đàn, còn Abutalip cất giọng hát một bài hát vui của miền Serbi, thế là mọi người xếp thành vòng tròn, đặt tay lên vai nhau và vừa nhảy vừa hò: "Ôplia, Ôplia".

Sau đó họ còn hát và cùng ly chúc mừng năm mới. Có người ra về, có người mới đến... Hai vợ chồng Abilov xin rút lui từ trước lúc nhảy múa. Đã quá giao thừa khá lâu.

Zaripa bước ra ngoài sân thở không khí trong lành. Abutalip theo sau. Ukubala bắt tất cả mọi người phải mặc áo ấm để khỏi bị cảm lạnh. Vợ chồng Abutalip khá lâu chưa thấy trở vào nhà. Edigej quyết định đi tìm họ, vì thiếu họ thì mất cả vui. Ukubala gọi với theo chồng:

- Mặc áo khoác vào, anh Edigej, ai lại phong phanh như thế mà ra ngoài trời!

- Anh vào ngay thôi! - Edigej bước qua ngưỡng cửa. Ngoài trời sáng sủa và rất lạnh. Anh nhìn quanh và gọi: - Abutalip, Zaripa!

Không ai trả lời. Sau nhà có tiếng người. Edigej lưỡng lự dừng lại, không biết nên bước lui hay tiến về phía đó, bảo vợ chồng họ vào nhà. Hình như có chuyện gì xảy ra giữa vợ chồng họ.

- Em không muốn để anh nhìn thấy - Zaripa sụt sịt. - Xin lỗi anh. Đây chẳng qua chỉ là do em buồn quá. Hãy tha lỗi cho em.

- Anh hiểu - Abutalip an ủi vợ - Anh hiểu. Nhưng vấn đề không phải tại anh, nếu anh chính là một người như thế này. Giá như điều đó chỉ liên quan tới một mình anh. Tiếc thay cuộc đời mỗi người dài ngắn khác nhau. Cũng có thể không nên tuyệt vọng bám lấy nó như vậy - Cả hai cùng im lặng. Sau đó Abutalip nói: - Các con chúng ta sẽ được giải thoát... Tất cả hi vọng là ở đây...

Chưa hiểu đầu đuôi câu chuyện thế nào, Edigej rón rén bước lui, vai so lại vì lạnh. Lúc anh bước vào nhà, anh có cảm tưởng rằng mọi thứ đều trở nên mơ nhạt và ngày Tết đã chấm dứt. Tết thì tết, chứ đã đến lúc chia tay ai về nhà này.

Ngày 5 tháng giêng năm 1953, hồi mười giờ sáng, có một chuyến tàu khách đỗ lại ở ga Boranly-Bảo Tuyết, mặc dù mọi con đường phía trước đều thông suốt và nó có thể lao qua vùn vụt như mọi khi. Chuyến tàu chỉ đỗ chừng một phút rưỡi. Nhưng rõ ràng khoảng thời gian ấy, cũng quá đủ. Ba người - cả ba đều đi ủng da màu đen đồng kiểu - từ trên bậc toa bước xuống ga, tiến thẳng tới phòng trực. Họ đi lặng lẽ và tự tin, không hề nhìn quanh, chỉ dùng chân giày lát cạnh bà già tuyết. Họ lặng thinh nhìn đồng

chữ chúc mừng năm mới trên mảnh ván, ngó chiếc mũ lông cổ lỗ sĩ - chiếc mũ quá tàng của bác Kazangap, chụp trên đầu bà già Tuyết. Rồi họ bước vào phòng trực.

Một lát sau, trưởng ga Abilov từ trong đó chạy vọt ra, suýt vấp phải bà già Tuyết. Anh ta vắng tục, vội đi tiếp gần như chạy, một điều chưa hề thấy ở anh ta. Khoảng mười phút sau anh ta đã trở lại, dẫn theo Abutalip Kuttybaev đang làm việc bị cấp tốc gọi về. Abutalip trông nhợt nhạt, một tay cầm mũ. Anh cùng Abilov bước vào phòng trực. Nhưng chỉ vài phút sau anh đã từ trong đó đi ra, có hai người đi ủng da mới đến kèm hai bên, và cả ba tiến về phía dãy lán có căn nhà của vợ chồng anh. Từ đấy chẳng mấy chốc họ đã quay trở lại, vẫn bị hai người nọ kèm hai bên, đem theo một số giấy tờ gì đó lấy ở nhà anh.

Sau đấy tất cả yên tĩnh hẳn. Không ai đi ra đi vào phòng trực nữa.

Edigej biết chuyện xảy ra qua Ukubala. Abilov sai chị chạy tới cây số thứ tư, nơi đang tiến hành việc sửa đường. Chị gọi riêng chồng ra một chỗ:

- Abutalip đang bị hỏi cung.

- Ai hỏi cung?

- Em không biết. Có mấy người mới đến.

Abilov bảo em nói với anh rằng nếu họ không

căn vặn, thì dùng khai rằng đêm Giao thừa đã cùng ngồi ăn uống với vợ chồng nhà Abutalip.

- Tại sao thế?

- Em không biết. Abilov nhờ em dẫn anh như vậy. Và bảo hai giờ chiều nay anh phải có mặt ở phòng trực. Người ta cũng muốn hỏi anh điều gì đấy về Abutalip.

- Hỏi điều gì?

- Làm sao em biết được. Abilov hốt hải chạy đến bảo như thế. Em liền chạy tới đây luôn.

Không dẫn thì hai giờ chiều Edigej cũng về nhà ăn bữa trưa. Dọc đường và lúc ở nhà, anh cố nghĩ xem có chuyện gì xảy ra, nhưng không sao hiểu nổi. Chẳng lẽ lại vì chuyện quá khứ, chuyện bị địch bắt làm tù binh? Thì người ta đã thẩm tra xong từ lâu rồi kia mà? Còn chuyện quái gì nữa? Lòng dạ anh bồn chồn. Anh chỉ húp hai muỗng súp rồi gạt chén sang một bên. Anh xem đồng hồ. Hai giờ thiếu năm phút. Bảo hai giờ đến thì đến. Anh bước ra khỏi nhà. Abilov đang đi đi lại lại trước cửa phòng trực, vẻ mặt rầu rĩ, bối rối, thảm hại.

- Có chuyện gì thế?

- Tai họa, tai họa, anh Edigej ạ - Abilov vừa nói vừa rụt rè ngó vào cửa phòng trực. Mối anh ta run run.

- Abutalip bị bắt rồi.

- Bị bắt vì tội gì?

- Người ta tìm thấy ở nhà anh ta những quyển vở ghi chép gì đó. Tối nào anh ta cũng ngồi viết mà. Ai chẳng biết chuyện ấy. Giờ thì hết viết.

- Anh ấy viết cho con anh ấy đấy chứ.

- Tôi không biết, viết cho ai không biết. Tôi chả biết gì hết. Anh vào đi, họ đang đợi anh đấy.

Trong căn phòng nhỏ của trưởng ga gọi là phòng làm việc, có một người trạc tuổi Edigej hoặc trẻ hơn đôi chút, khoảng ba mươi, đầu to, vạm vỡ, tóc húi cua, đang chờ anh. Cái mũi bự thối, hai cánh mũi to lắm tấm mồ hôi vì suy nghĩ căng thẳng y đang đọc cái gì đó. Y dùng khăn tay lau mũi, cái trán cao nhẵn lại. Sau đó, suốt thời gian hai người nói chuyện, chốc chốc y lại lau cái mũi cứ liên tục đổ mồ hôi. Y rút từ bao thuốc lá "Kazbek" đặt trên bàn ra một điếu thuốc dài, xoay xoay tròn, châm lửa, đoạn ngược cặp mắt hơi vàng vàng, trong như mắt cú vọ, nhìn Edigej đứng ngoài cửa, nói cộc lốc:

- Ngồi xuống.

Edigej ngồi xuống chiếc ghế đầu trước bàn.

- Đây, để khỏi có bất cứ sự nghi ngờ nào - gã nói và rút từ túi ngực chiếc áo kiten dân sự ra một tấm thẻ màu nâu gấp đôi nào đó, giở ra, đoạn gấp ngay lại, miệng lẩm bẩm nghe chẳng

rõ "Tanxykbaev" hay là "Tysykbaev" - bởi vậy Edigej không nhớ tên thật của gã là gì.

- Rõ chưa? - gã mắt cú vọ hỏi.

- Rõ - Edigej buộc phải trả lời.

- Nếu vậy thì ta bắt đầu vào việc. Nghe nói anh là bạn thân nhất của Abutalip thì phải?

- Có thể lắm, nếu phải thì sao?

- Có thể lắm - gã mắt cú vọ nhắc lại, rít thuốc lá và như muốn làm sáng tỏ điều vừa được nghe - Có thể lắm. Cứ coi như vậy. Rõ - Đột nhiên gã cười khẩy, cặp mắt trong như thủy tinh chợt ánh lên thích thú:

- Thế nào, anh bạn thân mến, ta viết chứ?

- Viết cái gì? - Edigej bối rối.

- Cái tôi muốn biết.

- Tôi chưa hiểu có chuyện gì.

- Vậy ư? Thì anh thử nghĩ xem!

- Tôi chưa hiểu chuyện gì hết.

- Thế Abutalip viết cái gì?

- Tôi không biết.

- Sao lại không biết? Mọi người đều biết, mà anh lại không biết à?

- Tôi biết rằng anh ấy có viết cái gì đó. Còn cụ thể viết cái gì thì làm sao tôi biết được. Việc gì đến tôi nào? Ai muốn viết gì thì viết, can gì đến ai?

- Sao lại không can gì đến ai? - gã mắt cú vọ kinh ngạc, hướng hai con ngươi nhọn như hai viên đạn về phía Edigej - Nghĩa là ai muốn viết gì thì viết hả? Abutalip đã thuyết phục anh như vậy hả?

- Anh ấy chả thuyết phục gì tôi.

Nhưng gã cú vọ không để ý đến câu trả lời của Edigej. Gã có vẻ tức giận:

- Đấy, tuyên truyền của địch tác hại thế đấy! Anh có nghĩ rằng sự thể sẽ ra sao, nếu anh quái nào cũng bắt đầu viết viết lách lách hay không? Anh cứ nghĩ sự thể sẽ ra sao không? Rồi sau đó bất cứ người nào cũng phun ra tất cả những gì họ nghĩ! Có đúng thế không nào? Vì sao anh có những tư tưởng xa la ấy? Không, anh bạn thân mến ơi, chúng tôi không cho phép đâu. Thứ phản cách mạng ấy không yên được đâu!

Edigej im lặng, đầu óc mù đi vì những lời lẽ dối vào tai anh. Và anh rất lấy làm lạ là xung quanh không có gì thay đổi. Tựa hồ chẳng có chuyện gì xảy ra. Qua cửa sổ, anh thấy chuyến tàu Taskent vút qua và anh tưởng tượng trong giây lát: trên các toa tàu, hành khách đang ngồi uống trà hoặc uống rượu, họ trò chuyện với nhau, và chẳng ai biết rằng lúc ấy, ở dưới ga Boranly-Bảo Tuyết, anh đang ngồi trước mặt cái gã mắt cú vọ chẳng hiểu từ đâu đột ngột mò tới đây. Anh

cảm thấy đau rất trong ngực, chỉ muốn nhảy vọt ra khỏi phòng trực, đuổi kịp chuyến tàu vừa chạy qua và nhảy lên đó, đi tới đâu cũng được, miễn sao thoát khỏi nơi này.

- Sao? Anh đã hiểu thực chất vấn đề chưa?

- gã mất cú vọ nói tiếp.

- Hiểu, hiểu - Edigej đáp - Có điều tôi muốn biết một việc. Đây là Abutalip muốn ghi lại hồi ký cho các con của anh ấy. Chẳng hạn tả lại những gì đã xảy ra với anh ấy và xảy ra như thế nào ở ngoài mặt trận, ở trại tù binh, ở đội du kích. Cái đó có gì là xấu?

- Viết cho các con! - gã kia kêu lên - Ai tin cơ chứ! Có ai viết hồi ký cho những đứa con mới ba tuổi ranh nào? Nghe cứ như chuyện cổ tích vậy! Kẻ thù khôn ngoan hành động gớm thế đấy! Lấn vào một vùng hoang vắng, nơi chẳng có ai và chẳng có gì ở xung quanh, khỏi bị ai theo dõi, để ngồi viết hồi ký.

- Ô, thì có người thích như vậy - Edigej phản đối - Chắc Abutalip muốn nói ý kiến riêng của mình, muốn có một cái gì đấy của mình, ghi lại ý nghĩ nào đó của mình để sau này hai đứa con anh ấy lớn lên sẽ đọc.

- Ý kiến riêng là cái quái gì! - gã mất cú vọ thở dài, lắc đầu trách cứ - Ý kiến riêng với chả ý nghĩ riêng là cái quái gì? Là quan điểm riêng chẳng? Là quan điểm đặc biệt chẳng? Không

được phép có cái thứ ý kiến riêng nào hết. Tất cả những gì viết ra giấy đều đã không còn là ý kiến riêng. Đã viết rồi thì không xóa đi được. Lại còn chuyện anh đếch nào cũng phát biểu ý kiến của mình nữa chứ! Sẽ rắc rối vô cùng. Xem đây, cái gọi là các "Cuốn vở du kích" của hấn ta, đây, cuốn này, nhan đề "Những ngày đêm ở Nam Tư", thế đó! - Gã ném xuống bàn ba cuốn vở dày, bìa bằng vải son. - Không ra thể thống gì hết! Vậy mà ở đây anh còn bênh vực bạn anh. Chúng tôi đã vạch mặt hấn!

- Anh ấy có tội gì?

Gã kia cứ quây trên ghế và lại đột nhiên cười khẩy với cảm giác thích thú tận hưởng nỗi đau khổ của người khác, cặp mắt cú vọ trong suốt của gã nhìn không hề chớp.

- Cái đó thì anh cho phép riêng chúng tôi được biết hấn mắc tội gì - Gã dần từng tiếng và say sưa với hiệu quả được tạo ra - Đây là việc của chúng tôi. Không phải với ai, tôi cũng báo cáo.

- Nếu thế thì thôi vậy, - Edigej lúng túng nói.

- Những hồi ức thù địch của hấn sẽ không xong đối với hấn đâu - gã mắt cú vọ nhận xét và cúi viết điều gì đó rất nhanh, miệng nói: Tôi tưởng anh thông minh, tưởng anh là người của

chúng ta. Một công nhân tiên tiến. Đã từng ở bộ đội. Anh sẽ giúp chúng tôi vạch mặt kẻ thù.

Edigej buồn bã nói nhỏ, nhưng rành rọt, bằng một giọng không để ai ngờ vực:

- Tôi sẽ không ký vào cái gì hết. Tôi nói trước như thế cho anh biết.

Gã kia quắc mắt nhìn anh:

- Chúng tôi cũng chả cần chữ ký của anh. Anh tưởng nếu anh không ký, thì vụ này sẽ yên chắc? Lầm rồi. Chúng tôi đủ tài liệu để quy tội cho hấn, dù không có chữ ký của anh.

Edigej im lặng, cảm thấy trống trải và bị miệt thị ghê gớm. Đồng thời dâng lên trong lòng anh, như sóng trên biển Aral, sự tức giận, sự phẫn uất trước những gì đang xảy ra. Anh bỗng muốn bóp chết gã mất cú vọ này như bóp chết một con chó điên, và anh biết rằng mình đủ sức làm việc đó. Anh đã từng tự tay bóp chết một tên phát xít có cái cổ gân guốc hơn thế nhiều. Không còn cách nào khác. Lúc ấy anh đã chạm trán bất ngờ với hấn dưới chiến hào, khi đơn vị anh đã đánh bật địch khỏi vị trí phòng ngự. Từ bên sườn, các anh tiếp cận, ném lựu đạn vào chiến hào, quét tiểu liên vào các ngõ ngách, và đã triển khai đội hình tiếp tục tiến lên phía trước, thì đột nhiên anh và hấn vấp phải nhau. Hấn đây là tên lính bắn súng máy ở phía trước công sự đã bị hết đạn. Bắt sống nó thì hơn. Ý

nghĩ ấy thoáng hiện trong óc Edigej. Nhưng hắn đã kịp vung dao trên đầu anh. Edigej đẩy cái mũ sắt vào mặt hắn và cả hai cùng ngã chổng kênh. Không còn cách nào nữa, anh đành chụp lấy cổ họng hắn. Còn hắn oằn người, rên khò khè, các ngón tay cào cào hai bên, cố lần tìm con dao bị văng khỏi tay. Và mỗi giây, Edigej đều chờ con dao cắm phập vào lưng anh, cho nên bằng một nỗ lực ghê gớm của loài thú, chó không phải của con người, anh nghiêng răng bóp, siết thật chặt cái cổ gân guốc của tên giặc đang tím tái dần. Và khi hắn hộc lên tiếng cuối cùng, vọt cả nước mắt, anh mới buông các ngón tay run bần bật ra. Lập tức anh nôn ọe, phải bò ra chỗ khác, vừa bò vừa rên rỉ, mắt hoa lên. Hôm ấy cũng như về sau, anh không hề kể việc đó với bất cứ ai. Thỉnh thoảng anh vẫn nằm mê thấy nó, và sáng hôm sau thức dậy, anh lại bần thần, không thiết sống nữa... Lúc này Edigej nhớ lại vụ đó với cảm giác ghê tởm. Tuy nhiên anh nhận thức rằng gã mất cú vọ hơn anh về mặt khôn ngoan và thông minh. Cái đó chạm đến chỗ yếu của anh. Trong lúc gã kia viết, Edigej thử tìm cái sai trong lập luận của gã. Qua lời gã nói, có một ý kiến khiến Edigej ngạc nhiên về sự vô lý của nó: sao lại có thể buộc tội một người về những "hồi ức thù địch"? Chẳng lẽ các hồi ức của người ta lại có thể là thù địch hay không thù địch, bởi vì hồi ức là nhớ lại cái đã

từng xảy ra trong quá khứ, là cái bây giờ không có, là cái đã qua rồi. Nghĩa là người ta nhớ lại chuyện cũ đã xảy ra như thế nào.

- Tôi muốn biết - Edigej nói và cảm thấy cổ họng nghẹn lại vì xúc động. Nhưng anh bắt mình phải nói thật bình tĩnh, hết sức bình tĩnh - Cậu vừa mới bảo rằng... - Anh cố tình gọi gã bằng "cậu", để gã hiểu là Edigej này chẳng làm gì phải khúm núm sợ sệt, chẳng còn chỗ nào xa hơn vùng Sarozek này để mà đuổi anh tới - Cậu vừa bảo rằng, anh nhắc lại - có các hồi ức thù địch. Nên hiểu như thế nào đây? Lẽ nào các hồi ức lại có thể là thù địch hay không thù địch? Theo tôi, người ta nhớ lại chuyện đã qua và qua như thế nào, chứ chuyện ấy từ lâu không còn nữa. Hay là nếu cái gì tốt thì hãy nhớ lại, còn cái gì xấu, không hợp nữa, thì cấm nhớ lại, phải quên đi chẳng? Hình như chưa bao giờ có chuyện đó. Hay là nếu nằm mơ lành mới được nhớ lại, còn nằm mơ dữ, không vừa ý ai đó, thì cấm đoán?...

- Ái chà chà! Hừm, quái quỷ chưa! - gã mất cú vọ ngạc nhiên - Anh muốn lý luận, muốn tranh luận kia đấy. Đúng là một triết gia ở địa phương. Nào thì tranh luận - Gã ngừng lời. Và như để độ ướm, gã tiếp: - Trong cuộc sống, mọi chuyện đều có thể trở thành một sự kiện lịch sử. Nhưng thiếu gì chuyện đã xảy ra và xảy ra theo một kiểu cách nào đấy. Điều quan trọng là

nhớ lại, vẽ lại quá khứ bằng lời nói, nhất là bằng chữ viết cho phù hợp với yêu cầu bây giờ, đúng như chúng ta đang cần. Còn tất cả những gì không có lợi cho ta, thì không nên nhớ lại. Nếu anh không theo đúng cái đó, tức là anh có hành động thù địch.

- Tôi không đồng ý - Edigej nói - Không thể như vậy được.

- Chẳng ai cần đến sự đồng ý của anh. Đây là nhân tiện tôi nói vậy thôi. Anh hỏi, nên tôi vui lòng giảng cho anh nghe. Còn nói chung, tôi không có trách nhiệm bàn luận với anh những chuyện như thế này. Thôi được, ta hãy chuyển từ lời nói sang việc làm. Anh nói đi, có lần nào Abutalip, ví dụ trong lúc chuyện trò tâm sự, lúc uống rượu chẳng hạn, có lần nào hần nhắc đến những cái tên của bọn Anh hay không?

- Nhắc đến để làm gì mới được chứ? - Edigej thành thực ngạc nhiên.

- Để làm gì à? Đây - Gã mở một trong số các "cuốn vở du kích" của Abutalip và đọc đoạn được gạch dưới bằng bút chì đỏ: "Ngày 27 tháng chín, một phái đoàn Anh gồm một đại tá và hai thiếu tá, đến thăm đơn vị chúng tôi. Chúng tôi đi diễu binh trước mặt họ. Họ chào mừng chúng tôi. Sau đó có bữa ăn trưa ở căn lều bạt của ban chỉ huy. Máy người du kích nước ngoài chúng tôi trong hàng ngũ những chiến sĩ Nam Tư cũng

được mời tới dự. Khi chỉ huy giới thiệu tôi với vị đại tá, ông ta bắt tay tôi rất lịch thiệp và thông qua phiên dịch cứ hỏi tôi rất kỹ về việc tôi từ đâu tới đây và tới bằng cách nào. Tôi kể vắn tắt. Họ rót rượu mời tôi, và tôi cạn chén với họ. Sau đó mọi người trò chuyện hồi lâu. Tôi thấy thích những người Anh giản dị và chân thành. Vị đại tá nói rằng sự may mắn vĩ đại, hay cách nói của ông ta, thiên mệnh đã giúp chúng tôi, các nước châu Âu cùng hợp lực chống bọn phát xít. Thiếu sự hợp lực ấy, cuộc chiến đấu chống Hitler hẳn sẽ gay go hơn và rất có thể sẽ chịu kết cục bi thảm đối với các dân tộc lẻ loi" vân vân... - Đọc đoạn trích xong, gã mất cú vọ đặt cuốn vở sang một bên. Gã châm thêm một điếu thuốc Kazbek, im lặng nhả khói, rồi tiếp: - Vậy ra Abutalip không hề phản đối lão đại tá Anh, rằng thiếu thiên tài của Stalin thì không thể chiến thắng, dù bọn họ có nỗ lực đánh du kích đến mấy ở châu Âu, hoặc có làm gì đi nữa. Nghĩa là hẳn không hề nghĩ đến Stalin. Anh hiểu rồi chứ?

- Rất có thể anh ấy cũng đã nói như thế - Edigej cố bênh vực Abutalip - nhưng quên không viết đó thôi.

- Không thấy viết ở chỗ nào, tức là không có bằng chứng! Hơn nữa, chúng tôi đã đối chiếu với lời khai của Abutalip năm bốn mươi lăm trước ban kiểm tra, khi hẳn từ binh đoàn du

kích Nam Tư trở về. Hồi ấy, hấn không hề nhắc đến vụ phái đoàn Anh. Nghĩa là ở đây có điều gì mờ ám. Ai dám bảo đảm hấn không dính líu tới cơ quan tình báo Anh?

Edigej lại cảm thấy nặng nề và đau đớn. Anh vẫn chưa hiểu thế này là thế nào và gã mất cú vọ định lái câu chuyện tới đâu.

- Abutalip có nói gì với anh không, anh cố nhớ xem, hấn có nhắc đến tên người Anh nào không? Chúng tôi cần biết họ tên các sĩ quan trong phái đoàn Anh ấy.

- Thế tên của họ thường là gì?

- John, Clark, Smid, Jek... chẳng hạn...

- Từ bé đến giờ tôi chưa nghe thấy lần nào.

Gã mất cú vọ có vẻ ngẫm nghĩ, mặt sa sầm, tức là không phải mọi chi tiết trong cuộc gặp Edigej đều khiến gã vừa lòng. Sau đó gã nói giọng ngọt xót:

- Hấn mở trường dạy trẻ em học ở đây phải không?

- Trường với lớp nổi gì! - Edigej bất giác phì cười - Anh ấy có hai đứa con trai. Tôi có hai đứa con gái. Trường lớp đấy. Hai đứa lớn lên năm, hai đứa nhỏ lên ba. Con cái chúng tôi chả biết đi đâu, bốn phía là thảo nguyên hoang vu. Vợ chồng anh ấy dạy dỗ bảo ban các cháu. Dầu sao ngày trước cả hai vợ chồng anh ấy đều là giáo viên. Họ dạy bốn đứa trẻ các phép tính,

dạy cách viết, họ đọc sách, vẽ hình cho bọn trẻ học. Trường lớp đấy!

- Vợ chồng hấn đã hát những bài gì?

- Nhiều bài. Những bài hát thiếu nhi. Tôi không nhớ.

- Thế vợ chồng hấn dạy bọn trẻ cái gì? Viết những cái gì?

- Viết những chữ cái. Và những chữ thông thường.

- Ví dụ như những chữ gì?

- Chữ gì! Tôi chẳng nhớ.

- Đây này! - Gã mất cú vợ tìm thấy trong mớ giấy mấy tờ xé ra từ vở học sinh có những chữ viết run rẩy, nguệch ngoạc của trẻ con "Nhà em" - Đó, anh thấy chưa, những chữ đầu tiên mà đứa bé viết lại là "Nhà em". Tại sao lại không dạy chúng nó viết chữ "chiến thắng của chúng ta"? Bởi vì tiếng đầu tiên ở cửa miệng mọi người bây giờ phải là tiếng gì, anh thử nghĩ xem nào? Phải là "chiến thắng của chúng ta". Đúng chưa? Tại sao hấn lại không nghĩ đến điều đó? Chiến thắng và Stalin không tách rời nhau.

Edigej chán ngán, cảm thấy bị miệt thị bởi tất cả những chuyện đó và anh xót thương cho vợ chồng Abutalip đã dành ngần ấy sức lực và thời gian dạy dỗ mấy đứa trẻ thơ dại. Anh uất lên đến mức dám cả gan nói:

- Nếu vậy, thì nghĩa vụ đầu tiên là phải viết chữ "Lênin của chúng ta". Dấu sao Lênin vẫn đúng đầu.

Gã mất cú vọ nín thở vì bất ngờ, sau đó gã thở khói ra rất lâu từ phổi. Gã đứng dậy. Hình như gã muốn đi đi lại lại, nhưng căn phòng quá chật, chả còn chỗ nào để đi.

- Chúng ta nói - Stalin, ngụ ý - Lênin! - gã nói rành rọt từng tiếng. Đoạn gã thở dài nhẹ nhõm như vừa chạy được một quãng đường, và đầu diu: - Thôi, ta hãy coi như không có câu chuyện vừa rồi giữa tôi với anh.

Gã ngồi xuống, và trên bộ mặt lạnh lùng lại nổi bật lên cặp mắt màu vàng, trong suốt như mắt cú vọ.

- Chúng tôi có tin rằng Abutalip phản đối việc dạy học ở các trường nội trú. Anh bảo sao, hình như chuyện đó xảy ra lúc có mặt anh thì phải?

- Tin ấy do ai cung cấp? - Edigej ngạc nhiên và một ý nghĩ lập tức thoáng hiện: Abilov, gã trưởng ga có lỗi về tất cả vụ này, gã đã tố lên đấy thôi, bởi lẽ chuyện ấy đã xảy ra khi có mặt gã.

Câu hỏi của Edigej khiến gã có cặp mắt cú vọ tức giận thật sự:

- Nay, tôi đã báo trước để anh hiểu, rằng nguồn tin do ai cung cấp và tin gì thì đó là việc

của chúng tôi. Và chúng tôi chẳng cần phải báo cáo với ai hết. Hãy nhớ lấy. Anh kể đi, xem hần đã nói gì.

- Anh ấy nói gì à? Để tôi cố nhớ thử. Nghĩa là thế này, bác Kazangap, thợ cao tuổi nhất ở ga chúng tôi, có một thằng con trai học ở trường nội trú trên ga Kumbel. Thằng nhỏ ấy hơi mất nết, thường lừa dối, lếu lảo, cũng dễ hiểu thôi. Tên nó là Shabitzhan. Ngày một tháng chín vừa rồi bố mẹ nó chuẩn bị đưa nó đi học. Bố nó chở nó đi bằng lạc đà. Còn mẹ nó, chị Bukej, nghĩa là vợ bác Kazangap, mới khóc lóc, phàn nàn rằng thằng bé đến trường nội trú là một tai họa, nó như trở thành kẻ xa lạ. Chị ấy bảo: thôi, đừng cho nó lên Kumbel nữa, hãy để nó gần bó tình cảm với gia đình, với bố mẹ như ngày trước. Thì chị ấy là người ít được ăn học mà. Dĩ nhiên, vẫn cần phải dạy con, nhưng ở xa nhà, nó thường xuyên...

- Được rồi? - gã kia cắt lời anh - Thế lúc ấy Abutalip bảo sao?

- Lúc ấy Abutalip cũng có mặt. Anh ấy bảo người mẹ đã có linh cảm thấy sự chẳng lành. Bởi vì việc học tập ở trường nội trú là xuất phát từ hoàn cảnh sống không bình thường. Trường nội trú hình như bứt đứa trẻ khỏi gia đình, khỏi bố mẹ, à... không phải bứt, mà là làm cho nó phải xa bố mẹ. Nhìn chung, đấy là một vấn đề khó khăn. Khó cho tất cả mọi người, cho bản

thân đưa trẻ và cho những người khác. Nhưng biết làm sao được, nếu không còn khả năng nào khác. Tôi hiểu ý anh ấy. Con nhà tôi cũng đang lớn. Bây giờ tôi cũng đang lo không biết các cháu học hành ở đâu và ra sao đây. Dĩ nhiên, sẽ không tốt, nếu...

- Chuyện ấy để sau - gã mắt cú vọ ngắt lời anh - Vậy hấn bảo rằng trường nội trú Xô viết là xấu hả?

- Anh ấy không dùng hai chữ "Xô viết". Anh ấy chỉ nói - trường nội trú. Trên ga Kumbel có trường nội trú, còn chữ "không tốt" là tôi nói đấy.

-Ồ, điều đó không quan trọng. Kumbel nằm trong Liên bang Xô viết.

- Sao lại không quan trọng! - Edigej hết chịu nổi, anh cảm thấy gã kia đang làm cho anh rối trí! - Bịa ra những cái người ta không hề nói để làm gì? Tôi cũng nghĩ như anh ấy đấy. Giả dụ tôi sống ở nơi khác, chứ không phải ở cái ga xép này, thì có các vàng tôi cũng chả đời nào gọi con đến bất cứ trường nội trú nào. Đấy, tôi nghĩ như thế đấy, thì sao nào?

- Thì cứ việc nghĩ! - gã kia nói, đoạn ngừng lại một chút, rồi tiếp: - Vậy, ta kết luận nhé. Như thế là Abutalip chống lại lối giáo dục tập thể, phải vậy không?

- Anh ấy chẳng chống lại cái gì hết! - Edigej uất lên - Bịa đặt cho người ta nhằm mục đích gì? Sao lại đang tâm...

- Đừng, đừng nóng nảy, anh bạn - gã mất cú vọ xua tay gạt đi, cho rằng không cần giải thích - Bây giờ anh hãy nói xem, cuốn vở nhan đề "Chim Donenbaj" nghĩa là cái gì? Abutalip khai rằng hấn ghi lại lời kể của Kazangap và một phần lời kể của anh. Có đúng vậy không?

- Đúng vậy - Edigej tươi lên - Ở vùng Sarozek này có câu chuyện, nghĩa là có huyền thoại như thế. Cách đây không xa lắm, vẫn còn một nghĩa địa, xưa kia là của bộ tộc Najman, còn bây giờ là nghĩa địa chung, tên gọi Ana-Bejit, bà Ana-Najman bị thằng con *mankur* của bà giết và được chôn ở đó.

- Thôi đủ rồi, chúng tôi sẽ tính đến điều đó, sẽ xem cái gì ẩn đằng sau con chim ấy - gã kia nói và bắt đầu giở cuốn vở, vừa giở vừa phát biểu thái độ của gã: - Chim Donenbaj, hừm, không nghĩ ra được trò gì hay hơn. Chim mang tên người. Cũng đòi làm nhà văn cơ đấy. Muốn làm Mukhtar Auezov (*) mới. Người ta là nhà văn nổi tiếng thời phong kiến xa xưa. Chim Donenbaj, hừm. Hấn tưởng ta không hiểu nổi...

(*) MUKHTAR AUEZOV (1896 - 1961) - Nhà văn Xô-viết Kazakhstan - Viện sĩ hàn lâm khoa học Kazakhstan (1946). Viết truyện, kịch. Giải thưởng Lenin 1959. Giải thưởng Quốc gia Liên Xô năm 1949 (N.D).

Hắn lách vào một nơi kín đáo, giở tờ viết lách cho các con hắn đọc cơ đây. Còn đây là cái gì? Theo ý anh, chắc cũng để cho trẻ con đọc chẳng? - Gã mất cú vọ chĩa cuốn vở sát vào mặt Edigej.

- Cái gì là thế nào? - Edigej chưa hiểu.

- Thế nào ư? Anh phải biết chứ. Tiêu đề đây: "Chuyện hai anh em Rajmaly và Abdilkhan".

- À, đó cũng là một huyền thoại - Edigej đáp - Chuyện cổ tích ấy mà. Những người già đều thuộc chuyện này...

- Anh khỏi lo, tôi cũng thuộc - gã mất cú vọ ngắt lời - Tôi có nghe kể. Một lão già lắm cảm phải lòng một cô gái mười chín tuổi. Hay ho quái gì? Thằng cha Abutalip không chỉ là một phần tử thù địch, mà còn là một kẻ trụy lạc. Hắn mới chịu khó ghi chép hết câu chuyện xấu xa này chứ?

Edigej đỏ mặt. Không phải vì xấu hổ. Con phần nộ dâng lên trong lòng anh, bởi lẽ không có gì bất công hơn đối với Abutalip được nữa. Anh cố nén giận, nói:

- Nay cậu, tôi không biết cậu giữ cái chức gì ở đảng ấy, nhưng cậu chớ có gọi Abutalip như vậy. Mong sao ai cũng là một người chồng và một người cha xứng đáng như anh ấy, và bất cứ ai ở đây cũng sẽ bảo cậu rằng Abutalip là một người tử tế, đúng đắn. Số người ở đây có

thể đếm trên đầu ngón tay, chúng tôi chẳng la gì nhau.

- Thôi, thôi được, anh hãy bình tĩnh - gã mất cú vọ nói - Hấn đã làm cho đầu óc các anh mê muội cả rồi. Kẻ địch bao giờ cũng giả trá. Chúng tôi phải vạch mặt hấn. Thôi, anh được tự do.

Edigej đứng dậy. Anh lúng túng đội mũ.

- Vậy số phận anh ấy sẽ ra sao? Bây giờ thế nào? Chỉ vì người ta viết những chuyện đó mà bỏ tù họ à?

Gã mất cú vọ nhồm ngay dậy từ sau bàn:

- Anh nghe đây, tôi nhắc lại cho anh biết một lần nữa: đó không phải là việc của anh! Truy nã kẻ thù về tội gì, đối xử với hấn ra sao, trừng phạt hấn như thế nào, cái đó chúng tôi thừa biết! Anh khỏi lo. Hãy biết đường đi của mình. Đi đi!

Ngày tối hôm ấy, một chuyến tàu khách lại đỗ ở ga Boranly-Bảo Tuyết. Có điều là bây giờ nó chạy về phía ngược chiều với chuyến tàu ban sáng. Và nó đỗ cũng không lâu. Chừng ba phút.

Đứng chờ tàu ở cạnh đường ray số một vẫn là ba người đi ủng da đã tới bắt giữ Abutalip Kuttybaev. Những người Boranly - ba mẹ con Zaripa, vợ chồng Edigej và trưởng ga Abilov đứng một bên, sau lưng ba người kia. Ba cái lưng như ba cánh phản của họ chắn hết Abutalip. Abilov

cứ lẳng xằng tất tả chạy tới chạy lui, bởi vì chuyến tàu đến muộn nửa giờ so với lịch điều độ. Nhưng anh ta có liên quan gì đến chuyện sớm hay muộn? Tại sao không đứng yên một chỗ? Còn Kazangap cũng bị hỏi cung về mấy câu chuyện thần thoại tai hại mà người ta phát hiện ra ở các cuốn vở của Abutalip, lúc này đang bận trực bẻ ghi. Vậy là bác sẽ phải tự tay hướng chuyến tàu chạy sang con đường mà người ta giải Abutalip đi xa hẳn miền Sarozek. Bà Bukej ở nhà trông hai đứa con gái của Edigej.

Ba kẻ đi ủng da kéo cao cổ áo che gió, gió ba cái lung lăm lăm che lấy Abutalip. Những người ra tiễn biệt anh cũng lẳng thình.

Gió thổi tạt rác bay xào xạc. Hình như sắp có bão tuyết. Suong mù giăng mỗi lúc một nhiều trên bầu trời tối om om của vùng Sarozek. Vầng trăng nhợt nhạt, hoang dại, rỗng tuếch, chỉ là một vệt mờ mờ, cô đơn. Hai má rất bông vì lạnh.

Zaripa khóc không thành tiếng, hai tay ôm chiếc túi vải đựng thức ăn và quần áo mà chị chuẩn bị trao cho chồng. Những luồng hơi nước từ miệng Ukubala phả ra chứng tỏ chị đang thở dài náo ruột. Chị dùng vạt áo lông ấp lấy bé Daul. Thăng bé chắc linh cảm thấy điều gì, cứ sợ hãi nép chặt vào người dì Ukubala. Edigej bế bé Ermek, anh dùng thân mình che gió cho nó. Dĩ nó thế nào là điều gay go hơn cả. Hiện thời thăng bé chưa nghi ngờ gì.

- Bá-ba, bá-ba ơi! - nó gọi bố - Bá-ba lại đây với con đi! Con cũng đi tàu với bá-ba cơ!

Abutalip nghe mỗi tiếng gọi của con lại rung mình, bất giác anh quay mặt lại để trả lời con, nhưng người ta không cho phép anh làm như vậy. Một trong ba gã kia hết chịu nổi:

- Dừng có đứng ở đây! Các vị nghe rõ chưa? Đi khỏi chỗ này đã, lát nữa hẵng quay lại đây!

Đành phải lùi ra xa.

Nhưng đèn đầu máy đã hiện ra đằng xa, và tất cả mọi người đều chuyển dịch tại chỗ. Zaripa không nén được, chị khóc nức lên. Ukubala cũng khóc theo. Chuyến tàu đem tới sự biệt ly. Ngọn đèn trước mũi nó xuyên vào đám sương mù khá dày đang lơ lửng trong không khí, con tàu sầm sầm lao tới, từ các đám sương mù, như một khối đen âm ỉ. Nó càng đến gần, các đèn pha đầu máy càng dâng cao hơn so với mặt đất, bụi rác quay cuồng trong luồng ánh sáng giữa hai đường ray càng hiện rõ hơn, tiếng bánh xe và pít-tông nghe mỗi lúc một căng và đáng lo ngại. Đường nét đoàn tàu đã bắt đầu rõ dần.

- Bá-ba ơi, bá-ba ơi! Xem kìa, tàu đến kìa!
- Ermek gọi to rồi im bật, vì ngạc nhiên thấy bố của bé không trả lời. Đoạn nó lại gọi: - Bá-ba! Bá-ba ơi!

Trưởng ga Abilov loanh quanh cạnh đó bước về phía ba gã nọ:

- Toa thư sẽ ở phía đầu đoàn tàu. Xin mời đi lên đằng trước. Kia kia!

Tất cả rảo bước về phía anh ta chỉ tay. Chuyến tàu sắp chạy ngang tới chỗ họ. Gã mất cú vọ xách cặp đi trước, không hề ngoảnh lại, hai gã giúp việc vạm vỡ kèm Abutalip hai bên; vội vã đi sau một quãng là Zaripa, tiếp đến Ukubala dắt bé Daul. Edigej bế bé Ermek đi chếch phía sau một chút. Anh không dám khóc trước mặt phụ nữ và trẻ con. Và trong lúc đi, anh phải đấu tranh với bản thân, cố nuốt cái cục gì vướng nghẹn trong cổ họng.

- Cháu là một cậu bé thông minh, Ermek ạ. Cháu thông minh, phải không nào? Cháu thông minh, cháu sẽ không khóc chứ? Thế nhé? - Edigej cứ ôm chặt thằng bé mà nhắc đi nhắc lại.

Đoàn tàu đã chạy chậm dần vào ga. Bé Ermek giật mình, khi đầu tàu chạy qua chỗ họ một quãng, vì hơi nước thật mạnh và ré lên tiếng còi của nhân viên coi toa.

- Đừng sợ, đừng sợ - Edigej nói - Đừng sợ gì cả khi có chú ở bên cạnh. Chú sẽ mãi mãi ở bên cạnh cháu.

Đoàn tàu đỗ lại với tiếng va đập rầm rầm, các toa tàu ẩm ướt vì sương muối và bụi tuyết đã đứng lăm lăm tại chỗ, không nhìn thấy gì bên trong toa vì kính cửa sổ bị phủ lớp băng mỏng phía ngoài. Xung quanh đã trở nên yên lặng.

Nhưng liền đó đầu máy lại xả hơi phì phì để chuẩn bị chuyển bánh. Toa thứ là toa thứ hai, tính từ đầu máy, sau toa hành lý. Cửa sổ của toa thứ có chấn song, còn cửa lên xuống nằm ở giữa toa, có hai cánh. Cửa được mở ra từ bên trong. Một người đàn ông và một người đàn bà đội mũ nhân viên bưu điện, mặc quần bông, áo lông, thò đầu ra. Người đàn bà tay xách cây đèn bão, chắc là người phụ trách. Bà ta có bộ ngực đồ sộ, dáng dấp nặng nề.

- Các anh đây phải không? - Bà ta hỏi và nâng cây đèn bão ngang đầu để soi rõ mọi người - Chúng tôi chờ đây, chỗ ngồi đã sắp xếp rồi.

Kể đầu tiên bước lên toa là gã mất cú vớ với chiếc cặp to tướng. Hai gã giúp việc lập tức cùng giục Abutalip:

- Nào lên đi, lên đi, lên lên!

- Tôi sẽ về ngay thôi! Đây chỉ là một sự nhầm lẫn nào đó! - Abutalip nói vội vàng - Tôi sẽ về ngay, chờ nhé!

Ukubala không nén được. Chị khóc nức lên rất to lúc Abutalip bắt đầu chia tay với hai đứa con. Anh ghì chặt chúng vào lòng, hôn và nói gì với hai đứa bé hoảng sợ và chưa hiểu gì cả. Hơi nước đã bao trùm đầu máy. Toàn bộ cảnh đó diễn ra dưới ánh sáng cây đèn bão. Vừa lúc ấy, tiếng còi lại ré lên, trườn dọc đoàn tàu, nhói vào lòng người.

- Thôi, xong rồi, lên tàu đi! - Hai gã kia lôi xềnh xệch Abutalip tới bậc toa.

Edigej và Abutalip đã kịp ôm chặt nhau lần cuối cùng và lặn đi trong giây lát, cả hai cùng hiểu tất cả bằng trí óc và trái tim, bằng toàn bộ cơ thể mình lúc họ áp đôi má ướt nhòe nước mắt vào nhau.

- Anh hãy kể cho các cháu nghe về biển! - Abutalip thì thầm.

Đấy là câu nói cuối cùng của anh. Edigej đã hiểu. Người cha đề nghị kể cho hai đứa con trai về biển Aral.

- Thôi đủ rồi, lên đi, lên toa đi - hai gã kia đẩy vào lưng Abutalip, dồn anh lên toa. Đến bây giờ hai đứa bé mới nhận thức ra cái thực chất đáng sợ của sự biệt ly. Cả hai đứa cùng khóc òa lên mà gọi:

- Bá-ba! Bố ơi! Bá-ba! Bố ơi!

Edigej bế Ermek nhào lên toa.

- O hay! Cái nhà anh này đi đâu vậy? Lui ra! - Người đàn bà xách cây đèn bão giận dữ đẩy vào ngực Edigej, rồi khuynh vai chặn lấy cửa toa.

Không một ai lúc ấy hiểu rằng Edigej sẵn sàng, nếu có thể được sẽ đi thay Abutalip, để dọc đường tự tay mình bóp chết gã mất cú vọ: anh cảm thấy đau đớn hết chịu nổi, khi hai đứa bé gọi cha.

- Đừng có đứng ở đây! Xuống đi, lùi ra! - Người đàn bà cầm cây đèn quất to. Và từ cái mồm ngiên thuốc lá của mụ một luồng hơi đầy mùi hành tỏi phả vào mặt Edigej.

Zaripa chột nhớ túi quần áo và đồ ăn vẫn ở trong tay chị. Chị liền ném cái túi lên toa:

- Nhờ chuyển cho chồng tôi, đây là đồ ăn của anh ấy!

Cửa toa đóng sập lại. Tất cả đều lặng đi. Đầu máy kéo còi tín hiệu và chuyển bánh. Các bánh xe nặng nề, chậm chạp, xoay vòng trong giá lạnh, nghe ken két, lao xao.

Những người Boranly bất giác bước theo đoàn tàu, sát cạnh toa thu kín mít. Ukubala tỉnh ra trước tiên. Chị ôm lấy Zaripa, kéo bạn vào ngực mình và không buông tay nữa.

- Daul, đừng đi nữa cháu! Đứng lại, đứng lại đây nào! Cháu hãy cầm lấy tay mẹ! - Ukubala nói to, cố át tiếng xình xịch của những bánh xe đang nhanh dần, ngang qua chỗ họ.

Riêng Edigej bé bé Ermek vẫn chạy theo đoàn tàu và chỉ dừng lại, khi toa cuối cùng đã lướt qua khỏi họ. Đoàn tàu lao đi, mang theo tiếng chuyển động nhỏ dần và những ánh đèn mờ dần... Chỉ còn vọng lại tiếng còi tàu ngân dài lần cuối cùng...

Edigej quay trở lại. Và rất lâu anh vẫn không sao dỗ cho đứa bé nín khóc được...

Khi đã ở nhà, ngồi như người điếc bên cạnh bếp lò, đến tận nửa đêm anh mới nhớ tới Abilov. Anh khẽ đứng dậy, mặc quần áo ấm. Ukubala đoán ra ngay.

- Anh đi đâu? - chị nín tay chồng - Đừng, chớ có động chạm, dù chỉ một ngón tay đến anh ta! Vợ anh ta đang bụng mang dạ chửa. Và lại anh cũng không có quyền. Lấy gì làm bằng chứng nào?

- Em khỏi lo - Edigej bình tĩnh đáp - Anh sẽ không động đến người hấn, nhưng hấn cần phải biết rằng hấn nên chuyển đi nơi khác thì hơn. Anh hứa với em sẽ không động đến một sợi tóc của hấn. Em cứ tin đi! - Anh gỡ tay vợ, bước ra khỏi nhà.

Cửa sổ nhà Abilov vẫn sáng. Nghĩa là vợ chồng họ chưa ngủ.

Edigej dầm tuyết lạo xạo trên con đường nhỏ, tiến lại bên cánh cửa lạnh lẽo và gõ rất mạnh. Người mở cửa là Abilov.

- A, anh Edigej mời anh vào, mời anh vào - anh ta nói, giọng hoảng hốt, mặt tái đi, chân bước lùi.

Edigej lặng lẽ bước vào, đem theo luồng hơi lạnh giá. Anh dùng ngay cạnh cửa và đưa tay khép cánh cửa lại.

- Cậu làm cho hai đứa bé bất hạnh mất cha, nhằm mục đích gì? - Anh nói, cố gắng tỏ ra thật điềm tĩnh.

Abilov quỳ xuống và đúng là bò sát tới bên gấu áo lông của Edigej.

- Ôi, lay chúa, không phải tôi đâu, anh Edigej ơi! Tôi mà nói sai thì vợ tôi sẽ không được mẹ tròn con vuông! - Anh ta thề độc, đoạn quay sang phía người vợ chưa vượt mặt đang sợ hết hồn, anh ta nói vội vã, giọng đứt quãng: - Lay chúa, không phải tại tôi, anh Edigej ơi! Tôi đâu đang tâm! Chính lão thanh tra đấy! Anh nhớ lại đi. Lão ta cứ hỏi han, căn vặn mãi về chuyện Abutalip viết cái gì, viết để làm gì. Tại lão ta, lão thanh tra đấy. Tôi đâu nỡ! Tôi mà nói dối thì vợ tôi không được mẹ tròn con vuông. Lúc ở bên đoàn tàu, tôi đã không biết giấu mặt vào đâu, chỉ muốn dộn thổ để khỏi chứng kiến cảnh đó. Cái lão thanh tra ấy cứ hỏi dò đủ thứ, làm sao tôi biết được... Giá như tôi biết trước...

- Thôi được - Edigej ngắt lời - Đúng đây, ta nói chuyện tử tế với nhau. Ngay trước mặt vợ cậu. Mong cho cô ấy được mẹ tròn con vuông. Bây giờ chưa phải chuyện đó. Dù là cậu không hề có lỗi. Nhưng cậu công tác ở đâu cũng vậy thôi. Còn chúng tôi, chúng tôi có lẽ sẽ ở đây đến lúc chết. Vậy cậu hãy suy nghĩ. Chắc rằng rồi đây cậu nên chuyển đi nơi khác mà làm. Đó là lời khuyên của tôi. Thế thôi. Và ta sẽ không trở

lại câu chuyện này nữa. Tôi chỉ muốn nói với cậu như vậy, không còn gì nữa đâu...

Đoạn Edigej bước ra và khép cửa lại.

9.

Trên Thái Bình Dương, phía Nam quần đảo Aleut, trời đã ngả về chiều. Biển vẫn động, nhưng không dữ dội lắm. Những đợt sóng bạc đầu ngẫu bọt, hết đợt này tới đợt khác xô đẩy nhau, lăn đi, chạy dài trên khắp mặt biển mênh mông, từ chân trời nọ đến chân trời kia - một thứ chuyển động duy nhất của biển khơi mà mắt nhìn thấy được - Tàu sân bay "Convention" khẽ dong đưa trên mặt sóng. Nó vẫn đậu tại chỗ cũ, cách San Francisco và Vladivostok theo đường chim bay những khoảng cách bằng nhau. Tàu sân bay đang tiến hành chương trình nghiên cứu khoa học quốc tế, mọi hoạt động tại đây vẫn ở trong tình trạng căng thẳng, sẵn sàng hành động bất cứ lúc nào.

Mãi đến lúc này, phiên họp bất thường của hai tiểu ban đặc mệnh toàn quyền, được lập ra để xem xét tình hình khẩn cấp, khác thường, do việc phát hiện được một nền văn minh ngoài trái đất, tại hệ thống thiên thể Chủ Nhân, mới kết thúc. Hai phi công vũ trụ song đôi 2-1 và 1-2

đã tự tiện rời vị trí, bỏ đi cùng với những vị sứ giả của hành tinh Ngực Rừng lúc này vẫn còn phải lưu lại trên đó. Họ đã bị Trung tâm điều khiển cảnh báo ba lần, thông qua hệ thống liên lạc vô tuyến trên trạm quỹ đạo "Paritet", là dù thế nào đi nữa, cũng không được tiến hành bất cứ hoạt động nào, làm bất kỳ việc gì trước khi nhận được những chỉ thị đặc biệt của Trung tâm điều khiển gọi lên.

Những yêu cầu nghiêm ngặt đó, trên thực tế chẳng những chứng tỏ tâm trạng hoang mang của Trung tâm điều khiển mà còn cho thấy rõ sự phức tạp ghê gớm và sự gay gắt ngoài sức tưởng tượng của tình huống trước mắt cùng sự bất đồng ý kiến sâu sắc giữa hai phía, vốn đang có nguy cơ làm gián đoạn hoàn toàn sự hợp tác; hơn nữa, còn có thể dẫn đến sự đối đầu công khai của hai bên. Cái mà mới đây đã làm cho hai bên nhích lại gần nhau nhằm phục vụ sức mạnh hùng hậu về khoa học - kỹ thuật của hai cường quốc chủ chốt nhờ được liên kết lại là chương trình "Demiurge"; thì giờ đây, tự thân nó đã lùi xuống hàng thứ yếu và lập tức mất đi ý nghĩa to tát vốn có, khi phải đứng trước một siêu vấn đề vừa đột ngột nảy sinh do việc phát hiện được một nền văn minh ngoài Trái Đất. Các thành viên trong hai ủy ban đều hiểu rõ ràng: phát minh phi thường, không gì sánh kịp này sẽ thử thách một cách căn bản đích thân

những nền tảng, vốn là chỗ dựa cho hợp tác quốc tế hiện thời, cùng hết thảy những gì đã được cổ vũ, được nhen nhúm, được hình thành trong ý thức của các thế hệ suốt từ thế kỷ này sang thế kỷ khác - nghĩa là toàn bộ những quy tắc tồn tại của nó xưa nay. Liệu ai đó có dám liều lĩnh dẫn bước, bất chấp những nguyên tắc, những luật lệ về sự an ninh toàn cầu của nền hòa bình trên Trái Đất?

Và cũng như bao giờ, khi lịch sử phải đứng trước những thời điểm khủng hoảng; giờ đây, những mâu thuẫn cơ bản của hai hệ thống xã hội - chính trị khác nhau trên Trái Đất lại bộc lộ rõ chân tướng toàn bộ sức mạnh của chúng.

Việc thảo luận vấn đề cốt tử ấy đã làm nảy sinh một loạt các cuộc tranh cãi gay gắt. Sự khác nhau về quan điểm, về cách tiếp cận vấn đề ngày càng bộc lộ rõ hai lập trường không thể dung hòa nhau. Tình thế ấy nhanh chóng chuyển thành những xung đột, những lời dọa dẫm lẫn nhau; những xung khắc mà, nếu không biết tự kiềm chế, tất sẽ dễ dàng dẫn đến một cuộc chiến tranh thế giới. Bởi vậy, cả hai bên đều cố tránh những hành động cực đoan khả dĩ đưa đến hiểm họa đó. Nhưng nhân tố giữ vai trò kềm hãm lớn hơn cả chính là nỗi e ngại, đúng hơn là nỗi lo sợ một sự bùng nổ ý thức trên hành tinh, vốn có cơ xảy ra một cách tự phát, nếu tin tức về việc phát hiện được một nền văn minh ngoài

Trái Đất trở thành một sự kiện công khai, ai nấy đều biết rõ... Không một ai dám bảo đảm rằng hiện tình sẽ không dẫn đến những hậu quả ghê gớm như vậy.

Rốt cục, lý trí đã thắng. Hai bên đã đi đến một giải pháp nhân nhượng, dung hòa - tuy miễn cưỡng nhưng vẫn nghiêm chỉnh dựa trên cơ sở duy trì thế cân bằng lực lượng của đôi bên. Do vậy, Trung tâm điều khiển đã truyền lên trạm quỹ đạo "Paritet" một bức điện bằng mật mã, nội dung như sau:

"Gửi phi công vũ trụ - kiểm tra 1-2 và 2-1. Nhất thiết phải tiến hành liên lạc bằng vô tuyến, thông qua các hệ thống thông tin đặt trong "Paritet", với hai phi công vũ trụ 1-2 và 2-1 hiện đang lưu lại tại một Thiên Hà ngoài hệ Mặt Trời, trên hành tinh Ngực Rừng quay quanh thiên thể có tên là Chủ Nhân. Phải thông báo cấp tốc cho cả hai, rằng Trung tâm điều khiển căn cứ vào những kết luận của ủy ban song phương, sau khi nghiên cứu những thông tin về nền văn minh ngoài Trái Đất mà hai phi công vũ trụ song đôi 1-2 và 2-1 phát hiện được, đã thông qua quyết định cuối cùng, không cho phép kháng nghị, sau đây:

a. Nghiêm cấm hai cựu phi công vũ trụ 1-2 và 2-1 trở về lại trạm quỹ đạo "Paritet" và do đó, cả về Trái Đất nữa, vì cả hai đều không còn

là những thành viên thỏa đáng của nền văn minh trên Trái Đất;

b. Báo cho cư dân trên hành tinh Ngực Rừng rằng, chúng ta cự tuyệt tiếp xúc với họ, dưới bất cứ hình thức nào, vì những cuộc tiếp xúc đó hoàn toàn trái ngược với kinh nghiệm lịch sử, với những lợi ích sống còn và những đặc điểm trong giai đoạn phát triển hiện thời của xã hội loài người trên Trái Đất;

c. Báo trước cho hai cựu phi công vũ trụ 1-2 và 2-1, cũng như những người trên hành tinh mà họ đang tiếp xúc, để họ dùng hồng mưu toan thông qua việc liên lạc với con người trên Trái Đất, mà thâm nhập vào các vùng không gian gần Trái Đất như họ đã từng làm, khi ghé thăm trạm "Paritet" đang bay trên quỹ đạo "Tramplin";

d. Để cô lập phần không gian quanh Trái Đất, nhằm ngăn chặn mọi sự xâm nhập có thể xảy ra của các phi thuyền xuất phát từ mọi thiên thể khác, Trung tâm điều khiển quyết định khẩn cấp đưa vào hoạt động một chế độ du hành vũ trụ đặc biệt có tên là chiến dịch "Vành đai"; giao cho hàng loạt hỏa tiễn - rôbôt một chương trình hoạt động thường trực: phong tỏa những quỹ đạo đã dự tính, bằng cách sử dụng các loại vũ khí laser-hạt nhân tự động để tiêu diệt bất cứ đối tượng lạ nào lăm le tiếp cận Trái Đất;

e. Thông báo cho hai cựu phi công vũ trụ đã tự tiện tiến hành tiếp xúc với giống người trên hành tinh khác biết, rằng để giữ gìn an ninh và duy trì trạng thái ổn định của cơ cấu địa lý - chính trị đã hình thành trên Trái Đất, chúng ta loại bỏ mọi khả năng bắt liên lạc với họ. Tiếp đó, sẽ cho thi hành mọi biện pháp để giới hạn biến cố vừa xảy ra trong vòng tuyệt mật và bằng mọi biện pháp nhằm ngăn chặn việc tái tiếp xúc với hành tinh nói trên. Do đó, quỹ đạo của trạm "Paritet" sẽ lập tức bị thay đổi và những đường kênh liên lạc trên trạm cũng sẽ được mã hóa bằng một khóa khác trước;

g. Cảnh báo một lần nữa với người trên hành tinh Ngục Rừng rằng họ sẽ gặp nguy hiểm, nếu họ còn nuôi ý định đến gần các khu vực của "Vành đai" bao quanh bầu khí quyển Trái Đất chúng ta.

Trung tâm điều khiển tàu sân bay "Convention".

Nhằm thi hành các biện pháp bảo vệ đó, Trung tâm điều khiển buộc phải đình chỉ vô thời hạn toàn bộ chương trình chinh phục hành tinh X là "Demiurge". Trạm quỹ đạo "Paritet" phải đổi lại các thông số bay và sẽ được sử dụng làm đài quan sát vũ trụ lâm thời. Tàu nghiên cứu khoa học song đôi "Convention" được quyết định chuyển giao cho nước Phần Lan trung lập bảo

quản. Sau khi hệ thống "Vành đai" được phóng lên vũ trụ, toàn bộ thủy thủ đoàn, nhân viên quản lý, cán bộ khoa học, cùng nhân viên giúp việc của cả hai bên đều lập tức bị giải thể. Họ buộc phải cam kết tuyệt đối không tiết lộ cho bất kỳ ai, từ nay cho đến lúc xuống mồ, những nguyên do dẫn đến việc đình chỉ hoạt động của Trung tâm điều khiển.

Người ta dự tính sẽ công bố rằng chương trình "Demiurge" sở dĩ phải đình chỉ vô thời hạn vì đang cần tái điều tra cơ bản và điều chỉnh các số liệu, các phương án chinh phục hành tinh X.

Mọi chuyên đề đã được trù tính cẩn thận. Và toàn bộ những gì đã trù tính đó sẽ phải được thực hiện ngay sau khi các hệ thống phòng thủ trong chiến dịch "Vành đai" được cấp tốc đưa lên các quỹ đạo quanh Trái Đất.

Phiên họp liên tịch của hai tiểu ban vừa kết thúc, tất cả các văn kiện, số liệu, các tin tức, do hai cựu phi công vũ trụ song đôi cung cấp, cùng toàn bộ phim ảnh và giấy má có liên quan đến câu chuyện đau lòng này, đều lập tức bị thủ tiêu.

Trên Thái Bình Dương, phía nam quần đảo Aleut, ngày đã sắp tàn. Thời tiết vẫn thế, chẳng thay đổi bao nhiêu. Nhưng dấu sao sáng vẫn mỗi

lúc một cao thêm. Tiếng sóng dào dạt khắp bốn bề, càng về đêm nghe càng rõ.

Nhân viên phục vụ sân bay trên tàu "Convention" đang nóng lòng chờ các thành viên của hai tiểu ban đặc mệnh toàn quyền sớm lên máy bay, sau khi tan họp, song đợi mãi chẳng thấy họ đâu. Kia rồi, tất cả đã xuất hiện trên đường băng. Họ từ biệt nhau. Người lên chiếc máy bay này, kẻ lên chiếc khác.

Cả hai chiếc máy bay đều cất cánh êm thắm, mặc dù tàu "Convention" chòng chành mạnh hơn trước. Một chiếc bay sang San Francisco, chiếc kia hướng về phía đối diện, bay tới Vladivostok.

Tròn mình trong những làn gió hiền hòa, Trái Đất vẫn trôi đi trên những quỹ đạo ngàn đời của nó. Trôi đi mãi, đi mãi Trái Đất của chúng ta... Một hạt cát bé bỏng trong Vũ trụ vô cùng vô tận. Những hạt cát như thế đếm sao xiết trong không gian! Nhưng chỉ trên hạt cát này - Trái Đất của chúng ta, ngay tự ngàn xưa đã có con người sinh sống. Họ sống như từng được sống và lắm lúc như từng biết sống, lòng luôn cháy bỏng một nỗi tò mò, một niềm khát khao hiểu biết, luôn cố tự làm sáng tỏ cho bản thân mình một điều: ở đâu đó, tại những hành tinh khác, có tồn tại những đồng loại tương tự như ta hay không? Họ tranh cãi, họ nêu ra các giả thuyết, họ bay lên Cung Trăng, họ gửi hàng loạt những máy móc, thiết bị tự động lên các

thiên thể khác, nhưng rồi lần nào cũng vẫn chỉ thu về những tin tức đáng buồn: quanh hệ Mặt Trời này chẳng hề có một thứ sinh vật nào giống họ. Nói chung, chẳng hề có một dấu hiệu nào của sự sống. Dần dà, họ quên bẵng đi chuyện đó, chẳng bận tâm gì đến chuyện được sống là một điểm phúc, nên phải tìm cách ăn ở sao cho hòa thuận, và hãy đồ mồ hôi trán để sống cho sung túc hơn... Nhiều người, nói chung, cho rằng chuyện đó chẳng dính dáng gì đến mình. Và Trái Đất tự nó cứ trôi đi, trôi mãi...



Suốt tháng Giêng, trời cứ mù sương và giá buốt căm căm. Chẳng biết từ đâu rét mướt lại đổ dồn về vùng Sarozek này lắm thế. Các đoàn tàu qua lại, bị băng giá phủ trắng xóa bên ngoài, cả các ổ trục cũng đều đông cứng lại. Ai cũng trở mắt kinh ngạc khi nhìn những dãy xi-téc đen chở đầy dầu, vừa mới dừng lại ở đoạn đường tránh tàu đã lập tức biến thành những đụn tuyết trắng phau. Đến lúc các đoàn tàu chuyển bánh lên đường thật là vất vả. Hai chiếc đầu máy đầu chung lại, như cùng ghé vai húc mãi hồi lâu, những chiếc bánh xe chết cứng vì giá rét mới chịu nhích đi từng tấc một. Và những chiếc đầu máy phải dốc hết sức mới đẩy nổi các toa tàu nên phát ra những tiếng gầm rú chói tai, lan đi rất xa trong không gian giá lạnh, nên đêm nào

lũ trẻ sống tại ga Boranly cũng thắng thốt choàng dậy.

Các cung đường lại bắt đầu bị vùi lấp dưới những đụn tuyết cao. Chưa kịp xúc đi đụn này, những đụn khác đã lại bồi vào. Gió lồng lộn như hóa cuồng. Ở vùng Sarozek mênh mông, trống trải này, gió muốn tung hoành thế nào tùy thích, nên cũng khó đoán được bão tuyết từ phía nào đổ tới. Và dân Boranly cứ có cảm tưởng như gió lúc nào cũng lăm le cố dồn hết tuyết lên đường tàu. Chỉ cần ngoi tay, nhặng đi một lúc, đường tàu đã ngập sâu trong tuyết đến hàng tấc, hàng tấc.



Edigej, Kazangap và ba anh công nhân sửa đường chẳng còn biết làm gì khác hơn là đốc hết sức dọn sạch tuyết từ đầu nọ đến đầu kia, khi đoạn này, lúc đoạn khác, rồi lại quay về chỗ vừa mới dọn lúc đầu. Giúp họ, chẳng có gì khác ngoài mấy chiếc xe cà khổ do lạc đà kéo. Lớp tuyết dày trên mặt đường, họ cho lên xe, chở đi đổ hai bên rìa đường. Nhưng những lớp ở bên dưới, phải xoay trần ra mà dọn bằng tay. Và Edigej chẳng còn thương tình gì con Karanar, vì được dịp quần cho nó một trận ra hồn, để thuần dưỡng nó bớt đi những trò hung hăng vô lối vì thừa năng lượng. Anh thắng nó chung với một con khác, bắt cả hai kéo một xe chở đầy tuyết và cả anh nữa cũng ngồi hẳn lên xe, cho nặng thêm. Đạo ấy, nhà ga chẳng có một thứ máy

móc gì để làm việc này. Người ta đồn là đã sản xuất được nào là xe xúc tuyết, nào đầu tàu kéo, có thể giúp công nhân gạt những đống tuyết ngồn ngộn kia sang hai bên đường. Người ta cũng đã hứa là sẽ gửi gấp đến những thứ máy móc đó. Nhưng cho đến bây giờ vẫn chỉ là những lời hứa hão.

Nếu suốt hai ba tháng hè, người ta đã phải thở bầu không khí oi nồng, khiến đầu óc như muốn mụ đi, thì giờ đây, lại hít phải những làn không khí giá buốt đến rợn người - phổi như muốn rách toạc hết ra. Có điều, các đoàn tàu vẫn phải qua lại thường xuyên và không lẽ cứ khoanh tay ngồi im ru rú trong xó nhà. Edigej râu ria, tóc tai tua tủa, và lần đầu tiên, đứng vào mùa đông ấy, anh nhận thấy râu tóc mình bắt đầu điểm bạc, cặp mắt sưng húp vì đói ngủ, còn mặt mũi nhìn vào gương mà phát hoảng - cứ đen nhem như than. Không lúc nào anh rời chiếc áo chên lông cừu, đã thế còn quấn thêm bên ngoài chiếc áo mưa vải bạt. Trên đầu, suốt ngày trùm hụp chiếc mũ trùm tai và dưới chân đôi ủng dạ to sù.

Nhưng dầu làm gì, vất vả nhọc nhằn đến đâu, tâm trí anh không sao dứt ra được câu chuyện buồn lòng về Abutalip Kuttybaev. Nó như hú dài đến đau nhói trong tai anh. Anh với bác Kazangap cứ nghĩ đến nó luôn, đoán già đoán non mọi việc đã xảy ra thế nào và kết cục sẽ

đi đến đâu. Bác Kazangap lặng thinh suốt ngày, mày chau lại, luôn nghĩ ngợi điều gì đó một mình, căng thẳng lắm. Một hôm, bác bỗng lên tiếng:

- Sự đời bao giờ cũng thế. Bây giờ chắc người ta đang cứu xét thêm... Chẳng phải tự dung mà các cụ ta ngày xưa hay bảo: "Vua chẳng phải là trời. Không phải lúc nào vua cũng biết bọn thuộc hạ làm gì sau lưng mình; còn dám thuộc hạ thì lại không biết gì về bọn nha lại đang lòng sục ngoài chợ, để thu thuế má". Bao giờ chẳng thế.

- Gớm, mới lạ nhỉ. Tưởng gì chứ thông thái thế tôi đây chẳng kém Edigej bực bội chế giễu ông bạn già - Nhưng vua chúa khối gì tên đã bị nện cho như đòn thầy thôi! Mà vua chúa thì dính dáng gì đến chuyện này?

- Thế thì đến chuyện gì, hả? - Bác Kazangap hỏi, giọng lý sự.

- Còn chuyện gì, chuyện gì nữa? - Edigej cúi kính lầu bầu. Rồi anh đi tới đi lui, đầu óc bị câu hỏi chưa có lời giải đáp đó ám ảnh mãi không thôi.

Thối thường: họa vô đơn chí. Abutalip vừa bị bắt được mấy bữa. Daul - thằng con lớn của anh - lăn ra ốm. Người thằng bé nóng ran. Chốc chốc lại lên cơn mê sảng. Những cơn ho hành hạ nó, cổ họng đỏ như. Zaripa bảo là nó bị cảm lạnh. Chị cho uống thôi không còn thiếu thứ gì.

Nhưng không thể ngồi mãi với hai đứa con. Bỏ bê công việc không lo bẻ ghi, điều khiển mấy cái tiêu báo hiệu, lương đâu mà sống. Lại còn phải có mặt vào mấy phiên trực khi ban ngày, lúc ban đêm nữa. Cho nên Ukubala phải căng đáng hết việc chăm nom lũ trẻ. Cả bốn đứa đều do một tay chị trông nom, vì chị hiểu rằng gia đình Abutalip đang lâm vào cảnh khốn cùng. Và Edigej đã đỡ cho vợ một tay, trong chừng mực có thể được. Từ tinh mơ, anh đã phải trở dậy mang than ngoài gian nhà kho sang lán mẹ con họ ở, và nếu chưa trể lắm, nhóm lò giúp luôn. Than đá khó bắt lửa, nên phải thật khéo tay. Hôm nào anh cũng phải rắc thêm trên lò cả nửa xô than, để lũ trẻ có đủ lửa sưởi ấm suốt ngày. Anh cũng tự tay mang nước từ torng xi-tec đặt ở khúc đường cắt về, và chẻ củi để có cái cho vợ đun nấu. Những gì phải tay anh mới làm được, anh đều làm chu đáo. Nhưng cái việc khó nhất không phải là những việc đó. Anh không sao bình tâm nổi, khi phải nhìn thẳng vào các cặp mắt của lũ con Abutalip, và trả lời những câu hỏi của chúng. Thằng lớn nằm liệt giường, hơn nữa, nó là thằng bé có ý tứ, biết chịu đựng. Nhưng với thằng em - Ermek - vốn giống mẹ, rất sôi nổi, thích được âu yếm, hết sức nhạy cảm và dễ mủi lòng, thì thật khó xử... Sáng sáng, những lúc xách than đến nhóm lò, bao giờ anh cũng cố làm thật nhẹ tay để hai đứa trẻ khỏi

thức giấc. Nhưng chẳng mấy khi được như ý. Anh chưa kịp trở gót, thằng Ermek tóc quăn, mắt đen láy, đã choàng dậy. Và câu đầu tiên nó hỏi, khi vừa mở mắt là:

- Bác Edigej oi, hôm nay chắc bố cháu về đấy, bác nhĩ?

Và chưa kịp mặc quần áo, thằng bé đã chạy đến bên anh, chân trần, mắt hau háu một niềm hy vọng là Edigej sẽ đáp "ừ" - thế là bố nó nhất định sẽ về, sẽ ở lại nhà cùng ba mẹ con nó. Edigej chỉ còn biết ẵm thằng bé gầy nhom, còn ấm hơi chăn, giữa hai vòng tay và đặt lại nó lên giường. Rồi trò chuyện cùng nó, như với người cùng trang lứa:

- Ermek a, hôm nay bác không biết bố cháu có về không. Nhưng chốc nữa ra ga, bác sẽ nhờ bên thông tin hỏi xem bố cháu sẽ về chuyến tàu nào. Ga ta tàu khách không đỗ, cháu biết rồi đấy. Phải có lệnh của chính ông trưởng ban điều độ kia. Theo bác, chỉ nay mai họ sẽ báo tin thôi. Lúc ấy, nhất định bác cháu ta, cả anh Daul nữa - nếu anh ấy đã khỏi ốm - sẽ ra ga đón.

- Lúc ấy, cả mấy bác cháu ta sẽ cùng bảo: Bố oi, xem này, bác Edigej với chúng con ra đón bố đây.

- Ô, dĩ nhiên rồi. Thế nào bác cháu ta cũng sẽ bảo thế - Edigej sôi nổi tán thành.

Có điều, một thằng bé tinh khôn như nó, đâu chỉ bằng lòng có vậy.

- À này, bác Edigej ạ, thế chi bằng bác cháu mình cứ lên một chuyến tàu hàng, đến gặp chính cái ông trưởng ban điều độ ấy. Để bảo ông ta cho tàu chở bố cháu đổ lại ga chúng mình.

Lại phải nói trở đi:

- Nhưng phải đợi đến hè trời ấm lên đã. Chứ rét mướt thế này, cháu đi tàu hàng thế nào được. Lạnh lắm. Lại gió máy nữa. Cháu không thấy cửa sổ đây những băng đầy à. Thành thử chưa đến nơi, ta đã cứng lại, như hai cục băng mất thôi. Không được đâu, Ermek ạ. Đi thế nguy hiểm lắm.

Thằng bé rầu rĩ nín thinh.

- Thôi cháu nằm xuống ngủ tiếp đi, để bác đến xem anh Daul đỡ chưa - Edigej tìm có lánh, bước lại chỗ anh nó, áp nhẹ bàn tay đầy chai, nặng trĩu, lên cái trán nóng ran của thằng bé... Thằng anh phải chật vật lắm mới mở được mắt. Nó khẽ nhếch đôi môi khô nẻ vì sốt cao, mỉm cười. Con sốt vẫn chưa lui.

- Đừng tung chăn ra cháu. Người đang dâm dấp mồ hôi đây này. Có nghe bác nói không, hả Daul? Kéo lại cảm lăn nữa đấy. Còn cháu, Ermek, bao giờ anh cháu mắc tiểu, nhớ cầm giúp lại cho anh ấy cái xô. Nhớ nhé. Để anh Daul khỏi phải ngồi dậy. Mẹ sắp hết phiên trực rồi, chắc

tí nữa về thôi. Chốc nữa, cô Ukubala sẽ mang cháo sang cho các cháu. Mai mốt Daul hết ốm, các cháu lại sang bên bác, chơi với chị Saule và Sharapat cho vui. Bây giờ, bác phải về đi làm đây, chứ tuyết xuống nhiều quá, đường tàu nghẽn cả rồi - Bác đỡ dành lũ trẻ trước lúc ra về.

Nhưng thằng Ermek đâu đã chịu yên.

- Bác Edigej ạ - nó nói với bác hàng xóm, lúc này đã chân trong chân ngoài ngưỡng cửa - Tuyết mà còn xuống nữa, cản mất tàu của bố cháu, cháu cũng sẽ đi dọn tuyết với bác. Cháu có xẻng đấy ạ.

Edigej bước ra, lòng thất lại với những ý nghĩ nặng nề. Cổ anh đắng ngắt vì tức giận, vì bất lực, vì thương cảm. Anh đâm hằn học, căm ghét hết thấy mọi thứ trên đời. Rồi anh mang nổi hằn học ấy đổ hết lên những đụn tuyết, những trận gió, những đồng băng làm nghẽn đường tàu, lên mấy con lạc đà mà anh bắt phải làm cật lực, không chút thương hại. Anh làm hùng hục như một con bò mộng, như thể chỉ mình anh mới có thể chặn đứng những con bão tuyết miền Sarozek này.

Ngày nọ tiếp ngày kia trôi đi, như những giọt nước cứ đều đều nhỏ xuống, từng giọt một, giọt nọ giống hệt giọt kia đến phát ngấy lên được. Thế rồi tháng Giêng cũng hết, và giá buốt cũng dịu đi ít nhiều. Vẫn chẳng có tin gì về

Abutalip Kuttybaev, Edigej và Kazangap đâm hoảng mang vì những phỏng đoán của mình: người cho thế này, kẻ đoán thế nọ, rối tinh lên. Cả anh lẫn ông bạn già đều cho rằng rồi thế nào họ cũng phải thả anh ấy ra ngay - vì có tội tình gì cái chuyện viết lách điều này điều nọ cho chính mình, chứ nào phải để đăng báo đăng biếc gì cho cam. Cả hai đều hy vọng thế và cố gieo vào lòng Zaripa niềm tin ấy, để người thiếu phụ khỏi ngã lòng. Về phần mình, Zaripa cũng hiểu rằng chị phải cứng cỏi hơn, để có sức mà nuôi dạy hai đứa con thơ. Và chị đã tỏ ra vững vàng thật; chị bầm bụng chịu đựng, không hề rãnh than thở lấy một lời. Duy đôi mắt chị bùng bùng một nỗi day dứt không nguôi. Ai biết người thiếu phụ ấy còn có thể chịu đựng được bao lâu nữa?

Một bữa kia, Edigej-Bảo Tuyết được ngời tay chừng một tiếng đồng hồ. Anh quyết định tạt ra thảo nguyên một lát, xem bầy lạc đà ngoài ấy còn cỏ rả gì không. Cái chính là xem con Karanar đang giở trò gì ngoài đó: Có gây thương tật cho con nào trong đàn không? Có nổi điên lên không? Vì đã sắp tới mùa động hớn của nó rồi. Anh phải đi giày trượt tuyết - chỗ thả đàn gia súc chẳng xa gì mấy. Anh quay về thật đúng lúc. Đang định đến báo cho Kazangap là mọi việc vẫn đâu vào đấy, cả đàn đang ăn cỏ dưới thung lũng Đuôi Cáo, tuyết đã tan gần hết, trời gió

nhẹ, vì thế cỏ dưới chân mấy ngọn đồi không còn bị ngập bằng nữa, chẳng có gì đáng ngại. Nhưng trước tiên, anh muốn ghé qua nhà, vút lại đôi giày đi tuyết. Vừa đến cổng, Saule - đứa con gái lớn - đã lộ mặt ra, hoảng hốt gọi to:

- Mẹ khóc đấy, bố ạ - Rồi biến đi mất.

Edigej dựng vội đôi giày bên cánh cổng, lo lắng chạy vào nhà.

Ukubala đang nức nở, to đến mức anh bỗng thấy nghèn nghẹn nơi cổ họng.

- Sao thế? Có chuyện gì vậy, mình?

- Hãy để cho hết thảy mọi thứ đáng nguyên rủa trên cõi đời này bị nguyên rủa đến tuyệt giống đi - Ukubala giọng chì chiết, lấp bắp.

Chưa bao giờ Edigej thấy vợ đau xót, giận dữ đến vậy. Chị là một phụ nữ cứng cỏi, đầu óc lúc nào cũng tỉnh táo.

- Tại anh đấy, tại anh cả đấy.

- Tôi làm sao kia? Tôi có lỗi gì nào? - Edigej sùng sốt.

- Anh cứ huyền thuyên với hai thằng bé khốn khổ ấy đủ điều, chứ còn sao nữa. Cho nên mới vừa rồi, có một đoàn tàu khách phải dừng lại, nhường đường cho đoàn tàu chạy ngược chiều. Thế là, vừa nhác thấy đoàn tàu khách rẽ vào đường tránh, hai thằng bé nhà Abutalip đã lao tới kêu âm lên: "Bố! Bố kia! Bố về kia rồi". Chúng cứ lao sát vào đoàn tàu. Tôi phải hối hả

chạy theo. Chúng chạy hết toa này sang toa khác, gào ầm ĩ lên: "Bố! Bố ơi! Bố đâu ạ!". Tôi nghĩ bụng, không khéo chúng lao đầu vào gầm tàu mất. Hai đứa chạy dọc suốt cả đoàn tàu dài, cửa đóng im ỉm. Mặc, chúng cứ chạy! Tôi lại phải đuổi theo. Vừa tóm được thằng bé, thằng lớn đã suýt giật khỏi tay tôi, đúng lúc đoàn tàu chuyển bánh. Hai đứa vừa thi nhau gào: "Bố cháu trên tàu kia, khéo bố xuống không kịp mất cô ạ!" vừa cố vùng ra bằng được. Ruột gan tôi rối lên. Nghĩ bụng: chúng cứ gào thét thế này, mình đến mất trí thôi. Thằng lớn, tôi còn phân bua được. Chứ thằng bé thì chịu. Anh ra mà thu xếp với nó! Đi đi! Chính anh bảo với chúng khi nào có tàu khách đến là bố chúng về, chứ ai? Chà, phải chi anh được nhìn tận mắt cảnh đoàn tàu chạy xa rồi mà vẫn không thấy bố chúng xuống. Trời ơi, giá anh chúng kiến cảnh ấy? Đã biết cơ sự là thế, đã biết bố con chúng nó quẩn nhau đến thế rồi, còn phỉnh phờ chúng làm gì nữa chứ? Bắt chúng đau khổ đến thế, được lợi lộc gì nào?

Edigej sang nhà hai thằng bé, như bước ra pháp trường. Anh chỉ còn biết cầu khẩn thượng đế hãy đoái thương anh, tha cho anh trước lúc lìa đời cái tội đã vô tình đánh lừa hai linh hồn non nớt, cả tin! Nào anh có muốn làm điều ác với chúng. Bây giờ, còn biết ăn nói với hai đứa bé thế nào đây?

Vừa nhác thấy anh, Ermek và Daul vẫn còn giằng giụa nước mắt và mặt mũi sung húp đến chẳng còn nhận đứa nào ra đứa nào nữa, đã gào ầm lên, nhanh nhẩu cướp lời nhau, cố cất nghĩa cho anh biết đoàn tàu đã dừng lại ở khúc đường tránh, nhưng bố chúng không kịp xuống, và nài nỉ anh ra chặn giúp đoàn tàu lại...

- *Sadyndym, papikamdy. Sadyndym, sadyndym*^(*) - Ermek kêu to, van nài bằng cả đáng điệu, niềm tin, hy vọng, lẫn đau xót.

- Bác biết cả rồi. Yên nào, yên nào, đừng khóc nữa, các cháu... Edigej thử tìm cách giảng giải, an ủi hai thằng bé đang kêu khóc thảm thiết. Nhưng tự kềm chế, không để mình gục ngã, không tỏ ra bối rối, hoảng hốt trên nét mặt, để hai đứa trẻ đừng nhận biết mình mềm yếu, bất lực... anh thấy còn gay hơn - Nào, bây giờ ta đi xem sự thể ra sao, các cháu nhé! - Nhưng đi đâu? Đến đâu? Kêu với ai? Làm gì bây giờ? Cư xử ra sao? - Anh tự nhủ - Được, bây giờ ta hăng ra ngoài kia một lát, ngẫm nghĩ, bàn xem, các cháu ạ - Edigej hứa hẹn một điều rất mơ hồ, lấp bắp những câu chẳng mạch lạc gì cả.

Anh đến bên Zaripa. Chị đang nằm vùi trên giường, mặt úp xuống gối.

(*) Cháu khổ lắm rồi, đã kiệt sức vì buồn nhớ. (Chú thích của tác giả)

- Zaripa, Zaripa - Edigej khẽ lay vai người thiếu phụ.

Chị vẫn nằm yên, không ngẩng đầu lên.

- Mấy bác cháu tôi ra ngoài kia, đi dạo loanh quanh một lúc, rồi đưa các cháu sang bên nhà tôi chơi luôn - anh nói với Zaripa - Thôi, tôi đi với hai cháu đây, nhé!

Đó là điều duy nhất anh có thể nghĩ ra để an ủi chúng, cho chúng khuây khỏa và cũng để cho chính mình có thì giờ lo liệu. Anh công thẳng Ermek lên lưng, tay dắt thẳng Daul, kéo đi. Ba bác cháu lững thững bước dọc đường tàu, chẳng có chủ đích gì. Chưa bao giờ Edigej-Bảo Tuyết xót xa vì những nỗi bất hạnh của người khác, như lúc này. Ngồi trên lưng anh, thẳng Ermek vẫn thút thít khóc thầm, phủ vào gáy anh những hơi thở buồn rầu, nóng hổi. Nó áp chặt tấm thân bé bỏng, quắt queo đi vì buồn nhớ vào người anh, ghì chặt cả hai tay vào cổ anh đầy tin cậy. Cả thẳng Daul cũng bấu chặt lấy tay anh. Đến nỗi anh suýt buột miệng bật lên tiếng kêu xót xa, ái ngại cho hai đứa trẻ.

Ba bác cháu đi dọc đường tàu, giữa những cánh thảo nguyên Sarozek vắng lặng không gì khác ngoài những đoàn tàu qua lại, bánh nện ầm ầm trên đường ray, khi về hướng này, khi về hướng kia. Chuyển lao đi, chuyển lao tới, thế mãi...

Và Edigej lại phải nói dối hai đứa trẻ một lần nữa, khi bảo rằng chúng đã nhầm: Đoàn tàu tình cờ rẽ vào chỗ đường tránh đó là từ hướng này chạy tới; còn bố chúng phải từ hướng kia lại. Bố chúng nhất định phải về, nhưng chắc phải chờ ít lâu nữa. Bố chúng được phái xuống một con tàu, làm thủy thủ. Bao giờ con tàu họ quay mũi, sau một chuyến du lịch xa, bố chúng mới được về nhà. Phải đợi thêm ít lâu nữa. Theo anh nghĩ, những lời dối trá ấy hẳn sẽ giúp lũ trẻ khỏi ngã quy lúc này, chứ điều đó mai kia, nhất định phải trở thành sự thật thôi. Edigej tin chắc Abutalip Kuttybaev thế nào cũng sắp về. Chỉ ít lâu nữa người ta sẽ biết rõ thực hư, phải trái, và Abutalip về ngay, không nấn ná dù chỉ một giây, khi vừa được tin trả lại tự do. Một ông bố yêu quý con đến thế, hẳn chẳng chậm trễ một giây nào đâu... Chính vì vậy, Edigej mới dám đánh lừa anh em chúng nó. Biết rõ con người Abutalip, Edigej hình dung được hết anh ấy sẽ phải trải qua những nỗi đau khổ nhường nào, khi phải sống cô đơn, xa vợ xa con. Người khác, có lẽ sẽ không cảm nhận hết được những nỗi cơ cực khi phải tạm chia lìa một cách nhúc nhối, day dứt, như Abutalip; nhưng dẫu vậy, người ấy vẫn nuôi hy vọng sớm được trở về. Đằng này, đối với Abutalip - Edigej tin chắc thế - chuyện đó quả thật là một hình phạt hết sức nặng nề. Và Edigej lo sợ thay cho người bạn cũ

đang lâm vào cảnh tù tội. Không biết liệu Abutalip có chịu đựng nổi, có chờ đợi được không cái ngày sẽ phân rõ trắng đen, phải trái, cái ngày sẽ được trở về sống bên vợ bên con...

Trước đó, Zaripa đã gửi mấy bức thư lên các cấp hữu quan, hỏi tin chồng và yêu cầu báo cho chị biết: chị có thể gặp gỡ, thăm hỏi anh không. Đợi mãi vẫn chưa thấy thư trả lời. Bác Kazangap và Edigej cũng đã nát óc đoán mò nguyên do. Nhưng cả hai đều cho rằng tại ga Boranly-Bảo Tuyết không có đường bưu điện trực tiếp với tỉnh, nên thư từ gửi đi bao giờ cũng phải chuyển qua tay ai đó, hoặc chuyển lên tận ga chính Kumbel; còn thư về cũng phải qua Kumbel hoặc gửi nhờ đường dây "quen biết, thân cận"... Liên lạc theo kiểu đó chả mấy khi nhanh chóng được, chuyện này ai còn lạ.

Thế rồi, một hôm đã xảy ra câu chuyện sau đây...

Cuối tháng Hai, bác Kazangap bỗng nảy ra ý định lên Kumbel thăm thẳng con trai là Shabitzhan, đang học trường nội trú trên ấy. Đang mùa đông, đi nhờ tàu hàng lạnh đến chết rét mất. Rúc vào các toa tàu chẳng ai cho, vì đã có lệnh cấm. Còn ngồi ở hai đầu toa trống trải, chịu sao nổi những đợt gió như cắt thịt. Thế là bác lúi lắt đà ra, đóng yên cương vào. Mặc thật ấm, cười lạc đà vẫn ung dung chán. Cả đi lẫn về, chỉ mất độ một ngày, nếu kể thêm

cả khoản thời giờ ghé vào các cửa hiệu mua sắm các thứ hoặc làm việc này việc nọ.

Ngay chiều hôm ấy, bác Kazangap đã quay về thật. Thấy ông bạn về sớm, Edigej bụng bảo dạ chắc có điều gì làm ông ta phát ý chẳng, hoặc gặp chuyện buồn phiền về thằng con trai trên trường nội trú. Chứ tội gì phải hành hạ thân già ngật ngà ngật ngưỡng trên lưng con vật suốt những ngàn ấy dặm đường, chỉ trong già nửa ngày trời.

Edigej lên tiếng trước:

- Thế nào, chắc đường xá vất vả lắm nhỉ?
- Cũng chả đến nỗi nào - Kazangap đáp khẽ, trong khi vẫn cúi húi với đồng đồ lễ mang từ trên tỉnh về. Nhưng ngẫm nghĩ một lát, bác liền ngoái xuống hỏi bạn:

- Chú về nhà ngay hay còn đi đâu nữa?
- Về ngay nhà.
- Tôi có chút việc... Chú về trước. Tôi sang ngay đây.
- Vâng, bác đến nhé!

Bác Kazangap không bắt bạn phải chờ lâu. Cùng đến với chồng, có cả bác Bukej nữa. Chồng đi trước, vợ theo sau, chỉ cách nhau mấy bước. Cả hai đều lộ vẻ lo lắng. Vẻ mặt bác mệt mỏi, cổ như dài thêm ra, hai tay buông thõng, hàng ria mép rũ xuống. Bà vợ to béo đang thở dốc,

tim như đang nhảy nhót trong lồng ngực, không cho bà thở bình thường.

- Chết chưa, trông cứ như hai bác vừa cãi nhau xong ấy - Ukubala cười - Đưa nhau đến đây làm lành chứ gì? Nào, mời hai bác ngồi.

- Giá chỉ cãi nhau thôi, đã phúc - bà Bukej đáp, giọng vẫn khề khề như kéo bễ.

Nhìn trước nhìn sau một lúc, bác Kazangap gặng hỏi:

- Lũ trẻ nhà chú thím đâu?

- Chúng sang chơi với hai thằng bé bên cô Zaripa - Edigej đáp - Bác cần nhờ chúng việc gì chẳng?

- Tôi mang tin dữ trên ấy về đây - Bác Kazangap nói, mắt nhìn chăm chăm vào hai vợ chồng Edigej. Hăng khoan cho bọn trẻ biết vội. Thật là tai vạ. Abutalip chết trong tù rồi!

- Bác bảo sao cơ? - Edigej chồm dậy, còn Ukubala trót buột miệng kêu lên một tiếng, liền vội vàng đưa tay bưng miệng, mặt trắng bệch như phấn.

- Anh ấy mất rồi! Tội nghiệp mấy đứa trẻ bất hạnh. Mới tí tuổi đầu mà đã mồ côi bố - Bà Bukej than vãn bằng cái giọng nửa khò khè, nửa thủ thỉ.

- Tại sao chết, hả? - Edigej vẫn chưa tin vào tai mình, hốt hoảng hỏi đến bác Kazangap.

- Người ta đã tư giấy về trên ga Kumbel đấy.

Rồi cả bốn đều nín lặng, tránh nhìn mắt nhau.

- Rõ khốn khổ. Rõ khốn khổ - Ukubala ôm đầu, rên rỉ.

- Thế cái giấy ấy đâu? - Mãi một lúc sau, Edigej mới lên tiếng hỏi tiếp.

- Trên ấy, trên ga ấy - Bác Kazangap bắt đầu kể - Đến trường thẳng bé nhà tôi rồi, tôi mới chợt nhớ phải ghé vào quầy hàng trong phòng đợi đẳng ga, mua mấy bánh xà phòng cho bà Bukej nhà tôi. Tôi vừa đến cửa, gặp ông trưởng ga Chernov từ trong ga bước ra. Chúng tôi chào nhau - vì ông ấy với tôi là chỗ quen biết cũ - ông ta bảo ngay: "Chà! Đang mong, may quá lại gặp được bác. Vào phòng làm việc của tôi một lát đã. Nhờ cầm giúp cái thư, mang về dưới ấy hộ, có thể thôi". Ông ấy mở cửa, cả hai cùng vào. Ông ấy lôi trong ngăn bàn ra một phong bì, chữ đánh máy nhé, chứ không phải viết tay. Ông ấy bảo: "Abutalip Kuttybaev làm việc ở chỗ bác phải không?". Vâng - tôi đáp - chỗ tôi, nhưng sao kia? "Cái công văn này gửi đến đã ba hôm rồi. Nhưng chẳng có ai để nhờ chuyển về dưới Boranly-Bảo Tuyết cả. Đây, bác cầm giúp về, đưa hộ cho vợ anh ấy. Trong này họ trả lời những điều chị ấy hỏi. Anh ấy đã

chết, trong này họ viết thế?". Rồi ông ta nói mấy chữ gì lạ tai lắm, tôi không hiểu. "Vì nhồi máu cơ tim" - ông ta bảo vậy. Tôi liền hỏi ngay: nhồi máu cơ tim là thế nào? Ông ấy đáp: "Huyết tắc, nghẽn lại trong tim ấy mà". Đại để là tim anh bị vỡ. Tôi ngồi, nhưng ruột gan cứ rối bời. Lúc đầu, không tin, tôi cầm tờ công văn lên xem. Trong giấy viết đại để thế này: Gửi trưởng ga Kumbel, đề nghị báo cho nữ công dân làm việc ở ga Boranly-Bảo Tuyết câu trả lời chính thức của cơ quan hữu trách về những đề nghị của đương sự - tiếp đó, họ cho biết: công dân Abutalip Kuttybaev bị tình nghi vì lý do thế này thế nọ, đã chết vì một cơn đau tim đột ngột. Đấy, trong giấy đại để ghi thế. Đọc xong, tôi ngược nhìn ông ta, người thừa ra, chưa biết phải làm gì. "Đấy, cơ sự như thế đấy - Chernov nói, hai tay giang rộng. - Bác cầm về, chuyển giúp cho chị ấy". Tôi bảo: Không, tôi chả cầm về đâu. Tôi không muốn chuốc lấy cái vạ là người đem tin dữ về. Con cái anh ấy còn thơ dại, tôi nữ nào hủy hoại cả cuộc đời lũ trẻ. Thôi, việc ấy tôi chịu thôi - tôi bảo ông ta thế. Rồi nói tiếp: để tôi về Boranly, bàn tính với anh em xem nên làm gì, rồi mới dám quyết. Hoặc chúng tôi sẽ cử người lên đây, nhận cái tin này mang về, như người ta đi rước một người chết vậy - vì đây là một nhân mạng đã từ già cỗi trần, chứ đâu phải con chim sẽ chết. Hoặc tốt hơn cả, nên để chính chị Zaripa

Kuttybaev, vợ anh ấy, đích thân lên đây nhận từ chính tay anh. Và anh sẽ tự kể với chị ấy mọi chuyện. Nghe tôi nói thế, ông ấy liền bảo: "Thôi được, cái đó tùy bác. Có điều, tôi cũng chẳng biết kể gì, giải bày gì. Các chi tiết, tôi nào biết. Tôi chỉ trao cái công văn này, đúng như chức trách của tôi, thế thôi". Tôi bảo ông ấy: Anh thứ lỗi cho, nhưng hẳn cứ để cái công văn kia lại đây, tôi sẽ nhắn miệng cho chị ấy, rồi anh em chúng tôi sẽ bàn nên làm gì. "Thôi được, liệu thế nào, tùy bác" - ông Chernov nói. Thế là tôi bước ra ngay, hồi hã về đây. Suốt dọc đường, tôi vừa thúc cón lạc đà rảo bước, vừa nát óc nghĩ không biết phải làm gì bây giờ? Trong chúng ta, ai dám cả gan báo cái hung tin ấy cho mẹ con Zaripa?

Kazangap nín lặng. Lung Edigej còng xuống, như bị cả một quả núi đè lên trên.

- Bây giờ ta tính sao đây? Kazangap hỏi, nhưng chẳng ai lên tiếng trả lời.

- Tôi biết ngay mà - Edigej rầu rĩ lắc đầu
 - Anh ấy không chịu nổi cảnh cha con xa nhau. Chính chuyện đó khiến tôi lo nhất đấy. Quả y như rằng anh ấy đã không chịu đựng nổi. Buồn rầu là chuyện đáng sợ nhất. Cứ trông cái cảnh lũ con anh ấy nhớ bố đủ biết - thật nhín mà phát sợ. Phải chi anh ta là ai khác, thôi cứ mặc, gắng chờ ít lâu người ta sẽ đem ra xử - chẳng biết vì tội gì nữa, nhưng cứ cho là sẽ bị đem ra

xử đi - rồi cần rằng ngồi tù một vài năm hoặc năm ba năm gì đó, rồi thế nào cũng được tha về. Đạo bị bọn Đức bắt đưa vào trại tập trung, anh ấy vẫn chịu đựng được. Rồi những năm chiến đấu bên Nam Tư nữa, đâu có sung sướng gì. Thế mà trong suốt chừng ấy năm trường trên đất khách quê người, anh ấy vẫn vững. Chỉ vì hồi ấy đang còn một thân một mình, gia đình vợ con chưa có, muốn thế nào tùy thích. Còn bây giờ khác. Nói như các cụ, nó như một khúc ruột bị cắt lìa ra, phải xa cái mà anh ta thân thiết nhất: bố một nơi, con một nẻo. Đấy, tai họa chính là chỗ ấy đấy.

- Đúng thế. Tôi, tôi cũng nghĩ như thế - Kazangap tán thành - tôi không tin con người ta lại có thể chết vì bị chia lìa. Ấy là chưa kể anh ấy còn trẻ, thông minh, lại nhiều chữ nghĩa nữa, và vẫn còn hy vọng đến một lúc nào đó người ta sẽ phân xử phải trái và sẽ trả lại tự do cho anh ấy. Vì anh ấy đâu có tội tình gì mà phải lo. Về lý trí, dĩ nhiên anh ấy thừa hiểu. Nhưng trái tim hóa ra lại không chịu đựng nổi...

Rồi cả bốn người cứ ngồi thừ như thế một lúc lâu ngẫm nghĩ về tình thế, muốn tìm cách gì đó giúp Zaripa đủ sức đón nhận cái tin kia. Nhưng dù nghĩ gì, đoán gì, trước mắt họ, rốt cục vẫn là tình thế bi đát: lũ con thế là mất bố, cô út, Zaripa trở thành góa bụa. Mãi sau,

Ukubala đã nói lên được một điều ai cũng cho là khôn ngoan nhất:

- Hãy để cho chính Zaripa lên ga Kumbel nhận tờ công văn nọ. Chị ấy sẽ biết được tin sét đánh trên ấy, chứ không phải tại đây, trước mặt hai đứa con. Vì chị ấy sẽ lo liệu cả lúc ở trên ga, lẫn lúc trên đường về. Chị ấy sẽ có đủ thì giờ để ngẫm nghĩ phải làm gì, nên cho hai thằng bé biết chuyện chưa hay hăng để thư thả. Chắc chị ấy sẽ quyết định nán đợi ít lâu, lúc chúng khôn lớn hơn tí chút và nỗi nhớ thương cha đã nguôi ngoai phần nào. Chứ bảo ngay với chúng lúc này thì gay đấy...

- Mình nói phải đấy - Edigej đồng tình ngay
- Cô ấy là mẹ, phải để cô ấy tự định liệu đã nên hay chưa cho hai thằng bé biết tin cha chúng mất. Riêng tôi, tôi chịu... - Edigej không nói tiếp được nữa, lưỡi anh ta cứng lại. Anh hăng giọng cố kìm giữ nỗi xót thương đang nghẹn ngào trong cổ.

Khi mọi người đều ngả theo hướng này, Ukubala quay sang Kazangap, khuyên người bạn quý của chồng:

- Bác Kazake a, bác cứ bảo với Zaripa rằng ông trưởng ga Kumbel đang giữ thư từ gì gửi cho cô ấy. Nghe đâu là thư trả lời về những đề nghị của cô trước đây. Họ bảo phải giao tận tay người nhận - Rồi chị quay sang chồng - Giữa

ngày đông tháng giá thế này, không nên để cô ấy lên tỉnh một mình. Trên ấy, Zaripa lại chẳng có bạn bè thân thích. Điều đáng sợ nhất trong lúc lâm hoạn nạn là cảnh cô đơn. Anh nên đi với cô ấy Edigej ạ, cho có bạn trong những giờ phút gay go này. Với lại thiếu gì chuyện có thể xảy ra trong lúc nổi bất hạnh đang giáng xuống đầu. Anh bảo là phải lên ga thu xếp công việc, rồi đi cùng cô ấy một thể. Lũ trẻ cứ để ở nhà với mấy mẹ con em.

- Được thôi - Edigej bằng lòng ngay với những lý lẽ vợ đưa ra - Mai anh sẽ bảo với Abilov là cần đưa Zaripa lên tỉnh khám bệnh gấp. Để anh ấy cho tàu dừng lại chốc lát ngoài ga.

Mọi việc thế là đã quyết định. Nhưng mãi hai hôm sau mới có chuyến lên Kumbel. Và đoàn tàu quả đã dừng lại theo yêu cầu của trưởng ga. Hôm đó là mồng năm tháng ba. Edigej-Bảo Tuyết sẽ mãi mãi ghi nhớ ngày hôm ấy.

Họ lên một toa chung. Hành khách đông nghẹt. Lắm người mang cả gia đình, con cái, nồi niêu xoong chảo, chăn chiếu dùm để, lĩnh ca lĩnh kính. Đã chật chội, mà người qua kẻ lại cứ liên miên, khói thuốc mù mịt trong toa. Tiếng trò chuyện, kêu la râm ran khắp nơi: người thì bài bạc đến mù đầu mù óc, kẻ lại to nhỏ rỉ tai nhau chuyện sinh hoạt đất đỏ, chuyện chồng con nghiện ngập, chuyện để bỏ, cưới hỏi, ma chay... Phần lớn đều là khách đi xa. Họ mang theo tất cả

những gì làm nên cuộc sống thường ngày của họ. Về phần mình, Zaripa và Edigej chỉ chia sẻ bất hạnh và đau khổ với khách đi tàu có một thói đường ngăn ngủi.

Dĩ nhiên là Zaripa mất hết tự chủ. Khắc khoải và lo âu, chị nín lặng suốt thời gian trên tàu. Lòng chị bồn chồn, không biết tin lành hay dữ đang đợi mình trên ga Kumbel. Edigej cũng nín thinh.

Trên đời có những người thật tinh ý, rất dễ động lòng trắc ẩn: ngay từ cái nhìn đầu tiên, họ đã nhận thấy người khác đang gặp chuyện không may. Khi Zaripa vừa đứng dậy, bước ra chỗ đầu toa, rồi dừng lại bên một khung cửa sổ, một bà lão người Nga, ngồi đối diện với Edigej, đã ngược cặp mắt nhân hậu, xưa kia hằn xanh biếc, còn giờ đây đã đục mờ vì tuổi tác, nhìn anh, hỏi khẽ:

- Sao, vợ bị ốm nặng, hả con?

Edigej giật nảy người.

- Em gái chứ không phải vợ đâu, mẹ ạ. Con đưa cô ấy đến bệnh viện đấy ạ!

- Thảo nào nhìn qua, mẹ biết ngay cô ấy đang gặp điều không may. Người nó gầy vêu vao. Cặp mắt dờ dẩn vì đau khổ, chắc nó đang có điều lo sợ trong lòng. Sợ nhà thương không dò ra cái căn bệnh hiểm nghèo gì đó đang hành hạ nó. Ôi dào, kiếp người thật trớ trêu. Không sinh

ra thì chẳng được sống trên đời mà sinh ra thì gặp toàn bất hạnh. Kiếp người là thế. Nhưng chúa rất nhân từ, con ạ. Em con hãy còn trẻ trung, mọi cái rồi sẽ qua thôi - bà già an ủi, thấu rõ nỗi khắc khoải và buồn rầu đang giày vò Zaripa mỗi lúc một tăng, khi tàu tiến đến gần ga.

Chạy chừng một tiếng rưỡi đồng hồ, tàu đã đến Kumbel. Hành khách trên tàu hoàn toàn dừng đọng với chuyện hôm nay họ đã qua những ga nào. Ai cũng chỉ hỏi về ga sắp tới. Hai bên đường tàu, thảo nguyên Sarozek mênh mông, tuyết trắng vẫn ngủ yên trong khoảng không gian vắng lặng, trải dài đến tận chân trời quanh hiu. Nhưng đâu đâu những dấu hiệu đầu tiên của mùa Xuân đã bắt đầu xuất hiện. Những mô đất cao trên sườn đồi đó đây đã sẫm màu, băng trên các mép khe vực đã nứt nẻ, đất đen đã hiện ra trên các đỉnh đồi, và khắp nơi tuyết đã bắt đầu nhão đi vì những cơn gió ẩm bùng giắc trên thảo nguyên, khi tháng Ba về. Nhưng mặt trời vẫn còn khuất sau những đám mây thấp lè tè, xám xịt và sũng nước. Mùa đông vẫn còn gồng gượng sống: tuyết ẩm có thể trút xuống tiếp, bão tuyết vẫn có thể ập đến hoành hành...

Edigej vẫn ngồi nguyên chỗ cũ, đối diện với bà cụ phúc hậu, thỉnh thoảng trò chuyện cùng bà và mắt nhìn ra cửa sổ, chứ không đến chỗ nối toa với Zaripa. Anh nghĩ bụng, cứ để cô ấy

đứng đó, một mình bên cửa sổ toa tàu, để ngẫm nghĩ cho kỹ về tình thế của gia đình. Chắc một linh cảm nào đó sẽ nhắc nhở cô được điều gì chẳng? Có lẽ cô đang nhớ lại chuyến đi hồi đầu thu năm ngoái. Hồi đó, họ cũng đi cùng, mang theo cả gia đình, bốn đứa con thơ, quá giang một chuyến tàu hàng lên Kumbel, kiếm dưa bở và dưa hấu. Một chuyến đi thật hạnh phúc. Mãi đến giờ, lũ trẻ vẫn nhớ, như nhớ một ngày hội lớn khó quên. Mọi chuyện như vừa mới xảy ra cách đây mấy ngày. Hôm đó, Edigej và Abutalip ngồi bên nhau, cạnh một cửa toa hé mở cho thoáng gió, trò chuyện đủ mọi thứ trên đời. Bốn đứa trẻ quây quần bên hai ông bố, dưa mắt ngắm nhìn những dãy đất chạy dài hai bên đường tàu. Còn Zaripa và Ukubala thì cũng đang chụm đầu bên nhau, tâm sự đôi điều gì đó. Lúc xuống tàu, họ đưa nhau vào cửa hàng mua sắm, và loanh quanh dạo chơi trên mảnh sân rộng trước nhà ga. Tiếp đó, cùng vào xem chiếu bóng, rồi rẽ sang một hiệu cắt tóc. Lũ trẻ ăn kem. Nhưng nực cười nhất là dù khuyên bảo thế nào, thằng Ermek vẫn khăng khăng không chịu ngồi vào chiếc ghế bác thợ cạo. Chẳng hiểu sao nó quá sợ cái lưỡi tông-đơ bằng thép khi dí vào đầu. Và Edigej nhớ rõ là đúng lúc đó, Abutalip bỗng hiện ra trước cửa hiệu, thằng bé vội vàng lao đến với cha. Anh ôm chầm lấy con, áp chặt nó vào người, như mình là cái mộc che cho con thoát khỏi bàn

tay gieo tai vạ của bác thợ cạo. Rồi Abutalip nói là anh sẽ thuyết phục cháu, ít lâu sau hẵng cắt tóc cho nó, chứ bây giờ đành chịu thua. Mái tóc xoăn, đen bóng của thằng bé, từ lúc lọt lòng mẹ đến giờ vẫn chưa hề biết mùi dao kéo. Bây giờ, bố nó mất rồi, còn biết trông cậy vào ai?

Một lần nữa, không biết là lần thứ mấy, Edigej-Bảo Tuyết thử tự cắt nghĩa vì lẽ gì Abutalip lại chết, không nán đợi được đến ngày người ta đem vụ án ra xét xử đến nơi đến chốn. Anh vẫn đi đến kết luận hợp tình duy nhất: đó chính là nỗi nhớ nhung tuyệt vọng hai đứa con trai, đã hủy hoại trái tim người giáo viên tội nghiệp. Chính cảnh chia lìa, mà gánh nặng của nó chẳng phải ai cũng hiểu nổi, chính nỗi đau khổ vì tình cảnh hai đứa con thơ, mà thiếu chúng, anh cảm thấy cuộc sống trở nên vô nghĩa, vì chúng là hơi thở, là nhịp đập của trái tim anh - giờ đây bị cắt lìa khỏi bố, bị bỏ mặc trong số phận trớ trêu, tại một ga xép, giữa thảo nguyên Sarozek hoang vu, khô cằn; chính những cái đó đã giết chết anh...

Tâm trí Edigej vẫn không sao dứt khỏi những ý nghĩ ấy, cả khi anh ngồi trên chiếc ghế dài trong mảnh sân rộng trước nhà ga, đợi Zaripa. Hai người đã ước với nhau là Edigej sẽ chờ người thiếu phụ tại đây, trên chiếc ghế này, trong lúc chị vào gặp ông trưởng ga để nhận thư.

Mới đúng bóng, nhưng tiết trời chẳng hứa hẹn điều gì tốt lành cả. Bầu trời thấp lè tè, đầy

mây, không sao hừng lên nổi. Từ trên cao, chốc chốc sa xuống khi thì những bông tuyết, khi thì những giọt mưa lạnh, đáp thẳng vào mặt anh. Gió ẩm từ thảo nguyên thổi vào, mang theo hương vị đất ẩm pha mùi tuyết đang tan. Edigej thấy ớn lạnh, khó chịu trong người. Thường ngày, anh thích đứng trò chuyện cùng hành khách ngay giữa cảnh chen chúc, xô đẩy trên sân ga, tuy bản thân anh chẳng đi đâu xa và cũng chẳng hề bận rộn chuyện gì. Còn bây giờ, anh lại phải ngồi yên nhìn cảnh hành khách xuống tàu, chạy đi chạy lại tíu tít trên sân ga, chẳng khác nào ngồi xem một cuốn phim.

Lần này, tất cả những chuyện đó không hề khiến Edigej bận tâm. Anh lấy làm lạ, sao mặt ai cũng lãnh đạm, cũng mờ nhạt, dửng dưng và mệt mỏi, cứ như cố lẫn tránh nhau vậy... Thêm nữa, điệu nhạc từ chiếc loa phóng thanh, đang cất giọng rè rè trước cửa ga, tấu một khúc nhạc buồn, đơn điệu và tẻ ngắt. Nhạc gì ghê thế nhỉ? Sao người ta cứ tấu mãi một điệu ấy? Rồi vang lên khe khẽ giọng nói trang trọng, đĩnh đạc của phát thanh viên. Rồi điệu nhạc ban nãy lại cất lên...

Đã hai mươi phút, có khi hơn nữa, trôi qua, kể từ lúc Zaripa mất hút trong tòa nhà bé thế của ga Kumbel. Edigej bắt đầu lo lắng. Mặc dù chính anh đã hẹn chắc với Zaripa là anh sẽ ngồi đợi cô trên chiếc ghế dài này - chính cái nơi mà lần trước vợ chồng cô và hai thằng bé đã cùng

ngồi ăn kem bên nhau - nhưng anh vẫn quyết định ghé vào trong ga, xem thử có chuyện gì không.

Vừa đến cửa, đã gặp cô. Anh bất giác rung mình. Zaripa nổi bật lên giữa đám đông đang vào ga tấp nập. Về mặt cô hoàn toàn đứng đưng với hết thấy những gì đang diễn ra chung quanh. Tái nhợt như một thầy ma, cô lặng lẽ bước đi, mắt chẳng nhìn chẳng thấy, như đang trong cơn mê ngủ, cũng chẳng buồn để ý đến chung quanh, cứ như thể quanh cô chẳng hề có gì đang tồn tại. Cô như kẻ mù lòa đi giữa sa mạc, đầu hơi ngẩng lên, đôi môi đau xót, mím chặt. Edigej dừng lại khi cô đến gần. Zaripa lưỡng lự bước tới, dường như phải lâu lắm cô mới vượt qua được cái khoảng cách ngắn giữa hai người, vẫn cái dáng như đang mơ ngủ, và nhìn cách đi với đôi mắt trống rỗng ấy, Edigej phát hoảng lên. Tưởng chừng cả một thế kỷ đã trôi qua, tối tăm, lạnh lẽo, khắc khoải, đợi chờ, Zaripa mới đến được bên anh, tay cầm mảnh giấy, đứng trong chiếc phong bì với dòng địa chỉ đánh máy như Kazangap đã tả. Và vừa đến nơi, cô đã nói ngay, môi vẫn mím chặt:

- Anh đã biết cả rồi ư?

Edigej chậm rãi cúi thấp đầu.

Zaripa gieo người xuống ghế, đưa hai tay lên bụng mặt và ôm chặt lấy đầu như thể nó có thể vỡ tung ra từng mảnh. Rồi khóc nức lên cay

đắng, rúm ró người lại, phó mặc bản thân cho nỗi tang thương và mất mát. Cô khóc ròng, thu người thành một khối đau khổ, càng lúc càng chìm sâu vào bản thân, vào nỗi đau đớn khôn cùng. Còn Edigej ngồi bên cô, tâm trạng anh cũng hết như lúc người ta lòi Abutalip đi. Anh sẵn sàng thế chân Abutalip, đứng vào địa vị bạn, hứng chịu hết mọi nỗi đau khổ không chút suy tính, miễn che chở được cho người thiếu phụ, tránh được cho cô cái tai họa tày trời kia. Tuy nhiên, anh hiểu rằng không gì có thể an ủi được cô, cất được gánh nặng trên đôi vai gầy guộc kia, chùng nào con xúc động choáng người do nỗi bất hạnh kia mang đến chưa nguôi.

Hai người cứ ngồi lẳng như thế trên chiếc ghế dài, trong mảnh sân rộng trước cửa ga. Zaripa khóc ròng, chốc chốc lại nấc lên, và trong một lúc sơ ý, cô đã để vượt mất khỏi tay chiếc phong bì nhàu nát đựng bên trong mảnh giấy ác nghiệt.

Giờ thì ai cần đến nó nữa, mảnh giấy ấy, khi chính con người thật, có tên trong đó, đã không còn nữa? Nhưng Edigej vẫn nhặt chiếc phong bì lên, cất nó vào túi áo. Rồi anh rút khăn tay trong túi mình ra, dúi vào tay Zaripa, ép chặt mấy ngón tay ấy lại cho chiếc khăn khỏi tuột đi, bắt người thiếu phụ phải nâng nó lên, chặm những giọt nước mắt ràn rụa. Nhưng cả việc đó nữa cũng chẳng giúp ích được gì.

Điệu nhạc truyền qua chiếc loa phóng thanh đặt trên nóc nhà ga, như một khúc nhạc tang, buồn khôn xiết. Bầu trời tháng Ba xám xịt, ướt át, sà thấp xuống, chụp trên đầu thị trấn Kumbel. Gió giật từng cơn khiến lòng người càng u ám thêm. Người qua kẻ lại, nếu để mắt đến Zaripa và Edigej, chắc sẽ nhủ thầm: rõ khổ, anh chị chắc lại xích mích gì với nhau đây, xem chừng anh ta chắc đã quá nặng lời với vợ đấy mà... Nhưng hóa ra chẳng phải ai cũng nghĩ thế.

- Khóc đi, khóc nữa đi... các bạn - một giọng nói đầy thông cảm chọt vang lên bên tai Edigej - Vị cha già kính mến của chúng ta đã tạ thế rồi. Mất Người, chúng ta rồi sẽ ra sao đây?

Edigej ngẩng đầu lên. Trước mặt anh là một thiếu phụ choàng áo dạ thò cổ kỹ của binh sĩ, tay chống nạng. Một chân của cô cắt đến gần sát bẹn. Anh biết bà ta. Đó là một cựu chiến binh, trước làm tại quầy bán vé nhà ga. Người nữ cựu chiến binh nước mắt ràn rụa, vừa chống nạng bước đi vừa nức nở, miệng không ngớt lẩm bẩm: "Khóc đi. Khóc nữa đi. Mất Người, chúng ta rồi sẽ sống thế nào đây?". Rồi vừa nức nở, vừa đi xa dần, kéo lê đôi nạng đã mòn, cặp dưới nách, khiến đôi vai hơi nhô lên một cách thiếu tự nhiên. Cứ sau tiếng "cách" khô khan của đôi nạng gỗ chạm đất, Edigej lại nghe một tiếng "cộc" vang lên từ chiếc ủng lính cũ kỹ, vệt gót, độc nhất, của bà cựu chiến binh...

Edigej chỉ hiểu được câu nói của bà ta, khi anh nhìn thấy một đám người bất thần vây quanh trước cửa ga. Ai nấy đều ngược nhìn lên một bức chân dung lớn vẽ Stalin, mặc quân phục, viên băng tang, do mấy người đang bắc thang treo lên ngay giữa cửa chính.

Anh đã hiểu vì lẽ gì điệu nhạc trên đài phát thanh lại ngân lên bi thương đến vậy. Giá lúc khác, anh đã đứng lên, chạy đến bên những người đang vây quanh trước cổng ga, để nhìn xem điều gì đã xảy ra với bậc vĩ nhân mà, nếu thiếu Người, không ai có thể hình dung nổi cục diện thế giới sẽ xoay chuyển ra sao. Nhưng lúc này, nỗi đau khổ riêng tư cũng đã choán hết cả lòng anh rồi. Anh không hề thốt ra một lời nào. Cả Zaripa nữa, chị chẳng để tâm đến ai, cũng như đến bất cứ điều gì khác lúc này...

Các đoàn tàu vẫn lăn bánh trên đường, như chúng đã từng qua lại lâu nay, cho dù trên đời có xảy ra chuyện gì đi nữa. Cứ nửa giờ, tàu tốc hành mang số hiệu 17 vẫn phải chạy qua đây. Cũng như tất cả những tàu khách, chuyến này không bao giờ đỗ lại các ga xép như ga Boranly-Bảo Tuyết. Vẫn theo thời gian biểu ấy, đoàn tàu sẽ chạy thẳng. Không một ai có thể ngờ rằng lần này, đoàn tàu số 17 kia phải đỗ lại ga Boranly-Bảo Tuyết - Edigej tự nhủ như thế, vừa dứt khoát, vừa bình thản. Anh khề bảo Zaripa:

- Ta phải về sớm, Zaripa ạ. Chỉ còn có nửa giờ nữa thôi. Bây giờ cô hãy ngẫm nghĩ cho chín sẽ phải làm gì - nên cho lũ trẻ biết tin buồn ấy chưa, hay hãy chờ ít lâu nữa. Tôi sẽ chẳng an ủi cô đâu, mà cũng chẳng nhắc nhở nọ làm gì, vì tự cô, cô cũng định liệu được. Bây giờ, với hai đứa, cô phải vừa là bố, vừa là mẹ, Zaripa ạ. Chuyện này cô cần phải ngẫm nghĩ thêm, trên đường về. Nếu không định cho hai đứa trẻ biết thì cô phải tự trấn tĩnh. Chứ trước mặt chúng mà khóc lóc, chẳng nên đâu. Cô có tự chủ được không, có đủ sức giữ bình tĩnh trước mặt các con không, Zaripa? Chúng tôi, thì đã biết nên xử sự ra sao rồi. Chắc cô hiểu ý tôi chứ? Đây, sự thể là như thế đấy, Zaripa ạ!

- Vâng, em hiểu cả rồi, anh Edigej - Zaripa đáp qua nước mắt - Trên đường về, em sẽ tính kỹ hơn, rồi em sẽ báo với anh, ta nên khu xử ra sao. Em đang cố đây, em đang cố trấn tĩnh đây. Em đang...

Chuyến về chẳng khác chuyến đi mấy. Người vẫn đông như nê-m cối, khói thuốc cũng mịt mù, hành khách vẫn là những người đi xa, mang theo cả cơ ngơi từ phương trời nọ đến phương trời kia.

Lần này Zaripa và Edigej lên được một toa cu-pê. Hành khách ít, nhưng cả hai vẫn đưa nhau ra tận đầu toa đứng một bên khung cửa sổ để bàn tính chuyện nhà, khỏi phiền đến người

khác. Edigej ngồi trên chiếc ghế phụ, kê lối đi, Zaripa đứng cạnh, nhìn ra cửa sổ. Cô không chịu ngồi, mặc dù Edigej đã mời mọc nhiều lần.

- Đứng thế này, em thấy dễ chịu hơn - cô nói.

Lúc này, tuy chốc chốc, người thiếu phụ trẻ vẫn còn buông ra những tiếng nức nở cay đắng, nhưng đã biết kềm giữ, gồng người gánh chịu nỗi bất hạnh đang đè trĩu hai vai. Cô vừa nhìn ra cửa sổ, vừa dồn hết tâm trí ngẫm nghĩ về tình cảnh quả là quá mới mẻ đối với cô - cuộc đời góa bụa. Nếu trước đây cô còn nuôi hy vọng rằng mọi chuyện kéo dài đến một ngày nào đó, ắt rồi sẽ chấm dứt, như một cơn ác mộng, sớm muộn gì Abutalip cũng sẽ trở về - không lẽ cứ giam giữ mãi người ta với những chứng cứ vu vơ như thế - Rồi vợ chồng con cái sẽ đoàn tụ. Còn tất cả những cái khác tự khắc sẽ đến thôi - thế nào cũng tìm được kế sinh nhai, và dù khó cực đến mấy, vẫn cứ sống được và nuôi dạy cho hai đứa con thơ khôn lớn - thì giờ đây, niềm hy vọng đó đã tan vỡ. Ý nghĩ ấy vẫn ám ảnh mãi Zaripa...

Edigej-Bảo Tuyết cũng bận tâm với chính những ý nghĩ đó, vì anh không thể không lo lắng cho số phận của gia đình bạn. Sự thể giờ đây đã an bài thế kia rồi, không lo sao được. Tuy nhiên, anh cho rằng bây giờ phải bình tĩnh và cố kềm chế bản thân hơn lúc nào hết. Bởi thế, anh cố tìm mọi cách giúp Zaripa giữ vững lòng

tin - dù ít ỏi đến mấy cũng được, song vẫn phải cố giữ cho được. Anh không hối thúc gì cô. Và anh đã làm đúng. Khi nước mắt cạn rồi, tự Zaripa đã mở lời được:

- Em phải tạm giấu hai con tin cha chúng mất, anh ạ - Zaripa lên tiếng, giọng đứt quãng vì cố ngăn tiếng khóc - Lúc này, em chưa nên cho chúng biết vội. Nhất là với cháu Ermek... Cháu nó quyến luyến bố đến thế, nên điều đó quả là khủng khiếp... Nỡ nào bóp chết nỗi ao ước đó của hai cháu, hả anh? Rồi chúng sẽ ra sao nếu hay tin ấy? Vì chúng chỉ sống bằng niềm hy vọng đó thôi... Chúng chờ đêm chờ ngày, chúng trông mong bố từng giây từng phút... Mai kia, em phải đưa cháu đi nơi khác thôi... Em lo cho thằng Ermek nhất. Phải để cháu nó khôn lớn thêm chút ít đã... Bây giờ em sẽ nói thật hết, và chắc lúc ấy chúng cũng đã đoán biết được ít nhiều rồi... Còn bây giờ, chịu thôi, em chả dám... Một mình em biết cũng đã đủ lắm rồi... Em sẽ viết thư cho các anh chị của em, lẫn của chồng em. Bây giờ, chắc họ chẳng còn gì để sợ nữa, phải không anh? Em hy vọng họ sẽ trả lời, và sẽ đến giúp mẹ con em dọn đi nơi khác... Đến chỗ mới rõ ràng là... Bây giờ, em phải nuôi hai con của Abutalip khôn lớn, vì anh ấy đã không còn nữa...

Zaripa tính liệu như vậy. Edigej-Bảo Tuyết im lặng ngồi nghe, cố hiểu từng lời và dò đoán

từng ẩn ý đằng sau mỗi câu nói, vì anh biết mười mười đó chỉ là một phần hết sức ít ỏi, là cái vỏ bọc ngoài của hết thảy những gì đã và đang xáo động tâm trí người thiếu phụ, như một con lốc. Làm sao có thể nói hết những gì đang cuộn sóng trong lòng, khi lâm vào tình cảnh ấy?... Vì thế, anh nhỏ nhẹ đáp, cố không đẩy câu chuyện vượt ra ngoài khuôn khổ đang bàn.

- Cô tính thế là phải, Zaripa ạ... Giá chẳng biết gì về hai cháu, chắc tôi còn ngờ vực. Nhưng ở địa vị cô, tôi cũng chẳng dám nói với các cháu điều đó đâu. Đúng. Phải chờ ít lâu đã. Và trong khi chờ anh em, họ hàng viết thư trả lời, cô dùng e ngại gì, hãy trông cậy vào chúng tôi. Chúng tôi trước sau vậy. Cô cứ ở đây làm việc, các cháu cứ để chúng sang chơi với hai con bé nhà tôi. Cô biết đấy, Ukubala quý hai cháu chẳng khác nào con đẻ. Mọi cái còn lại, tự khắc sẽ rõ dần thôi...

Hôm ấy, Zaripa còn nói thêm thế này, sau khi trút một hơi thở nặng nề:

- Sự đời vẫn thường an bài như vậy đấy, anh Edigej ạ. Vừa khủng khiếp nhưng lại vừa khôn ngoan, cả hai đều quyện lấy nhau. Tử, sinh, còn, mất... Giá không có hai cháu, em nói thật đấy, anh Edigej ạ, chắc em chẳng còn thiết sống nữa. Thậm chí em đã tính cả đến chuyện kia đấy. Thì anh tính, một thân em đây hỏi còn sống làm gì? Nhưng hai đứa con đã ngăn em lại, đã

buộc em phải sống. Chính điều đó đã cứu em, đã đưa em về với cuộc sống. Cay đắng, nặng nề, nhưng vẫn là cuộc sống... Giờ đây, lòng đầy sợ hãi, em nghĩ không phải đến chuyện rồi đây hai cháu sẽ biết rõ sự thật - vì tránh sao khỏi được chuyện đó - mà nghĩ đến việc: Rồi hai đứa sẽ sống ra sao. Anh ấy còn hay mất, đời hai cháu vẫn cơ cực. Mai kia, dù đi học hay đi làm, dù nên người hay chẳng ra sao đi nữa, trước mắt thiên hạ, cái họ Abutalip đó, dù ở đâu rồi hai đứa cũng gặp những chuyện không may. Và khi nghĩ đến điều đó, bao giờ trước mắt em cũng sừng sững hiện lên một bức tường thành, mà mẹ con em, dù cố đến mấy đi nữa, cũng không tài nào vượt nổi. Cả em lẫn Abutalip, lúc nào cũng tránh dẩu động đến chuyện đó. Em thì em thương nhà em, còn anh ấy thì thương hại cho em. Nhưng có anh ấy, em tin chắc hai trẻ nhất định sẽ nên người, sẽ trở thành hữu ích. Và chính cái đó đã giữ cho gia đình em khỏi tan vỡ, tránh được mọi tai ương... Còn bây giờ, em không biết... Thay anh ấy, em không kham. Vì anh ấy là anh ấy... Anh ấy không có gì là không làm nổi. Anh ấy muốn truyền lại hết những gì anh ấy có cho hai con, những mong hai con sẽ nối nghiệp bố. Và anh ấy chết, chung qui chỉ vì người ta đã chia lìa ba bố con, đã đang tâm cắt đứt tình phụ tử.

Edigej chăm chú lắng nghe những lời tâm sự của người thiếu phụ bất hạnh. Những ý nghĩ thầm kín mà Zaripa đã thổ lộ rất đổi chân tình cùng anh, như với một người thân thích nhất, đã dậy lên trong lòng anh một ước muốn chân thành: Phải tìm mọi cách để đền đáp lại, để cứu mang, để giúp đỡ cô. Nhưng ý thức về sự bất lực của chính mình đã đè nặng lên tâm trí anh, gây trong anh một nỗi u uất triền miên.

Tàu đã về gần đến Boranly-Bảo Tuyết. Những vùng đất quen thuộc, cung đường mà Edigej đã tự tay tu bổ, chăm sóc bao mùa hè, mùa đông, đang lần lượt diễu qua trước mắt...

Anh nhắc Zaripa.

- Cô chuẩn bị sẵn sàng nhé! Sắp đến nhà rồi. Ta đã thỏa thuận dứt khoát với nhau là hăng khoan cho hai cháu biết tin vội. Bây giờ cứ biết thế đã. Có điều, cô hãy cố giữ gìn ý tứ kéo lộ hết, Zaripa ạ. Nhớ là phải thật bình tâm. Thôi, cô ra trước đằng đầu toa đi. Đứng ngay bên bậc lên xuống ấy. Hễ tàu dừng là bình tĩnh xuống ga ngay, rồi đứng đó chờ. Tôi sẽ xuống sau, và ta cùng về.

- Thế anh còn tính làm gì trên tàu nữa?

- Có làm gì đâu. Nhưng cứ mặc tôi. Dù sao thì cô vẫn có quyền ung dung bước xuống tàu kia mà.

Vẫn như mọi lần, mỗi khi chạy ngang một ga xép, đoàn tàu số 17 bao giờ cũng giảm tốc độ ngay từ ngoài cột tín hiệu. Chính tại thời điểm đó, khi vừa đến đầu ga Boranly-Bảo Tuyết, đoàn tàu hôm nay bất thần hãm lại. Tiếng bánh xe trượt dài trên đường ray, nghiêng ken két và tiếng các đầu toa va đập vào nhau loảng xoảng, nghe đến ghê người. Hết thấy hành khách đều hốt hoảng choàng dậy. Tiếng la hét, tiếng huýt sáo nổi lên inh ỏi khắp các toa.

- Gì thế?
- Có người giật phanh hơi, hả?
- Ai đấy?
- Ở toa nào?
- Đằng toa cu-pê kia kia!

Đúng lúc ấy, Edigej mở cửa, Zaripa bước xuống ga. Còn anh vẫn đứng đó, chờ viên trưởng tàu và người kiểm soát vé chạy bổ đến.

- Đứng lại! Anh vừa giật cần hãm đấy hả?
- Vâng, tôi đấy! - Edigej-Bảo Tuyết đáp.
- Anh là ai? Ai cho phép anh làm thế?
- Đó là nghĩa vụ.
- Thật chứ? Sao, muốn ra tòa phò?

- Thách các anh đấy! Các anh cứ lập biên bản, đưa ra tòa hay gửi đến đâu, tùy thích. Giấy tờ tôi đây. Cứ viết là tôi, cựu chiến binh, công nhân đường sắt Edigej Zhangeldil, đã giật cần

hãm cho tàu dừng lại ga Boranly-Bảo Tuyết, để...
tỏ lòng thương tiếc nhân ngày đồng chí Stalin
tạ thế.

- Sao? Stalin mất thật rồi ư?

- Phải, đài phát thanh vừa đưa tin xong. Cứ
thử mở máy ra mà nghe.

- Ô, thế lại là chuyện khác - cả hai vội vàng
bỏ đi, không giữ chân Edigej nữa - Thôi, xuống
đi, nếu quả như thế thật.

Vài phút sau, đoàn tàu số 17 lại chuyển
bánh, tiếp tục cuộc hành trình...



*Những chuyến tàu ở vùng này chạy
từ Đông sang Tây và từ Tây sang Đông...*

*Trải rộng hai bên đường tàu ở vùng
này là những hoang mạc mênh mông -
miền Sarozek và các thảo nguyên úa
vàng thuộc miền Đất Giữa.*

*Sân bay vũ trụ Sarozek - I lúc bấy
giờ chưa hề xuất hiện tại những dải đất
hoang vu này. Đạo ấy, chắc nó chỉ mới
được phác họa trong ý đồ của những nhà
thiết kế các chuyến bay vũ trụ sau này.*

*Những chuyến tàu vẫn chạy từ Đông
sang Tây và từ Tây sang Đông...*

lỗ kia bắt đầu trượt dài. Không như hiện tượng đất lở vốn thường đột ngột xảy ra chỉ một lần, trong chốc lát, cái tai họa đất trượt bao giờ cũng diễn ra dữ dội và không một sức mạnh nào hòng ngăn nổi.

Điều tương tự như thế cũng có thể xảy ra với chính con người, khi anh ta phải một thân một mình đương đầu với những tai họa không tài nào vượt qua nổi và phải âm thầm chịu đựng mọi nỗi dằn xé mà không dám thổ lộ cùng ai, vì không một kẻ nào trên đời đủ sức hiểu được anh, giúp được anh. Anh biết rõ điều đó, và chính vì thế mà anh dậm ra kinh sợ. Nhưng bất chấp hết thảy, điều đó vẫn cứ đổ ập xuống đầu anh.

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Sự biến động tình cảm đó, Edigej cảm nhận được và ý thức rõ được nó là tình cảm gì, lần đầu tiên đúng vào lúc anh phải lên Kumbel lần nữa để thu xếp công việc, đúng hai tháng sau ngày anh cùng Zaripa đi nhận bức thư khủng khiếp kia. Trước hôm lên đường, Edigej hứa với Zaripa sẽ ghé vào phòng bưu vụ, xem có thư từ gì gửi cho cô không, và nếu không có, sẽ đánh giúp ba bức điện, gửi đến ba địa chỉ khác nhau, mà cô đã ghi sẵn. Mãi đến giờ Zaripa vẫn chưa nhận được một lá thư trả lời nào của anh em, họ hàng. Bởi thế, lần này, cô chỉ muốn hỏi xem: họ có bắt được thư của cô không. Trong cả ba bức điện, cô đều viết thế này: Yêu cầu báo tin

gấp, thư có đến tay không - chỉ thế thôi, còn thư trả lời không nhất thiết phải viết. Hóa ra các anh các chị cả bên cô lẫn bên chồng đều ngại chuyện thư từ với gia đình Abutalip.

Edigej cùng con Karanar lên đường từ lúc mờ đất, để còn kịp quay về trước lúc trời tối. Dĩ nhiên khi đi một mình, chẳng mang theo đồ lễ gì linh kính, thì bất cứ cậu lái tàu quen biết nào cũng rất vui lòng cho anh quá giang và chỉ một tiếng rưỡi sau, anh đã có mặt tại Kumbel rồi. Tuy nhiên, anh cố tránh chuyện quá giang, nhất là khi thu xếp những việc như thế này, hai thằng bé nhà Abutalip dễ dễ ý. Cả hai đứa, anh cũng như em, không hôm nào không ra đường tàu ngắm bố. Khi chơi đùa, lúc trò chuyện, khi đánh đố nhau, lúc vẽ vờ - trong mọi sinh hoạt ngày thơ bình thường của chúng - chờ đợi bố về là trọng tâm cuộc sống của hai đứa trẻ. Và người có uy tín nhất của chúng lúc ấy cố nhiên là bác Edigej. Theo chúng nghĩ, bác là người biết mọi chuyện, có thể giúp chúng bất cứ chuyện gì.

Về phần mình, Edigej cũng hiểu rõ rằng thiếu anh, cuộc sống của hai trẻ tại cái ga xếp heo hút này sẽ nặng nề và cô cút biết bao. Vì thế, anh dành hầu hết thời gian rồi rỗi để chơi đùa, trò chuyện cùng chúng, giúp xua dần những nỗi buồn nhớ vì đợi chờ vô vọng của hai đứa trẻ. Nhớ lời dặn dò của Abutalip, anh thường kể

cho hai đứa nghe những chuyện biển khơi, sóng nước, nhắc lại những chi tiết ngày một mới lạ về những năm thơ ấu và thời trai trẻ, hồi anh còn sống trên biển, những chuyện thật và những chuyện bịa về biển Aral. Anh cố kể thật mộc mạc, vừa sức hiểu của tuổi trẻ. Nhưng lần nào anh cũng phải sững sốt về tài xét đoán, về trí tưởng tượng và sức nhớ dai của chúng. Anh rất hài lòng - công sức dạy dỗ của Abutalip rõ ràng đã chẳng phí hoài. Khi kể, Edigej bao giờ cũng nhằm trước hết vào Ermek. Nhưng xem ra nó chẳng hề thua kém gì Daul, và trong bốn đứa - cả hai con bé nhà anh - Ermek là đứa được Edigej quý nhất, mặc dầu bao giờ anh cũng cố giấu diếm những tình cảm đó. Ermek là đứa ham nghe chuyện nhất và cũng là đứa hiểu thấu đáo nhất những điều anh kể. Dù nói đến chuyện gì, dù câu chuyện diễn biến theo chiều hướng nào, bao giờ thằng bé cũng gắn bó nó với cha. Trong ý nghĩ của nó, "bá-ba Abutalip" có mặt bất cứ ở đâu, dự phần vào bất kỳ chuyện gì, và vào bất cứ lúc nào.

Có lần, Edigej kể với nó một chuyện thế này:

- Ven bờ Aral thường có những hồ nước lớn mọc đầy cỏ lác. Trong những đám cỏ rậm rạp đó, thợ săn hay ẩn nấp, súng ống lăm lăm trong tay. Cứ xuân đến, vịt trời lại về biển Aral sinh sống. Mùa đông, chúng phải chống rét ở tận

những dãy bờ biển xa xăm, ấm áp hơn. Nhưng hễ băng trên mặt biển Aral vừa tan, chúng liền hối hả bay đêm bay ngày trở về quê cũ, vì chúng rất nhớ nhà. Chúng bay từng đàn lớn. Chúng thích ngụp lặn trong biển. Và mãi theo mỗi, chúng cứ bơi mỗi lúc một gần bờ thêm. Bất thần từ trong những đám cỏi rậm rạp đó, súng bỗng nổ đi đoành, lửa khói bốc mù mịt! Đây là đám thợ săn. Nhiều con vịt trời ngã dụi xuống mặt nước, những con còn lại hốt hoảng bay ra khơi xa, không biết rồi đây sẽ nương thân ở chốn nào. Chúng lượn vòng trên mặt sóng, miệng không ngớt kêu vang. Chắc là chúng vốn quen sống ở ven bờ mà. Nhưng nghĩ đến chuyện vào bờ, chúng lại sợ hãi.

- Bác Edigej a, nhưng thế nào cũng có một con vịt vĩa quay về ngay vùng biển mà nó vừa từ đó ra đi!

- Nhưng quay về để làm gì kia chứ?

- Thì bố cháu đang ở đó mà. Bố đang làm thủy thủ trên một con tàu rất lớn. Chính bác nói thế, bác còn nhớ chứ, bác Edigej?

- Ờ, đúng thế, phải đấy - Edigej sực nhớ lại, vội vàng đáp - Nhưng rồi sao nữa, cháu?

- Chú vịt trời ấy bay đến kể với bố cháu là thợ săn họ nấp trong mấy đám cỏi ven bờ, bắn vào anh em thân thích của chú ta. Thế nên chẳng còn đâu chỗ mà sinh sống nữa?

- Ờ, ờ, cháu nói phải đấy.

- Thế là bố cháu mới bảo với chú ta: đừng lo, bố sắp về rồi đấy, bố có hai đứa con đang sống tại ga Bão Tuyết là Daul và Ermek. Ở đó còn có cả bác Edigej nữa kia. Bao giờ bố về, cả bác với bố cháu sẽ lên đường, xuống ngay biển Aral, và đuổi hết những người thợ săn nấp trong mấy đám cỏ chuyên bắn giết vịt trời ấy đi. Rồi bọn chúng sẽ tha hồ bơi lội trên biển... Chúng sẽ mò tôm, bắt cá, chực đầu xuống đáy biển thế này này...

Khi chuyện đã can, Edigej-Bão Tuyết thường bày trò "bói cuội". Hồi này, trong túi bác lúc nào cũng lóc cóc bốn mươi một hòn cuội, bé bằng hạt đậu trắng. Đây là một trò bói toán lưu truyền lâu đời trong dân gian, vốn có một thể thức tượng trưng cực kỳ rối rắm và cả một loạt danh từ nhà nghề hết sức cổ lỗ. Bày những hòn cuội nhỏ lên bàn, Edigej lâm râm khấn nguyện, để những viên cuội đó thương tình nói thật, nói thẳng cùng anh rằng người có tên là Abutalip còn sống hay chết, anh ấy hiện ở đâu, đường về có trắc trở gì không, tâm trí đang nghĩ gì, và lòng anh đang nhớ mong ai. Lũ trẻ im lặng, chăm chú theo dõi hai bàn tay Edigej sắp xếp các hòn cuội. Một bữa kia, Edigej bất chợt nghe thấy từ trong góc nhà vọng lại tiếng những hòn cuội va vào nhau lóc cóc và tiếng chuyện trò thủ thỉ. Anh rón rén lại gần, ghé mắt nhìn. Thì ra

đó là hai thằng bé nhà Abutalip. Anh thấy Ermek đang tự tay bói cuội. Nó cũng bày những viên cuội nhỏ lên mặt bàn, đầu ra đây, rồi cầm từng viên lên, áp vào trán, vào môi, cầu khẩn từng viên một:

- Tao quý mày lắm, cuội nhé. Mày là một viên cuội khôn ngoan, tốt bụng. Mày đừng nhầm đường lạc lối, cuội nghe. Mày cứ nói thực, nói thẳng hết, như những hòn cuội của bác Edigej ấy - rồi thằng bé bắt đầu giảng giải cho anh hình thế sắp xếp của mấy hòn cuội, lặp lại đúng từng lời những gì Edigej đã nói - Daul, anh nhìn mà xem này. Hình thế chúng, kể trông cũng được, chẳng đến nỗi nào. Đây là đường về. Hãy còn mù mờ tí đỉnh. Vì sương đang xuống mà. Nhưng không sao cả. Bác Edigej bảo đó là những trắc trở tự nhiên, chẳng bao giờ tránh khỏi cả. Bố đang thu xếp để lên đường đây. Bố đã tính lên yên rồi, nhưng đai bụng ngựa thắt còn lỏng. Anh nhìn xem: đã căng mấy đầu. Phải thắt chặt thêm chút nữa. Nghĩa là bố đang gặp trắc trở, chưa đi ngay được, anh Daul ạ. Phải chờ ít lâu. Còn bây giờ, anh xem sườn phải với sườn trái đây. Cả hai bên đều còn lành nguyên. Thế là rất tốt. Còn tâm trí thì thế nào? Có hơi ảm đạm đây. Vì bố đang lo cho hai anh em mình, anh Daul ạ. Trong lòng thì - đây, viên cuội này đây - bố đang đau buồn vì bố nhớ nhà lắm. Nhưng đường sắp thông chưa? Sắp rồi! có điều cái móng

ngựa bên chân sau đã vệt. Nghĩa là phải đóng móng lại đã. Cố chờ thêm ít nữa. Còn trong tay nải bố có gì? Ô, bố mua được bao nhiêu là quà ngoài chợ này! Còn bây giờ, ta xem các ông sao trên trời có quần tụ lại, phù hộ cho bố không nhé? Anh thấy chưa nào - đây là sao Dây buộc ngựa vàng. Kia, vết chân ngựa kia. Rõ lắm. Nghĩa là phải nán đợi - bố sắp cởi dây buộc ngựa, lên đường...

Edigej-Bảo Tuyết rón rén lảng ra, vừa xúc động, vừa kinh ngạc trước những điều thằng bé đang làm. Từ đó trở đi, anh cố tránh cái trò "bói cuội" ấy...

Nhưng dầu sao trẻ con vẫn là trẻ con, anh vẫn phải cố tìm đủ mọi cách để an ủi, để chúng khỏi tuyệt vọng. Mà nếu làm được thế, dầu mang tội đánh lừa chúng còn hơn là để chúng đau buồn. Nhưng còn một ý nghĩ nữa mãi day dứt Edigej-Bảo Tuyết trong những hoàn cảnh như thế này và cơ sự đã xoay chuyển đến nông nổi này, ý nghĩ đó dù muốn hay không tự nó vẫn nảy sinh, và như đất lở, đến một lúc nào đó, nó vẫn phải làm rung chuyển cả cuộc sống của anh, mà anh không tài nào ngăn nổi...

Những đau khổ của Zaripa, khiến Edigej vô cùng thương cảm. Tuy giữa hai người chưa hề có một cuộc chuyện trò nào ngoài những câu chuyện về cuộc sống hằng ngày, và Zaripa chưa bao giờ chịu để cho câu chuyện xoay sang chiều

hướng khác, nhưng tâm trí Edigej không lúc nào không nghĩ đến cô. Anh không chỉ ái ngại, thông cảm với cô. Anh cũng không thương cảm người thiếu phụ chỉ vì những điều anh được chứng kiến tận mắt bao nỗi bất hạnh đang giáng xuống đầu cô. Nếu thế, đâu có gì đáng phải bận tâm! Anh nghĩ về Zaripa với một tấm lòng trù mến, với ý nghĩ luôn sẵn sàng biến mình thành người cô có thể trông cậy về mọi phương diện - về hết thảy những gì liên quan đến cuộc sống của cô. Anh sẽ hạnh phúc biết bao, nếu biết được rằng Zaripa coi chính anh, Edigej-Bảo Tuyết, như người trung thành nhất và đáng yêu nhất trên thế gian này.

Đau đớn biết bao việc anh vẫn phải làm ra vẻ hết sức bình thường trong đối xử với cô và giữa họ không thể và nhất định không bao giờ có một chuyện gì về tình cảm cả!

Suốt dãy đường từ nhà đến ga Kumbel, những ý nghĩ đó chẳng lúc nào buông tha anh. Anh cảm thấy sức mình đã cạn. Đầu óc rối tung lên. Anh đang lâm vào một tâm trạng kỳ dị, biến chuyển không ngừng, hết như đang bối rối chờ đợi khi thì một ngày hội lớn sắp đến, lúc là một căn bệnh nguy kịch không sao tránh khỏi. Tâm trạng ấy khiến anh có lúc tưởng mình đang lênh đênh trên biển cả. Giữa sóng nước, bao giờ người ta cũng cảm thấy mình không còn là mình nữa, không như lúc ở trên đất, cho dù bốn bề gió vẫn

êm, biển vẫn lặng và tựa hồ chẳng có gì nguy hiểm đang rình rập mình. Dù anh đang nhón nhợ, thích thú tung hoành trên mặt sóng, dù anh vẫn phải vung vẩy mái chèo, dù cảnh hoàng hôn và bình minh in trên mặt nước có lộng lẫy đến mấy, anh vẫn phải cho thuyền về bến, gần hay xa dầu sao vẫn là bến, là bờ. Anh không thể lênh đênh mãi trên sóng nước. Mà trên bến, một cuộc sống hoàn toàn khác đang đợi anh. Biển khơi, chỉ là tạm thời, đất liền kia mới là vĩnh cửu. Hoặc nếu chuyện cập bến có làm anh khiếp đảm đi nữa, anh vẫn phải tìm một hòn đảo để ghé vào, để biết chắc rằng đây mới là chỗ ở của anh, đây mới là nơi anh phải ăn đời ở kiếp. Thậm chí anh còn tự vẽ lên trong óc cái cảnh này: anh đã tìm được hòn đảo ấy và anh sẽ đưa mẹ con Zaripa đến sinh sống tại đó. Dần dà anh sẽ luyện cho hai đứa trẻ quen với biển cả và anh sẽ ăn ở tại đây, trên một hòn đảo nhỏ giữa khơi xa, cho đến tận cuối đời, không phàn nàn gì về số phận; trái lại, lòng tràn đầy vui sướng. Miễn là biết chắc được rằng bất cứ lúc nào anh cũng có thể nhìn thấy Zaripa, rằng anh trở thành người cần thiết cho cô, người mà cô mong ước và coi là thân thương nhất...

Nhưng anh bỗng cảm thấy ngượng với chính mình vì những ước muốn đó. Anh có cảm giác như mặt mình đỏ bừng vì xấu hổ, mặc dù quanh đây hàng trăm cây số không một bóng người.

Như một cậu bé con, anh phó mặc cho tâm trí tha hồ đeo đuổi niềm ước ao về các hòn đảo giữa biển khơi kia mà quên tự hỏi: để làm gì kia chứ? Một người như anh sao nỡ tư tưởng đến chuyện đó, bất chấp tình cảnh gia đình, con cái, công việc, đường tàu và cuối cùng là miền đất Sarozek, mà anh đã gắn bó bằng tất cả tâm hồn lẫn thể xác từ lúc nào chính anh cũng chẳng hay biết nữa, trói chặt cả chân tay... Hơn nữa, dù đang khốn quẫn, song liệu Zaripa có cần đến anh không, đã thế tại sao anh lại phải huyền hoặc mình, tại sao anh lại dám đem lòng yêu thương cô? Về hai đứa bé, chẳng có gì đáng ngờ vực cả - anh rất yêu thương chúng, và hai đứa cũng rất quyến luyến anh. Nhưng Zaripa, vì lẽ gì cô phải ưng thuận chuyện đó?! Hơn nữa, anh có quyền nghĩ thế hay không, khi cuộc sống tự lâu rồi, đã đặt anh vào thế ổn định...

Con Karanar-Bảo Tuyết vẫn cặm cúi bước trên nẻo đường quen thuộc, vì nó biết rõ còn phải đi bao xa nữa, nên chẳng cần đợi chủ giục, mãi miết rảo nhanh, chốc chốc kêu lên hoặc rên khe khẽ vì phải sỏi đều bốn vó trên những triền đất Sarozek mấp mô, phải băng qua những hố rãnh sũng nước, phải tạt chéo sang một lòng hồ xưa kia đầy nước mặn, nay đã khô nẻ. Edigej vất vẻo trên yên, lòng đau đớn, chẳng để ý gì đến con lạc đà... Những tình cảm mâu thuẫn ấy khuấy động lòng anh, anh cảm thấy bồn chồn,

không tìm đâu ra điểm tựa giữa những dải đất bạt ngàn miền Sarozek... Anh kiệt sức dần.

Anh đến Kumbel với tâm trạng ấy. Dĩ nhiên anh vẫn mong Zaripa sớm nhận được tin tức những người thân trả lời mấy bức thư cô gửi đi dạo nọ. Nhưng cứ nghĩ đến chuyện họ hàng nhà cô sẽ đến đưa mấy mẹ con cô đi, hoặc viết thư gọi ba mẹ con về xứ, Edigej lại thấy lòng đau như cắt. Ở bưu điện, bộ phận giữ thư lưu trữ cho biết chẳng có thư từ gì gửi cho Zaripa Kuttybaev cả. Edigej bất giác mừng rỡ. Một ý nghĩ thậm xấu xa, ích kỷ, trái với lương tâm lướt nhanh qua đầu anh: "Thế đâm ra lại hay". Rồi anh hỏi lòng hỏi dạ làm những việc Zaripa nhờ - gửi ba bức điện đến ba địa chỉ khác nhau. Xong xuôi, anh quay về liền...

Độ ấy, tiết xuân đang chuyển sang hè. Sarozek bắt đầu khô hanh, nóng bức. Cỏ kiến đã lụi tàn như một giấc mơ êm ả. Thảo nguyên hoang thổ lại ngả vàng. Khí trời bị nung đốt, những ngày nóng hầm hập đang mỗi lúc một đến gần. Họ hàng nhà Kuttybaev vẫn vắng bật tăm hơi. Chẳng ai viết thư phúc đáp, cũng chẳng đánh điện trả lời. Tàu hết chuyến này lại chuyến khác vẫn đều đều lăn bánh qua Boranly-Bảo Tuyết. Cuộc sống vẫn tuần tự diễn ra.

Zaripa chẳng còn hoài công ngóng chờ thư nữa. Cô hiểu rằng đừng trông mong gì vào sự cứu mang, giúp đỡ của họ hàng, đừng trút lên

đầu họ gánh nặng thư từ và những lời nài nỉ... Và càng tin chắc vào điều đó, người thiếu phụ càng âm thầm tuyệt vọng - còn biết đưa nhau đi đâu, còn biết xoay xở thế nào nữa đây? Biết nói thế nào với các con về số phận cha chúng. Bắt đầu sao đây, thu xếp sao đây, cuộc đời nửa chừng đổ vỡ của mình? Những câu hỏi đó, đến nay vẫn chưa có lời giải đáp.

Hắn Edigej cũng đau xót chẳng kém gì Zaripa. Bà con sinh sống tại ga Boranly cũng rất ái ngại cho cô. Nhưng riêng Edigej, anh biết rõ tấn bi kịch gia đình cô nên tự cảm thấy như tấn bi kịch của chính mình. Anh không thể tách mình ra khỏi ba mẹ con được. Dần dà, anh bắt đầu sống bằng số phận của hai đứa bé và của Zaripa. Anh cũng khắc khoải đợi chờ - mấy mẹ con rồi sẽ gặp chuyện gì nữa - và cũng âm thầm tuyệt vọng - bây giờ, mấy mẹ con sẽ sống ra sao? - Nhưng không lúc nào tâm trí anh có thể dứt khỏi những ý nghĩ cay đắng: mình sẽ ra sao, sẽ làm cách nào để tâm hồn lại thư thái như trước, làm thế nào để át đi tiếng gọi của lòng mình hướng về Zaripa? Không, cả anh nữa, anh cũng chưa tìm thấy lời giải đáp... Chưa bao giờ anh ngờ rằng đời mình có lúc lại vướng phải những chuyện thế này...

Nhiều lúc, Edigej đã toan thú nhận với người thiếu phụ, thổ lộ chân thành và thẳng thắn rằng anh yêu cô, rằng anh sẵn lòng gánh chịu mọi

nổi đấng cay, đau xót của cô, vì anh không sao hình dung nổi đời mình có thể tách biệt với đời ba mẹ con cô. Nhưng anh rất lúng túng, không biết sẽ ăn nói thế nào, làm cách nào? Zaripa liệu có hiểu được lòng anh? Vì trước khi gặp những nỗi bất hạnh kia, cô đâu phải là người đơn chiếc. Còn anh, như ta biết, anh đâu phải là người gặp cảnh trắc trở trong tình duyên! Chuyện này rồi sẽ đến đâu? Mãi nghĩ đến chuyện đó, Edigej đâm ra rầu rĩ, thần thờ. Anh đã phải tốn không ít tâm trí để giữ được vẻ bình thản trước mặt mọi người.

Một hôm, anh đã nói xa xôi, bóng gió về tình cảm của anh với người thiếu phụ. Hôm ấy, sau khi đi thăm đoạn đường do anh trông nom về, ngay từ đằng xa, anh đã thấy Zaripa xách hai cái xô đi lấy nước. Anh cảm thấy mình bị lôi cuốn lại phía cô. Thế là không dừng được nữa. Chẳng phải chỉ vì đây là một dịp thuận tiện khi cô phải mang hai cái xô đi xách nước! Hầu như cứ cách một ngày, nếu không phải là hàng ngày, hai người lại có dịp đi cùng đường ra nơi làm việc mà có thể trò chuyện với nhau thoải mái. Nhưng chính lúc này, Edigej cảm thấy bị thôi thúc bởi một ước muốn chẳng đáng dừng là phải đến ngay bên cô, để nói với cô những điều anh không thể giấu trong lòng được nữa. Thậm chí, anh còn sôi nổi nghĩ rằng như thế vẫn hơn, dù cô không hiểu, dù bị cô cự tuyệt

cũng chẳng sao - ít ra tâm hồn anh cũng được yên tĩnh, thanh thản trở lại... Zaripa không nom thấy và nghe thấy anh đang đến gần. Cô đứng quay mặt về phía xi-têc nước, tay vịn vôi. Một xô nước đã đầy được đặt sang bên cạnh. Dưới vôi nước, đặt cái xô thứ hai, nước đã tràn lênh láng. Đã vậy, chiếc vôi lại đang mở hết cỡ. Nước chảy ào ào, bọt xủi trắng xóa trên mặt, và quanh đấy, nước đã đọng thành vũng. Thế mà Zaripa như chẳng hay biết gì vẫn thản nhiên đứng tựa vai vào thành xi-têc. Cô mặc chiếc váy vải hoa mà hè năm ngoái cô đã mặc và bị một trận mưa rào xối xả lên người ướt sũng. Edigej ngấm những lọn tóc xoắn rũ xuống một bên thái dương, sau mép tai, cũng xoắn như tóc thằng Ermek. Edigej lặng ngấm khuôn mặt hốc hác, chiếc cổ khẳng khiu, một bên vai trĩu xuống và cánh tay buông thõng trên xô nước. Tiếng nước chảy khiến cô mê mẩn, vì nó gợi nhớ âm thanh của những con suối rừng và những dòng kênh ở Semirechje chẳng? Hay chỉ vì cô đang mãi mê đeo đuổi những ý nghĩ chưa xót chột đến trong giây phút ấy? Họa có trời biết. Edigej thấy lòng thất lại: hết thấy những gì anh nhìn thấy ở cô đều rất đổi thân thương, đến mức anh chỉ muốn ôm chầm lấy mà vuốt ve, an ủi và che chở cho cô, xua đi hết mọi thứ đang đè nặng trong lòng cô. Nhưng không thể làm thế được. Anh chỉ lẳng lặng khóa vôi, ngăn dòng nước đang tuôn xối xả xuống chiếc

xô đã đầy tràn. Zaripa ngược nhìn anh, hoàn toàn bình thản, không chút ngạc nhiên, như thể không phải anh đang đứng bên cô mà đang ở mãi tận đâu đâu, xa xôi lắm.

- Cô làm sao thế? Có chuyện gì chẳng? - Edigej thốt lên, giọng đầy thông cảm.

Zaripa không nói gì, chỉ khẽ mỉm cười và nhướn cao hai hàng chân mày, mắt cô sáng lên: ra ý bảo là có gì đâu, cũng bình thường thế thôi...

- Cô thấy trong người khó ở chẳng? Edigej lại cất tiếng hỏi.

- Vâng - Zaripa thủ thỉ thật, sau một tiếng thở dài.

Edigej xúc động, rùn vai:

- Đã thế còn đi xách nước làm gì? - anh trách nhẹ, mặc dù trong thâm tâm đã định nói khác. - Rõ khổ! Liệu còn bao nhiêu sức lực nữa? Hành hạ thân xác như thế liệu có ích gì không? Chúng tôi (anh muốn nói "anh") rất khổ tâm, khi thấy cả cô lẫn lũ trẻ cực khổ. Đừng làm thế nữa. Phải liệu cách khác, Zaripa ạ - anh nói từ tốn, dẫn đo từng lời, cốt nói được với cô điều anh muốn nói: anh xót xa và yêu thương cô hơn bất kỳ ai trên đời - Cô phải tự liệu lấy. Nếu bà con họ hàng không ai viết thư trả lời, thì mặc họ, đừng nản. Tất cả chúng tôi (anh muốn nói là "anh") đều coi cô như người nhà. Cốt nhất là

đừng có ngã lòng. Cứ làm việc và cần răng chịu đựng. Còn lũ trẻ rồi sẽ lớn lên ở đây, dưới sự trông nom, chăm sóc của chúng tôi (anh muốn nói của "anh"). Mọi chuyện rồi sẽ ổn lần thôi. Chứ cô tính đi đâu làm chi? Tất cả chúng tôi đều coi cô như ruột thịt. Cô biết đấy, vắng lũ trẻ nhà cô một ngày, tôi cũng thấy bứt rứt... - Đến đây, Edigej ngừng lời. Anh chỉ dám thổ lộ những gì mà vị thế của anh cho phép.

- Em hiểu cả đấy, anh Edike ạ - Zaripa đáp - Em xin cảm ơn anh. Dĩ nhiên, em biết mẹ con em sẽ không đến nổi cùng quần nếu cứ ở lại. Nhưng dẫu sao cũng phải đi khỏi đây. Để lũ trẻ quên đi tất cả những gì đã xảy ra tại ga này. Đến lúc đó, em sẽ phải nói hết với chúng sự thật. Chính anh cũng thừa hiểu là không thể cứ lừa dối mãi trẻ con. Đấy, em nghĩ thế đấy. Mẹ con em phải...

- Đúng là không thể làm khác được - Edigej phải miễn cưỡng đồng tình - Chỉ có điều cô đừng vội. Hẵng nghĩ thêm cho chín đã. Chứ một nách hai con thơ đại thế kia, đi đâu, làm gì? Sẽ nương vào đâu, lấy gì mà sống? Cứ như tôi nghĩ, thiếu mẹ con cô, tình cảnh tôi thật đáng sợ...

Quả thế thực, anh rất hải hùng khi nghĩ sẽ phải xa Zaripa và hai đứa bé. Chính vì lẽ đó anh không dám nhìn vào ngày mai, dù anh thừa hiểu rằng không thể kéo dài mãi tình trạng này. Sau lần nói chuyện với Zaripa vài hôm, anh còn

gặp một chuyện nữa, khiến anh tự tố giác mình, và về sau anh cứ ân hận mãi vì không tìm cách gì tự bào chữa nổi.

Nhiều tháng trôi qua, kể từ ngày hai gia đình đưa nhau lên Kumbel chơi, và Ermek sợ bác thợ cạo, không để cho bác ta cắt tóc. Mãi đến giờ, tóc tai thằng bé vẫn thế. Bộ tóc đen dài lả thường, xoắn tít, tuy trông rất dễ thương, nhưng dầu sao cũng đã đến lúc phải cho chú bé nhát gan ương ngạnh kia ném mùi dao kéo. Hễ có dịp, Edigej lại dí mũi vào bên thái dương rậm tóc của nó, vừa hôn vừa hít mùi thơm tho trẻ thơ trong mái tóc ấy. Nhưng càng ngày tóc nó càng dài, rũ xuống tận vai, khiến Edigej không thể đùa với nó cái trò mà cả hai vẫn hay làm. Có điều, chuyện cắt tóc cắt tai, thằng bé luôn cảm thấy xa lạ và khó hiểu. Vì thế, nó chẳng chịu để cho ai cắt tóc. Bác Kazangap hiểu rõ tình thế, đã tìm đủ mọi cách thuyết phục nó. Thậm chí bác phải dọa nó rằng lũ dê rất ghét những đứa để tóc dài, hễ thấy tóc dài là xông đến húc ngay.

Mấy hôm sau, Zaripa kể lại chuyện người ta đã cắt tóc cho Ermek thế nào. Bác Kazangap thực sự đã phải dùng đến vũ lực. Bác kẹp chặt thằng bé giữa hai đùi rồi lách tông-đơ vào dưới lớp tóc rậm. Tiếng thằng bé khóc vang động cả nhà ga. Khi cắt xong, bác Bukej tốt bụng liền đưa gương cho nó soi, để an ủi thằng bé tội

nghiệp! Soi gương, thằng bé không nhận ra mình nữa, càng gào khóc hơn. Nó cứ gào khóc suốt đêm, đến mức Zaripa và Kazangap phải thả nó ra ngoài sân cho đỡ ồn. Chính lúc đó, trên một lối mòn trước nhà, Edigej đã gặp thằng bé.

Tóc tai cùn cùn nom lạ hẵn, cái cổ khẳng khiu như dài thêm, hai vành tai nhọn chồm hẵn ra đằng trước, thằng bé vừa méo máo vừa vùng khỏi tay mẹ, lao thẳng đến bên Edigej, kêu gào thảm thiết:

- Bác Edigej, bác xem, người ta đã làm cho cháu ra thế này này!

Phải chi trước đây có ai bảo với Edigej-Bảo Tuyết rằng chuyện đó sẽ xảy ra với thằng bé, nhất định anh không tin. Anh bế thốc thằng bé lên, ôm ghì lấy nó áp chặt vào lòng, cảm thông bằng tất cả thể xác mình nỗi bất hạnh của nó, sự bất lực của nó, những lời than khóc, với tất cả lòng tin cậy của nó, như chính mình đang gánh vác những rủi ro kia. Rồi anh hôn nó và bằng một giọng nghẹn ngào vì đau xót và thương cảm, anh nói những lời an ủi mà chính anh cũng chẳng hiểu hết ý nghĩa:

- Nín đi, con! Đừng khóc nữa. Bác không cho phép ai xúc phạm con đâu, bác sẽ che chở con như bố con vậy! Bác sẽ yêu con như bố con vậy có điều con đừng khóc nữa! - Và ngược nhìn Zaripa, lúc này đang đứng người trước mặt anh,

về bối rối, Edigej hiểu ngay rằng mình đã vượt quá cái giới hạn cấm kỵ. Anh rất mất bình tĩnh, hồi hả bỏ đi, lúng túng bế theo thằng bé, miệng không ngớt lẩm bẩm mỗi một câu: Nín đi! Bác sẽ tìm ông cụ Kazangap, chỉ cho ông ta thấy cái đầu tóc kì dị này! Bác sẽ...

Sau lần ấy, Edigej tránh mặt Zaripa suốt mấy hôm liền. Cả cô nữa, như anh hiểu, cô cũng tránh gặp mặt anh. Edigej-Bảo Tuyết dăm hồi hận, rằng mình đã ăn nói quàng xiên, khiến người thiếu phụ hoàn toàn vô tội kia dăm ra lúng túng, ngượng ngùng, mà không thể cũng đã có bao điều phải lo nghĩ, bận rộn rồi. Tình cảnh cô đã thế, anh còn gây thêm cho cô bao đau khổ nữa! Edigej không biết tìm đâu ra lý do để tự tha thứ, để biện bạch cho bản thân mình nữa. Và chắc là đến tận cuối đời, hẳn anh vẫn còn ghi nhớ cái khoảnh khắc ấy, khi anh cảm thấy bằng tất cả con người mình sự gấn bó giữa anh và đứa bé túi cực không được ai che chở, đang ghì chặt anh, và lòng anh xúc động đến tái tê vì thương cảm và xót xa, khi Zaripa ngược nhìn anh, choáng người vì những gì đang diễn ra trước mắt, và trong đôi mắt Zaripa lóe sáng một tiếng kêu câm lặng vì đau thương.

Sau lần ấy, Edigej-Bảo Tuyết bỗng dăm ra lăm lì, lẳng lẽ hẳn đi. Và hết thấy những gì anh buộc phải giấu kín trong lòng, anh dồn hết cho hai đứa con Zaripa. Anh không tìm được cách

nào khác cả. Hễ rồi rãi là anh tìm gặp chúng, kể tiếp với chúng những câu chuyện về biển khơi, cả những gì đã từng kể, lẫn những gì mới nhớ thêm được. Đó là đề tài ưa thích nhất của hai đứa trẻ. Rồi chuyện về những chú hải âu, những giống cá này cá nọ, những đàn chim di trú, những hòn đảo nhỏ giữa biển Aral, nơi vẫn còn giữ lại được nhiều loại thú hiếm, chim lạ, đã bị tuyệt chủng tại những vùng khác. Trong những lần trò chuyện đó, Edigej thường hay nghĩ đến một mẩu chuyện thực của chính mình, từng xảy ra trên biển Aral - một chuyện độc nhất mà anh thích giữ kín trong lòng. Thực ra, đó chẳng phải là chuyện trẻ con. Vả lại, chỉ có hai người biết: anh và Ukubala. Nhưng hai vợ chồng vẫn chưa bao giờ dám đi đông đến, vì nó có liên quan đến đứa con đầu lòng xấu số mà vợ chồng anh đã để vượt mất. Phải chi còn sống, thằng bé giờ đã bỏ xa đám trẻ ở ga Boranly này rồi, thậm chí còn lớn hơn cả thằng Shabitzhan nhà bác Kazangap đến những hai tuổi. Nhưng nó đã bỏ họ. Sinh con, ai chẳng mong nó sống thật lâu. Nếu không, ai còn thiết chuyện sinh con để cái làm gì.

Hồi ấy, khi anh đang làm một chàng dân chài trẻ trung, trước ngày chiến tranh bùng nổ ít lâu, anh và Ukubala đã gặp một chuyện khác thường. Những chuyện như thế có lẽ chỉ xảy ra một lần trong đời và không bao giờ tái diễn nữa.

Từ lúc làm bạn với Ukubala, những hôm ra khơi đánh cá, chẳng hôm nào Edigej không mong chóng được trở về. Anh yêu Ukubala. Anh biết người vợ trẻ cũng đang mỗi mắt mong anh. Hồi đó, Ukubala đối với anh không chỉ đơn thuần là một cô gái mà anh hằng mong mỏi. Anh cảm thấy mình tồn tại chính là để luôn luôn nghĩ đến cô, để chất lọc và tích tụ vào trong người mình sức lực của biển khơi và của nắng gió, để rồi đem dâng hiến lại cho cô, người vợ hiền đang ngóng đợi anh ở nhà; vì sự dâng hiến đó sẽ phát sinh một niềm hạnh phúc song đôi - điều cốt tủy của hạnh phúc - còn tất cả những cái còn lại, những cái bên ngoài, đều chỉ là bồi bổ thêm, làm phong phú thêm cho niềm hạnh phúc, cho sự yên ấm của hai vợ chồng, bằng những thứ mà mặt trời và biển cả đã ban thưởng cho anh. Và khi Ukubala cảm thấy trong người chớm có những dấu hiệu khác thường, cảm biết mình đã mang thai và sắp được làm mẹ, thì bên cạnh những nỗi chờ mong thường ngày thuyền của chồng sớm về đến bến sau một ngày lênh dênh trên biển cả, cô còn có thêm một niềm mong mỏi khác: đưa con đầu lòng ra đời. Đó là thời kỳ bình yên nhất trong cuộc đời hai vợ chồng.

Cuối thu năm ấy, khi tiết trời đã chớm sang đông, trên da mặt Ukubala xuất hiện những nốt li ti màu nâu non, phải nhìn kỹ mới thấy. Bụng cô lớn dần, tròn dần. Một hôm cô hỏi chồng:

"*altyn mekre* là con cá gì? Em chỉ nghe nói, chứ chưa bao giờ được nhìn thấy tận mắt". Anh bảo vợ: "Đó là giống cá chiên, rất hiếm, thường sống ở những vùng nước sâu. Nó khá lớn. Nhưng quý nhất là vẻ đẹp của nó. Thân cá lấp lăm lăm điểm những đốm tròn xanh thẫm, còn đỉnh đầu, hai vây bụng, vây lưng - chạy suốt từ đầu đến chót đuôi - thì óng ánh như vàng mười, một sắc vàng tinh khiết dị thường. Chính vì lẽ đó mà người ta gọi nó là *Altyn mekre* - tức là "cá chiên vàng".

Hôm sau, Ukubala nói với chồng là đêm qua mình nằm mơ, gặp được một con cá chiên vàng. Con cá vờn tung tăng quanh cô, còn cô thì cố giơ tay ra bắt lấy. Cô muốn bắt lấy nó lên xem, rồi thả ngay. Như thế nào cũng phải bắt lên tay cho bằng được, để nhìn thật rõ cái sắc vàng của nó. Cô ao ước được ôm nó vào lòng đến nỗi cô muốn đuổi bắt nó cả trong giấc mơ. Nhưng nó vượt khỏi tay và cô choàng thức giấc, mãi không sao ngủ lại được, cứ tiếc rẻ như không đạt được một cái đích quan trọng gì đó trong đời thực. Ukubala tự chế giễu mình, nhưng trong thâm tâm vẫn ước ao chồng bắt về được một con cá chiên vàng.

Edigej hiểu lòng vợ. Tâm trí anh không sao dứt được chuyện đó, cả khi đang kéo lưới, tung chài. Rồi anh thấy mình đã hiểu đúng nghĩa niềm ước ao đó của vợ, một ước ao bùng dậy trong mơ và ám ảnh cả khi tỉnh giấc. Anh hiểu

ngay là phải đánh cho kỳ được một con cá chiên vàng, vì điều mà Ukubala mong ước giữa lúc bụng mang dạ chửa chẳng qua chính là *talgak*^(*) của vợ. Lúc thai nghén, phụ nữ thường thèm ăn một thứ của lạ. *Talgak* của họ rất lạ đời: người thèm chua, thèm mặn, kẻ thích ăn thịt rắn, chim muông, Edigej không ngạc nhiên lắm về *talgak* của Ukubala. Vợ anh thuyên đãi tất phải thèm những món mà anh vẫn đánh bắt được ngoài khơi. Thượng đế hẳn đã xui khiến vợ anh muốn được nhìn tận mắt và nâng niu trên tay cái sắc vàng tinh khiết của giống cá kia. Edigej còn nghe nói là nếu *talgak* của người phụ nữ đang kỳ thai nghén không được thỏa mãn, ngũ tạng của đứa con sau này có thể bị tổn thương trầm trọng.

Talgak của Ukubala kỳ dị đến mức chính cô cũng không dám nói thật cùng chồng, còn Edigej thì chưa biết chắc đó có phải là ý thích của vợ không, mà cũng chẳng dám cam đoan gì, vì làm sao anh biết là mình sẽ đánh được từ biển lên giống cá hiếm hoi ấy. Bởi thế thoát tiên anh quyết định phải đánh cho kỳ được con cá kia đã, rồi sau hẵn dò ý tứ vợ xem đó có đúng là *talgak* của cô không?

(*) *Talgak*: Món ăn mà người mang thai ao ước, để thỏa mãn một nhu cầu đặc biệt nào đó về khẩu vị (Chủ thích của tác giả).

Đạo ấy mùa cá rộ trên biển Aral đã chấm dứt lâu rồi. Trời đã sang đông. Tập đoàn của Edigej đang thu xếp công việc làm ăn trong mấy tháng băng giá, khi khắp năm trăm cây số bề ngang Aral đã bị phủ một lớp băng dày, phải đục thùng băng, thả lưới xuống, rồi dùng lạc đà - sức kéo độc nhất của vùng thảo nguyên - kéo từ hố này, sang hố khác mới mong lôi được từ dưới đáy biển lên một mẻ cá... Mai kia, bão tuyết sẽ ập đến liên miên, tôm cá mắc lưới chưa kịp vùng vẫy đã cứng lại như gỗ, khi vừa được lôi lên bờ. Khắp người chúng bị phủ một lớp giá mỏng, rét kinh người, giữa mặt biển Aral trống trải... Nhưng suốt từ bao năm nay, cả hè lẫn đông, Edigej cùng tập đoàn đã kéo lên được bao giống cá quý và lạ, thế mà anh nhớ chưa bao giờ cá chiên vàng bị mắc lưới cả. Thẳng hoặc, cũng có người câu hoặc nhử được bằng mồi giả, nhưng đối với dân chài, đó cũng là một chuyện khác thường. Và cả xóm, về sau vẫn nhắc mãi chuyện đó, tấm tắc khen hoài người gặp may mắn ấy.

Một buổi nọ, Edigej lên đường ra khơi sớm. Anh bảo vợ đi kiếm ít thức ăn để nhà dùng, nhân lúc Aral chưa kịp phủ băng. Ukubala nghe thế liền nói ngay:

- Nhà còn khối tôm cá đấy. Đi làm gì anh? Lại rét muốt thế này nữa?

Nhưng Edigej không nghe.

- Ru rú ở nhà mãi sao - anh nói - Vội lại chính em bảo là đi Sagyn đang ốm liệt giường. Phải nấu cho đi ấy bát cháo cá, hay niêu canh chua gì đó chứ! Thuốc tiên đấy, em ạ. Nhưng lấy đâu ra cá tươi? Ai đi đánh nào?

Anh viện có ấy và dong thuyền ra khơi từ lúc còn chưa tỏ mặt người, cố kiếm bằng được một con chiên vàng. Mành lưới cùng mọi thứ đồ nghề cần thiết khác, anh đã dự liệu đâu ra đấy và sắp sẵn từ trước. Anh xếp tất cả lên mũi thuyền. Mặc thêm mấy thứ đồ ấm, choàng bên ngoài một chiếc áo mưa, chụp lên đầu chiếc mũ trùm tai, dong thuyền ra khơi.

Hôm ấy là một ngày u ám, tiết trời đã cuối thu, đầu đông rồi. Lách mũi thuyền cắt sóng, Edigej vùng mạnh hai mái chèo lướt ra khơi đến chỗ nước sâu, nơi anh hy vọng là bãi ăn của giống cá chiên vàng nọ. Mọi chuyện dĩ nhiên còn tùy thuộc ở rủi may. Trong nghề săn bắt, ít có gì bấp bênh hơn là câu cá biển. Trên bộ, dẫu gì với con mồi bao giờ cũng đều ở trong cùng một môi trường, người đi săn tha hồ gỡ đủ mọi ngón - đuổi chán không ăn thua thì rình một chỗ, đợi con mồi đến, lao vào tiến công. Còn ở dưới nước, anh đừng hòng mơ tưởng chuyện ấy. Buông câu xong, anh cứ việc ngồi yên đó chờ. Lúc cá đến, lại phải chờ xem nó có đớp mồi không.

Edigej chứa chan hy vọng là sẽ gặp may, vì lần này ra khơi, anh đâu nhằm kiếm cá về ăn

như mọi bữa, anh chỉ cốt thỏa mãn ước mơ la đời của vợ đang lúc bụng mang dạ chửa thôi.

Đạo ấy, anh còn trai trẻ, tay chèo vững vàng và khỏe khoắn lắm. Anh mãi miết vùng chèo trong làn nước giá ngắt, khéo léo cho thuyền cắt sóng, nhằm thẳng hướng nước sâu, lướt tới. Loại sóng đó, dân chài vùng Aral gọi là irek tolkun - sóng chéch ngọn. Irek tolkun là dấu hiệu đầu tiên báo động bão sắp tràn về. Chứ riêng nó chẳng có gì nguy hiểm, cứ bình tĩnh cho thuyền ra khơi.

Thuyền càng ra xa, dải bờ dốc đứng toàn đất sét vàng và lồm chồm những mỏn đá nhọn hoắt, chạy mãi đến tận mép nước, càng nhỏ lại rồi mờ dần, cuối cùng biến thành một vạch thẳng lơ mờ, lúc ẩn lúc hiện. Trên cao, mây đen nằm chết lặng. Nhưng trên khoảng chân trời liền với nước, gió thổi ào ào, khiến mặt biển cuộn cuộn sóng.

Chừng hai giờ sau, Edigej gác chèo, thả neo, bắt đầu buông câu. Anh mang theo hai ống dây câu cuộn trong những cái ròng rọc tự chế. Một cuộn, anh buộc sau lái, thông sâu xuống cả trăm thước; phần còn lại, chừng hai chục thước, anh để dự phòng trong ống. Cuộn kia, anh cũng làm như vậy, nhưng buộc trước mũi thuyền. Đoạn, anh cầm chèo, khuấy nước, giữ cho thuyền khỏi bị gió đẩy chệch khỏi luồng. Nhưng chính là để cho hai sợi dây câu khỏi vướng vào nhau.

Rồi cứ thế ngồi chờ. Theo anh đoán, đây chính là chỗ lữ cá hiếm kia thường sinh sống. Tuy chưa có bằng cứ cụ thể, nhưng trực giác đã mách bảo anh thế. Anh vẫn tin rồi chúng sẽ xuất hiện. Nhất định thế. Chưa câu được cá, nhất định chưa về. Anh cần nó chẳng phải để mua vui, mà vì một điều hết sức hệ trọng trong đời.

Ít lâu sau, cá bắt đầu lay động dưới dây câu, nhưng không phải giống cá chiên vàng. Lần đầu anh giật được một chú *Zherex*. Khi giật, anh thừa biết đây không phải là cá chiên vàng. Làm sao mà ngay từ đầu đã câu được ngay giống cá hiếm hoi ấy? Thế thì hóa ra sông trên đời này dễ dàng và tửnhat quá. Hơn nữa, Edigej đã chấp nhận phải chịu khó, chịu khổ, phải chờ đợi kia mà. Lát sau, một chú cá gáy to mắc câu. Đây là một giống cá ngon, nếu không phải là ngon nhất biển Aral. Anh bóp chết, ném nó xuống lòng thuyền. Dù sao cũng đã có nồi cháo cá biếu dì Sagyn đang ồm nặng. Anh lại câu thêm được một chú *tran* - giống cá vền biển Aral. Chẳng rõ ma quỷ nào đã lôi nó xuống dưới đó? Cá vền thường sống ngay trên tầng mặt nước. Nhưng thôi, thầy kệ mày, ai bảo đại. Tiếp đến là cả một quãng thời gian dài khắc khoải mong đợi... Edigej tự nhủ: "Không, phải gắng chịu, cơ may thế nào rồi cũng tới. Tuy không nói ra, nhưng Ukubala chắc thừa biết là mình đi kiếm cá chiên

vàng. Phải câu cho được một con, kéo mai ngũ tạng đứa bé nhỏ có làm sao, lại ân hận. Đây, chính đứa bé nằm trong bụng xui mẹ nó đấy: muốn nhìn tận mắt và nâng niu trên tay một chú cá chiên vàng. Có điều tại sao nó lại muốn thế, thì họa có trời biết. Mẹ nó cũng ao ước vậy, làm bố lẽ nào mình không đáp ứng nỗi điều mong mỏi thiết tha ấy?".

Irek tolkun bắt đầu nổi mạnh, đẩy thuyền quay tròn, vùn vụt. Edigej lạnh cóng, vì phải ngồi bó rọ một chỗ dõi mắt trông chừng mấy cái phao bập bênh đầu dây câu, xem có con cá nào dớp mồi không và hai sợi dây có bị xoắn vào nhau không dưới sâu kia. Không, cả dây dềng mồi, lẫn dềng lái đều chẳng động tĩnh gì. Nhưng Edigej không chút nôn nóng. Anh biết. Anh tin chắc con cá chiên vàng kia thế nào rồi cũng đến. Chỉ ước sao biển đừng động, hẵng tạm nguôi bớt cái lũ sóng chéch ngọn này thêm ít lâu nữa. Nhưng diêm trời xem ra chẳng chịu chịu lòng người. Mà thôi, đừng lo, bão chưa ập đến ngay đâu. Chắc phải đến đầu hôm, có khi đến tận nửa đêm, biển mới nổi sóng alabash - sóng bạc đầu. Lúc đó, cả Aral này sẽ như một con thú dữ. Tung bọt trắng xóa suốt từ bờ bên này sang bờ bên kia, và chẳng còn ai dám liều ra khơi nữa... Nhưng giờ thì chưa có gì đáng ngại. Còn lâu, trời mới tối...

Rét cồng, Edigej co ro ngồi trên thuyền, đưa mắt nhìn chung quanh, chờ cá đến. "Sao mày lần khân thế, cá ơi! Nói có trời chứng giám, chứ tao chả làm gì mày đâu, đừng sợ, cá ạ - anh nghĩ bụng - Đừng sợ, tao cam đoan sẽ thả mày kia mà. Sao, không tin ư? Nhưng để rồi xem. Tao có bắt mày để thịt đâu? Tôm cá ê hê ở nhà. Ngay dưới lòng thuyền cũng có đến ba mống kia kìa. Tao mà ăn mày, bằng này tuổi đầu, tao sẽ chết ngay, chiêm vàng ạ! Mày hiểu cho đứa con đầu lòng của vợ chồng tao sắp chào đời đấy. Mới đây, vợ tao nằm mơ thấy mày. Từ đấy, vợ tao đâm mất ăn mất ngủ. Cô ấy chẳng dám nói với tao. Nhưng chỉ nhìn cũng đủ biết. Tại sao lại thế, tao không cắt nghĩa nổi. Nhưng dù gì, cô ấy cũng phải được nhìn thấy mày, nâng niu mày trong tay. Xong, tao hứa sẽ thả mày ra ngay, cho mày về với biển cả của mày. Đầu đuôi chỉ tại mày thôi. Ai bảo mày sinh ra làm một giống cá khác thường? Đầu đuôi mày đều vàng, cả vây bụng, vây lưng, lẫn thân mày cũng đều vàng nốt. Mày thử ở vào địa vị tao xem. Cô ấy ước ao được nhìn thấy mày tận mắt, cô ấy muốn được chạm tay vào người mày, để được biết lớp vảy óng vàng của mày đẹp ra sao, chiêm vàng ạ. Cũng biết mày là cá đấy, nhưng chẳng hiểu sao cô ấy vẫn cứ nhớ mong mày, như nhớ người chị em thân thiết, vẫn muốn được gặp mày, trước ngày sinh nở. Để cho đứa bé trong bụng kia

bằng lòng chắc? Đấy, cơ sự là thế đấy. Hãy giúp tao với, chiêm vàng yêu quý. Nào bơi lại đây. Đừng giận, nhé! Tao hứa với mày rồi mà. Nếu bụng tao mang điều ác độc, mày sẽ thấy rõ ngay thôi. Tao móc hai cục thịt to tướng ở đầu lưỡi câu đây. Thích cục nào, tùy mày chọn. Ừ, kể thịt đã hơi có mùi thật, nhưng là để mày dễ đánh hơi. Ăn đi, nhưng đừng nghĩ xấu về tao. Tao cũng toan móc mỗi giả đấy, vì trông ngon mắt hơn, nhưng làm thế là lừa đảo mày. Nuốt nó vào mày làm sao sống với cục sắt kia trong bụng, khi tao thả mày? Thế có phải là bịp bợm không? Tao thực bụng mời mày cắn câu đấy. Kể có thể bị rách môi tí đỉnh. Nhưng còn biết làm sao khác được? Chỉ đau chốc lát thôi, đừng lo. Tao đã đem theo cả một cái bao da to tướng đây này. Tao sẽ đổ nước vào, mời mày hãy tạm nằm trong ấy chốc lát; sau đó tao lại sẽ thả mày ra, tha hồ mà bơi. Tao không thể ra về tay không được, chiêm vàng ạ. Mà trời lại sắp tối rồi. Mày không thấy sóng mỗi lúc một cao, gió mỗi lúc một mạnh đấy ư? Hay là mày muốn đưa con đầu lòng của tao vừa sinh ra đã phải mồ côi? Ngẫm nghĩ cho nhanh lên, để còn giúp tao với..."

... Mặt biển bao la màu lam nhạt lạnh giá vào những ngày đầu đông, giờ đã sẫm hẳn lại. Một chiếc thuyền con khi nhô lên, khi biến mất giữa đầu sóng, đang chậm chạp tiến vào bờ. Phải vất vả lắm nó mới nhích lên được từng ít một,

vì phải vật lộn với những đợt sóng bạc đầu cuồng bạo. Biển gầm thét, dôi lắc, mỗi lúc một mạnh thêm, tung bọt trắng xóa, dồn thêm sức cho con bão.

Những tia nước giá ngắt tung vào mặt, hai bàn tay cầm chèo của Edigej sung vù lên vì rét và vì ngâm lâu trong nước.

Ukubala đi tới đi lui trên bờ... Trông mãi chẳng thấy chồng về, cô bồn chồn lo lắng. Khi bằng lòng làm bạn với một chàng đánh cá, bà con chặn thả sức vật trên thảo nguyên đã bảo cô: ngấm nghĩ cho kỹ đi, rồi hẵng hứa hôn, chứ rồi sẽ cực nhọc lắm đây, khi theo chồng về miền biển sinh sống; rồi sẽ phải tuôn không biết bao nhiêu là nước mắt trên dải bờ kia và sẽ phải khô cổ cầu nguyện cho chồng mỗi lúc anh ra khơi quảng chài bủa lưới. Nhưng cô không khước từ lời cầu hôn của Edigej. Cô chỉ đáp: anh ấy sao, tôi vậy...

Điều cảnh báo kia quả ứng nghiệm. Lần này anh ra khơi một mình, chứ không đi cùng tập đoàn. Trời chẳng mấy chốc đã nhập nhoạng tối. Biển lại động, gầm thét ngày một dữ...

Nhưng kia rồi, giữa những ngọn sóng bạc đầu hung dữ thấp thoáng đôi mái chèo vung vẩy, và con thuyền hiện rõ trên mặt biển. Buộc chặt thêm chiếc khăn trùm đầu, tuy bụng mang dạ chửa, Ukubala vẫn lần ra tận mé nước, đứng

chờ, cho đến lúc thuyền Edigej cập bến. Một đợt sóng lớn tung mạnh chiếc thuyền câu lên doi cát, sát chân cô. Edigej vội vàng nhảy ngay xuống, vật lộn với sóng như với một con bò mộng, lôi thuyền lên bờ. Lúc anh vừa đứng thẳng người lên, quần áo ướt sũng và mẩn chát, Ukubala chạy đến, ôm choàng lấy cổ anh: cả cô cũng ướt sũng nước, quần chật trong chiếc khăn quàng lạnh giá, cứng như gỗ.

- Em chờ anh đến mỏi cả mắt. Sao lâu thế, anh ?

- Suốt buổi, nó có chịu đến đâu. Mãi đến khi triều lên mới chịu lên tới.

- Chết, anh đi đánh cá chiên vàng đấy ư?

- Ừ, anh phải nắn nỉ nó mãi đấy. Giờ thì em có thể ngắm tha hồ. Edigej lôi từ dưới lòng thuyền lên cái bao da to đầy ắp nước, mở dây buộc, trút ra trên mặt sỏi một con cá chiên vàng cùng cả chỗ nước đựng bên trong. Đó là một con cá rất lớn. Hùng dũng và đẹp mê hồn. Nó quẫy loạn xạ cái đuôi vàng rực, uốn người, lách đi, làm tung tóe sỏi cát chung quanh. Cái miệng hồng hồng ngáp liên hồi, nó cố ngoi về phía biển, để mong được vẫy vùng giữa sóng nước quen thuộc thân thương. Đột nhiên, trong khoảnh khắc, con cá dừng phắt lại, dáng căng thẳng, bất động, đưa đôi mắt tròn, trong trẻo, ngậy thơ nhìn không chớp mọi thứ chung quanh. Dưới làn ánh sáng

lạ lẫm của hoàng hôn một ngày đầu đông, con cá nhìn thấy bốn con mắt long lanh của hai con người cúi thấp đầu ngay trước mắt mình. Con cá cũng nhận ra trong khoảng trời lồng lộng, trải dài trên mặt biển mãi tới tận tầng kia, sau những áng mây thưa thớt, ngay bên trên chân trời, ráng chiều tà rực rỡ đến lóa mắt. Đoạn, nó bắt đầu thở gấp, vẫy vùng lồng lộn với một sức mạnh mới, nó cố lặn ra phía biển đang cuộn sóng liên ngay cạnh đó. Edigej cầm mang con cá, xách lên.

- Chìa tay ra, cầm lấy đi, em - anh bảo vợ.

Ukubala hai tay đỡ lấy con cá trên tay chồng như đỡ một đứa bé, áp chặt nó vào lòng.

- Chao ôi, người nó chắc mới khiếp chứ! - Ukubala thốt lên, cảm nhận được cái sức vóc rắn rỏi, cứng cáp nơi con cá - mà nặng như một thanh gỗ lim ấy! Khắp người lại toàn là hơi của biển cả! Trời, đẹp quá đi mất! Anh ơi, giờ thì em mãn nguyện rồi, mãn nguyện lắm rồi. Giấc mơ của em thế là đã thành sự thật. Thôi, anh thả nó ra, cho nó chóng được về với biển khơi quê hương nó.

Edigej mang con chiên vàng ra biển. Anh lội xuống nước đến ngập đầu gối, rồi buông tay, cho con cá chuồi vào những đợt sóng. Trong khoảnh khắc, cái sắc vàng thuần khiết, lộng lẫy phủ khắp người con cá ánh lên trong làn nước xanh

lam. Con cá quẫy mình, rẽ nước, lao nhanh về những vùng nước sâu ngoài khơi thăm...

Con bão bắt đầu tung hoành trên mặt biển khi đêm vừa xuống. Biển âm âm réo trước mặt nhà, ngay dưới lòng vực. Một lần nữa, Edigej tin chắc rằng chẳng phải tự dung mà những ngọn sóng irek tolkun - sứ giả báo tin bão tố ấy lại xuất hiện. Đã gần nửa đêm rồi. Vừa lắng nghe tiếng sóng gầm lúc sắp thiu thiu ngủ, Edigej vừa nhớ lại chú cá chiên vàng rất đổi linh thiêng kia. Lúc này, chú ta đang ra sao? Chắc dưới đáy biển sâu, sóng không đủ dৌ đến thế này. Hẳn trong bóng đêm thăm thẳm dưới ấy chú ta cũng đang lắng tai nghe tiếng sóng thét gào trên mặt nước. Edigej sung sướng mỉm cười với ý nghĩ ấy, và lúc sắp thiếp đi, anh đặt nhẹ tay lên bụng vợ, chợt cảm nghe những tiếng đập đập dồn của đứa con đầu lòng sắp ra đời của anh lên tiếng đây. Edigej mỉm cười sung sướng, thanh thản thiếp đi trong giấc ngủ bình yên.

Phải chi anh biết rằng chưa đầy một năm sau, chiến tranh đã bùng nổ, làm đảo lộn hết mọi thứ trong đời và anh phải già từ biển cả ra đi mãi mãi, có chăng chỉ còn được gặp lại nó trong hoài niệm... Nhất là trong những ngày gian nan, cay cực, đang sắp đến gần...

*

Những chuyến tàu ở vùng này chạy từ Đông sang Tây và từ Tây sang Đông...

Trải rộng hai bên đường tàu ở vùng này là những hoang mạc mênh mông - miền Sarozek và các thảo nguyên úa vàng thuộc miền Đất Giữa.

Vào những ngày khủng khiếp của năm năm mươi ba ấy, đối với Edigej-Bảo Tuyết, mùa đông đến rất sớm. Ở xứ Sarozek mênh mông này, xưa nay chưa bao giờ tiết trời lại lạnh như thế. Mới cuối tháng Mười mà tuyết đã phủ dày và trời đã bắt đầu giá buốt kinh khủng. May mà trước đó ít lâu, anh đã kịp chở từ Kumbel về cho gia đình và cho mẹ con Zaripa được mấy bao khoai tây. Cứ như anh biết trước phải nhanh tay, kéo không thì hỏng hết. Hôm ấy, anh bắt con Karanar đi chuyến cuối cùng, vì sợ ngồi toa hàng không có mái che, chưa kịp chở đến nhà, khoai đã đóng băng, phí mất một khoản lương thực quý. Anh phải đặt lên lưng con Karanar-Bảo Tuyết hai cái giỏ thổ hàng - con vật không đời nào chịu nhấc chân, nếu nó biết ông chủ chưa chở thứ gì lên lưng nó - rồi mới chất hai bao khoai nặng lên, mỗi bao một bên, phủ kín đến tận mép một tấm thảm lông lạc đà to tướng cho gió rét khỏi lùa vào, còn mình thì đành ngồi co ro chịu rét giữa hai cái giỏ thổ, suốt từ Kumbel về tận ga Boranly-Bảo Tuyết. Anh ngất ngưỡng

trên lưng con Karanar, như ngồi trên lưng voi. Trong thâm tâm Edigej cũng nghĩ thế. Trước nay, bà con ở đây chưa ai từng thấy cảnh cưỡi voi bao giờ. Mãi đến mùa thu vừa rồi, người ta mới đem về chiếu ở ga một cuốn phim đầu tiên của Ấn Độ. Dân Kumbel, từ già chí trẻ, ai nấy đều đổ xô đi xem bộ phim về xứ sở khác lạ này. Bộ phim, ngoài những cảnh hát múa liên miên, còn quay cả voi, cả cảnh cưỡi voi vào tận rừng già sâu hỏ nữa. Edigej cũng được xem bộ phim này. Số là vào dịp đó, anh với ông trưởng ga được bầu làm đại biểu đi dự Đại hội liên hiệp công đoàn toàn huyện, cuối Đại hội, các đại biểu được chiêu đãi bộ phim kia, tại câu lạc bộ của đoạn đầu máy. Đầu đuôi là thế đấy. Xem xong, vừa ra khỏi phòng, đầu đầu cũng râm ran bàn tán đủ mọi thứ chuyện đã chiếu trên phim. Anh em công nhân đường sắt rất kinh ngạc trước cảnh người ta cưỡi voi ở Ấn Độ. Bỗng có ai đó nói to:

- Lũ voi kia đâu có gì là lạ? Thế con Karanar-Bảo Tuyết của Edigej có kém cạnh gì, hả?

Thêm cái bành, rồi cho anh ấy ngồi lên, thử hỏi có khác gì voi?

- Phải đấy - ai nấy cười rộ lên.

- Khéo còn hơn voi đấy chứ! - Một người khác chen vào - Voi chỉ sống được ở xứ nóng thôi. Cứ thử cho nó nếm cái rét mùa đông ở

Sarozek chúng ta xem. Lúc ấy, khéo voi của các cậu lại phải quì mốp dưới chân con Karanar cho xem!

- Edigej-Bảo Tuyết này, sao cậu không làm cho Karanar nhà cậu một cái bành như bên Ấn Độ ấy nhỉ? Ngồi vắt vẻo trên ấy, cậu còn oách hơn ông phú hộ trong phim đấy!

Edigej bật cười. Tuy bị bạn bè trêu chọc, nhưng trong thâm tâm, anh rất lấy làm hả dạ vì ai nấy đều trầm trồ khen ngợi con lạc đà trứ danh của anh...

Nhưng mùa đông ấy Edigej đã phải một phen điêu đứng vì chính con Karanar nọ...

Chuyện xảy ra ngay từ dạo những con băng giá đầu mùa ập đến. Mà đúng hôm ấy, anh lại gặp phải đợt tuyết đầu đông trút xuống ngay trên đường về. Núi của đáng tội, trước đó ít lâu, tuyết cũng đã rơi mấy đợt rồi. Nhưng vừa rơi xuống đã lại tan ngay. Hẳn nó bực mình, nên đã tích lại, chờ đến hôm ấy! Bầu trời đen kịt trùm khắp thảo nguyên hoang vu miền Sarozek, gió giạt liên hồi. Từng bông tuyết lớn quay cuồng tới tấp rơi kín trời đất. Không lạnh mấy, nhưng ướt át khó chịu. Khổ nhất là qua màn tuyết dày đặc, chẳng còn nhìn rõ được gì cả. Tại Sarozek này chẳng có một nhà ga nào dọc đường để có thể ghé lại trú chân, chờ tuyết ngừng rơi. Chỉ còn trông cậy vào sức vóc và sự tinh khôn của

con Karanar-Bảo Tuyết. Trước sau gì rồi nó cũng lần về được Boranly. Thế là Edigej đành phó mặc cho con lạc đà. Anh dựng cao cổ áo, quần chặt thêm chiếc khăn quàng cổ, kéo sụp chiếc mũ trùm tai xuống, kiên nhẫn ngồi co ro trên lưng con vật, cố căng mắt ra nhìn hai bên vệ đường. Ác thay, tuyết mỗi lúc một dày, chẳng còn nom thấy gì ngoài tuyết trắng. Trong khi đó con Karanar vẫn mãi miết bước, nhưng không chịu nhanh chân lên chút nào, hẳn nó thừa hiểu chủ nó đã bó tay ngồi im thin thít giữa hai cái giỏ thổ hàng, chẳng hề mở miệng thúc giục lấy một câu nào. Sức vóc nó phải phi thường lắm mới có thể băng qua thảo nguyên, giữa lúc tuyết rơi dày với ngần ấy hàng thổ trên lưng. Thổ cả chủ trên lưng, nó vừa hùng dũng thở phì phò, vừa cất tiếng kêu khê, chốc chốc lại rống to lên như còi tàu - băng mình qua màn tuyết cấm cúi bước đi không ngơi nghỉ...

Edigej bực mình khi thấy đường về nhà hôm nay sao xa xôi thế: Anh thầm mong cho chóng đến nhà, vì hình dung được cảnh ở nhà đang cuống lên, không rõ anh gặp chuyện gì giữa đường. Ukubala chắc đang đứng ngồi không yên, nhưng không nói thành lời đấy thôi. Chị không phải là loại đàn bà lúc nào cũng bô bô những điều đang nghĩ trong lòng. Không khéo cả Zaripa cũng đang nghĩ: chắc anh gặp chuyện rủi ro gì chẳng? Nghĩ, dĩ nhiên là cô ấy có nghĩ đến anh.

Nhưng cô ấy không nói ra miệng, cố tìm cách tránh mặt anh và tránh cả các cuộc trò chuyện tay đôi với anh. Thực ra, tránh mặt đâu có gì xấu? Ngay đến anh còn không dám để lộ ra ngoài một lời nói, một cử chỉ nào, khiến người ngoài có thể nghĩ khác về anh. Trước sao, nay vẫn vậy. Họ chỉ như hai người bạn đồng hành vừa chột nhìn thấy nhau... Rồi, dường ai nấy đi. Thế thôi. Phải cư xử như thế, anh thấy khổ tâm vô cùng. Nhưng cái số anh nó thế - ngay từ lúc lọt lòng mẹ đã bị đóng vào giữa trán một lời nguyên: từ nay, mày phải lâm vào tình thế lưỡng đao, tiến thoái lưỡng nan! Phận anh nó đã thế, đành cắn răng chịu, dù cay đắng, đau khổ bao nhiêu đi nữa cũng đừng hé răng, đừng làm cho bất kỳ ai phải lo lắng!

Hơn nữa, anh cũng chẳng còn bé bỏng gì. Anh biết nên cư xử thế nào cho phải đạo, thì hãy cứ tự đứng ra mà gỡ lấy cái nút đang ngày một thắt chặt do lầm lỗi của chính mình gây nên...

Những ý nghĩ thật đáng sợ, nặng nề và bế tắc. Mùa đông đã đến với Sarozek kia rồi. Riêng anh vẫn chẳng thay đổi, vẫn không thể quên được Zaripa, mà cũng không hề chối bỏ Ukubala, dù chỉ trong ý nghĩ. Khốn khổ thay, cùng lúc, anh vẫn cần cả hai người phụ nữ ấy, và cả hai chắc đều nhìn thấy và hiểu hết, nhưng vẫn chẳng hề làm gì để giúp anh sớm có quyết định dứt

khoát. Bề ngoài, mọi cái vẫn diễn ra bình thường - hai người vẫn xử tốt với nhau, lũ trẻ hai nhà vẫn như con cùng cha cùng mẹ, cùng lớn khôn thêm tại cái ga xép, cùng vui chơi với nhau, vẫn chạy đi chạy về, khi thì nhà này, khi thì nhà kia... Cảnh ấy đã diễn ra suốt cả mùa hè, suốt cả mùa thu...

Edigej-Bảo Tuyết thấy mình côi cút đến tội nghiệp trong cảnh cô đơn, giữa ngày tuyết xuống. Bốn bề trắng xóa một màu, vắng lặng. Con Karanar chốc chốc hất đầu rũ những cục tuyết lớn bám trên trán, rống những hơi dài, phá tan bầu không khí tĩnh mịch của thảo nguyên, giữa lúc chủ nó đang nấu ruốt nấu gan. Edigej chẳng còn biết xoay trở ra sao và không sao đẹp được nổi bốn chồn đang giày vò mình, cũng không biết trông cậy vào ai, vào một cái gì chắc chắn và vững chãi cả. Anh không thể thổ lộ chân thành mọi chuyện với Zaripa, mà cũng không thể chối bỏ Ukubala được. Thế là anh đâm cẩu với chính mình, tự mắng nhiếc mình thậm tệ: "Đồ súc sinh! Mày là người, mà chẳng hơn gì con lạc đà của mày cả! Đồ chó chết! Quân dân dòn!"

Anh cứ tự sỉ vả nặng lời, hành hạ mình, nhục mạ mình như thế, để may ra đầu óc bớt mê muội, để tĩnh trí lại, biết suy xét thấu đáo hơn, khỏi phải đại dột dần sâu thêm nữa... Nhưng vẫn chẳng ăn thua gì... Anh thấy mình như khối đá lớn đã đứt chân, sắp sửa trượt dài... Niềm

vui độc nhất đang đợi anh ở phía trước là hai đứa bé. Cả hai đều thật bụng đón nhận anh một cách vô điều kiện, đúng như anh đang có, và không đặt ra trước vấn đề gì đặc biệt. Giúp chuyên chở gạo nước, lo liệu công việc gia đình - mọi việc, bao giờ anh cũng sẵn sàng cáng đáng và lòng đầy thích thú, hết như lúc này anh đang chở về cho mấy mẹ con họ một bao khoai tây nặng trên lưng con Karanar đây, để cả nhà có cái ăn trong những ngày đông tháng giá. Cả than củi, anh cũng đã lo dự trữ trước rồi...

Nghĩ về hai thằng bé, đối với Edigej là nghĩ về chỗ tựa của mình, vì chỉ ở đó, anh mới thấy lòng hoàn toàn thanh thản. Anh hình dung trước mắt cảnh về đến Boranly-Bảo Tuyết. Chỉ mới hay tin, hai đứa bé đã ùa ra đón, tranh nhau chạy tới trước, chẳng kể giá tuyết, rồi vừa nhảy vòng quanh, vừa reo hò: Bác Edigej đã về! Cười con Karanar! Đem về cả khoai tây nữa! - Anh nghiêm nghị và định đặc quát bảo con Karanar quỳ xuống đất, mà chắc hẳn tuyết cũng đã phủ kín, rồi bước xuống, phúi tuyết bám trên người, và tuy bận tịu tịu, anh cũng cố đưa tay xoa đầu hai đứa bé. Anh giở hàng, lôi mấy bao khoai ra, trong khi vẫn đưa mắt nhìn quanh, xem Zaripa có hiện ra trước cửa không, nếu cô có ở nhà. Và anh sẽ chẳng nói một câu nào khác thường - cả Zaripa cũng vậy. Anh chỉ mong được nhìn vào đôi mắt cô, thế cũng đã đủ mãn nguyện. Đoạn,

anh lại lúi húi vào hai cái giỏ thổ, mở mở buộc buộc, lóng ngóng vì chẳng biết làm gì hơn. Còn hai đứa trẻ cũng đứng xó rớ bên cạnh, khiến anh lẩn bấn tay chân, vì chốc chốc chúng lại hoảng hốt ôm choàng lấy anh, sợ hãi tiếng rống hùng dũng của con Karanar. Và khi đã dẹp được nỗi sợ hãi, chúng lại cố tìm cách giúp anh. Những cử chỉ ấy anh thấy như một phần thưởng đền bù cho nỗi vất vả, khó nhọc mà anh vừa nếm trải...

Edigej cũng dự liệu sẵn trong trí cho cuộc gặp gỡ sắp tới với hai thằng bé nhà Abutalip. Lần này, anh sẽ kể gì đây cho hai thánh giả tí hon khát chuyện, như anh vẫn quen gọi? Lại chuyện biển Aral ư? Những câu chuyện chúng ưa thích nhất là những biến cố trên mặt biển, khi nghe xong, chúng thường thêm thất tình tiết, nhất thiết phải liên quan đến bố, và tuy vô tình, chúng vẫn giữ lại mãi trong tâm trí khó phai nhòa mối liên hệ giữa chúng với người cha đã đi xa, và những kỷ niệm về cha... Hơn nữa, hết thấy những gì Edigej biết và được nghe kể về cuộc sống của biển khơi trên biển khơi, anh đều kể hết và đã kể đi kể lại không biết bao nhiêu bận, trừ câu chuyện về chú cá chiên vàng. Nhưng không lẽ lại đi kể chuyện đó? Ngoài anh, là người trong cuộc ra, liệu còn ai đủ sức cắt nghĩa những gì ẩn giấu đằng sau cái biến cố ngày xưa ấy?

Đó là hết thấy những gì đã xảy ra trong tâm trí Edigej vào hôm anh gặp tuyết sa trên đường về. Suốt dọc đường, đầu óc anh không lúc nào dứt được những nỗi ngờ vực, những ý nghĩ nặng nề ấy... Suốt dọc đường, tuyết vẫn rơi triền miên...

Tuyết vừa xuống, mùa đông cũng tràn về miền Sarozek, mang theo cả giá lạnh buổi đầu.

Những con băng giá đầu mùa ấy vừa kéo đến, con Karanar-Bảo Tuyết cũng bắt đầu nổi máu điên. Nó lổn lổn bởi những cơn điên dữ dội, quen thuộc trong thời kỳ động hấn, mà không một thứ gì, mà không một ai có thể dập tắt nổi. Trong thời kỳ đó, ngay cả chủ nó cũng đành bó tay ngồi nhìn... downloadsachmienphi.com

Tuyết xuống được ba hôm, một đợt gió lạnh tràn qua Sarozek và một màn sương muối dày đặc tức thì giăng kín khắp thảo nguyên. Tiếng bước chân giẫm lên mặt tuyết vang rất xa và nghe rõ mồn một. Mọi âm thanh, tiếng động, dù khẽ đến mấy, cũng âm vang rõ rệt lạ thường. Những chuyến tàu lăn bánh cách xa hàng mấy cây số, cũng được nghe rõ. Hôm ấy, trời vừa mới sáng, giữa lúc mắt nhắm mắt mở, Edigej đã nghe tiếng rống như còi cùng tiếng dẫm chân thành thịch và tiếng nghiêng rãng treo treo của con Karanar-Bảo Tuyết trong chuồng, mé sau nhà. Anh hiểu ngay tai họa lại sắp giáng xuống đàn gia súc trong vùng rồi. Anh vội vàng mặc quần

áo, bước vội, dò dẫm trong bóng tối, lần đến chuồng gia súc, rồi vừa hóp từng ngum không khí giá buốt như muốn xé toang hai lá phổi, anh quát:

- Mày gớm thật nhỉ? Sao, sắp đến ngày tận thế rồi ư? Lại lên con diên chứ gì? Lại đòi uống máu tao đây chắc! Đồ súc sinh! Câm mồm đi! Câm ngay, tao bảo đấy! Sao năm nay giở trò sớm thế? Mày tính bôi tro trát trấu vào mặt tao trước thiên hạ một phen nữa đấy à?

Nhưng những lời anh nói như nước đổ đầu vịt. Diên lên bởi những dự vọng tự nhiên vừa tỉnh thức, con lạc đà đã bỏ ngoài tai những lời chủ mắng. Nó đòi bằng được cái nó muốn, nó gào rống, nó thở phì phì, nó nghiêng rằng dọa dẫm, nó phá chuồng.

- À, thì ra mày động hơn? - ông chủ đổi giận quay sang trách móc - Thôi, rõ rồi, mày đòi chạy ngay đến với bầu. Mày đánh hơi được một ả kajmancha (*) ưng ý nào đấy! Xì xì! Chẳng hiểu sao ông trời lại xui khiến cái giống lạc đà chúng mày năm nào cũng ầm ĩ lên một bận về cái chuyện mà thiên hạ vốn có thể làm nó hằng ngày một cách êm thấm và kín đáo? Thật chẳng còn ra cái thể thống gì nữa! Không, đúng là đến ngày tận thế thật rồi!...

(*) kajmancha: lạc đà cái tơ.

Edigej-Bảo Tuyết nói chiếu lệ thôi để người con giận đang bùng bùng trong người, chứ biết mười mười là mình đành bó tay, chịu thua con vật. Anh ngao ngán, bất lực, đưa tay ra mở cửa chuồng, chứ còn biết làm gì khác nữa. Anh chưa kịp đẩy sang một bên cánh cửa nặng trĩu, cao bằng tầm người do những súc gỗ ghép lại, to như bắp tay, được néo chặt vào cột chuồng bằng dây xích con, Karanar đã lao ra, suýt hất chủ ngã dúi, rồi cắm đầu cắm cổ chạy về hướng thảo nguyên, miệng rống vang cuồng nộ, chân sải dài, làm rung chuyển cả hai cái bươu đen nhô cao trên lưng. Trong chớp mắt nó đã mất hút, để lại sau lưng một đám bụi tuyết trắng xóa bốc cao.

- Mặc xác mày! - Edigej nhổ một bãi nước bọt theo sau con vật và nói thêm, giọng thực thà: chạy đi, chạy đi, thẳng góc, kéo lại muộn mất!

Sáng hôm sau anh phải đi làm sớm. Vì thế, anh đành bầm bụng làm ngo chuyện nổi loạn của con Karanar. Phải chi anh biết cơ sự sẽ đi đến đâu, thì dẫu trời có ra lệnh đi nữa, chưa chắc anh đã dám thả con vật ra. Nhưng anh mà vắng nhà, còn biết lấy ai cho con quỷ dữ đang lên cơn thịnh nộ kia vào khuôn vào phép? Thôi thì dù gì chẳng nữa cũng cứ thả nó ra. Edigej hy vọng là được thả, nó đỡ cuồng chân, máu

nóng trong người nguội bớt, con diên kia hẳn cũng sẽ dịu xuống...

Nhưng ngay trưa hôm đó, bác Kazangap đã ghé đến cười thông cảm, ôn tồn bảo anh:

- Chà, chuyến này không khéo chú bị lôi thôi to rồi. Tôi vừa ở bãi chẵn về. Con Karanar nhà chú, đúng như tôi dự đoán, đã lên đường làm một chuyến viễn du mất rồi. Các ả kajmancha ở đây nhỏ con quá, không ngon mắt nó.

- Nhưng nó đi đâu kia chú? Đừng giấu tôi nữa, bác nói thật đi.

- Chứ lại chả thật sao? Tôi vừa bảo chú đấy: nó đi tìm đàn khác. Chắc nó đánh hơi thấy một cô ả nào đó. Chú cứ ra mà xem có sự ở chỗ bầy gia súc nhà mình... Có điều nhớ mang theo một cái gậy rở to vào, hễ thấy có con gì chạy trên thảo nguyên, làm rung trời chuyển đất thì đó chính là Karanar. Khiếp, mắt nó long lên sòng sọc, miệng rộng như bị chọc tiết, sùi bọt mồm bọt mép. Mà cứ thở hồng hộc như một cái đầu máy xe lửa ấy. Bụi tuyết mù lên như đang nổi bão vậy. Tôi e nó xéo bẹp chú mất. Hồi nãy, nó chạy ngang qua mặt tôi mà cứ như chạy giữa đất trống, chẳng buồn để ý ai đang ở trước mặt. Nó chạy về hướng Malakumdychap. Đàn gia súc thả dưới lòng khe bên ấy đông hơn bên ta. Nó chán cảnh nhà lắm rồi. Bây giờ nó đang cần nói

rộng phạm vi hoạt động mà. Sức lực của nó bằng cả một bầy ấy chứ!

Edigej ruột rồi tơ vò. Anh hình dung được bao chuyện lôi thôi, bao điều khó chịu đang chờ đợi mình.

Kazangap thấy thế liền an ủi bạn:

- Đừng lo, rồi đâu sẽ vào đấy cả thôi. Sang bên ấy, thế nào nó cũng chạm trán với những tay sùng sỏ, bị chúng dẫn cho một trận, lại mang đầu về như con chó no đòn, chẳng còn biết chui vào đâu mà tránh nữa ấy.

Quả nhiên, hôm sau tin tức từ các nơi dồn dập đổ về, y như ngoài mặt trận thông báo về những cuộc đụng độ của Karanar-Bảo Tuyết với các địch thủ. Những nghe thôi cũng đủ phát rầu. Hễ có chuyến tàu nào dừng lại tại Boranly-Bảo Tuyết là y như rằng cánh lái tàu, hoặc thợ đốt lò, hoặc nhân viên kiểm soát vé đã thi nhau mạnh ai nấy kể về những trò càn rỡ và cuộc tàn sát mà con Karanar đã gây nên trong các đàn lạc đà chần thả quanh các ga chính cũng như ga xép trên tuyến đường vắt qua Sarozek. Họ kể rằng: tại ga xép Malakumdychap, con Karanar đã đánh bại hai con lạc đà đực, rồi xua ra thảo nguyên bốn con lạc đà cái, khiến chủ của chúng phải chật vật lăm mới giải thoát được mấy con vật tội nghiệp kia khỏi nanh vuốt con Karanar. Họ phải lôi cả súng săn ra bắn chỉ

thiên dọa nó. Tại một chỗ khác, nó đã hất tung xuống đất một người chủ đang vắt vẻo trên lưng con lạc đà cái. Ông chủ thộn lồm cồm bò dậy, rồi cứ ngồi đó chờ suốt hai tiếng đồng hồ, yên chí rằng nó giờn thỏa thích xong, con quý dữ kia sẽ buông tha cho con lạc đà cái của ông ta. Ai ngờ con vật trung thành của ông hoàn toàn chẳng màng gì đến chuyện chia tay với cái tên xác láo ấy. Đến khi ông mon men lại gần con lạc đà cái, tính lôi nó về nhà, con Karanar lập tức nhảy xổ vào ông, cư xử với ông khác nào một kẻ tình địch: nó đuổi ông chạy dài, suýt giẫm bẹp ông dưới vó nếu không mau chân nhảy xuống nấp dưới một cái hố sâu, như một con chuột nhắt. Mãi sau, khi đã hoàn hồn, ông mới nhảy lên, men theo một bờ khe, lủi vội ra khỏi chỗ đã gặp con Karanar ban nãy, rồi vắt chân lên cổ chạy về nhà, bụng mừng thầm vừa thoát chết.

Qua đường dây điện thoại mồm của vùng Sarozek ấy, Edigej còn nhận được nhiều tin tức tương tự khác về cuộc chinh phạt cuồng loạn của con Karanar. Nhưng tin tức đáng lo và khủng khiếp nhất là thư gửi từ ga xép Ak-Mojnak đến. Trời, thì ra con quý dữ ấy đã dẫn xác đến mãi tận ga Ak-Mojnak, quá Kumbel đến cả chục dặm đường! Người gửi thư là một anh Kospan nào đó. Đây là những gì được viết trong bức thư đáng nhớ ấy:

"Salem, anh Edigej kính mến! Dù anh là một người danh tiếng khắp vùng Sarozek này, nhưng anh cũng phải gắng mà nghe những điều khó chịu sắp kể ở đây. Tôi luôn nghĩ rằng anh là một trang nam nhi từng trải. Đã thế, sao anh dám để mặc cho cái tên đạo tặc Karanar kia lộng hành? Chúng tôi thật không ngờ anh lại cư xử như vậy đây. Nó đã khiến cả làng chúng tôi phải một phen khiếp vía. Nó đã làm què quặt mấy con lạc đà đực của chúng tôi, để đoạt lấy ba con cái tốt nhất. Khổ nỗi, nó không chỉ đến một mình mà còn lôi theo một con lạc đà cái nữa, chẳng biết của nhà ai, lưng còn đóng yên. Trông qua cũng đủ biết tên đạo tặc kia đã hất chủ của con lạc đà cái này xuống dọc đường. Chứ vạ gì nó lại phải tha theo cả yên cương trên lưng như vậy! Thế đây. Đoạt được mấy con lạc đà cái kia xong, nó lừa cả ba ra thảo nguyên và không còn để cho ai đến gần. Tình cảnh chúng tôi anh biết thế nào không? Một con lạc đà đực tơ đã tắt thở. Cả một dãy xương sườn của nó đều bị gãy tiết. Tôi đã nổ phát súng chỉ thiên dọa nó, để lôi mấy con lạc đà cái của chúng tôi về. Nhưng nào có ăn thua! Nó cóc sợ. Nó sẵn sàng cắn chết tươi bất kỳ ai! Chúng tôi chỉ còn biết thây kệ nó muốn ngang dọc thế nào, tùy thích. Ăn không, uống cũng không. Suốt ngày, nó chỉ quần mấy con lạc đà cái, khiến mặt đất cứ rung chuyển cả lên. Nhìn những trò nỡm của

nó mà phát kinh. Đã thế, nó còn rống dậy trời dậy đất, như thế sắp đến giờ tận thế. Thật chẳng thiếu trò gì! Tôi bó tay chịu thua, vì xem chừng nó còn có thể giở cái trò nồm này ra suốt cả trăm năm liền vẫn chưa thấy chán. Từ thuở cha sinh mẹ đẻ đến giờ, tôi mới thấy lần này là một. Cả làng chúng tôi, không ai là không lo lắng. Đàn bà, trẻ con, không ai dám bước ra khỏi nhà. Vì thế, tôi yêu cầu anh đến ngay cho, để lôi con Karanar nhà anh về. Tôi cho anh một thời gian để anh thu xếp. Quá hạn ấy mà không thấy anh đến để giải thoát cho chúng tôi khỏi tai họa nói trên, thì chớ trách chúng tôi, anh Edigej kính mến nhé! Khẩu súng nòng dài ở nhà tôi đã lên đạn sẵn. Đến gấu cũng kiêng những viên đạn này. Tôi sẽ nã nát như cái sọ đang ghét của nó trước sự chứng kiến của mọi người, thế là xong. Bộ da của nó, tôi sẽ gửi tàu hàng, nhờ chuyển lại cho anh sau. Anh đừng hòng nhìn thấy lại con Karanar-Bảo Tuyết nữa. Tôi là người nói sao, làm vậy. Anh đến ngay đi, khi còn chưa muộn.

Ini (*) của anh ở Ak-Mojnak.

Kospan

Sự thế đã đến nông nổi ấy. Lá thư, tuy vẫn về kỳ quặc, nhưng lời cảnh cáo trong ấy lại hết sức nghiêm túc. Edigej tìm gặp ngay Kazangap

(*) Ini: Người em, người bà con hoặc đồng hương thuộc hàng dưới.

để nhờ khuyên bảo. Cả hai quyết định là Edigej phải lên đường gấp, kịp đến ga Ak-Mojnak ngay chiều hôm ấy. Nói dễ, làm chẳng dễ. Phải đến gấp Ak-Mojnak, tóm lấy con Karanar ngay ngoài thảo nguyên, rồi trở về giữa giá lạnh và bão tuyết có thể ập đến bất cứ lúc nào, thật không gì cực bằng! Tốt nhất là mặc cho ấm, rồi nhảy lên tàu hàng quá giang, còn lúc về thì cưỡi con lạc đà. Khốn nỗi chưa biết cái con quý sống ấy đã đưa mấy ả cung phi súng ai của nó ra tận mãi đâu trên thảo nguyên. Qua giọng thư, dân làng Ak-Mojnak có thể đã phần nộ đến mức không rời mắt khỏi con Karanar, dù có phải lặn lội đuổi theo nó trong băng tuyết tận đồng đất xứ người.

Sáng hôm sau, Edigej vội vã lên đường. Ukubala không quên gói theo cho anh mấy thứ bánh trái ăn đường. Anh mặc thật ấm. Bên ngoài chiếc quần bông chần kỹ và chiếc áo len mặc lót, anh choàng thêm cả chiếc áo chên lông cừu. Dưới chân trùm húp đôi giày ống, trên đầu chiếc mũ *malakhaj* ba múi bằng lông cáo che gió hai bên tai lẫn sau gáy và trên cổ là chiếc khăn quàng bằng lông thú. Hai tay bọc kín trong đôi bao tay lông cừu. Thế là đầu, cổ, tay, chân, tất cả đều được ủ ấm bằng lông thú. Khi Edigej đang lúi húi đóng yên con lạc đà cái anh định dùng để đến Ak-Mojnak, cả hai thằng bé nhà Abutalip vội vàng chạy đến bên anh. Thằng Daul

trao cho anh chiếc phụ-la len, tự tay mẹ nó đan, nhanh nhẩu nói:

- Bác Edigej a, mẹ cháu bảo bác quàng thêm cái này cho ấm cổ.

- Cổ à? Phải nói là ấm ngực chứ!

Edigej hỏi lòng hỏi dạ ôm hai đứa bé vào lòng hôn, xúc động đến không nói nên lời. Anh mừng rơn như đứa trẻ. Đây là dấu hiệu đầu tiên về sự quan tâm của Zaripa đối với anh.

- Bảo với mẹ - anh nói với hai anh em - Bác sẽ về ngay đây. Nhờ trời, chỉ đến tối mai là cùng. Bác sẽ chẳng nấn ná một chút nào đâu. Chỉ đến mai bác cháu ta sẽ lại gặp nhau và cùng ngồi uống trà bên nhau thôi.

Edigej-Bảo Tuyết muốn đến làng Ak-Mojnak rủ ro kia ngay và quay về sớm, để chóng gặp lại Zaripa, nhìn thẳng vào mắt cô, để biết rằng chiếc phụ-la len mà anh đã rất cẩn thận, cất ngay vào tận túi trong chiếc áo ấm đang mặc này, không phải là một lời ngỏ ý tình cò. Lúc vừa bước chân ra và cả lúc đã đi xa lắm rồi, anh đã phải cố kìm giữ lắm mới khỏi quay gót trở lại, phó cho trời số phận con Karanar đang phát cuồng, mặc cho anh chàng Kospan nào đó muốn bắn, muốn giết, muốn lột da nó thế nào tùy ý. Rốt cuộc, càng đỡ mất công chặn dắt cái của nợ hung hăng, gàn dở ấy - mặc cho trời trừng phạt nó. Mặc xác nó! Đáng kiếp! Nhưng

rồi anh tự thấy hổ thẹn với lương tâm. Anh hiểu ngay rằng anh sẽ lộ bích, sẽ mang nhục với thiên hạ, mà trước tiên là với Ukubala, và cả với Zaripa nữa. Và lòng anh nguôi ngoai dần. Anh tự thuyết phục mình: chỉ còn một cách để nguôi bớt nỗi bồn chồn - đó là cố đi cho chóng, để còn sớm trở về.

Nghĩ thế, anh thúc con vật rảo bước. Trời khá lạnh. Gió thổi riết róng, tới tấp tạt vào mặt anh những hạt móc buốt giá. Chiếc mũ lông cáo trên đầu chẳng mấy chốc tuyết đã phủ dày. Hơi thở con lạc đà cái sắc nâu vừa ra khỏi mũi đã biến ngay thành những hạt tuyết mịn, đáp lên lông nó, khiến từ cổ đến u trên lưng con vật cũng trắng xóa những tuyết là tuyết. Mùa đông đang tác oai tác quái. Bốn phía chân trời lơ mờ hơi sương. Màn sương đục ấy cứ dịch chuyển trước mắt anh theo từng bước chân. Nhưng hễ anh bước tới gần, nó càng lùi xa. Mùa đông, Sarozek vắng lặng, buồn tẻ, trắng xóa một màu.

Con lạc đà tơ đẹp mã, anh đang cười, vẫn mãi miết sai nước kiệu, Nhưng Edigej cảm thấy như nó đang đứng yên một chỗ. Giá là con Karanar, anh sẽ chẳng chịu để thế này. Càng thở dốc, nó càng bước nhanh - khó có con nào theo kịp. Chẳng phải vô cớ mà các cụ ta ngày xưa có câu hát:

*"Ngựa hay - hay ở nước phi,
Trai khôn - khôn trí xét suy hơn người..."*

Đường xa tít tắp, phải thui thủi một mình. Edigej hẳn phải uể oải lắm. Nếu anh không có trên người chiếc phu-la bé bỏng mà Zaripa vừa tặng. Suốt dọc đường, anh luôn cảm nhận được sự có mặt của tặng vật tưởng chừng nhỏ nhất kia. Anh đã sống bằng này tuổi đầu, nhưng anh không ngờ được rằng những món quà bé mọn kiểu ấy lại có thể sưởi ấm được cả một con tim, nếu đó là tặng vật của một người phụ nữ mà mình yêu dấu. Suốt dọc đường anh đã được sưởi ấm thêm bởi ý nghĩ ấy. Chốc chốc, anh lại cho tay vào túi áo vuốt ve chiếc khăn len, sung sướng mỉm cười. Nhưng rồi anh nghĩ lại. Rồi sẽ ra sao? Đời anh mai kia rồi sẽ thế nào? Trước mặt anh là một ngõ cụt tối tăm. Sẽ thế nào đây? Phàm sống là phải sống với cảm thức rõ ràng về mục tiêu trước mắt và con đường dẫn đến mục tiêu ấy. Đẳng này cả hai thứ, anh đều chẳng có.

Và cái viễn cảnh trước mắt Edigej, chẳng khác gì chân trời vắng lặng miền Sarozek mờ mờ trong sương. Edigej không tìm được lời giải đáp, anh khắc khoải, buồn rầu, nhụt chí, rồi đành tự an ủi mình bằng những ước mơ tuyệt vọng...

Anh chợt cảm thấy, thực sự khủng khiếp trước cảnh vắng vẻ cô đơn lúc này. Vì lẽ gì mà

đời anh lại đến nông nổi ấy? Anh đến làm gì cái đất Sarozek này? Cái gia đình bất hạnh, bị số phận xua đuổi kia, đến ga xép Boranly-Bảo Tuyết này làm gì? Giá không có tất cả những chuyện đó - anh đâu đến nỗi khổ sở thế này, anh sẽ sống yên ả, no đủ và thoải mái biết bao - Nhưng không, lòng anh như con ngựa bất kham, nó ao ước điều mà nó không thể có được... Hoặc như con Karanar đang nổi loạn kia, nó cũng tự chuốc lấy gánh nặng, cũng bị số phận trừng phạt, cũng đầy hăm hiu. Không, quả thế thực. Đời anh chỉ gặp toàn những rủi ro, bất hạnh.

Edigej đến được Ak-Mojnak lúc trời đang còn chạng vạng. Con lạc đà cái mệt như ngay từ lúc đang còn trên đường đi. Vì đường xá xa xôi, lại đứng vào giữa ngày đông tháng giá.

Ak-Mojnak cũng là một ga xép như Boranly-Bảo Tuyết. Chỉ khác là ở đây khỏi lo chuyện nước nổi vì đã có một cái giếng tự đào. Ngoài ra, chẳng có một nét đặc sắc nào khác - cũng vẫn là đồng đất Sarozek khắc nghiệt.

Lúc sắp đến ga Ak-Mojnak, gặp một cậu bé ở mép đường tàu, Edigej hỏi thăm nhà Kospan. Cậu bé đáp: chú Kospan giờ này đang đi làm, hôm nay có phiên trực ngoài ga. Edigej tức tốc đến ngay đó. Tới gần phòng trực ban, anh tính hỏi thăm, thì ngay trước thềm đã xuất hiện một người đàn ông tầm thước, trông rất lạnh lợi, khôn

ngoan, vai khoác chiếc áo chên lông ngắn cũn cớn như mượn của ai, đôi giày ống vệt gót, chiếc mũ lông cũ kỹ đội lệch.

- A-a, anh Edigej! Người anh em thân thiết ở ga Bão Tuyết của tôi! - Anh ta nhận ra Edigej ngay, thế là anh đã đến. Khiếp, chúng tôi mong anh quá đi mất. Ở đây, người đoán anh đến, kẻ lại đoán không.

- Thì cứ thử không đến xem - Edigej cười xòa - khi nhận được tối hậu thư anh gửi.

- Anh tính, còn biết làm sao được nữa! Này, nhưng thư chỉ mới kể có một nửa tai họa thôi đấy, anh Edigej ạ. Giấy bút đâu viết cho hết được. Anh mà không giải thoát sớm giúp chúng tôi cái nạn do con quỷ Karanar kia gây nên, chúng tôi đến phải sống trong cảnh bị vây hãm mất thôi. Chẳng một ai dám lộ mặt ra thảo nguyên. Nhác thấy bóng người, con quỷ đã phóng tới như điên, chỉ chực ăn tươi nuốt sống người ta ngay tức khắc! Đúng là đồ quỷ sống! Nuốt phải cái của nợ ấy, đáng sợ thật - Anh bồng nín thình, ngược nhìn Edigej đang vắt vẻo trên lưng lạc đà, nói thêm: - Không biết rồi anh tính dùng ngón gì mà trị nó, chứ trần hai tay không thể kia chả nước non gì đâu.

- Sao lại tay không? Khí giới tôi đây này - Edigej lôi từ trong giỏ ra ngọn roi da bện, quần quanh cái cán rỗ to.

- Có vậy thôi sao?

- Không lẽ lại phải lôi cả súng đại bác ra mà trị lạc đà?

- Khí giới thế kia, cấp vàng chúng tôi cũng chả dám. Chẳng biết nó có nhận ra được chủ không. Chỉ ngại lúc này mắt nó chẳng còn nom thấy gì nữa...

- Được, để rồi xem sao - Edigej đáp - Thôi, ta ra tay ngay, kéo phí thời giờ. Chắc anh chính là người viết thư cho tôi phải không? Nếu quả đúng thế, xin anh chỉ giúp, nó hiện đang ở đâu. Mọi khoản khác cứ để mặc tôi.

- Đường hơi xa đây - Kospan đưa mắt nhìn quanh, rồi xem đồng hồ - Thế này anh Edigej ạ, trời sắp tối rồi. Lần được đến nơi, e chẳng còn nom thấy gì nữa đâu. Đêm hôm, biết đường nào mà lần? Thôi khoan hẵng đi. Những người như anh, dễ gì mời được đến nhà. Nhân tiện hôm nay anh đến đây, xin ghé về thăm tôi cho biết cửa biết nhà. Sáng mai, nhất định tôi chả dám cản - anh muốn làm gì tùy ý.

Edigej không ngờ tình thế lại chuyển sang chiều hướng ấy. Anh tính thầm trong bụng là nếu trị được con Karanar xong, sẽ lên đường về Kumbel ngay đêm nay. Trọ thêm một tối, ở nhà người quen, rồi sáng mai ra đi sớm, về Boranly cho kịp. Thấy Edigej vẫn nôn nóng muốn đi bắt con Karanar, Kospan lại phản đối dứt khoát:

- Không, chả nên thế, anh Edigej ạ! Anh bỏ qua cho tôi về chuyện bức thư. Nhưng chẳng còn cách nào khác. Cả làng mất ăn mất ngủ vì nó mà lại. Nhưng tôi không để cho anh đi đâu. Ngộ nhỡ đêm nay, nói đại mồm đại miệng, xảy ra chuyện gì ngoài thảo nguyên heo hút, rét muốt, tôi còn mặt mũi nào nhìn bà con Sarozek này nữa. Ở lại với tôi một tối, sáng mai, anh muốn làm gì tùy thích. Nhà tôi ngay kia thôi, ngôi nhà đầu cùng ấy. Tôi chỉ còn một tiếng rưỡi nữa là hết phiên trực. Anh cứ tự nhiên như ở nhà. Thay quần áo, rồi ngã lưng một lát. Còn con lạc đà này cứ thả vào chuồng. Rơm cỏ sẵn trong ấy. Nước nôi, chỗ chúng tôi tha hồ, tôi sẽ mở vòi cho chảy mạnh thêm.

Ngày đông, trời chóng tối. Kospan và gia đình anh rất tốt bụng. Cả bà mẹ già, vợ và đứa con lên năm (con bé lớn cũng đang theo học ở trường nội trú dưới ga Kumbel) lẫn Kospan đều lăng xăng lo đãi khách. Lò sưởi nóng rực, trong nhà ấm áp, dễ chịu. Dưới bếp, nồi súp đang sôi sùng sục trên lò. Chủ, khách quây quần bên ấm trà chờ bữa ăn dọn lên. Bà mẹ già tự tay chuyên nước ra mấy cái chén mời Edigej-Bảo Tuyết và tíu tít hỏi han ông khách lạ về gia đình, con cái, về đời sống ở Boranly, về thời tiết, về lai lịch, quê hương bản quán. Rồi đến lượt mình, bà cụ bắt đầu kể cho Edigej nghe vì lẽ gì gia đình bà rời quê hương dọn đến Ak-Mojnak. Edigej hồ

hỏi trò chuyện, khen lấy khen để món bơ vàng
ngậy mà anh đang phết lên bánh nóng và ăn
ngon lành. Món bơ lấy từ sữa bò này vốn là của
hiếm đối với dân Sarozek. Bơ lấy từ sữa cừu,
sữa dê, sữa lạc đà, tuy ngon, nhưng không sao
sánh kịp. Biết ra, chỗ bơ ấy do một người bà
con của họ gửi tận Ural sang cho. Vừa ăn bánh
phết bơ, Edigej vừa cam đoan với bà cụ là anh
cảm nhận được cả hương cỏ thơm tho của những
cánh đồng cỏ bên ấy trong món ăn này, khiến
bà cụ càng khâm phục, đến nỗi bà cụ phải thú
thực mình gốc người bên vùng ấy, và bắt đầu
trìu mến kể về miền Ural thân thiết, về những
đồng cỏ, những rừng cây, những sông suối quê
nhà...

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Câu chuyện đang vui thì ông trưởng ga
Erlepes đến. Chính Kospan đã mời ông sang chơi,
nhận dịp Edigej-Bảo Tuyết ghé thăm. Từ lúc
Erlepes tới, câu chuyện chuyển sang hướng khác.
Chủ, khách bắt đầu bàn chuyện công tác ngoài
ga, tình hình giao thông vận tải, chuyện tuyết
giá làm nghẽn đường tàu... Erlepes và Edigej
trước đã quen biết nhau ít nhiều, vì ông ta từng
công tác lâu năm trong ngành đường sắt, nay
tình thân giữa họ càng thêm bền chặt. Erlepes
nhiều tuổi hơn Edigej. Ông giữ chức trưởng ga
Ak-Mojnak từ dạo cuối chiến tranh, và xem ra
rất được mọi người ở đây kính nể.

Ngoài cửa sổ, đêm đã xuống lâu rồi. Cũng như ở Boranly-Bảo Tuyết, ngoài ga chốc chốc lại âm âm lao qua một đoàn tàu, khiến kính cửa sổ rung lên. Gió rít dài qua khe cửa. Nhưng đây dầu sao vẫn là một nơi xa lạ, mặc dù nó vẫn nằm trên cùng đường sắt bắc ngang Sarozek. Ở đây, anh là khách, mặc dù anh đến đây vì những chuyện lồi thoi do con Karanar điên đại gây nên, nhưng anh vẫn được đón tiếp rất mực ân cần.

Từ lúc ông Erlepes ghé vào, Edigej cảm thấy mình lại được đặt đúng vào cương vị cũ. Anh rất am hiểu về lịch sử dân Kazak, nên câu chuyện chẳng mấy chốc đã hướng về thời xa xưa, về những danh nhân, về những truyền thuyết nổi tiếng của dân tộc ấy. Tối hôm đó, Edigej thấy rất có thiện cảm với những người bạn mới ở ga Ak-Mojnak. Mỗi thiện cảm ấy chẳng những do câu chuyện thân tình, mà còn do những người chủ nhà tính tình xởi lởi và một phần không nhỏ là do bữa cơm thết khách rất ngon, cùng mấy cốc rượu nồng ấm áp. Vì đêm mình giữa trời lạnh suốt ngày và ngấm nổi nhọc mệt lúc đi đường, nên mới nhấm nháp lung cốc vớt-ca, với mấy lát mỡ lạc đà tơ muốn mặn, sấy khô, đặt trên chiếc khay tròn chân thấp, Edigej đã thấy người lâng lâng, dễ chịu lạ thường. Chẳng mấy chốc, anh đã ngà ngà say, đâm bốc hấn lên và mỉm cười luôn miệng. Erlepes cũng tự cho phép mình nhấm nháp chút đỉnh để mừng khách

và cũng đã hơi chéch choáng. Vì thế, ông quay sang Kospan, bảo khẽ:

- Kospan, anh làm ơn mang giúp cây đàn đombra bên nhà sang đây giúp tôi nhé.

- Phải đây - Edigej tán thưởng - Từ bé, tôi rất phục hết thấy những ai biết chơi đàn đombra.

- Ngón đàn của tôi chả điêu luyện lắm đâu, anh Edigej ạ, nhưng không lẽ anh đến mà chỉ mừng suông - Erlepes đáp, rồi cởi phăng áo ngoài, xắn cao hai tay áo sơ-mi lên.

Khác với Kospan lanh lợi và hay chuyện, ông Erlepes rất dầm tính và ít nói. Mặt vuông chữ điền, dáng phốp pháp, người ông toát ra một vẻ đầy tự tin. Khi ôm cây đàn lên tay, vẻ mặt ông trở nên dầm chiêu, như thể chẳng còn bận tâm gì đến những chuyện hằng ngày. Một dáng điệu thường thấy mỗi khi con người ta chuẩn bị bộc lộ những nỗi lòng thiết tha thâm kín. Đổi lại thế ngồi cho ngay ngắn, Erlepes ngược nhìn Edigej hồi lâu. Trong đôi mắt ốc nhồi, to, đen và thông minh của ông, Edigej thấy ánh lên những tia lấp lánh như ánh mai trên mặt biển. Khi tay phải ông gảy nhẹ vào mấy sợi dây và bốn ngón tay dài, uyển chuyển bên bàn tay trái đưa nhanh trên chiếc cần đàn thon thả, khi lên cao, khi xuống thấp, khiến chùm hợp âm đầu tiên ngân lên, đồng thời gắn nó ngay vào những chuỗi hòa âm mới, mà chốc nữa thôi, sẽ triển

khai thành chủ đề chính của khúc nhạc và hào hiệp tuôn trào, Edigej-Bảo Tuyết đã lập tức hiểu rằng điệu nhạc kia rồi sẽ xua tan đi trong lòng anh niềm thương thái hiện thời. Vì hóa ra anh chỉ mới nhãng quên trong chốc lát những gì trước đây, khi chủ khách thù tạc cùng nhau trong bữa tiệc mừng. Và những nhịp đàn đầu tiên kia đã đưa anh trở về với những nỗi niềm sâu lắng, gọi lại nơi anh những đau buồn da diết bất hạnh mới nảy sinh. Hẳn từ lâu rồi, những người soạn ra khúc nhạc kia đã biết rõ những gì sắp xảy đến với Edigej-Bảo Tuyết, những nỗi cay cực và khổ đau nào số phận đã dành cho anh từ lúc mới cất tiếng khóc chào đời? Chứ làm thế nào họ lại có thể biết được những cảm xúc của anh, mà phổ vào tiếng đàn của ông Erlepes? Lòng Edigej dạt dào, sôi nổi, cất cánh bay cao và nức nở, rồi cùng lúc, mọi cánh cửa trên đời bỗng rộng mở - niềm vui, nỗi buồn, những suy tư, mong ước và ngờ vực mơ hồ chợt bùng thức...

Ngón đàn của Erlepes quả là thiên nghệ. Tiếng xưa bỗng sống dậy dạt dào trên những dây đàn, như củi khô gặp lửa, rực lên những ánh vàng lộng lẫy. Trong giờ phút ấy, bàn tay Edigej chốc chốc lại vuốt ve âu yếm chiếc phụ-la Zaripa trao tặng, anh triền miên nghĩ đến sự hiện hữu một người phụ nữ trên đời mà anh yêu dấu, mọi ý nghĩ về nàng, đối với anh là tất cả, hạnh phúc lẫn xót xa, vì anh không thể sống

thiếu nàng. Và bởi lẽ ấy, anh sẽ yêu nàng mãi mãi, yêu một cách mù quáng, đắm say, bất tận... dù phải trả bằng bất cứ giá nào. Cây đàn trong tay Erlepes, khi khoan khi nhặt, về chính điều ấy với anh. Tiết tấu thay đổi, giai điệu này hòa quyện với giai điệu kia, lòng Edigej bỗng bênh như thuyền trên sóng. Anh lại mơ thấy biển Aral quê hương, lại nhớ về những dòng nước, không nhìn thấy bằng mắt, tuôn chảy dọc những bến bờ thân thuộc và chỉ có thể đón được hương của chúng qua chiều nghiêng ngả của những nhánh rong dài như những áng tóc mượt mà thiếu nữ. Đạo ấy, tóc Ukubala buông dài quá gối, những lúc ngâm mình trong dòng nước biển, mái tóc Ukubala cũng tuôn dài như những ngọn rong xanh kia. Và Ukubala cất tiếng cười sung sướng, cô xinh đẹp biết bao với nước da bánh mật đen giòn.

Edigej-Bảo Tuyết rạng rỡ hẳn lên, lòng bồi hồi xúc động, say sưa lắng nghe tiếng đàn đombra. Chỉ vì tiếng đàn ấy, anh đã phải lặn lội trên thảo nguyên Sarozek suốt một ngày trường, giữa mùa đông rét mướt. Edigej nghĩ bụng: "Kể cũng may, con Karanar lại bươn bả đến chốn này. Chính nó đã dừng lại ở đây và bắt mình phải tìm đến. Nhưng dù sao mình cũng đã được dịp thưởng thức tiếng đàn đombra tri kỷ trong chốc lát... Ông Erlepes này cừ khôi thật! Một nghệ sĩ

thực thụ, chứ đâu phải đùa! Có điều mình không biết..."

Tiếng đàn Erlepes, kéo Edigej hồi tưởng lại quãng đời đã qua của mình, như một con ó cất cánh bay vút lên không trung, giang rộng cánh, lượn vòng trên thảo nguyên, một thân một mình giữa bầu trời lồng lộng nhìn xuống những gì đang diễn ra bên dưới. Còn cảnh miền đất Sarozek trong những ngày mùa đông đang bày ra trước mắt nó. Ở đó, tại một đoạn đường cong bình dị của tuyến đường sắt bắc qua thảo nguyên, có một khóm nhà bé nhỏ quây quần bên nhau trong vài ba đốm lửa lập lòe: ga xếp Boranly-Bảo Tuyết. Tại đây, trong một nếp nhà nhỏ, có một người thiếu phụ tên Ukubala sống với mấy đứa con gái nhỏ. Lúc này, hai đứa bé hẳn đã yên giấc. Riêng Ukubala chắc còn thao thức. Chị đang nghĩ đến điều gì và lòng chị hẳn cũng đang nhắc nhở một điều gì chẳng? Cảnh đó, trong một nếp nhà nhỏ khác, Zaripa đang sống với hai đứa con trai. Thiếu phụ trẻ chắc vẫn chưa ngủ. Lòng cô đang trĩu nặng, làm sao khác được? Trước mắt cô, bao nỗi chưa xót đang chờ - hai đứa bé chưa biết gì về số phận của cha. Dù thế nào chẳng nữa cũng không thể lẫn tránh được sự thật...

Trước mắt Edigej hiện rõ những chuyến tàu âm âm lướt qua vào giờ khuya khoắt ấy, tung tóe những đốm lửa lên không, để lại sau lưng cả một đám bụi tuyết dày, trong cảnh đêm tối,

vắng lặng, mông lung vây tỏa bốn bề. Cách nơi anh đang ghé tới nghe đàn đomبرا một quãng khá xa, giữa thảo nguyên hoang vu không một ánh lửa, chìm trong tuyết lạnh và gió réo liên hồi là con Karanar diên đại đang mặc sức tung hoành. Nó chẳng thiết ngủ, cũng chẳng thiết gì sự yên tĩnh. Trời đất đã an bài như thế. Quanh năm tích lũy sức lực trong người, và mài miết cho hết rom cỏ kiếm được vào mồm, nghiền chúng giữa hai quai hàm chắc khỏe, đưa đẩy liên miên không lúc nào ngừng nghỉ, rồi tống vội xuống dạ dày, để về sau, khi rom cỏ đã hết, lại ợ ra đặng mồm những thức ăn thế kia, nghiền kỹ lại bần nũa, xong đầu đó mới nuốt trở vào bụng - một công việc mà lạc đà vẫn làm bất cứ lúc đi lúc đứng và cả trong giấc ngủ để chất lọc những gì béo bổ, tích lại nơi hai cái bướu trên lưng, bướu càng săn chắc, mỡ chứa càng nhiều, con đực càng khỏe, càng có nhiều sức lực để rong chơi trong những chuyến đi tìm bạn mùa đông. Lúc bấy giờ, con vật bất chấp hết - cả băng tuyết, cả giá rét, thậm chí cả chủ của nó nữa, kể chi với người ngoài. Nó trở nên hung hãn, cuồng dại, vì một sức mạnh bên trong không sao kềm giữ nổi, trở thành vị chúa tể tối thượng của hết thảy mọi thứ, của muôn vật, chẳng còn biết gì đến nhọc mệt, đến sợ hãi và bấy giờ đối với nó trên đời chẳng còn một thứ gì khác - cả ăn uống lẫn ngủ nghỉ - ngoài cái việc thỏa mãn nổi

khát khao không gì chế ngự nổi đang ngùn ngụt trong người. Nhưng muốn được thế, nó phải sống bình lặng suốt một năm ròng, phải tích tụ sức lực hết ngày này sang tháng khác. Để vào giờ này, khi Edigej-Bảo Tuyết đang ngồi thù tạc thoải mái ở nhà bạn và sung sướng lắng nghe tiếng đàn đombra, thì ở đâu đó quanh đây, giữa đêm đen giá buốt, trên lớp tuyết trắng bạc như ánh trăng, con Karanar-Bảo Tuyết lên con diên, lồng lộn theo tiếng gọi trung thành của giòng máu nóng trong người đang canh giữ những cô bạn tình đã lọt vào cặp mắt xanh bùng bùng lửa ghen của nó, không cho bất cứ ai, bất kỳ con thú nào, thậm chí cả chim chóc được lại gần, miệng nó rống vang không ngớt và rung tit chồm râu cằm đen nhem đáng sợ.

Cả những ý nghĩ ấy cũng hiện lên trong tâm trí Edigej khi nghe tiếng đàn đombra...

Điệu nhạc đưa ý nghĩ của anh thoát từ dĩ vãng về hiện tại, rồi lại thoát từ hiện tại về với dĩ vãng. Đến những gì đang đợi anh vào sáng ngày mai. Một khát vọng chợt lóe lên - phải ngăn chặn, phải đẩy lùi những hiểm nguy đang đe dọa hết thảy những gì anh yêu quý, để không một ai lâm vào tình cảnh gay go, khốn đốn nữa. Và cái cảm giác mơ hồ về lỗi lầm của ai đó đối với hết thảy những người đã gắn bó với đời anh, đã khiến lòng anh trở nên buồn bã - một nỗi buồn thật bí ẩn.

- Chết chưa - ông Erlepes nói với Edigej, miệng mỉm cười tư lự, tay vẫn gảy nhẹ mấy sợi dây đàn, lúc này chỉ còn ngân nga khe khẽ, trọn mấy nhịp cuối cùng của điệu nhạc. - Phải để anh nghỉ ngơi tí chút chứ. Suốt ngày đã vất vả dọc đường, mà tôi còn bắt anh nghe mãi...

- Ô, không đâu, anh Erleke ạ - Edigej bối rối thực lòng, chấp hai tay trước ngực - Trái lại, đã lâu lắm rồi chưa bao giờ tôi thấy lòng vui thích như thế này. Nếu anh không mệt, anh làm ơn gảy tiếp đi. Chơi nữa đi, anh Erleke ạ!

- Anh còn muốn nghe gì nữa nào?

- Khoản đó, anh rành hơn tôi, Erleke ạ. Nghệ sĩ tất phải biết điệu nào hợp với ngón đàn của chính mình. Dĩ nhiên, những điệu ngày xưa tôi thích hơn. Nghe những điệu ấy, chẳng hiểu sao tôi thấy lòng thích thú, đầu óc cứ như hát lên vậy.

Ông Erlepes tâm đắc gật đầu.

- Thì tôi với cậu Kospan đây cũng thế - ông trưởng ga cười hể hả, đưa mắt nhìn Kospan đang đắm mình trong lặng lẽ khác thường - Nghe tiếng đombra, ta như tan chảy ra, trở nên một con người khác hẳn. Có phải thế không Kospan? Nhưng hôm nay, ta có khách. Cậu đừng quên đấy. Uống với bọn này một tí cho vui đi.

- Tôi chỉ uống có thể, trong chốc lát thôi -
Kospan hoạt bát hẳn lên và rót thêm cho mỗi người lưng chén rượu nữa.

Cả ba uống cạn chỗ rượu mới rót, nhắm thêm vài lát bánh. Một lúc sau, ông Erlepes lại cầm đàn lên, khẽ đập đập vào mấy sợi dây, xem có bị chùng không.

- Nếu anh thích nhạc cổ - ông quay sang Edigej - tôi sẽ mời anh thưởng thức một câu chuyện, Edigej ạ. Các cụ ta, nhiều người biết lắm, khéo kể cả anh nữa cũng nên. Với lại, bên anh có bác Kazangap, bác ta kể chuyện ấy rất hay. Có điều bác ta kể bằng lời, còn tôi, tôi kể bằng tiếng đàn, bằng lời hát. Anh sẽ được thấy cả một vở kịch đấy. Để mừng anh đến chơi, Edike ạ. Đó là chuyện: "Thư của Rajmaly gửi em trai là Abdilkhan".

Edigej gật đầu cảm ơn. Erlepes búng khẽ mấy sợi dây đàn, và bắt đầu đọc đoạn mở đầu của bài ca danh tiếng ấy. Tâm hồn u uất của Edigej lại lên tiếng nức nở, vì hết thấy những gì được kể trong câu chuyện xưa, đều khơi dậy trong anh những nỗi niềm buồn đau và thương cảm, "trông người lại nghĩ đến ta...".

Tiếng đàn ngân lên quện theo giọng hát trầm bổng của ông Erlepes, một giọng hát rất hợp với câu chuyện buồn về số phận bi thảm của Rajmaly - một danh ca vùng thảo nguyên.

Hồi đó Rajmaly đã ngoài sáu mươi tuổi. Ông bỗng đem lòng say mê Begimaj - một cô gái trẻ mới mười chín tuổi sống bằng nghề hát rong - người đã hiện lên trên bước đường đời nhà danh ca như một ngôi sao sáng. Thực ra, chính cô gái đã phải lòng Rajmaly. Và nàng là người tính tình phóng khoáng, có thể làm bất cứ điều gì mình ưa thích. Rajmaly, vì thế, đã bị miệng thế chê cười. Từ đó đến nay câu chuyện tình ấy vẫn không ngớt bị người đời đàm tiếu. Nhưng không một ai có thể dừng dung được. Có kẻ chê trách cách xử sự của Rajmaly và muốn mọi người phải quên đi tên tuổi nhà danh ca ấy. Có người xúc động, thông cảm với ông và truyền tụng mãi về nỗi buồn khôn nguôi ấy của ca sĩ, từ đời này sang đời khác, từ bộ tộc này sang bộ tộc kia. Câu chuyện tình của Rajmaly nhờ thế đã lưu truyền đến tận ngày nay. Và ở thời nào, Rajmaly cũng có người chê cười, kẻ ca ngợi.

Edigej chợt nhớ lại những lời sỉ vả và về mặt giận dữ của gã mất cú vọ trong buổi chiều hôm ấy, khi hắn tìm thấy giữa đống tài liệu của Abutalip Kuttybaev những trang ghi chép về bức thư của Rajmaly gửi người em trai Abdilkhan. Abutalip, trái lại, đã đánh giá rất cao câu chuyện, anh gọi đó là bản trường ca về thi hào Goethe của chốn thảo nguyên. Thì ra ở tận bên Đức cũng có một cụ già như thế: rất vĩ đại, rất thông thái, và cũng rất phải lòng một thiếu nữ trẻ

măng, mới mười chín tuổi đầu. Abutalip đã ghi lại bài ca ấy qua lời kể của bác Kazangap, hy vọng rằng hai con anh sẽ được đọc nó, khi chúng trưởng thành. Abutalip bảo rằng ở đời thường vẫn có những cảnh ngộ, những con người mà về sau đã trở thành báu vật của cả mọi người, vì ý nghĩa của các bài học được kết tinh trong đó cực kỳ đắt giá, câu chuyện hàm chứa bao điều cao quý, những gì người ấy đã trải như lan tỏa sang hết thấy những ai từng sống cùng thời và cả những ai sẽ ra đời sau này, muộn màng hơn đến hàng thế kỷ.

Ngồi trước mặt Edigej, ông Erlepes đang say sưa vừa đệm đàn vừa hát. Với cương vị trưởng ga, phận sự của ông trước hết là cai quản cung đường sắt và điều hành các chuyến tàu qua lại. Vậy can chi ông phải ấp ủ trong lòng câu chuyện đau buồn thời xa xưa ấy, việc gì ông phải đau khổ cho mối tình của ông già Rajmaly bất hạnh kia? Âm nhạc, những bài ca, điệu hát chân thực kia - Edigej nghĩ bụng - vốn có những sức mạnh to tát như thế đấy. Nếu nó ra lệnh: anh hãy chết đi và anh hãy tái sinh - dù thế đi nữa - anh vẫn sẵn lòng làm theo tức khắc... Chao ôi, ước gì cứ mãi mãi cháy sáng trong tâm hồn ngọn lửa kia, để con người luôn có được những ý nghĩ trong sáng và thoải mái về chính bản thân mình, bằng chính cái phương thức hoàn hảo nhất ấy.

Lạ chỗ, Edigej mãi không sao chộp mất được, mặc dù trước lúc đi nằm, anh đã ra ngoài trời thở không khí trong lành và chủ nhà đã thu xếp cho anh một chỗ nằm thoải mái, ấm áp, ngay bên lò sưởi và đã trải lên giường khách những chăn đệm sạch sẽ tinh tươm mà nhà nào cũng giữ gìn cẩn thận, để dùng vào những dịp thế này. Anh nằm bên cửa sổ, lắng nghe tiếng gió rít dài, tiếng bánh lăn âm ỉ của những chuyến tàu qua lại... Anh chờ trời sáng để trị tội con Karanar nổi loạn, rồi sớm ra về, chóng gặp lại Boranly-Bảo Tuyết, nơi lữ trẻ của cả hai nhà đang mong anh, vì anh đều yêu thương chúng như nhau và chính vì hạnh phúc của bốn đứa mà anh đã sống trên đời này... Anh ngẫm nghĩ kỹ cách khuất phục con Karanar. Đó là việc của chính anh, chung quy chỉ vì anh có một con lạc đà ương ngạnh và hung hãn đến mức chỉ cần nhìn thấy bóng nó thôi, người ta đã khiếp vía và chực lăm le cho nó ăn đạn... Nhưng giảng giải phải trái sao được với một con vật... Và chẳng, chẳng phải bỗng dưng nó dám bươn bả đến đây - trời đất đã an bài thế, mà Karanar lại là một con vật to xác và hùng dũng, và chính vì lẽ ấy nó bất chấp hết thấy mọi trở ngại, không nề mặt bất cứ ai, bất kỳ con vật nào ngăn đường cản lối... Thu xếp thế nào, dùng cách nào đây để đe nẹt Karanar? Phải xiềng chân, giam nó trong chuồng suốt mùa Đông, kéo trước sau gì

nó cũng bị xoi đan vỡ sọ, chẳng phải của Kospan thì cũng của một ai đó, khó lòng tránh khỏi... Trước lúc thiếp đi, Edigej còn nhớ lại vài nét tiếng đàn đombra của Erlepes, anh rất hài lòng đã được thù tạc cùng ông suốt cả buổi tối. Những nỗi đau khổ của nhà danh ca Rajmaly bất hạnh vì phải lòng cô gái hát rong ngày nào, đã sống lại trong tiếng đàn, ngấm vào tâm hồn anh. Và tuy giữa hai người chẳng hề có chút nào giống nhau, Edigej vẫn cảm thấy trong câu chuyện Rajmaly dư âm một nỗi đau buồn giống nhau. Điều mà Rajmaly đã trải qua cách đây một trăm năm, lúc này đang trôi dạt trong tâm hồn anh, Edigej-Bảo Tuyết, đang sống trên những dải thảo nguyên Sarozek hoang vu. Edigej thở dài, trăn trở trên giường, lòng anh buồn bã, ủ dột, những dự cảm mơ hồ và bất định bỗng ập đến trong tâm hồn anh. Anh sẽ phải xoay sở ra sao, phải sống thế nào đây trong những ngày sắp tới? Sẽ nói gì với Zaripa và trả lời sao đây với Ukubala? Không, anh chẳng tìm đâu ra lối thoát, đầu óc anh mù đi, không còn nhìn ra chút đường đi nước bước nào. Lúc thiếp đi, anh thấy mình lênh đênh trên sóng nước Aral... Anh choáng váng vì sắc xanh thăm thẳm của trời, nước, và của làn gió mát ... Cũng như hồi nhỏ, lần này anh lại lao mình xuống nước, mong biến mình thành một chú hải âu tự do bay lượn trên những ngọn sóng bạc đầu, sung sướng, hân hoan, tung cánh trên

mặt biển bao la, bên tai luôn văng vẳng tiếng đàn đombra réo rắt và tiếng hát của ông Erlepes về mối tình bất hạnh của Rajmaly. Rồi anh lại mơ thấy mình thả xuống biển chú cá chiên vàng thuở trước. Chú cá chiên vàng nặng trĩu, uyển chuyển, mềm mại, mà khi anh cầm lên tay để thả nó xuống nước, anh cảm nhận một cách rõ ràng những thớ thịt chắc lắn đầy sức sống của nó, niềm khát khao được trở về chốn sóng nước thân thương. Anh bước dọc theo một thân sóng, biển chạy vội lại đón anh, anh mỉm cười với những con gió mon tron xoa vào mặt. Rồi anh buông tay, chú cá chiên vàng ngời lên cái sắc vàng lộng lẫy, trong làn không khí xanh thắm lúc nháy tung lên, đoạn rơi tòm vào làn nước ấm... Tiếng đàn vẫn vọng lại từ đâu đó... Có tiếng ai nức nở than thân trách phận ghen ngào...

Đêm ấy, những con gió buốt vẫn nô giỡn trên thảo nguyên. Trời giá căm căm. Bầy lạc đà cái bốn con, được Karanar-Bảo Tuyết yêu thương và che chở, dừng lại trú chân trong một lũng hẹp, dưới chân một ngọn núi thấp. Bị tuyết phủ kín, bốn ả cùng châu đầu vào nhau để sưởi ấm, đầu con nọ gác lên cổ con kia. Nhưng đáng chú ý tế lông lá bù xù hung bạo của chúng vẫn chẳng chịu để cho chúng yên. Hắn vẫn lông lộn chạy quanh, gầm rống một cách đầy khiêu khích, như đang ghen tức với một kẻ vô danh nào đó, hoặc

với một vật gì không rõ, có thể là với vầng trăng nhợt nhạt, đang từ trên cao cố rơi xuống những tia sáng yếu ớt qua màn sương di động vật vờ.

Con Karanar rõ ràng vẫn chưa thấy yên lòng. Nó nện vó liên hồi xuống mặt tuyết đang bốc hơi ngùn ngụt. Đến là lắm sức! Cả lúc này, nó vẫn mãi mê với việc yêu đương, hết quấy nhiễu cô này, lại làm tình làm tội cô khác, nó cứ ngoạm chặt lấy mắt cá chân và bắt dúi các nàng, hết lượt nàng này, gạt ra, lại quay sang nàng kia. Thật quá quắt! Ban ngày, cả bốn nàng đã thích thú chiều chuộng những trò đồng dâm của nó, tối phải để cho người ta nghỉ ngơi chút đỉnh chứ! Bởi thế, cả bốn con cái cũng gào thét liên hồi, cố gạt những trò quấy nhiễu không phải lúc của Karanar, không chịu nhượng bộ nữa. Chúng muốn nghỉ ngơi chốc lát lúc đêm xuống.

Gần sáng, Karanar-Bảo Tuyết đã nguôi bớt cơn điên loạn. Cu cậu đứng yên bên cạnh bốn cô bạn tình, chốc chốc ngược mồm lên rống một tiếng, như đang ngái ngủ và đưa cặp mắt man dại dáo dác nhìn quanh. Lúc này, cả bốn con cái đều nằm xuống mặt tuyết, con nọ nép vào con kia, cổ duỗi dài, đầu cúi thấp, lặng yên thi u thi u ngủ. Chúng mơ thấy những chú lạc đà con, cả những chú đã ra đời, lẫn những chú sắp sinh với ông bố đen trùi trùi, chẳng biết từ đâu lao tới cướp đoạt chúng từ những chàng lạc đà khác, sau những cuộc ẩu đả chí mạng. Chúng mơ thấy

mùa hè, thấy những bụi ngải cứu thơm tho, thấy những đôi môi mềm mại âu yếm chạm vào đầu vú chúng, ngậm chắc lấy, hút ra những dòng sữa trắng từ trong cỗi sâu thẳm mơ hồ nào đó... Còn Karanar-Bảo Tuyết thì vẫn đứng canh bên cạnh, gió rít từng cơn qua những búi lông rậm trên mình...

Tròn mình trong những làn gió hiền hòa, Trái Đất vẫn trôi đi trên quỹ đạo ngàn đời của nó. Quay quanh mặt trời, và khi quay được một vòng quanh trục của chính mình, Trái Đất lại nghiêng người để cho ánh bình minh chiếu xuống Sarozek. Lúc bấy giờ, còn Karanar-Bảo Tuyết chợt nhìn thấy hai con người đang vất vẻo trên lưng lạc đà xông tới. Đó là Edigej và Kospan. Trong tay Kospan lăm lăm một khẩu súng săn.

Karanar-Bảo Tuyết điên dại run lên. Nổi cơn thịnh nộ, nó cất tiếng rống vang. Hai kẻ kia sao cả gan dám đột nhập vào giang sơn của nó? Làm thế nào họ có thể đến được bên đám cung tần này của nó? Họ lấy quyền gì hòng ngăn chặn việc nó đi tìm bạn? Karanar giận dữ gầm lên, nghiêng rặng treo treo và như một cơn rông, nó nghênh cao đầu, vươn cái cổ dài ra phía trước, há rộng cái mõm dữ tợn đầy nanh. Hơi nước từ trong cổ họng nóng cháy của nó phì ra như khói, gặp lạnh đông lại thành những hạt móc li ti, bám trên đám bờm đen trũi. Bị kích động, Karanar liền xoạc chân tuôn mạnh một dòng nước tiểu

ngược hướng gió. Bầu không khí tức thì nồng nặc. Nhiều giọt nước lạnh buốt ấy bắn cả lên mặt Edigej đang ở cạnh đó.

Edigej nhảy xuống đất, cởi phăng chiếc áo chèn, vất lên mặt tuyết. Trên người anh lúc này chỉ còn độc chiếc áo ấm bó sát ngực và chiếc quần bông. Anh vung mạnh chiếc roi dài có cán, nẩy giờ vẫn giữ trên tay.

- Anh cẩn thận để còn tránh đạn đấy, Edike nhé! Hễ có chuyện lôi thôi là tôi nổ súng ngay - Kospan vừa nói, vừa giương súng lên.

- Dừng, Kospan! Dẫu có thế nào cũng đừng bắn. Anh đừng lo cho tôi. Tôi là chủ, chính tôi sẽ chịu trách nhiệm kia mà. Anh hãy đề phòng cho mình thôi. Nếu nó tấn công tôi, đấy lại là chuyện khác.

- Được rồi - Kospan tán thành, vẫn ngồi nguyên trên lưng con lạc đà cái.

Edigej quơ roi vun vút, tiến thẳng lại chỗ con Karanar. Con vật thấy anh xông lại, diên tiết lên, cũng lao nhanh tới, miệng rống vang, sủi cả bọt mồm bọt mép. Đúng lúc ấy, lũ lạc đà cái vụt đứng cả dậy, lo lắng, bắt đầu chạy quanh.

Vừa vung cao ngọn roi anh vẫn dùng để điều khiển lạc đà kéo những xe tuyết nặng, Edigej bước đi trong tuyết, ngay từ đằng xa đã cất tiếng gọi tên con Karanar, hy vọng giúp con vật nhận ra chủ nó.

- Này, này, Karanar! Đẹp cái trò ngu ngốc kia đi! Đẹp đi, tao bảo đấy! Tao đây mà, mày mù chắc? Tao đây, nghe thấy chưa?

Nhưng con Karanar tỏ ra hoàn toàn dửng dưng, Edigej đâm hoảng, khi anh nhìn thấy ánh mắt hung tợn của con vật và những bước chân gấp gáp, mang cả khối thịt đồ sộ phủ toàn lông đen với hai cái bướu cao kêu trên lưng, xông thẳng lại phía mình. Anh vội kéo sụp chiếc mũ lông trùm đầu xuống trán, ra roi. Ngọn roi dài bảy thước, bện bằng da sống nặng trĩu. Con vật vừa gầm thét, vừa lao tới, cố ngoạm hoặc hất ngã người chủ xuống đất, rồi xéo nát người anh ra. Nhưng Edigej đâu có cho nó muốn làm gì thì làm. Anh lấy hết sức bình sinh quật mạnh ngọn roi, khôn khéo né tránh, tiến thoái nhịp nhàng, và luôn miệng hét to, để con vật tỉnh trí lại, nhận được mặt chủ. Cả hai đối thủ đều tỏ ra khéo léo lạ thường, và cả hai, không ai là không biết lợi dụng ưu thế của chính mình. Edigej rất lấy làm cảm động vì niềm khát khao hạnh phúc mãnh liệt của con vật dũng mãnh và hiểu rằng mình chẳng có quyền tước đoạt của nó niềm hạnh phúc kia. Nhưng anh chẳng còn lối nào khác. Anh chỉ cố tránh một điều: đừng quật vào mắt con Karanar, ngoài ra chẳng chút nương nhẹ gì hết. Rốt cục sự kiên cường của Edigej đã bẻ gãy ý chí của con vật. Vừa vung roi, vừa quất mắng, vừa dẫn tới; sau rốt Edigej đã áp sát vào

con vật, xông ngay tới, tóm chặt cái môi trên của nó, giữ riết đến mức suýt làm rách toạc cái mẩu thịt ấy ra, và khéo léo tròng ngay vào đó một cái nút thông lọng đã thắt sẵn. Con Karanar rống to vì môi trên bị cái thông lọng thít chặt, đau lịm người. Edigej nhìn vào đôi mắt mở to không chớp, sững sờ vì kinh hãi và đau đớn của nó, anh chợt thấy bóng mình in trong đó như trong gương vậy. Anh hoảng hốt với hình ảnh của chính mình, vội vàng tránh ra xa. Anh muốn bỏ mặc tất cả, để đi đâu đó thật xa, miễn là đừng hành hạ những con vật chẳng làm gì nên tội. Nhưng rồi anh lại nghĩ đến nghĩa vụ của mình. Ở nhà, mọi người đang mong anh về, anh không thể ra về tay không, nếu không muốn cho con vật bị nát sọ dưới làn đạn của bà con Ak-Mojnak. Anh đành nén lòng. Đỉnh đạc hết to dọa con Karanar, bắt nó nằm xuống. Còn phải đóng yên lên lưng nó nữa là xong. Con Karanar-Bảo Tuyết vẫn cố kháng cự. Nó vừa gầm gừ, vừa há mồm phả và mặt chủ hơi thở nóng nổi. Nhưng chủ nó vẫn không nhân nhượng. Anh lớn tiếng bảo Kospan:

- Kospan, quãng giúp cái yên xuống cho tôi, rồi lừa lũ lạc đà cái kia đi đi, ra tận sau núi ấy, để nó khỏi nhìn thấy mặt chúng nữa!

Kospan tháo ngay cái yên trên lưng con lạc đà cái, trao cho bạn, hồi hả xua đám bạn tình của Karanar đi. Khi Kospan quay lại, trao cho

anh chiếc áo chèn bị vút lên mặt tuyết lúc này, Edigej cũng vừa đóng yên xong. Anh mặc vội áo vào, trèo ngay lên lưng con Karanar đã yên cương chỉnh tề.

- Thôi, đi! Đủ rồi đấy! - Anh nói với con vật
 - Câm ngay mõm lại! Đẳng nào thì cũng chả quay lại đây được nữa đâu. Mày thộn lắm! Tưởng tao muốn ác với mày lắm phỏng? Không có tao, mày đã bị bắn tan xương như một con chó thối. Chứ lại không à? Mày hóa điên rồi, đúng thế, điên thật rồi! Mày hóa điên, nên mới cư xử như một thằng điên, thế này chứ! Chứ tự dung sao lại dẫn xác đến tận đây làm gì? Lũ lạc đà cái ở nhà ê hê ra đấy, chưa đủ cho mày hay sao? Thôi, tỉnh trí lại đi, ta còn về nhà - hãy chừa cái thói đi chơi rong ngu ngốc của mày đi. Ta sẽ xích cổ mày lại, không cho mày đi đâu lấy một bước, nếu mày còn chúng nào tật này!

Edigej-Bảo Tuyết dọa dẫm thế, thực ra chỉ cốt để tự trấn an, tự biện bạch cho chính mình. Anh đã dùng vũ lực lôi con Karanar ra khỏi những cô bạn tình của nó ở Ak-Mojnak. Thật là bất công. Giá như nó là một con vật dầm tính thì đâu đến nỗi! Anh gửi lại cho Kospan con lạc đà cái đã cưới đến hôm qua. Kospan hứa hễ có dịp là anh sẽ trả nó về ngay Boranly-Bảo Tuyết và cam đoan với Edigej là chả có gì đáng ngại cả. Nhà anh rom cỏ dồi dào, chuồng trại rộng

rãi. Có bọc chẳng là bọc cái gã quý dữ đáng nguyên rửa kia thôi.

Chẳng mấy chốc Karanar-Bảo Tuyết đã không còn bọc bội gì chuyện bị đóng yên cương và bị chủ cho vào khuôn phép. Những tiếng kêu la, rên rĩ của nó mỗi lúc một thưa dần, chân bước đã đều hơn. Rồi chỉ một lát sau, cu cậu đã chuyển sang nước kiệu và cuối cùng là nước đại, phi nhanh qua những dải thảo nguyên mênh mông miền Sarozek như một con vật thuần nết. Cả Edigej cũng đã bình tâm lại. Anh ngã người cho thoải mái giữa hai cái bướu rắn chắc, cài hết cúc áo tránh gió và buộc chặt dải mũ lại. Lúc này, anh chỉ mong cho chóng đến nhà.

Nhưng đường về còn xa. Tiết trời u ám, tuy gió không mạnh lắm. Từ giờ đến tối chắc sẽ không có bão tuyết, dù đêm nay thế nào trời cũng sẽ gió rét. Edigej-Bảo Tuyết rất mãn nguyện, vì đã tóm được con Karanar, cho nó vào khuôn phép, nhất là được đón tiếp ân cần ở nhà Kospan và được nghe tiếng đàn dombra cùng các bài hát của ông Erlepes.

Edigej bất giác lại quay về với những ý nghĩ nặng nề về cuộc đời toàn đen đủi của chính mình. Quả cay đắng thật! Phải làm thế nào để khỏi phải đau khổ, cũng đừng phải giấu giếm nỗi đau khổ của lòng mình mà dám nói thẳng ra: "- Zaripa, anh yêu em!". Và hai thằng bé của Abutalip vì mang họ cha mà phải lâm vào cảnh

thua thiệt nếu Zaripa ưng thuận, thì cứ đổi họ của chúng, để chúng được mang họ của anh - họ Zhangeldin. Anh sẽ sung sướng biết mấy, nếu cái họ của anh đỡ gây phiền toái cho tương lai của Daul và Ermek. Ước gì hai thằng bé sẽ không bị lôi thôi, trắc trở lúc đã trưởng thành. Và hai đứa rồi sẽ nên người, có danh có phận, nhờ chính sức lực và tài năng của chúng. Kể cũng đáng tiếc, nếu không cái họ được cho hai đứa? Đấy, chính những ý nghĩ đó đã ám ảnh Edigej-Bảo Tuyết suốt đường về.

Trời đang ngả về chiều. Con Karanar đầy sinh lực dù hay ương ngạnh, dù hay nổi điên, nhưng cười nó thật thích thú. Và kia rồi, trước mặt đã hiện ra những con đường Boranly, những khe rãnh quen thuộc, những đụn tuyết do gió dồn đọng lại và cái dốc cao cao, chỉ đi thêm mấy bước nữa, qua cái khúc quanh của con đường sắt, là đến ga Boranly-Bảo Tuyết. Đã nhìn thấy rõ dãy khói lam vờn nhẹ trên mấy nóc nhà bé nhỏ. Những gia đình thân thương của anh phải chăng vẫn đang sống ở đó? Tuy mới xa nhà vèn vèn một ngày, nhưng lòng anh khắc khoải như đã xa vắng suốt cả năm trường. Anh nhớ da diết nhất là lũ trẻ. Nhìn thấy khóm nhà trước mặt, con Karanar càng mãi miết bước dồn. Mình đầm mồ hôi nóng ran, con lạc đà sỏi những bước rõ dài, mồm phà ra liên tục những đám hơi nước ấm. Trong lúc Edigej và con Karanar đang hồi

hả bước, dằng nhà ga đã kịp đón và tiến đi hai đoàn tàu hàng. Một chuyến chạy về Tây, một chuyến chạy sang Đông...

Edigej về bằng lối sau, tiện nhót ngay con Karanar vào chuồng. Anh vội vã nhảy xuống, với tay lên sà ngang lấy sợi dây xích to đã chôn chặt một đầu xuống đất, xiềng ngay chân trước con vật lại. Rồi để mặc nó đấy "Cho nó ráo bớt mồ hôi, hăng tháo yên sau" - Anh tự nhủ thế. Không hiểu tại sao, anh rất vội. Anh vặn lưng, co duỗi hai chân mấy cái, bước ra khỏi chuồng, đúng lúc con bé lớn nhà anh - con Saule chạy tới. Edigej ôm chầm lấy con, vội vã hôn, trên người đang còn vương chiếc áo lông.

- Khéo chết công mất, con - anh bảo con bé, trên người phong phanh chiếc áo len mỏng - Vào nhà đi, bố về ngay đây!

- Bố ạ - Saule lên tiếng, vẫn trù mền ôm chặt lấy cổ cha - thằng Daul với thằng Ermek đi mất rồi, bố ạ!

- Đi đâu, hả?

- Đi hẳn ạ! Đi với mẹ chúng. Cả nhà lên tàu, đi mất rồi...

- Đi tàu à? Lâu mau rồi? - Anh hỏi lại, nhìn chằm chằm vào mắt con gái, vì vẫn chưa hiểu nổi nó đang nói gì.

- Mới hồi sáng ạ!

- Ra thế cơ đấy! - Giọng Edigej run run -
Thôi vào nhà, vào đi con - anh buông con bé ra
- Bố về ngay, về ngay đấy. Đi đi, đi ngay đi...

Saule chạy vội vào nhà. Edigej hồi hải bước sang lán gỗ của Zaripa, hấp tấp quên cả đóng cửa chuồng, trên người vẫn còn trùm hụp chiếc áo chần lông. Chân bước, nhưng lòng không tin. Con bé có lẽ đã lằm lằm thế nào đấy. Không thể như thế được. Nhưng trước thềm vẫn còn in rõ nhiều dấu chân. Edigej kéo mạnh cửa. Vừa đặt chân lên ngưỡng cửa, anh thấy ngay căn phòng trống trải, lạnh giá, với bao thứ đồ đạc cũ nát vứt lỏng chổng trên sàn. Cả hai thằng bé, lẫn Zaripa đều vắng bóng.

- Thế này là thế nào? - Edigej cất tiếng hỏi khê gian phòng trống trải, vẫn chưa muốn tin hẳn vào những gì vừa xảy ra - Máy mẹ con đã đi thật rồi ư? - giọng anh đầy ngạc nhiên, cay đắng, dù rõ ràng cả nhà đã dọn đi thật rồi!

Anh thấy chua xót, chua xót lắm, tưởng như chưa bao giờ cảm thấy thế trong đời. Vẫn chiếc áo chần trên người, anh đứng sững giữa phòng, bên cái lò sưởi tắt ngấm, chẳng biết nên làm gì, phải ứng phó ra sao, để khỏi buột ra những tiếng than tức tối vì nỗi mất mát này. Trên bậu cửa sổ chơ chổng những viên cuội nhỏ Ermek bỏ quên: vẫn nguyên bốn mươi một viên mà hai thằng bé đã dùng để bói xem bao giờ bố về; những viên cuội của niềm hy vọng và của tình

cha con ấm áp. Edigej gom những viên cuội lại, cầm chặt nó trong tay. Anh kiệt sức, tựa người vào tường, áp chặt khuôn mặt râu rĩ, nóng bừng lên những tấm gỗ lạnh ngắt, nghẹn ngào, nức nở, vì nỗi đau khổ không gì an ủi nổi. Trong lúc anh khóc, những viên cuội nhỏ lần lượt chuôi khỏi tay anh, viên nọ tiếp viên kia rơi xuống sàn. Anh cố giữ chúng lại trong bàn tay run run, nhưng bàn tay đã dần dần và những viên cuội còn lại cứ chuôi đi, rơi xuống sàn, phát ra từng tiếng "cách" khẽ, lẫn tứ tung trong gian phòng vắng lặng.

Lát sau, anh quay người, tay vẫn bấu vách tường, từ từ gieo mình ngồi xổm trên sàn nhà, vẫn tùm hụp trong chiếc áo chần lông, trên đầu vẫn chiếc mũ trùm tai xộc xệch, lưng tựa vào vách, khóc nức lên, cay đắng. Anh cho tay vào túi, lôi chiếc phu-la be bé mà Zaripa vừa tặng hôm kia, chạm những giọt nước mắt đang ràn rụa...

Anh ngồi yên như thế trong cái lán trống, cố hiểu những điều đã xảy ra. Zaripa đã cố tình đưa lũ trẻ đi lúc anh vắng nhà. Vì nếu anh có mặt ở nhà, muốn ra sao thì ra, không đời nào anh lại để mấy mẹ con cô ra đi. Nhưng bây giờ ngồi đoán cơ sự đã xảy ra lúc anh đi vắng, thì đã muộn mất rồi. Đẳng nào ba mẹ con cũng đã đi biệt. Zaripa đâu còn đây nữa! Hai thằng bé đâu còn đây nữa! Chẳng lẽ anh sẽ phải xa mấy mẹ con cô mãi mãi? Mọi chuyện hẳn đều do

Zaripa sắp đặt. Cô hiểu rằng tốt hơn hết nên ra đi lúc anh vắng nhà. Sự ra đi hẳn làm cô nhẹ bớt tâm tư, nhưng cô đâu ngờ đến những nỗi xé lòng của anh, khi anh phải đặt chân vào gian lán trống trải này.

Hẳn phải có người dùng tàu giúp Zaripa! Nhất định phải có người làm việc này! Mà biết cách này chẳng ai khác ngoài Kazangap. Dĩ nhiên, ông ấy không giật cần hãm như Edigej từng làm hôm Stalin mất. Chắc ông ấy đã bàn tính, rồi đề nghị ông trưởng ga cho dùng một chuyến tàu khách nào đó tại ga. Cung cách của Kazangap thế đấy... Và, chắc Ukubala đã tiếp tay với ông ta, để sớm tống khứ mấy mẹ con họ đi cho rảnh! Được rồi, các người cứ chờ đấy! Khát vọng báo thù sôi lên, thiêu đốt tâm can anh. Anh muốn dốc sức bình sinh thiêu trụi hết thảy mọi thứ trên cái ga xép đã bị thương để nguyên rửa này, cái ga mang tên Boranly-Bảo Tuyết; thiêu ra tro tất thảy, chẳng sót một mảnh vụn nào, rồi phốc lên lưng con Karanar, phi ra thảo nguyên, để chết đói, chết rét ngoài ấy trong cô đơn, cho rảnh nợ! Anh ngồi yên trong gian lán trống trải, bất lực, đầu óc trống rỗng, xúc động tận tâm can vì những gì vừa xảy ra. Lòng bứt rứt không nguôi trước một câu hỏi: "Cô ấy ra đi làm gì nhỉ? Mà đi đâu mới được chứ?".

Mãi sau, anh mới về lại nhà mình. Ukubala lặng lẽ đón chiếc áo lông, và chiếc mũ trên tay

anh, rồi đem đôi ủng đi tuyết dưng vào xó nhà. Nhìn gương mặt xám ngắt, lạnh lùng như một phiến đá của Edigej-Bảo Tuyết, khó đoán được anh đang nghĩ gì, đang định làm gì. Đôi mắt anh trống rỗng, vô hồn. Nó chẳng biểu lộ điều gì, nó ẩn giấu một sự nỗ lực vượt quá sức anh, và anh đang cố dốc hết ra để tự dè nén. Ukubala đã mấy lần đặt ấm samova và dọn cốc ra, chờ chồng. Nước đã sôi, nguội đi, rồi lại sôi sùng sục, dưới đáy samova đầy ấp những hòn than đỏ sắp tàn.

- Trà vẫn nóng - chị bảo chồng - vừa mới rót trong ấm ra đây!



Edigej lặng thinh ngược nhìn vợ, thần thờ uống từng ngụm lớn nước trà nóng bỏng. Anh chẳng còn biết nóng là gì nữa. Cả vợ lẫn chồng đều căng thẳng chờ câu chuyện mở màn.

- Zaripa ra đi với hai thằng bé của cô ấy rồi - rốt cục, Ukubala lên tiếng.

- Tôi biết rồi - Edigej khẽ đáp gọn lỏn. Một lúc sau, anh mới nói tiếp, vẫn không ngẩng lên khỏi tách trà: - Cô ấy đi đâu thế?

- Chẳng nghe cô ấy bảo - Ukubala đáp.

Câu chuyện dừng lại ở đó. Vừa tợp từng ngụm trà nóng, Edigej chẳng buồn để ý đến việc có thể bị bỏng môi, anh chỉ tâm niệm một điều là đừng bao giờ nổi nóng, đừng làm mọi thứ đổ

vỡ, đừng làm cho hai con bé hốt hoảng, đừng gây nên tai họa...

Uống trà xong, anh thu xếp đồ đạc để ra đi. Lại mặc áo, đội mũ, xỏ giày.

- Anh đi đâu đấy? - Chị vợ hỏi khẽ.

- Ra thăm đàn gia súc một tí - anh buông thông một câu, khi đã ra đến cửa.

Ngày đông ngán ngủ đã tàn. Trời tối nhanh. Bóng đêm từng phút một như đặc quánh lại. Không khí giá buốt hơn. Gió đêm thổi dậy. Lướt nhanh trên mặt tuyết mấp mô. Edigej bước nhanh về phía chuồng gia súc, lòng u ám. Vừa bước chân vào anh đã quắc mắt, tức tối quát con Karanar đang giật sợi dây xích dưới chân:

- Mày cứ ngoác mồm ra gào suốt thế ư? Không chịu nổi nữa chứ gì? Đợi đấy, quân khốn kiếp? Tao sẽ cho biết tay ngay bây giờ! Bây giờ, tao bắt chấp tất!

Edigej thui vào hông Karanar một quả rất hiểm, vặc một câu chửi thề độc địa, rồi tháo dây bụng, hất cái yên trên lưng nó xuống, cởi luôn sợi xích dưới chân con vật. Đoạn, anh cầm cương dắt nó ra khỏi chuồng, với tay lên sàn rút ngọn roi da đang cuộn tròn trong cán, nhằm thẳng hướng thảo nguyên cất bước, lôi theo sau con Karanar đang kêu gào, rên rĩ. Đã mấy lần anh ngoái lại, vung roi dọa, bắt con vật thôi rên rĩ và kêu gào nữa, nhưng chẳng ăn thua. Anh đành

thấy kệ, nhỏ toẹt một bãi nước bọt xuống tuyết, nhả nhục cằm cúi bước, mặc con Karanar đang lao bừa qua những lớp tuyết sâu trên cánh đồng đã sẫm tối lại và nhòa dần giữa hoàng hôn giá buốt. Anh thở nặng nề, nhưng vẫn không dừng lại. Anh cứ bước đi, đầu ử rũ cúi gằm. Khi khóm nhà quanh ga đã lùi khuất sau một ngọn đồi thấp, anh gò cương lại. Vắt chiếc áo chèn lông lên mặt tuyết, Edigej nhanh chóng buộc chặt sợi dây cương vào ngay thắt lưng mình, bên ngoài chiếc áo bông, để con vật dùng hông vùng chạy thoát và để rảnh cả hai tay cầm cán roi, quật bằng thích con vật đã gây cho anh nỗi bất hạnh khủng khiếp. Anh ra roi, thẳng tay quật lên lưng con Karanar-Bảo Tuyết một cách giận dữ, miệng thở phì phò, chửi rủa không tiếc lời:

Cho chết! Cho chết này! Đồ dê tiện! Vì mày cả đấy! Tội tình đều do mày mà ra! Giờ thì tao sẽ thả mày, muốn cút xéo đi đâu, mặc xác. Nhưng trước khi thả, tao phải dẫn cho mày một trận! Cho chết! Đáng kiếp! Đồ thói thầy! Đồ dâm dăng! Ngần ấy ả chưa đủ sao, mà còn vác mặt chạy rong tăn đầu tăn đầu! Để bây giờ cô ấy đưa con đi biệt tích rồi! Không có con lạc đà nào gây điều đúng cho chủ như mày! Bây giờ tao sẽ sống ra sao? Không có cô ấy, liệu tao sẽ sống thế nào đây? Mày đã bất chấp, thì tao cũng bất chấp hết. Thế thì giờ lưng ra mà chịu, giờ lưng ra mà chịu này, đồ chó chết!

Con Karanar rút lên, cố giật sợi dây cương, lỏng lộn dưới những ngọn roi xối xả trút lên người. Đầu óc nó mê muội đi vì sợ hãi và đau đớn, nó hất cho chủ ngã dúi rồi ù té chạy, lôi chủ xềnh xệch theo sau, như lôi một súc gỗ, chỉ mong thoát thân. Nó đâm bổ về phía mà từ đó chủ đã dùng vũ lực để lôi cổ nó về.

- Đứng lại! Đứng lại!- Edigej thốt lên trong cơn ho sặc sụa vì bị vùi sâu trong tuyết, ngay sau lưng con vật.

Mũ anh bay mất. Những đụn tuyết cao đập vào đầu, vào mặt, vào bụng anh, vừa rất bông, vừa giá lạnh. Tuyết cũng len vào cổ, vào áo. Ngọn roi trong tay đầu mất, anh chẳng còn cách nào để bắt con vật đứng lại. Nó lôi anh đi một cách hoảng loạn, rõ ràng, vì chỉ có trốn chạy, mới mong thoát thân. Có trời biết mọi chuyện sẽ kết thúc ra sao, nếu cái nút buộc ở đầu dây cương không tuột ra, nhờ một phép mầu nào đó. Do vậy, Edigej mới khỏi chết nghẹt trong các đụn tuyết cao, trên đường con vật trốn chạy. Khi anh với tay tóm lại được dây cương, con Karanar còn lôi anh đi thêm vài bước nữa, mới dừng hẳn.

- Ra mày góm nhỉ? - Edigej đã gượng dậy được, găm ghè trong tiếng thở dốc và những cơn ho sặc sụa - Mày đã cư xử thế chứ gì? Được rồi, đồ súc sinh! Thôi, cút mẹ mày đi. Cút, cho đỡ vướng mắt! Cút, đồ đáng nguyên rủa. Đừng bao giờ để tao nhìn thấy mặt mày nữa. Cút cho

biệt tăm biệt tích! Xéo đi, cho mất xác! Mặc người ta bắn vỡ sọ mày ra như một con chó! Vì mày cả thôi! Ra ngoài thảo nguyên kia mà sống! - Con Karanar rống lên, vùng chạy về hướng Ak-Mojnak. Edigej còn đuổi theo quật thêm cho mấy roi nữa, để tống tiễn, miệng không ngớt nguyên rủa chửi bới thậm tệ. Đã đến giờ đến tội và chia tay. Và vì thế, Edigej còn lớn tiếng chửi thêm một thôi một hồi nữa:

- Cút đi, đồ quỷ dữ! Xéo đi! Ra thảo nguyên mà ở, đồ thối thây, đồ dâm dăng! Cho người ta bắn vỡ sọ mày ra!

Karanar bỏ chạy xa dần, xa dần trên cánh đồng mờ tối lúc chiều hôm. Chẳng mấy chốc đã mất hút trong làn sương đục, thỉnh thoảng chỉ còn đọng lại những tiếng rống chói tai như tiếng còi tàu. Edigej hình dung trước mắt con vật chạy suốt đêm không nghỉ, lao mình qua làn sương dày, đến với các cô bạn tình của nó ở Ak-Mojnak.

- Kệ xác mày! - Edigej nhớ toẹt một bãi nước bọt, quay bước trên cái rãnh tuyết do chính mình để lại, khi bị con Karanar phũ phàng lôi đi. Đầu trần. Trên người không còn chiếc áo chên lông, da trên mặt và trên hai cánh tay rất bóng, anh lần bước giữa chiều hôm đen sẫm, tay vung vẩy ngọn roi da. Tự dung lòng tràn ngập một cảm giác trống trải, bất lực hoàn toàn. Anh phủ phục lên mặt tuyết, hai tay ôm đầu, khe khẽ khóc nức lên cay đắng. Quỳ giữa thảo nguyên

Sarozek hoang vu, trong cảnh hoàn toàn cô đơn, anh lắng nghe tiếng gió rít dài, lồng lộng dồn tuyết lại thành từng đống. Tuyết từ trên không trung cứ lã lẽ rơi. Anh có cảm tưởng như triệu triệu bông tuyết khế lao xao khi xát nhẹ vào không khí, như thủ thỉ với anh, rằng không thể nào anh kham nổi gánh nặng ly biệt này, rằng vắng người thiếu phụ thân thương kia và hai đứa bé mà anh đã gắn bó bằng một tình cảm sâu đậm không kém bất cứ một tình phụ tử nào, đời anh từ nay trở nên hoàn toàn vô nghĩa. Anh muốn gục xuống, chết ngay trên mặt tuyết, cho thân xác bị chôn vùi mãi mãi...

- Chẳng làm gì có thượng đế cả! Thậm chí thượng đế cũng chẳng hiểu cái cóc gì trên thế gian này! Đã thế còn biết trông mong vào ai khác nữa? Thượng đế có đâu, đúng thế đấy! - Anh tự bảo mình một cách dứt khoát trong cảnh cô quạnh giữa thảo nguyên Sarozek tối tăm, hoang vắng. Từ trước tới nay, anh chưa từng nói to lên những ý nghĩ ấy bao giờ. Thậm chí cả lúc Elizarov, mỗi lần nhắc đến thượng đế đều không quên chứng minh rằng, xét từ góc độ khoa học, thượng đế không hề tồn tại, anh cũng chẳng tin hẵn như thế. Nhưng bây giờ, anh tin...

Và tròn mình trong những làn gió hiền hòa. Trái Đất vẫn trôi đi trên những quỹ đạo ngàn đời của nó. Vừa tự quay tròn quanh trục, Trái Đất vừa quay quanh mặt trời, mang theo trên

lưng nó vào lúc này, con người đang phủ phục giữa chốn hoang mạc tuyết trắng phủ dày. Chưa từng có một đức vua, một vị hoàng đế hay bất cứ một đấng thống lĩnh nào khác từng quỳ mọp như thế trước mặt đất trời do tuyệt vọng vì cả cơ đồ, giang sơn sụp đổ, như Edigej-Bảo Tuyết từng làm vào cái ngày người thiếu phụ thân thương ấy ra đi, chia tay mãi mãi với anh.

Và Trái Đất vẫn trôi...

Ba hôm sau khi cả hai cùng đến nhà kho nhận định tán và để dặm đường ray để chuẩn bị cho công việc sửa chữa định kỳ, Kazangap đã giữ Edigej lại:

- Sao độ này anh cứ lăm lăm lì lì thế, Edigej?
 - Bác hỏi bâng quơ, trong khi vẫn cầm cúi xếp những bó sắt tấm vào sọt - Anh luôn tránh mặt tôi, chắc tôi có làm gì khiến anh bức bối, nên chẳng thèm bắt chuyện nữa, đúng không nào?

Edigej hần học ngược nhìn Kazangap:

- Tôi với anh mà trò chuyện cùng nhau, không khéo tôi bóp cổ anh chết ngay tại trận mất. Gì chứ khoản đó chắc anh biết tổng cả rồi!

- Tôi biết rõ mười mười là anh sẵn sàng bóp chết tôi ngay, và hẳn còn muốn làm thế với một người khác nữa kia. Nhưng tôi không hiểu vì lẽ gì mà anh lại giận dữ ghê gớm đến thế?

- Thì vì các người đã tống cổ cô ấy đi, chứ còn vì gì nữa! - Edigej nói toạc ra cái điều vẫn

giần vặt anh, làm tội làm tình anh suốt mấy hôm nay.

- Ra thế cơ đấy - bác Kazangap lắc đầu quây quây, mặt bác đỏ bừng lên; không hẳn vì giận, cũng không hẳn vì ngượng - Anh mà nghĩ thế, tức là đã nghĩ xấu chẳng riêng gì hai chúng tôi, mà đến chính cô ấy nữa đấy. Lẽ ra anh phải cảm ơn người đàn bà ấy mới đúng. Đầu óc chị ta rất khôn ngoan, chứ chẳng phải như đầu óc của anh đâu. Anh thử ngẫm mà xem, mọi chuyện rồi sẽ dẫn đến đâu nào? Chưa có dịp để ngẫm nghĩ, chứ gì? Thế nhưng cô ấy đã ngẫm nghĩ kỹ rồi đấy. Thế nên mới nhất quyết ra đi, trong khi còn chưa muộn. Còn tôi, tôi chỉ giúp khi cô ấy nài nỉ thôi. Thậm chí, tôi cũng chẳng tra gạn cô ấy là tính mang mấy đứa nhỏ đi đâu nữa. Cô ấy chẳng hề nói một lời. Giờ thì họa có thượng đế may ra mới biết được cô ấy đi đâu. Anh hiểu rồi chứ? Ra đi, để khỏi làm tổn thương phẩm hạnh của chính mình, lẫn phẩm hạnh của vợ anh nữa. Hai người đã chia tay nhau thân thiết như hai chị em. Anh nên quì dưới chân hai người đàn bà ấy mà tạ ơn họ: một người vợ như Ukubala, dù có đốt đuốc tìm, anh cũng chẳng gặp được đâu. Phải tay người khác, anh chỉ còn có nước chạy đến cùng trời cuối đất mới mong rửa sạch tội nợ, còn hơn cả con Karanar nhà anh nữa đấy!

Edigej nín thính - còn biết ăn nói thế nào nữa chứ? Kazangap không nói thì thôi, chứ đã nói bao giờ cũng đúng sự thật. Duy có điều dẫu muốn, ông ta cũng không sao hiểu nổi. Và Edigej buộc phải nói toạc ra, chẳng nề nang gì nữa.

- Đúng quá đi rồi! - Anh nói và nhổ đánh toẹt một cái sang bên cạnh - Tôi nghe thủng cả rồi, anh bạn thông thái ạ. Vì lẽ ấy, nên anh đã ở thế suốt. Hai mươi ba năm nay tro tro ra không hề lén phéng, lời thôi gì, cứ tro tro như phỗng ấy thôi. Cho nên, anh biết thế quái nào được những chuyện như thế này! Đúng quá đi mất còn gì! Thôi, tôi chẳng hỏi đâu mà đúng đồng tai nghe anh giảng đạo nữa - Rồi, anh bỏ đi, cắt ngang câu chuyện.

- Thôi nào, đang giờ làm việc đây! - Sau lưng anh chợt vang lên câu nói của ai đó.

Sau lần ấy, Edigej bắt đầu nghĩ đến chuyện dọn nhà đi khỏi ga xép heo hút Boranly-Bảo Tuyết này. Anh suy nghĩ nghiêm túc, vì vẫn không sao yên lòng, không tài nào đủ sức để quên, không thể nào cắt đi được cái gánh nặng đang đè trĩu lên tâm tư mình. Thiếu Zaripa, thiếu hai thằng bé, mọi thứ chung quanh anh đều trở nên u ám, trống rỗng và tẻ ngắt. Và, để chóng thoát khỏi những nỗi cay cực ấy, Edigej Zhangeldin quyết định sẽ chính thức đệ đơn lên ông trưởng ga xin thôi việc, đưa cả gia đình đi nơi khác. Đi đâu cũng được. Miễn là khỏi phải

ở lại đây. Việc gì lại cứ giam chân mãi ở cái ga xép bị thương để bỏ quên này, trong khi chán vạn người sinh sống ở nơi khác - người thành thị, kẻ thôn quê - dẫu cấp vàng, họ cũng chẳng thềm lưu lại đây dù chỉ trong một tiếng đồng hồ! Đã vậy, tại sao anh cứ phải để cho đời mình mòn mỏi nơi miền Sarozek này? Tội tình gì kia chứ? Thôi, xin đủ! Cứ bỏ hết lại, ra đi. Hoặc về lại biển Aral xưa, hoặc đưa nhau sang Karaganda, sang Alma-Ata sinh sống. Trên thế gian này, chán vạn chỗ nương thân; hơn nữa, anh lại là một công nhân giỏi, tay chân lành lặn, sức khỏe chưa đến nỗi nào, dẫu óc còn sáng suốt chán. Nhỏ toẹt hết, ra đi thôi! Hơi đâu tính toán ngẫm nghĩ nọ kia cho nhọc xác, Edigej cũng đã tính đến việc sẽ nói năng thuyết phục thế nào với Ukubala. Chỉ mỗi chuyện ấy là gay. Chẳng còn gì đáng bận tâm cả. Gần một tuần lễ trôi qua, giữa lúc anh đang suy tới tính lui, tìm dịp thuận lợi mở đầu câu chuyện với vợ, con Karanar-Bảo Tuyết tự dưng dẫn xác về, sau bao ngày lưu lạc, vì bị chủ đuổi.

Hôm ấy, Edigej đang bận việc bỗng nghe tiếng chó sủa râm ran sau nhà. Con chó chạy ra chạy vào, vẻ thảng thốt. Edigej liền chạy vội ra xem, bỗng thấy mé sau chuồng gia súc đã lù lù một con vật lạ. Trông kỹ, hóa ra một chú lạc đà. Có điều nom lạ hoắc! Nó cứ đứng nguyên

một chỗ, không nhúc nhích. Anh phải đến gần hơn chút nữa mới nhận ra đó là Karanar.

- Ơ kìa, mày đây ư? Khốn khổ chưa, sao mò về rồi lại đứng đực ra đây, không dấn thêm mấy bước nữa đến tận cổng chuông! - Edigej sùng sốt kêu lên.

Con Karanar-Bảo Tuyết giờ chỉ còn da bọc xương. Cái đầu to sụ với cặp mắt thô lỗ cứ ngúc ngắc trên cái cổ gầy nhom. Lông trên người xơ xác, trông như bộ lông đi mượn, rũ lòng thòng quá gối. Cặp bước đen mượt xưa kia nhô cao như hai ngọn tháp, giờ chẳng còn nữa. Cả hai đồ vật sang hai bên sườn, chẳng khác gì cặp vú nhão của các bà lão vào tuổi xế chiều. Con vật kiệt sức đến nỗi không bước thêm được lấy dăm bước để lần đến bên chuông. Nó đứng đờ đẫn ra đó, như để lấy hơi. Sức lực lẫn cơ bắp trong người đều đã dốc cạn cho cuộc chạy rong và giờ đây, lệch bệch dần xác về, y như cái bị rách, đến mức bước cũng không vững nữa.

- Hề hề! - Edigej vẻ ngạc nhiên, đắc ý, ngắm con Karanar cả trước sau, lần bên phải bên trái - Thì ra cũng lần được về đến nhà cơ đấy! Thậm chí đến chó cũng không nhận ra mày. Thế mà xưa kia hùng dũng đố ai bì! Chà chà, thẳng nồm. Sao còn mò về làm gì nữa?! Không biết nguyệt hả? Hai cái trứng tòng teng sau háng còn đấy hay đã đánh mất dọc đường rồi? Người ngợm hơi rình quá quý sù. Chân cẳng đứng không

vững nữa. Mông trộm như hai cái hố! Khổ thân chưa! Đúng là thân tàn ma dại!

Con Karanar đứng đờ ra như trời trồng, không nhấc nổi chân lên nữa. Súc vốc, vể đường bệ, dững mánh ngày xưa, chẳng còn lại chút gì. Nom nó thật thảm hại, chỉ còn biết lắc lư cái đầu nặng nhọc, cố gượng đứng trên bốn cẳng chân gầy guộc.

Edigej đâm mũi lòng. Anh chạy vội vào nhà, rồi quay lại ngay, bung theo cả một chậu đầy lúa kiều mạch chắc hạt. Anh rắc thêm lên đến lưng chén muối, đem đặt trước mõm con lạc đà:

- Ăn đi. Ăn một tí. May ra nó khỏe người lên. Rồi tao dắt về chuồng. Nằm nghỉ một lát sẽ tỉnh ra thôi.

Ngay hôm ấy, anh tìm gặp bác Kazangap. Anh sang tận nhà, để trò chuyện.

- Tôi sang bác có chút việc, bác Kazangap ạ. Bác đừng ngạc nhiên sao hôm qua tôi đã một hai cạch mặt bác, hôm nay lại tự vác mặt sang. Chả là có chuyện hệ trọng. Tôi muốn gửi trả lại bác con Karanar. Tôi tìm đến gọi là để có lời cảm ơn. Hồi nào bác tặng nó cho tôi, dạo nó còn đang bú mẹ. Xin cảm ơn bác, nó đã đỡ chân đỡ tay cho tôi bao việc suốt từ độ ấy đến giờ. Mới rồi, tôi đã đuổi cổ nó đi. Nói tình thật, tôi đã chịu đựng nó hết nỗi rồi. Hôm nay, tự nó lại dẫn xác về. Đến đứng cũng không vững nữa. Bây

giờ nó đang nằm nghỉ sau chuồng. Chỉ vài tuần lễ nữa là lại sức thôi. Rồi lại khỏe mạnh như xưa, chứ chả việc gì đâu. Chỉ cần cho ăn uống, tắm bổ chút ít thôi.

- Khoan đã - bác Kazangap ngắt lời - Chú tính dọn nhà đi nơi khác chứ gì? Chứ bỗng dưng sao lại mang con Karanar trả tôi? Tôi có đòi chú bao giờ đâu mà chú làm thế?

Edigej đã thực lòng thổ lộ hết với Kazangap những dự tính của mình. Nào là, anh sẽ thu xếp đưa cả gia đình đi nơi khác. Nào là, anh chán Sarozek lắm rồi, đã tới lúc cần "đổi gió". May ra mọi chuyện rồi sẽ tốt đẹp hơn. Bác Kazangap chăm chú lắng nghe, mãi sau mới nói:

- Tính liệu thế nào, chuyện đó tùy chú. Riêng tôi, tôi không sao hiểu nổi. Chính chú, chú cũng chẳng hiểu mình muốn gì cơ mà. Thôi được, cứ cho là chú sẽ dọn đến nơi khác đi. Nhưng dẫu có làm thế nữa, chú cũng đừng hòng trốn thoát được chính bản thân mình. Có đi đến cùng trời cuối đất, chú cũng vẫn bị cái nỗi bất hạnh đó nó theo sát bên lưng. Cô ấy rồi sẽ cứ theo chú đến bất cứ chốn nào, Edigej ạ. Thôi đi, nếu chú là một trang nam tử, tôi nghĩ, chú cứ nên ở lại đây, cố thử sức với chính mình xem có thắng được những nỗi cay cực kia không. Chứ bỏ ra đi có khó gì. Anh quái nào chả làm được chuyện ấy. Nhưng biết đứng vững trước tai họa, đâu phải ai cũng làm được!

Edigej không đồng ý với người bạn già. Nhưng anh vẫn làm thình, không cãi lại. Anh ngồi im ngẫm nghĩ, chốc chốc buông tiếng thở dài. "Không lẽ đến nơi khác, vẫn lại cứ thế này mãi sao? - anh nghĩ bụng - Nhưng liệu mình có quên được không nhỉ? Mà tại sao lại phải quên kia chứ? Đã thế thì sống cách nào đây? Không thể không nghĩ đến, mà nghĩ đến lại đau lòng. Cô ấy thì thế nào nhỉ? Bây giờ, cô ấy liệu có gặp được người tử tế không? Hay lại toàn những phường đốn mạt. Đã thế, biết ai thông cảm, ai giúp đỡ cho? Và cả Ukubala cũng lại khổ tâm - suốt bao ngày phải âm thầm chịu đựng sự ghẻ lạnh của mình, bộ mặt hầm hầm của mình... Mà nào có tội tình chi?"

Kazangap đã hiểu thấu tất cả những gì đang diễn ra trong Edigej-Bảo Tuyết. Bác hắng giọng để bạn chú ý những gì mình sắp nói, cốt cho tình thế bớt căng thẳng. Và khi Edigej ngược lên, bác bèn bảo thẳng:

- Và lại, tôi chẳng việc gì phải đi thuyết giáo chú, Edigej ạ? Nào tôi có được lợi lộc gì đâu. Chính chú cũng tự biết thế nào là phải, trái kia mà. Và dù có sự có đến nông nổi đó đi nữa, tôi cũng chỉ mong có một điều: chú đừng là Rajmaly, còn tôi đừng phải làm Abdilkhan. Cả trăm dặm quanh đây không hề có lấy một gốc bạch dương nào để tôi có thể trói chú. Chú muốn làm gì tùy ý, có bị buộc chân buộc cẳng gì đâu.

Có điều trước lúc ra đi, chú hẩn ngẫm nghĩ, suy tính cho kỹ đã.

Những lời đó mãi đến giờ vẫn còn in sâu trong tâm trí Edigej.

10.

Rajmaly là một ca sĩ rất nổi danh thời ấy. Tên tuổi chàng lừng lẫy khắp nơi, ngay từ thuở còn trai.

Trời phú cho chàng cùng một lúc ba biệt tài kỳ diệu: vừa là thi nhân, vừa là nhạc sĩ tự phổ nhạc những vần thơ do mình sáng tác, lại vừa là một ca công tự trình diễn những bài hát, những điệu nhạc của chính mình biên soạn bằng một giọng phong phú lạ thường. Rajmaly đã làm cho người đương thời kinh ngạc. Chỉ cần chàng gảy nhẹ vào mấy sợi dây đàn, cất lời hòa theo tiếng nhạc là ngay hôm sau, bài hát ấy liền được truyền tụng khắp các bản làng thôn xóm. Các chàng trai tuổi trẻ thời ấy thường hát vang bài hát sau đây của nhà danh ca:

*"Cổ khô cháy, bao dặm trường dong ruổi
Tuần mã ơi, tìm đến tận suối nguồn
Ném ngọt lành dòng nước mát vừa tuôn
Còn anh, anh dong ngựa đến bên em
Môi liền môi, lúc còn trên lưng ngựa
Để thấu niềm vui được sống trên đời..."*

Rajmaly phục sức rất sang trọng và lộng lẫy, như chính thượng đế mách bảo chàng vậy. Chàng rất thích những chiếc mũ đội đầu may từ những bộ lông thú quý; Xuân, Hạ, Thu, Đông mỗi mùa một kiểu khác nhau. Chàng còn có một con tuấn mã trung thành - con Sarala nổi tiếng, nòi Akhulta, sắc hung, món quà quý của người Turmenija tặng chàng trong một cuộc đại yến. Danh tiếng của con Sarala cũng lừng lẫy chẳng kém gì chủ nó. Ngắm dáng phi đường bệ và duyên dáng của nó, những người sành ngựa đều tấm tắc khen thắm. Bởi thế, thiên hạ, nhất là những người thích đua vẫn thường bảo: tài sản của Rajmaly tự trung ở tiếng đàn đombra và nước phi của con Sarala. Đây, lại lịch chàng danh ca là thế. Suốt đời Rajmaly sống trên lưng ngựa với chiếc đàn đombra trên tay. Tài sản, nhà cửa, chàng chẳng chút bận tâm. Chàng sống như một chú họa mi tháng Năm, rong ruổi hết bàn tiệc nọ sang bàn tiệc kia, hết hội này sang hội khác, tìm đến bất cứ nơi nào chàng được trọng vọng, yêu vì. Ngay con ngựa của chàng cũng được nuông chiều chăm chuốt. Nhưng trên đời vốn chẳng thiếu gì những người quyền thế, họ chẳng ưa gì chàng; họ trách chàng sống quá ư phóng dãng, nông nổi, chẳng khác ngọn gió thổi ngoài đồng. Sau lưng chàng, người ta vẫn thường điều ra tiếng vào như vậy.

Nhưng hễ Rajmaly xuất hiện trong một buổi đại yến, khi cây đàn và câu hát của chàng cất lên, ai nấy thậm chí cả những kẻ vẫn dè bủ chàng đều lặng im, nhìn hau háu vào hai bàn tay, vào đôi mắt, vào gương mặt chàng. Họ ngấm đôi tay, vì không một cảm xúc nào trong con tim thiên hạ lại không tìm thấy một âm hưởng tuyệt vời nơi đôi tay ấy khi lướt trên phím đàn. Họ nhìn đôi mắt chàng, vì toàn bộ sức mạnh của mọi tâm tưởng đều sáng chói lên trong đôi mắt biến hóa khôn lường ấy. Họ ngấm gương mặt chàng, vì gương mặt ấy đẹp tươi và hừng khởi lạ thường. Khi chàng hát, gương mặt ấy biến đổi như mặt biển trong những ngày nổi gió...

Những cô gái đã yên bề gia thất đều tránh mặt chàng, vì họ tuyệt vọng, và cạn hết niềm kiên nhẫn; nhưng bao cô gái khác đêm đêm vẫn nhỏ lệ khóc thầm vì tơ tưởng đến chàng danh ca.

Đời Rajmaly cứ thế trôi đi, từ bài ca này sang bài ca khác, từ tiệc cưới nọ đến tiệc cưới kia, từ cuộc dạ yến trước tới cuộc đại tiệc sau; rồi cái già đã ập đến lúc nào không hay. Đầu tiên, ria chàng điểm bạc, tiếp đó, bộ râu cầm pha sương. Ngay cả Sarala cũng không còn là con tuấn mã xưa kia: bắp thịt chùng dần, đuôi và bờm xơ xác, chỉ qua dáng đi họa chăng còn nhận ra được chú ngựa nòi dững mãnh ngày nào. Và Rajmaly bước vào tuổi xế chiều như một

cây phong chớp nhọn héo hắt giữa cảnh cô đơn
 kiêu hãnh... Ngoảnh lại, chàng chợt thấy mình
 vợ con không, nhà cửa không, gia súc không, và
 của cải cũng không. Ông già bèn tìm đến nương
 thân nhà người em trai, tên là Abdilkhan.
 Abdilkhan trước vẫn thường ca cảm với họ hàng
 thân thích về ông anh, thậm chí còn dám lên
 giọng quở trách nữa. Nhưng thấy anh tìm tới,
 anh ta cũng sai dựng một chiếc lều vải và cất
 người thổi nấu, giặt giũ sớm hôm cho Rajmaly...

Rajmaly lại bắt đầu cất tiếng hát về tuổi
 già và suy ngẫm về cái chết đang rình rập mình.
 Những bài ca trang trọng và buồn bã nối tiếp
 nhau ra đời trong những ngày cô quạnh ấy.
 Những lúc thư thả, ông bắt đầu ngẫm đến cái
 lẽ cao cả trong triết lý của các bậc hiền nhân:
 con người ta sinh ra làm gì trên cõi thế gian
 này? Rajmaly không còn năng lui tới các buổi
 tiệc tùng, lễ lạc như xưa nữa; thường chỉ quanh
 quẩn trong nhà, dạo những khúc nhạc buồn và
 hồi tưởng lại những ngày vàng son thuở trước,
 đàm đạo với các bậc kỳ lão về kiếp phù sinh...

Nói có trời chứng giám, Rajmaly chắc hẳn
 sẽ cứ sống nốt những ngày bình lặng như thế
 cho đến cuối đời; nếu ông không gặp một biến
 cố làm đảo lộn cả cuộc đời, vào lúc tuổi đã xế
 chiều.

Một hôm, không chịu nổi cảnh sống buồn tẻ
 dưới mái lều vải, Rajmaly bèn đóng yên cương

cho con Sarala, thúc ngựa đến dự một tiệc cưới linh đình cho khuây khỏa nỗi lòng. Ông vẫn không quên mang theo cây đàn đombra như mọi lần. Các bậc kỳ lão đáng kính vẫn quý mến Rajmaly, ai cũng nài nỉ, mời ông đến dự bằng được, dù không hát hò cũng nhấp vài chén rượu. Rajmaly lên đường, lòng thanh thản, bụng bảo dạ chỉ đến chốc lát rồi về ngay.

Ông được đón tiếp rất trọng thể và được mời đến ngay một căn lều sang trọng nhất, mái vòm may toàn vải trắng. Rajmaly vào ngồi cùng mâm với các bậc quyền quý. Rồi vừa uống kumys (*), vừa đàm đạo và nâng cốc chúc tụng chủ nhân cùng khách khứa.

Hôm ấy, các nơi khác trong bản cũng đang lúc tiệc tùng náo nhiệt nhất. Từ khắp nơi không ngớt vọng đến căn lều tiếng ca hát, tiếng cười đùa huyền ảo của đám trai gái đang độ trẻ trung. Nghe rõ mồn một cả tiếng yên cương loảng xoảng của các chàng kỵ mã đang sắp sửa ra tay thi tài mừng cô dâu chú rể, tiếng dao thót, chén đĩa lịch kịch bên bếp lò, tiếng kêu la của bấy gia súc không có người chăn và tiếng chó sủa bâng quơ, tiếng gió lao xao trên thảo nguyên mang vị ngọt ngào của hương đồng nội cỏ đang kỳ phô sắc khoe hương. Nhưng âm thanh quyến

(*) kumys: Sữa ngựa – có khi là sữa lạc đà – ủ cho lên men, dùng làm thức uống (ND).

rũ làm Rajmaly xao xuyến nhất là tiếng đàn hát ở mấy gian lều kế bên và tiếng cười lanh lảnh của các cô gái cứ chốc chốc từ đó dậy lên...

Lòng nhà danh ca già ủ dột, ngao ngán. Ông thả cho ý nghĩ về lại ngày xưa; khi còn là một chàng trai khỏe mạnh, tuấn tú, rong ruổi khắp mọi nẻo đường cùng con tuấn mã Sarala non trẻ và hăng hái; khi những ngọn cỏ khóc than và cười reo dưới vó ngựa phi nhanh, khi vầng mặt trời cũng sà thấp xuống mỗi lần nghe ông hát; khi gió không chịu thu mình nằm im trong lồng ngực; khi tiếng đàn đombra làm máu sôi lên trong huyết quản mọi người; khi mỗi lời ca vừa thoát khỏi cửa miệng ông đều được mọi người đón nhận, khi ông còn biết đau khổ, biết yêu thương, biết làm cho con tim mình thổn thức và cho người khác phải rơi lệ, mỗi lần ông rời chân khỏi đôi bàn đạp... Hết thấy những cái đó để làm gì nhỉ? Để sau này ngậm ngùi nuối tiếc và lụi tắt đi lúc về già, như ngọn lửa tàn dần dưới lớp tro xám ngắt chẳng?

Nhà danh ca mỗi lúc một ít lời hơn. Về mặt trở nên dăm chiêu, tư lự. Đột nhiên, ông nghe tiếng bước chân tiến vào gian lều, xen lẫn tiếng cười nói lao xao và tiếng những hạt ngọc trên chuỗi vòng đeo cổ khẽ chạm vào nhau lạnh canh, rồi tiếng sột soạt quen thuộc của những tà áo dài bằng lụa mỏng. Có ai đó vén cao tấm rèm che cửa. Rồi một nàng thiếu nữ hiện ra, với cây

đàn đomبرا trước ngực, gương mặt cười mở, ánh mắt vừa kiêu kỳ, vừa tinh nghịch dưới hai hàng chân mày lá liễu vút cong, biểu lộ một tính cách cương nghị. Mọi cái ở nàng thiếu nữ mắt huyền kia đều rất đối hòa hợp - từ vóc dáng đến diện mạo, thậm chí đến những thứ phức sức trên người - trông chẳng khác nào một pho tượng đẹp được tạo nên bởi những bàn tay thiện nghệ. Ngay từ lúc vừa đặt chân vào gian lều, nàng đã cúi đầu chào cung kính và cất tiếng xin các vị khách quyền quý thứ lỗi cho sự đường đột của nàng. Theo sau nàng là một tốp bạn gái, đi cùng mấy chàng ky mã điển trai. Nhưng chưa ai kịp lên tiếng đáp lại, cô thiếu nữ đã bình tĩnh gảy nhẹ mấy sợi dây đàn, rồi quay sang phía Rajmaly cất tiếng hát chào:

"Nhu một kẻ lữ hành từ nơi xa tìm đến bên nguồn nước để nguôi cơn khát, em tìm đến bên chàng, hỏi nhà danh ca Rajmaly lưng lấy tiếng tăm, để cất tiếng hát chào. Xin chàng đừng trách chúng em đã rủ nhau đột nhập vào đây, làm huyền não căn lều, vì ở những chốn đình đám tiệc tùng, cảnh vui nhộn là chuyện thường tình, chàng ạ. Xin chàng đừng ngạc nhiên về sự táo bạo của em: một khi chính em đã muốn tự đến tỏ tình, thì chuyện em đường đột tìm gặp chàng với tiếng hát trên môi và nỗi hồi hộp cùng sự sợ hãi thâm kín trong tim, đâu có gì là liều lĩnh? Mong chàng thứ lỗi cho em, lòng em tràn đầy

gan dạ, như khẩu súng kia đã nạp đầy thuốc đạn. Tuy em đã dạn dày trong các cuộc hội hè yến tiệc và các buổi lễ cưới ồn ào, nhưng về cuộc gặp mặt này em đã phải tự lo liệu suốt đời, như chú ong kia phải gom góp từng giọt nhỏ nhụy hoa để làm nên đờ mật. Em đã lo liệu lần hồi như một nụ hoa phải gom hương góp sắc bao ngày chờ giờ khoe cánh. Và hôm nay, giờ tiền định ấy đã đến, thưa chàng danh ca vĩ đại..."

"Hỡi người đẹp, nàng là ai?" - Rajmaly toan cất tiếng hỏi, nhưng ông không dám ngắt lời nàng. Tuy vậy, Rajmaly rất lấy làm sùng sốt và hoan hỷ. Lòng ông bồi rối, máu nóng sôi lên trong huyết quản, và ví thử lúc bấy giờ người ta có một nhãn lực phi thường thì chắc hẳn người ta đã nhận thấy được rằng, ông đang rung động tận tâm can, rằng ông đang giang rộng đôi cánh như một con thần ưng sắp cất cánh bay cao. Đôi mắt ông sinh động hẳn lên, long lanh ngời sáng, ông dỏng tai lắng nghe, như vừa bắt gặp tiếng mời gọi mà bấy lâu hằng mong mỏi từ lưng trời vọng xuống. Và Rajmaly ngẩng cao đầu, lập tức quên bằng mất tuổi già.

Nàng thiếu nữ lại tiếp:

"Hỡi nhà danh ca vĩ đại, chàng hãy nghe em kể chuyện đời mình, để hiểu được vì đâu mà em dám vội vàng dẫn bước đến gặp chàng. Ngay từ bé, em đem lòng yêu chàng, nhà danh ca

thiên bẩm Rajmaly ạ. Em đã theo bèn gót chàng tới bất cứ nơi đâu chàng ruổi ngựa đến và cất tiếng hát ca. Chàng chớ trách em. Ao ước của em là được trở thành một ca sĩ lỗi lạc như chàng, người nghệ sĩ vĩ đại, từng sáng tác những bài ca tuyệt diệu. Em đã theo sát bên chàng như một chiếc bóng vô hình, để khỏi bỏ sót bất cứ lời nào chàng vừa cất lên. Em tâm niệm những bài hát của chàng như những lời cầu nguyện, em ghi lòng những câu thơ của chàng như những lời phù chú. Em ao ước, em cầu xin thượng đế ban cho em một biệt tài lỗi lạc, để đến một ngày đẹp trời nào đó em có thể đến gặp chàng, vừa để tỏ cho chàng hay mối tình say đắm của em, rồi ca vang với một tấm lòng sùng kính ngày xưa, những bài ca em sáng tác trước sự chứng kiến của chính chàng - xin thượng đế hãy tha thứ cho em sự táo bạo này - để được thi tài cùng chàng, nhà nghệ sĩ vĩ đại, cho dù em có phải chịu thua chàng chăng nữa. Ôi, chàng Rajmaly, em ước mong chàng, như bao cô gái khác ước mong ngày hôn lễ. Nhưng hồi ấy em hãy còn bé dại, trong khi chàng đã là một danh ca vĩ đại, được thiên hạ kính yêu, và ánh hào quang rạng tỏa quanh chàng lộng lẫy đến mức khiến chàng quá mắt, không tài nào nhận biết được em, một cô bé nhỏ nhoi, không tài nào nhận ra em trong đám người đông đúc ồn ào vây quanh các bàn tiệc. Còn em, say sưa chiêm

ngưỡng những bài ca tiếng hát của chàng, mặt nóng bừng vì ngượng ngập, em âm thầm tơ tưởng đến chàng và mong sao mình chóng lớn khôn, để đến bên chàng và dang hoàng ra mắt chàng như một mỹ nữ. Em đã thề nguyện sẽ gắng sức học hành để thấu hiểu cái lẽ nhiệm mầu của lời hát, thấu hiểu vẻ diệu kỳ của âm nhạc và cố luyện lời ca, giọng hát sao cho được như chàng mà không phải cúi đầu vì xấu hổ, để cất tiếng chào, rồi bày tỏ nỗi lòng say đắm của em và lên tiếng thách thức chàng thi tài ngay trước mắt thiên hạ. Và hôm nay đây em xin ra mắt chàng. Em ra mắt chàng trước những cặp mắt xét đoán của mọi người. Em đã mãi mãi trông chờ ngày hôm nay, khi em đã khôn lớn và hiện ra trước chàng như một cô gái. Cuối cùng ngày ấy đã đến. Xuân này em vừa tròn mười chín tuổi, Rajmaly ạ. Và lúc này, trong đôi mắt thiếu nữ của em, chàng vẫn là chàng Rajmaly năm xưa, không chút đổi thay, tuy mái tóc trên đầu chàng đã điểm bạc. Nhưng mái tóc ấy đâu hề ngăn cản em yêu chàng. Yêu hơn hết thấy mọi thứ trên đời, thậm chí còn hơn cả những mái tóc xanh. Hôm nay, em đến với chàng đây, hỏi Rajmaly. Xin chàng hãy nói thật cùng em, đừng ngại ngần, rằng chàng không nỡ cự tuyệt lời thách thức của em muốn thi tài cùng chàng, vì em là một ca sĩ, tuy rằng chàng có thể khước từ em, vì coi em chỉ là một cô gái trẻ dại... Đây,

em đã ngỏ lời thách thức rồi, giờ xin chàng nhận lời cho!".

- Nhưng nàng là ai! Đây là quê hương, bản quán nàng? - Rajmaly thốt lên, rồi vụt đứng lên - Tên nàng là gì?

- Tên em là Begimaj, thưa chàng.

- Begimaj ư? Thế từ trước đến giờ nàng ở tận đâu? Nàng từ đâu tới, Begimaj? - Rajmaly buột miệng hỏi to, đầu cúi gằm, ử dột.

- Thì em đã thưa hết cùng chàng rồi đó. Trước, em còn bé dại. Nay, em đã lớn khôn...

- Tôi hiểu - Rajmaly đáp - Duy chỉ một điều tôi không sao hiểu được: đó là số phận của chính mình! Nó xui khiến nàng - một mỹ nhân tuyệt sắc - tìm đến với tôi để làm gì, khi tôi đã ở vào tuổi xế chiều? Để làm gì kia chứ? Hay để nói rằng hết thấy những gì từng đã có xưa kia vẫn chưa phải là những gì đáng có, rằng tôi đã sống phí hoài trên thế gian, vì tôi đâu biết là sẽ được trời đất ban cho một nỗi đau khổ hân hoan, như là một phần thưởng lớn lao. Khi được biết, được nghe, được thấy hình ảnh của nàng chẳng? Sao số phận lại trở trêu với tôi thế nhỉ?

- Than vãn, cay đắng thế phỏng ích gì, chàng Rajmaly yêu dấu? Begimaj nói - Nếu số phận đã xui em đến ra mắt chàng, thì xin chàng chớ có ngờ vực lòng em. Đối với em thật chẳng có gì quý giá hơn là được biết rằng những cái vượt ve

âu yếm, tiếng hát và tình yêu vô hạn của em có thể đem niềm vui đến cho chàng, Rajmaly ạ. Nhưng nếu chàng không chế ngự nổi những ngờ vực trong lòng, thì bây giờ, vì yêu chàng vô hạn, nên em sẽ coi được thi tài cùng chàng là một niềm vinh dự lớn và em sẵn sàng bất chấp bất cứ thử thách nào.

- Begimaj, nàng nói gì lạ vậy ! Thử thách bằng lời đâu có nghĩa lý gì? Mà thử tài thì cũng thế thôi, một khi còn có những thử thách đáng sợ hơn - đó là thử thách bằng tình yêu, một tình yêu ngược hẳn lại những tập tục mà chúng ta từng sống. Không, tôi không nhận thi tài ứng đối với nàng. Chẳng phải vì tôi không đủ sức, chẳng phải vì ngôn từ đã chết trong tôi, chẳng phải vì giọng hát của tôi đã mất đi vẻ đẹp. Tôi chỉ có thể cảm phục nàng. Tôi chỉ có thể yêu nàng như một tai họa giáng xuống số phận của chính mình, Begimaj ạ, và chỉ thừa nhận thi tài yêu thương cùng nàng thôi, hỡi Begimaj kiều diễm.

Chưa dứt lời, Rajmaly đã cầm đàn lên tay, chọn một hợp âm mới mẻ, rồi cất lên một bài hát mới, như ông đã từng hát ngày nào - khi thoảng như như gió lướt qua đầu ngọn cỏ, khi rền vang như tiếng sấm giữa trời xanh. Bài ca ấy mãi đến nay vẫn còn được truyền tụng. Đó là bài ca "Nàng Begimaj":

"Nếu em từ nẻo xa tìm đến, để uống những ngụm nước mát từ dòng suối trong, thì anh, như cơn gió thổi về, anh sẽ chạy đến và quỳ xuống bên chân em, hỡi Begimaj. Còn nếu hôm nay là ngày cuối cùng anh được số phận ban cho, thì hôm nay anh sẽ chẳng chịu chết đâu, Begimaj ơi, và mãi mãi anh sẽ chẳng chịu lìa đời. Begimaj nàng hỡi, anh sẽ hồi sinh và lại sẽ sống, Begimaj ơi, để ở mãi cùng em. Begimaj ơi, bên em, như bên một vì sao sáng..."

Rajmaly đã hát như thế, bài ca "Nàng Begimaj" ấy... Ngày hôm đó vẫn còn in sâu trong trí nhớ mọi người. Quanh Rajmaly và Begimaj nổi lên bao lời xàm tấu. Những lời dị nghị ấy nổi lên ngay tại gian lều, ngay giữa các trang kị mã vắt vẻo trên lưng những con ngựa đẹp đến dự hội, ngay giữa đám người lỏng lầy trong những bộ phục trang ngày hội, đưa chân đôi vợ chồng mới cưới, do Rajmaly và Begimaj cưỡi ngựa dẫn đầu, vừa múa nhảy, vừa hát vang những bài ca chúc tụng. Họ sóng ngựa bên nhau, bàn đạp sát bên bàn đạp thật đẹp đôi, cùng ngẩng cao đầu cầu xin thương đế, cầu xin các đấng phúc thần ban cho nhiều hạnh phúc lứa đôi. Họ tấu đàn đombra, họ nổi sáo, rúc tiêu, họ ca hát - Begimaj và Rajmaly, kẻ xướng người họa, cứ thế lần lượt thay nhau.

Mọi người sửng sốt khi được nghe những bài ca ấy, hoa cỏ chung quanh cười giòn giã, khói

chờn vờn trên những đồng lửa trại, chim chóc tung tăng bay lượn, trẻ em reo vui nhảy nhót chung quanh...

Không ai còn nhận ra người ca sĩ già Rajmaly nữa. Giọng chàng lại trong trẻo, người chàng lại uyển chuyển và nhanh nhẹn như ngày nào. Đôi mắt chàng lại lấp lánh như hai ngọn đèn trong gian lều trắng trên đồng cỏ xanh. Ngay cả con Sarala cũng vươn cao cổ lên, đầy kiêu hãnh.

Nhưng chuyện ấy chẳng phải đều làm ai nấy đẹp lòng. Trong đám người đông đảo vây quanh cũng có kẻ nhìn Rajmaly bằng đôi mắt khinh thị. Họ mặc, hàng xóm láng giềng tức giận. "Rajmaly đâm ra quẩn trí lúc về già - thật chẳng còn ra cái thể thống gì nữa cả". Họ đem chuyện ấy nói lại với người em nhà danh ca là Abdilkhan: "Làm sao chúng tôi còn dám bầu ngài làm trưởng ấp, nếu con chó già Rajmaly kia đã bôi tro trát trấu vào mặt chúng ta, khiến thiên hạ sẽ cười vào mũi chúng ta trong cuộc bầu bán sắp tới? Ngài đã nghe thấy hấn hát hồng và cười cợt như một con ngựa non rồi chứ? Còn con đi kia, ngài nghe thấy đối đáp ra sao chưa? Thật không biết để đâu cho hết nhục! Phải sửa cho hấn một trận trước mặt bàn dân thiên hạ. Để cho hấn biết thân. Ai bảo đại đột dĩnh lú với con đi kia làm gì? Phải răn đe hấn, để tiếng xấu khỏi lan tràn ra các làng bản chung quanh..."

Abdilkhan từ lâu vẫn ghét cay ghét đắng cái thói buông tuồng của anh, lúc này hấn lại càng căm ghét vì ông anh đã hai thứ tóc trên đầu mà vẫn chúng nào tật ấy. Hấn ta tưởng lúc về già ông anh mình sẽ tu tỉnh lại, nhất là khi phải ăn nhờ ở đậu trong nhà người. Nào ngờ, giờ đây ông ta lại làm nhục cả họ. Thế là Abdilkhan liền thúc ngựa, rẽ đám đông, tiến thẳng lại chỗ anh trai, vừa vung roi dọa dẫm vừa quát tháo: "Tỉnh trí lại! Về nhà ngay!". Nhưng người anh đang còn mải ca vang những khúc hát ngọt ngào, chẳng hề nghe thấy tiếng em gọi. Còn những người ngưỡng mộ thì cười ngựa đứng vòng trong vòng ngoài, vây kín chung quanh. Họ đón từng lời ca tiếng hát của đôi danh ca đang xướng họa cùng nhau, nên chỉ trong chớp mắt đã gạt phăng Abdilkhan ra và vung roi quát tới tấp vào cổ y. Chẳng tài nào dò cho ra ai là thủ phạm. Abdilkhan đành thúc ngựa phóng đi...

Hai người vẫn hát tiếp. Một bài hát mới lại nảy sinh trong giây phút ấy.

"Khi con hươu tót vang để gọi bạn tình lúc sáng sớm, tiếng vọng từ vách đá lại dội vào hẻm núi chỗ hươu nằm" - Rajmaly hát lên.

"Còn khi con thiên nga trắng phải biệt bạn tình, chim ngược nhìn mặt trời mới lên, thấy mặt trời sạm đen như một đĩa mực" - Begimaj đáp lại.

Hai người thay nhau hát, kẻ xướng người họa, lời ca tiếng hát cứ thế nối nhau tuôn ra, đáp lại sự ngưỡng mộ của các chàng trai, các cô gái trẻ.

Say sưa ca hát, Rajmaly đâu nhìn thấy nổi cảm xúc bùng bùng trong ngực cậu em trai Abdilkhan đang thúc ngựa đi xa, đâu nhìn thấy ngọn lửa hận học và thù ghét ngùn ngụt dâng cao trong lòng đám bà con họ hàng đang ruổi ngựa phi theo hắn. Họ đang mưu mô hùa nhau trị tội ông, ông chẳng hề hay...

Abdilkhan rạp mình trên lưng ngựa phi như bay, nom hết một đám mây đen. "Về bản, về nhà, mau lên!". Bà con họ hàng vây quanh hắn như một bầy sói, vừa phi theo vừa gào thét âm ỉ:

- Anh ngài quần trí rồi! Lão ta hóa điên thật rồi! Thật khốn khổ! Phải thuốc thang, chữa chạy gấp lên thôi!

Còn hai người kia vẫn thi nhau hát, kẻ xướng người họa, lần lượt nối lời nhau...

Hai người ca hát tiễn đưa đám rước dâu đến nơi đã định. Tại đây, lúc chia tay, đôi trai tài gái sắc lại một lần nữa hát vang bài chúc mừng cô dâu chú rể. Rồi quay sang phía mọi người, Rajmaly nói rằng ông rất đổi hạnh phúc được sống đến ngày hôm nay, khi mà số phận đã ban cho ông một phần thưởng lớn, đó là một danh

ca ngang tài ngang sức: nữ ca sĩ trẻ trung Begimaj. Ông nói rằng một hòn đá lửa chỉ cần chạm khê vào một hòn đá khác là ngọn lửa sẽ bùng lên. Trong nghệ thuật cũng vậy, khi độ tài thi sức cùng nhau, người nghệ sĩ lập tức sẽ thấu hiểu được những bí ẩn của sự hoàn thiện trong tài nghệ. Nhưng hạnh phúc hơn hết thảy, một niềm hạnh phúc còn cao hơn cả thứ hạnh phúc lý tưởng, là vào lúc cuối đời, ông đã được hiểu thế nào là tình yêu, mà từ ngày lọt lòng mẹ đến giờ ông chưa từng biết đến, cũng như vào buổi hoàng hôn, một ngôi sao đã hiện lên, lấp lánh sáng với toàn bộ sức mạnh của mình.

- Hỡi chàng Rajmaly! - nàng Begimaj đáp lại - Mơ ước của em đã hóa thành sự thật, em sẽ theo chàng mãi mãi từ đây. Lời chàng cất lên ở đâu, em sẽ tức khắc mang cây đàn dombra tới đó. Để tiếng hát của đôi ta hòa chung làm một, để yêu chàng và hóa thành mối tình của chính chàng. Từ đây em sẽ phó thác đời mình cho số phận, không chút đắn đo.

*

Đôi trai tài gái sắc đã xướng họa như vậy đấy.

Rồi trước mặt mọi người đang đứng đó, hai người đã ước hẹn ngày kia sẽ gặp lại nhau tại

một buổi chợ phiên đông vui, để hát ca, mừng kẻ mua người bán từ khắp nơi đổ về.

Tức thì những người đi theo đám rước dâu liền ruổi ngựa lao đi, báo cho dân chúng tại các bản gần làng xa hay tin ấy.

- Nhớ đến ngay phiên chợ ngày kia, nhé!

- Đóng yên cho ngựa để ngày kia đến dự chợ phiên!

- Lên chợ phiên ngay mà nghe hai danh ca trình diễn!

- Đúng là một ngày hội lớn!

- Tha hồ mà vui!

- Tuyệt quá đi mất!

- Thật là nhục nhĩ!

- Tuyệt đến thế là cùng!

- Trơ tráo, quá quắt!

Còn Rajmaly và Begimaj thì dừng lại, chia tay nhau:

- Gặp nhau ở chợ phiên, Begimaj yêu dấu nhé!

- Gặp nhau ở chợ phiên nhé, chàng Rajmaly-y-y!

Trời đã ngả về chiều. Thảo nguyên mênh mông chìm dần trong màn sương trắng đục của ngày hè. Cỏ trên mặt đất chỉ còn chờ ngày cắt. Thoang thoang mùi lá cỏ ứa chua chua. Khi trời mát dịu, sau những trận mưa rừng tỏa rộng

khắp nơi nơi. Những chú điều hâu chậm rãi lướt cánh là là trên mặt đất vào lúc hoàng hôn, lừ lừ khẽ gọi lũ chim non, khiến buổi chiều càng thêm vẻ thanh bình...

- Ôi, tỉnh mịch thay, bình yên thay! - Rajmaly thốt lên, tay vuốt ve bờm ngựa - Chà, Sarala! Chà, anh bạn già! Tuần mã danh tiếng của ta. Phải chăng cuộc sống tuyệt đẹp đến mức ngay cả lúc ta đã kẻ miệng lỗ, ta vẫn còn có thể yêu say đắm nhường này?...

Con Sarala vẫn mãi miết chải vó, miệng thở phì phò. Nó ước ao được sớm về nhà để còn uống một bụng nước suối thật no, rồi lao ngay ra đồng gặm cỏ dưới ánh trăng.

Bản của Rajmaly kia rồi, sau khúc ngoặt của dòng sông. Những mái lều với những ánh đèn lung linh đã gần kề trước mắt.

Rajmaly đang vội. Ông buông cương, thả con Sarala vào bãi buộc ngựa trước lều. Không muốn vào nhà, Rajmaly ngồi xuống cái bệ đất bên bếp lò, nghỉ mệt. Nhưng ngồi chưa ấm chỗ đã có ai đó tiến lại. Thì ra một chàng trai hàng xóm.

- Rajmaly, trong lều đang có lệnh gọi ông đấy.

- Lệnh ai thế?

- Hết thầy họ hàng thân thích của ông, cùng bà con xóm giềng.

Vừa bước chân qua bậc cửa, Rajmaly đã nom thấy các vị cao tuổi trong họ đang ngồi sát bên nhau thành một hình bán nguyệt. Trong đám ấy, có cả Abdilkhan. Hắn ngồi gần sát ngoài cùng, mặt khó dăm dăm, mắt nhìn xuống như đang giấu giếm điều gì bí hiểm.

- Bình an cho hết thầy mọi người! - Rajmaly cất tiếng chào họ hàng - Có chuyện gì bất hạnh vừa xảy ra chẳng?

- Chúng ta đang đợi người đây - vị tộc trưởng lên tiếng.

- Nếu thế thì tôi đây - Rajmaly đáp - tôi sẽ tìm ngay được chỗ để ngồi vào hàng đây.

- Không được! Ra bên cạnh cửa kia! Rồi quỳ xuống! - vị tộc trưởng ra lệnh.

- Thế này là thế nào? Tôi đang là chủ căn lều này kia mà.

- Người lầm rồi, người không còn là chủ nữa! Chủ sao được, khi người đã hóa điên!

- Nói gì nghe lạ thế?

- Chẳng lạ đâu. Người phải thế là từ nay sẽ không bao giờ còn đi hát hồng, không còn la cà ở các đám yến tiệc và phải gạt ra khỏi óc người con đàn bà mà hôm nay người vừa hát sóng đôi, quên đi cái con chó hoang vô sỉ ấy. Thế đi! Để con đi nọ đừng bao giờ ám ảnh người nữa!

- Các người đừng phí lời vô ích. Ngày kia, tôi sẽ hát cùng nàng tại phiên chợ, trước bàn dân thiên hạ.

Tức thì một tiếng kêu buột ra:

- Thế thì quả là hấn lẳng nhục chúng ta!

- Cự tuyệt đi, khi còn chưa muộn!

- Đúng là hấn hóa đại thật rồi!

- Hấn mất trí thật rồi!

- Yên nào! Tất cả hãy im lặng đã! - Viên tộc trưởng bảo mọi người - Rajmaly, người vẫn khẳng khăng từ chối, phải không?

- Thì chúng ta vừa nghe hấn nói đấy thôi.

- Vậy thì, hãy nghe những gì ta sắp phán đây. Trước tiên, ta nói với người, hỡi Rajmaly bất hạnh. Suốt đời, gia sản người chỉ có độc một con ngựa, vậy mà người cứ mê mải rong chơi, đàn hát, hết tiệc này sang hội kia, biến mình thành một thằng hề để mua vui cho thiên hạ. Cả họ đã lượng tình bỏ qua cho người cái lối ăn ở phóng dăng ấy, vì ngày ấy người còn trẻ người non dạ. Chứ bây giờ, đã hai thứ tóc trên đầu, người vẫn không chừa, lại giở những trò lố lăng ấy ra. Chúng ta khinh bỉ người. Đã đến lúc phải nghĩ đến ngày qua đời, đến việc yên nghỉ ở thế giới bên kia rồi. Vậy mà người lại còn đi tăng tiu với con đĩ nọ, hết như một kẻ chơi bời mạt hạng, khiến cho dân chúng trong các bản làng quanh đây phải bung miệng cười thâm và tức

tôi với người, người đã chà đạp lên tục lệ, đã bất chấp kỷ cương và không muốn nghe theo lời khuyên nhủ của họ hàng. Cho nên, thương để có trừng phạt người, thì cũng đừng kêu ca gì hết, mà hãy tự trách mình. Bây giờ, họ mặc hãy nghe tiếp lời ta phán. Hãy đứng lên, Abdilkhan! Anh là em ruột hần, do cùng một cha, một mẹ sinh ra; anh phải là chỗ nương tựa của chúng tôi, và là hy vọng của chúng tôi. Chúng tôi muốn cử anh làm trưởng ấp, đứng ra thay mặt cho cả họ để lo liệu công việc bản làng. Nhưng lão anh ruột của anh bỗng dung hóa dại, đầu óc lão mù mắt rồi, chẳng còn biết đâu là phải trái nữa. Chuyện ấy có thể ngăn trở chúng ta đạt được điều đang mong mỏi. Bởi vậy, anh có toàn quyền muốn khu xử với lão ta thế nào mặc ý, miễn là làm sao để thằng già mất trí kia đừng làm ô nhục chúng ta trước thiên hạ, để không còn ai dám nhổ vào mặt chúng ta và đem họ mạc chúng ta ra làm trò cười.

Rajmaly lên tiếng ngay, không để cho Abdilkhan kịp đáp:

- Không ai được quyền phán xử ta. Ta thấy thương hại cho các người: ngồi đây mà như ngồi trong cũi tăm tối, đem ra xét xử một điều mà các người chẳng có chút quyền hành, cho dù có nhóm họp đông đủ cả họ chẳng nữa. Các người chẳng biết đâu là lẽ phải, đâu là hạnh phúc trên thế gian này. Ca hát khi lòng dạt dào cảm xúc,

phải chăng là điều đáng xấu hổ? Yêu, khi tình yêu được thương để ban cho, phải chăng là điều nhục nhã? Niềm vui to tát nhất trên đời là đem lại niềm vui cho những ai đang yêu. Nhưng nếu các người cho ta là kẻ mất trí, chỉ vì ta cất lên tiếng hát khi mỗi tình đường đột đến với lòng mình, không thể nào lẩn tránh được, mà chỉ còn biết hân hoan giang tay ra đón lấy, thì ta sẽ từ giã các người ra đi. Ta đành làm thế, vì chẳng còn con đường nào khác. Được rồi, ta sẽ trèo ngay lên lưng con Sarala, để phi đến chỗ người con gái ấy, hoặc sẽ cùng nàng rời bỏ quê hương, tìm đến những bản làng xa xôi khác mà cư ngụ, để từ nay những lời ca tiếng hát, những hành vi cử chỉ của ta khỏi xáo động tâm trí các người.

- Không, mày không được đi đâu hết! - Abdilkhan giận dữ rít lên, giọng khản đặc vì nãy giờ ngồi lặng thinh - mày đừng hòng rời khỏi đây. Chợ phiên chợ piéc, tao cấm mày đến đó. Chúng tao sẽ chữa chạy cho mày, cho đến ngày trí não mày bình phục.

Chưa dứt lời, hắn đã đứng ngay dậy, giật lấy cây đàn đombra trên tay nhà danh ca.

- Nhìn đây! - Hắn quẳng cây đàn xuống đất rồi dẫm mạnh chân lên, như một con bò mộng hóa rắn, xéo bẹp người chẵn - Từ nay đừng hòng hát hồng nữa! Ê, bay đâu lôi cổ cái con nghèo Sarala vào đây.

Đám gia nhân đứng chực sẵn ngoài sân, với vàng lửa con Sarala từ bãi buộc ngựa vào lều.

- Tháo yên ra, vất xuống đây! - Abdilkhan ra lệnh, tay thủ sẵn một lưỡi rìu sắc ngọt.

Hắn vung rìu, bổ lia lịa, băm nát như chiếc yên của Rajmaly.

- Đây! Có giỏi thì cười thử đi! Xem đến được phiên chợ nào! - Rồi hắn giận dữ băm nhỏ bộ dây thừng, dây treo bàn đạp và nhặt đôi bàn đạp lên, quăng mạnh ra bờ rào, mỗi cái một hướng.

Sợ hãi, con Sarala giãy giụa trong tay đám gia nhân, cố lùi lại, miệng rống lên, day day chiếc hàm thiếc như đã hiểu cái gì đang chờ nó.

- Ra mày định đến chợ phiên chứ gì? Cười con Sarala này phải không? Thế thì, nhìn đây! - Abdilkhan rít lên.

Đám gia nhân tức thì tóm lấy hai chân Sarala, vất nó nằm ngửa ra giữa sân, tròng mấy cái thòng lọng bên bằng lông đuôi ngựa vào bốn cẳng chân nó, néo chặt lại với nhau. Còn Abdilkhan thì chộp lấy hai cánh mũi nó bằng năm ngón tay rắn chắc, ngửa hẳn cái cổ thon dài chẳng có gì che chở của nó ra, kê lưỡi dao vào.

Rajmaly cố vùng ra khỏi mấy cánh tay lực lưỡng đang giữ chặt lấy ông:

- Khoan đã! Chớ giết nó!

Nhưng muộn mất rồi. Máu nó đã tuôn ra
xối xả thành dòng từ vết thương, bắn thẳng vào
mặt ông. Rajmaly người bê bết máu con Sarala,
những giọt máu nóng hổi đang còn bốc hơi nghi
ngút, lão đảo đứng dậy.

- Vô ích! Ta sẽ đi bộ! Ta sẽ bò đến đó! -
Nhà danh ca bị xúc phạm, đưa vạt áo lên lau
mặt.

- Đùng hòng! Tao sẽ không để mày đi đâu!
- Abdilkhan ngẩng bộ mặt độc ác nấp phía sau
cổ họng con Sarala vừa bị cắt tiết, hét to, răng
lợi nhe cả ra: Mày đùng hòng ló mặt ra đó! -
Hắn nói khề hơn, nhưng bất thần lại hét tướng:
- Thôi, đủ rồi! Các vị xem, hắn đã mất trí đến
mức nào? Bay đâu, gô cổ hắn lại, kéo hắn giết
người bây giờ!

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Tiếng la hét nổi lên âm ỉ. Cả đám hoảng
hốt cùng nhao nhao lên một lượt:

- Dem thùng lại đây!
- Vặn tay hắn ra sau lưng ấy!
- Siết chặt nữa vào!
- Hắn hóa dại mất rồi! Xin thương đế thương
lấy các ngài, Abdilkhan!
- Xem kìa, cặp mắt hắn mới khiếp chứ!
- Hắn mất trí đây mà!
- Lôi cổ hắn ra đằng kia, chỗ gốc bạch dương
ấy!

- Đưa thùng chảo ra đây!
- Điều hăn đi, nhanh lên!

Trăng đã lên đến đỉnh đầu. Trên trời, dưới đất đều im ắng. Rồi một đám thầy mo đến. Họ nhóm lên một đồng lửa, nhảy múa những điệu rất man rợ để trừ tà đuổi quỷ đang ám hại nhà danh ca vĩ đại.

Rajmaly đứng thẳng người, hai tay bị trói giắt cánh khuỷu vào gốc bạch dương.

Lát sau, một giáo sĩ tới. Ông ta mở kinh Côran đọc lời cầu nguyện. Rồi lựa lời bảo ban, khuyên giải Rajmaly nên cải hóa, đi theo đường ngay lẽ phải.

Trong lúc đó, nhà danh ca vĩ đại vẫn đứng yên, hai tay bị trói chặt vào gốc bạch dương. Ông quay về phía người em là Abdilkhan, cất tiếng hát:

"Đêm dài đã qua đi, mang theo mảng bóng tối cuối cùng và ngày mới sẽ lại bùng lên với ánh dương chói lọi. Nhưng với ta, ánh sáng từ nay sẽ chẳng bao giờ tới nữa. Mi đã cướp đi của ta vùng thái dương rực rỡ, hỡi Abdilkhan tội nghiệp của ta. Mi vui mừng, hí hửng, đắc thắng, vì đã chia lìa ta với mối tình mà thượng đế đã ban cho, khi ta tuổi đã xế chiều. Nhưng giá mi biết được lòng ta đã trải qua một niềm hạnh phúc như thế nào, khi ta còn thở và tim ta chưa ngừng đập. Mi trói ta, mi cột chặt ta vào gốc

bạch dương này, nhưng ta đâu còn ở đây lúc này, hỡi Abdilkhan tội nghiệp của ta. Chỉ thể xác ta là ở đây thôi, linh hồn ta như ngọn gió lành đâu kể gì cách trở, như những giọt nước mưa hòa mình vào lòng đất, ta luôn ở bên nàng không hề chia cách, dù chỉ trong khoảnh khắc, như mái tóc của chính nàng, như hơi thở của chính nàng. Rạng sáng ngày mai khi nàng bừng thức, ta sẽ như một chú dê rừng rời núi cao phi xuống bên nàng, đứng chờ nàng bên mỏm đá chênh vênh, khi nàng rời gian lều đứng ra đón nắng sớm. Khi nàng nổi lửa thổi cơm, ta sẽ làm làn khói nhẹ vờn quanh, ôm lấy thân nàng. Khi nàng cưỡi ngựa, lôi qua suối, ta sẽ làm những tia nước nhỏ bắn lên vó ngựa, ta sẽ vẩy nhẹ lên mặt, lên tay nàng. Còn khi nàng cất cao tiếng hát, ta sẽ hóa làm lời ca..."

Trên đầu Rajmaly, những cành bạch dương lao xao trong nắng sớm. Một ngày mới bắt đầu. Nghe tin Rajmaly hóa dại, bà con hàng xóm tò mò kéo đến xem. Họ xuống ngựa, túm tụm thành một đám đông đứng mãi ngoài xa.

Còn nhà danh ca vẫn đứng bên gốc bạch dương, tay bị trói chặt, áo xống trên người toi tả.

Ông hát to, giọng trong trẻo, bài hát mà chỉ ít lâu sau đã trở thành nổi tiếng:

Khi đoàn du mục từ những ngọn núi đen kéo xuống,
Hãy cỡi trời cho ta, hỡi Abdilkhan, em ta.

Khi đoàn du mục từ những ngọn đồi xanh kéo xuống,
Hãy trả tự do cho ta, hỡi Abdilkhan, em ta.

Thân ta tù túng thế này, người đâu đoán ra,
Và người đâu biết chính người là thủ phạm.

Khi đoàn du mục từ những ngọn núi đen kéo xuống,
Hãy cỡi trời cho ta, hỡi Abdilkhan, em ta.

Để ta được cất cánh bay lên trời cao thỏa thích tung
hoành...

Khi đoàn du mục từ những ngọn núi đen kéo xuống,
Anh sẽ không đến được phiên chợ đầu, hỡi Begimaj.

Khi đoàn du mục từ những ngọn đồi xanh kéo xuống,
Em đừng đợi anh trong phiên chợ nhé, Begimaj.

Đôi ta sẽ chẳng được cùng nhau ca hát nữa,

Ngựa anh không đến kịp, mà cả anh cũng không đến
kịp nữa rồi.

Khi đoàn du mục từ những ngọn núi đen kéo xuống,

Khi đoàn du mục từ những ngọn đồi xanh kéo đến,

Em đừng chờ anh trong phiên chợ nữa, Begimaj,

Bởi anh đã cất cánh bay cao trên chín tầng mây...

Câu chuyện về Rajmaly và nàng Begimaj là thế...

Giờ đây, trên đường tiễn đưa Kazangap đến nơi an nghỉ cuối cùng tại nghĩa địa Ana-Bejit, tâm trí Edigej không sao dứt ra được câu chuyện nào lòng kia.

11.

Những chuyến tàu ở vùng này chạy từ Đông sang Tây và từ Tây sang Đông...

Trải rộng hai bên đường tàu ở vùng này là những hoang mạc mênh mông - miền Sarozek và các thảo nguyên úa vàng thuộc miền Đất Giữa...

Ở vùng này, mọi khoảng cách bất kỳ đều được đem so với con đường sắt, như so với kinh tuyến Greenwich...

Những chuyến tàu vẫn chạy từ Đông sang Tây và từ Tây sang Đông...

Sau khi vượt qua một quãng đường dài, chạy dọc theo bờ dốc cát đỏ Malakumdychap, nơi xưa kia bà Najman-Ana từng lặn lội tìm kiếm đứa con bị bắt làm nô lệ, đám tang dừng lại trước con đường dẫn tới nghĩa địa Ana-Bejit. Edigej-Bảo Tuyết luôn đưa mắt trông chừng, khi thì vào chiếc đồng hồ đeo tay, khi thì lên mặt trời lơ lửng trên Sarozek và nghĩ rằng hành trình đã diễn ra đúng như bác dự định. Chôn cất Kazangap xong, cả đoàn còn kịp quay về dự bữa cúng cùng với mọi người. Bữa cúng dĩ nhiên phải là muộn hơn, vào lúc chập choạng tối, nhưng cái chính

là không phải đây đưa sang ngày hôm sau. Làm sao khác được, cuộc sống vẫn là cuộc sống! Kazangap rồi sẽ yên nghỉ tại Ana-Bejit, còn họ thì phải quay về, để một lần nữa tưởng niệm người quá cố ngay tại nhà, nhắc nhở lại những kỷ niệm tốt lành về người đã khuất.

Vẫn theo trình tự cũ - đi đầu là Edigej, cưới con Karanar, trên lưng phủ một tấm thảm mỏng riềm tua, tiếp theo là chiếc máy kéo có rờ-mọc chở cỗ quan tài, và cuối cùng là chiếc máy đào đất hiệu "Belarus" - đám tang rời bờ dốc Malakumdychap, tiến vào thung lũng Ana-Bejit. Con Zholbars lông hung chạy lon ton bên cạnh, như chẳng cần ai, lưỡi thè dài không kể gì phép tắc.

downloadsachmienphi.com

Vừa ra khỏi Malakumdychap được một quãng, đám tang đã phải dừng lại. Họ vấp phải một trở ngại bất ngờ - hàng rào bằng dây thép gai.

Edigej dừng lại trước tiên - thật đúng lúc! Chống chân lên hai bàn đạp, rướn cao người, từ trên lưng con Karanar lênh khênh, bác đưa mắt nhìn sang phải, sang trái. Trong tầm mắt bác, chạy dài tít tắp về hai phía là dãy hàng rào dây thép gai khá dày, lượn rồng rắn khi lên cao, khi xuống thấp tùy thế đất, được cột chặt vào hai hàng trụ vuông bằng bê tông cốt thép, chân chôn sâu dưới đất, cách quãng đều nhau 5 mét một. Nhìn qua biết ngay đó là một hàng rào chắc chắn. Chẳng biết đâu là đầu, đâu là cuối nữa.

Không khéo nó cứ dài mãi, bất tận. Khó mà vượt qua để đi tiếp. Tính sao bây giờ? Đi đường nào đây?

Vừa lúc đó, hai chiếc máy theo sau cũng dừng lại. Shabitzhan nhảy ra buông lái trước tiên. Theo sau hẳn là Edilbaj-Cò Hương.

- Sao lại không? Chỉ tội chẳng biết sao tự dung lại mọc ra cái hàng rào này. Thật là tội nợ!

- Thế trước không có à?

- Ừ.

- Bây giờ tính sao?  Sẽ theo đường nào đi tiếp được?

Edigej nín thinh. Chính bác cũng chưa biết sẽ tính cách nào.

- Ê! Tắt máy đi! Cứ phành phạch, nghe chán lắm! - Shabitzhan bực dọc quát to với Kalibek vừa thò đầu ra khỏi buồng lái.

Kalibek tắt máy. Rồi chiếc máy đào đất cũng làm theo. Im ắng ngay, phẳng phất. Edigej-Bảo Tuyết ngồi trên con Karanar, dáng ủ dột. Shabitzhan và Edilbaj-Cò Hương đứng cạnh. Còn hai anh thợ lái máy Kalibek và Zhumagali thì ở lại trong buồng lái. Thi hài bác Kazangap bọc da trắng, đặt trong cỗ áo quan vẫn nằm trên chiếc rờ-mooc, với cậu con rể nghiện rượu, chồng Ajzada, ngồi cạnh. Con chó hung Zholbars lợi

dụng ngay cơ hội đó, mon men tiến lại bên bánh sau máy kéo, ghéch chân lên.

Thảo nguyên Sarozek mệnh mông, nằm trải dài tít tắp dưới vòm trời, thế nhưng vẫn không có đường nào dẫn đến nghĩa địa Ana-Bejit cả. Đám tang đành dừng lại trước bức tường thành bằng dây thép gai, bất lực.

Edilbaj-Cò Hương phá tan bầu không khí im lặng trước tiên:

- Khoảng này, trước nay làm gì có, bác Edike nhỉ?

- Ủ, từ thuở cha sinh mẹ đẻ đến giờ, hôm nay tôi mới nhìn thấy lần đầu.

- Thôi, đích thị đây là vùng cấm. Người ta rào quanh để làm sân bay vũ trụ chẳng? - Edilbaj-Cò Hương phỏng đoán.

- Chắc thế. Chứ tự dung ai công đâu đi xây cả một hàng rào dài tít tắp thế kia giữa thảo nguyên trơ trụi này. Chẳng biết ai nghĩ ra cái trò ấy. Vớ vẩn thế cũng cất công làm. Quý tha ma bắt nó đi cho rảnh! - Edigej vặc một câu chửi.

- Rửa thế chả ích gì! Giá cứ tìm hiểu kỹ từ trước lúc định thu xếp chuyện chôn cất ở nơi xa xôi thế này, có hơn không - Shabitzhan nói, giọng rầu rĩ.

Ai nấy nín thinh - những giây phút im lặng nặng nề trôi qua. Từ trên lưng con Karanar,

Edigej-Bảo Tuyết phiên muộn đưa mắt nhìn xuống Shabitzhan đang đứng bên cạnh.

- Này Shabitzhan, cố chịu đựng một tí, đừng rối lên thế - bác cố giữ giọng thật bình tĩnh - Lâu nay, ở đây có dây thép gai gì đâu. Chúng tôi làm sao biết trước được?

- Vì thế mới nên chuyện - Shabitzhan lầu bầu ngoảnh mặt đi.

Tất cả lại nín thinh. Edilbaj-Cò Hương hẳn đang nghĩ một điều gì đó trong lòng.

- Bây giờ tính sao, bác Edike? Làm gì nào? Đến nghĩa địa chắc phải còn một lối đi nào khác nữa chứ?

- Chắc phải có. Sao lại không nhỉ? Còn một đường nữa, ở quá bên mé tay phải dẫm cây số - Edigej đáp, rồi đưa mắt nhìn quanh.

- Nào, ta rẽ sang phía ấy. Không lẽ cứ đứng lì ở đây mãi.

- Chắc phía ấy có đường không đấy - Shabitzhan hỏi, giọng đầy vẻ thách thức - kéo lại tắc tị thế này thì hết chuyện!

- Chắc chứ, chắc chứ - Edigej cam đoan - Ta lên xe nào. Để khỏi mất thì giờ.

Và họ lại lên đường. Chiếc máy kéo và chiếc máy đào đất bắt đầu rồ máy ở phía sau. Đám tang tiến dọc dãy hàng rào thép gai.

Edigej buồn bã. Bác thấy nản hết sức. Bác bực dọc như bị người ta ngăn đường chắn nẻo, không chừa đường dẫn đến nghĩa trang nữa. Đến là lảm chuyện. Quả trớ trêu! Tuy nhiên, bác vẫn còn hy vọng chắc sẽ tìm được một lối dẫn đến đó, có điều phải đi quá về hướng nam một ít nữa. Thật đúng như lời. Chẳng mấy chốc cả đoàn đã tiến thẳng đến một cái cổng lớn, bị một thanh gỗ chắn ngang.

Vừa tiến lại gần, Edigej vừa dõi mắt quan sát cánh cổng kiên cố với hai trụ bê-tông to, đúc liền khối và ngôi nhà nhỏ bằng gạch nằm ngay bên lối đi, sát rìa đường, mặt trước có cửa rộng, lắp kính, trên mái bằng ngất ngưỡng hai ngọn đèn pha, hẳn là để chiếu sáng vào ban đêm. Tiếp ngay sau thanh chắn là con đường nhựa rộng, chạy sâu hút vào phía trong. Edigej đâm lo khi thấy cái vẻ kiên cố của những công trình xây dựng ấy.

Họ vừa đến nơi, từ trong vọng gác một anh lính trẻ măng, tóc màu gai, vai đeo tiểu liên chúc nòng, vội vã chạy ra, vừa chạy vừa cài lại mấy cái cúc áo va-roi và sửa ngay ngắn chiếc mũ lưỡi trai trên mái tóc ướt đầm mồ hôi. Anh lính trẻ dừng lại ngay giữa thanh gỗ chắn, son xen kẻ sọc đen sọc vàng, vẽ khệnh khạng. Tuy thế, Edigej cũng cất tiếng chào, ngay khi đến sát bên thanh chắn đường.

- Chào bác, - cậu lính gác đưa tay lên vành mũ, ngược cặp mắt xanh lơ rất trẻ con, nhìn Edigej - những người đằng kia là ai? Bác đưa họ đi đâu vậy?

- Chúng tôi là dân địa phương, cậu chiến sĩ a - Edigej đáp, mỉm cười trước cái vẻ nghiêm nghị hơi trẻ con của cậu lính gác. - Đây, chúng tôi đưa một ông cụ cũng người vùng này, đến chôn cất tại nghĩa địa cổ phía trong kia kia.

- Không ai được phép qua lại cổng này hết, nếu không có lệnh - cậu lính trẻ vừa lắc đầu từ chối, vừa tránh xa cái mồm đầy răng của con Karanar đang nhai liên hồi, vẻ mặt cậu ta không hẳn là không gồm con vật - Đây là vùng cấm - cậu ta cất nghĩa thêm.

- Tôi hiểu rồi, nhưng không lẽ lại không chôn cất người chết trong nghĩa địa? Nó nằm ngay sát đây thôi. Ngại gì kia chứ? Chôn cất xong, chúng tôi ra về ngay thôi. Có rề rà lâu lắc gì cho cam.

- Tôi không thể. Tôi không có quyền - người lính gác đáp.

- Nghe tôi bảo đây, chú em - Edigej cúi thấp xuống, để cậu lính gác nhìn thấy rõ hơn những tấm huân chương, huy chương, quân công đeo trên ngực. Tôi với chú đâu phải là người ngoài cuộc. Tôi làm việc đảng ga Boranly-Bảo Tuyết chứ xa xôi gì. Chắc chú đã được nghe nói đến

ga ấy. Người mình cả mà. Xử với nhau cho nó có tình cảm một chút. Chúng tôi chỉ đến chôn cất, xong là ra về ngay.

- Cháu hiểu rồi - cậu lính gác đã bắt đầu thay đổi thái độ.

Shabitzhan vội vã chạy tới, làm ra vẻ ta đây là một nhân vật quan trọng, nói chỗ vào:

- Thế nào? Có chuyện gì vậy? Tôi là người trên liên hiệp công đoàn tỉnh đây - hẳn ta trình trọng nói - Sao, không cho vào, hả?

- Vì không có lệnh.

- Nay, đồng chí trực ban, tôi đã bảo tôi công tác trên liên hiệp công đoàn tỉnh.

- Anh có ở trên khu xuống, tôi cũng chẳng cho vào đâu.

- Thế là thế nào? - Shabitzhan chung hửng.

- Là thế đấy. Khu vực cấm.

- Vậy thì còn phân bua làm quái gì nữa? - Shabitzhan ngán ngẩm.

- Thì ai phân bua nào? Tôi giải thích cho bác cười lạc đà đáng kính kia, chứ đâu có giải thích với anh. Để bác ấy thông cảm. Nói chung, tôi không có quyền trò chuyện với người lạ mặt. Tôi đang thừa hành phận sự. Hiểu chứ?

- Nghĩa là không được vào nghĩa địa chứ gì?

- Không. Mà chẳng phải chỉ riêng nghĩa địa thôi đâu. Không ai được phép qua cổng này.

- Thôi, thế là toi công - Shabitzhan nổi cẩu
- Tôi biết trước rồi mà! - Hấn quay sang phía Edigej - Tôi biết trước là thế nào cũng mất công toi! Nhưng có ai thèm nghe đâu! Cứ một hai phải Ana-Bejit, Ana-Bejit kia! Đấy, bây giờ thì Ana-Bejit của bác đấy! - Hấn vừa nói, vừa ngao ngán bỏ đi chỗ khác, khạc nhổ ầm ỉ, về tức tối.

Edigej đàm ngượng với cậu lính trẻ.

- Bỏ quá đi cho bác, cháu nhé - bác nói với anh ta bằng giọng chân tình. Cháu đang thừa hành nhiệm vụ, chuyện đó khỏi phải bàn. Nhưng cháu xem, bác biết chôn cất ông cụ ở đâu bây giờ. Phải chi chỉ là súc gỗ, thì còn nói hạ xuống vát đó, rồi quay về.

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

- Vâng, cháu rất hiểu ạ. Nhưng cháu biết làm gì bây giờ? Lệnh ra thế nào, cháu phải thi hành thế ấy. Giá cháu là chỉ huy ở đây, thì còn bảo được phép thế này thế nọ.

- Đúng thế-ế-ế, cho nên mới đàm ra rắc rối
- Edigej nói, giọng kéo dài, bối rối - cháu người vùng nào thế?

- Người Vologda, bố ạ - cậu lính trẻ ấp úng đáp bằng một giọng đặc thổ ngữ miền Nam, mặt rạng rỡ một cách rất dối trẻ con và thành thật mỉm cười, lấy làm thích thú vì được trả lời câu hỏi ấy.

- Thế nào, bên Vologda quê cháu cũng có cảnh này sao - bắt lính đứng gác ở các nghĩa trang ấy?

- Làm gì có chuyện đó, bố ơi! Nghĩa trang bên quê cháu ai vào ra tha hồ. Hơi đâu mà canh với gác? Còn ở đây lại khác. Cháu gác đây là gác cái vùng cấm này này, chứ đâu phải gác nghĩa địa. Xem chừng bố cũng đã từng ở bộ đội, chinh chiến nhiều rồi thì phải. Bố còn lạ gì việc quân cơ. Thích hay không, mặc kệ anh, đã là nhiệm vụ, thì cứ phải răm rắp tuân hành.

- Đúng thế - Edigej tán thành - khổ một nỗi là bây giờ chúng tôi chẳng còn biết xoay trở thế nào đây với người đang nằm trong quan tài kia, cháu ạ.

downloaadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Edigej và người lính trẻ đứng lặng. Ngẫm nghĩ một lúc người lính trẻ mắt xanh lơ, lắc mạnh mái tóc màu gai, ái ngại:

- Chịu thôi, bố ạ. Con chả dám đâu! Quyền hành đâu ở con!

- Gay nhỉ - Edigej thốt lên, vẻ lúng túng ra mặt.

Bác thấy rất khổ tâm khi phải quay lại với những người đi cùng đoàn, vì Shabitzhan càng lúc càng thêm tức tối, tiến lại bên chỗ Edilbaj-Cò Hương đang đứng, gào toáng lên:

- Tôi đã bảo mà! Đi làm gì cho xa! Hơi đâu theo đúng những định kiến cổ lỗ ấy! Huyền hoặc

đầu óc mình lẫn đầu óc người khác. Chôn cất ở đâu chẳng được, có gì là khác nhau? Thế mà có ai chịu nghe đâu, cứ một hai đôi phải đưa lên Ana-Bejit. Bây giờ, thế là đi tong. Anh còn dám bảo người ta: Thì cậu cứ việc cuốn gói về trên thị trấn. Không có cậu, chúng tôi cũng chôn cất đâu vào đấy nữa thôi! Bây giờ các người thử chôn cất đi xem!

Edilbaj-Cò Hương nín thình, tránh ra chỗ khác. Anh tiến lại bên người lính gác, vẫn đứng cạnh thanh gỗ chắn đường khi nãy:

- Này anh bạn, tôi cũng đã từng ở bộ đội, tôi cũng biết điều lệnh này nọ. Trong trạm có đây nói chứ?

- Dĩ nhiên.

- Thế, ta làm thế này nhé: Cậu gọi điện hộ cho đội trưởng đội bảo vệ đi. Báo là có dân địa phương đến, xin được mai táng một cụ già tại nghĩa địa Ana-Bejit.

- Gì cơ? Nghĩa địa gì? Ana-Bejit hả? - Người lính hỏi lại.

- Ừ, Ana-Bejit. Tên nghĩa địa vùng tôi đấy. Gọi điện hộ nhé, chứ chẳng còn cách nào khác. Để ông ấy đích thân cho phép chúng tôi vào. Cam đoan với cậu là ngoài nghĩa địa ra, chúng tôi chẳng bận tâm tới một thứ gì khác ở đây cả.

Người lính trẻ ngẫm nghĩ, đổi chân từ bên nọ sang bên kia, chau mày lại.

- Cậu ngại gì kia chứ - Edilbaj-Cò Hương nói - Điều lệnh vẫn giữ đúng răm rắp nhé. Có người ngoài đến trạm gác, thì báo lên cho đội trưởng. Guồng máy xưa kia vẫn thế, đúng không nào? Cậu đang gác chứ gì? Thế thì phải báo lên cho cấp trên thôi.

- Thôi được - anh lính trẻ gật đầu - Tôi đi gọi điện ngay đây. Khổ một nỗi là ông chỉ huy đội bảo vệ suốt ngày cứ chạy như đèn cù khắp các trạm. Khu vực này rộng. Hàng lô hàng lóc trạm gác, chứ ít ỏi gì đâu!

- Cậu cho tôi đi cùng được chứ? - Edilbaj-Cò Hương đề nghị - Nhờ cần gì, tôi nhắc thêm.

- Nào, thì đi - người lính đồng ý.

Cả hai vào ngay trạm gác. Họ để ngỏ cửa, Edigej nghe được tất cả những gì xảy ra bên trong. Anh lính trẻ gọi điện đi đâu đó, hỏi thăm: Tổ trưởng trực gác có ở đấy không. Anh ta hỏi mấy nơi như thế, vẫn chưa thấy tăm hơi đâu cả.

-Ồ, không, tôi cần gặp đồng chí đội trưởng kia! - Anh ta giải thích - Vâng, chính cá nhân đồng chí ấy... Không có ở đấy à? Đúng. Có việc quan trọng.

Edigej thấy bút rút. Hắn đi đâu thế nhỉ. Cái gã đội trưởng ấy. Thật mình chả bao giờ gặp may!

Mãi rồi cũng tìm được gã nó.

- Đồng chí trung úy! Đồng chí trung úy! -
 Cậu lính gác hét to trong máy, giọng xúc động.

Tiếp đó, anh ta báo cáo là có mấy người dân địa phương đến xin vào mai táng một người chết tại nghĩa địa cổ vùng này. Sao, chấp thuận không? Edigej cố lắng nghe, dồn hết tâm trí vào câu trả lời đang mong đợi. Viên trung úy mà gật một cái thì hay biết bao! Edilbaj cừ thật! Cũng là đầu óc, mà nghĩ được toàn là những điều hay. Tuy nhiên, câu chuyện trao đổi qua điện thoại vẫn lắng nặng. Người lính trẻ phải luôn miệng trả lời hàng lô câu hỏi:

- Vâng... Bao nhiêu ư? Sáu người. Cả người quá cố nữa là bảy. Một ông cụ già. Người lớn tuổi nhất trong số họ cuối lạc đà. Theo sau là chiếc máy kéo, kéo theo một rơ-moóc. À, còn một chiếc máy đào đất nữa... Họ bảo là phải dùng nó để đào huyết, chắc thế... Sao? Tôi phải trả lời thế nào? Không cho phép? Từ chối dứt khoát? Rõ, tuân lệnh!

Tiếp theo là giọng Edilbaj. Chắc hẳn anh ấy đã giằng lấy ống nghe từ tay cậu lính gác.

- Đồng chí trung úy! Đồng chí thử đặt mình vào địa vị chúng tôi xem. Chúng tôi là công nhân đường sắt, làm việc tại ga Boranly-Bảo Tuyết, đồng chí trung úy ạ. Giờ chúng tôi còn biết đưa nhau đi đâu nữa? Đồng chí cứ thử ở vào địa vị chúng tôi xem. Chúng tôi là dân vùng này, chúng

tôi chẳng hề làm điều gì xấu. Mai táng ông cụ xong, chúng tôi ra về ngay... Hà? Gì cơ? Thế thì xin mời! Vâng, đồng chí cứ đến, khắc biết! Đoàn chúng tôi có một bác công nhân cao tuổi. Cựu chiến binh, từng tham gia chiến tranh. Đồng chí đến gặp bác ấy mà giải thích.

Edilbaj-Cò Hương bước ra khỏi trạm gác, thất vọng, nhưng cũng cho biết là viên trung úy chỉ huy đội bảo vệ hứa sẽ đến giải quyết mọi chuyện tại chỗ. Rồi người lính trẻ ra theo cũng nói đúng như vậy. Lúc này, anh ta thấy nhẹ người, vì viên đội trưởng sẽ đích thân đến giải quyết việc này. Anh ta bình thần đi tới đi lui bên thanh gỗ chắn đường.

Edigej-Bảo Tuyết trở nên tự lự. Ai ngờ sự thể lại xoay chuyển đến nước này? Giờ thì phải chờ viên trung úy nọ. Bác trèo xuống đất, dắt con Karanar tới bên máy đào đất, buộc nó vào chiếc gàu xúc. Rồi quay trở lại chỗ thanh gỗ chắn đường. Kalibek và Zhumagali khẽ trò chuyện với nhau. Trên môi mỗi người lập lờ một điều thuốc. Shabitzhan vẫn bút rút đi tới đi lui một mình, cách đoàn một quãng khá xa. Còn anh con rể bác Kazangap vẫn ngồi bó rọ trên rờ-mọc, bên cổ áo quan.

- Thế nào bác, họ có cho vào không? - Anh ta lên tiếng hỏi Edigej.

- Chắc phải cho thôi. Viên trung úy chỉ huy đội bảo vệ sắp đến đây. Có gì đâu mà không cho, hả? Cánh ta chó có phải gián điệp gián điệp gì đâu? Sao cậu cứ ngồi lì trên ấy thế? Nhảy xuống, đi đi lại lại, có phải đỡ tê chân không nào?

Đã hơn ba giờ chiều. Thế mà vẫn chưa đến được nghĩa địa, mặc dù từ đây đến đó chẳng còn bao xa nữa.

Edigej quay lại chỗ cậu lính trẻ.

- Có phải chờ lâu nữa không, hả cháu? -
Bác hỏi.

- Không đâu, bố ạ. Ông ấy đến ngay đây. Đi ô tô mà. Chỉ mười mười lăm phút là cùng.

- Thôi được, ta cố đợi một lát. Cái rào thép gai này giăng bao lâu rồi?

- Mới sáu tháng nay. Chúng cháu giăng chõ ai. Cháu về đóng ở đây đã được một năm. Mất đứt nửa năm vì cái hàng rào này đây.

- Thảo nào. Ngay như bác đây mà có biết gì đâu. Vì thế mới đâm ra rắc rối. Bây giờ, mọi chuyện đều đổ lên đầu bác: vì chính bác là người đòi đưa ông cụ lên đây chôn cất. Ở trong kia có một cái nghĩa địa cổ - nghĩa địa Ana-Bejit. Mà cụ Kazangap này là người rất tốt. Bác và ông cụ đã cùng làm việc với nhau suốt ba mươi năm trời. Vì thế nên bác muốn chôn cất thật đàng hoàng.

Cậu lính trẻ xem ra rất thông cảm với Edigej-Bảo Tuyết.

- Bố nghe con bảo đây - Anh ta nói giọng tỏ ra rất hiểu biết - Chỉ huy của bọn con chỉ lát nữa sẽ đến thôi. Ông ấy là trung úy Tansykbaev. Bác kể hết ngọn ngành với ông ấy. Ông ấy cũng là người, đúng không nào? Nếu ngại, ông ấy sẽ báo cáo lên trên. Thế nào trên ấy người ta cũng cho phép.

- Cảm ơn cháu về những lời tốt lành. Bác cũng nghĩ thế. Này, cháu vừa bảo ông trung úy ấy tên là Tansykbaev à? Cái ông chỉ huy đội bảo vệ ấy?

- Vâng, Tansykbaev. Ông ấy chuyển về đây mới được mấy tháng. Nhưng sao kia? Bác quen à? Ông ấy cũng là người Kazak đấy ạ. Không khéo lại là đồng hương của bác nữa kia.

- Đồng hương đồng khối gì đâu - Edigej cười xòa - Cái tên "Tansykbaev" của dân Kazak bọn tôi nó cũng nhiều như tên "Ivanov" bên các cháu vậy. Nên nghe cháu nói, bác chợt nhớ đến một người cũng tên Tansykbaev, thế thôi.

Chuông điện thoại bỗng réo vang trong trạm gác. Người lính trẻ chạy vội vào. Edigej chỉ còn lại một mình trước cổng. Bác nhướng cao hai hàng chân mày, rầu rĩ nhìn quanh xem có chiếc ô tô nào xuất hiện ở bên kia thanh gỗ chắn không. Bác lắc đầu. "Biết đâu hẳn lại là con trai

lão mất cú vọ? - Edigej-Bảo Tuyết nghĩ bụng, nhưng rồi bác tự trách thầm: - thật vớ vẩn. Mình đâm quẩn trí mất rồi! Chán vạ người có tên Tansykbaev. Không thể có chuyện ấy được. Dứt khoát không thể có chuyện ấy được. Lão Tansykbaev đó người ta đã khử tiết nọc từ lâu rồi còn gì... Dù sao trên đời vẫn còn có lẽ phải! Đúng thế! Trước sau gì rồi lẽ phải cũng sẽ ngự trị mãi mãi...

Edigej-Bảo Tuyết bước tránh sang bên, rút khăn tay, lau đi lau lại những tấm huân chương, huy chương và huy hiệu công nhân tiên tiến đeo đầy trên ngực cho đến lúc chúng bóng lộn cả lên, để chúng có thể đập ngay vào mắt viên trung úy Tansykbaev.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

12.

Câu chuyện về gã Tansykbaev mất cú vọ ấy đầu đuôi thế này.

Cuối xuân năm một ngàn chín trăm năm mươi sáu, đoạn đầu máy ga Kumbel có tổ chức một cuộc mít-tinh lớn mời toàn thể cán bộ công nhân viên đến dự. Tất cả công nhân, kỹ sư đường sắt, từ khắp các nhà ga lớn nhỏ quanh vùng đều nô nức kéo về. Chỉ những ai hôm ấy phải trực trên các tuyến đường mới vắng mặt. Trong đời mình, Edigej-Bảo Tuyết đã từng

dự không biết bao nhiêu cuộc hội họp, nhưng anh chưa bao giờ chứng kiến một buổi mít-tinh đáng ghi nhớ như thế.

Cuộc mít-tinh được tổ chức ngay tại phân xưởng sửa chữa đầu máy. Người đông nghẹt đến nỗi những ai chậm chân phải trèo lên tận rầm sát mái nhà mới có chỗ ngồi. Nhưng điều quan trọng nhất là những lời phát biểu! Tên Berija bị lột trần chân tuồng. Ai cũng lên án nghiêm túc, cũng phỉ nhổ cái tên đao phủ đáng nguyên rủa ấy không chút thương tiếc! Mãi đến chiều tối, người ta vẫn còn tiếp tục thi nhau lên diễn đàn. Lần này, cả anh em công nhân đang làm việc tại đoạn đầu máy cũng lên phát biểu. Không một người nào bỏ ra về nửa chừng, ai cũng cứ như bị đóng đinh vào ghế. Cả gian nhà rộng thênh thang râm ran không ngớt giọng nói lao xao của những người tham dự mít-tinh, như cả một khu rừng đang xào xạc gió. Edigej còn nhớ rõ một lời nhận xét bằng tiếng Nga của ai đó đang ngồi cạnh anh: "Hệt như là biển cả trước cơn bão lớn". Quả đúng thế thật. Tim anh đập liên hồi trong lồng ngực. Ở ngoài mặt trận, trước lúc tấn công, tim cũng đập gấp gấp như thế. Và khát kinh khủng. Cổ khô cháy. Nhưng người đông nghịt thế này, lấy đâu ra nước uống cho đủ? Khát đến mấy cũng đành chịu. Giờ giải lao Edigej chạy ngay đến gặp Chernov, trước làm trưởng

ga, nay có chân trong đảng ủy đoạn đầu máy. Ban này, ông ngồi trên ghế chủ tịch đoàn.

- Anh Andrej Petrovich ạ, tôi muốn lên phát biểu mấy lời, được chứ?

- Muốn thì mời lên, ngại gì!

- Muốn thì tôi muốn quá đi rồi! Nhưng trước tiên, tôi tính gặp anh hỏi ý kiến đã. Chắc anh còn nhớ cậu Kuttybaev hồi nọ làm ở chỗ bọn tôi chứ nhỉ? Abutalip Kuttybaev! Sau, cậu ấy bị một lão thanh tra gửi thư tố giác là đã viết hồi ký về nước Nam Tư. Chả là hồi chiến tranh, Abutalip có tham gia du kích bên ấy. Gã thanh tra kia còn tố giác đủ thứ nữa. Thế là đám tay chân của Berija liền ập đến bắt cậu ấy đi. Ít lâu sau cậu ấy chết trong tù chẳng hề được xét xử gì cả. Anh nhớ rồi chứ?

- Tôi nhớ ra rồi. Chính vợ anh ấy đã đến gặp tôi để nhận giấy báo tử mà.

- Đúng đấy! Được ít lâu, chị vợ đưa hai đứa con đi nơi khác. Hôm nay nghe anh em phát biểu, tôi nhớ ngay đến vụ này. Ta với Nam Tư vẫn hữu nghị với nhau - chứ có bất đồng gì đâu! Thế vì lẽ gì những người vô tội lại phải lâm vào cảnh khốn khổ? Hai thằng con Abutalip giờ hẳn đã lớn rồi, phải cho chúng học hành tử tế. Những nỗi oan ức kia phải được giải tỏa. Để từ nay không ai dám khinh thường mẹ con họ nữa. Vì

chỉ riêng chuyện mồ côi bố, hai thằng bé cũng đã đủ cay cực lắm rồi.

- Gurom đã, Edigej. Thế anh muốn phát biểu về chính chuyện ấy chứ gì?

- Vâng, chính chuyện ấy.

- Này, thế tên họ lão thanh tra nọ là gì, hả?

- Tôi không biết, nhưng sẽ hỏi được thôi. Nói của đáng tội, tôi chưa gặp mặt hắn bao giờ.

- Thế hỏi ai bây giờ? Với lại anh có giữ được trong tay một bằng chứng đích xác gì chứng tỏ là chính hắn đã viết thư tố giác Abutalip không?

- Lúc này ai còn cần đến những thứ ấy nữa?

- Phải có bằng chứng cụ thể mới được, anh Bảo Tuyết thân mến ạ. Ngộ nhờ không phải thế thì sao? Đây đâu phải chuyện đùa, đúng chứ? Edigej-Bảo Tuyết ạ, vì anh đã hỏi, nên tôi xin góp mấy ý kiến thế này. Anh nên viết một bức thư, trình bày rõ mọi chuyện, rồi gửi lên Alma-Ata. Phải viết thật tỉ mỉ, kể hết ngọn ngành, và gửi thẳng cho ban chấp hành trung ương nước cộng hòa. Để trên ấy có cơ sở điều tra đến đâu đến đâu. Sẽ chóng vánh thôi, Edigej ạ. Đảng sẽ bắt tay ngay vào việc. Rồi anh xem!

Cùng với toàn thể những người dự mít-tinh, Edigej đã đồng thanh hô to hai câu khẩu hiệu; giọng rất đanh thép: "Vinh quang thay đảng ta! Nhiệt liệt ủng hộ đường lối của đảng!" Cuối buổi

mít-tinh có ai đó đã cất tiếng hát bài "Quốc tế ca". Tức thì có mấy người nữa hòa theo, và trong chớp mắt, toàn thể những người có mặt đều đồng thanh hát vang bài chính khí ca vĩ đại của mọi thời đại, bài chính khí ca của hết thảy những ai đã từng bị áp bức bao đời. Lòng Edigej dào dạt như sóng biển, một cảm xúc đặc thắng, tự hào, đồng thời pha lẫn chút dư vị đắng cay, về sự thống nhất giữa mình và hết thảy những ai vốn làm nên cái cốt lõi và tinh hoa của Trái Đất. Bài chính khí ca của những người cộng sản, vang lên mỗi lúc một lớn, một cao, bùng cháy trong tim ngọn lửa của đức can trường và lòng quyết tâm dám đứng lên bảo vệ, khẳng định quyền những người được chiến đấu cho hạnh phúc của mọi người. Và vẫn như mọi lần, hể xúc động mạnh, Edigej lại mơ thấy mình được về với biển Aral. Ở đó, tâm hồn anh như một con hải âu tự do sải cánh bay trên những ngọn sóng bạc đầu - sóng alabash.

Lòng hân hoan, Edigej hối hả trở về nhà. Rồi, vừa uống trà, anh vừa sôi nổi kể lại tỉ mỉ cùng vợ hết thảy những gì đã được chứng kiến tại cuộc mít-tinh. Anh cũng thuật lại cả chuyện anh định lên diễn đàn phát biểu và những câu trả lời của Chernov. Ukubala chăm chú nghe chồng kể, luôn tay rót cho chồng hết chén trà này đến chén trà khác trong ấm samova, còn Edigej cứ uống mãi, uống mãi.

- Khiếp, khéo anh uống hết cả cái ấm trà ba bốn lít này mất! - chị kinh ngạc, cười phá lên.

- Em biết đấy, hôm nay trong cuộc mít-tinh chẳng hiểu sao anh thấy khát ghê quá. Anh thấy hồi hộp lạ. Người đông khiếp lên được, chẳng còn có chỗ mà lách đi nữa. Mít-tinh xong, anh toan đi tìm nước, uống một bụng thật no cho bỏ khát, nhưng nhìn ra đã thấy tàu chạy về hướng ga mình sắp sửa khởi hành. Anh vội vàng trèo ngay lên đầu máy. Tưởng ai, hóa ra lại là người quen: cậu Zhandos, trên ga Togrek-Tam. Anh đã uống bao nhiêu nước ở chỗ cậu ấy rồi đấy chứ. Nếu không chắc em còn phải rót nước mỗi tay!

- Thì anh cứ uống nữa đi, xem ai thua ai nào - Ukubala thốt lên, trong khi tay lại rót thêm ra một chén trà nữa. Được một lát, vợ anh lại nói: - Anh nghĩ đến chúng, đến bọn trẻ nhà Abutalip là đúng đấy, Edigej ạ. Thời thế nếu quả đã thay đổi thật, anh nên mạnh dạn lên để cho hai đứa trẻ mồ côi kia đừng bị ai ức hiếp nữa, tội nghiệp chúng, anh ạ. Viết thư - dĩ nhiên là tốt rồi. Nhưng trong khi chờ thư đến được trên ấy, rồi đợi cho người ta xem xét, tìm hiểu họ kia, chi bằng anh cứ thu xếp, lên thẳng trên Alma-Ata một chuyến. Để kể hết mọi chuyện cho trên ấy người ta rõ.

- Theo em, thì anh nên đi Alma-Ata, gặp thẳng trung ương à?

- Thế không được sao? Vì công việc kia mà. Hơn nữa, anh Elizarov đã mời anh bao lâu rồi, nhưng anh đã có dịp lên thăm đâu. Thù nào anh ấy cũng không quên cho địa chỉ, phải không nào? Em không đi được rồi, chứ anh đâu có gì trở ngại. Em đi, con cái gửi lại cho ai? Đừng trì hoãn nữa, anh ạ. Cứ xin nghỉ phép ít lâu. Phép năm của anh, từ hồi nào đến giờ, khéo đủ cho anh nghỉ cả trăm năm ấy chứ. Đi một chuyến đi anh, để đến tận nơi, trình bày cặn kẽ với lãnh đạo trên ấy.

Edigej lấy làm ngạc nhiên về trí xét đoán của vợ.

- Em sáng trí thật đấy, Ukubala ạ. Được rồi, để anh tính liệu thêm đã nhé.

- Có gì đâu mà phải tính liệu này? Khéo lại để mất dịp may thì uổng. Làm càng sớm càng hay, anh ạ. Anh Afanasij Ivanovich thế nào cũng sẽ giúp anh. Anh ấy nhất định phải biết rõ anh là nên đến cơ quan nào, nên tìm gặp những ai.

- Vì công việc chung thì anh ấy chẳng nề hà gì đâu.

- Hãy nghe em, đừng trì hoãn nữa. Với lại nhân tiện lên thủ đô; anh tìm mua giúp em vài thứ cho hai đứa trẻ ở nhà. Chỉ nay mai thôi, chúng đã lớn tướng rồi. Con Saule thì sang thu đã phải đến trường đấy. Chẳng biết có nên gọi

nó vào nội trú hay cứ để ở nhà? Anh đã tính đến chuyện đó chưa ấy nhỉ?

- Anh tính đến rồi, tính đến rồi, nhưng còn chưa quyết - Mỗi lúc này, Edigej-Bảo Tuyết mới sực nhớ tới chuyện đó. Nhưng anh cố không để cho vợ nhận thấy sự ngạc nhiên của mình? Con Saule chóng lớn thật, sắp sửa cấp sách đến trường được rồi.

- Nếu anh đã tính đến rồi thì em chẳng cần phải nhắc nữa - Ukubala nói tiếp - Anh cứ yên tâm mà đi. Lên trên ấy, nhớ kể cho họ biết chúng mình đã cơ cực ra sao trong những năm vừa qua. Thuyết phục họ cố giúp hai thằng bé mồ côi, ít ra cũng minh oan được cho cha chúng. Ít nữa rảnh rồi, anh cũng nên đi thăm mẹ con họ một chuyến: chẳng có gì phiền hà cho ba mẹ con em đâu. Vả lại, em cũng chẳng còn trẻ nữa - Ukubala nói, rồi khẽ thở dài.

Edigej ngược nhìn vợ. Lạ thay, vợ chồng lúc nào cũng ở bên nhau, thế mà anh không hề nhận thấy điều mà lúc này anh trông thấy. Vợ anh dĩ nhiên không còn trẻ nữa, nhưng còn lâu mới đến tuổi già. Tuy vậy, anh vẫn cảm thấy ở Ukubala có một cái gì mới mẻ khác lạ. Anh hiểu ngay ra - đó là sự sáng trí, sự khôn ngoan trong ánh mắt Ukubala và những sợi tóc bạc đầu tiên trên mái đầu của vợ. Tuy chỉ đôi ba, bốn sợi tóc trắng như cước ở hai bên thái dương, nhưng dấu

sao những sợi tóc ấy cũng đã nói lên những năm tháng đã qua đi trong cuộc đời Ukubala...

Hôm sau, Edigej đã có mặt tại ga Kumbel như một hành khách bình thường. Anh phải đi ngược đường một đoạn như thế, vì từ Boranly-Bảo Tuyết không có tàu chạy lên Alma-Ata. Vả lại, đảng nào thì cũng phải đánh điện báo tin trước cho Elizarov. Mà chỉ trên Kumbel mới có trạm bưu điện.

Chẳng mấy chốc, chuyến tàu Moskva - Alma-Ata đã vào ga. Edigej lên ngay chuyến đó, và chỉ lát nữa thôi, tàu ấy sẽ lại chạy ngang qua Boranly-Bảo Tuyết. Người ta xếp cho anh một chỗ trong toa cu-pê, ở tầng trên. Cất hành lý xong, Edigej ra hành lang, đứng bên cửa sổ, để khỏi bỏ lỡ cơ hội được đứng từ trên tàu nhìn xuống ga nhà như một hành khách. Xong đâu đó, anh mới có thể yên tâm trèo lên giường, đánh một giấc, vì còn phải đi hai ngày đường rong rã nữa. Anh nghĩ bụng thế, tuy rằng đến ngày hôm sau anh đã thấy bút rút, không biết trốn đi đâu cho thoát khỏi cảnh ở không bắt đắc dĩ trên tàu. Thế nhưng lúc mới lên tàu, anh lại lấy làm lạ không hiểu sao những hành khách khác có thể cuộn tròn trong chăn mà ngáy khi khi trên các giá ngủ?

Tuy nhiên, hôm đầu, nhất là những giờ đầu tiên, Edigej thấy lòng vui như mở hội, thậm chí còn hồi hộp nữa, với cái cảm giác bỡ ngỡ của

lần xa nhà dài ngày đầu tiên. Anh đứng bên cửa sổ chồm hẳn nửa người ra ngoài, đội chiếc mũ mới mua ở các quầy bách hóa trong ga để diện trong chuyến đi, khoác thêm bên ngoài chiếc áo sơ-mi sạch sẽ, chiếc ki-ten khá chững chạc, mà Kazangap còn giữ được từ sau chiến tranh đến giờ. Kazangap đã một hai bắt anh phải mặc chiếc áo ki-ten (bác còn bảo phải đeo hết huân chương và huy chương lên ngực nữa, để trông cho được mắt) cùng cái quần ga-li-phê và đi đôi ủng da mềm, loại hảo hạng vẫn trang bị cho sĩ quan quân đội. Edigej-Bảo Tuyết rất thích đôi ủng ấy, mặc dù anh rất ít có dịp dùng đến nó. Anh cho rằng khi giao dịch với người ngoài, ai cũng nên có một đôi ủng thật diện, và một chiếc mũ thật mới. Cả hai thứ ấy lúc này anh đều có đủ.

Anh vẫn đứng bên cửa sổ với tâm trạng ấy: Ai đi qua cũng kính nể bước tránh sang bên và ngắm anh từ đầu đến chân. Về ngoài của Edigej-Bảo Tuyết sở dĩ đáng chú ý chắc hẳn vì phong thái của anh chững chạc và nét mặt lộ vẻ xúc động.

Đoàn tàu mở hết tốc lực, chạy băng băng trên thảo nguyên Sarozek mênh mông đang độ xuân về, như thể cố đuổi theo cái ngấn chân trời trong sáng đang lẩn trốn về phía xa. Bốn bề tựa hồ chẳng còn gì khác ngoài bầu trời lồng lộng và dải thảo nguyên thênh thang rộng mở. Trời đất liền nhau ở tít mãi đằng chân trời, đoàn tàu

tốc hành của Edigej đang mãi miết lao nhanh đến đó.

Nhưng kia rồi, những vương đất của ga Boranly đang chạy nhanh đến với anh. Ở đây, mỗi nếp lượn, trên mặt đất, mỗi hòn đá anh đều thuộc lòng. Tàu càng đến gần Boranly-Bảo Tuyết lòng Edigej càng thêm bồn chồn như thể anh đã xa nhà hàng mấy năm trường. Nhà ga kia rồi. Thấp thoáng trước mặt anh cây cột tín hiệu, những nếp nhà bé bỏng, những gian bếp cón con, những thanh ray, thanh tà-vet xếp đồng bên chân nhà kho. Tất cả những thứ ấy như đang hồi hả đổ dồn lại sát bên tuyến đường xe lửa, nằm trải dài giữa thảo nguyên mênh mông, hoang vắng. Edigej chỉ còn kịp nhận thấy hai con bé nhà anh. Hôm nay, hai đứa chắc cũng chạy ra đón tất cả những chuyến tàu khách đi từ Tây sang Đông. Cả Saule lẫn Sharapat đều vẫy tay, nhảy cõn lên cho bố dễ nom thấy, và sung sướng mỉm cười với những vương cửa sổ lướt nhanh qua trước mắt. Bím tóc trên đầu hai đứa bé cũng đong đưa theo người đến ngó nghĩnh, mắt đứa nào đứa nấy sáng rực lên. Theo bản năng, Edigej nhòai hẳn ra ngoài khung cửa, cho gần gũi con hơn, tay vẫy lia lịa, miệng lắp bắp những lời âu yếm, nhưng hai đứa trẻ hoặc là không nhìn thấy, hoặc là không nhận ra bố. Dầu sao anh cũng thấy hồi lòng hồi dạ vì hai đứa đã chạy ra tiễn bố. Hành khách trên tàu chẳng ai đoán được là

anh vừa bỏ lại sau lưng hai đứa con gái nhỏ, nếp nhà của chính anh, cái ga bé bỏng của chính anh! Và càng không thể ngờ rằng mé sau nhà ga, trên thảo nguyên thênh thang, con Karanar danh tiếng của anh đang nhón nhơ găm cỏ bên đám anh chị em đồng loại. Ngay từ xa, Edigej đã nhận ra nó và anh chợt thấy mắt cay cay.

Tàu qua thêm mấy ga nữa, Edigej mới lên giường nằm. Anh thiếp đi ngay. Và ngủ một giấc dài thanh thản, trong tiếng ru đều đều của bánh xe vẫn "cành cạch" khe khẽ, mỗi khi lăn qua những mối nối trên đường và tiếng trò chuyện thì thào của những hành khách cùng toa.

Quá trưa hôm sau, rặng Alatau bắt đầu hiện ra - từ Chimkent và kéo dài suốt vùng Semirechija bát ngát. Núi ra núi, nhìn mà sướng mắt! Edigej-Bảo Tuyết đã từng được ngắm bao lần những đỉnh núi hùng vĩ phủ tuyết, sừng sững vươn cao dọc tuyến đường sắt đến tận Alma-Ata ấy, nhưng chưa bao giờ anh thấy chán mắt. Đối với anh, dân vùng thảo nguyên Sarozek, đó quả là một kỳ quan, một cảnh tượng của vĩnh hằng. Rặng Alatau chẳng những khiến anh khâm phục về sự hùng vĩ, mà còn khơi dậy trong tâm hồn anh nhu cầu suy ngẫm khi ngắm nhìn nó. Anh rất thích thú với cảm giác ấy - anh lặng lẽ suy ngẫm khi rặng núi kia hiện ra trước mắt. Anh nghĩ đến hết thấy những gì sẽ trình bày và cả lời ăn tiếng nói nữa, với những người có trách

nhiệm mà anh chưa từng gặp, trong những cuộc tiếp xúc sắp tới. Những người đó đã trình trọng tuyên bố rằng những sai lầm trước đây sẽ không bao giờ còn tái diễn nữa, và chính vì lẽ đó nên anh muốn kể hết với họ câu chuyện chưa xốt về gia đình Abutalip. Để họ xem xét, họ quyết định bây giờ phải làm gì sửa chữa sai lầm đó. Dù không làm cho Abutalip sống lại được, ít ra cũng để cho hai đứa con anh ấy không còn bị ai xúc phạm, để cho mọi con đường đều rộng mở trước mặt chúng. Thằng lớn - Daul - thu này đã phải cấp sách đến trường, phải để cho nó được đi học đàn ông, chẳng phải sợ hãi, giấu giếm gì hết. Khổ nỗi, không biết hai anh em nó hiện giờ ở đâu? Sống ra sao? Và Zaripa đang phải xoay xở thế nào để nuôi hai đứa?

Anh thấy lòng nặng trĩu một nỗi xót xa, khi nghĩ tới chuyện đó. Đã đến lúc phải quên đi dĩ vãng, cất đi cái gánh nặng đè trĩu lòng mình. Cô đã ra đi, để anh đừng bao giờ nghĩ đến cô, người thiếu phụ thân thương ấy nữa. Nhưng chỉ thượng đế họa chăng mới biết được cái gì có thể quên đi, và cái gì không thể! Edigej-Bảo Tuyết buồn lòng, lặng người đi, nhẩn nhục cam chịu sự an bài của số phận. Thì còn biết tâm sự cùng ai nữa? Ai là người hiểu được lòng anh? Những ngọn núi phủ tuyết đang vươn cao mãi lên trời kia hẳn sẽ hiểu ngay đấy, nhưng trên cao ấy chắc gì chúng đã để tâm đến những nghịch cảnh

trần tục của kiếp người. Chúng vẫn là những đỉnh núi hùng vĩ của rặng Alatau, khi bao người trần thế đã ra đời, rồi chết đi, và hẳn chúng cứ trường tồn thế mãi cho dù chúng đã khơi dậy ở con người bao ý nghĩ, khi chiêm ngưỡng chúng, trong khi chúng vẫn lặng thinh, thì gan cùng năm tháng...

Edigej bỗng nhớ lại một ý nghĩ mà Abutalip đã có lần tâm sự cùng anh, ít lâu sau ngày ghi được câu chuyện về nhà danh ca Rajmaly và ngẫm nghĩ nhiều về câu chuyện đó. Abutalip nói: Những người như Rajmaly và Begimaj, khi gặp nhau trên đường đời, họ đem đến cho nhau bao hạnh phúc, thì cũng gây cho nhau bấy nhiêu khổ đau - vì họ cùng lối cuốn nhau vào một tấn bi kịch không lối thoát. Tình cảnh bất lực của con người khi cố tìm cách vượt ra ngoài vòng phán xét chật hẹp của đồng loại. Họ hàng thân thích của Rajmaly đã cấm ngăn ông, vì họ lầm tưởng rằng làm như thế chính là bảo vệ lợi ích của ông. Lúc bấy giờ, những lời triết lý thông minh ấy, đối với Edigej, vẫn chỉ là những lời bàn luận thông thái đơn thuần không hơn không kém, cho mãi đến ngày chính anh đã trải qua đau khổ, anh mới hiểu được, qua kinh nghiệm bản thân, cái lẽ phải chứa đựng trong đó. Dù câu chuyện giữa anh và Zaripa khác xa câu chuyện đó, như mặt trăng với mặt trời, dù giữa họ chưa hề xảy ra chuyện gì, ngoài việc anh nghĩ nhiều đến cô

và tha thiết yêu cô, nhưng Zaripa vẫn tự đứng ra nhận lấy đòn trừng phạt trước tiên, để lần trốn tẩn bi kịch không có lối thoát nhất định xảy đến. Cô đã tự quyết định cắt đứt hẳn mối quan hệ giữa hai người, như người ta thắt chặt động mạch, cho máu ngừng chảy nữa, nhưng chẳng nghĩ gì đến anh, nghĩ đến cái giá mà anh sẽ phải trả cho cái quyết định của cô. May mà anh vẫn sống đến bây giờ, tuy rằng phải sống rất cay cực. Và giờ đây, nỗi nhớ nhung thỉnh thoảng hiện về, khiến anh day dứt đến mức anh sẵn sàng chạy đến tận cùng trời cuối đất, miễn là được gặp lại cô, miễn là được nghe cô nói, dù chỉ một vài lời...

Edigej tuy tự cười thầm, nhưng vẫn nhớ đến điều mà Abutalip đã nói cho anh hay, và lúc bấy giờ anh cảm thấy là kỳ diệu: một danh nhân ai ai cũng biết tiếng, bên nước Đức, nhà thơ vĩ đại Goethe, đâu như cũng gặp một câu chuyện tương tự như câu chuyện của chính anh. Tên của nhà thơ phát âm theo tiếng Kazak, tuy không được thuận tai cho lắm, nhưng điều đó can hệ gì - mỗi người vốn được số mệnh gán cho một cái tên, bất chấp ý thích của anh ta cơ mà? Ông già Goethe ấy, tuy đã ngoài bảy mươi, cũng say mê một cô thiếu nữ và đã được nàng đem lòng yêu lại bằng một tình yêu tha thiết. Chuyện đó ai ai cũng biết, nhưng chẳng ai nỡ trối chân trối tay ông và lu loa rằng ông hóa rồ... Còn Rajmaly

thì phải chịu trăm cay nghìn đắng! Bị hạ nhục, bị làm cho điều đúng, đến nỗi phải lìa đời, mà chung qui chỉ vì họ mong cho ông gặp được điều lành điều tốt... Zaripa cũng muốn đem lại điều lành, điều tốt cho anh, cô đã làm những gì lương tâm mách bảo... Vì thế, anh chẳng hề bực tức, ghét bỏ gì cô. Làm sao lại có thể bực tức, ghét bỏ người mà mình yêu dấu? Có đáng trách chẳng chỉ nên tự trách mình. Thà cứ nhận lấy phần đau khổ về mình, còn hơn là trút lên đầu cô ấy... Và nếu được, thì nên nhớ đến cô ấy và yêu cô ấy, ngay cả khi cô ấy đã từ bỏ anh...

Edigej-Bảo Tuyết đã lên tàu, đi Alma-Ata, chính vì anh vẫn nhớ và yêu Zaripa, vẫn nhớ đến Abutalip và hai thằng bé mồ côi, con anh ấy.

Mãi đến lúc tàu sắp vào ga Alma-Ata, Edigej mới chợt nghĩ tới cảnh khó khăn sẽ xoay trở sao đây nếu Elizarov đi vắng? Quái quỷ chưa! Sao mình không nghĩ tới chuyện đó ngay từ lúc ở nhà? Cả Ukubala cũng thế. Hai vợ chồng chỉ toàn tính chuyện thuộc về phần mình. Quanh năm, hai vợ chồng cứ ru rú ở Sarozek, nên tưởng ai cũng như mình. Afanasij Ivanovich rất có thể vắng nhà lắm chứ. Làm việc ở Viện hàn lâm, thiếu gì người mong kẻ dợi anh ấy. Hơn nữa, một học giả cỡ anh ấy đâu phải ít công việc. Rất có thể anh phải công tác đâu đó, phải xa nhà vài ngày. "Nếu thế thì thật rủi ro!" - Edigej lo lắng. Và anh đã bắt đầu tính đến chuyện phải

đến gặp ban biên tập tờ báo của ngành mình, in bằng tiếng Kazak, địa chỉ của tòa soạn, số báo nào cũng có in ở cuối trang. Thế nào người ta cũng sẽ mách cho anh nên đến bộ phận nào, nên gặp ai. Mà cần gì phải là nhà báo mới biết rõ nên đến đâu để trình bày những việc loại ấy! Ở nhà, anh cảm thấy mọi cái đều rất đơn giản - chỉ việc thu xếp vài thứ, rồi lên đường, thế thôi. Bây giờ, lúc sắp đến nơi, Edigej-Bảo Tuyết mới thấy lo. Chẳng phải tự dung mà các cụ ngày xưa lại bảo: Anh thợ săn mà cứ ngồi ru rú ở nhà mơ mộng đến cuộc săn, là anh thợ săn xoàng. Ấy thế mà chính anh đã xử sự y hệt như vậy đấy. Dĩ nhiên, anh đã có tính đến chuyện nhờ vả Elizarov. Elizarov thì anh coi như chỗ người nhà: quen biết nhau từ lâu, anh ấy đã từng nhiều lần ăn ở tại nhà anh tại ga Boranly, lại biết rõ chuyện Abutalip Kuttybaev. Ai chứ Elizarov thì chỉ cần nói nửa câu đã hiểu hết ngọn ngành. Kể với người lạ: nên ăn nói thế nào, mở đầu ra sao và lời lẽ thế nào - như cách đứng ra làm nhân chứng trước tòa, hay chỉ báo cáo bình thường, hay còn cách nào khác nữa? Không khéo họ lại vặn vẹo: trước hết, anh là ai, tại sao anh cứ nằng nặc đòi mình oan cho Abutalip Kuttybaev? Quan hệ giữa hai người thế nào? Anh là anh trai, anh rể hay anh họ?

Tàu vào đến ngoại ô Alma-Ata. Hành khách đã thu xếp hành lý, ra đứng sẵn ở hành lang,

chờ tàu đỗ. Edigej cũng đã sắp sẵn mọi thứ, chỉ chờ tàu dừng lại là bước xuống. Nhà ga hiện ra kia rồi và chỉ chốc lát nữa thôi, tàu sẽ về đến đích. Trên sân ga, người chen chân không lọt: người ra đón người thân, kẻ chuẩn bị lên tàu về Moskva. Tàu từ từ dừng lại, Edigej-Bảo Tuyết bỗng nhìn thấy bóng Elizarov lướt qua ngoài khung cửa sổ. Anh mừng quýnh, y như một cậu bé con. Elizarov vừa tươi cười vẫy mũ chào anh, vừa bước nhanh lên đoàn tàu. May quá! Edigej chẳng dám mơ đến chuyện Elizarov sẽ đích thân ra đón. Từ mùa thu năm ngoái đến giờ, họ chưa gặp lại nhau. Không, Afanasij Ivanovich vẫn không hề thay đổi, tuy anh đã luống tuổi. Vẫn cái dáng hoạt bát, vẫn cái vóc gầy gầy, như ngày nào. Kazangap gọi anh ấy là argamak - ngựa đua thuần chủng. Một lời khen quý giá nhất của bác ta - "argamak Afanasij". Elizarov biết thế và hồ hởi chấp nhận - cứ mặc cho ông cụ ấy nói theo cái cách ông cụ ưa thích! Có điều Kazangap còn gắn thêm đằng sau chữ "già": "argamak-già". Nhưng già thì già, vẫn cứ là một argamak chính cống! Elizarov rất cảm ơn về cách gọi ấy! Và anh rất hay ghé về Sarozek công tác, giản dị trong bộ áo quần điển dã, với đôi ủng may bằng vải kirza^(*), với chiếc mũ lưới trai tàng tàng, tùng theo chủ nhân đi khắp đó đây, với chiếc

(*) Kirza: Loại vải dày, nhiều lớp, dùng thay da trong ngành đóng giày và một số ngành công nghiệp khác (ND).

áo vét-tông màu xanh thẫm, cắt rất khéo, khoác bên ngoài sơ-mi, với chiếc cà vạt tinh tươm trên cổ, mặc dù anh vẫn đang lặn lội giữa vùng Sarozek. Chiếc vét-tông ấy rất hợp với khổ người Elizarov, và cái chính là hợp với mái tóc đã bạc quá nửa trên đầu.

Trong khi tàu chưa đỗ hẳn, Afanasij Ivanovich vẫn sóng bước bên toa tàu, hướng gương mặt tươi cười qua cửa sổ nhìn Edigej. Đôi mắt xám, ẩn dưới hai hàng mi bạc trắng, ánh lên một vẻ sung sướng chân thành về cuộc gặp gỡ bấy lâu từng mong đợi. Lòng Edigej ấm hẳn lại, và những ngờ vực mới đây phút chốc đã tiêu tan hết. Anh mừng rỡ: "Mở đầu đã tốt đẹp rồi, cầu trời cho chuyến đi này thành công".

- Chà, rất cuộc rồi cũng thưởng công cho tôi cơ đấy! Khiếp, bao lâu rồi nhỉ, chào anh Edigej! Xin chào, Bảo Tuyết - Elizarov hôn hờ.

Hai người ôm chầm lấy nhau. Vì đông đúc, vì mừng vui, Edigej có hơi bối rối. Trong khi đưa nhau ra một chỗ vắng ở cạnh ga, Elizarov dồn dập hỏi bạn đủ điều. Nào sức khỏe của mọi người dưới ấy ra sao - Kazangap, Ukubala, Bukej, mấy cô con gái của anh, nào bây giờ ai làm trưởng ga. Thậm chí cả về Karanar nữa.

- Sao, con Karanar-Bảo Tuyết của anh độ rày thế nào? - Elizarov tiếp, vẫn vui vẻ như ban

này, miệng cười suốt - Vẫn găm rống liên miên như sư tử chứ?

- Nó đi rong một chuyến đến cả tuần lễ. Khiếp, chẳng còn thiếu chuyện gì là nó không làm - Edigej đáp - Dầu sao nó vẫn tung hoành trên Sarozek thênh thang của nó. Thì nó cần gì khác đâu?

Cạnh ga đang đỗ một chiếc ô tô đen to lớn, nước sơn bóng nhoáng. Xe ô tô mà bề thế như vậy, Edigej mới nhìn thấy lần đầu. Đó là chiếc xe mang nhãn hiệu ZIM - loại ô tô tốt nhất của những năm 50.



- Con Karanar của tôi đây - Elizarov đùa - Lên xe đi, Edigej ạ - Anh tiếp, với tay mở cánh cửa trước - Để ta còn về.

- Thế ai lái? - Edigej hỏi.

- Tôi tự lái lấy - Elizarov đáp và ngồi vào sau vô-lăng - Về già, tôi chơi nông một chuyến, như anh thấy đây. Anh xem, ta kém gì dân Mỹ đâu?

Elizarov ung dung nổ máy. Rồi, trước lúc xe chuyển bánh, anh mỉm cười nhìn khách, ra ý hỏi:

- Anh lên đây, chắc chẳng phải chỉ đi chơi sông đâu nhỉ? Cứ nói thực tình đi: ở được bao lâu nào?

- Tôi lên đây có chút việc, anh Afanasij Ivanovich ạ. Chưa biết có trôi chảy không. Thành thử tôi phải gặp anh trước, nhờ mách nước giúp.

- Tôi biết là anh lên đây vì công việc rồi, chứ không đòi nào anh chịu xa rời giang sơn Sározek! Đúng chứ? Thôi, ta hẵng tạm thu xếp thế này: Tôi sẽ đưa anh về đằng nhà. Nghỉ ở đó ít lâu. Đừng cãi tôi Edigej. Tôi chẳng để anh trọ ở khách sạn đâu. Anh là khách quý của tôi kia mà. Cũng như những dịp tôi về dưới Sározek, đều ăn ở tại nhà vợ chồng anh vậy. *Syjdyn syjy bar* - người Kazak vẫn nói thế! Kính trọng đáp lại bằng kính trọng! Đúng không nào?

- Vâng, đại để thế - Edigej xác nhận.

- Thôi, ta thỏa thuận với nhau rồi đấy. Hơn nữa, được thế tôi càng vui thêm. Vì bà Julija nhà tôi đã lên với thằng cháu trên Moskva rồi: chả là vợ nó vừa sinh thêm được đứa nữa. Thành ra bà ấy mừng quýnh lên, hối hả đến với các cháu ngay.

- Lại có thêm một cháu nội nữa, chúc mừng anh! - Edigej nói.

- Vâng, anh nên nhớ là đứa thứ hai đấy nhé
- Elizarov reo lên, vươn cao hai vai lên - Ít nữa được làm ông, anh sẽ hiểu tôi hơn! Mà chẳng xa xôi gì đâu. Hồi bằng tuổi anh bây giờ, tôi còn nhớn nhor như gió ngoài đồng trống. Kể cũng lạ, tôi với anh không cùng trang lứa, thế mà vẫn

rất hiểu nhau. Thôi, ta đi nhĩ? Tôi sẽ đưa anh dạo một vòng quanh thành phố, phía trên đồi kia. Đã bao giờ anh được ngắm núi non, ngắm tuyết trắng trên đỉnh, khi đứng ở trên cao chưa nhĩ, tuyết lấm; tôi sẽ đưa anh đến sát bên chân núi, đến tận Medeo. Còn nhà vợ chồng tôi, hình như tôi đã kể với anh rồi, ở tít ngoài rìa thành phố, như giữa nông thôn vậy.

- Tôi nhớ rồi, Afanasij Ivanovich ạ. Anh bảo, nhà ở ngay bên suối. Suốt ngày toàn nghe tiếng nước róc rách chảy.

- Lát nữa, anh sẽ thấy tôi chẳng nói ngoa chút nào. Ta lên đường thôi. Trời còn lâu mới tối, tha hồ ngắm cảnh phố phường. Lại đang là mùa đẹp nhất trong năm, đang xuân nhế! Hoa nở rộ khắp nơi.

Giữa lòng thành phố, con đường thẳng tắp chạy từ ga xuyên gần như suốt thủ đô, rồi vươn dài về phía xa. Con đường mỗi lúc lại lên cao dần. Hai bên đường san sát những gốc thông xanh, chen lẫn những vườn hoa rộng. Elizarov cho xe chạy từ từ. Anh vui vẻ giới thiệu với bạn, mỗi lúc một nhiều, những cơ quan này nọ, những cửa hàng bách hóa, những khu nhà ở. Ngay trung tâm thành phố, trên một quảng trường rộng thênh thang và quang đãng, sừng sững một tòa nhà đồ sộ. Nhờ được thấy nhiều lần trên tranh ảnh, Edigej nhận ra ngay Trụ sở chính phủ nước Cộng hòa.

- Ban Chấp hành Trung ương cũng làm việc ở đó - Elizarov gật đầu.

Họ đi qua, không hề ngờ rằng sáng hôm sau hai người đã lại đưa nhau đến đó để trình bày vụ Abutalip. Edigej-Bảo Tuyết còn được thấy tận mắt một tòa nhà nữa, khi xe họ bỏ con đường thẳng tắp đang đi, để rẽ sang trái, đó là nhà hát ca kịch Kazakhstan. Rồi sau khi vượt qua vài ba khu phố nữa, hai người lại vòng trở về con đường dẫn lên núi - lên khu thể thao Medeo. Trung tâm thành phố đã lùi lại đằng sau. Elizarov cho xe bon trên một đường phố dài, chạy giữa những tòa biệt thự, những bồn hoa, nằm trên bờ những dòng kênh thủy lợi đầy ắp nước, róc rách chảy từ trên núi xuống. Bốn phía san sát những vườn cây ăn quả đang kỳ rộ hoa.

- Đẹp quá! - Edigej thốt lên.

- Tôi rất mừng là anh lên chơi đúng vào dịp này - Elizarov đáp - Thật không đâu đẹp bằng Alma-Ata. Mùa Đông, cảnh vật ở đây cũng rất đẹp, nhưng lúc này tuyệt nhất! Lòng tôi như đang ca hát vậy!

- Nghĩa là anh đang thấy lòng thanh thản - Edigej mừng thay cho Elizarov.

Elizarov ngược đôi mắt xám hơi lồi gập đầu nhìn bạn, rồi cau mày, nghiêm mặt lại, nhưng chỉ thoáng chốc những nếp nhăn bên khóe mắt lại xòe nở: anh mỉm cười thích thú.

- Xuân này là mùa Xuân đặc biệt, Edigej ạ. Đất nước đang có nhiều thay đổi. Vì thế, cuộc sống càng thú vị hơn, tuy tuổi tôi mỗi năm một nhiều. Ta cứ ngoái nhìn dĩ vãng, mà ngẫm nghĩ kỹ lại xem. À, đã bao giờ anh bị ốm một trận liệt giường, đến nỗi lúc bình phục, anh bỗng cảm nhận được hương vị cuộc sống khác hẳn trước chưa ấy nhỉ?

- Tôi chẳng cần nhớ nữa - Edigej đáp bằng quơ - đầu như sau cái lần bị chấn thương...

- Anh xưa nay vốn lực lưỡng như một con bò mộng ấy mà! - Elizarov phá lên cười - Thực tình tôi không định nói thế. Chỉ là quen mồm... Thế đấy. Chính Đảng ta đã tự nói lên tiếng nói đầu tiên. Tôi rất lấy làm hài lòng về điều đó, mặc dù về phía cá nhân, tôi chẳng có lý do gì đặc biệt cả. Tôi thấy lòng phơi phới và tràn trề hy vọng như hồi còn trai trẻ. Hay chẳng qua chỉ vì tôi đã thực sự già rồi? Vì lẽ ấy chẳng?

- Tôi lên đây cũng chính vì sự kiện đó. Afanasij Ivanovich ạ.

- Cụ thể là vì việc gì?

- Hẳn anh còn nhớ đấy. Có lần, tôi đã kể với anh câu chuyện về Abutalip Kuttybaev.

- Chà, ra thế cơ đấy, ra thế cơ đấy! Dĩ nhiên tôi còn nhớ như in câu chuyện đó. Ra chính là vì vụ ấy. Anh đã nhìn ra thực chất của vấn đề, cừ thật! Và tức tốc lên ngay.

- Cừ gì cái thứ tôi. Ukubala gợi ý cho tôi đấy. Mỗi tội là chưa biết bắt đầu như thế nào. Đi đâu? Gặp ai?

- Bắt đầu thế nào ư? Chuyện đó, chúng mình phải bàn kỹ một tí. Nhưng thôi, để về nhà, pha ấm trà, ta ngồi bàn cho đến nơi đến chốn - rồi Elizarov nói tiếp, giọng đầy ngụ ý, sau một hồi im lặng: - Thời thế đúng là đổi thay rồi Edigej ạ. Chứ cách đây ba năm, ngay cả trong ý nghĩ, làm gì anh đã dám tính đến chuyện lên đây, yêu cầu xác minh vụ đó. Còn bây giờ khác hẳn. Chẳng còn gì để lo sợ nữa. Về nguyên tắc, lẽ ra phải như thế. Phải làm thế nào để tất cả chúng ta, không trừ ai, đều dám đứng lên bảo vệ lẽ phải, cho chính nghĩa. Và không một ai được phép hưởng một đặc quyền nào hết. Tôi hiểu vấn đề như thế đấy.

- Anh ở thủ đô, nên thấy vấn đề sáng hơn. Vả lại, anh còn là một học giả - Edigej nói thêm ý nghĩ của riêng mình. Ở dưới ấy, trong cuộc mít-tinh tổ chức tại đoạn đầu máy, nhiều người cũng phát biểu thế. Hôm ấy, tôi đã nghĩ ngay tới chuyện Abutalip, vì lâu nay chuyện ấy cứ dằn vặt tôi hoài. Thậm chí tôi còn muốn lên diễn đàn nữa kia. Mà chẳng phải chỉ để nói về lẽ phải, về lẽ công bằng đâu. Abutalip còn để lại hai thằng con, hai đứa giờ đã lớn, thằng anh sang thu đã phải cấp sách đến trường...

- Ba mẹ con cô ấy hiện giờ ở đâu?

- Tôi làm sao biết được. Mấy mẹ con đã đưa nhau đi nơi khác lâu rồi. Gần ba năm nay, nên tôi chẳng biết tí gì.

- Điều đó chẳng có gì đáng lo. Ta sẽ tìm được họ thôi, nhất định sẽ tìm được. Cái quan trọng nhất lúc này, nói theo cách nói của tòa án, là yêu cầu thẩm xét lại vụ Abutalip.

- Chính thế đấy. Tôi biết thế nào anh cũng sẽ tìm được ngay những lời lẽ cần thiết. Vì thế tôi mới lên đây gặp anh.

- Tôi nghĩ chuyến đi của anh sẽ không vô ích đâu.



downloadsachmienphi.com

Nhờ biết gõ đúng cửa, công việc trôi chảy nhanh. Edigej về nhà đúng ba tuần, một công văn từ Alma-Ata đã gửi xuống, ghi rõ bằng giấy trắng mực đen, rằng Abutalip Kuttybaev, nguyên công nhân đường sắt ở ga Boranly-Bảo Tuyết, đã chết trong thời gian cứu xét, được phục hồi danh dự vì hoàn toàn vô tội. Tờ công văn ghi rõ rành rành như thế! Đây là bản sao gửi cho đơn vị, để thông báo với toàn thể công nhân, cán bộ nhà ga, nơi đương sự từng làm việc trước đây.

Gần như cùng một lúc với tờ công văn kia, Edigej còn nhận được của Afanasij Ivanovich Elizarov một bức thư thật đáng nhớ. Edigej đã giữ lại suốt đời bức thư ấy, cùng với những giấy

tờ quan trọng nhất của gia đình: Giấy khai sinh của hai đứa con, bằng khen và huân chương, huy chương về thành tích chiến đấu, giấy tờ xác nhận thương tật trong thời kỳ ngoài mặt trận và các bản nhận xét công tác hàng năm...

Trong bức thư dài ấy, Afanasij Ivanovich báo tin rằng anh ấy rất lấy làm hài lòng về việc cấp trên đã giải quyết nhanh chóng vụ Abutalip và rất sung sướng về việc Abutalip được phục hồi danh dự. Anh coi sự kiện đó là dấu hiệu tốt lành của thời buổi mới, và theo lời anh, là một thắng lợi mới của chính bản thân mình.

Elizarov còn cho biết rằng sau khi Edigej ra về, anh đã mấy lần đến gặp thêm những cơ quan mà hai người từng cùng nhau đến, và được biết thêm nhiều tin tức quan trọng. Một là viên dự thẩm Tansykbaev đã bị cách chức, thải hồi, bị tước lại mọi bằng khen, huy chương đã được tặng thưởng trước đây và bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Hai là, anh nhận được một thông báo cho biết gia đình Abutalip Kuttybaev hiện đang sống tại Pavlodar. (Ba mẹ con đã đưa nhau đến mãi tít tận đấy, khiếp thật!). Zaripa hiện làm giáo viên ở một trường cấp I. Cô ấy đã kết hôn cùng một người khác. Tin chính thức do cơ quan hữu trách địa phương cung cấp. Elizarov cũng cho hay thêm rằng những nghi ngờ của Edigej về viên thanh tra ấy hoàn toàn được xác nhận trong quá trình thẩm xét vụ án. Thì ra chính

hắn đã viết đơn tố giác Abutalip Kuttybaev. "Tại sao hắn lại làm cái trò ấy, cái gì đã xui hắn ngấm máu phun người như thế? Tôi đã ngẫm nghĩ nhiều về điều đó, nhớ lại cả những chuyện tương tự, đã được nhìn thấy tận mắt, cũng như những gì anh đã kể với tôi, Edigej ạ. Về lại trong óc toàn bộ câu chuyện, tôi thử cố tìm hiểu những động cơ nào đã thôi thúc hắn ta hành động như vậy. Tiếc thay, mãi đến giờ tôi vẫn chưa tìm ra lời giải đáp. Tôi không tài nào cắt nghĩa nổi cái gì đã nhen lên trong ruột gan hắn lòng căm ghét đê tiện ấy đối với một người hoàn toàn chẳng hề liên quan gì đến hắn - Abutalip Kuttybaev? Chắc hẳn đó là một chứng bệnh, một thứ dịch mà nhiều người đã mắc phải, đã nhiễm phải trong một chặng đường lịch sử nào đó. Cũng có thể là cái tâm địa tai ác kiểu đó vốn ẩn náu trong bụng dạ con người, ngay từ buổi nhân loại mới hình thành - lòng ghen ghét, đố kỵ đã lần hồi hủy hoại tâm hồn và cuối cùng, dẫn người ta đến chỗ nhấn chìm, ác độc. Nhưng một người như Abutalip thì có thể có điều gì để khơi dậy ở ai đó lòng ghen ghét độc địa kiểu đó? Câu hỏi đó đối với tôi vẫn là một câu đố hiểm hóc. Còn về cách thức đàn áp, tàn sát, thì nó cũng xưa cũ như trái đất này, Edigej ạ. Có thời, chỉ cần bị tố giác là kẻ dị giáo, nạn nhân cũng đã bị ném đá đến lửa máu dầu, máu mặt, giữa các buổi chợ phiên ở Bukhara; còn bên châu Âu thì

bị lên giàn hỏa. Chuyện đó, tôi đã nói với anh nhiều rồi nhân chuyến đi Alma-Ata của anh vừa qua. Sau khi những sự kiện vụ án Abutalip được làm sáng tỏ qua quá trình thẩm xét, tôi càng thêm tin chắc rằng, phải còn lâu nữa con người mới gột sạch được trong tâm hồn mình cái tật xấu đó - căm ghét, thù hằn đối với nhân cách trong mỗi một con người. Nhưng lâu là bao nhiêu thì còn khó đoán lắm. Tuy nhiên, bất chấp hết thấy những cái đó, tôi vẫn ngợi ca cuộc sống vì sự bất diệt của lẽ phải, của chính nghĩa trên trái đất. Anh xem đây, lẽ phải, chính nghĩa, lần này lại chiến thắng! Dẫu phải trả một giá quá đắt chẳng nữa, nhưng nó vẫn chiến thắng! Và bao giờ cũng vẫn thế, khi nhân loại còn tồn tại. Tôi rất lấy làm hài lòng là anh đã giành lại được lẽ phải một cách hết sức vô tư, hào hiệp...".

Ấn tượng của bức thư đó vẫn tươi nguyên trong tâm trí Edigej suốt nhiều ngày. Và anh tự lấy làm lạ cho chính mình - bản thân anh đã đổi thay nhiều, anh tiếp nhận thêm một điều gì đó, như thể hiểu rõ được mình hơn. Lúc bấy giờ, lần đầu tiên, anh bắt đầu nghĩ đến chuyện đã đến lúc phải lo liệu cho tuổi già, chẳng còn xa xôi gì nữa...

Bức thư của Elizarov đánh dấu một bước ngoặt trong đời anh, chia nó thành hai chặng: trước và sau ngày nhận được thư. Hết thấy những gì thuộc chặng đầu, đã lùi về dĩ vãng mờ mờ

sương khói, xa dần, như dải bờ cát khi nhìn từ ngoài khơi vào. Hết thấy những gì thuộc chặng sau, đều bình thản trôi đi, ngày nọ tiếp ngày kia, khiến anh có cảm tưởng là chúng sẽ kéo dài rất lâu nhưng không phải là bất tận. Nhưng cái chính là nhờ bức thư đó, anh biết được rằng Zaripa đã đi lấy chồng. Tin ấy một lần nữa lại khiến anh thấy lòng nặng trĩu. Anh tự an ủi mình, rằng chuyện ấy anh đã biết, đã có dự cảm từ trước rồi, nhờ một thứ linh cảm nào đó mách bảo, mặc dù anh chẳng hề biết cô hiện ở đâu, hai thằng bé có bị trắc trở gì không, cô sinh sống ra sao giữa những người xa lạ. Anh cảm nhận được điều đó một cách hết sức rõ ràng và da diết, nhất là lúc đáp tàu về lại với gia đình. Khó mà nói được vì lẽ gì cảm giác đó lại đến với anh. Nhưng hoàn toàn chẳng phải vì tâm tư anh đang sầu muộn. Trái lại, Edigej rời Alma-Ata với một tâm trạng hoan hỉ. Anh và Elizarov đi đến đâu cũng được tiếp đón rất thân tình và thông cảm. Và điều đó tự nó cũng khiến anh tin tưởng vào sự đúng đắn của những dự định mình đang theo đuổi và khiến anh thêm hy vọng vào kết quả tốt lành của việc thẩm xét lại vụ án. Thực tế quả đúng như vậy. Hôm Edigej rời Alma-Ata, Elizarov đã đưa anh đến một hiệu ăn lớn cạnh ga, dùng bữa. Còn lâu mới tới giờ tàu chạy, đôi bạn rất ung dung thù tạc và giải bày tâm tư trước giờ tiễn biệt. Trong lần trò chuyện

đó, theo như Edigej hiểu, Afanasij Ivanovich đã ngỏ cùng anh một ý nghĩ thầm kín vẫn ấp ủ bấy nay. Vốn là một đoàn viên Kôm-xô-môn Moskva, tình nguyện đến Turkestan chiến đấu ngay từ những năm hai mươi, chống lại bọn thổ phỉ Basmach (*), rồi lưu lại đây suốt đời đeo đuổi công việc thăm dò địa chất; Elizarov cho rằng chẳng phải vô cớ mà toàn thể thế giới đã đặt bao hy vọng vào những gì đã được Cách mạng tháng Mười khai phá. Dù phải trả giá đắt cho những sai lầm và thất bại, nhưng cuộc hành tiến trên nẻo đường chưa khai phá ấy vẫn không dừng lại phút nào - thực chất của lịch sử chính là ở đó. Anh còn nói thêm rằng giờ đây cuộc hành tiến ấy sẽ được triển khai với một sức mạnh mới. Chỗ dựa vững chãi cho điều đó là biết tự sửa sai, tự thanh lọc xã hội. "Nếu chúng ta có thể tự nói thẳng với chính mình điều đó, nghĩa là chúng ta vẫn có đủ sức lực cho ngày mai, cho tương lai" - Elizarov khẳng định. Đôi bạn đã tâm sự thoải mái biết bao trong bữa cơm tiễn biệt ấy.

(*) Basmach: Một phong trào dân tộc chủ nghĩa phản cách mạng, chống lại chính quyền Xô Viết ở Trung Á vào những năm 1917-1926, do bọn tư sản và các phần tử phong kiến địa chủ địa phương tổ chức, hoạt động dưới sự nâng đỡ của bọn đế quốc nước ngoài và các giới phản động của một số nước lân cận (ND).

Chính với tâm trạng ấy Edigej-Bảo Tuyết đã lên đường về lại Sarozek của anh.

Rạng Alatau biếc xanh ánh tuyết lại điều qua trước mắt Edigej. Và bấy giờ, trong lúc tính toán trên đường những công việc phải làm khi đến Alma-Ata, anh đã hiểu, như được tiếng nói nội tâm mách bảo, rằng có lẽ Zaripa đã đi lấy chồng.

Nhìn núi non, nhìn phong cảnh xa xa trong vạt của tiết xuân, Edigej bất giác nghĩ rằng trên đời này vẫn còn có những người trung thực - cả trong lời nói, lẫn trong việc làm, như Elizarov, rằng thiếu những người như anh ấy, con người hản còn phải cay cực, khổ sở hơn gấp bội, trên mặt đất này. Và sau khi chấm dứt tất cả những vất vả trong việc chạy tới chạy lui mình oan cho Abutalip, Edigej cũng bất giác nghĩ đến những cảnh ngang trái của thời thế đảo điên - giá còn sống, thì giờ đây Abutalip sẽ được giải hết những nỗi oan ức, và chắc hẳn anh sẽ tìm lại được niềm hạnh phúc và những ngày tháng bình yên bên hai đứa con trai. Giá anh còn sống nhỉ! Chẳng cần gì khác nữa. Giá anh còn sống, dĩ nhiên Zaripa vẫn sẽ thủ tiết đợi anh cho đến ngày trút hơi thở cuối cùng. Dứt khoát là như thế. Người thiếu phụ ấy sẽ vẫn đợi chồng, vì cô chẳng cần gì khác cả. Còn nếu chẳng có ai nữa để mà chờ, thì việc gì lại phải sống cô đơn, trong khi mình vẫn còn son trẻ, gần như là một thiếu

nữ. Một khi cơ sự đã thế và nếu gặp được một người tâm đầu ý hợp, thì sao lại không chọn người ấy làm chồng? Dầu sao, Edigej cũng rầu rĩ vì những ý nghĩ ấy. Anh thử cố nghĩ sang chuyện khác, cố không nghĩ đến nó nữa, không để cho trí tưởng tượng mặc sức tung hoành nữa, nhưng nào có ăn thua. Anh bèn bỏ sang toa bán đồ ăn thức uống trên tàu.

Ở đây giờ này còn vắng khách, bàn ghế sạch sẽ, tinh tươm, không khí thoáng đãng - vì tàu mới khởi hành chưa được bao lâu. Edigej ngồi vào một bàn ăn, sát cửa sổ. Anh gọi một chai bia, nhấm nháp một mình để khỏi ngồi không. Khung cửa sổ rộng thênh thang khiến anh tha hồ ngắm nhìn núi non, thảo nguyên, bầu trời mênh mông bao trùm trên cảnh vật. Những cánh đồng cỏ xanh dài tít tắp, đó đây đỏ rực hoa anh túc, ở bên này đường tàu và những dãy núi phủ tuyết hùng vĩ, chập chùng ở phía bên kia, nâng tâm hồn Edigej lên cao, đưa anh đến những ước mơ khó lòng với tới và những nỗi buồn chua xót khôn nguôi. Anh muốn uống một ly rượu thật nồng, cho vui bớt nỗi buồn. Anh gọi một chai vốt-ca. Đã nhấp cạn mấy cốc rồi nhưng Edigej vẫn cảm thấy như là chưa uống. Anh gọi thêm một chai bia nữa ngồi uống tiếp, mặc cho tâm trí chìm sâu vào suy tưởng. Trời đã ngả về chiều. Những dải đất hai bên đường tàu vun vút lao đi trong màu chiều trong trẻo của tiết xuân.

Thấp thoáng lướt qua bên ngoài cửa sổ nào xóm làng, vườn tược, đường sá, cầu cống, nào người đi đường, nào gia súc. Nhưng tất cả những thứ đó Edigej chẳng buồn để ý, nỗi buồn nhớ da diết bỗng ập đến với một sức mạnh mới mẻ, khiến tâm hồn anh u ám, nặng trĩu: dĩ vãng êm đẹp, thế là đã chấm dứt rồi.

Trong trí nhớ Edigej lại hiện về lời ca vĩnh biệt của Rajmaly:

*Khi đoàn du mục từ những ngọn núi đen kéo xuống,
Khi đoàn du mục từ những ngọn đồi xanh kéo xuống,
Em đừng chờ anh trong phiên chợ nữa, Begimaj...*

Với tâm trạng đó, Edigej-Bảo Tuyết cảm thấy mình cũng bị những sợi thừng nghiệt ngã trói chặt vào gốc bạch dương, như Rajmaly thuở xưa, và cũng bị cưỡng đoạt, bị cắt lìa ra khỏi chính mình...

Anh ngồi như thế đến tận chiều tối, khi toa ăn đông nghẹt khách và ngọt ngào đến tức thở vì khói thuốc bay mù mịt. Edigej dăm ngơ ngàng, không hiểu vì lẽ gì những thực khách kia lại khinh suất đến như vậy, sao họ lại có thể xúc động vì những chuyện vặt vãnh đến thế, và tại sao họ lại có thể đi tìm thú vui trong rượu vốt-ca và khói thuốc? Anh đứng dậy, lách người qua đám đông, tìm anh nhân viên bán hàng, đang vừa thở hổn hển, vừa tưu tít chạy đi chạy lại với chiếc khay trong tay, giữa những dãy bàn

ấn huyệt náo vì tiếng nói cười âm ỉ, để thanh toán tiền, rồi hối hả trở về giường mình. Chân bước, người nghiêng ngả vì sàn tàu chòng chành, Edigej càng cảm thấy nặng nề và cô đơn hơn.

Sống làm gì, đi đâu, làm gì nữa?... Lúc này anh bỗng cảm thấy hết sức dửng dưng với chuyện mình từ đâu ra đi, đâu là nơi phải đến và đi để làm gì; anh dửng dưng với đoàn tàu tốc hành đang hối hả xé màn đêm. Anh dừng lại bên một cánh cửa lên xuống, áp chặt vùng trán nóng bừng lên mặt kính lạnh, cứ đứng yên như thế, chẳng nhìn đi đâu, cũng chẳng để ý tới những hành khách tới lui chọn rộn sau lưng.

Tàu vẫn chòng chành lăn bánh trên đường. Muốn mở cửa, Edigej cũng mở được thôi, vì cũng như mỗi nhân viên ngành đường sắt khác, anh cũng có một chiếc chìa khóa riêng trong túi. Anh có thể mở cửa và bước qua cái vạch giới hạn đó... Giữa một khu đất vắng vẻ, Edigej nhìn thấy hai đốm sáng xa xăm mời gọi trong bóng đêm. Hai cái đốm sáng cứ chập chờn hồi lâu. Chắc là hai khung cửa sổ sáng đèn của một nếp nhà lẻ loi nào đó, mà cũng có thể là hai đồng lửa nhỏ, do ai đó nhóm lên để trú đêm. Chắc họ đang xúm xít quanh đồng lửa. Nhưng họ là ai? Vì lẽ gì họ lại phải qua đêm giữa cảnh đồng không mông quạnh ấy? Chao ôi, ước gì đó là Zaripa và hai thằng bé con cô! Ví thử đúng thế thực, chắc hẳn anh sẽ nhảy ngay xuống, chạy đến bên cô,

thẳng một mạch không nghỉ, rồi gục đầu bên chân cô, mà khóc nấc lên không chút ngưng ngấp, để nước mắt cuốn sạch đi những nỗi xót xa, buồn bã, đã tích tụ lại từ bấy đến nay.

Edigej-Bảo Tuyết khẽ rên lên một tiếng, nhìn hai đốm lửa đang lùi dần trên thảo nguyên. Anh cứ đứng nguyên như thế bên cánh cửa lên xuống, nức nở không thành tiếng, chẳng buồn ngoái đầu lại, cũng chẳng buồn chú ý đến những bước chân rộn rịp qua lại của hành khách ở sau lưng. Mặt anh ướt đầm nước mắt... Và anh vẫn còn có thể mở cửa, bước qua cái vạch giới hạn đó...

Tàu vẫn lăn bánh trên đường, chòng chành khe khẽ.

*Khi đoàn du mục từ những ngọn núi đen kéo xuống,
 Khi đoàn du mục từ những ngọn đồi xanh kéo xuống,
 Em đừng chờ anh trong phiên chợ nữa, Begimaj...*

Những chuyến tàu ở vùng này chạy từ Đông sang Tây và từ Tây sang Đông...

Trải rộng hai bên đường tàu ở vùng này là những hoang mạc mênh mông - miền Sarozek và các thảo nguyên úa vàng thuộc miền Đất Giữa.

Ở vùng này, mọi khoảng cách bất kỳ đều được đem so với con đường sắt, như so với kinh tuyến Greenwich.

Những chuyến tàu vẫn chạy từ Đông sang Tây và từ Tây sang Đông...

Rời tổ trên bờ khe Malakumdychap, con diều hâu đuôi trắng bay vút lên không trung thăm chừng các vùng đất chung quanh. Chim bay lượn như thế trên khoảng giang sơn nó chiếm lĩnh mỗi ngày hai lượt - trước trưa tròn bóng và, sau lúc trời ngả về chiều.

Chim lặng lẽ lượn vòng trên Sarozek, chăm chú quan sát để khỏi bỏ sót mọi động tĩnh dưới mặt đất - thậm chí cả sự di động của những gã bộ hung cục mịch, lẫn những ả thần lẩn tinh ranh - vừa khoan thai vẩy đôi cánh rộng mỗi lúc nâng chim lên cao hơn, để tầm mắt có thể nhìn rộng thêm, xa thêm. Nó không quên xê dịch những vòng lượn rất đều đặn, để càng ngày càng tiến đến gần hơn bãi săn ưa thích nhất - mảnh đất bị rào kín sau những cuộn dây thép gai sắt nhọn. Từ dạo khu vực rộng lớn này bị rào kín, các loại chim muông ở đây đông lên rõ rệt, vì cáo cây và những giống thú chuyên sục sạo, săn bắt mỗi sống không còn dám ngang nhiên mò đến đây như trước nữa. Riêng đối với diều hâu ta, cái bờ rào kia chỉ là một trò đùa. Chẳng hề gây khó dễ gì cho nó đã đành, mà thậm chí còn tiếp tay cho nó nữa. Ấy là nói thế thôi. Chú diều hâu ta cũng đâm ngán ngại những lưới gai tua tủa của bờ rào ghê gớm ấy. Đã ba hôm rồi.

Nó rình rập một chú thỏ con. Nhưng đến khi nó lao vút xuống như một mũi tên, chú thỏ đã kịp lúi vào giữa hàng rào, và suýt nữa chim ta đã bị đám gai nhọn kia đâm nát ngực. Nó phải vội vàng né người, bay chéch sang bên, rồi hồi hả bay lên, giần dữ. Tuy thế, gai nhọn vẫn đâm sau vào giữa một đám lông. Lát sau, từ trên ức nó mấy chiếc lông xám bị rụng ra, bay lơ lửng giữa không trung. Từ đó, điều hâu luôn cố tránh xa cái bờ rào khủng khiếp nọ.

Vào giờ này, con điều hâu đang khoan thai giang rộng cánh bay giữa trời cao, đường bệ như một vị chúa tể trong cái giang sơn của nó, không hề vấy cánh nhiều hơn mức cần phải có, để khỏi lôi cuốn sự chú ý của các giống vật trên mặt đất. Hôm nay, ngay từ sáng, chim đã tiến hành chuyến bay do thám lần đầu; và giờ đây, đang bay chuyến thứ hai. Cả hai lần, chim đều nhận thấy một cảnh tượng khác lạ: nào người, nào xe cộ, cứ tới lui rộn rịp trên những dãy đường bằng thềm thang trong sân bay vũ trụ. Xe cộ thì đi đi về về tấp nập, còn người thì cứ xúm đông xúm đỏ bên những bệ phóng tên lửa. Những quả tên lửa ấy lâu nay vẫn nằm yên như những tòa nhà cao tầng trên các bãi phóng, mũi ngếch lên trời, nên từ lâu chim đã quen mắt. Nhưng hôm nay khác hẳn. Xe cộ đã lăm, mà người lại càng đông, tất cả đều hết sức tất bật...

Chim cũng nhận thấy một người cuối lạc đà, hai chiếc máy kéo nổ máy giòn giã và con chó hung lông xù mà nó đã gặp ban sáng giữa thảo nguyên, lúc này đang dừng lại bên ngoài hàng rào thép gai, vì chắc hẳn không tài nào vượt qua nổi...

Chim thấy mình như bị trêu gan, bởi lẽ con chó hung kia trông đến là vô tích sự, nhất là nó cứ xó rỏ, quanh quẩn bên chân mấy người đang đứng cạnh hàng rào. Nhưng chim vẫn tỏ vẻ dửng dưng đối với con chó xù, hơi đầu hạ mình, để tâm đến cái chuyện vớ vẩn ấy cơ chứ? Nó chỉ lượn quanh chỗ đó, để xem cho rõ tình thế và con chó hung lúc nào cũng ngoáy tít cái đuôi lông lá bên chân người, rồi sẽ làm gì...

Edigej ngẩng khuôn mặt đầy râu lên trời, nhìn con diều hâu đang bay lượn. "Loại đuôi trắng, lớn con lắm đây - bác nghĩ - Chà, giá mình là con diều hâu kia, ai ngăn nổi mình nhỉ. Mình sẽ bay vút đến Ana-Bejit, đậu xuống các phần mộ ở đó!"

Vừa lúc ấy, một chiếc ô tô hiện ra trên đường. "Viên trung úy kia rồi! - Bác mừng rỡ - Thôi, cầu trời cho mọi chuyện trót lọt!". Chiếc com-măng-ca nhanh chóng tiến thẳng về phía thanh gỗ chắn, dừng sát lại bên cửa trạm gác. Cậu lính trẻ đang đứng chờ sẵn. Cậu ta ưỡn người, chào viên trung úy chỉ huy đội bảo vệ Tansykbaev khi anh ta rời xe, báo cáo:

- Đồng chí trung úy, báo cáo đồng chí!...

Nhưng viên chỉ huy phẩy tay, ra hiệu bảo thôi, ngay khi cậu lính gác vừa bỏ tay xuống khỏi vành mũ lưỡi trai, mở miệng định báo cáo, và quay về phía mấy người đang đứng bên ngoài thanh gỗ.

- Ai đề nghị xin gặp? Ai đợi đâu? Đồng chí hả? - Tansykbaev hỏi, hướng sang phía Edigej-Bảo Tuyết.

- *Biz, bizgoj, karagym. Ana-Bejitke zheltpej turyp kaldyk. Kalaj da bolsa, zhardamdeshe, karadym* (*) - Edigej đáp, cố tìm cách cho viên sĩ quan nhận thấy những huân chương, huy chương bác đeo trên ngực.

Nhưng những cố gắng của bác chẳng gây cho Tansykbaev một ấn tượng nào. Viên trung úy chỉ ho khan một tiếng và lạnh lùng ngắt lời Edigej, khi bác định nói tiếp:

- Đồng chí người ngoài, đề nghị hãy dùng tiếng Nga khi tiếp xúc với tôi. Tôi đang thừa hành phận sự quân nhân - Tansykbaev giải thích, hai hàng lông mày rậm chau lại trên cặp mắt lác.

(*) Chúng tôi, chúng tôi đây, con ạ. Họ không cho chúng tôi vào Ana-Bejit. Cố tìm cách giúp chúng tôi đi, con. (Chú thích của tác giả).

- Đồng chí trung úy, cho phép tôi trình bày đề nghị của chúng tôi - Edilbaj-Cò Hương chen vào, giải nguy cho Edigej.

- Trình bày đi, có điều nên ngắn gọn thôi - Tansykbaev cảnh báo trước.

- Chỉ một phút thôi. Để tôi mời thêm anh con trai của ông cụ vừa quá cố, để anh ta cùng chúng kiến luôn thể - Edilbaj-Cò Hương quay sang phía Shabitzhan - Ê, Shabitzhan, Shabitzhan, lại đây tí đã.

Nhưng Shabitzhan vẫn đi tới đi lui tận dằng xa. Hắn phẩy tay, bực dọc đáp:

- Thì các người cứ việc tự thu xếp lấy.

Edilbaj-Cò Hương ngưng chín mặt.

- Xin lỗi trung úy, cậu ta đang bực vì không ngờ cơ sự lại ra thế này. Cậu ấy là con trai ông cụ đang nằm trong quan tài đây, cụ Kazangap đáng kính của chúng tôi. Còn kia là anh con rể, đang ngồi trên rờ-mọc đấy.

Anh con rể tưởng người ta gọi mình, liền trèo xuống.

- Những chi tiết ấy, tôi không quan tâm. Trình bày ngay vào thực chất vấn đề - viên chỉ huy đội bảo vệ đề nghị.

- Được thôi.

- Ngắn gọn và cho có thứ tự.

- Được. Ngắn gọn và có thứ tự.

Edilbaj-Cò Hương bắt đầu trình bày đúng như phải trình bày - họ là ai, từ đâu đến, với mục đích gì, và tại sao lại có mặt ở đây. Trong khi Edilbaj nói, Edigej chăm chú theo dõi sắc mặt của viên trung úy Tansykbaev và bác hiểu rằng đừng hòng hy vọng một điều gì tốt đẹp ở gã sĩ quan này. Hắn chỉ đứng nghe những đề nghị cho có lệ, thế thôi. Bác hiểu thế, và thấy ngao ngán hết sức. Và hết thấy những gì có liên quan đến cái chết của cụ Kazangap, mọi chuẩn bị cho việc chôn cất, hết thấy những gì đã làm để thuyết phục đám thanh niên bằng lòng đem cụ già lên mai táng tại nghĩa địa Ana-Bejit, mọi suy ngẫm của bác, hết thấy những gì mà bác coi là mối dây gắn bó đời bác với lịch sử của vùng Sarozek - tất cả, tất cả những thứ đó, trong khoảnh khắc, đều trở nên vô nghĩa, vô ích, và hèn mọn, chẳng ra gì, trước cái gã Tansykbaev này. Bác lặng người, cảm thấy những tình cảm tốt đẹp nhất đều bị sỉ nhục, bị thóa mạ. Bác dậm nực cười và bực dọc đến ứa nước mắt trước thái độ hèn nhát của Shabitzhan, mà mới tối hôm qua, hắn đã nốc cho đầy rượu vốt-ca pha subat vào, rồi huyền thuyên, khoác lác đủ thứ về các đấng thần linh này nọ, những người ít nữa sẽ bị điều khiển hoàn toàn bằng vô tuyến điện; cố đem những hiểu biết của hắn ra để chộ dân Boranly, làm cho họ phải lác mắt; nhưng lúc này lại câm như hến! Bác cũng nực cười và

bực dọc cả với chính mình: lồi dưới đáy ruộng ra chiếc thảm viền tua, trải trên lưng con Karanar-Bảo Tuyết, để làm gì kia chứ - thú trang sức mà lúc này chẳng ai thèm ngó ngang đến? Cái gã trung úy Tansykbaev hách dịch kia, đến tiếng mẹ đẻ cũng không thích dùng hoặc ngại dùng thì làm sao còn biết đánh giá những vật trang điểm trên người con Karanar? Bác nực cười và bực dọc với anh con rể nghiện ngập của cụ Kazangap bất hạnh, đã không dám nhấp lấy một giọt rượu và cứ ngồi lì trên rờ-mooc, để được ở cạnh ông bố vợ vừa mất thêm vài tiếng đồng hồ nữa; lúc này cũng đã trèo xuống, đến đứng sát bên bác với dáng điệu của kẻ vẫn còn hy vọng là mọi chuyện rồi cũng sẽ kết thúc tốt đẹp. Cả với con Zholbars sắc hung, Edigej-Bảo Tuyết cũng thấy nực cười và bực dọc: bám theo chân chủ mà làm gì và nhẫn nại nằm chờ cho đám tang đi tiếp mà làm gì kia chứ? Một con chó hèn mọn như nó thì cần gì đến tất cả những thứ ấy? Hay là chính nó đã dự cảm được rằng chủ mình rồi sẽ gặp chuyện lồi thôi, nên không nỡ bỏ mặc chủ một mình trong những giờ phút khó chịu này? Hai anh chàng Kalibek và Zhumagali lúc này vẫn ngồi trong buồng lái - sẽ phải nói gì với họ bây giờ và họ sẽ nghĩ gì sau tất cả những chuyện ngán ngấm này?

Tuy bị xúc động và ngao ngán, nhưng Edigej vẫn cảm thấy nổi tức tối đang dâng lên trong

lòng và máu bác đang sôi lên sùng sục. Vốn hiểu rõ bản thân, biết mười mười là sẽ nguy hiểm nếu cứ để mặc cho cơn giận muốn tác oai tác quái thế nào tùy ý, bác cố đem hết nghị lực ra để kìm nó lại. Không, bác không có quyền buông thả bản thân, trong khi người quá cố đang nằm trong chiếc rờ-mooc kia chưa chôn cất. Hơn nữa, một người tuổi tác như bác, nổi nóng và to tiếng xem thật khó coi. Edigej nghĩ thế, cố nghiêng rằng không để một lời nói, một cử chỉ nào tố giác những gì đang xảy ra trong lòng lúc này.

Đúng như Edigej chờ đợi, câu chuyện giữa Edilbaj-Cò Hương và gã chỉ huy đội bảo vệ chẳng mấy chốc đã xoay sang chiều hướng hoàn toàn tuyệt vọng.

- Tôi không thể giúp ích gì được. Có lệnh nghiêm cấm người lạ mặt vào khu vực này - Tansykbaev nói, sau khi Edilbaj-Cò Hương dứt lời.

- Khoản ấy, chúng tôi chưa hề được biết, đồng chí trung úy ạ. Chứ đã biết, ai còn đến đây? Đến để làm gì nào? Nhưng bây giờ, chúng tôi đã trót đến rồi, vậy đồng chí hãy đề nghị với cấp trên của đồng chí cho chúng tôi vào chôn ông cụ. Chẳng lẽ lại bắt chúng tôi chờ người quá cố trở về.

- Tôi đã báo cáo lên rồi. Và được chỉ thị: không cho bất cứ ai vào vì bất cứ lý do gì đi nữa.

- Sao lại giở duyên cớ ra trong trường hợp này được, đồng chí trung úy? - Edilbaj kinh ngạc
- Làm như chúng tôi muốn viện ra cớ này cớ nọ không bằng. Mà viện cớ để làm gì nào? Vả chẳng, chúng tôi có do thám do thiết gì trong khu vực của đồng chí đâu? Nếu không phải chôn cất ông cụ, ai cần đưa nhau đến đây làm gì?

- Tôi nhắc lại với đồng chí một lần nữa là lệnh nghiêm cấm bất kỳ người lạ mặt nào vào đây.

- Chúng tôi mà lạ mặt ư? - Anh con rể nghiệm ngáp, nãy giờ nín thình, bỗng lên tiếng
- Ai là lạ mặt ở đây? Chúng tôi, hả? - Anh ta nói, khuôn mặt nhão nhẹt và võ vàng đỏ rực lên, môi tái nhợt đi.

- Đúng thế! Từ bao giờ vậy? Edilbaj-Cò Hương phụ họa ngay.

Anh con rể nát rượu cố giữ để đừng đi quá trớn, nên nói bằng một giọng bình thường, không to tiếng, hiểu rõ cái nhược điểm của chính mình là không thạo mấy tiếng Nga - Bởi thế, anh ta tiếp, ngắc ngứ, cố cân nhắc từng chữ một:

- Đây là *nghĩa* địa cổ của *trúng* tôi, dân Sarozek. Và *trúng* tôi, người dân Sarozek, *trúng* tôi có quyền *trôn* cất người của *trúng* tôi ở đây. Khi đem *trôn* ở đây, từ rất lâu bà Ana-Bejit, *trắng* ai biết vùng này sẽ trở thành *khu cấm địa*.

- Tôi không hề có ý định tranh luận với các đồng chí - Tansykbaev tuyên bố - Là chỉ huy

trưởng đội bảo vệ giai đoạn hiện thời, một lần nữa tôi tuyên bố: không ai được phép vào khu cấm địa này cả bây giờ và cả trong tương lai gần đây.

Ai nấy đều nín thinh. "Phải cố kìm giữ, để đừng buông lời mắng nhiếc hấn!" Edigej-Bảo Tuyết tự dặn thầm mình như thế, và liếc mắt nhìn lên không, bác bắt gặp con điều hâu đang khoan thai lượn vòng ở cách đó một quãng khá xa. Bác ghen tị với con chim bình thản và dũng mãnh ấy. Rồi quyết định: chẳng hơi đâu đi thử vận may lần nữa; phải quay về thôi, vì cố nữa cũng chẳng ăn thua. Nhìn con điều hâu lần nữa, bác lại cất tiếng:

- Đồng chí trung úy, đồng chí trung úy, chúng tôi đi đây. Nhưng hãy về nói giúp với ông nào chỉ huy đồng chí, ông tướng, ông tá gì đó hay cấp cao hơn càng tốt, là chó nên làm như thế! Tôi, một quân nhân già, tôi nói thẳng: thế là không đúng, là vô lý.

- Đúng hay không - tôi không được quyền phê phán mệnh lệnh của cấp trên. Và mai kia, thế nào người ta cũng sẽ hạ lệnh cho tôi thông báo để các đồng chí rõ là phải hủy bỏ cái nghĩa địa này.

- Ana-Bejit ấy ư? Edilbaj-Cò Hương sùng sốt.

- Đúng. Nếu cái nghĩa địa đó được gọi bằng cái tên ấy.

- Vì lẽ gì, hả? Nghĩa địa ấy cản trở ai nào?

- Edilbaj nổi giận.

- Ở đó sẽ lập một tiểu khu mới.

- Quái thật! - Edilbaj giang rộng hai tay - Không còn chỗ nào nữa sao? Các người hết đất rồi phổng?

- Kế hoạch đã dự tính thế rồi.

- Này, thế bố cậu là ai? - Edigej-Bảo Tuyết hỏi Tansykbaev, giọng lục vấn.

Hắn ta đó người ra.

- Đồng chí cần biết điều đó làm gì? Việc gì đến đồng chí, hả?

- Sao lại không việc gì? Cậu đừng có thở ra với chúng tôi cái điều mà cậu phải nói với những người định hủy bỏ cái nghĩa địa cổ xưa của chúng tôi. Hay là bố mẹ cậu, ông bà cậu không chết, hay là cả cậu nữa, cậu tính lột da sống đời?

- Điều đó chẳng liên quan gì đến công việc cả.

- Thôi được, muốn nói chuyện công việc, thì nào, ta nói chuyện công việc. Này, đồng chí trung úy, đồng chí hãy mời cái người chỉ huy cao nhất đơn vị đồng chí xuống đây, để nghe tôi nói: tôi yêu cầu được quyền đề đạt với người chỉ huy cao nhất của khu vực này mấy ý kiến. Bảo là tôi, Edigej Zhangelin, một cựu chiến binh già, sinh sống tại đất Sarozek này, muốn trình bày đôi lời.

- Tôi không thể làm việc đó. Tôi đã được chỉ thị phải hành động ra sao rồi.

- Thế cậu có thể làm được gì nào? - Anh con rể nát rượu lại chen vào. Anh ta nói về ngao ngán cùng cực: - Đến cảnh sát ngoài *trợ* cũng còn dễ *trịu* hơn mày!

- Chấm dứt ngay cái lối ăn nói xằng bậy ấy đi? - gã trung úy chỉ huy đội bảo vệ mặt tái mét, thẳng người lên, nói - Chấm dứt ngay! Rồi tránh xa cái ba-ri-e và cho hai chiếc máy kéo kia lùi lại ngay, để khỏi ngáng đường!

Edigej và Edilbaj-Cò Hương kéo anh con rể nát rượu ra chỗ khác, rồi lôi anh ta tới bên hai chiếc máy kéo đang đỗ giữa đường, nhưng anh ta vẫn ngoái cổ lại, hét to:

- *Sagan zhol da zhetpejdi, sagan zher da zhetpejdi? Urdym sendejdin auzya!* (*)

Shabitzhan này giờ vẫn cầm như hén, rầu rĩ đi tới đi lui một mình, bỗng quyết định lên tiếng, quay phắt lại phía mấy người đang đi tới:

- Sao? Quay lại thôi chứ? Biết ngay mà! Dắt nhau về thôi! Hết Ana-Bejit nhé! Hết nhé! Bây giờ thì cụp đuôi rồi nhé!

- Ai cụp đuôi hả? - Anh con rể nghiêng ngáp xông thẳng đến Shabitzhan, sùng sộ. Nếu ở đây mà có chó thì chính mày mới là đồ chó, thẳng

(*) *Mày thiếu đường đi lại hả, mày thiếu đất hả? Tao thì tao nhổ toẹt vào mặt mày! (Chú thích của tác giả).*

đề tiện! Khác gì nhau đâu, nó cũng đứng kia kia, thế mà lúc nào cũng xoén xoét cái mồm - ta là cán bộ tỉnh đây! Cán bộ cóc gì ngữ mày!

- Này, đồ nát rượu, liều liều cái mồm đấy!
- Shabitzhan giận dữ quát âm lên, cho người đứng ở tận trạm gác đằng kia cũng nghe thấy
- Tao mà là họ, thì tao gô cổ mày ngay, cho mày chết rấp trong nhà đá để khỏi bắng nhắng! Có diệt hết ngữ này, xã hội mới đỡ khổ!

Câu sau cùng, Shabitzhan vừa nói, vừa ngoảnh mặt đi, ra cách bảo: "Tao thì tao nhổ toẹt vào mày và những loại người phụ họa với mày". Rồi, bất thần hấn hoạt bát hấn lên, quay về phía hai người lái máy, ra lệnh, giọng hách dịch và bức bách:

- Này, sao còn ngồi trơ ra đó? Lùi máy kéo lại, còn chờ gì nữa. Đến bằng đường nào, thì lại cứ thẳng đường ấy mà về! Mẹ kiếp, lùi máy kéo lại! Mà còn về cho sớm! Dây với lữ gốc đâm đại! Cả nghe quá mới nên nông nổi này.

Kalibek rồ máy, và thận trọng cho chiếc rờ-mooc quay đầu lại. Anh con rể nát rượu liền nhảy lên, ngồi vào chỗ cũ, bên thì hài ông bố vợ. Còn Zhumagali phải ngồi chờ cho Edigej-Bảo Tuyết tháo dây cương con Karanar đang buộc nơi cái gàu xúc. Tuy biết thế nhưng Shabitzhan vẫn không kiêng nể gì, trái lại, vẫn giục rối rít.

- Còn anh nữa, sao không quay xe lại? Cứ quay đi! Thây kệ hết! Quay lại! Cứ coi như đã chôn xong rồi! Vì tôi đã phản đối ngay từ đầu! Đủ lắm rồi! Quành lại, về thôi!

Trong khi Edigej-Bảo Tuyết cười lên lưng con Karanar - đầu tiên phải bắt nó quỳ xuống, đóng yên lên, rồi mới trèo lên chân con vật, để ngồi vào giữa hai cái bướu - thì hai chiếc máy kéo đã khởi động, quay về, chậm chạp lăn bánh theo vết cũ. Họ chẳng buồn chờ nữa. Shabitzhan thì leo ngay lên chiếc xe đầu, rồi rít giục già.

Con điều hâu ấy vẫn lượn trên cao. Từ trên không nó vẫn dõi mắt quan sát con chó hung mà cử chỉ, dáng điệu chẳng hiểu sao đã khiến con chim bức tức. Nó lấy làm lạ là tại sao con chó không chạy theo hai chiếc máy kéo đi đầu, mà cứ quanh quẩn bên chân người cười lạc đà, chờ cho người kia ngồi đàng hoàng trên yên, rồi mới tất tưởi theo sau.

Đoàn người ngồi trên hai chiếc máy kéo và trên lưng con lạc đà, cùng con chó hung lon ton theo sau, cố nép sát vệ đường, tiến về hướng bờ khe Malakumdychap, nơi mà điều hâu làm tổ trên một gò đất sét, giữa một cái rãnh sâu khuất nẻo. Giá vào lúc khác, điều hâu lo lắng, phát hiệu báo động, rồi tránh ra xa, nhưng vẫn không rời mắt khỏi những người khách lạ, đoạn sẽ hối hả bay đi gọi vợ, lúc này đang sẵn mồi trên cái gang sơn hợp pháp của nó ở kế bên, để hai vợ

chồng còn hợp tác với nhau phòng khi cần bảo vệ tổ ấm. Nhưng bây giờ con điều hâu đuôi trắng vẫn bình chân như vại, vì lũ con của chúng đã đủ lông đủ cánh rời tổ lâu rồi. Hai cánh ngày một cứng cáp, lũ điều hâu con mỏ khoằm, mắt màu hổ phách, giò đây đã biết sống tự lập, chiếm cứ những cỏi giang sơn riêng trên đất Sarozek quanh đây, và tỏ ra chẳng niềm nở mấy khi gặp lại bố mẹ già, tình cờ lạc bước đến những giang sơn của chúng...

Con điều hâu vẫn dõi mắt theo đoàn người đang quay trở về; theo thói quen, chim không bỏ sót những gì đang diễn ra trong lãnh địa của mình. Con chó hung cứ quần quít bên chân đoàn người, khiến nó chú ý nhiều nhất. Cái gì đã ràng buộc nó với họ, vì lẽ gì nó không tự đi kiếm ăn lấy, mà cứ ve vẩy đuôi, chạy theo sau, trong khi họ vẫn đang bận bịu với những công việc riêng của chính họ? Sống kiểu ấy thì sống làm gì? Chim cũng rất bận tâm đến những vật lạ mắt, lấp lánh trên ngực người cười lạc đà. Chính vì thế nên nó nhận thấy ngay người cười lạc đà đi sau, bất thần rẽ sang bên, và băng ngang sườn đồi, chạy lên phía trước, đón đầu hai chiếc máy kéo, lúc này đang chạy trên một khúc quanh của sườn đồi. Người ấy thúc con lạc đà chạy mỗi lúc một nhanh thêm, quất roi vun rút. Những vật lạ mắt sáng lấp lánh nháy nhót và kêu leng keng trên ngực ông già. Con lạc đà cắm cúi chạy

dấn lên, bốn vó sai rộng, còn con chó hung thì phi nước đại theo sau...

Cảnh ấy tiếp diễn khá lâu, cho đến lúc người cuối lạc đà vòng được lên phía trước mũi chiếc máy kéo đi đầu. Người ấy dừng lại, chắn ngang giữa đường, ngay trước lối rẽ vào thung lũng Malakumdychap. Hai chiếc máy kéo vội dừng lại.

- Gì thế? Lại chuyện gì nữa đây? - Shabitzhan thò đầu ra ngoài buồng lái, hỏi.

- Chẳng có gì. Tắt máy đi - Edigej-Bảo Tuyết ra lệnh - Tôi có câu chuyện muốn bàn.

- Lại chuyện gì nữa? Bọn này chán đến tận mang tai rồi, đừng làm mất thì giờ nhau nữa.

- Cậu chẳng phải chờ lâu đâu. Vì chúng tôi sẽ an táng ông cụ tại đây.

- Thôi đi! Nhạo báng thế chưa đủ sao? Shabitzhan nổi dóa lên, nói rộng thêm chiếc cà-vạt trên cổ, lúc này đã nhàu nhò như một mẫu giẻ - Tôi sẽ tự tay chôn cất bố tôi tại ga, không bàn biếu lồi thối gì nữa hết! Đủ lắm rồi!

- Shabitzhan này! Ông cụ là bố anh, chẳng ai tranh giành với anh cái khoản ấy đâu. Nhưng đâu phải một mình anh đang sống trên đời này? Bởi thế, dù muốn dù không, anh cũng phải nghe mọi người chứ. Những gì xảy ra ở chỗ trạm gác, anh đã thấy tận mắt nghe tận tai rồi. Tất cả chúng ta ở đây, chẳng ai có lỗi hết. Nhưng còn một lẽ nữa, anh giấu cho kỹ. Anh đã thấy ở

đâu người ta đưa người chết đi chôn, rồi lại phải mang trở về nhà chưa? Chưa bao giờ, đúng không nào? Mà cái nhục ấy, anh biết sẽ đổ xuống đầu ai không? Xuống chúng tôi đây. Tự cổ chí kim, chưa bao giờ thấy ai làm thế cả.

- Mặc, tôi bất chấp hết - Shabitzhan cãi.

- Bây giờ thì anh làm thế được vì no mất ngon giận mất khôn. Nhưng mai kia anh sẽ thấy nhục. Nghĩ cho kỹ đi. Thật không có gì nhục bằng. Đã mang đi chôn, rồi lại phải lộn về.

Đúng lúc đó, Edilbaj-Cò Hương đã nhảy ra khỏi máy kéo. Anh con rể cũng tèo xuống và Zhumagali cũng bước lại, để xem chuyện gì. Edigej-Bảo Tuyết cười trên lưng con Karanar tiến về phía họ, bác nói:

- Các bạn, tôi xin nói thế này. Ta đừng làm trái tục lệ của giống người, đừng đi ngược lại những luật lệ của trời đất, của muôn vật! Chưa bao giờ có chuyện đưa người chết đi chôn, mà lại phải mang trở về. Xưa nay, đã mang ai đi chôn cất, thì nhất định phải mai táng người quá cố dưới đất. Chả ai làm ngược lại cả. Đây, trước mặt ta là bờ khe Malakumdychap. Đây cũng là đồng đất Sarozek của chúng ta! Tại đây, tại Malakumdychap này, bà Najman-Ana đã khóc những giọt nước mắt cao cả của bà mẹ. Thế thì mộ của cụ Kazangap phải đặt tại đây. Rồi đến tôi nữa, tôi cũng muốn được chôn cất tại đây.

Cầu trời để được chính tay các bạn làm việc đó cho tôi. Tôi sẽ cầu nguyện, để xin các bạn làm cho tôi việc ấy. Bây giờ, hẳn chưa muộn đâu, các bạn ạ - trên kia, ngay trên bờ khe cao đó, ta sẽ chôn người đã khuất!

Edilbaj-Cò Hương nhìn chỗ đất Edigej vừa chỉ. Anh quay sang hỏi chàng trai lái máy đào đất:

- Sao, Zhumagali, cậu cho máy trèo lên đó được chứ?

- Được, có gì đâu mà không được. Mỏm đất cao kia...

- Khoan đã, cái mỏm đất kia chứ gì? Người cần hỏi việc này trước tiên, là tôi đây! - Shabitzhan chen vào.

- Thì chúng tôi cũng hỏi cả cậu nữa đấy chứ

- Zhumagali đáp - ai nói sao, cậu đều nghe cả. Cậu còn cần gì nữa nào?

- Tôi bảo là chế nhạo thế, đủ rồi! Đúng là một sự phỉ báng! Về ga thôi!

- Nếu cậu mà nghĩ đến chuyện phỉ báng, thì đưa người chết từ nghĩa địa trở lộn về mới đúng là sự phỉ báng! - Zhumagali nói - Cho nên, phải ngấm nghĩ cho chín đi.

Mọi người đều nín lặng.

- Bác với các anh muốn tính thế nào tùy thích - Zhumagali lên tiếng - tôi cứ đi đào huyết đây. Phận sự của tôi là đào huyết, phải đào cho ra đào. Trời lại sắp tối rồi. Để lát nữa tối tăm,

còn thấy đường đâu mà làm nữa. Ai muốn sao tùy thích.

Và Zhumagali tiến đến chiếc máy đào đất "Belarus", anh bình tĩnh nổ máy băng qua mép đường, cho xe leo lên một ngọn gò thấp, để từ đó lái thẳng tới mép khe Malakumdychap, Edilbaj-Cò Hương đi bộ theo sau, tiếp đến là Edigej-Bảo Tuyết và con Karanar.

Anh con rể nát rượu nói với Kalibek:

- Cậu mà không lái chiếc máy kéo này lên đó - anh chỉ cái bờ khe cao - thì tôi sẽ nằm lăn ra dưới gầm xe này đây. Tôi chẳng nề gì nữa đâu - Nói chưa hết câu, anh ta nhảy ra, đứng ngay trước mũi máy kéo.

- Sao, đi đâu đây? - Kalibek hỏi Shabitzhan.

- Rặt một lũ dê tiện, rặt một phường chó má: Shabitzhan vặc một câu chửi - Lái đi, chứ còn ngồi mốc ra đây làm gì? Nổ máy đi? Theo cho kịp họ!

Lúc này, con điều hâu trên không trung đang dõi mắt nhìn theo tốp người chậm chạp trèo lên một mỏm đất cao, trên bờ khe. Một chiếc máy dừng phắt lại, và bắt tay đào đất, dồn lại thành đống bên cạnh, hết như một con chuột vàng suslik đào hang. Cùng lúc ấy, chiếc máy kéo, dất theo sau cái rò-mọc, cũng chậm chạp bờ tới. Trên đó vẫn ngồi bó rọ một người cô độc trước một vật bất động, kỳ lạ, trong đưng một cái gì

dài dài quần vải trắng, đặt trên một cái cang. Con chó xù lông màu hung vẫn quanh quần bên chân người, nhưng đến lúc con lạc đà không phải đi đâu nữa, liền nằm phịch xuống bên chân một con vật lông đen.

Con điều hâu hiểu ngay rằng những người khách lạ kia sẽ phải còn ở lại lâu, trên bờ khe kia, để đào đất. Nó liền khoan thai bay ra xa, nói rộng vòng lượn trên thảo nguyên, dịch dần về phía khu vực cấm, để vừa tìm mỗi sản dọc đường, vừa nhìn xem những gì đang xảy ra dưới kia, trong sân bay vũ trụ.

Trên các dãy đường băng trong sân bay vũ trụ, không khí vẫn căng thẳng, như ngày hôm qua. Mọi người đều làm việc liên tục suốt ngày đêm, không phút nào ngừng. Ban đêm, sân bay vũ trụ sáng rực lên dưới ánh hàng trăm ngọn đèn chiếu cực mạnh. Tất cả các bộ phận, tất cả các khu vực đều được huy động. Hàng chục cỗ xe chuyên dụng hạng nặng có, hạng nhẹ có, hàng nghìn nhà bác học và kỹ sư khẩn trương chuẩn bị cho việc thực thi chiến dịch "Vành đai".

Các vệ tinh chống trả, được chế tạo để chuyên phục vụ việc tiêu diệt các thiết bị bay trong vũ trụ, từ lâu, đã nằm sẵn trên bệ phóng, nay được đem ra đặt trên một đường băng đặc biệt trong sân bay. Nhưng theo hiệp định OSV-7, những vệ tinh này tạm thời vẫn chưa được đưa vào sử dụng, để chờ một thỏa thuận riêng, nếu phía Mỹ

cũng đồng ý sử dụng loại phương tiện phòng thủ tương tự. Bây giờ, chúng bỗng tìm được một công dụng mới, nhân dịp thi hành khẩn cấp chương trình phong tỏa mà chiến dịch "Vành đai" đòi hỏi. Cũng những tên lửa - rôbot loại đó hiện thời đang được chuẩn bị để đưa vào không gian, theo kế hoạch thực thi chiến dịch "Vành đai", ngay trên sân bay vũ trụ Nevada của Mỹ.

Thời điểm phóng tại vĩ độ Sarozek theo thỏa thuận là tám giờ tối. Đúng tám giờ không phút không giây, những tên lửa đó phải xuất phát. Tiếp theo, cứ cách nhau một phút rưỡi, chín tên lửa mang vệ tinh chống trả phải lần lượt bay lên không trung, để tạo thành trên mặt phẳng Tây-Đông một vành đai phòng thủ, hoạt động thường xuyên quanh Trái Đất, sẵn sàng tiêu diệt hết mọi thiết bị bay của những hành tinh khác muốn đột nhập vào hành tinh chúng ta. Còn các tên lửa - rôbot phóng từ Nevada thì sẽ thiết lập một vành đai tương tự ở trên mặt phẳng Nam-Bắc.

Đúng ba giờ chiều, hệ thống kiểm tra trước lúc phóng, mang tên "Năm phút" của sân bay vũ trụ Sarozek-I bắt đầu hoạt động. Năm phút sau, trên tất cả màn ảnh máy thu hình và các bản điều khiển cùng các đường kênh liên lạc của tất cả các bộ phận, tức thì hiện lên con số để nhắc nhở, và kèm theo đó, còn có thêm một giọng nói nhắc gọi đều đều: "Còn bốn giờ năm mươi lăm phút! Còn bốn giờ năm mươi lăm

phút!...". Rồi trước lúc phóng ba giờ, hệ thống mang tên "Một phút" cũng sẽ đi vào hoạt động.

Trước thời điểm này, trạm quỹ đạo "Paritet" đã kịp thay đổi các thông số về vị trí tồn tại của nó trong vũ trụ và, đồng thời đã kịp thay đổi các thông số của hệ thống kênh liên lạc bằng mật mã trên trạm, để loại trừ mọi khả năng tiếp xúc giữa trạm với các phi công song đôi 1-2 và 2-1.

Trong khi đó, từ vũ trụ xa xăm, những tín hiệu vô tuyến liên tục phát đi của hai phi công song đôi 1-2 và 2-1 đều rơi vào hư không, hết như tiếng kêu giữa sa mạc! Họ khẩn thiết yêu cầu dừng cắt đứt đường liên lạc giữa họ và Trái Đất. Họ không bác bỏ quyết định của trung tâm điều khiển, mà chỉ đề nghị hãy nghiên cứu thêm lần nữa vấn đề khả năng tiếp xúc với nền văn minh của hành tinh "Ngực Rừng", xuất phát dĩ nhiên là từ lợi ích của loài người trên Trái Đất trước tiên. Đồng thời họ cũng không yêu cầu phải phục hồi danh dự ngay cho họ, và đồng ý sẽ chờ đợi ít lâu, sẵn sàng làm hết mọi thứ, miễn là trung tâm điều khiển coi việc họ lên hành tinh "Ngực Rừng" là đều phục vụ cho lợi ích của cả đôi bên, do việc thiết lập mối quan hệ giữa hai thiên hà mang lại. Tuy nhiên, cả hai đều kịch liệt phản đối việc hai bên cho thực thi chiến dịch "Vành đai" - tức là tự cô lập toàn cục, mà kết quả, theo họ nhận định, sẽ chỉ đưa đến việc hủy diệt không thể tránh khỏi khả năng

canh tân về mặt lịch sử và kỹ thuật của xã hội loài người, mà để khắc phục nó, nhân loại phải mất đến hàng thiên niên kỷ... Nhưng đã muộn mất rồi... Nhân loại từ giờ trở đi sẽ chẳng còn một ai được nghe giọng nói của họ nữa, sẽ chẳng còn một ai ngờ vực được rằng trong vũ trụ bao la, giọng nói của họ vẫn đang khẩn thiết kêu gọi một cách tuyệt vọng...

Lúc này, trên sân bay vũ trụ Sarozek-I hệ thống "Một phút" đã đi vào hoạt động, báo hiệu thời điểm mở màn của chiến dịch "Vành đai" sắp sửa bắt đầu...

Con điều hâu, sau khi kết thúc chuyến bay do thám định kỳ, lại xuất hiện trên bờ khe Malakumdychap. Con con người, lúc này đang tiến hành những công việc của chính họ - đào đất bằng xẻng. Chiếc máy đào đã bới lên một đồng đất to tướng. Giờ đây, nó đang thả gàu xúc xuống cái hố sâu ấy, múc lên những tảng đất sét cuối cùng. Lát sau, nó đã làm xong công việc, lùi sang một bên, nhường chỗ cho con người bắt tay sửa sang đáy hố cho bằng phẳng, tươm tất. Con lạc đà vẫn đứng ở chỗ cũ, nhưng con chó hung thì đã biến đi đâu mất. Nó lùi đi đằng nào thế nhỉ? Con điều hâu bay đến gần hơn. Chim lượn một vòng trên bờ khe, quay đầu khi sang phải, khi sang trái. Mãi sau chim mới nom thấy con chó hung: thì ra nó đang nằm duỗi dài dưới chiếc rờ-mọc, sát hai bên chiếc bánh cao

su. Nó nằm nghỉ ở đó, không chừng còn thiêu thiêu ngủ nữa, chẳng buồn để ý đến con điều hâu gì cả. Suốt ngày hôm nay, điều hâu đã lượn trên đầu nó bao lần, thế mà nó chẳng thèm ngược mắt lên trời, nhìn con chim lấy một lần nào. Giá là một con chuột vàng suslik, thì thế nào nó cũng đứng thẳng hai chân sau, đầu tiên nhìn quanh một vòng, sau đó ngẩng lên trời, xem có gì nguy hiểm không. Đằng này con chó chẳng sợ hãi gì, chẳng bận tâm gì - nó đã quen sống bên con người rồi. Xem nó nằm thoải mái chưa kìa! Con điều hâu trong giây lát bỗng thấy bùng lên một nỗi ghen tức và nó triển gân, xếp đuôi lại, nhăm thẳng về phía con chó, lao vút xuống như một phát đạn. Ra cách bảo cho mày biết thân!

Có một vật gì đó lướt nhẹ qua ống tay áo Edigej-Bảo Tuyết, từ trên xuống dưới. Đó là bóng con điều hâu. Nhưng từ đâu ra cái bóng ấy nhỉ? Edigej phúi ống tay áo một cái, rồi ngẩng đầu lên. "Lại cái con đuôi trắng. Nó đã lượn bao nhiêu vòng trên đầu mình rồi. Nó lượn vòng thế, làm gì nhỉ? Hẳn nó thích thế. Nhỏn nhơ chao cánh trên không trung thì còn gì thú bằng". Tiếng Edilbaj-Cò Hương từ dưới đáy huyết vọng lên, cắt ngang ý nghĩ của bác:

- Bác Edike, bác ngắm thử đi! Đã đủ sâu chưa hay còn phải đào thêm?

Edigej từ mép huyết chồm người ra, nhìn xuống.

- Anh đứng lùi về góc kia một tí - bác bảo Edilbaj - còn cậu, Kalibek, hăng tam trèo lên đã. Cám ơn.Ồ, khéo đủ sâu rồi đấy. Giờ chỉ còn khoét rộng thêm chiều ngang một chút nữa thôi, Edilbaj ạ. Dấu sao cũng phải cho cái huyết nó cân phân hơn.

Dặn dò thế xong, Edigej-Bảo Tuyết liền xách can nước ra phía sau chiếc máy đào đất, bắt tay vào việc tẩy uế tay chân trước lúc cầu nguyện, đúng như phép tắc đã định. Lúc này, bác đã ít nhiều bình tâm hơn - dù không chôn cất được bạn tại Ana-Bejit như bác hằng ao ước, nhưng dấu sao cũng đã tránh được cái điều sỉ nhục ghê gớm là mang thi hài người quá cố trở về. Giá không kiên tâm, thế nào cũng phải chuốc lấy nỗi nhục ấy. Bây giờ phải khẩn trương, để còn kịp quay về Boranly-Bảo Tuyết, trước khi sắp sập tối. Ở nhà chắc đang mọi mắt chờ và sẽ lo cuống lên, nếu bác và mấy anh em về trễ. Bác đã hứa sẽ về trước sáu giờ, còn vì phải chuẩn bị cho bữa cúng nữa. Nhưng lúc này đã gần năm giờ rồi. Mà nào còn phải chôn, phải vượt qua gần ba chục dặm đường đất. Đi nhanh cũng phải mất vài giờ. Nhưng, chuyện chôn cất đâu có thể làm quá quá được. Thôi, cùng lắm thì đành lùi bữa cúng lại chút ít. Chú biết làm sao...

Tẩy uế xong, Edigej cảm thấy lòng nhẹ nhõm, đã có thể sẵn sàng bắt tay ngay vào những nghi lễ cuối cùng. Vặn chặt can nước lại, bác từ sau

chiếc máy đào đất bước ra, vẻ mặt trang nghiêm. Bác định đặc đưa tay lên vuốt chòm râu, rồi cất giọng khá oai nghiêm:

- Hồi Shabitzhan, con trai Kazangap, kẻ nô lệ vừa qua đời của Thượng đế, người hãy đứng bên tay trái ta đây, còn các người, hãy mang thi thể người quá cố đặt lên mép huyết, đầu quay về hướng Tây - Khi mọi việc đã làm đúng theo lời phán bảo, Edigej liền tiếp: - Bây giờ ta hãy thành tâm hướng về đấng Kaaba thiêng liêng. Hãy giang rộng hai tay ra trước người, hãy nghĩ về Thượng đế, để mọi lời cầu nguyện của ta trong giờ phút này đều thấu được đến tai Người.

Edigej xiết đôi kính ngạc: sau lưng mình, không một tiếng cười, không một lời xâm xì giễu cợt! Bác rất hài lòng, cho dù đám trai trẻ kia có thể nghĩ bụng: thôi thì cứ mặc cho ông lão muốn tự huyền hoặc đầu óc mình thế nào tùy thích, ngỡ mình là linh mục cũng chả hề gì, miễn sao chôn cất cho chóng vánh để về cho sớm sửa. Khi đánh liều đứng ra cầu nguyện cho buổi lễ chôn cất, Edigej cũng chẳng biết gì hơn ngoài một cái cần phải theo là phải đứng, chứ không được ngồi. Vì bác được nghe những người am hiểu nói rằng: Ở các nước Ả Rập, quê hương đạo Thánh, khi cầu hồn người chết, trước lúc hạ huyết, người hành lễ phải rướn cao người cho thật hết tầm cỡ. Tuy không rõ phải nên như thế nào, nhưng trong thâm tâm, Edigej cũng thật

bụng muốn sao cho mái đầu điểm bạc của mình càng gần với vòm trời cao kia bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu.

Nhưng, trước lúc hành lễ, Edigej-Bảo Tuyết cũng đã lần lượt quay mặt sang hai hướng tả hữu, rồi hai hướng đất trời, vái bốn bên liên, dâng cầu xin dâng tối cao đã tạo nên thế gian bất di bất dịch mà trong đó con người ngẫu nhiên sinh ra rồi tình cờ biến mất cùng với sự luân chuyển thường hằng của ngày đêm, sáng tối, về chúng giám buổi lễ.

Bác lại chợt nhìn thấy con điều hâu đuôi trắng thêm lần nữa. Con chim đã dự tính sẵn là phải vẫy cánh thật êm, để lượn vòng thật cao trên khoảng không trung, trên bờ khe Malakumdychap. Tuy thế, con điều hâu chẳng hề làm Edigej xao nhãng; trái lại, nó giúp bác dồn hết những ý nghĩ cao cả trong tâm tư mình về một mối.

Trước mặt bác, bên mép huyết sâu là thi hài của cụ Kazangap, quấn chặt trong mảnh da trắng muốt, thản nhiên nằm trên cáng. Vừa lâm râm khấn nguyện những câu kinh dành trong dịp đọc bên mộ người quá cố, đã được soạn sẵn từ trước để cầu nguyện cho hết thấy mọi người, trong hết thấy mọi thời, từ buổi sáng thế cho đến ngày tận thế; trong đó bao giờ cũng mở đầu bằng những câu răn đe, cảnh tỉnh, bất di bất dịch đối với bất kỳ ai, cho dù anh ta sống ở bất cứ thời nào, thậm chí đối với cả những người

mai kia mới cất tiếng khóc chào đời. Bác lăm lăm bấm trong miệng những câu kinh khuôn sáo về những lễ thường hằng của kiếp người, mà ai ai cũng thừa nhận, vốn đã được các đấng tiên tri thấu hiểu và di chúc lại cho hậu thế. Edigej-Bảo Tuyết gửi gắm thêm vào đó những ý nghĩ, những suy tư, từng nẩy nở trong tâm hồn và trong vốn kinh nghiệm sống của chính mình. Quả nhiên, con người được sinh ra ở đời thật chẳng phải hoài công!

"Hỡi Thượng đế, nếu Người quả tình nghe thấu được những lời cầu nguyện của con, những lời mà con đã nhắc lại y nguyên trong kinh bốn, như ông cha con xưa nay vẫn làm, thì xin Người cũng mở lòng lắng nghe luôn những điều con vừa khẩn thêm mới rồi. Con nghĩ: những lời trong kinh bốn chẳng cần ngại gì những điều con vừa khẩn thêm kia.

"Chúng con đang phải đứng ở đây, trên bờ khe Malakumdychap, bên nắm mồ của Kazangap chưa lấp đất, giữa chốn đồng không mông quạnh này, chẳng qua chỉ vì người ta đã không để cho chúng con chôn cất ông cụ tại nghĩa địa thiêng liêng cố cựu của chúng con. Trên trời cao, một con diều hâu đang nhìn chúng con đứng đây, hai tay dang rộng, để tiễn biệt ông già Kazangap. Hỡi Thượng đế vĩ đại, nếu Người có thật, xin Người hãy tha tội cho chúng con và mở lòng nhân đức đón nhận kẻ nô lệ của Người là

Kazangap, và nếu thấy xứng đáng, xin Người hãy đưa linh hồn kẻ nô lệ ấy lên cõi yên tĩnh đời đời. Hết thấy những gì có thể làm được, chúng con đều đã dốc sức làm. Những gì còn lại, hỡi Thượng đế! Chúng con xin phó thác vào tay Người.

"Giờ đây, nếu con có phải cầu xin Người trong giờ phút linh thiêng này, xin Người cũng hãy chịu khó nghe con, trong khi con đang còn được sống và trí não con còn sáng suốt. Chúng sinh dưới thế rõ ràng chẳng còn biết cầu xin ai nữa, nếu không quấy quá đến Người. Thôi thì xin Người hãy thương lấy họ, giúp họ, che chở cho họ! Thiên hạ trông mong ở Người nhiều thứ quá, bất kể họ là người ngay thật hay kẻ gian tà. Ngay như đứa sát nhân, hẳn cũng muốn được Người ngự trị trong linh hồn hẳn, hướng hô ai khác. Thế mà Người vẫn nín lặng, chẳng bao giờ hé răng nói lấy một lời. Người trần mắt thịt chúng con, theo con nghĩ, đâu còn biết cầu xin ai, nhất là khi lâm vào những tình cảnh khốn đốn - Người ngự trị trên chín tầng trời kia chẳng qua chính là để đáp lại lòng trông đợi đó thôi. Người khổ tâm biết bao, vì những lời cầu xin bất tận của chúng con, con hiểu lắm. Đã thế, Người lại chỉ trợ trợ có mỗi một mình. Bởi lẽ ấy nên con chẳng nỡ đòi Người phải ban cho con thứ này thứ nọ. Con chỉ muốn nói cùng với Người những điều con nghĩ lúc này thôi.

"Con cay đắng biết bao, vì nghĩa địa thiêng liêng của chúng con, nơi bà Najman-Ana từng an nghỉ; từ nay, chúng con chẳng bao giờ còn được đặt chân đến nữa. Bởi lẽ ấy nên con mong Người hãy định đoạt giúp con, đừng con cũng được nằm xuống tại đây, trên bờ khe Malakumdychap, nơi đã từng in dấu chân của bà Najman-Ana. Đừng con được yên nghỉ bên cụ Kazangap đây, người mà chúng con sắp sửa trao thi thể lại cho đất lạnh. Nếu quả linh hồn của con người sau khi chết sẽ được hóa kiếp thành một giống vật khác, xin Người đừng bắt con phải làm con giun cái kiến - con ước ao được hóa thành con chim điều hâu đuôi trắng. Để được bay lượn như kia, trên bầu trời Sarozek, được mãi mãi ngắm nhìn mảnh đất của chúng con từ trên cõi cao xanh. Nếu cần cầu xin, con chỉ cầu xin Người có vậy.

"Lời di chúc này, con sẽ dẫn lại các chàng trai cùng con đến đây chôn cất cụ già. Con sẽ dẫn họ rằng ước vọng của con là được họ đem ra chôn cất tại đây. Con chỉ chưa biết rồi đây ai sẽ đứng ra cầu nguyện trước thi thể của con thôi. Họ không tin Thượng đế, cũng không biết lấy một lời cầu nguyện. Chưa hề có ai dám bảo rằng mình biết trên thế gian này Thượng đế có tồn tại hay không tồn tại. Kẻ bảo có, người bảo không. Riêng con, con muốn tin rằng Người có tồn tại và Người ngự trị trong mỗi ý nghĩ của con. Và khi con hướng về Người, để đọc những

lời khẩn nguyện này, trong thâm tâm con, muốn qua Người để gửi những lời ấy đến với chính lòng mình, và xin Người, trong giờ phút thiêng liêng này, hãy giúp cho đầu óc con giữ được sự sáng láng đặng suy nghĩ, như trí sáng suốt của chính Người, lúc Người suy nghĩ vậy, hồi Đấng Sáng tạo. Sự tình chung qui chỉ có vậy! Nhưng những anh chàng trai trẻ kia, họ đâu có nghĩ thế và họ coi khinh những lời cầu nguyện. Nhưng, trong giờ phút trọng đại, khi phải đứng trước cái chết, liệu họ có thể nói gì với chính mình và với người khác? Con thấy họ sao mà đáng thương; bởi lẽ họ làm cách nào để thấu hiểu được cái cõi sâu kín của lòng người, khi họ chẳng còn con đường nào khác để nâng mình lên trong suy tưởng, nếu như bất thần mỗi người trong số họ được cơ may hóa thành Thượng đế? Xin Người hãy tha thứ cho con cái tội phạm thượng, bất kính ấy. Dĩ nhiên, chẳng một ai có thể hóa thành thượng đế, chứ không, Người vị tất phải tồn tại. Nếu con người không thể âm thầm tự phong mình làm Thượng đế để đứng ra bênh vực cho hết thảy mọi người như Người đã từng bênh vực cho chúng sinh dưới thế; thì hồi Thượng đế, cả Người nữa, Người cũng sẽ chẳng còn là Thượng đế nữa... Riêng con, con không muốn rằng Người sẽ biến mất mà chẳng để lại dấu tích gì nơi hạ giới...

"Đấy chính là tất cả những điều con lo âu và cũng là nỗi buồn của con. Tuy nhiên, con xin

Người tha tội cho con, nếu con có điều gì không nên, không phải. Con là kẻ quê mùa, chất phác, chỉ biết nghĩ sao nói vậy. Giờ con khẩn nót những lời cầu nguyện trong kinh bốn linh thiêng, rồi xin Người để cho con bắt tay vào việc chôn cất. Hỡi thượng đế, hãy ban cho chúng con mọi điều tốt lành, đừng chúng con hoàn tất việc này..."

- A men! - Edigej-Bảo Tuyết thốt lên, để chấm dứt những lời cầu nguyện theo nghi lễ. Đoạn, bác nín thình trong chốc lát, ngược nhìn con điều hâu lần nữa, rồi lòng da diết buồn, quay mặt về phía mấy người trai trẻ đứng sau lưng, mà bác vừa thừa hết với chính Thượng đế những suy ngẫm của mình về họ. Cuộc đàm đạo với Thượng đế thế là kết thúc. Trước mặt bác sừng sững năm chàng trai đã cùng theo chân bác đến đây và sắp sửa lại phải cùng bác làm nốt những công việc cuối cùng của buổi lễ chôn cất này.

- Thôi - Edigej nói với họ bằng một giọng thâm trầm, những gì phải làm trong lúc khẩn nguyện, tôi đã làm thay phần các chú rồi. Bây giờ ta vào việc thôi.

Edigej-Bảo Tuyết cởi chiếc áo vét-tông lấp lánh huân chương ra, nhảy xuống đáy huyết trước tiên. Edilbaj-Cò Hương giúp bác. Shabitzhan, với tư cách con trai người quá cố vẫn đứng tách riêng ra, đầu cúi thấp để tỏ lòng thương xót. Ba người kia - Kalibek, Zhumagali và anh con rể

nát rượu - nâng thi hài bọc trong miếng da trắng tinh lên khỏi cang, đưa lại bên miệng huyết, trao tay Edigej và Edilbaj-Cò Hương.

"Giờ phút vĩnh biệt đã đến! - Edigej-Bảo Tuyết vừa đặt cụ Kazangap xuống lòng huyết sâu, nơi yên nghỉ đời đời của người quá cố, vừa thầm nghĩ - Thứ lỗi cho tôi đã chẳng chịu để anh nằm yên ở đâu lâu lâu một chút, suốt từ lúc anh nhắm mắt đến giờ. Cứ khiêng tới, khiêng lui suốt cả ngày hôm nay. Nhưng thôi, từ giờ anh khỏi phải lo. Cũng chả phải tại anh em chúng tôi mà anh không được yên giấc trên Ana-Bejit. Nhưng anh đừng tưởng là tôi sẽ để yên cái chuyện ngang ngược này đâu. Tôi sẽ bỏ đi khắp mọi cửa. Chừng nào còn sống, tôi còn chưa chịu làm thinh. Tôi sẽ nói thẳng vào mặt bọn họ! Bây giờ, anh hẳn yên nghỉ nơi này. Trái đất này rộng lớn lắm, chán vạn gì chỗ, thế mà, anh thấy không, anh chỉ được dành riêng chưa đầy năm thước đất, ở đây. Có điều chỉ mai kia thôi, anh sẽ thoát khỏi cảnh phải nằm một thân một mình ở chốn này. Chẳng mấy nă tôi cũng sẽ lại đến đây với anh, Kazangap ạ. Chịu khó chờ tôi ít lâu, nhé! Đừng nghi ngờ gì cả. Nếu không gặp một tai họa bất ngờ nào, tôi được chết cái chết bình thường của số phận, tôi sẽ tự tìm đến đây, bấy giờ hai ta lại sẽ bên nhau. Rồi chúng mình sẽ hóa thân thành đất Sarozek. Có điều lúc ấy ta chẳng hề hay biết gì nữa. Nhưng

cần gì, lúc sống ta đã biết rõ thế rồi. Chính vì lẽ đó mà tuy nói với anh, nhưng thật ra là tôi nói với chính mình. Lúc sống anh là gì, bây giờ anh chẳng còn là thế nữa. Chúng mình, ai chẳng đi từ hiện hữu sang cõi hư vô. Các chuyến tàu sẽ vẫn còn chạy qua Sarozek, và những người khác rồi sẽ đến thay chân chúng mình..."

Nghĩ đến đây, Edigej bỗng trở nên già khụ hủn, bật lên một tiếng nức nở - những gì đã từng xảy ra trong bao năm cùng sống bên nhau tại ga Boranly-Bảo Tuyết, tất cả cái khối năm tháng tưởng chừng đồ sộ ấy, mọi tai họa, mọi gian truân và mọi nỗi buồn vui đã gặp, đều dồn lại trong mấy lời vĩnh biệt vừa rồi và mấy phút chôn cất này đây. Con người được ban cho nhiều biết bao, nhưng cũng ít biết bao!

- Cậu nghe rồi đấy chứ, Edilbaj? - Edigej thốt lên, khi họ đứng sát vai nhau trong cái huyết chạt hẹp. - Chôn tôi ở đây, để hai chúng tôi được cùng nằm bên nhau, nhé! Cũng nâng bằng hai tay, đặt tôi xuống thế này và cũng làm hết thấy những gì tôi sắp làm đây, để tôi được yên nghỉ như thế này, Edilbaj nhé! Có dám hứa với tôi không nào?

- Thôi đi, bác Edike, mai mốt ta hẵng bàn chuyện đó. Bây giờ bác hãy trèo lên đi. Để cháu làm nốt mọi thứ cho. Bác yên tâm cứ trèo lên đi. Kéo lại mết.

Khuôn mặt đầm đìa mồ hôi dính bê bết đất sét, Edigej-Bảo Tuyết ì ạch trèo lên. Mấy người đứng trên chìa tay ra giúp bác. Khi đã đứng trên mép huyết, bác vẫn còn thút thít, miệng không ngớt lẩm bẩm những lời than thở. Kalibek vội vàng xách can nước lại cho ông già rửa tay.

Rồi mọi người xúm nhau hốt đất vào hai lòng bàn tay, mỗi người một bụm, rắc xuống huyết, từ phía cuối gió. Tiếp đó, họ dùng xẻng xúc đất. Được mười xẻng, Zhumagali liền ngồi vào sau tay lái, điều khiển chiếc cần gạt trước mũi xe dồn đất xuống huyết. Rồi mọi người lại cầm lấy xẻng, đắp thành một nấm mộ cao...

Con điều hâu đuôi trắng vẫn lượn trên đầu, đôi mắt nhìn đám bụi bốc cao và nhúm người ít ỏi đang lúi húi làm một công việc kỳ lạ trên bờ khe Malakumdychap. Nó thấy họ bỗng nhận nhịp hẫng lên, khi bên trên cái hố ban nãy đã nhô cao một đồng đất mới. Và con chó hung lúc này đã vươn vai đứng dậy, rời gầm rờ-moọc, chạy tới bên đám người. Nó cần gì ở đó nhỉ? Chỉ có con lạc đà già, trên lưng phủ tấm thảm riềm tua, vẫn đứng nguyên một chỗ, thản nhiên trệu trạo cặp quai hàm to bạnh, nhai đi nhai lại liên hồi những thức ăn chua nghiền nát ở trong dạ dày...

Hình như họ đang thu xếp ra về. Nhưng không, người cưỡi lạc đà ban nãy đã đứng gần lại trước ngôi mộ mới, ngửa hai lòng bàn tay ra,

giang rộng về phía trước. Những người khác lần lượt làm theo...

Thời giờ đã gấp gáp lắm rồi! Tuy vậy, Edigej-Bảo Tuyết vẫn định đặc đưa cặp mắt chăm chú, nhìn khắp mọi người, cao giọng:

"Công việc thế là đã xong xuôi. Kazangap có phải là người tốt không?

- Ông cụ là người tốt ạ - mọi người đồng thanh đáp.

- Ông cụ còn mang công mắc nợ gì ai nữa không? Con trai ông cụ có mặt đây, anh ta sẽ đứng ra trang trải thay cha.

Chẳng ai nói gì. Kalibek đành đáp thay cho tất cả:

- Không, không còn nợ nần gì ai cả.

- Thế anh sẽ phải nói gì đây, Shabitzhan, con trai cụ Kazangap?

- Xin cảm ơn tất cả - Shabitzhan đáp gọn lỏn.

- Thôi, đã thế thì nào, ta ra về! - Zhumagali nói.

- Khoan! Tôi xin nói một lời nữa thôi - Edigej-Bảo Tuyết ngăn Zhumagali lại - Ở đây, tôi là người cao tuổi nhất. Tôi muốn yêu cầu tất cả các bạn một điều. Nếu tôi có mệnh hệ nào, xin các bạn hãy đem tôi lên đây, chôn cất bên ông già Kazangap kia. Các bạn nghe rõ rồi chứ?

Cứ coi đó là lời di chúc của tôi, mong các bạn hiểu cho.

- Khoản đó chẳng ai biết trước được đâu, bác Edike ạ. Đã thế, thì liệu trước làm gì - Kalibek nói lên nỗi ngờ vực của chính mình.

- Cũng chả sao - Edigej vẫn khẳng khẳng giữ nguyên ý mình. - Việc phải nói, tôi cứ nói; còn việc phải nghe, xin các bạn cứ nghe. Bao giờ chuyện ấy xảy đến, các bạn hãy nhớ lại lời tôi đã dặn.

Để không khí bớt căng thẳng, Edilbaj đánh bạo nói đùa với ông già:

- Nào, còn những di chúc vĩ đại nào nữa, xin bác cứ cho biết luôn một thể đi, bác Edike.

- Này, anh đừng có mà đùa nhả - Edigej nổi cáu - Tôi nói nghiêm trang đấy.

- Thôi được, bọn cháu xin ghi nhớ, bác Edike ạ - Edilbaj-Cò Hương dẫu dịu, cho ông già nguôi giận - Nếu bác có mệnh hệ nào, chúng cháu sẽ xin làm đúng như ý bác muốn. Bác đừng lo.

- Đấy mới là lời hứa của một nam nhi - Edigej lâu bầu, về măn nguyện.

Hai chiếc máy kéo bắt đầu quay mũi, bò xuống chân khe. Dắt con Karanar theo sau, Edigej-Bảo Tuyết sóng bước bên Shabitzhan, trong khi hai chiếc máy kéo xuôi dốc. Bác muốn bàn tay đôi với hấn về điều đang khiến bác khắc khoải trong lòng.

- Shabitzhan này, bây giờ mọi việc đã xong xuôi, tôi muốn đem câu chuyện này bàn cùng cậu. Ta tính sao đây về cái nghĩa địa vùng mình, về Ana-Bejit ấy, hả? - Bác nói với hần ta bằng giọng thăm dò.

- Tính sao u? Thì còn tính toán làm gì nữa cho mệt óc - Shabitzhan đáp - Kế hoạch là kế hoạch. Rồi họ sẽ hủy bỏ đi, đúng như kế hoạch. Vói lại, chung qui đó chỉ là chuyện cổ tích, chứ quái gì.

- Tôi, tôi không nghĩ thế! Cứ như cậu, chuyện gì cũng đều có thể mặc kệ hết. Đây nhé: cậu đã sinh ra và lớn lên ở đây, đúng không nào? Bố cậu đã dạy dỗ cậu, nuôi cho cậu ăn học. Thế mà bây giờ lại phải đem chôn ông cụ ở nơi khác. Trơ trọi một mình giữa đồng trống! Cũng may là dấu sao vẫn còn được nằm trên đồng đất quê mình. Cậu có chữ nghĩa, lại đang làm việc trên tỉnh; nhờ trời, cậu có thể mang chuyện này ra nói giúp chỗ này, chỗ nọ. Sách vở các thứ, cậu đọc cũng nhiều...

- Thế bác muốn gì ở cháu nào? - Shabitzhan ngắt lời Edigej.

- Muốn cậu giúp tôi chuyện đó, cậu với tôi cùng đi, khi còn chưa muộn. Mai ta đi ngay, lên gặp mấy người chỉ huy trong khu vực ấy, thế nào chẳng có một ông chỉ huy cao nhất. Phải bảo cho họ biết là không được ủi thành bình địa

Ana-Bejit của chúng mình. Đấy, câu chuyện tôi muốn bàn chỉ có vậy.

- Bác Edigej ạ, bác phải hiểu thế này: những chuyện bác nói đều là những chuyện cổ tích, chuyện đời xưa, cũ kỹ lắm rồi. Ở đó, người ta đang giải quyết những vấn đề vũ trụ, tầm cỡ thế giới; thế mà chúng ta lại đưa nhau đến, lôi cái chuyện vớ vẩn ấy ra mà kiện cáo! Ai người ta cần đến nó. Người ta có coi cái nghĩa địa đó là gì đâu mà bảo kiện với cáo! Rốt cục, người ta chẳng để cho bác với cháu vào trong ấy chôn cất...

- Nhưng nếu ta không đi, họ vẫn không để cho chúng ta vào. Còn nếu ta đòi, người ta mới không dám cấm cản chúng ta. Mà không, phải bắt chính cái ông chỉ huy ấy đến gặp ta mới đúng. Ông ta có phải là núi đầu, mà bảo rằng không nhắc chân lên được.

Shabitzhan ném về phía Edigej một cái nhìn căm giận:

- Thôi, dẹp cái chuyện vớ vẩn đó đi, bố già ạ. Cũng đừng có lôi cháu vào cuộc nữa. Chuyện đó chẳng dính dáng gì vào cháu đâu.

- Tưởng sao, chứ cậu đã nói thế, coi như hết. Chuyện hệ trọng thế mà cứ một hai là cổ tích!

- Thế bác tưởng thế nào? Bảo cháu phải chạy vạy chứ gì? Thôi đi? Cháu có gia đình, con cái đang hoàng, có công ăn việc làm tử tế. Có là hóa rồ mới đi ngoảnh mặt về phía gió thổi

mà nhỏ nước bọt! Sẽ được gì nào? Một cú điện thoại từ sân bay vũ trụ gọi tới - rồi a lê hấp, xoi phốc một cú đá vào mông và bị tống cổ đi chỗ khác. Thôi, xin cảm ơn bác cả nón!

- Nhận trở lại những lời cảm ơn ấy đi - Edigej-Bảo Tuyết gần giọng, đoạn buông thông một câu thật độc địa: - Đá phốc vào mông! Ra câu chỉ biết sống bằng cái mông thôi ư!

- Chứ bác tưởng thế nào? Chính là thế đấy, bố già ạ! Bác thì dễ lắm - vì bác là ai nào? Một anh công nhân quèn, không hơn không kém. Còn bọn cháu, bọn cháu sống bằng cái mông thật đấy, nhưng lại để cho cái mồm được tọng đủ các thứ bổ béo.

- Ra thế đấy! Hồi xưa, ai cũng quý cái đầu, còn bây giờ, hóa ra, người ta lại chuộng cái mông hơn.

- Muốn hiểu thế nào, tùy bác. Có điều chó có nhọc công đi tìm những đứa ngốc trong đám chúng cháu.

- Thôi, rõ rồi. Câu chuyện giữa chúng ta thế là xong! - Edigej-Bảo Tuyết cắt đứt cuộc trò chuyện - Thôi, đi về, để còn làm bữa cúng nữa cho xong, rồi ai đi đường nấy, và nhờ trời, đừng bao giờ phải gặp lại nhau nữa.

- Gặp thì gặp, chả gặp thì thôi - Shabitzhan bĩu môi.

Đến đây, mỗi người đi một ngã. Edigej-Bảo Tuyết bảo con lạc đà quỳ xuống, trèo lên lưng. Dưới chân khe, hai anh thợ lái máy kéo vẫn nổ máy đứng chờ. Nhưng bác chả buồn bảo ngay với họ là cứ chạy trước, để còn về sớm chừng nào hay chừng ấy, kéo ở nhà đang mong. Còn bác, bác sẽ tự tìm về. Với con Karanar kia, bác đâu có cần gì đường sá tử tế, giữa chốn thảo nguyên mênh mông này.

Khi hai chiếc máy kéo đã lên đường. Edigej vẫn đứng sững đấy, chưa biết sẽ làm gì.

Lúc này, bác chỉ còn lại một mình, hoàn toàn cô quạnh giữa Sarozek mênh mông, nếu không kể đến con Zholbars trung thành. Lúc đầu nó lao theo hai chiếc máy kéo, nhưng lúc đến nơi mới chợt hiểu ra rằng ông chủ đã không cùng đi với họ. Nhưng Edigej-Bảo Tuyết chẳng ngó ngang gì đến nó nữa. Ví thử con chó có tự chạy về nhà trước, chưa chắc bác đã hay biết. Xưa nay, chưa bao giờ thế cả. Sự đời vốn chẳng lấy gì làm êm đẹp. Bác không sao làm dịu bớt được cái cảm giác trống trải, nặng nề, xốn xang, trong trái tim đang rất bỏng sau cuộc trò chuyện ngắn ngủi với Shabitzhan. Cảm giác trống trải, xót xa không nguôi kia lan nhanh trong lòng bác, như đang hóa thành một cái hốc rộng hoác, một hẻm núi, toàn sương mù giá buốt. Edigej-Bảo Tuyết dăm hồi hận và ân hận đến nẫu cả ruột gan, vì đã làm một điều vô bổ khi trò chuyện

với Shabitzhan, như ném lời ra giữa gió. Thằng Shabitzhan ấy vị tất đã là người đáng để bác phải bỏ công nhờ khuyên bảo và giúp đỡ? Bác những hy vọng rằng hắn có chữ nghĩa, nói như ai là có học vấn, thì chắc hắn bác sẽ dễ dàng tìm được tiếng nói đồng tình, như với những người có học thức khác. Chẳng biết nó đã học hỏi được những gì ở lớp nọ, lớp kia, ở Đại học nọ, Đại học kia? Không chừng ở đó, người ta đã dạy toàn những điều chỉ cốt biến nó thành một người y như nó bây giờ. Không chừng ở đâu đó, trong những trường, lớp nọ, vốn có một kẻ cũng tinh thông hết thấy mọi thứ, hết như quỹ dữ vậy, đã dày công vun đắp cho Shabitzhan, để Shabitzhan trở thành Shabitzhan, chứ không thể thành ai khác được. Thì chính nó, chính mồm thằng Shabitzhan ấy, đã kể ra, đã tô vẽ ra đủ thứ chuyện nhằm nhí về những người bị điều khiển bằng vô tuyến điện chứ ai. Nó bảo là chẳng còn lâu nữa, thời đại ấy sẽ đến! Biết đâu chính nó đã bị những kẻ vô hình và toàn năng đó điều khiển qua vô tuyến điện...

Càng nghĩ đến chuyện đó, Edigej-già lão càng buồn bực và càng thấy bế tắc.

- Mày là đồ *mankur*! Một tên nô lệ *mankur* chính cống! - bác thâm bảo, lòng vừa căm ghét vừa thương hại Shabitzhan.

Nhưng Edigej hoàn toàn không định nhấn nhục cam chịu những gì bất ung vừa xảy ra,

bác hiểu phải làm một việc gì đó, phải có một cách gì đó để khỏi phải cúi đầu khuất phục. Edigej-Bảo Tuyết hiểu rằng nếu lùi bước, bác sẽ thất bại ngay trước bản thân mình. Bác linh cảm rằng phải làm một điều gì đó trái ngược với cái kết cục hiển nhiên của sự việc, mặc dù bác vẫn chưa thể nói chắc là mình đang muốn làm gì, phải bắt đầu từ đâu, và phải gõ vào cửa nào, để cho những suy ngẫm và những hoài bão của bác về nghĩa địa Ana-Bejit thấu đến tai những người thật sự có đủ quyền hành thay đổi cái mệnh lệnh đó. Phải tác động đến họ, phải thuyết phục họ bằng được... Nhưng làm cách nào để đạt được mục đích ấy? Đến gặp ai? Gõ cửa nào?...

Vất vèo trên lưng con Karanar, Edigej đưa mắt nhìn quanh, lòng nặng trĩu những ý nghĩ buồn rầu. Bốn bề trải rộng những dải thảo nguyên vắng lặng. Bóng chiều đã len lỏi vào tận những sườn đất khô cằn, dốc đứng, của khe Malakumdychap. Hai máy kéo đã khuất lâu rồi, tiếng máy chẳng còn vọng đến được nữa. Đám thanh niên đã đi xa. Người cuối cùng trong số những người am hiểu Sarozek đã giữ được trong ký ức về vùng đất đó - cụ Kazangap - giờ đây đã nằm lại trên bờ khe, dưới nấm mộ lẻ loi mới đắp, giữa thảo nguyên bất tận. Edigej hình dung ra trước mắt cảnh nấm đất ấy dần dà rồi sẽ se lại, khô đi, lẫn vào màu đất vàng ệch mọc đầy ngải cứu vùng Sarozek và sẽ khó lòng, nếu không

nói là không thể nhận ra được nữa. Ai rồi chả thế - vì làm gì có người sống lâu hơn đất, thọ hơn đất...

Vầng mặt trời đã mọng sương chiều, ngả hẳn về tây, chìm dần xuống tận chân trời như không kham nổi gánh nặng trên mình. Ánh trời chiều dần tắt. Trong cảnh hoàng hôn chập choạng, bóng tối mơ hồ hiện ra càng lúc càng rõ dần, nhuộm xanh thêm màu ráng chiều vàng rực ở góc trời tây.

Ngẫm nghĩ kỹ càng mọi thứ xong xuôi, Edigej-Bảo Tuyết định quay lại chỗ đặt thanh gỗ chắn trước lối vào khu vực cấm ban trưa. Bác không nghĩ ra được cách nào khác hơn. Giờ đây, khi đã chôn cất ban tuốt tất, chẳng còn lệ thuộc vào ai, vào gì nữa và, vì thế, có thể hoàn toàn tự do hành động trong chừng mực sức lực được trời đất ban cho và được kinh nghiệm đời tôi luyện còn cho phép; bác sẽ hành động một cách liều lĩnh, táo bạo, đúng như tình thế đòi hỏi. Trước tiên, bác muốn đến bảo những người lính gác kia phải đưa bác đến gặp bằng được viên chỉ huy cao nhất, cho dù có phải bước đi trước đầu mũi súng áp giải của họ chẳng nữa. Nếu cần, gọi viên chỉ huy đó ra tận cổng, để nghe những lời trình bày của bác Edigej-Bảo Tuyết. Và lúc bấy giờ, bác sẽ nói thẳng vào mặt họ hết thảy những gì bác nghĩ...

Nghĩ kỹ trong đầu tất cả những điều vừa tưởng tượng ra kia, Edigej-Bảo Tuyết quyết định hành động ngay - bác định bụng sẽ đưa câu chuyện đau lòng vừa xảy ra với đám tang cụ Kazangap làm cái cớ trực tiếp. Bác quyết định dứt khoát phải tỏ rõ sự cứng cỏi trước thanh gỗ chắn đó, đòi họ phải để cho mình vào gặp, hoặc gọi viên chỉ huy kia ra, và hành động đầu tiên ấy sẽ buộc những kẻ bảo vệ khu vực cấm này phải hiểu rằng: Bác sẽ còn đứng đây cho đến khi nào đạt được mục đích - trình bày được nguyện vọng với viên chỉ huy cấp cao nhất, chứ không phải với cái gã Tansykbaev ăm ớ nào khác...

Nghĩ thế, bác thấy vững tâm hơn.

- *Taubakel!* Nếu chó có chủ, thì sói có Thượng đế! - Edigej tự cổ vũ mình như vậy, rồi bình tĩnh thúc con Karanar, nhằm thẳng hướng thanh gỗ chắn đường, tiến tới.

Mặt trời đã lặn. Chẳng mấy chốc thảo nguyên đã sập tối. Giữa lúc bác đang thúc con Karanar rảo bước đến khu vực cấm kia, bóng tối đã giăng đầy. Khi chỉ còn cách thanh gỗ chắn đường non nửa cây số, trước mặt bác đã chói lọi ánh đèn pha đặt trên nóc trạm gác. Càng đến gần chỗ người lính canh, Edigej càng vội. Bỗng một giọt nước mắt lăn dài trên mép yên. Con lạc đà này đâu có dính dáng gì đến câu chuyện của mình. Làm khổ nó ích gì kia chứ? Biết đâu một viên chỉ huy nào đó thấy nó, chẳng muốn tiếp, chẳng

muốn chuyện trò nữa, mà lại quát âm lên: "Ra khỏi đây ngay, nếu còn dắt theo con lạc đà kinh tởm ấy. Anh định tha nó đi đâu vậy? Tôi cấm anh vào gặp tôi!" - Và thế là hồng hét. Nhưng cái chính là Edigej chưa biết trò chơi ngông này của mình rồi sẽ kết thúc ra sao, bác có phải chầu chực lâu không. Thôi, chỉ bằng cuộc bộ một mình, còn con vật thì buộc chẳng hai chân lại, thả nó ra thảo nguyên. Nhờ có đói, nó vẫn lần được tí cây cỏ mà ăn.

- Cứ đứng đây chờ tao lát nhé, tao vào trong ấy xem thử sự thể ra sao - bác lầu bầu với con Karanar, nhưng thực ra là để trấn tĩnh chính mình. Dẫu sao cũng bắt nó quì xuống, để còn lôi các thứ dây nhợ cất trong túi, đeo trên yên, chuẩn bị ràng chân cho nó.

Edigej mò ~~mầm lục tìm~~ mấy sợi dây trong túi. Bốn bề lặng ngắt như tờ. Vắng lặng đến mức bác có thể nghe rõ cả tiếng thở của chính mình cùng tiếng côn trùng đập cánh vo ve và tiếng gọi nhau rĩ rả trong không trung. Lung linh trên đầu bác muôn nghìn vì sao vừa bất thần hiện ra trên nền trời trong trẻo. Vắng lặng biết bao, hết như thể đang chờ đợi một cái gì...

Ngay cả con Zholbars, vốn đã quen với cảnh tĩnh mịch miền Sarozek, cũng thấy bồn chồn. Rồi chẳng hiểu sao nó bỗng buột mồm kêu ăng ẳng mấy tiếng. Nó bực dọc cái gì trong cảnh vắng lặng này nhỉ?

- Mày lại quần chân tao rồi! - Edigej bực bội nói. Rồi bác chợt nghĩ: biết tính sao với con chó bây giờ? Vừa sửa soạn mấy sợi dây ràng chân con lạc đà, Edigej vừa ngẫm nghĩ cách thu xếp với con Zholbars. Con chó, rõ ràng dùng hông bắt nó ở lại bên ngoài. Đuổi đi, cũng chẳng ăn thua. Đến chỗ cửa công để thỉnh cầu này nọ, mà dắt chó theo, chẳng ổn chút nào. Nếu chẳng nói ra, người ta cũng cười thầm trong bụng: góm, lão già đến kiện cáo mà chẳng dắt ai theo, ngoài con chó xồm. Tốt nhất là dùng để nó chạy theo. Nghĩ thế, Edigej liền quyết định buộc nó vào một sợi dây dài, chằng vào dây thừng dưới bụng con lạc đà. Để cả hai con vật cùng dính chung một sợi dây, trong khi bác đi vắng. Thế là bác gọi con chó lại: "Zholbars! Zholbars! Lại đây!" - Và cúi xuống, để tròng cái thòng lọng vào cổ nó. Đúng lúc đó, bỗng có một cái gì xảy ra trên không trung, một cái gì chợt bay vút lên trời cao, kèm theo những tiếng động ì ầm mỗi lúc một to, như âm thanh phát ra từ một ngọn núi lửa đang phun. Và ngay trước mặt bác, ở một chỗ nào gần lắm, bên trong khu vực sân bay vũ trụ, bỗng dựng cao lên một cột lửa sáng loà, khủng khiếp, hướng thẳng lên trời. Edigej-Bảo Tuyết sợ hãi lùi lại, con Karanar rống to một tiếng, nhảy chồm lên... Zholbars hốt hoảng lao đến bên chân bác.

Đó là quả tên lửa - rôbôt chiến đấu đầu tiên, xuất phát theo chương trình lập hàng rào phong tỏa trên vũ trụ, thuộc chiến dịch "Vành đai". Tại Sarozek, lúc này đồng hồ chỉ tám giờ đúng. Sau quả thứ nhất, đã vút lên quả thứ hai, quả thứ ba, rồi nhiều quả nữa tiếp theo... Những quả tên lửa ấy tiếp nhau, dồn dập bay vào không gian xa xôi, để lập quanh Trái Đất một tuyến cảnh giới hoạt động thường xuyên, nhằm duy trì hiện trạng đã an bài trên Trái Đất, nhằm giữ nguyên vẹn những gì đã từng có và hiện đang tồn tại...

Bầu trời đầy lửa khối chụp xuống đầu Edigej... Con người, con lạc đà và con chó - những sinh vật hết sức bình thường ấy, kinh hoàng vùng bỏ chạy. Cùng hoảng hốt, cả ba cùng chạy bên nhau, sợ lạc mất nhau, chạy trên thảo nguyên rực đỏ, dưới ánh sáng của những cột lửa khổng lồ, soi tỏ mọi vật một cách rất đổi lạnh lùng...

Nhưng dù chạy như thế bao lâu chẳng nữa, cả ba vẫn thấy như họ đang đứng nguyên một chỗ, vì mỗi một tiếng nổ mới lại trùn lên trên đầu cả ba một khối lửa sáng lòe và một tiếng gầm dậy đất...

*

Cả ba vẫn chạy - con người, con lạc đà và con chó; chạy, không ngoái cổ lại - và thành linh

Edigej chợt thấy hiện ra, chẳng biết từ đâu, con chim trắng nhỏ, mà xưa kia từng cất cánh bay ra từ chiếc khăn choàng trắng của bà Najman-Ana, khi bà ngã từ trên yên xuống, vì mũi tên xuyên thủng ngực của chính đứa con trai *mankur* nô lệ, mà bà đã sinh ra... Con chim trắng ấy bay nhanh bên con người, thét vào tai con người, giữa tiếng gầm rú và những cột lửa chói lòa của mỗi quả tên lửa:

- Người là con cái nhà ai? Tên là gì? Hãy nhớ lại tên của người! Cha người là Donenbaj, Donenbaj, Donenbaj, Donenbaj, Donenbaj...

Và tiếng chim vẫn còn ngân mãi hồi lâu trong bóng đêm sâu thẳm...



Download Sách Hay | Đọc Sách Online



Mấy hôm sau, nhận được điện báo tin cụ Kazangap, người cao tuổi nhất Sarozek qua đời, hai người con gái bác Edigej, cô Saule và cô Sharapat, liền hối hả đưa cả chồng con từ Kyzyl-Orly về Boranly-Bảo Tuyết. Họ về, trước để viếng ông cụ, bày tỏ nỗi lòng thương tiếc, sau tiện thể ở lại chơi với bố mẹ vài hôm - quả là trong cái rủi lại có cái may.

Khi hai chị em cùng bầu đoàn phu tử bước xuống tàu, xuất hiện trước ngưỡng cửa nhà bác Edigej, ông bố lại đi vắng. Bà Ukubala lao ra

đón, vừa mếu máo ôm chầm lấy con, hôn lũ cháu, mừng rỡ khôn xiết, vừa nhắc đi nhắc lại:

- Ta ơn Thượng đế, tạ ơn Thượng đế! Thật vừa khéo! Bố sẽ mừng lắm đây! Phúc đức quá đi mất! Cả hai đứa cùng về một lúc, lại đưa cả nhà theo nữa! Bố sẽ tha hồ mà mừng!

- Thế bố đâu ạ? - Sharapat hỏi.

- Chiều, bố sẽ về thôi. Bố đi từ sáng, lên bưu điện, gặp ông trưởng phòng trên ấy. Bố đang có chút việc, nên cứ phải lên trên ấy suốt. Rồi mẹ sẽ kể cho nghe. O kìa, sao các con cứ đứng mãi thế này? Vào đi, vào đi chứ, nhà mình đây mà các con...



downloadsachmienphi.com

Những chuyến tàu ở vùng này, vẫn như xưa, chạy từ Tây sang Đông và từ Đông sang Tây...

Trải rộng hai bên đường tàu ở vùng này là những hoang mạc mênh mông - miền Sarozek và các thảo nguyên úa vàng thuộc miền Đất Giữa..

Cholpon-Ata, 12/1979 - 3/1980

THẾ GIỚI CỦA CON NGƯỜI VÀ CON NGƯỜI TRONG THẾ GIỚI

N. POTAROV



Hiện nay, từ trên các diễn đàn và các cơ quan ngôn luận có uy tín nhất, có một sự kiện đang được bàn tán xôn xáo: trong văn học-nghệ thuật Xô Viết đang dâng cao một làn sóng mới.

Tiếng vang động của làn sóng ấy không thể không dội thẳng đến bất kỳ ai đang chăm chú lắng nghe, đang dõi mắt ngắm nhìn vào đại dương mệnh mông của sách vở này.

Trên đầu ngọn sóng ấy, ngày một đường hăng nẩy sinh những hiện tượng được rộng rãi dư luận công chúng đồng cảm. Sự kiện đó, dĩ nhiên rất đáng mừng và đã được đánh giá xứng đáng trong Báo cáo tổng kết của Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô: "Thành quả của các nhà sáng tạo trong việc khắc họa những hình

tượng rục rở về con người Xô Viết hiện nay là điều không ai có thể chối cãi được. Những thành quả đó đang làm xúc động nhiều người, gây nên nhiều cuộc tranh luận sôi nổi, bắt buộc chúng ta phải suy nghĩ sâu sắc hơn về hiện tại và tương lai.

Những lời phát biểu đó hoàn toàn có thể dùng để nói về thiên tiểu thuyết này của CHINGIZ AJTMATOV.

Cần phải có bao nhiêu thời gian để tạo nên được một cuốn tiểu thuyết như GA XÉP BẢO TUYẾT (*)? Nếu tin vào ngày tháng đề ở cuối sách thì chỉ vừa bốn tháng. Điều đó vừa đúng lại vừa không. Chính xác hơn, có lẽ phải nói rằng: bốn tháng và toàn bộ cuộc đời của CHINGIZ AJTMATOV trước đây. Cuộc đời của một con người, một nghệ sĩ, một nhà hoạt động xã hội. Mặc dù ở đây ta không phát hiện được một chi tiết thực nào trong cuộc đời ông, một dòng bực bạch trữ tình trực tiếp nào của nhà văn.

Quyển sách mới này là nơi nhà văn gửi gắm toàn bộ tiểu sử, tâm hồn mình - từ những ngày thơ ấu, khi mới va chạm lần đầu với cái thiện cái ác, cho đến những phút giây cảm lạnh nặng nề và những lúc tâm trí chợt bừng sáng, khi đối diện với những vấn đề "đáng nguyên rủa" của

(*) Một cách gọi khác của thiên tiểu thuyết MỘT NGÀY DÀI HƠN THẾ KỶ.

tồn tại trên cõi đời - ở độ tuổi chín chắn, trưởng thành.

Là một nghệ sĩ từng thu hút được đông đảo công chúng trên khắp hành tinh, nhưng trước đây ngòi bút của ông chưa bao giờ đã vẽ nên một cách bao quát đến thế toàn bộ sự sống của con người và tồn tại của thế giới, trải dài trong mạch truyện từ những chốn sâu thẳm trong tâm hồn của một công nhân đường sắt bình thường, làm việc tại một ga xếp heo hút giữa thảo nguyên, cho đến tận những khoảng không xa xăm của vũ trụ.

Trước mắt chúng ta là kết quả sáng tạo của một tài năng biết ghi nhớ một cách sâu sắc những chặng đường lịch sử đã qua, biết cảm nhận bằng một con tim nhạy cảm lạ thường những nhịp đập sống động của thời đại cực kỳ phức tạp và đầy mâu thuẫn hiện thời, biết thể hiện tương lai một cách ngoan cường và dũng cảm đáng kinh ngạc.

Là kết quả sáng tạo của một ngòi bút văn xuôi bậc thầy, biết lắng nghe tiếng nói của tổ tiên vang vọng trong những xúc cảm về cái đẹp, trong những quan niệm về ý nghĩa của cuộc đời, cũng như thực chất của con người, tiếng bước chân của lịch sử, trong những trang sử thì không bao giờ mai một, trong những truyền thuyết và những điệu dân ca mộc mạc.

Là kết quả sáng tạo của một nghệ sĩ luôn say sưa nuôi dưỡng tâm hồn mình bằng cái vốn kinh nghiệm quý báu của nền văn hóa Nga và thế giới, khao khát được vươn lên "ngang tầm thời đại" về phương diện thế giới quan sáng tạo.

Tuy trung thành với cảm hứng nhân đạo trong mọi tác phẩm, tuy luôn sử dụng một bút pháp dễ nhận diện nhất, AJTMATOV vẫn luôn cố tránh tự lặp lại mình. Chính vì lẽ đó mà mọi ý định của các nhà phê bình muốn vẽ lên một chân dung "hoàn chỉnh" về ông, nhưng lại không đếm xỉa gì đến chiều hướng tìm tòi sáng tạo của ông, đều không khỏi gặp nhiều lúng túng.

Trước đây, khi vừa công bố "Truyện núi đồi và thảo nguyên", người ta xếp ngay ông vào diện các nhà văn lãng mạn. Ngay sau đó, bất thần, ông cất lên lời "Vĩnh biệt, Gun-xa-ru!" và, nghiêm nhiên bước sang phía các "Nhà hiện thực nghiêm khắc". Rồi, giữa lúc người ta coi ông là nghệ sĩ của bản làng quê hương, chẳng mấy khi cùng nhân vật của mình rời khỏi những thung lũng xanh tươi và những rặng núi cao tuyết phủ xứ Kirgizia chôn nhau cất rốn, bất thần, AJTMATOV lại thông báo với toàn thế giới tấn bi kịch của một nhóm dân chài người Nivkh, rời vịnh Chó hoang ra đi, rồi lạc thuyền giữa những dải sương mù dày đặc của Bắc cực, mãi không tìm thấy đường về. Và giờ đây, trong tác phẩm này, nhà

vẫn lại đưa ra đến với đất nước của những người Kazak anh em.

Trước đây, ta cảm thấy ngòi bút AJTMATOV đầy mới lạ, vì các trang viết nghiêm khắc, từ tốn, đậm đà chất hiện thực, cố lẩn tránh những gì có vẻ giạt gân, khá gần gũi với các truyền thuyết và huyền thoại; thì giờ đây, cả chủ đề viễn tưởng cũng đã mạnh dạn bước vào thế giới nghệ thuật của ông. Nếu sự kiện đó có làm chúng ta hơi sững sốt, thì việc xuất hiện những tiểu luận ngắn - khiêm nhường về kích thước, nhưng mang tính khái quát rộng lớn, bình luận về những cuốn truyện vừa in ra - trước ngày cuốn tiểu thuyết đầy tay này ra mắt ít lâu - hiển nhiên là hợp qui luật, vì tuy hơi muộn màng, tác giả thấy cũng đã đến lúc phải tiến hành tổng kết những bước đường đã qua của chính mình.

Tiểu thuyết GA XÉP BẢO TUYẾT không dày lắm về số trang. Nhưng về nghệ thuật, đây là một tác phẩm chứa đựng một nội dung phong phú lạ thường: nó tổng hợp một cách thật hữu cơ - theo chiều hướng cách tân - những động cơ sáng tác chủ đạo của tác giả và nhiều cố gắng tìm tòi, sáng tạo, về phong cách và nội dung tư tưởng của văn xuôi hiện đại.

"Tháo rời" thiên tiểu luận đầu tiên này của AJTMATOV ra thành từng tuyến chủ đề, từng mạch cốt truyện để phê bình, chắc chắn sẽ đơn

giản hơn là bao quát thật toàn vẹn tác phẩm, nhằm truyền đạt lại dưới dạng khái quát nhất những thẩm định chung về diện mạo của tác phẩm, về cảm hứng chủ đạo và thực chất các vấn đề nêu lên trong đó. Hệ thống hình tượng của tác phẩm, do tính đa nghĩa của nó, đã tỏ ra hết sức "bất kham", vì các tầng bút pháp - thể loại đa dạng cứ đan quện vào nhau rất sâu, khiến ý tưởng này hòa nhập vào ý tưởng khác, làm sáng chói lên một ý tưởng mới. Nhưng trong khi đó, ranh giới về thi pháp của tác phẩm lại phân định rất rạch ròi - đề tài về mối liên hệ giữa các thời đại, về việc phải ghi lòng tạc dạ những gì tốt đẹp của quá khứ, về sự kế thừa vốn kinh nghiệm tinh thần đạo đức và thẩm mỹ của các thế hệ trước, mà thiếu những "chất men" ấy, nhân cách con người sẽ lập tức suy đồi và héo hắt đi. Và, họa là nặng tai mới không nghe thấy tiếng chuông cảnh tỉnh thống thiết của tác giả ngân vang trên từng trang viết của thiên tiểu thuyết: hãy giữ gìn lấy hòa bình trên hành tinh, đừng để cho những lực lượng bạo ngược mặc sức tung hoành, hãy đem những thành quả sáng tạo của thiên tài con người, những thành tựu cực kỳ vĩ đại của cách mạng khoa học - kỹ thuật ra phục vụ cho quyền lợi của nhân loại.

AJTMATOV bao giờ cũng tỏ ra rất mực thủy chung với lý tưởng dân chủ trong cách chọn lựa

nhân vật chính. Thường thường, bao giờ ông cũng dẫn dắt chúng ta cùng các nhân vật chính tách xa những con "đường cái quan" trong lịch sử. Cả lần này nữa, cũng vậy: Các nhân vật trung tâm ở đây đều sống quanh quẩn tại xóm nhỏ Boranly-Bảo Tuyết với dăm nóc nhà, nép mình bên một tuyến đường sắt lớn, vắt ngang qua những dải thảo nguyên hoang thổ Sarozek bất tận. Tại đây, chỉ có tiếng bánh xe của những đoàn tàu chạy từ đầu này sang đầu kia cường quốc bao la của chúng ta mỗi ngày ngày nhắc nhở người dân trong xóm về cuộc sống căng thẳng của đất nước. Nhưng, Boranly tuy là một hòn đảo nhỏ giữa thảo nguyên, lại là một hòn đảo ấm áp tình người, là nơi dễ nghe có tiếng kêu cứu đầu tiên, dân trong xóm đã hối hả đến giúp đỡ ngay, nơi mà niềm vui của hàng xóm láng giềng cũng là niềm vui của chính anh, nơi mà việc chăm nom con cái kẻ khác cũng y như con đẻ của mình. Chẳng phải ngẫu nhiên mà mỗi lần đặt chân đến đây, nhà bác học địa chất có tâm hồn phóng khoáng AFANASIJ IVANOVICH ELIZAROV, người rất am hiểu lịch sử vùng đất Sarozek, người mà Edigej-Bảo Tuyết - nhân vật chính của tiểu thuyết này - rất mực trân trọng và hãnh diện được cùng kết bạn, đều cảm thấy ấm cúng như được sống giữa gia đình mình. ELIZAROV cũng cảm thấy sung sướng vì được kết bạn cùng ông già KAZANGAP, người cao tuổi

nhất vùng, người luôn bảo tồn những truyền thuyết lâu đời của miền Sarozek, mà cái chết của chính cụ đã khơi mào cho hành động của thiên tiểu thuyết, trong đó đã hòa nhập chặt chẽ quá khứ và hiện tại, những biến cố trước mắt và những hồi ức mới trỗi dậy trong tâm tư EDIGEJ, khiến bác đã quyết định phải thực hiện bằng được bất cứ giá nào ý nguyện cuối cùng của người vừa khuất - mai táng ông cụ tại nghĩa trang cổ của quê mình: ANA-BEJIT.

Trước mắt bạn đọc còn điếu qua nhiều nhân vật khác nữa, nhưng nếu như mọi khoảng cách trên miền thảo nguyên Sarozek bao la kia đều được đo bằng cự ly giữa chúng với đường tàu thì, mọi biến cố diễn ra với các nhân vật trong tiểu thuyết này đều được xoay quanh một cái trục khác - tính cách và số phận của EDIGEJ. Mọi việc xảy ra ở đây đều bị khúc xạ qua lăng kính ý thức con người, xưa kia vốn là dân chài vùng Aral, sau đó từng lăn lộn ngoài mặt trận trong những năm "Chiến tranh giữ nước", tất cả đều được tô đậm bởi những cảm xúc, tâm tư của con người đó, đều được đánh giá theo mẫu tâm hồn luôn coi trọng nhân phẩm và giàu lòng vị tha của con người đó.

Nói đến EDIGEJ không thể không nhắc tới con KARANAR - chú lạc đà hai bướu lực lưỡng và nhanh nhẹn - danh tiếng lẫy lừng khắp gần xa, vốn biết đáp lại tiếng gọi của bản năng trời

phủ một cách cuồng nhiệt, nhưng cũng gây nên nhiều chuyện lời thôi, đến nỗi có lần vì chú ta đem cái "nghệ thuật" đó ra thi thố mà cả làng đã phải nhón nháo lên vì sợ hãi. KARANAR hoàn toàn có quyền được đặt ngang hàng với các "nhân vật" khác trong tiểu thuyết, bởi lẽ chú cũng đã từng gắn bó với EDIGEJ trong nhiều sự kiện và bao nỗi rủi ro, mất mát và cũng đã hiện lên một cách sắc nét, với toàn bộ cái "tính cách riêng" của nó trong ý thức chúng ta. Thậm chí trong các nỗi đau không lối thoát và tình cảm trong trắng "chẳng phải phép" của EDIGEJ đối với người thiếu phụ góa bụa ZARIPA cũng được soi sáng với toàn bộ bề sâu của nó, bởi chính sự có mặt của nhân vật KARANAR bất kham này.

Dưới mắt những kẻ chuyên đi tìm cuộc sống phẳng lặng, thì EDIGEJ và người bạn già của bác - cụ KAZANGAP - quả là những kẻ kỳ quặc, đáng nực cười. Cái gì có thể giữ chân hai con người này suốt hàng chục năm ròng trên mảnh đất khô cằn đó? Cái gì đã bắt cả hai tự nguyện chịu đựng những nỗi khổ sở về thể xác và thường xuyên phải làm những công việc vượt quá sức người? "Để sống được ở các ga thuộc miền Sarozek, phải có tinh thần, nếu không sẽ gục ngã". Chính cảm giác về sự vững lòng đó đã được nuôi dưỡng lòng tự trọng của cụ KAZANGAP và của EDIGEJ, giúp hai người đủ sức thực hiện cái điều chẳng

phải ai cũng làm nổi, mà nếu thiếu nó, tuyến đường sắt huyết mạch kia của đất nước sẽ không hoạt động thông suốt được, làm nảy sinh nơi họ cảm giác là mình hữu ích và cần thiết cho mọi người. Sở dĩ có những người tinh thần vững vàng và kiên định - những nhân vật chính của chúng ta thuộc trong số đó - chính vì họ biết tự nuôi dưỡng mình như bằng sữa mẹ, tình cảm về nghĩa vụ. Và, đất nước Xô Viết chúng ta sở dĩ đã và đang đứng vững cũng chính là nhờ những con người ấy, những người biết nghĩ về cái chung như chính cái riêng của mình, nghĩ về người khác như chính bản thân mình.

EDIGEJ được nhà văn trân trọng vì ông là "người có tâm hồn cần mẫn", thường tự đặt ra cho mình những vấn đề phức tạp về cuộc sống và xả thân đi tìm lời giải đáp cho những câu hỏi đó. Tình cảm luôn rộng mở để đón lấy chất thơ và vẻ đẹp của cuộc đời, tâm hồn rất đổi gần gũi với thiên nhiên, EDIGEJ chẳng những có đủ sức cảm thông với hết thảy những gì rung động sự sống, mà còn biết đấu tranh khi lẽ phải bị chà đạp. Tất cả những nhân tố đó đã tạo cho nhà văn để đặt EDIGEJ - một công nhân bình thường - vào những mối quan hệ cực kỳ đa dạng với thế giới bao la của cuộc sống, để xuất phát từ cái riêng tư, cái cá biệt, đến với cái chung, cái phổ biến, cho phép nhà văn cùng chúng ta

đổi nhìn vào cái "giếng sâu thăm thẳm của lịch sử".

Cũng như ở các sáng tác trước đây, lần này AJTMATOV không những không né tránh những "chỗ đau" của quá khứ vừa qua, mà chắc hẳn còn cảm nhận chúng sâu sắc hơn, đặt chúng bên nhau để ngắm nhìn thật thấu đáo, cố tìm cho ra cái nguồn gốc tâm lý - xã hội chung của chúng. Ông còn đòi hỏi các nhân vật - EDIGEJ, ELIZAROV - phải ngắm nghĩ thật bền bỉ về cội rễ của những cái phi đạo lý trong tâm địa con người, về bản chất của sự dè tiện, sự nhẩn tâm, vốn khó lòng nắm bắt trong những biểu hiện cụ thể của chúng, khi con người đã trở nên suy đốn. Hai nhân vật đó vẫn chưa tìm thấy lời giải đáp thật thỏa đáng, chưa vạch mặt chỉ tráo được thực chất của chúng. Nhưng biết làm sao khác được, khi những câu hỏi đó lại là những vấn đề "muôn thuở".

Tuy chỉ thoáng qua, nhưng thiên tiểu thuyết này cũng đã nhắc lại với chúng ta những bước đi "quá đà" trong thời kỳ thanh toán giai cấp ku-lắc mà nạn nhân không phải chỉ riêng người cha của cụ KAZANGAP đã gục chết trên đường đi đày, mà chính cả bản thân cụ, vốn bị "hành hạ" quá quất nên đã phải mãi mãi bỏ làng ra đi, để tránh những đòn trừng phạt khốc liệt của những "kẻ đi quá đà" ấy. Trước mắt chúng ta cũng hiện lên cả những hành động lộng hành -

nghiệt ngã của những "lò xo ý thức thời hậu chiến" đã cướp mất tuổi hoa niên của người cựu giáo viên ABUTALIP KUTTYBAEV, đã từng phải chịu cảnh sống, theo lời nhà văn, "lạc loài" ngay giữa chính đồng bào mình.

Quá khứ của ABUTALIP - những ngày lăn lộn ngoài mặt trận, rồi những ngày trốn chạy khỏi trại tập trung của bọn phát xít Đức, và những năm chiến đấu trong hàng ngũ các chiến sĩ du kích Nam Tư, tiếp đến là những phần thưởng vì công lao mà anh đã đóng góp khi chỉ huy họ, và cả những vết thương trên người - toàn bộ cái quá khứ đó như một khối nam châm, đã hút về phía mình lòng căm ghét và sự nhấn tâm của người đời, xúi họ giương móng vuốt độc ác ra chop lấy người giáo viên, ngay cả lúc anh đã trốn chạy về tận xóm nhỏ Boranly "bị Thượng đế bỏ quên" này.

Tấn bi kịch của ABUTALIP, những nỗi thống khổ của gia đình anh là một sợi dây đàn căng quá cỡ. Câu chuyện về đời anh được tác giả xây dựng rất công phu, sao cho âm thanh của nó cứ ngân vang mãi, tạo ra những hòa âm có hình khối hết sức sắc nét. Nỗi bất hạnh của ABUTALIP, vì "bị cắt lìa ra, phải xa cái mà anh ta thân thiết nhất, bố một nơi con một nẻo", đã gây nên sự xúc động sâu xa không chỉ đối với những người thân thiết của chính anh. Trong tiểu thuyết đã có không ít những bằng chứng cho thấy nỗi

xúc động đó, "nó cứ hú dài đến đau nhói trong tai anh". Hơn nữa, đâu phải chỉ có thế! Cả vợ bác - bà UKUBALA, cũng đã bị làm tình làm tội, vì không thể dung dung với nỗi bất hạnh của kẻ khác. Bà đã hốt hoảng khi bắt gặp những cặp mắt của hai đứa bé nhà ABUTALIP khi nhìn những đoàn tàu ra đi và ghen ngào kêu lên: "Bố! Bố ơi! Bố đâu ạ!". Nỗi tuyệt vọng của đứa bé bị điêu đứng, những giọt lệ cô cút của nó - ai cầm lòng cho đang? Ở đây, AJTMATOV đã sử dụng một cách triệt để các phương tiện tác động có lẽ là lành mạnh nhất và dòn dấp nhất để khơi dậy trong ta lòng công phẫn đối với những bất công giáng xuống đầu ABUTALIP, người rất mực yêu thương hai đứa con dại và chỉ quan tâm đến tương lai lũ trẻ sao cho xứng đáng với danh hiệu con người.

"Mọi thứ ở đời đều phải trả giá" - câu nói ấy của KAZANGAP, theo tôi, là một tiền đề quan trọng của tác giả, nó cắt nghĩa rõ tại sao thiên tiểu thuyết này không những là một bài ca dũng cảm, ngợi ca những con người lao động cần mẫn, tận tụy và sức mạnh tinh thần của họ, mà còn là một "bản quyết toán", tính sổ với hết thảy những gì làm què quặt và ô nhục nhân cách, hãm hại bản chất tiềm ẩn của nhân cách. Phần đầu "bản quyết toán" đó là thiên truyền thuyết tuyệt vời về bộ tộc du mục Choang Choang cổ xưa, đã hủy hoại tinh thần của những kẻ bị

chúng bắt làm tù binh, biến họ thành những nô lệ "mankur", quên mất chẳng những dòng họ mà ngay cả bản thân tên tuổi của mình. Từ "mankur" ấy, nay mai chắc hẳn sẽ đi vào lời ăn tiếng nói thông thường hằng ngày, vì tính hình tượng và sức biểu đạt hàm súc của nó, để chỉ những kẻ đã mất hết tính người, mất hết nhân phẩm và vong bản. Trên cửa miệng các nhân vật chính, từ ấy đã bắt đầu mang sắc thái của một danh từ chung - "Mày là đồ mankur! Một gã mankur chính cống!" - EDIGEJ đã tự nhủ thầm như thế sau cuộc chuyện trò với SHABITZHAN - một gã băng nhắng, đầu óc rộng tuếch, hoàn toàn dửng dưng với những ký ức về người cha đẻ của chính hắn là KAZANGAP, - mặc dù ông đã từng chăm lo cho chính hắn đủ mọi đường, - hoàn toàn dửng dưng với lịch sử tổ tiên, với những giá trị tinh thần của cha ông xưa.

Tiểu thuyết đã đặt ra bao vấn đề, bao câu hỏi... Những vấn đề, những câu hỏi ấy như rình rập ta sau từng khúc ngoặt của cốt truyện, sau mỗi lần xuất hiện những nhân vật mới, những hình ảnh mới, thôi thúc chúng ta suy nghĩ, khơi dậy trong tâm hồn ta những nỗi lo âu, ngay cả khi ai đó trong chúng ta vẫn chưa hoàn toàn đồng tình với tác giả. Nhân thể tôi cũng muốn nói thêm rằng: thái độ của công chúng đối với GA XÉP BẢO TUYẾT, mà sự ra đời của nó đã trở thành một biến cố trong đời sống văn học

chúng ta, chắc chắn sẽ phức tạp hơn, mâu thuẫn hơn so với mức độ mà ta hình dung, nếu chỉ dựa đơn thuần trên những nhận định đã xuất hiện trên báo chí. Đây cũng là điều tự nhiên thôi, khi trước mặt ta là một tác phẩm đầy tài năng, đề cập đến những vấn đề do chính hiện thực sống động của cuộc sống xã hội, những khát vọng cháy bỏng của ngày hôm nay, chứ không phải do những suy tư của nhà văn giữa bốn bức tường, gọi nhắc. Hơn nữa, ai cũng biết rằng bản thân những quan niệm về nhiệm vụ của văn học, về phương thức mà văn học dùng để thực hiện vai trò xã hội - giáo dục của nó ở các loại độc giả khác nhau, không phải bao giờ cũng hoàn toàn như nhau.

Có thời, AJTMATOV đã cương quyết đoạn tuyệt (trong bài "Khát vọng tìm tòi") với cái "lý thuyết" chủ trương rằng "chân lý trong nghệ thuật là phơi bày những thiếu sót và khó khăn, những mặt tối của cuộc sống chúng ta". Cả giờ đây nữa, nhà văn vẫn thủy chung với chức năng của nghệ thuật là khẳng định cuộc sống. Nhưng càng trưởng thành, ông càng suy nghĩ sâu hơn, nhiều mặt hơn, tính đến đầy đủ hơn vốn kinh nghiệm nghệ thuật muôn hình muôn vẻ của thế giới, về bản chất và ngọn nguồn sức mạnh của nghệ thuật. Chẳng phải ngẫu nhiên mà ông đã từng nhiều lần nói đến sự cần thiết của văn học là phải "phát huy một cách có ý thức trong bản

thân nó cách tri giác cuộc sống theo kiểu chính kịch", phải tạo nên những tác phẩm có khả năng "thôi thúc con người suy tư sâu sắc, bắt con người phải xúc động tận đáy lòng". Trọng tâm của sáng tác phải chuyển từ việc khắc họa chất liệu cuộc sống theo lối định tính và định lượng ("mặt tối - mặt sáng", "tỷ lệ" ngoại tại giữa hai mặt đó trong câu chuyện được kể ra) sang việc nhận thức và soi sáng cái chất liệu ấy một cách thật thẩm mỹ - bằng tính năng động sáng tạo của nghệ sĩ, bằng những phẩm chất của lý tưởng, đạo đức của anh ta. Theo AJTMATOV, khi đánh giá khuynh hướng tư tưởng, âm hưởng xã hội của tác phẩm, nhất thiết phải tính đến nhân tố độc giả, liệu có đủ sức - nhờ nguồn sức mạnh tình cảm và tư tưởng mà tác phẩm đã khơi dậy trong họ - để dựng lên những "chiến lũy" nhằm bảo vệ cho chân lý hay không, ngay cả khi chân lý đang tạm thời thất bại trong cách miêu tả hiện thực của tác phẩm đang xét.

Có đạt được hiệu quả tương tự hay không trong trường hợp cụ thể này, khác - đó là vấn đề được đặt ra cho cả nhà văn, lẫn nhà phê bình phân tích tác phẩm của anh ta. Vì tác phẩm văn học và nghệ thuật càng lớn, càng rục rờ thì vai trò của nó trong cuộc đấu tranh tư tưởng cực kỳ khốc liệt vì khối óc và con tim của loài người càng to tát và càng quan trọng đối với nhà văn Xô Viết - như AJTMATOV đã từng viết

- khi anh ta xông thẳng vào chiến lũy kẻ thù tư tưởng của chúng ta "với ngọn cờ lẽ phải và niềm tin" phát cao trên tay.

Trong tiểu thuyết GA XÉP BẢO TUYẾT - điều đó đã được chính tác giả báo trước - nhà văn có nêu ra những "luật chơi" của riêng nó, những luật lệ mà chắc hẳn không phải bạn đọc nào cũng dễ dàng thấu hiểu và chấp nhận hoàn toàn. Vì thế, tôi nghĩ sẽ không thừa, nếu đưa ra một vài kiến giải về điểm này.

Trong những lời phát biểu của ông, AJTMATOV thường viện dẫn một tư tưởng của LEONID, rất được ông yêu thích: đi vào vũ trụ nhân loại sẽ có nhiều cơ hội để tự ngắm nhìn mình. Nhà văn còn nói thẳng ra rằng về phương diện đạo đức, loài người vẫn chưa đạt đến độ chín cần thiết, ngang với tâm hoàn thiện của khối óc và đôi tay, vẫn tỏ ra bất lực trước sự lộng hành của bản năng tự phát xã hội, thường dẫn đến những hành động phi lý trong quan hệ quốc tế và chính trị. Nhà văn nhận định: "Có lúc, nhân loại đã tìm ra được lối thoát thỏa đáng cho tình thế, nhưng thường thì vẫn cam chịu thất bại".

Có lẽ, chính nhận định sau cùng này đã xảy ra trong tình huống viễn tưởng được "mô hình hóa" trong tiểu thuyết GA XÉP BẢO TUYẾT. Bị giằng xé bởi bao mâu thuẫn, nhân loại đành chịu thua cuộc, và khi được "tự ngắm nhìn mình",

nhân loại đành cắn răng thừa nhận rằng mình chưa thật sẵn sàng về mặt đạo đức và tinh thần để tiếp xúc với một nền văn minh hoàn thiện hơn gấp bội, không hề biết đến bạo lực, chiến tranh, mà hai nhà du hành vũ trụ của hành tinh chúng ta phát hiện được trong một thiên hà khác - hành tinh Ngực Rừng. Thực ra, nói chính xác hơn, ở đây tác giả không ám chỉ đến nhân loại như nó vốn có, mà chỉ ám chỉ đến hai cường quốc lớn đang phối hợp nhau trên cơ sở song phương, "sóng đôi", đại diện cho hai hệ thống xã hội - chính trị đối lập. Và chính ở đây, trong dòng chủ đề viễn tưởng mang tính ẩn dụ, bao hàm trong bản thân nó cả một phác họa về một xã hội không tưởng, đã nảy sinh ra những tảng "đá ngầm", mà bản năng giai cấp của chúng ta, dù muốn dù không, cũng phải húc vào, và bất kỳ ai cũng phải lắng nghe hết sức chăm chú câu chuyện đó, một khi đang sống trong bầu không khí xã hội - chính trị rất đối bấp bênh trên hành tinh hiện nay.

Nhưng trước tiên phải dành vài lời để nói về một nét tương đồng hết sức bất ngờ giữa cái lô-gích "sóng đôi" đặc thủng trong chủ đề viễn tưởng với thiên truyền thuyết về gã "mankur" giết mẹ. Cái "Vành đai" bằng tên lửa bủa vây quanh Trái Đất, về thực chất, chẳng khác mấy với cái "shiri" bằng da sống, bao quanh đầu những kẻ nô lệ, hễ càng khô càng thít chặt lấy hộp sọ,

đến nỗi đã xóa nhòa toàn bộ trí nhớ của hắn ta.

Các tên lửa rô-bot được phóng lên những quỹ đạo giao nhau chung quanh Trái Đất để loại trừ mọi khả năng tiếp cận của những người trên các hành tinh khác với cái nôi lâu đời của nhân loại, và nhờ đó, chặn đứng mọi ảnh hưởng bất lợi ngoại lai, tác động đến cơ cấu sinh tồn ở đây, đến thế cân bằng đã hình thành giữa các lực lượng đối địch, đến bản thân nếp suy nghĩ của loài người. "Vành đai" bằng tên lửa có nhiệm vụ tước đoạt của nhân loại trên Trái Đất những "hồi ức về tương lai", mà hai nhà du hành vũ trụ vừa phát hiện được, những người vốn rục rịch trong lòng những khát khao hiểu biết và những mơ ước về cuộc sống hạnh phúc của nhân loại, bất chấp những qui định ngặt nghèo trói buộc họ. Gã "mankur" mất trí nhớ, đã giết mẹ không hề run tay. Hai nhà du hành vũ trụ kia cách ly vĩnh viễn với hành tinh quê hương, vì bị coi là những "kẻ không xứng đáng với nền văn minh Trái Đất".

Tội lỗi ấy, dù muốn hay không, chính chúng ta, người đọc - những đại biểu của nhân loại - phải nhận lấy. "Mọi cái đều liên quan đến tất cả chúng ta", - nhà văn nói. Vì theo qui luật cảm nhận nghệ thuật, đối với chúng ta, hiện thực hiện thời không chỉ đơn thuần là Vladivostor và San Francisco, những địa điểm trực tiếp có

liên quan đến biến cố viễn tưởng ấy, mà còn có cả EDIGEJ, người chứng kiến những cuộc xuất phát của các tên lửa được phóng lên để tạo thành hệ thống phòng thủ "Vành đai", và tất cả các nhân vật khác nữa. Và điều đó có nghĩa là hết thảy mọi việc xảy ra ở đây đều phải bị đưa ra phán xử trước phiên tòa đạo lý, "Sóng đôi" - như dấu hiệu chứng tỏ, là phần đóng góp cho chương trình vũ trụ đã ký kết là ngang nhau - biểu hiện của một cố gắng vượt lên trên những tính chất hiện tồn của hai lực lượng đó, cố gắng nhằm vươn đến lý tưởng: toàn bộ loài người phải được sống chung trong cùng một thể chế.

Tại diễn đàn hội thảo quốc tế các nhà văn, tổ chức tại Xôphi-a, AJTMATOV có phát biểu: "Giờ đây, tất cả chúng ta đều đang ngồi chung trong một con thuyền, còn bên ngoài con thuyền ấy là vũ trụ bất tận". Điều quan trọng đối với những ai đang ngồi trong "con thuyền" ấy, - kể cả mỗi chúng ta, những độc giả đang thưởng thức thiên tiểu thuyết này, dĩ nhiên, không phải chỉ là cố hiểu thật sâu (điều mà chính nhà văn mong mỏi) trách nhiệm riêng của chính mình đối với sự bình yên và vững chãi của cái nôi chúng ta đang cùng sinh sống, mà phải nhận rõ ai là kẻ trước tiên, muốn đem số phận của bao người và tương lai của nhân loại đặt lên giữa chiếu bạc. Lời đáp cho câu hỏi hoàn toàn không chút vô bổ đó đã được tác giả gửi gắm trong suốt

thiên truyện. Ở đây, ta có thể dễ dàng nhận thấy tác giả muốn dả động đến cái thói tật bùng bít sự thật - con đẻ của thứ quan niệm tàn bạo về lịch sử, mang tính chất giả tưởng, trong đó "paritet" không thể sống hòa thuận với "đặc quyền ưu đãi" về mặt đạo lý - nhân văn của bất kỳ ai. Chính vì lẽ đó, trong lời bình luận ở đầu sách - "Lời tác giả", - nhà văn đã không dả động đến những "trở ngại chính trị, tư tưởng và chủng tộc do chủ nghĩa đế quốc đẻ ra".

Ở đoạn kết, cả ba chủ đề: hiện thực trên Trái Đất, viễn tưởng và truyền thuyết về con chim Donenbaj, sinh ra từ mảnh khăn trắng của người mẹ già "mankur" nọ, đã quện chặt với nhau thành một nút thắt nổi cộm.

... Các tên lửa rô-bốt lần lượt được phóng đi, bầu trời Sarozek vang động và đỏ lôm những cột lửa khổng lồ. Tại thời điểm đó, cương vị của EDIGEJ, KARANAR và ZHOLBARS tựa hồ ngang nhau: "Con người, con lạc đà, con chó - những sinh vật rất đổi bình thường ấy, kinh hoàng vùng bỏ chạy. Cùng hoảng hốt, cả ba cùng chạy bên nhau, sợ lạc mất nhau..." Giá như thiên tiểu thuyết ấy đóng lại bằng bức tranh, tương tự như cảnh tận thế, thì hẳn ta có quyền ngờ vực tính thần lạc quan của tác giả trong quan niệm về lịch sử. Giá như... Nhưng tác giả đã dành cho chúng ta một đoạn kết ngắn ở cuối sách, nói rõ rằng: "EDIGEJ không cam chịu thua cuộc trong

vấn đề số phận của nghĩa địa ANA BEJT, bác sẵn sàng bảo vệ lẽ phải đến cùng.

Hễ ra đi, nhất định trước sau gì rồi cũng đến. Cho dù nẻo đường phải qua có gập ghềnh, khúc khuỷu đến đâu chẳng nữa. EDIGEJ đang dẫn bước trên nẻo đường cuộc sống, bất chấp mọi trắc trở gian lao, vì bạn bác, nhà địa chất ELIZAROV đã tin vào chân lý "lẽ phải ở đời là bất diệt", - đó cũng là niềm tin của chính bác.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online